

*Thư Viện Hoa Sen
chuyển qua định dạng sách Ebook PDF
từ nguyên bản ngày 21/2/2014*

MỘT CUỘC ĐỜI
MỘT VẰNG
NHẬT NGUYỆT

2

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời giới thiệu

Cuộc đời đức Phật là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều sử gia, triết gia, học giả, nhà văn, nhà thơ, nhà khảo cổ, nhạc sĩ, họa sĩ, những nhà điêu khắc, nhà viết kịch, phim ảnh, sân khấu... Và hàng ngàn năm nay đã có vô số tác phẩm về cuộc đời đức Phật, hoặc mang tính lịch sử, khoa học hoặc phát xuất từ cảm hứng nghệ thuật, hoặc từ sự tôn kính thuần tín ngưỡng tôn giáo, đủ thể loại, nhiều tầm cỡ, đã có ảnh hưởng sâu xa trong tâm khảm biết bao độc giả, khán giả, khách hành hương chiêm bái và những người yêu thích thưởng ngoạn nghệ thuật.

Tuy nhiên, qua văn chương, thi phú, hội họa, điêu khắc... một số tác phẩm không khỏi ít nhiều nhuộm màu sắc cá tính, tình cảm, phong cách, tầm nhìn hoặc trình độ nhận thức chủ quan của tác giả. Do đó, nhiều tác giả đã đánh tráo đức Phật lịch sử thành một nhân vật thần thoại, một đấng siêu huyền; những tác giả khác có dụng ý đánh đồng cuộc đời đức Phật với những hoạt động đầy chủ quan của mình, hầu phô trương bản ngã hay đề cao uy tín cá nhân, đã không ngần ngại biến đức Phật thành một con người tầm thường, dung tục. Và tệ hại nhất là không ít tác giả ngoại đạo có âm mưu phá hoại Phật giáo, đã khéo léo tôn vinh đức Phật lên tận mây xanh, nhưng thực ra là để xuyên tạc sự thật, đánh lừa quần chúng.

Thấy rõ điều nguy hại này, Sư Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) đã kiên nhẫn đọc rất nhiều tác phẩm, cùng những sử liệu đáng tin cậy để tìm tòi, tra cứu, đối chiếu, xác minh sự thật qua những chứng cứ di tích lịch sử, với tâm nguyện công hiến một tác phẩm vừa giàu tính văn chương nghệ thuật vừa đầy đủ những chi tiết khách quan và trung thực nhất về cuộc đời đức Phật.

Với lối văn kể chuyện, tất nhiên phải có nhiều đoạn văn chương hư cấu, chỉ cốt để chuyển mạch, để làm cho câu chuyện càng thêm thi vị, hấp dẫn, đồng thời làm rõ bối cảnh của những sự kiện lịch sử mà vẫn không làm mất đi ý nghĩa sâu xa, mâu nhiệm của những pháp thoại được trình tự trích dẫn một cách trung thực, đúng lúc và đúng chỗ.

Tôi trân trọng giới thiệu tác phẩm **“Một cuộc đời, một vàng nhật nguyệt”** đến quý bạn đọc để chúng ta cùng chia sẻ với tác giả lòng kính ngưỡng sâu xa một bậc giác ngộ đầy trí tuệ và vị tha nhân ái, một con người lịch sử nhưng siêu việt và sáng ngời như một vàng nhật nguyệt.

Trân trọng.

Tổ Đình Bửu Long, ngày 20-4-2008
Hòa thượng Viên Minh
Phó Ban Thiền Học
Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Về Thăm Lại Đức Vua Seniya Bimbisāra

Sau khi sinh hoạt của hội chúng đã tạm thời đi vào quy củ, nề nếp; đức Phật thấy thời tiết có nắng nhẹ, trời không lạnh lắm, thuận lợi cho việc du hành nên quyết định rời Gayāsīsa, đến kinh đô Rājagaha, đường xa chừng sáu do-tuần. Thấy đoàn sa-môn quá đông, khó khăn cho việc khát thực, đức Phật gợi ý với ba anh em Kassapa cho chúng đệ tử phân thành từng nhóm, mỗi nhóm chừng vài ba mươi người để đi độ thực rải rác các thôn làng. Vì đều là các bậc thánh nhân, ai cũng tỉnh giác, chánh niệm nên việc đến, việc đi, tá túc qua đêm chỗ này, chỗ kia đều sạch sẽ, thơm tất, không làm phiền đến ai, không làm tổn hại đến cả gốc cây ngọn cỏ. Tuy nhiên, đến ngày thứ năm, lúc gặp nhau tại một thung lũng, cách kinh thành chừng một do tuần, đức Phật còn giáo giới thêm rằng:

- Này các thầy tỳ-khưu! Chúng ta sắp đi vào kinh đô của một vương quốc giàu mạnh. Giáo pháp mà Như Lai đã chứng ngộ và tuyên thuyết các thầy đã thấu hiểu, đã chứng nghiệm; và bây giờ, giáo pháp ấy đang và sẽ bắt đầu đi vào cuộc đời, đi vào lòng người. Nhân dân kinh thành Rājagaha và đức vua Seniya Bimbisāra cảm nhận về giáo pháp ấy như

thế nào là tùy thuộc vào các thầy, tùy thuộc vào ngôn ngữ, khẩu giáo, tùy thuộc vào uy nghi, cốt cách, phong thái của các thầy! Như Lai nói ít nhưng các thầy sẽ hiểu nhiều! Hãy trân trọng!

Thế rồi, các nhóm tuân tự lên đường. Họ thâm hiểu lời dạy của đức Thế Tôn. Tôn giả Uruvelā-Kassapa có kiến thức khá thấu đáo về tình hình địa lý cũng như tình hình xã hội kinh thành Rājagaha, đã bàn với hai em và các đệ tử trưởng là nên tụ họp ở khu Rừng Kè có đền thờ Suppatittha cho đức Phật nghỉ ngơi tại phía tây nam kinh thành; là nơi rộng rãi, mát mẻ, không gần mà cũng không xa thành phố, ban đêm và ban ngày đều không bị sự ồn ào quấy nhiễu.

Hôm sau, cả kinh thành như bừng sáng lên, và xôn xao bàn tán về một ngàn vị khất sĩ áo vàng trang nghiêm, thanh tịnh đi qua cửa mọi nhà không phân biệt giai cấp, quý tiện, giàu nghèo. Khi nhận được chút ít vật thực, họ chỉ mỉm cười rất kín đáo rồi đọc nhỏ một lời kinh phúc chúc, không gật đầu và cũng chẳng cảm ơn ai cả! Họ cũng không nhận vàng, bạc, chỉ thọ những vật nấu chín... Thế rồi, đức vua Seniya Bimbisāra được các quan trình tấu rằng: “Sa-môn Gotama, nam tử dòng Sākya, sau sáu năm khổ hạnh, bây giờ tự xưng mình là Phật, là bậc Chánh Đẳng Giác hiện lãnh đạo một giáo đoàn có cả ngàn khất sĩ áo vàng đang tràn ngập kinh đô Rājagaha!” Nghe tin, đức vua Seniya Bimbisāra chột nghe một niềm vui lạ lùng bùng bùng trong huyết quản; và ông biết ngay đây là ai! “Đúng rồi! Đức vua nghĩ - Chỉ có người ấy, vị ấy, chàng trai anh tuấn, đẹp đẽ, quý phái ấy, sau nhiều năm lang thang tầm đạo, bây giờ đã chứng đạt được cái gì đó rất tối thượng, hiện đang đến kinh thành của ta đúng như lời hứa thưở trước!” Tức tốc, đức vua tụ họp ngay một số quan đại thần kỳ lão thân tín, hàng trăm bà-la-môn và nhân sĩ trí thức uyên bác, các gia chủ danh gia vọng tộc cùng với đông đảo tùy tùng, vệ binh... rầm rộ lên xe ngựa đến khu

Rừng Kè để thăm viếng cố nhân!

Tại chỗ phải lẽ, đức vua cho xe ngựa dừng lại rồi cùng với tùy tùng đi bộ vào, là thái độ kính trọng cần thiết, đã trở thành mỹ tục của quốc độ khi đức vua đi đến tham yết một vị đạo sư, một bậc giáo chủ uy danh! Biết tin đức vua đến, một người được xem là bạn cũ, một nhân vật quan trọng cho sự phát triển của giáo pháp sau này, đức Phật đã chuẩn bị sự đón tiếp: Một ngàn lễ hai vị tỳ-khưu tự động ngồi trang nghiêm, lặng lẽ thành nhiều vòng bán nguyệt trên một khu đất rộng, còn đích thân ngài cùng với tôn giả Uruvelā-Kassapa đi bộ ra bìa rừng.

Khi thấy đức Phật và tôn giả Uruvelā-Kassapa đi gần đến nơi, đức vua đã nhận ra ngay ngài cùng một vị sa-môn già lão, đạo mạo khả kính; nhưng lại chột đâm ra hồ nghi, chẳng rõ ai là người lãnh đạo giáo đoàn? Các quan đại thần và rất đông nhân sĩ trí thức đã nhận ra vị giáo chủ thờ thần lửa nổi tiếng bấy lâu nay bây giờ đã đổi phục sức, tướng mạo; chắc vị trưởng lão này là thầy của vị sa-môn trẻ trung kia!

Nhờ tha tâm thông, đức Phật đọc được sự suy nghĩ của đức vua và tùy tùng nên ngài quay sang hỏi tôn giả Uruvelā-Kassapa:

- Này hiền giả Uruvelā-Kassapa! Trước đây ông là giáo chủ thờ thần lửa, nay vì lý do gì mà ông lại từ bỏ sự thờ cúng ấy?

Biết được dụng ý câu hỏi của đức Phật và cũng muốn giải tan sự nghi ngờ của mọi người, tôn giả Uruvelā-Kassapa chấp tay cung kính trả lời:

- Bạch đức Thế Tôn! Tất cả mọi loại tế đàn đều vô ích và phù phiếm! Tất cả mọi loại tế đàn đều đưa đến đục lạt và phiền não chứ không thể đưa đến an vui và thanh tịnh! Vì biết rõ, thấy rõ như vậy nên đệ tử đã từ bỏ việc tế thần lửa!

- Vậy sau khi từ bỏ các loại tế đàn, ông tìm kiếm an vui

và thanh tịnh ở đâu?

- Chính là nhờ vào giáo pháp của đức Thế Tôn! Chính nhờ giáo pháp bất tử ấy mà đệ tử đã thoát ly tất cả mọi chấp thủ ở bên trong hay bên ngoài, ở nhân giới cũng như thiên giới. Hiện giờ, tâm trí đệ tử đã đạt được sự an vui và thanh tịnh của Niết-bàn!

Nói như thế xong, tôn giả Uruvelā-Kassapa quỳ xuống và đánh lễ ba lần sát chân đức Phật rồi tuyên bố ba lần: “Đức Thế Tôn là đạo sư của con! Con là đệ tử của ngài!” Dường như thấy vậy cũng chưa đủ để tuyên dương về đức Phật và đức Pháp; tôn giả còn hiển lộ thần thông, bay lên hư không cao một tầm cây thốt nốt rồi trở xuống quỳ lạy y chỗ cũ; lần thứ hai bay lên hư không cao hai tầm cây thốt nốt... đến lần thứ bảy cao bảy tầm cây thốt nốt đều được lặp lại như vậy...

Cách đánh lễ ngoạn mục và sự quy ngưỡng vô cùng tôn kính của tôn giả Uruvelā-Kassapa đối với đức Phật - không những xóa tan mọi nghi ngờ, không những xác định vị trí lãnh đạo tinh thần tối thắng của đức Phật - mà còn tạo một ấn tượng sâu đậm trong tâm trí của đức vua và tùy tùng: Cái vị được gọi là Phật ấy phải là người có trí tuệ và uy đức như thế nào; cái giáo pháp mà vị ấy chứng ngộ là giáo pháp ra sao mà làm cho vị tôn túc trưởng lão kia, là giáo chủ có địa vị lớn, có danh vọng lớn phải thần phục, quy phục và quỳ lạy như thế?

Bây giờ mọi cặp mắt đều đổ dồn về phía đức Phật. Họ thəm lặng chiêm ngưỡng. Họ giữ gìn sự yên lặng trong mỗi bước chân đi. Khi vào đến nơi, giữa Rừng Kè, nhìn cả ngàn vị sa-môn như một rừng đại định, họ cảm nhận một uy lực vô hình bắt họ phải thu thúc, giữ gìn thân khẩu ý!

Đức Phật mời đức vua và tùy tùng ngồi vào những nơi phải lễ, rồi ngài chậm rãi, đoan nghi ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Ba tôn giả Kassapa ngồi hầu sau

lung như ba trưởng lão hộ pháp!

Đức Phật nói vài lời thăm hỏi sức khỏe của đức vua, cảm kích sự viếng thăm của đức vua và quần thần, sau đó giới thiệu ba anh em tôn giả Kassapa cùng một ngàn đồ chúng của họ, bây giờ đều là bậc thánh nhân vô lậu đang ở trong giáo pháp của ngài!

Đức vua Seniya Bimbisāra như chìm ngợp trong không gian tịnh định, bây giờ mới tỉnh lại, nói lời tri ân đức Phật đã nhớ lời hứa xưa đến thăm quốc độ của ông; và cả kinh thành này sẽ cung nghinh đức Phật và giáo đoàn như đón tiếp những bậc quốc khách! Đức vua cũng không quên giới thiệu các vị lão thần, các quan đại thần, các nhân sĩ trí thức đều là thành phần chủ chốt, cốt cán, quan trọng đang phụ tá, tham mưu triều chính về mọi lãnh vực tương thuộc cho ông. Và cuối cùng, đức vua có ước nguyện rằng, giáo pháp mà đức Phật đã chứng ngộ sẽ đem đến sự hạnh phúc và an vui cho chúng sanh, cho nhiều người trong quốc độ xinh đẹp này...

Biết là thời khắc phải lẽ, đức Phật thuyết một thời pháp, ngài nói về những pháp tuần tự (thuận thứ). Đầu tiên, ngài nói về những tạo tác sai lầm từ thân khẩu ý sẽ đưa đến những quả báo đau khổ như thế nào. Ngài hướng dẫn một đời sống trong sáng và lành mạnh bằng cách giữ gìn thân khẩu ý qua những giới điều cần phải thọ trì, những phương pháp định tâm cần phải tu tập. Hạnh phúc và an vui ở cõi người được quyết định bởi sự chu toàn các bổn phận tại thế. Ai cũng phải có những nghĩa vụ cần phải hoàn thành, những trách nhiệm liên đới cần phải gánh vác. Về vua tôi, cha con, chồng vợ, thân bằng quyến thuộc, bạn hữu, làng xóm, quốc độ... đều có những khu xử phải lẽ, nhất định của đạo làm người. Phải biết tin tưởng vào các giá trị tinh thần thiêng liêng, vào Như Lai, giáo pháp của Như Lai cùng tăng đoàn thánh hạnh của Như Lai (tín); phải sống đời có giới hạnh (giới), phải biết nghe những điều hay, lẽ phải, nhất là biết

học hỏi giáo pháp của đạo giác ngộ nơi các bậc sa-môn chân chính (văn); phải biết cung kính, cúng dường Tam Bảo; tế độ, giúp đỡ những kẻ đói nghèo, hoạn nạn, tai ương, hoàn cảnh bất hạnh (thí); phải có trí tuệ biết lánh xa điều ác, làm các việc lành; phải thường trực sáng suốt và tỉnh thức trên lộ trình hướng thiện và hướng thượng (tuệ)... Đức Phật còn nói khá nhiều về bản chất của cuộc đời như những sự thật phổ quát cần phải được thấy đúng, hiểu đúng. Dukkha chính là sự thật phổ quát ấy! Đừng vì dục lạc, sân si và tham vọng mù quáng mà đánh mất những tỉnh niệm, giác niệm hằng ngày! Đây là sự sai lầm. Và chính sự sai lầm này làm cho dukkha chồng chất lên dukkha mà tạo nên khổ đau vô cùng tận. Đạo của Như Lai là đạo tỉnh thức, đạo giác ngộ - nên đạo ấy cần phải được thức tri, liễu tri, giác tri, minh tri tất thấy nguyên nhân của dukkha để tìm cách làm cho yên lặng chúng, chấm dứt chúng, đoạn diệt chúng! Tất cả nỗi khổ của trần gian, đời này và đời kia đều do con người tạo tác, tạo tác bởi sai lầm thì chính con người phải tìm cách xử lý, giải quyết lấy bằng sự đúng đắn của thân khẩu ý để điều chỉnh nó, hoàn thiện nó; không có vị thần linh, thượng đế nào xen dự vào đây cả. Thấy đúng đưa đến suy nghĩ đúng, hành động đúng! Và đạo lộ ấy, Bát chánh đạo, Như Lai đã tìm ra, đã chứng ngộ; và giáo đoàn của Như Lai cũng đang trên con đường ấy mà tìm thấy niềm hạnh phúc siêu thế... Tuy nhiên, hạnh phúc siêu thế ấy không ở đâu xa, không ở ngoài trái đất, không ở trên hư vô! Đừng đi ra ngoài thế gian, mà cũng đừng tìm kiếm lông rùa, sừng thỏ! Nó ở đây và bây giờ, nơi Như Lai và ở nơi hội chúng của Như Lai, đang ở đây, trước mặt chư vị! Nó như mặt trời lên thì bóng đêm tự lui! Nó như ánh nắng dọi đến thì mù sương tan! Nó như mây vệt thì trăng tỏ! Nó như mắt lành thì hoa đóm hết! Minh nhiên! Tự nhiên! Rỗng lặng! Chẳng có cái gì bớt mà cũng chẳng có cái gì thêm! Chỉ cần chúng ta thấy đúng như chân lý và sống

đúng như chân lý trong từng bước đi, trong từng hơi thở, trong từng khởi niệm - thì chúng ta đã tự giải quyết được bài toán sinh tử trần ai, luân hồi khổ đau muôn vạn kiếp...

Từng lời, từng chữ của đức Thế Tôn như thấm vào tâm trí và tim gan của hội chúng. Đức vua Seniya Bimbisāra càng nghe thì trí càng bừng sáng, tâm càng rộng mở. Sự điều chỉnh bản thân đã có câu trả lời. Sự hạnh phúc và an vui cho mọi người đã có lời giải. Lộ trình hướng thiện và hướng thượng đã chột trở nên thanh thang trước tầm mắt. Sung sướng quá, đức vua quỳ xuống, năm vóc sát đất, đánh lễ đôi chân trần có một ngàn cặm bánh xe của đức Thế Tôn:

- Bạch đức Thế Tôn! Thuở trước, hồi còn là một tiểu vương tử, đệ tử có năm điều nguyện ước. Ước nguyện thứ nhất là được kế vị ngôi vua! Ước nguyện thứ hai là được một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác đến viếng thăm quốc độ của mình! Ước nguyện thứ ba là được có duyên lành diện kiến, kính ngưỡng, đón tiếp đức Chánh Đẳng Giác ấy! Ước nguyện thứ tư là được đức Giác Ngộ ấy giảng dạy chánh pháp! Ước nguyện thứ năm là có thể thông hiểu được giáo pháp mà vị ấy đã tuyên thuyết! Kính bạch đức Thế Tôn, mầu nhiệm làm sao, hiện nay cả năm điều nguyện ước xưa kia đều đã được thành tựu viên mãn. Ôi! Giáo pháp bất tử đã được đức Thế Tôn khéo giảng nói bằng nhiều cách khác nhau, rất là sáng tỏ, rất là thiêng liêng! Ví như Người đã dựng lên cái gì đã bị quăng ngã xuống! Ví như Người đã ân cần chỉ đường cho kẻ lạc lối! Ví như Người đã đem một ngọn đèn vào nơi tối tăm để ai có mắt có thể trông thấy hình sắc mọi vật! Cũng vậy, đức Thế Tôn đã thuyết giảng chánh pháp với nhiều phương tiện thiện xảo, với nhiều ví dụ, hình ảnh sống động, cụ thể, với nhiều ẩn dụ sâu nhiệm dành cho kẻ trí nghe, tức khắc được chuyển hóa! Bạch đức Thế Tôn! Nay đệ tử xin nương tựa nơi đức Thế Tôn, nương tựa nơi Giáo pháp, nương tựa nơi Tăng đoàn thánh hạnh này! Xin

đức Thế Tôn nhận cho đệ tử được làm một cận sự nam từ nay cho đến trọn đời!

Đức vua Seniya Bimbisāra vừa tác bạch xong tâm nguyện thì cả phái đoàn tùy tùng đồng quỳ xuống và đều xin được quy y, xin được làm đệ tử. Đức Phật mỉm cười, ngài biết là họ đã có bất động tâm, đã bước chân vào đạo lộ an vui (Nhập lưu) nên bảo tôn giả Uruvelā-Kassapa hướng dẫn cho nhà vua, quần thần và tùy tùng đọc ba lần tam quy. Lời phát nguyện đồng tâm, đồng trí của mấy trăm người như rúng động cả rừng cây, vang vang giữa hư không! Sau đó, nhà vua thỉnh cầu đức Phật và tăng chúng quang lâm đến thọ trai ở hoàng cung vào ngày hôm sau. Đức Phật nhận lời bằng cách im lặng.

Sáng ngày, lúc bình minh rạng, với y bát trang nghiêm, đức Phật dẫn đầu, sau lưng là ba anh em tôn giả Kassapa cùng một ngàn vị tỳ-khưu lậu hoặc đã tận từ từ, chậm rãi bộ hành hướng đến hoàng cung của đức vua Seniya Bimbisāra. Vì là đi hàng một nên đoàn sa-môn như một con rồng vàng không lồ uốn lượn dài cả một phần mười do-tuần. Các thôn làng ngoại ô vừa khuất sau lưng, qua khỏi cổng thành nam thì đường phố đã hiện ra. Có lẽ sự nghinh đón đức Phật và giáo đoàn sa-môn của đức vua tối cao đã được thông báo từ chiều qua nên cả kinh thành như vào ngày hội lớn. Đường sá đã được dọn dẹp sạch sẽ, quang đãng. Đèn treo hoa kết khắp mọi nơi. Hương trầm, hương chiên-đàn thơm thoảng giữa không gian. Người người châu chực trước cửa mọi nhà. Rồi chỉ trong chốc lát, hàng ngàn, hàng ngàn người lũ lượt từ đâu đó đổ về đông nghẹt các lối đi! Có lẽ thông tin về đức Phật có tướng hảo quang minh và cả ngàn vị sa-môn trang nghiêm thánh hạnh đã tràn qua tai nhân dân thủ đô nên ai ai cũng tò mò, ai ai cũng muốn chiêm ngưỡng! Đến một ngã tư đường, lối rẽ phải đi vào hoàng cung thì đức Phật phải dừng lại vì đoàn người đã chặn bít...

Đúng lúc ấy thì một thanh niên xuất hiện. Với phục sức y mào cao sang vương giả. Với dung nhan cực kỳ tuấn tú, mỹ lệ. Như một vị thiên thần. Như vua của các vị vua. Thanh niên cúi đầu nghiêm cung đánh lễ đức Phật, cầm trên tay cây đàn Balūva nhiều dây rồi bắt đầu cất tiếng hát. Ôi! tiếng hát của chàng! Ôi! những ngón tay kỳ diệu của chàng! Âm nhạc và lời ca đâu tự cung trời thánh thót rơi xuống, đổ tràn khắp cả hư không! Cả rừng người bỗng yên lặng! Cả rừng người không một máy động. Cả rừng người như chìm ngập trong thanh điệu, cung bậc lạ lùng! Tất cả như mê man. Tất cả chỉ còn tiếng hát và ca từ phiêu diểu, mênh mang, vô tận...

“- Hôm nay giữa đất trời thanh hương tú lệ
Tại kinh thành của đức vua hiền thiện, anh minh
Chuẩn bị hoa hương và lễ phẩm cung nghinh
Đức Giác Ngộ và một ngàn sa-môn thánh chúng
Đức Phật ấy có hào quang xán lạn
Có ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp
Hãy hát lên, hãy tụng ca đạo lộ vô thượng của Người
Hãy hát lên, hãy tụng ca công đức sáng ngời
Trong tam giới không có ai bì được
Người đã giải thoát luân hồi sinh tử
Người đã lên đường với chân trần, gót bụi độ sinh
Người với bi mẫn, từ tâm giáo hóa chúng hữu tình...”

Chàng thanh niên bước đi, chậm rãi, thong dong, vô sự. Vừa đi vừa gảy đàn vừa hát. Cả rừng người chột chuyết động. Thanh niên bước sang một lối khác. Cả rừng người như bị hấp lực tự phát bị cuốn hút theo! Chàng thanh niên ấy, chính là thiên chủ Sakka hóa thân đang còn hát nữa. Chàng hát:

“- Thật là duyên lành hy hữu
Chúng ta mới làm được đệ tử của Người!
Thật là hạnh phúc làm sao

Khi chúng ta bước theo dấu chân của đức Tỳ Tại
Bước theo con đường xuân thắm hoa hương
Bước theo con đường trí tuệ và tình thương
Vô cùng vinh quang và vô cùng chiếu diệu...”

Khi đã tách được rừng người đi ra xa, khi đức Phật và Tăng chúng đã bước vào cổng hoàng cung, thiên chủ Sakka mới ngưng hát, ôm đàn biến mất, tức khắc xuất hiện ngay trước mặt đức Phật, cung kính đánh lễ ngài rồi trở về thiên giới.

Đức vua Seniya Bimbisāra, hoàng hậu Videhi (Kosaladevi, em vua Kosala), quý phi Khemā, hoàng tử Ajātasattu (A-xà-thế) và cả hàng ngàn quân thần, nhân sĩ... đồng đi chân đất một cách trân trọng ra tận ngõ môn để cung nghinh đức Phật và giáo đoàn.

Cuộc đón tiếp cực kỳ trân trọng được thiết trí tại điện châu rộng thênh thang. Toàn bộ mặt bằng sân đá đều được lót thảm nhung đỏ viền kim tuyến. Chỗ ngồi đều được sắp đặt dưới những căn lều vải, gấm vóc, lụa là màu sắc rực rỡ. Đèn, cờ, phướn đủ loại mắc võng, giăng hàng đầy khắp hoa viên, các lối đi. Những thảm hoa, những chậu hoa, những cây hoa chỉ trong một đêm mà được quy tụ về, trần thiết để đón tiếp bậc Vô Thượng.

Bảo tọa của đức Tôn Sư được tôn trí ở điểm trung ương, ba bảo tọa của ba tôn giả Kassapa cạnh sau lưng đức Phật, sau nữa là cả ngàn bảo tọa thấp hơn, mấy chục hàng kế tục dành cho một ngàn sa-môn tăng đoàn. Trước mặt là sân lộ thiên dành cho những nhân vật, quan khách của hoàng cung...

Đức Phật dừng lại cho người hầu dâng nước rửa chân, rửa tay trong cái thau bằng vàng rồi lau sạch bằng khăn thơm. Cả một ngàn lễ ba vị tỳ-khưu đều được đón tiếp quý trọng như thế. Khi đức Phật và tăng chúng an tọa, nhà vua quỳ lạy ba lần rồi tác bạch lý do cuộc đặt bát cúng dường, là

hạnh phúc của đức vua và hoàng gia, hạnh phúc cho quần thần và nhân dân cả nước. Quốc độ Māgadha giàu mạnh, tài sản lúa gạo sung túc, đời sống nhân dân no đủ... nhưng muốn có được hạnh phúc an vui thì phải biết sống theo chánh pháp, nương tựa vào chánh pháp. Vậy xin đức Thế Tôn và tăng chúng hoan hỷ chứng minh cho lòng thành của chúng đệ tử...

Sau lời thưa trình xong, tự thân đức vua bung mâm vật thực trong cái khay bằng ngọc, sốt thức ăn loại cứng loại mềm thượng vị vào bát cho đức Tôn Sư. Hoàng hậu, quý phi, các vị công nương, hoàng thân quốc thích, cung nga thể nữ, tỳ nữ, người hầu... lần lượt bung những mâm vàng, mâm bạc vật thực dâng cúng đến chư vị tỳ-khưu tăng.

Đức Phật và tăng chúng đọc lời kinh ngắn có ý nghĩa quán tưởng và phúc chúc sau đó thọ thực trong lặng lẽ. Đức vua, hoàng gia, bá quan triều thần... ai cũng có phần của mình, họ cũng đều thọ thực trong lặng lẽ. Đây là lần thứ nhất trong đời, ai cũng cảm nhận được một cái gì rất an tịnh, siêu thoát và rất thiêng liêng toát ra nơi uy lực của đức Phật và Thánh chúng.

Thọ thực xong, nước và tắm xia răng đã dùng rồi, bát đã được người hầu mang đi rửa sạch, lau chùi khô ráo, dâng trả lại; đức Phật bắt đầu cất giọng phạm âm như tiếng chuông đồng vang xa nhiếp phục cả hội chúng mấy ngàn người. Ngài chỉ nói về tam quy và ngũ giới là điều kiện căn bản, tất yếu, cần yếu để ngăn việc ác, hoàn thiện bản thân và đem thanh bình, an vui cho mọi người, mọi nhà và cho cả quốc độ.

- Này chư vị thức giả! Như Lai đã từ trong truyền thống và kinh điển Vedā mà bước ra, đã tự mài mò con đường, đã tự lực tu tập và chứng ngộ. Hiện nay, chư thiên, phạm thiên trong các cõi đã tôn xưng Như lai là vị A-la-hán, là Chánh Biến Tri, là Minh Hạnh Túc, là Thiện Thệ, là Thế Gian Giải,

là Vô thượng Điều Ngự Trượng Phu, là Thiên Nhân Sư, là Phật, là Thế Tôn... Những tôn xưng, những danh xưng ấy nhằm nói đến công hạnh và trí tuệ của chư Phật ba đời – là những bậc đáng cho chúng ta nương tựa, quy kính để hướng đến những giá trị tinh thần cao đẹp và thiêng liêng nhất trên đời này. Tất cả các đức Chánh Đẳng Giác đều không còn những sanh niệm trôi lăn trong vô minh, ái dục nữa (Vô Sanh). Các ngài đã phá tan tất cả mọi thứ giặc phiền não ở nội tâm cũng như ngoại giới (Sát Tặc). Những bậc như vậy thật xứng đáng cho chư thiên và nhân loại xưng tán, tôn trọng, cung kính, lễ bái, cúng dường (Ứng Cúng). Các vị Phật đều có cái thấy biết chơn chánh và toàn diện, giác ngộ chân lý và suốt thông tất cả (Chánh Biến Tri). Các ngài đều có trí vô thượng và có đức vô thượng nên luôn luôn minh mẫn, sáng suốt, luôn luôn có đức hạnh trong lành hoàn toàn (Minh Hạnh Túc). Lại nữa, các ngài không còn trở lại chỗ sinh tử khổ đau, đã khéo xuất ly luân hồi, các ngài ra đi mãi đến chỗ chí chân, chí mỹ, chí thiện mà không dính mắc; ra đi một cách an toàn, không chấp trước, vọng cầu (Thiện Thệ). Các ngài thấy rõ con đường đi đến ba cõi và đồng thời, thông suốt con đường xuất ly ba cõi (Thế Gian Giải). Những đức Chánh Biến Tri đều có thân khẩu ý trọn lành, tự mình điều phục và biết cách điều phục chúng sanh. Các ngài thông suốt nhân đạo là phải tu ngũ giới, thập thiện; thông suốt thiên đạo là phải tu bố thí, trì giới, tham thiền; thông suốt giải thoát đạo là phải tu giới định tuệ (Thiên Nhân Sư). Được tôn xưng là Phật vì các ngài hằng sáng suốt, tinh thức bất luận ngày hay đêm; các ngài giác ngộ Tứ Diệu đế rồi giảng nói cho chúng sanh (Phật). Và cuối cùng, được xem là xứng đáng được tôn vinh nhất trên thế gian (Thế Tôn).

Này chư vị thức giả! Vậy một người được gọi cư sĩ, khi họ quy y Phật thì đâu phải quy y một vị thần nào, một vị thượng đế mù sương bóng khói nào – mà chính họ đã tự trở

về nương tựa nơi những giá trị cao đẹp có sẵn trong lòng mình, trong tâm trí mình. Nó xem nhẹ các hình thức tôn giáo tín ngưỡng mà xem trọng sự tu tập, sự tỉnh thức, sự giác niệm trong mỗi lời nói, mỗi cử chỉ, mỗi hành động của chúng ta!

Này chư vị thức giả! Quy y Pháp là gì? Trở về nương tựa Pháp là gì? Pháp là chân lý, là sự thật! Chẳng lẽ nào một người cư sĩ lại không nương tựa nơi chân lý, nơi sự thật? Và đây cũng là chân lý, là sự thật mà Như Lai đã chứng ngộ và đang tuyên thuyết đến cho chư vị đây! Pháp ấy ai cũng có thể thành tựu được cả nếu được lắng nghe một cách nghiêm túc, thọ trì một cách nghiêm túc và tu tập một cách nghiêm túc. Pháp ấy cụ thể, thiết thực, hiện tiền, chư vị có thể thấy ngay lập tức, ngay chính nơi sự sống đang diễn ra hằng ngày. Pháp ấy không bị quy định bởi thời gian và nhân quả. Pháp ấy để dành cho trực thị, nội quán, nó ở ngay chính nơi thân tâm này mà bậc trí có thể tự mình chiêm nghiệm, nóng lạnh khắc biết... Vậy ai là người muốn được tiến hóa, muốn được thăng hoa các giá trị tinh thần cao đẹp đều phải trở về quy y nơi Pháp ấy cả...

Này chư vị thức giả! Còn quy y Tăng là trở về nương tựa nơi tập thể Saṅghā (Tăng-già)! Tập thể ấy không chỉ giới hạn ở số lượng một ngàn lẻ ba vị tỳ-khuru sống đời phạm hạnh, lậu hoặc đã tận ở đây, sau lưng của Như Lai! Tập thể ấy rộng lớn hơn nhiều; nó bao gồm chư thánh phàm tăng quá khứ, hiện tại và vị lai. Tập thể ấy gồm những người đã đắc đạo, đắc quả, đang đắc đạo đắc quả, sẽ đắc đạo, đắc quả. Và ai trong họ cũng đã, đang và sẽ hoàn thiện thân khẩu ý, sống lợi mình, lợi người; họ ngay thẳng, chính trực, sống hợp lẽ nghi, khuôn phép, quy củ xứng đáng mô phạm cho đời. Và cuối cùng, họ sống đời phạm hạnh thiêng liêng, trong sạch, thánh thiện vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người!

Này chư vị thức giả! Nếu giá trị Tam Bảo là như vậy thì có xứng đáng cho chư vị trở về quy kính và nương tựa hay chăng?

Câu hỏi của đức Phật vừa cất lên thì hằng ngàn người như một đều đồng thanh, đồng tâm, đồng trí thốt lên “Sādhu, sādhu - thật xứng đáng để quy y!”

Đức vua Seniya Bimbisāra khuôn mặt rạng rỡ khi thấy hoàng hậu Videhi, quý phi Khemā, hai người hai bên nắm hai tay hoàng tử Ajātasattu, bảy tuổi, đi đến chỗ đức Phật, dạy cách thức cho trẻ chấp tay búp sen quy lạy ngài rồi hai bà cùng nghiêm cẩn quy lạy theo. Và khi hai bà xin được làm lễ quy y Tam Bảo thì gần bốn ngàn người ở hiện trường đồng xin được quy y theo.

Cả không gian hoàng triều như nứt vỡ khi họ đồng quy lạy rồi đọc ba lần tam quy theo sự khởi xướng của tôn giả Uruvelā-Kassapa...

- Này chư vị thức giả! Đức Phật tiếp tục khóa giảng sau khi đã đặt đề hội chúng nơi tam quy - Muốn làm một thiện nam tử, một thiện nữ nhân thì tam quy không, chưa đủ, chư vị còn cần phải thọ trì ngũ giới nữa, tức là những giới điều để ngăn điều ác, phát triển những hạnh lành.

Giới là gì, chư vị có biết không? Giới là cái hàng rào để bảo vệ thân và khẩu; nó ngăn ngừa những nói năng và hành động xấu ác để cho mình có được một đời sống tốt lành hơn, hiền thiện hơn. Giới của Như Lai và của đệ tử của Như Lai không phải là tín điều mặc khải, bắt buộc; chẳng phải áp đặt người khác phải tin, phải thực hành theo. Giới của Như Lai được tự do trong nhận thức và tự do để phát nguyện, thọ trì khi thấy nó đúng, nó hợp với lẽ phải, đúng với đạo đức, mỹ tục ở trên đời, trong tương giao xã hội. Giới của Như Lai là những bài học để chiêm nghiệm, để tu trì và cuối cùng là để mà giác ngộ chứ không phải chỉ đọc tụng, thọ trì suông hoặc có tính cách nghi lễ, máy móc!

Này chư vị thức giả! Giới thứ nhất, phải thọ trì điều học, là kiêng cử, tránh xa hành động giết hại các loài hữu tình! Loài hữu tình là những chúng sanh có hơi thở, có thức tánh, có sự sống, chúng ta không nên xâm phạm, không nên giết hại! Tất cả chúng sanh bò, bay, máy, cựa dù nhỏ như muỗi mòng, kiến ruồi, lớn như chim muông, cầm thú đều ham sống, sợ chết, đều biết khổ, biết đau như tất cả chúng ta. Không lý gì mình biết quý trọng mạng sống của mình, mà mình lại đang tâm tiêu diệt, tước đoạt mạng sống của chúng sanh khác. Chẳng công bằng chút nào, có phải thế không? Là đệ tử của Như Lai, là người con của đạo giác ngộ, chư vị phải biết tôn trọng, quý trọng sự sống của muôn loài. Không những chỉ biết sống hòa bình với muôn người mà còn phải biết sống hòa bình với muôn vật. Phải thương yêu chúng, bảo vệ chúng! Và ngay cả quả đất vô tri, sông núi vô tình, không gian mây trời, thiên nhiên cỏ cây hoang dã cũng phải được đối xử phải lẽ, đừng quá thô bạo, tàn ác! Khi làm được như vậy là chư vị đã nuôi dưỡng được từ tâm, đem đến sự an vui cho chúng sanh muôn loại! Và chỉ cần giữ được một giới này thôi thì quốc độ này sẽ tốt đẹp biết bao nhiêu? Nó sẽ không có chiến tranh, hận thù! Nó làm cho mọi người biết yêu thương, đoàn kết, đùm bọc nhau. Các quốc gia khác giữ được giới này thì đâu còn xâm lăng, can qua, chém giết? Quân đội sẽ được giải thể để trở về làm ruộng, làm các ngành nghề khác để phát triển dựng xây đất nước! Các xưởng rèn đúc vũ khí giáo mác cung tên, các xưởng sản xuất quân nhu, quân dụng, các nhà tù sẽ biến thành trường học, bệnh xá, hoa viên để phục vụ cho an sinh xã hội! Quốc độ sẽ thanh bình an lạc như thời của các đức Chuyển luân Thánh vương vậy!

Này chư vị! Giới thứ hai là phải biết kiêng cử, tránh xa hành động trộm cắp, lấy cắp của người! Vật gì dù lớn, dù nhỏ, dù có giá trị hay không có giá trị, khi người ta chưa

cho, chưa bằng lòng cho thì không nên lấy cắp mang về sử dụng. Bất cứ thời đại nào, xã hội nào cũng tôn trọng quyền sở hữu và quyền có tài sản của mọi người được làm ra, được tạo nên một cách chơn chánh. Tài sản nào cũng do mồ hôi, nước mắt. Tài sản nào cũng nhờ thức hôm dậy sớm chăm lo công việc, nghề nghiệp. Tài sản nào cũng phải hao tâm tổn trí mới có được. Vậy thì lẽ nào, chúng ta lại bẻ khóa, nạy tủ, khoét tường để lấy cắp tài sản của người khác? Người có chút liêm khiết, có chút đạo đức, hiểu một ít công bằng đều không thể làm cái việc thất đức, bất nhân ấy được. Nếu vì nghèo đói, quá túng thiếu, vợ con đau ốm, thiếu cơm cháo, thuốc thang mà trộm cắp thì người có tấm lòng đại lượng có thể châm chước, thông cảm, khả dung; nhưng luật pháp vẫn không tha, định luật nhân quả nghiệp báo vẫn làm việc như thường! Trái lại, có những người giàu có, ăn sung mặc sướng, có của dư của để mà vẫn lường gạt của người, mưu mô thủ đoạn để ăn chặn, cướp giạt của người; sống trên mồ hôi nước mắt của kẻ đói nghèo thì tội ấy thật không thể dung tha, quả báo trả quả bất nhân ấy quả thật sẽ rất nặng nề vậy. Giới thứ hai này là một nguyên tắc đạo lý, là quyền sở hữu bình đẳng mà một bậc được gọi là thức giả phải biết tôn trọng, một người được gọi là thiện trí, hiền lương phải biết thọ trì nghiêm nghiêm, cẩn cẩn. Nó nuôi dưỡng lòng trắc ẩn, tâm bi mẫn đối với sự đau khổ mất của cải, tài sản của người khác... Nếu ai cũng giữ được giới này thì xã hội sẽ công bằng, tạo sự tin yêu và vui sống; nhà nhà không cần phải kín cổng cao tường, xích khóa lớp trong, lớp ngoài; cửa rơi ngoài đường không ai thềm lượm, nếu nhặt được cũng tìm cách trả về cho khổ chủ! Nay chư vị, trên quả đất này đã từng có những quốc độ được thanh bình và an lạc như vậy, không phải chỉ một, hai, mà là hàng trăm, hàng ngàn... Chỉ sợ chư vị thiếu nhiệt tình hộ pháp, an dân mà thôi!

Giới thứ ba là phải biết kiêng cử, tránh xa hành động tà

dâm, tà hạnh, xâm phạm tiết hạnh vợ con người khác. Hôn nhân một vợ một chồng sẽ tạo được sự bình ổn, an vui và hạnh phúc gia đình! Thủy chung và đức hạnh là nét đẹp truyền thống mà chúng ta nên giữ gìn và tôn trọng. Vợ chồng được cưới hỏi đủ lễ thì được gọi là chơn chánh. Sự lang chạ phi lễ được gọi là bất chánh. Được gọi là người trí thức trong giáo pháp của Như Lai thì chư vị phải biết điều tiết, chừng mực trong các mối quan hệ tình ái, vì chúng dễ đưa đến sa đọa và phá hoại hạnh phúc của gia đình người khác. Ngay cả lời nói sàm sỡ, tục tĩu, chọc gheo thiếu đứng đắn cũng nên tránh. Ngay cả ăn nói hoa tình, mắt liếc mày đưa, ưỡn ẹo vô duyên cũng đã đánh mất sự đoan chính rồi!

Giới thứ tư là phải biết kiêng cử, tránh xa nói dối, nói sai với sự thật, nói không đúng với sự thật hoặc có lại nói không, không lại nói có! Ngay chính những cách đặt điều, thêm thắt, dựng đứng câu chuyện mà nói lại càng tệ hại hơn. Có trường hợp nói độc ác, hung dữ hoặc vu oan vu cáo đưa đến bất hòa, chia rẽ hoặc có thể đưa người khác vào tội tù, tán gia bại sản thì thật là bất nhân, nghiệp báo sẽ rất nghiêm trọng. Cũng có những lời nói gây ra ngộ nhận, bất mãn, oan trái, oán thù thì cũng nên dè chừng, cẩn trọng. Là những thiện nam tử, thiện nữ nhân trong giáo pháp của Như Lai thì tất thảy những cách nói trơn như mỡ, ngọt như đường, rỗng không, khách sáo, phù phiếm, cay chua, nhạt nhẽo, tục tĩu, vô duyên... đều phải được tránh xa... Giáo pháp của Như Lai là giáo pháp như thật, tôn trọng sự thật nên phải lấy như thật, sự thật làm đầu. Được như vậy chúng ta bảo vệ được sự trung tín, tạo sự tin tưởng giữa nhau trong cộng đồng, xã hội. Giữa cuộc đời có quá nhiều sự lừa phỉnh, dối trá, vọng ngôn, vọng ngữ, ác khẩu, gạ gẫm, láo lùng, bất tín thì giới thứ tư này sẽ như một đóa hoa tươi thắm, hương thơm tỏa ngát giữa thế gian và trong lòng người...

Giới thứ năm là nên kiêng cử, tránh xa các loại rượu

men, rượu nẫu, các chất kích thích, say nghiện từ chất liệu này hay chất liệu khác. Chúng làm rối loạn thần kinh, lú lẫn tâm trí; sẽ không còn làm chủ được mình, đánh mất tư cách, nhân phẩm, hủy diệt tác phong đạo đức. Và khi mà đã nghiện say, sa đọa rồi thì không một hành động hung dữ, bạo tàn, xấu xa, hèn hạ, bỉ ổi nào mà không dám làm. Là nguyên nhân của nhà tan, cửa nát, vợ chồng bất hòa, đổ vỡ, phân ly; con cái bơ vơ không có nơi nương tựa. Là nguyên nhân để từ đó, coi thường, phạm luôn mọi giới điều khác, phá hoại nền nếp, kỷ cương an sinh xã hội. Những chất say còn nguy hại hơn độc dược. Độc dược chỉ giết chết một người, một đời nhưng chất say với những hậu quả của nó sẽ giết chết nhiều người, nhiều đời; và nghiệp báo đau khổ sẽ trả quả liên tục, kế tục mãi hoài nơi những cảnh giới tối tăm, thống khổ. Chúng giết chết các mầm giống lành tốt. Chúng giết chết đức tin, thiên định, trí tuệ. Chúng tạo thêm vô minh, bóng tối, địa ngục, phiền não và đau khổ cho mình, cho người, cho cuộc đời vốn đã quá nhiều bất an và bất hạnh này!

Hỡi chư vị thức giả! Như vậy, ngũ giới không những để kiện toàn nhân cách, hoàn thiện bản thân, nuôi dưỡng và phát triển những thiện pháp mà chúng còn là nền tảng an vui và hạnh phúc cho gia đình, làng xóm và quốc độ. Chúng cũng là điều kiện tất yếu để tạo nếp sống trong lành, cao đẹp cho đời sống văn hóa, văn minh trong xã hội loài người. Cuối cùng, chúng còn là nấc thang tiến bộ tinh thần trên lộ trình hướng đến giác ngộ, giải thoát là mục tiêu rốt ráo trong giáo pháp của Như Lai!

Đức Phật thuyết xong thời pháp thì cả rừng người rừng rừng chuyển động. Họ đồng quỳ lạy, tán thán và xin được nghiêm túc thọ trì vì lợi ích tối thượng của Tam quy, Ngũ giới. Đức vua Seniya Bimbisāra với khuôn mặt tươi sáng như trăng rằm, dường như đã chuẩn bị đầu đó sẵn sàng,

cùng với hai quan hầu đi hai bên bưng khay ngọc, bình ngọc đến bên chân Phật, quỳ lạy:

- Bạch đức Thế Tôn! Những lời giáo giới của đức Thế Tôn làm cho đệ tử rất an lành và hạnh phúc. Pháp bảo từ kim khẩu của đức Thế Tôn càng nghe càng minh mẫn, càng thấy rõ, biết rõ; một vị vua tốt thì nên làm cái gì và cái gì không nên làm! Từ nay, đức Thế Tôn và hình ảnh của thánh chúng, đệ tử phải được thấy hằng ngày để tự sách tấn mình; và khi nào đệ tử muốn nghe pháp để phát triển trí tuệ thì có thể đến hầu đức Thế Tôn một cách dễ dàng!

Bạch đức Thế Tôn! Nhà vua lại quỳ lạy – Phía bắc thủ đô, cách đây chỉ nửa do-tuần có một khu Rừng Trúc (Veluvana) rất tươi đẹp; ở đây rộng rãi, cây xanh mát mẻ, có suối, có hồ, nhiều cỏ, nhiều sóc, nhiều hoa thơm cỏ lạ, lại có nhiều hang động... Nơi này thuận lợi cho việc lui tới của đệ tử và triều đình, thuận lợi cho khách hành hương, thương mại từ phương bắc đến, phương tây sang; nó lại còn yên tĩnh cả đêm lẫn ngày, khá gần kinh thành mà lại không quá xa xóm làng. Đức Phật và Tăng chúng còn thuận lợi cho việc tĩnh cư, lại còn thuận lợi cho việc trì bình khát thực trong kinh thành hoặc quanh các ấp tự lạc; riêng đệ tử lúc nào nhớ Pháp, nhớ Đức Thế Tôn thì có thể đến lúc chiều tối hoặc đêm khuya lúc việc triều chính rảnh rỗi. Còn ở Rừng Kè thì xa quá.

Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử có tín tâm và lòng thành, xin dâng cúng đức Thế Tôn và Tăng chúng khu rừng Veluvana ấy, xin Người hoan hỷ dụng nạp vì hạnh phúc cho đệ tử, cho triều đình và cho cả vương quốc Māgadha nữa!

Đức Phật thọ nhận bằng cách chỉ mỉm cười. Đức vua Seniya Bimbisāra quỳ thẳng dậy thực hành nghi thức dâng cúng bất động sản theo phong tục. Một vị quan hầu bưng khay ngọc hứng ở dưới, một quan hầu trao cho vua một bình ngọc – trong đựng nước thiêng Soma - để đức vua đổ nước

ấy lên tay đức Phật. Ngài ôm vốc nước, giữ lại một chút trên tay rồi lâm râm chú nguyện quả phước hy hữu đến cho nhà vua: Các con đường nước này sẽ chảy tràn khắp mọi nơi mọi chỗ, chảy qua nhiều quốc độ và chảy vào lòng người, ai ai cũng được tắm mát, no đầy, sung mãn những giọt nước trong lành vi diệu của pháp bảo! Một cái gì rất là trang trọng, thiêng liêng đang diễn ra. Hàng ngàn đôi mắt chú mục vào một lễ nghi có từ ngàn xưa, tuy đơn giản mà trang trọng đã được đức Phật và một đức minh quân thể hiện rất là trân trọng và rất sống động. Ngay giây khắc ấy, chư thiên, phạm thiên khắp mấy tầng trời không ngớt hoan hỷ, tán thán; quả địa cầu rung chuyển mấy lượt, dường như cả chúng hữu tình, vô tình ấy đều cảm nhận và chứng kiến một biến cố, một sự kiện trọng đại: Giáo pháp bất tử đã đặt được nền móng đầu tiên tại một vương quốc giàu mạnh, do một vị vua có niềm tin bất động, là một vị thánh cư sĩ sẵn sàng hộ pháp đắc lực cho sự phát triển, hoằng hóa sau này!

Hôm ấy là vào một ngày đầu tháng năm, năm năm trăm tám mươi sáu trước Tây lịch, chừng vài tháng nữa là đến mùa mưa, đức Phật và một ngàn lẻ ba vị tỳ-khưu sa-môn đoàn đã có một cơ sở, một căn cứ địa lý tương tại Veluvana để tuyên dương giáo pháp.

Veluvana (Trúc Lâm Tịnh Xá)

Bước qua cổng thành bắc, theo con đường uốn lượn giữa hai dãy núi Vaibhāra và Virgūḷa, không bao lâu là đã đến Trúc Lâm: Cả một khu rừng trù mật trải rộng cả mấy chục dặm, không những lắm tre trúc mà còn rất nhiều loại cây thân mộc, thân thảo xanh lam lục biếc. Lại có hồ nước Kālaṇḍaka lớn rộng, trong xanh đủ loại súng sen ngoạn mục.

Đức Thế Tôn tản bộ cùng với ba tôn giả Kassapa đi thăm thú các nơi. Ở đâu cũng gặp sóc và thỏ. Ở đâu cũng thơm ngát hương hoa, hương lá, hương thiên nhiên trong lành dễ chịu. Một số hang động có thể ở được nhưng không thể chứa nhiều người. Vấn đề là phải dựng lợp cả ngàn cốc liêu rải rác, các công trình vệ sinh, ăn ở, sinh hoạt cho chur tăng vào mùa mưa sắp đến...

- Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Uruvelā-Kassapa thưa – Tuy công việc thật là bộn bề nhưng không phải là không làm được. Dù sao, chúng đệ tử đã quen thuộc với đời sống khổ hạnh; và hiện tại, ở đâu, làm gì cũng thanh tịnh và an vui cả!

- Ừ, ông nói đúng! Đức Phật mỉm cười – Như Lai rất hài lòng về tâm, về trí mà các ông đã thành tựu! Tuy nhiên, từ rày về sau, các ông hãy chịu khó chăm chuyên hướng dẫn

hội chúng tu tập, để cho các khả năng về định, về tuệ nhất là trí phương tiện của họ được sâu và rộng hơn nữa. Cái ấy cần cho giáo pháp. Vấn đề cốt lõi và mọi tiện nghi sinh hoạt liên hệ, từ rày về sau là bổn phận của cư sĩ, là trách nhiệm của cư sĩ, các ông khỏi phải quan tâm!

Buổi chiều, đức vua Seniya Bimbisāra và tùy tùng lại đến, ông thưa trình một việc quan trọng:

- Bạch đức Tôn Sư! Đêm qua, đệ tử nằm mơ, nằm mơ mà y như thật, có một bầy ma quỷ, đông lúc nhúc, hiện đến bên giường, ỉ ôi, tỉ tê than khóc, chúng la to những tiếng rất kỳ dị, đệ tử không hiểu ngôn ngữ ấy! Âm thanh lấp bấp không được rõ ràng cho lắm, dường như là: Mayamassu dukkhita peta...” thì phải! Nghe xong, đệ tử bèn hỏi: “ Quý vị là ai? Đến khóc lóc với ta như vậy là có ý gì?” Thế rồi, chúng hiện hình cho đệ tử thấy. Thật là ghê sợ. Thân hình của chúng chỉ là những bộ xương khô được bao bên ngoài một lớp da mỏng màu xám, màu xanh đen, màu tím bầm trông rất quái dị. Đứa cao thì cao như cây thốt nốt, như cây tre gai; thấp thì như đứa trẻ lên ba, như cây xương rồng không gai. Đầu của chúng như những trái bầu non phơi khô, mắt của chúng thụt sâu vào bên trong như những cái hố đầy máu, đầy ghen; cổ nhỏ và dài như cây kim, như cọng rơm; tóc dài như chùm cỏ dính bùn góm ghiếc thả xuống tận lưng, tận bụng, bụng là những cái trống cơm, trống châu... Chúng không có áo quần, và có lẽ đã không có gì ăn từ muôn triệu kiếp rồi. Thật là kinh khiếp, ghê sợ nhưng cũng thật là đáng thương hại!

Bạch đức Thế Tôn! Chúng là ai? Và bây giờ chúng đệ tử phải làm gì?

- Như Lai biết! Đức Phật mỉm cười – Và còn biết nhiều hơn thế nữa! Cái câu mà đại vương nghe không rõ, có nghĩa là chúng ngạ quỷ than khổ, than đói! Việc này không những liên quan đến đại vương mà còn nhân duyên với ba thầy

Kassapa cùng một ngàn vị tỳ-khuru ở đây nữa!

Nói thế xong, đức Phật cho tụ họp Tăng chúng rồi kể lại chuyện tiền thân của họ: “Vào một thời lâu xa trong quá khứ, cách đây đã vô lượng kiếp rồi, có một vị Chánh Đẳng Giác ra đời, ngài hiệu là Phussa. Hôm ấy, đức Phật ngự về kinh đô để độ cho phụ vương ngài tên là Seyyasena. Đức vua có đức tin rất vững mạnh và cũng vô cùng kỳ lạ: Ngài chỉ muốn độc quyền cúng dường tứ sự hằng ngày, chỉ muốn hưởng phước một mình chứ không cho ai xen dự vào cả! Thế là từ hoàng cung đến khuôn viên rừng cây xanh đẹp nơi đức Phật và chư tăng tạm cư, nhà vua cho làm hai bức bình phong bằng cây và bằng vải ngăn bít hai bên, giữa là để làm lối đi về của đức vua và hằng ngàn người phục vụ việc trai phạn cúng dường!

Nhà vua còn có ba vị hoàng tử, em đức Phật, được nhận trọng trách dẹp loạn ở biên cương. Họ đều là kẻ trí tài, võ dũng nên trong tay chỉ có một ngàn dũng sĩ, với thời gian ngắn đã bình định được cõi bờ, cư dân xa xôi được yên ổn. Vua cha tỏ lời khen ngợi và muốn thưởng một phần thưởng xứng đáng cho công lao của họ, nghĩa là tùy ý họ lựa chọn, muốn gì được nấy!

Hoàng tử thứ nhất có năm trăm thuộc hạ, hoàng tử thứ hai có ba trăm thuộc hạ, hoàng tử thứ ba có hai trăm thuộc hạ, trong một thoáng đã hội ý với nhau: Chúng con không xin ngai vàng, đất đai, châu ngọc, mỹ nữ mà chỉ xin được thay nhau cúng dường đức Phật và chư tăng trong bảy mùa an cư! Đức vua giật thót mình như đĩa phải vôi, cương quyết không cho, yêu cầu xin cái khác. Các vị hoàng tử cũng cương quyết giữ ý mình, nói xa nói gần, một vị minh quân phải xem trọng chữ tín, không thể thất hứa được. Thế rồi, mỗi bên rút lui mỗi ít, và muôn đời, chỉ phải biết luôn tròn kim: Cả ba vị hoàng tử được cúng dường trong một mùa an cư!”

“Thời ấy, thuộc nhiều đại kiếp quả đất trước - Đức Phật kể tiếp - tuổi thọ của loài người có nhiều muôn tuổi, dân chúng đông đúc chứ không ít ỏi như bây giờ. Thánh chúng của đức Phật Phussa luôn doanh vẫy mấy chục ngàn vị. Hãy thử tưởng tượng cả núi thực phẩm hằng ngày, hãy thử tưởng tượng hằng chục ngàn người phục vụ hằng ngày! Ba vị hoàng tử giải quyết khá thuận lợi và chóng vánh. Tất cả gia đình của các hoàng tử, gia đình của mọi chiến sĩ phải đảm đang việc phục vụ bên ngoài. Còn nữa, tài sản của ba hoàng tử được giao cho một vị trọng thần liêm khiết và uy tín nhất để trông coi sổ sách thu chi hằng ngày; rồi tất cả bà con, quyến thuộc, kẻ ăn, người ở của vị ấy cùng đảm nhận việc chợ búa mua sắm vật thực, bếp núc... Riêng ba hoàng tử và một ngàn chiến sĩ tùy tùng thì xin được vào tịnh xá, kê bên Phật, thọ bát quan trai giới, nghe pháp và tu tập thiền định!

Tất cả mọi công việc đều xuôi chèo, mát mái, tiến triển thuận lợi; chỉ duy có một việc phát sanh. Ấy là con, là cháu của những người phục vụ bếp núc, khi thấy những món ăn thượng vị, loại cứng, loại mềm chúng đòi ăn, khóc la om sòm! Thấy vật thực quá nhiều, lại thương con thương cháu nên lên lấy cho chúng ăn. Ngày này sang ngày khác, chẳng ai để ý, họ lại đem về nhà để cả nhà cùng ăn! Đúng ra, đây là vật thực đã có tác ý cúng dường đến đức Phật và chư vị thánh tăng; khi các ngài chưa thọ dụng mà tự ý lấy ăn trước thì tội rất trọng! Cái tội rất trọng này là do nhân quả nghiệp báo nó làm việc; là do không có phước mà thọ dụng phước lớn, thọ phước không phải của mình, được xem như trộm cắp phước! Do cái quả báo ấy mà rất nhiều thân nhân, quyến thuộc, kẻ ăn, người ở của vị lão thần thuở xưa bị đọa làm thân ngạ quỷ chịu khổ, chịu đói, chịu lạnh trải qua mấy kiếp quả địa cầu rồi! Vào thời đức Phật Kassapa, vị Phật có trước Như Lai, thấy rõ nhân duyên tội báo của chúng ngạ quỷ ấy, đã có nói với chúng rằng: “Khi nào trên địa cầu này xuất hiện

một vị Chánh Đẳng Giác hiệu là Sākyā Gotama thì ba hoàng tử thuở xưa cùng một ngàn chiến sĩ sẽ đăc quả A-la-hán trong giáo pháp ấy; vị lão thần thuở trước do đức liêm khiết, trong sạch, công chính sẽ làm vua nước Māgadha, tên là Seniya Bimbisāra. Các người vốn là quyền thuộc của đức vua anh minh ấy; và chỉ có oai lực công đức của đức vua ấy mới có khả năng cứu các người khỏi khổ, khỏi đói, khỏi rét lạnh của kiếp nạ quý mà thôi!”

Đức Phật kể chuyện xong, ai cũng lạnh cả người. Trong hội chúng thánh nhân chưa ai có khả năng tức mạng thông nhớ đến nhiều kiếp quả địa cầu như đức Phật nên bây giờ họ mới thấy rõ nhân duyên từ quá khứ như thế nào!

Đức vua Seniya Bimbisāra bàng hoàng, im lặng giây lâu:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử đâu có biết mình có oai lực công đức gì mà cứu họ?

- Có đấy! Đức Phật mỉm cười – Chúng nạ quý không ăn được vật thực của loài người, không mặc được những tấm sārī gấm vóc, tơ lụa của nhân gian! Chúng chỉ ăn và mặc được cái phước mà thân nhân quyền thuộc hồi hướng đến cho họ! Đại vương có khả năng thiết lễ đặt bát vật thực, cúng dường vải vóc đến Tăng chúng rồi sau khi thọ nhận, Tăng chúng sẽ chú nguyện, hồi hướng phước báu ấy đến cho chúng nạ quý! Cúng dường vật thực thì chúng nạ quý sẽ được ăn no, cúng dường vải vóc thì chúng nạ quý sẽ được mặc ấm! Chúng nạ quý ấy vốn là quyền thuộc của đại vương, thì chỉ có oai lực đại vương mới cứu họ được; Như Lai và Thánh chúng chỉ làm phận sự của người đưa thư, nhận phước và trao phước mà thôi vậy!

Quỳ lạy năm vóc sát đất, đức vua Seniya Bimbisāra thốt lên:

- Ôi! Kỳ diệu làm sao, bạch đức Thế Tôn! Đệ tử sẽ hoan hỷ phát tâm thiết lễ đặt bát vật thực, cúng dường vải vóc,

nhiều loại lễ phẩm phụ tùy khác đến đức Tôn Sư cùng Tăng chúng thánh hạnh suốt một tuần lễ tại hoàng cung. Ngoài ra, đệ tử cũng xin phát nguyện kiến thiết xây dựng toàn bộ khu Trúc Lâm này. Đệ tử sẽ cho làm ngay vài ngàn cốc liêu, đại giảng đường, thiền đường, nhà khách, nhà ăn, các công trình phụ về vệ sinh, nhà tắm, sân bãi, vườn cảnh, lối đi kinh hành, nhà kho, trạm xá... đâu đấy đều chu đáo và hoàn chỉnh để dâng cúng đến đức Tôn Sư và giáo đoàn, hy vọng sẽ phát triển lớn mạnh trong nay mai nữa! Hạnh phúc thay khi được làm người hộ pháp cho giáo pháp bất tử!

Đức Phật mở lời tán thán công đức vĩ đại của nhà vua, đồng thời khởi khen mô hình phác thảo tịnh xá Trúc Lâm như là công trình tôn giáo có giá trị thế kỷ tại đất nước này vậy.

Sau chỉ một ngày làm phước, cúng dường đức Phật và Thánh chúng như ý muốn, đêm ấy nhà vua nằm mộng thấy các vị trời rất cao sang và xinh đẹp, đồng hiện đến để tri ân và báo tin cho ông hay là họ đã no đủ, đã sung sướng, đã thoát kiếp ngạ quỷ, sinh làm chư thiên ở trong sự cai quản của Tứ đại thiên vương. Ngày hôm sau, với tâm trạng lâng lâng, nhà vua đến bạch Phật kể lại câu chuyện; nhân tiện, suốt cả sáu ngày liên tiếp, đức Phật thuyết về các cảnh giới, lần lượt trình bày về nhân về quả từ Địa ngục cho đến cõi trời Phi phi tướng. Sau thời pháp, lệnh bà Videhi và hàng trăm người khác đác quả Tu-đà-hoàn.

Đức vua ngày nào cũng hỷ lạc, khuôn mặt rạng rỡ; tức tốc truyền cho các vị đại thần có khả năng chuyên môn về thiết kế đã hoàn thiện bản vẽ đúng theo ý tưởng phác thảo của ông; sau đó, dự toán nhân công, vật liệu để xây dựng Trúc Lâm tịnh xá (Veluvanārāma) kịp thời cho đức Phật và thánh chúng an cư mùa mưa! Công việc được tiến hành ngay tức khắc...

Riêng đức Phật chiều nào cũng bận rộn nói đạo, thuyết

pháp cho con em các gia đình quý tộc, quan lại, các giới cấp nhân sĩ; sau đó lại đến gia đình các thương gia, phú thương, và một số trí thức, học giả bà-la-môn. Giáo pháp mới lạ được mọi giới tiếp thu. Nhà vua đã được đức Phật và giáo pháp cảm hóa một cách sâu sắc và mầu nhiệm. Với số tuổi ba mươi mốt, đức vua đã đủ chững chạc để nhận chân giá trị luồng tư tưởng mới, vừa rọi sáng tâm trí, vừa đưa vào cuộc sống, cải cách chính sách, phổ cập cái hay cái đẹp đến cho mọi nhà. Hàng ngàn, hàng ngàn quan lại, chiến sĩ, thị dân noi gương nhà vua để theo đạo mới. Có lẽ trong số ấy cũng có một số xu thời, nhưng đa phần là sự tín thành hoặc bị thu nhiếp bởi nhân cách sáng rõ, bởi đời sống thanh tịnh của đức Phật và chư vị thánh nhân. Giới hoàng gia, quý tộc, võ tướng (sát-đế-ly) bị thu hút vì tính cách cao thượng của các giá trị tinh thần, có thể đem ra áp dụng để phục vụ nhân quần, xã hội. Giới bà-la-môn nhân sĩ trí thức bị thuyết phục bởi sự chính xác, minh bạch, khúc chiết, sâu rộng của những tư tưởng triết học hàm tàng trong các buổi thuyết giảng của đức Thế Tôn. Giai cấp thương gia, phú thương, chủ ngân hàng, chủ nghiệp đoàn (vệ-xá) thì vô cùng ủng hộ giáo pháp vô thần trong sáng, chơn chánh ấy; vì rằng họ đã từng tốn kém, đứt ruột bỏ ra cả núi của cải tài sản, lễ phẩm, hàng trăm hàng ngàn cừu dê... để lo tiểu tế, trung tế, đại tế đến đủ mọi loại thánh thần huyền hoặc mong được mua may bán đắt, hoành phát hoành tài! Rồi nuôi không cho bọn bà-la-môn ăn trắng, mặc trơn đủ đờn với vợ con thì thiếp đùm đề từ trang trại bóc lột sức lao động tốp nô lệ này sang điền trang cướp giạt không công nhóm nô lệ khác! Các giai cấp dưới như thợ thuyền, kẻ làm công, tiện dân lao dịch nặng nề, bản thủ (thủ-đà-la, chiêm-đà-la) thì vô cùng sung sướng được thấy mình có giá trị, đồng đẳng với các ông hoàng, bà chúa; ngay chính đức Phật, trước là một vị vua, một bậc tối thượng như vậy mà cũng ôm bát xin ăn trước cửa mọi nhà không

phân biệt giàu nghèo, quý tiện! Quả thật, trong một thời gian rất ngắn mà đức Phật đã trở thành một biểu tượng thiêng liêng, mà, hào quang của ngài đã làm lu mờ tất cả các vị thánh thần trong truyền thống tôn giáo cổ xưa. Sự thành công này thật đáng kinh ngạc vậy!

Sự hoằng hóa thuận lợi là vậy, nhưng hôm kia, đức Phật nói chuyện với ba tôn giả Kassapa rằng, một giáo hội được gọi là hoàn toàn thì không chỉ có bấy nhiêu, nó còn cần phải hội đủ nhiều điều kiện, cần nhiều yếu tố nhân duyên khác hỗ trợ nữa! Mai này chúng ta còn cần nhiều đức vua hộ pháp, cần nhiều hoàng hậu, quý phi, thứ phi, công chúa, cần nhiều thánh đệ tử nam nữ cự phú hộ pháp... Về phía Tăng đoàn, chúng ta còn cần nhiều vương tử, hoàng thân, đại thần, võ tướng, tổng trấn, quý tộc, học giả, nhân sĩ, bà-la-môn, thương gia, thợ thuyền, kẻ cùng đinh, gã thợ săn, người nuôi thú, người đánh cá... của nhiều tiểu quốc xuất gia; cần những sa môn đệ nhất về trí tuệ, đệ nhất về thần thông, đệ nhất về đầu-đà, đệ nhất về thuyết pháp, đệ nhất về thiền định, đệ nhất về đa văn, đệ nhất về luật, đệ nhất về pháp, đệ nhất về độc cư, đệ nhất về mật hạnh, đệ nhất về phước báu... quy tụ nhiều tinh hoa phong phú, đa dạng như thế mới mong phát triển xa rộng được!

Nghe đức Phật phác thảo chương trình hành động có tầm chiến lược như thế, cả ba vị tôn giả mới thấy rõ trí tuệ vượt bậc, tầm nhìn vượt bậc của ngài!

Lúc nhà vua cho các quan đại thần mang nhân công và vật liệu đến công trình, tôn giả Uruvelā-Kassapa hỏi đức Phật, là chư tăng có được phép giúp sức một tay trong việc xây dựng hay không?

Đức Phật đáp:

- Làm được nhiều việc lắm, này Uruvelā-Kassapa! Ngoài thì giờ đi trì bình khát thực, vào mỗi buổi chiều nên rút ngắn lại một ít thời gian học tập, công phu để phụ giúp

việc này việc kia. Hội chúng bây giờ đều là bậc thanh tịnh, chưa có vấn đề; nhưng sau này sẽ đông đảo hơn thế; và khi mà có nhiều phạm tăng thì sẽ có những phức nhiễu, phức tạp nảy sinh. Lúc ấy, Như Lai sẽ tùy nghi chế định những học giới...

Thế rồi, công trình xây dựng rộn ràng bắt đầu. Nadī-Kassapa và Gayā-Kassapa chiều nào cũng có mặt ở công trường để đốc thúc các vị Tăng trẻ trong mọi công việc. Trong lúc ấy thì lác đác những vị tỳ-khưu trong nhóm năm ngài Koṇḍañña, năm mươi vị của nhóm Yasa và bạn hữu, đang hoảng hóa ở các vùng lân cận đều trở về thăm và đánh lễ đức Tôn Sư. Họ trình bày với đức Phật những khó khăn cùng những thuận lợi trên con đường hoảng hóa... Trong không khí ấy thì hai ngôi sao xuất hiện, trở thành cánh tay mặt, cánh tay phải của đức Tôn Sư để đẩy mạnh thêm bánh xe chánh pháp, đó là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên)!

Hai Vị Đại Đệ Tử

Tại một ngôi làng Nālakagāma cổ xưa (sau này thành lập trường đại học Nālanda), cách thủ đô Rājagaha chừng một do-tuần, có gia đình dòng tộc Upatissa là nơi xuất sinh của tôn giả Sāriputta. Thân phụ ngài tên là Vangaṇṭa, làm trưởng giáo bà-la-môn, thân mẫu ngài là bà Rūpasārī. Ngài được gọi tên theo mẹ: Sāriputta (Xá-lợi-phất hay Xá-lợi Tử) con trai của bà Sārī; đôi khi gọi theo tên dòng tộc: Upatissa! Ngài là con trai trưởng, sau ngài còn có ba anh em trai là Cunda, Upasena và Revata; ba chị em gái là Cālā, Upacālā và Susipacālā (sau này đều đắc quả A-la-hán).

Ngôi làng Koliṭagāma bên cạnh là nơi sinh trưởng của tôn giả Moggallāna. Thân phụ ngài làm lý trưởng (trưởng thôn), thuộc giai cấp sát-đế-ly, được xem là giới thượng lưu; thân mẫu ngài thuộc giai cấp bà-la-môn, tên là Moggallānī. Ngài được đặt tên theo mẹ: Moggallāna; đôi khi gọi theo tên làng là Koliṭa!

Tôn giả Sāriputta và tôn giả Moggallāna đều có tướng mạo đẹp đẽ, thông minh đỉnh ngộ; ra đời cùng năm, cùng tháng, cùng ngày, cùng giờ; đều thuộc gia đình cự phú trong làng, kế truyền dòng dõi trí thức và đều là con cầu tự!

Thuở nhỏ, hai vị đã là bạn hữu thâm tình với nhau; cả

hai đều được trang bị một sở học căn bản, chu đáo, vững chắc. Sáu tuổi đã được các thầy bà-la-môn uyên bác dạy các môn vệ sinh thường thức, văn phạm, cú pháp, học thuộc lòng một số thánh ca, kệ thơ được rút ra từ Upanishad; một số phương pháp hít thở, điều thân, điều khí dựa theo Hatha-yoga. Bảy tuổi, trẻ bắt đầu học thêm các môn ngữ pháp, thi, văn phức tạp, tán tụng, thâm âm, xướng âm; đạo đức và luân lý phổ thông dựa theo luật Manu. Thấy sức học của trẻ như thần đồng nên tám tuổi lại được học thêm số học, hình học, đo lường, tự nhiên học! Chín tuổi học thêm về kiến thức thiên văn, địa lý, y dược; tập đọc kinh, đọc chú, tế lễ, cầu nguyện. Mười tuổi đến mười bốn tuổi đi sâu, đi xa hơn các môn đã học. Mười lăm đến mười bảy tuổi - bắt đầu học môn luận lý, chiêm tinh, thuật số; lần vào tư tưởng triết học Vedā, Vedantā, Upanishad; học thuộc lòng các trường ca Bhagavadgīta, Rāmanaya, anh hùng trường ca Mahābharata... Thật là một tham vọng quá lớn của các đức thân sinh, nhưng hai trẻ lại theo học rất say sưa, và môn nào các thầy giáo cũng đều phải thán phục. Và nghiêm nhiên, họ đã vượt thầy lúc lên mười tám tuổi do sở học của họ còn có thêm chiêm nghiệm và suy luận. Từ đây, khi họ đã có được sở học và phong độ của những bậc đạo sư lỗi lạc nhất, nhưng chính họ lại sinh ra thao thức, trăn trở; càng học nhiều thì họ càng rối mù! Những lúc du sơn ngoạn thủy, ai cũng đoanh vây bên mình hơn trăm môn đệ. Họ chỉ dạy cho môn đệ thật nhiều, nhưng chính bản thân lại không giải quyết được bài toán sinh tử của lòng mình!

Năm hơn hai mươi tuổi, cả hai đều bị thúc ép lập gia đình, nhưng họ từ chối khéo léo. Trong lúc cả hai đều là niềm hy vọng lớn lao để kế thừa huyết thống và kế thừa sự nghiệp thì họ lại xin xuất gia, đi theo đoàn du sĩ! Cuối cùng, với rất nhiều khó khăn, đến độ cả hai dường như bị trục xuất khỏi tông môn dòng dõi, họ mới được thỏa nguyện sống đời

xuất gia đạo sĩ!

Thế rồi, họ tự cắt tóc, quàng áo đạo sĩ, ôm bát ra đi. Họ không ra đi một mình mà còn kéo theo hai trăm năm mươi môn đệ. Sau nhiều ngày tháng lang thang tìm đạo, nghe danh đạo sĩ Sañjaya, hai người tìm đến rồi xin sáp nhập vào đạo tràng này, làm cho hội chúng ở đây lên đến năm trăm người, trở nên đông đảo, thanh mậu hơn nhiều. Từ đây, ngày tháng trôi qua, hai chàng có cơ hội vừa tu tập vừa tìm hiểu thêm các giáo phái ở trong truyền thống và các giáo phái ở ngoài truyền thống. Chỉ hơn năm sau, hai tôn giả nhận thấy sở học, sở chứng của thầy cũng không được bao lắm, không giải quyết toàn bộ nghi vấn về tâm linh, họ lại xin ra đi. Đạo sĩ Sañjaya lấy làm tiếc hai người học trò ưu tú, đang làm cho ông tăng thêm uy tín, rạng danh thiên hạ nên khẩn khoản mời ở lại và sẵn sàng giao hội chúng cho hai tôn giả với danh vọng, địa vị, lợi dưỡng chẳng ai bì được! Thảm mím cười cho mục đích tâm thường, dung tục của thầy mình; hai vị lễ độ chối từ rồi ra đi theo tiếng gọi vô thượng từ nhân duyên tiền kiếp: Phải tìm cho ra đạo lộ chân phúc và bất tử!

Hai trăm rưỡi môn sinh xin đi theo, nhưng hai tôn giả bảo họ nên ở lại đây, chờ đợi lúc nào tìm ra lộ trình giải thoát sinh tử khổ đau, sẽ không quên họ đâu!

Thế rồi, dầm mưa, dãi nắng, đạp tuyết, đội sương - đầu trần, chân đất, vài tấm vải che thân, bình bát xin ăn – hai chàng theo con đường bộ hành thương mại lên phía bắc. Từ các thôn làng, thị trấn, rừng núi hể nghe nơi nào có đạo sĩ nổi danh là hai chàng tìm đến! Và hai chàng còn chịu khó tìm đến cả những đạo sĩ ẩn danh để mong những lời chỉ giáo! Hết mấy chục tiểu quốc phương bắc, len lỏi vào các vùng hẻo lánh, thâm u ở tuyết sơn, hai chàng lại quay sang các tiểu quốc phương tây, băng qua cả những sa mạc cháy lửa nhưng tìm ra bậc đạo sư chơn chính, có trí tuệ siêu đẳng, vẫn không tìm thấy! Kiến thức và sự thấy biết của họ vẫn

loanh quanh luân quần trong tam giới, vẫn còn vi tế phiền não và khổ đau! Bỏ phương tây, từ thượng lưu sông Gaṅgā hai vị tôn giả men theo các quốc độ xuôi chảy về phía đông, ghé hai thành phố Payāga và Bārāṇasī trú ngụ rồi xuống Pāṭaligāma, rồi trở lại quê hương, kinh thành Rājagaha!

Thế đấy, cuộc ra đi tìm đạo của hai tôn giả thật vô cùng gian truân, còn nhiều khô và vất vả hơn tất cả những khổ hạnh sư trên đời này. Đã nhiều năm lắm rồi – mà họ cũng không còn nhớ chính xác là bao nhiêu năm; bây giờ, nước da đôi bạn đã sạm đen, phong trần; tuy thân thể có gầy đi nhưng đôi mắt như tinh anh hơn, sáng rực hơn; và bên trong như còn ngọn ngút lửa, ngọn lửa thao thức tuyệt đối, ngọn lửa không đầu hàng hư vô, bóng tối, māyā! Tuy những bước chân trở lại có vẻ bất lực, thất bại nhưng họ chưa bỏ cuộc, nhất định còn lên đường tìm kiếm nữa; nên trước khi tạm thời chia tay, họ cam kết với nhau rằng: “Nếu ai tìm ra con đường Chân phúc và Bất tử trước, thì người ấy tức khắc thông báo cho người kia và ngược lại”.

Tôn giả Assaji, một vị trong nhóm ngài Koṇḍañña, trên bước đường du hóa ghé về hầu thăm đức Phật ở Trúc Lâm, sau đó đang đi trì bình khát thực.

Nhân duyên kỳ diệu đã đến.

Hôm ấy, du sĩ Upatissa (Sāriputta) vừa chia tay với du sĩ Kolita (Moggallāna), đang trên đường về thăm lại đạo sư Sañjaya sau nhiều năm xa cách thì trông thấy tôn giả Assaji. Upatissa nhìn sững! Từ màu y vàng hoại sắc đến chiếc bát gỗ trên tay, cho đến phong thái, uy nghi đều toát ra một cái gì rất lạ thường, rất khó nói mà từ bao nhiêu năm qua, lê gót lang thang khắp mọi chân trời chàng chưa hề nhìn thấy! Xem kia, có cái gì vừa trang nghiêm vừa khiêm hòa trong từng bước đi trầm tĩnh, nhẹ nhàng, trong đôi mắt nhìn xuống ôn nhu và vắng lặng! Tất cả đấy, cái hiển lộ ra ấy, phải có một cái gì rất ổn định, một cái gì dừng lặng rất sâu xa ở phía

bên trong: Cái không còn lao xao, lảng xảng tìm kiếm! Vị đại đức khả kính nọ đang khoan thai, chùng mực đi từ nhà này sang nhà khác, nhận lãnh chút ít vật thực khiêm tốn từ tấm lòng của mọi người có cái gì đó rất từ bi mà cũng rất trân trọng! Chính cái cốt cách rất siêu phàm mà vô cùng bình dị ấy của bậc chân tu đã lôi cuốn, hấp dẫn Upatissa một cách mãnh liệt! Chàng chưa bao giờ gặp được một sa-môn, một bà la-môn, một đạo sĩ, một du sĩ có được một nhân cách nom có vẻ bình thường mà cũng thật là vĩ đại như vị đại đức này! Chắc chắn ngài, vị này, là một trong những người đã đắc quả A-la-hán (là lý tưởng phổ thông thời ấy giờ), hay ít ra là một trong những vị đang đi trên con đường dẫn đến đạo quả vô thượng ấy!

Upatissa tự nhủ: “Ta hãy đến gần ngài và hỏi rằng: Vì sao ngài thoát ly thế tục? Thầy của ngài là ai? Và giáo pháp ấy là giáo pháp gì?” Tuy nhiên, thấy tôn giả Assaji đang yên lặng trì bình, Upatissa không dám làm phiền rộn ngài!

Tôn giả Assaji đi bát xong, hướng mắt đến vùng ngoại ô cất bước. Upatissa vẫn cung kính, lặng lẽ theo sau, tự nghĩ: “Chắc chắn ngài đang tìm đến một nơi an tịnh phải lẽ để độ thực, ta sẽ tìm cách hầu hạ ngài như một người đệ tử. Rồi ta sẽ hỏi pháp”.

Tôn giả Assaji biết có người theo sau, ngài tự nghĩ: “Mấy ông du sĩ ngoại đạo này thường cống cao, ngã mạn; chúng không biết rằng, khi đức Thế Tôn xuất hiện như mặt trời, mặt trăng ở trong đời thì tất cả giáo phái chủ, giáo phái sư, chân sư, đạo sư... trên châu Diêm-phù-đề này chỉ còn là những ngọn đèn le lói, những con đom đóm lập lòe! Ủ, nhưng mà ta hãy xem ông du sĩ này muốn gì?” Đến một lùm cây cao có bóng mát, tôn giả Assaji dừng chân lại. Upatissa biết ý, nhanh nhẹn lấy tấm tọa cụ của mình đặt trên một đám cỏ bằng, sạch sẽ rồi thưa rằng:

- Xin ngài hãy an tọa ở đây mà độ thực! Xin ngài hãy

hoan hỷ tiếp thọ tấm lòng thành của đệ tử!

Tôn giả Assaji gật đầu, mỉm cười, bình lặng ngồi xuống rồi nhẹ nhàng đặt bình bát ở trước mặt, thông thả độ thực. Ngài dùng chậm rãi, từ tốn, an trú chánh niệm, rớt ráo hiện quán, rớt ráo tinh thức. Upatissa đứng một bên, vòng tay cung kính, nét mặt trang nghiêm, bình lặng.

Một ý nghĩ chợt khởi sanh trong tâm tôn giả Assaji: “Người này, vị du sĩ trẻ tuổi, tuần mỹ phi phạm và rất mực lễ độ này đã biểu lộ một cái gì đó rất khác thường! Ta chưa từng thấy ai, biết ai trong hàng ngoại đạo, lại toát ra vẻ trí thức, đạo hạnh và khiêm cung rất mực như thế! Phải chăng đây là một đóa kỳ hoa khi được ánh nắng siêu thoát của đức Tôn Sư rọi đến?” Thế rồi, lúc tôn giả vừa rời tay khỏi bình bát thì Upatissa đã nhanh nhẹn và cẩn trọng dâng nước rửa tay, nước uống và tấm xia răng, là những vật phụ tùy mà các du sĩ hành cước luôn mang sẵn bên mình, với cung cách của một đệ tử rất thuần thực trong bốn phận phải làm! Tôn giả Assaji im lặng thọ nhận, tự nghĩ: “Không phải không duyên cớ mà y đi theo sau ta, lại cung kính phục vụ, hầu hạ ta với tư cách của một người đệ tử lễ phép, ngoan ngoãn. Vậy ta hãy tìm chỗ phải lễ để nghỉ ngơi, an trú tâm giải thoát rồi xem thử ý đồ của y ra sao!”

Tôn giả Assaji đứng dậy. Upatissa nhanh chóng thu dọn mọi thứ rồi thưa:

- Có lẽ ngài muốn tìm một nơi khác để tĩnh chỉ? Đệ tử xin được đi theo, có việc gì xin ngài cứ tùy nghi sai bảo!

- Tôi đã hoan hỷ thọ nhận tất cả những mỹ ý của ngài rồi, vị du sĩ trẻ tuổi đáng mến ạ! Tôn giả đáp - Nay là thời khắc phải lễ để nghỉ ngơi vào buổi trưa, tôi không dám làm phiền nữa đâu! Chẳng hay tôi có thể giúp đỡ cho ngài được việc gì?

Upatissa thỉnh tôn giả ngồi xuống trở lại trên tấm tọa cụ của mình, quỳ đánh lễ rồi bạch:

- Đệ tử lang thang tìm đạo đã nhiều. Đệ tử đã lê gót ta bà khổ hạnh khắp cả hằng trăm quốc độ, nghe đâu có các bậc đạo sư, chân sư thì tìm đến để học hỏi. Đệ tử ở trong truyền thống bà-la-môn, đã học hỏi hết tất cả thấy kinh điển hiện có trên đời, cũng đã từng tu tập tất cả mọi con đường để dẫn đến với Phạm thể. Thế nhưng, cuối cùng vẫn bế tắc và khổ đau. Bao năm qua, đệ tử đã khẳng khái phát tay từ bỏ chúng, bước ra ngoài truyền thống; rồi cũng học hỏi với rất nhiều đạo sư, chân sư không thừa nhận uy quyền của thánh kinh Vedā, Upanishad nhưng Chân phúc và Bất tử vẫn không tìm thấy!

Bạch ngài, vị sa-môn khả kính! Đệ tử chưa từng thấy ai có được ngũ quan trong sáng với bước đi trầm thản và an tịnh như ngài. Cốt cách và phong thái của ngài mới bình dị, tịch tịnh và siêu thoát làm sao! Đệ tử chiêm ngưỡng ngài rồi tự nghĩ: “Đây đúng là nhân cách của bậc vĩ nhân A-la-hán hay ít ra là cũng đang trên đường đi đến đạo quả A-la-hán.” Vậy xin ngài hãy dạy cho đệ tử biết, vì mục đích nào mà ngài thoát ly thế tục? Có ai làm tôn sư của ngài trên đời này không? Ngài thọ giáo với ai? Và giáo pháp mà ngài thọ giáo ấy như thế nào?

Tôn giả Assaji chăm chú lắng nghe, tự nghĩ: “Đúng là y đã nói tận đáy lòng. Đúng y là một du sĩ có học thức, có trí năng, có hạnh kiểm. Đúng là y đã từng nỗ lực cần cầu sự an ổn, vượt thoát mọi khổ ách trên đời này!” Sau đó, ngài đã khiêm tốn trả lời, thái độ khiêm tốn là đặc điểm tính cách của chư vị thánh nhân:

- Tôi đã đọc được sự thành khẩn và sự chân thật trong cung cách của ngài du sĩ; nhưng tôi chỉ mới là một tu sĩ sơ cơ, mới chỉ tập tành bước chân vào giáo pháp. Tôi là người ít học, ít ngôn ngữ, thiếu khả năng diễn đạt nên thật không đủ sức giảng nói giáo pháp một cách rành rẽ được.

Upatissa vẫn cứ cung kính dập đầu:

- Đệ tử là Upatissa! Xin ngài cứ chỉ giáo cho ít nhiều. Dầu chỉ một ít nhưng đệ tử sẽ cố gắng suy nghiệm theo nhiều cách khác nhau! Đệ tử là người khao khát giáo pháp như hạn hán trông mưa, nhất là thứ giáo pháp mà ngài đã tu tập, đã thấm sâu vào trong ruột rồi tỏa sáng, chói ngời nơi tứ oai nghi, nơi tác phong siêu thoát của ngài! Xin ngài hãy ban cho đệ tử một ít về giáo pháp ấy. Ngài chỉ cần vài lời tóm tắt. Dầu là tóm tắt nhưng phải là cái căn bản, cốt lõi nhất!

Biết lòng thành khẩn, thiết tha của người du sĩ, tôn giả Assaji nói:

- Vậy, này hỡi người du sĩ trẻ tuổi! Tôi sẽ tóm tắt gọn ghẽ một giáo giới cao siêu, như chân như thật của đức Tôn Sư, hãy lắng tai để nghe, hãy lấy trí để biết, để thấy và để liễu tri: “Các pháp phát sanh do bởi một nhân. Nhân ấy, đức Như Lai đã chỉ rõ. Và ngài cũng đã chỉ dạy phương pháp để diệt tắt nhân ấy. Chính đó là lời giáo huấn của bậc Đại Samôn!” (Ye dhammā hetuppabhavā. Tesam hetum Tathāgato. Āha tesam ca yo nirodho. Evaṃ vādī Mahā Samano!)

Bốn câu kệ tóm tắt toàn bộ giáo pháp của đức Tôn Sư thật giản dị mà vô cùng cao siêu. Có lẽ trí tuệ của Upatissa lúc bấy giờ đã thuần thục nên lập tức thấu triệt chân lý ấy. Đây là cách giảng nói Tứ diệu đế một cách rất cô đọng, chất lọc như chỉ còn cái tinh túy. Các pháp phát sanh chính là định luật duyên khởi của mọi hữu vi, của mọi hiện tồn sanh lão bệnh tử sâu bi khổ ưu não: Đây là sự thật về dukkha. Do bởi một nhân: Ái dục, đây là sự thật về nguyên nhân của dukkha. Và phương pháp diệt tắt nhân ấy chính là Đạo đế, Bát chánh đạo!

Như một tia sáng kỳ diệu, chỉ cần một mở phôi như thế là Upatissa đã thấy hé lộ con đường đi đến Chân phúc và Bất tử! Còn kỳ diệu hơn thế nữa, là không đợi đến lúc tôn giả Assaji đọc xong bốn câu, mà chỉ mới nghe hai câu đầu thôi, Upatissa đã chứng quả Tu-đà-hoàn (Sotapati), đi vào

dòng thánh!

Upatissa đứng lặng hồi lâu, toàn thân chàng chấn động mạnh: Một trạng thái siêu thoát đã đến với chàng!

Xúc động, cảm kích, tri ân, bàng hoàng lẫn lộn, Upatissa quỳ xuống, ôm chân bụi của tôn giả Assaji, nghĩ rằng: “Ý nghĩa của sự giải thoát, Chân phúc và Bất tử, ta đã tìm thấy ở đây rồi!” Rồi nói:

- Bạch ngài! Đệ tử đã tìm thấy rồi! Thật vĩ đại, nhiệm mầu và vô thượng là giáo pháp này. Xin ngài đừng giảng giải gì thêm nữa! Đối với đệ tử, vậy là quá đủ, quá đủ cho mục đích của một thiện gia nam tử xuất ly, cần cầu an ổn mọi ách phược trên trần thế!

Tôn giả Assaji biết vị du sĩ trẻ tuổi đã đắc pháp nhãn, đã thấy rõ con đường xuất trần ly cấu, bèn nói:

- Hãy đi đến bên chân của đức Đạo Sư, bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, ngài còn có cả một kho tàng Pháp Bảo, chỉ để dành cho những ai có trí!

- Bạch ngài, hiện đang Vô Thượng Giác ở đâu?

- Cũng gần đây thôi! Ở phía bắc kinh thành, chỗ rừng trúc, nơi có nhiều sóc và thỏ!

- Rồi đệ tử sẽ đến đó! Hiện giờ đệ tử sẽ đi tìm một người bạn thân, y cũng cần cầu giáo pháp, thao thức giáo pháp từ thuở thiếu niên! Y cũng đã từng đau khổ nhiều năm như đệ tử vậy. Nay tức khắc đệ tử phải thông báo cho y niềm vui siêu thoát và bất tử này. Ít hôm nữa thôi, chúng đệ tử sẽ đến quỳ bên chân đức Đạo Sư vô song!

Upatissa cung kính quỳ mọp đánh lễ tôn giả Assaji rồi từ giã.

Thấy bạn với dáng đi, với nét mặt tỏa sáng, rạng rỡ kỳ lạ chưa từng thấy, Kolita ngạc nhiên hỏi:

- Nay hiền huynh! Đừng nói với đệ là hiền huynh đã tìm ra đạo bất tử rồi đấy nhé!

- Phải, hiền đệ ạ! Upatissa cười xòa - Thật là hạnh phúc

cho chúng ta, cho tất cả chúng sanh vì đạo bất tử đã thật sự có mặt trên cuộc đời này rồi! Ôi, một đức Thế Tôn vô song, một bậc A-la-hán vĩ đại đã tuyên bố một giáo pháp vĩ đại chưa từng được nghe! Huynh đã ném được hương vị đầu tiên của giáo pháp qua đệ tử của đức Vô Thượng ấy. Bây giờ, hiền đệ hãy lắng tai để nghe, lấy trí để giác hiểu!

Nói thế xong, Upatissa đọc lên. Khi bốn câu kệ ngôn vừa chấm dứt, Kolita chấn động cả châu thân, ánh sáng bất tử lóe hiện: Chàng nhập vào dòng thánh như Upatissa vậy!

Kolita chột quỳ xuống, chắp tay cung kính:

- Quả là giáo pháp tối thượng, vĩ đại đã xuất hiện ở trong đời! Đệ tử xin được cung kính đánh lễ giáo pháp ấy! Đệ tử xin được cung kính đánh lễ đức Đại Giác vô thượng đã cho đệ tử thấy được ánh sáng vinh quang và bất tử!

Kolita run run nắm tay bạn:

- Đức Thế Tôn ấy giờ ở đâu?

- Tại khu rừng trúc, phía bắc kinh thành gần đây thôi!

- Chúng ta hãy mau mau đến đánh lễ, chiêm bái ngài!

Upatissa có vẻ nghĩ ngợi một lát rồi nói:

- Rồi chúng ta sẽ đến chiêm ngưỡng đức Đại Giác ấy. Nhưng hiền đệ nghĩ như thế nào, có nên thông báo sự kiện hy hữu này đến cho thầy cũ của chúng ta không?

- Nên lắm! Kolita gật đầu – Nên thức tỉnh đạo sư Sañjaya từ bỏ mớ giáo lý “bất khả tri” hời hợt nông cạn ấy, một vài cái định phù du mà bảo là “niềm bằng an tại thế hằng cửu” ấy! Khi mặt trời chân lý đã có mặt thì tất cả mọi tư tưởng, triết thuyết trên thế gian sẽ chẳng còn rọi sáng cho ai được nữa!

Thế rồi sáng hôm sau, họ tìm đến tu viện cũ. Trên đường, đôi bạn thấy rất nhiều tu sĩ khoác y màu vàng đất hoặc màu lõi mít. Họ đều giống nhau ở cách ăn mặc gọn gàng, râu tóc sạch sẽ; và đặc biệt hơn là trông ai cũng an nhiên, tĩnh tại trong từng bước đi, trong từng cử chỉ, trong

từng tia mắt! Chỉ chừng ấy thôi đã chứng tỏ họ đều có được niềm vui tịnh định, an nghỉ ở phía bên trong, vừa bình dị vừa siêu thoát! Rõ ràng đây là những con người mới, những samôn mới ở trong tôn giáo mới đều là bạn hữu của thầy ta! Thật khác xa với những tu sĩ, đạo sĩ ở trong và ngoài truyền thống cũ lúc nào cũng có vẻ âu sầu, đăm chiêu, tư lự! Không thể thì đôi mắt cứ láo liên, xuôi ngược; bước đi thì hấp tấp, vội vã, lơ đãng, thất niệm! Và cái dễ nhận ra rõ nhất là tóc râu rối bù, y áo xóc xếch, dơ dáy; dường như càng bản thủ, càng kỳ hình dị dạng chừng nào sẽ càng làm cho mọi người kính ngưỡng, tôn trọng hơn! Đều là những người có kiến thức và trí tuệ vượt bậc, đôi bạn chỉ nhìn lướt qua đã xác tín đâu là chân thiện mỹ. Chắc hẳn giáo pháp của đức Thế Tôn ấy sẽ có một năng lực, một uy lực cảm hóa con người và cuộc đời. Giáo pháp ấy đã đưa đôi mắt tuệ quán xanh trong, không ô nhiễm để thấu triệt sự duyên khởi hữu vi cùng nguyên nhân của nó. Như vậy, nó không ru ngủ, huyền hoặc con người trong bùa chú, thánh ca, tế lễ, cầu khẩn trong hương khói âm u, trong những đèn miếu thần thánh và ma quỷ kỳ bí!...

Gặp lại hai người học trò ưu tú, đạo sĩ Sañjaya mừng lắm. Đôi bạn kể tóm tắt nhưng đầy đủ nhiều năm lang thang tầm đạo, tất cả đều vô ích, cuối cùng, gặp được giáo pháp bất tử như thế nào; rồi họ khuyên đạo sĩ Sañjaya hãy từ bỏ đạo tràng này để đến quy giáo một đức Thế Tôn đã xuất hiện ở trên đời! Vì nghĩ ân đức của thầy cũ nên họ đã ra sức thuyết phục, bằng lý lẽ minh nhiên, bằng sự thấy biết chân thực, bằng nhiều ví dụ, ẩn dụ kín đáo mà sâu sắc nhưng đạo sĩ Sañjaya một mực từ chối. Ông ta viện dẫn sự khổ hạnh, sự tu tập suốt bao nhiêu năm trường mới có được sự thành tựu như ngày hôm nay! Ông nói đến công lao dạy dỗ môn sinh, sự gian lao vất vả khi xây dựng cơ sở vật chất! Ông nói đến danh vọng, địa vị và lợi dưỡng hiện nay! Tất cả thành công

ấy không phải trong một sớm, một chiều; phải đầy đủ công phu, dũng lực, bản lĩnh, trí tuệ siêu phàm tạo lập mới có được! Chẳng lẽ nào lại thấy trôi sông tất cả để đi làm đệ tử người khác? Thật là ngu xuẩn, các vị có biết không?

Cảm thấy mình đã thất bại trước con người tâm thường, hạ trí này; nhưng hai người cũng cố gắng lần cuối:

- Thế thầy có thấy giáo pháp mà chúng đệ tử vừa trình bày, có điểm nào sai lầm, điểm nào là không chân thực, không như thực?

Hồi lâu, đạo sĩ Sañjaya mệt mỏi, gật đầu thú nhận:

- Không sai một điểm nào cả; chúng rất trí tuệ nữa là khác!

Kolita mở tròn mắt:

- Thế mà thầy vẫn không chịu từ bỏ? Không theo tôn giáo mới?

- Phải! Ông gật đầu mạnh mẽ, nghĩ thầm: “Đối với những kẻ trí tuệ, chân thực và lăm nhiệt huyết này, nếu không được trả lời một cách rõ ràng, dứt khoát thì chúng sẽ căn vặn cho đến tận cùng; ta sẽ không có chỗ nào mà lách, mà trốn được nữa, Ta đã mệt mỏi quá rồi, thôi, thà cứ nói thật một lần là xong”. Bèn nói tiếp: Đất đã không chịu trời thì trời đành chịu đất vậy. Các ngươi hãy nghe đây! Các ngươi đều là kẻ có trí tuệ, chân thực có lẽ hơn cả ta! Điều mà các ngươi bảo rằng đúng, ta cũng công nhận là đúng, không thể bài bác, không thể phủ nhận. Cái giáo pháp mà các ngươi cho là vô thượng, chân phúc và bất tử ấy, quả thật ta cũng không một mảy may nghi ngờ! Nhưng đây mới là sự thật, ta cần nói với các ngươi! Giọng đạo sư Sañjaya đến đây như chùng hẳn xuống - Ta thật sự đã già quá rồi! Ta không thể thay đổi những thói quen đã ăn sâu quá lâu. Ta thật sự đã quen làm đạo sư của thiên hạ, thật không thể thay đổi thành đời sống của một đệ tử được nữa! Rồi chột ông hét to lên – Các ngươi nghe rõ rồi đấy chứ! Thôi, hãy đi đi! Hãy để cho

ta được yên!

Nghe lời thành thật tâm thương và đau đớn ấy, cả hai chợt áy náy, thương xót cho đạo sĩ già; biết là không còn có cách gì thuyết phục được nữa. Upatissa lại cố vót vát:

- Khi đức Thế Tôn xuất hiện ở trên đời thì đó là phúc duyên tối thượng triệu triệu năm mới có một lần, thầy mà không theo thì thầy sẽ hối hận. Có hối hận cũng đã muộn rồi!

- Ta không bao giờ hối hận! Các người cần phải biết rằng, trên đời này, người trí ít lắm, chính kẻ ngu mới nhiều, rất nhiều...

- Ý thầy muốn nói gì? Kolita lại ngạc nhiên.

- Ta nói rõ rồi đấy chứ! Ta nói thế có nghĩa rằng, xin cho một số kẻ khôn ngoan, có trí như ngọc, như kim cương ấy hãy đến với đức Thế Tôn của các người! Còn những chúng sanh ngu dốt, mê muội, thiếu trí nhiều như bụi bặm, nhiều như cát sông Gangā hãy đến với ta! Ha ha!

Nói vậy là hết kinh điển, hết chữ nghĩa, hết văn cú, danh ngôn, hết tất cả mọi lý lẽ phải trái ở trên đời! Upatissa và Kolita bèn xá lễ, cáo từ...

Mặc dầu nói cứng vậy, nhưng khi cả hai đi rồi, thần thờ đạo quanh tu viện, ông thấy tất cả đều vắng tanh, trống trải, ông vô cùng buồn bã... Bây giờ ông mới thật sự thấy rằng, ảnh hưởng tinh thần và uy tín của hai vị đệ tử ưu tú to lớn quá đối với đám môn đệ của ông: Khi ra đi, không những họ mang theo hai trăm năm mươi môn sinh cũ của họ trước đây – mà còn lôi cuốn tất cả thầy đồ chúng, hai trăm năm mươi người của ông nữa. Càng nghĩ, đạo sĩ Sañjaya càng đau lòng, tức uất đến hộc máu tươi!

Xế chiều, Upatissa và Kolita khuyên nhủ đám môn sinh của đạo sĩ Sañjaya chẳng nên bỏ thầy lúc tuổi già, hứa sẽ không quên dìu dắt họ vào giáo pháp mới, họ mới chịu về lại tu viện cũ... Ngụ qua đêm tại một ngôi rừng vắng vẻ,

Upatissa và Kolita thay nhau giáo giới đám môn đệ một ít về tăng tướng mô phạm, một ít về cách sống, cách tu tập khi gia nhập một tôn giáo mới. Vài ngày hôm sau nữa, khi râu tóc đã sạch sẽ, y áo đã được trang bị đàng hoàng, cả hai mới dẫn đồ chúng lên đường tìm đến Trúc Lâm bái yết đức Đạo Sư.

Hôm ấy, đức Phật cho triệu tập chư tăng, thuyết một thời pháp đi sâu vào nhiệm vụ hoằng hóa khó khăn trong mai hậu, theo đó, mỗi người, dù lậu hoặc đã tận nhưng còn cần phải tu tập thêm tứ vô lượng tâm, tinh tấn, nhẫn nại... Phải thể hiện cho bằng được đời sống trong sạch như vỏ ốc, luật nghi, nền nếp sáng ngời mới mong cảm hóa, thu nhiếp những người ngoại giáo, giới vua chúa, quý tộc cũng như các giới cấp khác... Để kết luận, ngài nói:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Như Lai đi từ Lộc Uyển, Isipatana, đến Gayā, Uruvelā là do thấy nhân duyên từ quá khứ nên đã độ cho ba mươi vị vương tử nước Kosala, ba anh em Kassapa và một ngàn đồ chúng của họ; sau đó, Như Lai lại đến Rājagaha để độ đức vua Seniya Bimbisāra và triều đình, là những hộ pháp đắc lực khuông phò giáo hội sau này! Các thầy đừng nghĩ rằng, bây giờ có thêm Trúc Lâm với công trình xây dựng vĩ đại đang được hoàn thiện từng bước một, như vậy là đủ, như vậy là đã đặt được nền móng vững chắc! Giáo hội của chúng ta sẽ còn có nhiều nhân duyên kỳ diệu hơn thế nữa kia! Vậy thì hôm nay, bây giờ, ở đây, Như Lai sẽ tiếp nhận thêm hai đóa hoa kỳ tuyệt, hai ngôi sao sáng, hai nhân cách tú mỹ cho giáo hội. Nhân duyên từ rất lâu xưa ấy giờ đã chín muồi, đã tròn đủ. Các thầy hãy nhìn xem: Hai thanh niên du sĩ Upatissa và Kolita cùng với hai trăm năm mươi môn đệ đang vào đến cửa khu rừng.

Quả nhiên, một lát sau, Upatissa và Kolita đã vào đến nơi. Cả hai đều đẹp đẽ, tuấn mỹ; theo sau là mấy trăm môn

đệ râu tóc sạch sẽ, y bát trang nghiêm bước đi thứ tự, uy nghi, lặng lẽ... Hội chúng tự động chừa một con đường cho họ đến bái yết đức Thế Tôn.

Sau khi đánh lễ đức Phật, Upatissa chấp tay thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng đệ tử lang thang, lưu lạc đã nhiều may nhờ ánh sáng của giáo pháp qua đệ tử của đức Tôn Sư mà chúng đệ tử tìm thấy con đường bát tử! Nay chúng đệ tử đến đây xin được nương tựa đức Phật, đức Pháp, đức Tăng; ngưỡng mong đức Thế Tôn từ bi thân nhận.

Đức Phật mỉm nụ hoa sen:

- Nay Sāriputta, Moggallāna! Như Lai chứng nhận cho hai ông và môn đệ của hai ông đã là tỳ-khuru trong giáo pháp này! Như Lai cũng đã có ý chờ đợi hai ông. Khi pháp bảo đã được thấy rồi, thì đời sống của những sa-môn Thánh đệ tử là những tháng ngày thiêng liêng, đạo hạnh trong sạch vì lợi ích cho mình, cho chư thiên và loài người.

Rồi ngay tối hôm ấy, đức Phật cho triệu tập riêng các vị tỳ-khuru thượng thủ như tôn giả Koṇḍañña, Assaji, Mahānāma, Yasa, ba tôn giả Kassapa cùng với Sāriputta, Moggallāna rồi dạy rằng:

- Hiện nay, Trúc Lâm tịnh xá đã có gần vài ngàn tỳ-khuru; trong đó trên một ngàn vị lậu hoặc đã tận, một số khác đã bước vào dòng; riêng mấy trăm tỳ-khuru môn đệ của Sāriputta, Moggallāna; mấy trăm tỳ-khuru từ nhóm Koṇḍañña, Assaji, nhóm Yasa... cho thọ giới các nơi rồi mang về. Đa phần họ còn trẻ, cần sự giáo huấn, nhắc nhở hằng ngày. Đảm trách sự ăn ở, tới lui đã có ba trưởng lão Kassapa đốc thúc và những đệ tử lớn chăm lo. Làm gương cho chúng thì đã có Koṇḍañña, Assaji, Mahānāma, Yasa... Giáo hội như vậy thì trông đã khá vững mạnh. Tuy nhiên, hiện Như Lai vẫn chưa có trợ thủ đắc lực có thể thay mặt Như Lai giáo giới pháp học, pháp hành đến cho chư tỳ-khuru cùng hai hàng cận sự nam nữ; còn có thể giúp Như Lai giải

quyết tất thầy mọi vấn đề về Phật sự cũng như Tăng sự; vị ấy còn có thể có khả năng đối thoại với bất kỳ vị giáo phái chủ, giáo phái sư nào trên châu Diêm-phù-đề này mà không sợ bị thất thủ, lại còn nhiếp phục được họ nữa; nhân cách, tác phong, khẩu thuyết, đạo hạnh, trí tuệ của vị ấy có thể cảm hóa giới vua chúa, quý tộc, đại thần, thương gia, triệu phú... một cách dễ dàng! Ý Như Lai muốn nói rằng, người có thể đảm trách công việc cực kỳ khó khăn ấy phải có kiến thức bác lãm tất cả mọi nguồn tư tưởng, triết học xưa và nay, phải có sự thông minh kỳ đặc, nghe Như Lai nói một mà vị ấy hiểu hai, ba, năm, bảy...; phải có trí tuệ tinh minh, sắc bén, biện tài cả phân tích và tổng hợp; ngôn ngữ, khẩu thuyết phải chính xác, rõ ràng, lưu loát... Và quan trọng nhất, vị ấy phải có lời phát nguyện trước một vị Chánh Đẳng Giác quá khứ là trở thành cánh tay phải và cánh tay trái của Như Lai! Một vị như vậy, hai vị như vậy Như Lai đã có chưa nhỉ?

Câu hỏi của đức Phật như rơi vào đại định. Tuy nhiên, chư vị đều là thánh nhân, ngài Koṇḍañña mỉm cười rồi nói:

- Những nhân cách thành tựu tất thầy mọi ưu việt như thế, thật không có đâu, bạch đức Thế Tôn! Đệ tử rất hy vọng ở hai hiền giả Sāriputta và Moggallāna! Về mặt tướng pháp học mà nói, thì hai vị hiền giả đáng mến này như hai ngôi sao châu quanh đức Tôn Sư vậy! Và dường như đây là nhân duyên nhiệm mầu từ quá khứ, bạch đức Thế Tôn!

Các vị thượng thủ khác cũng đồng ý như thế, ngoài ra, không ai không biết cái tài tướng pháp như thần của trưởng lão Koṇḍañña về việc thành Phật của thái tử Siddhattha thuở trước!

Đức Phật chợt nói nhỏ nhẹ rằng:

- Nhưng cả hai sa-môn trẻ này đều chưa chứng quả cao nhất!

Chợt, Moggallāna quỳ xuống:

- Bạch đức Thế Tôn! Ngay ngày mai, cho đệ tử đến một ngôi làng vắng vẻ, tịch mịch, cũng ở gần đây thôi. Đệ tử biết là mình phải làm gì cho tròn bổn phận.

- Được! Đức Phật nói – Ông vừa khởi tác ý, cương quyết hành trì để đắc đạo quả A-la-hán! Điều ấy rất tốt, rất phải lẽ, là xứng đáng bổn phận đầu tiên cần phải làm. Tuy nhiên, sẽ có những trở ngại trên lộ trình, chứ không dễ dàng như các ông Koṇḍañña, Yasa đâu. Khi nào khó khăn nhất, cơ hồ không vượt qua nổi, lúc ấy, Như Lai sẽ có mặt, sẽ hỗ trợ cho ông.

Rồi đức Phật quay qua Sāriputta:

- Còn ông, ngày mai, phải cùng đi với Như Lai đến ở trong một nơi khá xa, phía nam kinh thành; ông cũng phải có những bổn phận phải làm như Moggallāna vậy. Mọi công việc ở tịnh xá, Như Lai trông cậy vào các vị trưởng lão ở đây!

Sau khi đánh lễ từ giã đức Phật, Upatissa và đại chúng, Moggallāna tìm đến ngụ cư ở bìa rừng ngôi làng Kallavāta, cách Rājagaha không bao xa. Ngày ngày, ngoài việc trì bình khát thực quanh vùng, toàn bộ thì giờ còn lại, ngài dành cho việc thiền định, thiền quán là bổn phận duy nhất còn lại. Đúng một tuần sau, sự mệt mỏi, đã dượt, hôn trầm, thụy miên đồng loạt kéo đến; mặc dầu đã hết sức chống chọi nhưng ngài cơ hồ không vượt qua nổi. Đúng lúc ấy thì đức Thế Tôn xuất hiện như vàng trắng, bảo ngài đi rửa mặt, sau đó chỉ dẫn những tầng bậc thiền định, những pháp che lấp phải vượt qua, cần vượt qua liên tục; phải thay đổi từ oai nghi này sang oai nghi khác, phải chiến thắng. Còn có những cảm thọ vi tế của hỷ, của lạc, của xả, của thuần tịnh nhất tâm, của không, của thức, của tưởng... phải an trú rồi phải xuất ly như thế nào. Khi tâm đã tịnh định như ngọn Sineru, vắng lặng như đáy biển sâu, trong suốt như pha-lê châu hãy nhìn ngắm sắc thọ tướng hành thức, nhìn ngắm

như thực rồi quan sát mọi duyên khởi một cách trọn vẹn, trạm nhiên và hư tĩnh thì tuệ tri, tuệ giác, tuệ minh sẽ phát sanh. Khi định và tuệ đã được thấy rõ, đã giải thoát toàn vẹn mọi trần cấu, đã được an lập một cách tự tại, đã được thiết định, đã được làm cho thuần thực, đã được kiên trú vững chắc, đã làm cho nhuần nhuyễn... thì hãy sử dụng chúng để hướng tâm thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, biến hóa... không gì là không làm được, không gì là không thành tựu vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người...

Nói vắn tắt như vậy xong, đức Phật biến mất. Vì là bậc trí, Moggallāna thông suốt đạo lộ, ngay tối hôm ấy thôi, ngài chứng đắc đạo quả A-la-hán luôn cả năm thắng trí, năm thần thông vô ngại, là pháp của bậc thượng nhân!

Trong thời gian ấy thì Sāriputta đang ở cùng với đức Phật trong một hang động tịch liêu có tên là Sūkaraleṇa (động Lợn Rừng) nằm ở sườn núi phía nam kinh thành, hằng ngày cùng với ngài đi khát thực mà chẳng được dạy bảo gì cả! Trên đường trì bình hay tại chỗ ngụ cư, bao giờ đức Phật cũng nhàn thoát, tự tại; thỉnh thoảng ngài trú định sâu, khí an tĩnh và mát mẻ tẩm đầy cả hang động. Đôi khi, từ vầng trán của ngài tỏa ra nhiều loại hào quang khác nhau; vài lần, ngài như ngồi trong cả khối châu ngọc. Sāriputta lặng lẽ tu tập, lặng lẽ đi theo, lặng lẽ chiêm ngưỡng và cảm nhận những năng lực, những từ lực, những khí, những thần từ đức Phật tỏa ra nhiếp hóa cả không gian xung quanh. Lại còn những khi đức Phật dẫn Sāriputta lên các ngọn núi phía nam, tây nam; đi loanh quanh các sườn núi tây bắc, nhìn các hang động khác; và bao giờ cũng dừng lại khá lâu ở đỉnh Linh Thứu (Gijjhakūta). Lên cao chút nữa, ngồi ở điểm cao nhất của dãy núi Chanthā, ta có thể nhìn bao quát xuống tận phía nam, những thung lũng trải dài xanh mát và cả kinh đô Rājagaha cổ kính, sầm uất được hai bức tường thành trong, ngoài che chắn, bảo vệ rất kiên cố, vững chãi. Thấy đức Phật

lặng yên, tĩnh tại, lúc thì như nhìn ngắm mây trời, lúc thì như đang cảm nhận những làn gió mát mẽ thoáng qua trong không gian trong lành, vô nhiễm và thanh bình, Sāriputta đọc được một phần nào cái tâm của bậc Đại Giác: Người không những đã yên nghỉ trong hạnh phúc vĩnh cửu với từng sát-na dịch biến của thiên nhiên, vạn hữu mà còn phác thảo trong tâm trí những dự định hoằng hóa mai hậu vì lợi ích cho giáo pháp.

Đúng một tuần sau, khi Moggallāna đắc quả A-la-hán luôn cả ngũ thông rồi, đức Phật chợt nói với Sāriputta:

- Moggallāna đã làm xong những việc cần phải làm, còn ông, sao Như Lai không thấy ông “chất vấn” Như Lai điều gì cả?

Sāriputta sợ hãi, quỳ sụp xuống:

- Đệ tử còn quá tối tăm, ngu muội, đâu dám “chất vấn” đức Tôn Sư điều gì!

Đức Phật mỉm cười:

- Không phải thế đâu, này Sāriputta! Như Lai dùng động từ “chất vấn” là có lý do, và cũng rất chính xác đấy, nhà học giả ngôn ngữ ạ! Rồi đức Phật xuống giọng như tâm sự - Ông biết không, trong rất nhiều kiếp quá khứ, đôi khi ông là thầy của Như Lai, nhiều lần Như Lai là thầy của ông, rất nhiều kiếp, chúng ta còn là vua tôi, cha con, huynh đệ và cả bạn hữu nữa! Và lúc nào cũng vậy, chúng ta đều là người hăng hái thảo thức, tầm cầu học hỏi, sẵn tìm học hỏi cho đến tận cùng; bởi thế, Như Lai luôn luôn chất vấn ông, mà ông cũng luôn luôn chất vấn Như Lai! Ôi, những câu hỏi khó khăn, hóc búa; những câu hỏi có trọng lượng của quả địa cầu; những câu hỏi lạnh buốt cả hư vô, những câu hỏi xuyên sâu, chẻ vụn từng sát-na, từng hạt vi trần! Thế đấy! Nhiều lần, Như Lai đẩy tư duy ông đến tuyệt lộ; và nhiều lần, không kém gì, ông cũng đã làm cho Như Lai toát mồ hôi hột! Ô, nhân duyên thật là nhiệm màu, kỳ diệu vậy thay!

Sāriputta lại thưa:

- Quá khứ đã bị che lấp, xin đức Tôn Sư bi mẫn khai hóa!

- Hãy kham nhẫn, này Sāriputta! Kiến thức, sở học của ông không thua gì Như Lai; công hạnh ba-la-mật của ông đầy chưa toàn hảo, trọn vẹn nhưng cũng đã đủ đầy. Tâm và trí của ông là cả một kho tàng, chỉ cần mở hé cánh cửa là ông sẽ thấy ra toàn bộ. Nhưng nay thì chưa phải thời!

Rồi một tuần sau nữa, đức Phật chợt nói:

- Này Sāriputta! Chiều nay, có một du sĩ tu theo Ni-kiền-tử vượt đường xa đến thăm ông đấy!

- Đệ tử có một ông cậu tu theo giáo phái ấy! Ông ta cứng đầu, cố chấp, ngã mạn, lại có tài ngôn ngữ, miệng lưỡi nữa!

- Nhưng mà du sĩ Dīghanakkha biện tài ấy, lần nào tranh luận với ông cũng luận bại chứ đâu có luận thắng, có phải thế không?

- Đức Thế Tôn không có gì là không biết! Sāriputta mỉm cười nhẹ rồi cất giọng tha thiết - Kính xin đức Thế Tôn bi mẫn hóa độ cho ông ấy!

Đúng buổi chiều hôm ấy, du sĩ Dīghanakkha y áo luộm thuộm, râu tóc gió sương tìm đến hang động. Sāriputta rất vui mừng nhưng đã vội giáo đầu và nhắc nhở ngay:

- Liệu hồn cậu đấy, đừng có mà miệng lưỡi xuôi ngược với đức Tôn Sư! Đừng có hòng mà múa rìu qua mắt thợ! Kiến thức và sở học của cậu và cháu cộng lại chỉ là hai hạt bụi so với núi Sineru! Chỉ lắng nghe và học hỏi thôi! Khi một đức Chánh Đẳng Giác đã xuất hiện ở trên đời rồi thì chỉ một lời, một câu của ngài thôi cũng đã đủ cho chúng ta nếm thưởng được hương vị của giáo pháp bất tử!

Và quả thật vậy, tướng hảo quang minh của đức Phật đã hoàn toàn nhiếp phục Dīghanakkha; nhưng tri kiến “Tôi không thích thú cảm thọ” của ông ta có vẻ ngoan cố và cứng

đầu. Đức Phật đã nhẫn nại đi lướt qua bốn phạm trù (tứ cú) đưa đến tranh luận, chống đối, nhiệt não cần phải xa lánh, đoạn trừ: Đây là “Tôi có thích thú cảm thọ, tôi không thích thú cảm thọ, tôi vừa có vừa không thích thú cảm thọ, tôi không có, không không thích thú cảm thọ”! Tất thấy chúng là hý luận, là kiết phược, là não hại. Phải nhận chân như thực rằng: Cả ba loại cảm thọ khổ, lạc, xả đều hữu vi, vô thường, do duyên sanh thì sẽ do duyên diệt. Bậc thánh đệ tử phải xa lánh, yếm ly tất cả chúng, phải giải thoát tất cả chúng không còn dư tàn... Sau thời pháp nói về các cảm thọ (Vedanā) cùng những bám víu, bám giữ, chấp thủ (Pariggaha) chúng như thế nào để sinh ra thọ uẩn (Vedanā-khandha), đánh mất như thực, dẫn đến sai lầm và đưa đến đau khổ thì du sĩ Dīghanakkha đắc quả Tu-đà-hoàn! Sāriputta hầu sau lưng đức Phật, nhờ nhất tâm chuyên chú vào thời pháp nên đắc quả A-la-hán luôn cả bốn tuệ phân tích (tứ vô ngại giải).

Biết người đệ tử mình đã làm xong xuôi bốn phận cuối cùng cũng như Moggallāna trong tuần trước, đức Phật chợt đứng dậy:

- Nay Sāriputta! Bây giờ trời còn sớm, chúng ta hãy cùng nhau trở về Trúc Lâm, ở đó còn rất nhiều việc cần phải làm!

Đến bây giờ, Sāriputta chợt hiểu: “Hóa ra, đức Tôn Sư gợi ý cho Moggallāna ỷ tu để đạt quả vị cuối cùng; ngài đột ngột dẫn ta đến biệt trú ở động Lợn Rừng này, đợi chờ nhân duyên khai ngộ cho du sĩ Dīghanakkha và cũng để ta tự thành tựu rốt ráo Phạm hạnh – mà dường như không dạy một chữ, một lời! Sự thấy biết của một đức Toàn Tri Diệu Giác thật bất khả tư nghì vậy”.

Khi về đến Trúc Lâm thì trời đã quá khuya, có một tỳ-khưu tên là Nāgasamāla, được tôn giả Uruvelā-Kassapa chỉ định làm thị giả đón chờ, dẫn đức Phật đến hương phòng của

ngài. Tịnh thất đạt yêu cầu: Tinh tươm, sạch sẽ, tiện nghi, rộng thoáng; có cả chỗ rửa chân, tắm giặt và nơi vệ sinh! Tất cả vật liệu như đá chân móng, gạch xây, gỗ lát tường, nền, cửa tre gỗ, mái tranh lá... nhờ còn giữ nét thô mộc nên trông giản dị, đẹp! Hai chùm đèn dầu lạc sáng dịu, một lò trầm chiên-đàn thơm thoang và ấm áp! Một chiếc sạp tre chân thấp được lót một tấm thảm cỏ thơm. Một tọa cụ được đan bên nhiều lớp mây sợi công phu được đặt trên một hộp gỗ vuông vức... “Chà! Đức Phật tám tác ngợi khen - Người thiết kế hương phòng cho Như Lai phải là bậc thầy về nghệ thuật kiến trúc!”

Tỳ-khuru thị giả Nāgasamāla mang nước rửa chân, khăn ẩm rửa mặt, sau đó trình cho đức Phật biết là quy mô xây dựng toàn bộ khuôn viên Trúc Lâm đang từng bước hoàn thiện, có lẽ sẽ xong trước an cư mùa mưa chừng mười ngày.

Đêm đầu tiên, trong bao nhiêu năm nay, đức Phật được nghỉ ngơi trong một tịnh thất đẹp đẽ và sang trọng nhất! Cả gần hai ngàn tỳ-khuru mà đâu đó lặng như tờ, khá khen thay là sự giáo hóa của các vị trưởng lão!

Chiều hôm sau, đức Phật cho thông báo một cuộc họp rộng rãi, có đầy đủ các vị trưởng lão và gần hai ngàn vị tỳ-khuru; rồi ngồi trên một pháp tòa cao, có thể quán xuyên hết thấy hội chúng; ngài cất giọng phạm âm với tám tuyệt hảo (Lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động) không ai là không nghe:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Muốn cho giáo pháp có thể phát triển vững mạnh, lan xa nhiều quốc độ, giáo hội cần thiết phải có hàng ngàn vị thánh vô học, hàng ngàn vị thánh hữu học, hàng ngàn vị có đời sống thanh cao, phạm hạnh, hiểu biết giáo pháp, rành thông uy nghi, phép tắc, các điều học; nghĩa là đầy đủ minh, tuệ, hạnh, giới... Vào buổi đầu, ngay tại cơ sở đầu tiên này, nhân lực của giáo hội tương đối đã đáp ứng được chừng một, hai phần yêu cầu. Trong tương lai

sẽ có nhiều nhân vật ưu tú thuộc nhiều thành phần giai cấp khác nhau xuất hiện. Và họ đã bắt đầu xuất hiện. Hôm nay, Như Lai sẽ giới thiệu hai nhân vật quan trọng, họ là những tinh hoa ưu tú trong những người ưu tú, đó là Upatissa và Kolita, tức là Sāriputta và Moggallāna! Như Lai tuyên bố rằng, họ là hai cánh tay mặt và tay trái của Như Lai, là trưởng tử của Như Lai, được sinh ra từ cửa miệng của Như Lai, được sinh ra bởi giáo pháp của Như Lai! Kể từ bây giờ, Sāriputta và Moggallāna là hai trợ thủ đắc lực của Như Lai, được quyền thay mặt Như Lai để giải quyết mọi lãnh vực thuộc Phật sự và Tăng sự; thỉnh thoảng hỗ trợ Như Lai để giáo giới chư tỳ-khưu trẻ, giáo giới hai hàng cư sĩ áo trắng. Sāriputta và Moggallāna thật xứng đáng là hai vị đại đệ tử của Như Lai, Như Lai trân trọng tuyên bố như vậy!

Đức Phật vừa nói xong, đại chúng xôn xao bàn tán. Có nhiều cuộc tranh luận nho nhỏ đâu đó xảy ra, nhóm này và nhóm khác. Người ta không hiểu tại sao, đức Phật không dành địa vị tối thắng, cao trọng này cho các vị trưởng lão tuổi cao, đức lớn như nhóm năm ngài Koṇḍañña? Nhóm năm mươi lăm người của ngài Yasa? Nhóm ba mươi vị vương tử dòng Kosala? Nhóm ba tôn giả Kassapa tuổi lớn, trí hạnh đầy đủ mà cả ngàn đồ chúng của họ xem như vị thần? Tất cả các vị ấy đều xứng đáng bước vào hàng thượng thủ, đại đệ tử! Còn hai vị mà đức Phật trân trọng giới thiệu thì họ vừa mới chân ướt chân ráo bước vào giáo hội, chưa có công đức gì, chưa có danh vọng và uy tín gì, lại còn thuộc vào hàng trẻ tuổi, mới đến Trúc Lâm chỉ vừa đúng nửa tháng!?

“Ồ! Chẳng lẽ nào một đức Chánh Đẳng Giác lại còn có tâm thiên vị!?”

Đức Phật hướng tâm, biết tâm của đại chúng, ngài liền giải tan mối nghi:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Như Lai không hề thiên vị! Như

Lai làm vậy là do sự thấy biết của Như Lai! Các thầy vì không thấy biết nên đã hiểu lầm Như Lai một cách đáng tiếc!

Để cho hội chúng yên lặng trở lại, đức Phật hỏi nhóm năm ngài Koṇḍañña:

- Hãy nói đi! Hãy xác chứng cho Như Lai! Trong một kiếp quá khứ, các ông là nông dân, khi cúng dường vật thực chín lần trong mùa gặt lên một vị Chánh Đẳng Giác, các ông đã phát nguyện những gì dưới chân đức Thế Tôn ấy?

Nói thế xong, đức Phật biết năng lực túc mạng thông của Koṇḍañña còn yếu, không đủ sức thấy biết quá khứ xa xôi như vậy, ngài bèn nhập định, hỗ trợ cho ông. Quả nhiên, chỉ vài khắc sau, Koṇḍañña quỳ xuống:

- Đệ tử thấy rồi, bạch đức Tôn Sư! Cả chín lần cúng dường, cả chín lần phát nguyện, chúng đệ tử chỉ xin được chứng quả vị cao nhất, đầu tiên, và cũng làm những đệ tử đầu tiên của đức Phật Sākya Gotama!

Quá khứ lâu xưa đã được vén lên, đã được một vị thánh trưởng lão uy tín xác nhận. Đức Phật lại quay sang hỏi tôn giả Yasa và nhóm bằng hữu:

- Còn các vị, nhất là Yasa, ông đã đắc túc mạng thông; hãy cho Như Lai biết, trong quá khứ, có khi nào ông phát nguyện sẽ được làm đại đệ tử của một vị Phật?

- Dạ thưa không, bạch đức Tôn Sư! Tôn giả Yasa mau mắn đáp - Từ xa xưa, đệ tử đã có duyên gặp được các đức Chánh Đẳng Giác Sumedha, Siddhattha, Kassapa chỉ nguyện được sống đời giác ngộ, giải thoát bên chân một vị Phật mà thôi!

Đức Phật chưa hỏi mà tôn giả Uruvelā-Kassapa đã đại diện mọi người, tiếp lời:

- Không có ai cả đâu, bạch đức Thế Tôn! Cho đến hai mươi chín đại kiếp trước, trước đại kiếp này, trong nhóm vương tử Kosala hoặc trong hội chúng của con, chẳng ai có

thê có khả năng làm đại đệ tử cả! Đại nguyện cũng không mà sở học, sở hành, sở tu thì quả thật chưa đủ! Đệ tử dù thắng trí giới hạn nhưng cũng thấy rằng hiền giả Sāriputta, đúng là bậc Tối Thượng Thanh Văn, không chỉ lậu hoặc đã tận, trí hạnh đủ đầy mà còn chứng đắc catuṣṭisambhidappabheda (tứ vô ngại giải); Moggallāna cũng thế, một bậc Tối Thượng Thanh Văn thứ hai, đã chứng đắc chaḷabhiññā (lục thông). Cả hai thành tựu ấy thật khó được, thật là vô lượng công phu tu tập, không chỉ trải qua vài vị Phật mà thôi đâu, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười:

- Ông đã nói đúng, đã thấy đúng, này Kassapa! Không chỉ hai mươi chín đại kiếp trước đâu! Cả Sāriputta và Moggallāna đã phát nguyện tu tập mười ba-la-mật tính đến nay đã trải qua một a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp trái đất rồi! Chính ba-la-mật của ông cũng còn thiếu cả một a-tăng-kỳ, so với hai vị kia đây, ông phải biết như vậy!

Sau khi tôn giả Kassapa trình bày, đức Phật xác nhận rồi giải minh thêm, cả hội chúng ai cũng nhìn Sāriputta và Moggallāna với sự kính trọng và ngưỡng mộ. Đức Phật còn biết hội chúng muốn nghe chuyện quá khứ của hai vị đại đệ tử, nên ngài hoan hỷ kể chuyện đã xa mù trong ký ức tiền kiếp:

“- Cái gì cũng có nhân, cũng có duyên, này các thầy tỳ-khưu! Nay Như Lai sẽ kể chuyện quá khứ của Sāriputta và Moggallāna một cách vừa đủ để cho các thầy thấy rõ nhân, thấy rõ duyên mà tu tập. Cách đây một a-tăng-kỳ và trăm ngàn đại kiếp, có một vị Chánh Đẳng Giác hiệu là Anomadassī xuất hiện trên thế gian; ngài có hai vị đại đệ tử, thượng thủ, xuất sắc làm cánh tay mặt, tay trái rất đặc lực!

Thuở ấy có một trưởng giả hào phú, tên là Nārada, sau khi cha mẹ qua đời, cảm thấy tiền bạc, của cải tợ phù vân, lạc thú ngũ dục vui ít, khổ nhiều nên đã bố thí tất cả tài sản,

vào rừng xuất gia làm đạo sĩ. Nhờ tinh cần tu tập nên Nārada đắc được các định và có một số năng lực thần thông, môn sinh đệ tử rất đông đảo. Đạo sĩ Nārada có một người bạn thân, là điền chủ Sirivaddhaka giàu có, cũng là người hăng tâm hăng sản: Ngôi nhà của ông là giếng nước giữa ngã tư đường cho các tu sĩ, đạo sĩ, cho những người nghèo khó. Cả hai rất thân với nhau. Sirivaddhaka cũng muốn từ bỏ tất cả để xuất gia như bạn mình, nhưng Nārada khuyên là chưa nên, hãy ở nhà làm các công đức, vì chính ông, tuy đắc định, có nhiều năng lực nhưng bài toán sinh tử vẫn chưa giải quyết được, khổ đau và phiền não vi tế vẫn còn ngủ ngầm ở bên trong!

Hôm kia, đạo sĩ Nārada, nhờ thiên nhãn, thiên nhĩ nên biết trong quốc độ đã có một vị Phật, một vị Chánh Đẳng Giác vừa mới ra đời, ngài có hiệu là Anomadassī! Toàn thân ông chột rúng động! Ông tự nghĩ: ‘Định này, các năng lực này, tuy là thắng trí nhưng nhất định chưa phải là trí tuệ, ta phải đi bái yết đức Phật ấy, vị Chánh Đẳng Giác ấy để nhờ vào sự khai hóa của ngài!’

Đức Phật Anomadassī hướng tâm, biết tâm nên đã từ hư không xuất hiện ngay ở trước mặt với dung sắc chói sáng ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp! Đạo sĩ Nārada biết ngay đây là ai, quỳ xuống đánh lễ rồi lấy tọa cụ của mình đặt trân trọng dưới gốc cây, nơi một đám đất cao ráo rồi thỉnh đức Thế Tôn an ngự. Việc vừa xong thì phía hai bên đức Phật hiện ra hai vị sa-môn với mỹ mạo trang nghiêm thù thắng thế gian khó bì! Đức Phật Anomadassī mỉm nụ hoa sen nói: ‘Đây là hai đại đệ tử của Như Lai!’ Đạo sĩ Nārada tức tốc gọi đệ tử tìm kiếm hai tấm tọa cụ khác đặt ở hai bên đức Chánh Đẳng Giác rồi thỉnh hai ngài an tọa. Ngược lên, đạo sĩ Nārada ngạc nhiên đến sững sốt: Cả hàng ngàn sa-môn y áo vàng rực, không biết xuất hiện từ bao giờ đang đứng đầy đặc cả khu rừng! May mắn thay, đạo sĩ cũng có

hàng ngàn đệ tử nên việc chuẩn bị tọa cụ cho chư vị thánh tăng giáo đoàn không đến nỗi khó khăn lắm...

Rồi bằng tất cả tấm lòng thành, tự thân đạo sĩ mang nước rửa chân, nước rửa tay, sau đó dâng cúng những trái cây ngon lành nhất vào bát cho đức Thế Tôn. Cả hàng ngàn đệ tử của ông, thấy sự cúng tận tụy của thầy mình như thế nên cũng hoan hỷ phục vụ tương tự đến đoàn sa-môn rất chu đáo. Khi đức Thế Tôn, hai vị đại đệ tử và giáo đoàn yên lặng thọ thực, đạo sĩ quan sát và chợt phát giác một điều: Chỗ ngồi của đức Thế Tôn ngang bằng hai vị đại đệ tử; và chỗ ngồi của thánh chúng xung quanh, có nhiều nơi lại cao hơn! Lại nữa, tất cả tọa cụ đều đã cũ rách, có nhiều tấm lăm đất lăm bụi thật không xứng đáng cho một cuộc tiếp đón trân trọng, không tương hợp chỗ ngồi của chư vị thánh nhân! Thế rồi, đạo sĩ sai bảo đệ tử vào rừng kiếm hoa, hoa cho thật nhiều; còn đích thân ông, sử dụng thân thông làm cho tọa cụ của đức Tôn Sư cao lớn như một bảo tọa có các diềm tua châu ngọc. Hai vị đại đệ tử cũng hai bảo tọa trân trọng như vậy nhưng thấp hơn bằng nửa hắc tay⁽¹⁾. Hàng ngàn bảo tọa khác thấp hơn bảo tọa của hai vị đại đệ tử. Khi chúng đệ tử mang hoa về, đạo sĩ sai rải đầy tất cả xung quanh chỗ ngồi của các ngài... Khi công việc xong xuôi, đạo sĩ Nārada quỳ xuống:

- Chúng đệ tử ở rừng sâu, không biết lấy gì để cung nghinh, đón tiếp và cúng dường đến đức Thế Tôn và thánh chúng, vậy xin ngài bi mẫn hỷ xả!

Đức Phật nói:

- Cung nghinh như vậy là cung nghinh đệ nhất, cúng dường như vậy là cúng dường đệ nhất, quả báo của công đức này thì vô lượng nhân thiên cũng không bì được! Ông và

⁽¹⁾ Hắc tay (hattha): Đơn vị đo lường, tính từ khủy cánh tay ra tới đầu ngón tay giữa.

chúng đệ tử hãy hoan hỷ đi, này Nārada!

Nārada hỷ lạc dâng đầy cả chân tơ kẽ tóc, thưa tiếp:

- Xin đức Thế Tôn hãy ban bố cho chúng đệ tử một thời pháp!

Vì muốn thử lòng đạo sĩ Nārada nên đức Phật nói:

- Giờ này không phải thời, này Nārada! Giờ này là thời mà Như Lai và đệ tử của Như Lai an nghỉ trong định diệt thọ, tưởng!

Thế rồi, tất cả như một rừng đại định. Đạo sĩ Nārada tức khắc sử dụng thần thông biến hóa ra một chiếc lọng tua vàng rồi nghiêm cẩn đứng hầu che cho đức Thế Tôn. Vì định này là định kéo dài suốt bảy ngày đêm nên đạo sĩ Nārada cũng không ăn, không uống, không ngủ nghỉ cũng suốt bảy ngày, bảy đêm như thế để che sương đỡ nắng cho đức Thế Tôn!

Xả định, đức Phật sai hai vị đại đệ tử thay nhau thuyết pháp đến cho hội chúng, mặc dầu với ngôn ngữ lưu loát, trong sáng, dễ hiểu, dễ nghe... nhưng chẳng ai đắc quả vị gì cả. Đến phiên đức Phật thuyết thì toàn bộ đệ tử của đạo sĩ Nārada đều Nhập lưu hoặc đạt quả cao nhất! Riêng đạo sĩ Nārada thì không đắc gì cả, vì khi ấy, ông đang chăm chú nhìn vị đại đệ tử tay phải, và hoàn toàn bị lôi cuốn bởi oai tướng, ngôn ngữ biện tài lưu loát và phong cách của vị ấy!

Thời pháp xong, đạo sĩ Nārada thưa hỏi:

- Nhân duyên tu tập như thế nào mới có khả năng thành tựu địa vị ưu thắng của một vị đại đệ tử, như vị đại đệ tử ngồi bên phía tay mặt của đức Thế Tôn?

- Cũng lâu lắm, cũng trường kỳ tu tập mới đạt được! Đức Phật bi mẫn nói - Này Nārada! Vị trợ thủ đắc lực ấy của Như Lai phải thực hành ba-la-mật trải qua một a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp quả địa cầu đầy! Hiện tại, trên châu Diêm-phù-đề này, ông ta được xem là đệ nhất về trí tuệ phân tích, biện tài vô ngại! Ngoài ra, các trí và hạnh khác, ông ta được xem là gần ngang bằng với Như Lai đấy!

Đạo sĩ Nārada quá ngưỡng mộ, bèn quỳ sụp bên chân đức Phật Anomadassī: ‘Tất cả công phu tu tập của đệ tử, tất cả công đức được hầu hạ đức Thế Tôn hôm nay, đệ tử xin được phát đại nguyện trở thành một vị đại đệ tử của một đức Chánh Đẳng Giác ngày vị lai, xin đức Tôn Sư chứng minh!’

- Ông sẽ được như nguyện! Đức Phật nói - Vậy thì trải qua một a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp quả địa cầu, tại châu Diêm-phù-đề, sẽ có một vị Chánh Đẳng Giác ra đời, ngài có hiệu là Sākya Gotama, ông sẽ là đại đệ tử cánh tay mặt của vị ấy!

Sau cuộc tiễn đưa, đạo sĩ Nārada vận thần thông lực, tìm ngay bạn mình là điền chủ Sirivadhaka, kể lại mọi nhân duyên kỳ diệu rồi khuyên bạn mình là phải thỉnh đức Phật và thánh chúng để làm phước lớn, cúng dường lớn... Thế là, điền chủ Sirivadhaka cúng dường trọng thể đến đức Phật và thánh chúng trọn bảy ngày rồi xin phát nguyện được làm vị đại đệ tử tay trái của đức Phật Sākya Gotama thời hậu lai, ngoài trí và hạnh ưu thắng, ông ta là bậc có thần thông đệ nhất trong giáo hội, chẳng ai bì được”.

Đức Phật thuyết xong, cả hội chúng im lặng như tờ! Các vị thánh nhân đắc quả cao nhất và có thần thông họ cũng không có thể thấy biết nhân duyên, nhân quả lâu xa như thế! Các vị mới vào dòng hoặc sơ tu thì thấy rõ sự kỳ diệu của đạo lộ tu tập, họ lại càng thâm tín với giáo pháp hơn. Đức Phật kết luận:

- Thế là Như Lai đã không có thiên vị, phải không? Ai với phẩm vị nào, với lời nguyện nào từ quá khứ thì Như Lai đã đặt đúng phẩm vị của vị ấy, đúng với lời nguyện của vị ấy không hề sai lệch vậy!

Sự giải minh của đức Toàn Tri Diệu Giác không có chỗ cho một hạt bụi hoài nghi nào bám dính vào! Địa vị của hai vị đại đệ tử vậy là đã được thiết lập vững chắc trong giáo hội và nhất là trong lòng tin của đại chúng.

Đại tịnh xá Trúc Lâm (Veḷuvanārāma) thế là đã hoàn tất như quy mô dự định của đức vua Seniya Bimbisāra. Tuy nhiên, gần đến ngày an cư mùa mưa, các vị tân tỳ-khuru vừa mới xuất gia ở nhiều nơi, phát sanh từ các phái đoàn truyền giáo, ai cũng muốn chiêm ngưỡng đức Thế Tôn nên lũ lượt tìm về. Hai ngàn cốc liêu thế là không đủ vào đâu cả! Vấn đề tưởng là khó khăn nhưng hóa ra vô cùng đơn giản. Tôn giả Uruvelā-Kassapa hội ý với hai em là chỉ nên giữ lại các đệ tử lớn, các tỳ-khuru biết đảm đang công việc, biết chăm lo các chỗ ăn ở, nước nôi, vệ sinh chỗ này chỗ kia, còn ngoài ra nên tự lực di trú đến các ngôi làng, các khu rừng, núi đồi gần đây có khá nhiều hang động có thể tĩnh cư được, nhường chỗ cho những người mới đến!

Hai vị đại đệ tử vừa được tấn phong, luôn được đức Phật gọi vào dạy dỗ việc này việc kia. Các thời pháp của đức Thế Tôn giảng nói hằng ngày cho chư tăng hoặc tại gia cư sĩ, cả hai vị đều lắng nghe không bỏ sót một buổi nào!

Hôm kia, đức vua Seniya Bimbisāra cho làm lễ khánh thành để dâng cúng toàn bộ công trình xây dựng Trúc Lâm lên đức Phật và tăng chúng. Ông đã tổ chức rất long trọng. Dường như tất cả giáo phái chủ, giáo phái sư, chủ ngân hàng, chủ nghiệp đoàn, đại thương gia, hào phú, nhân sĩ, trí thức... của kinh đô đều được mời đến. Riêng giới hoàng gia, quý tộc, quan lại, tướng lãnh, chiến sĩ... phải được xem như là bổn phận của mình, phải biết đóng góp tiền của hoặc công sức cho công trình vĩ đại ấy!

Dịp này, đức vua và triều đình đặt bát cúng dường bảy ngày; và suốt sáu ngày, tại đại giảng đường vừa mới khánh thành, đức Phật ban bố những thời pháp “thuận thứ” đến cho hai hàng cư sĩ áo trắng; chiều tối, ngài lại giảng cho chư tăng. Riêng ngày thứ bảy, đức Phật lại giao phó cả hai thời pháp ấy cho tôn giả Sāriputta đảm trách, có lẽ ngài muốn giới thiệu rộng rãi vị đại đệ tử ưu tú mà chưa ai rõ tầm vóc trí tài

như thế nào!

Là bậc đại trí tuệ, đã đắc tứ vô ngại giải, mặc dầu cận kề đức Phật với thời gian rất ngắn nhưng tôn giả Sāriputta nắm bắt đại cương và chi tiết giáo pháp rất nhanh, lại còn có khả năng triển khai rộng rãi chúng nữa tùy căn cơ và đối tượng! Lại nữa, tôn giả Sāriputta đã quen làm trưởng giáo, quen giáo huấn môn đệ; ngôn ngữ, văn phạm, cú pháp lại đều lâu thông từ thuở thiếu niên nên việc thuyết giảng trước hội chúng, thâm nhiếp hội chúng, quả thật là không mấy khó khăn! Thời pháp buổi chiều, tôn giả đã làm cho giới tại gia cư sĩ hoan hỷ, tín phục, xúc động; thời pháp buổi tối, không những các vị tân tỳ-khuru thích thú, phỉ lạc dâng đầy mà các hàng tôn túc trưởng lão cũng vô cùng mát mẻ, thỏa dạ, bội phục. Và ai ai cũng cảm nhận được rằng: Ngôn ngữ lưu loát, sống động, những ví dụ cụ thể, phong phú của tôn giả đã làm cho họ thấy hiểu giáo pháp sâu thêm, rộng thêm từ những điểm quá cô đọng của đức Tôn Sư! Và chỉ có đức Phật là không ngạc nhiên gì cả, lúc nào ngài cũng xuất hiện đúng lúc để xác định với hội chúng rằng: “Nhu Lai đã từng tuyên bố là Sāriputta và Moggallāna được sinh ra từ cửa miệng của Như Lai, từ giáo pháp của Như Lai; bây giờ điều ấy đã được khẳng định có da, có thịt, có xương, có tủy, có phải thế không!”

Thâu Nhiếp Mahā Kassapa

Ngày hôm sau, đức Phật lặng lẽ ôm bát ra đi, không nói là đi đâu, không thông báo với ai cả. Hành trạng của đức Toàn Giác bao giờ cũng có nhân, có duyên chẳng ai thắc mắc cả! Hóa ra, đức Phật, sau khi trì bình khát thực, ngài đã đi bộ hơn nửa do tuần, tìm đến một ngôi làng ở ngoại ô, ngôi độ thực dưới gốc cây Bahuputtaka ven đường, chờ đợi nhân duyên để thu nhận thêm một đệ tử vĩ đại khác: Tôn giả Mahā Kassapa!

Cách chỗ ngôi của đức Phật không bao xa, bên kia con sông nhỏ có ngôi làng Mahātīṭṭha trù phú, có gia đình bà-la-môn Kapila cự phú; người ta đồn rằng, tài sản, kho tiền vàng, kho châu báu của ông còn nhiều hơn ông vua một tiểu quốc!

Ông bà-la-môn Kapila chỉ có một cậu con trai duy nhất! Tương truyền, lúc lâm bồn, bà mẹ ngồi dưới gốc cây đại thụ Pippali nên lấy tên cây đặt tên cho con: Pippali! Ngoài ra, còn có tên thường gọi khác nữa là Mahā Kassapa!

Cũng như nhiều nhân cách vĩ đại khác, Pippali có nhiều quý tướng, vẻ đẹp của bậc đại nhân, có sự thông minh, nét hạnh và những phẩm chất, cá tính ưu việt. Đến tuổi thanh

niên thì kiến thức, sở học của chàng cũng tương tự Sāriputta và Moggallāna vậy, nghĩa là đầy đủ bản lãnh của trí thức bà-la-môn thời đại: Có thể làm trưởng giáo, quan đại thần hoặc tham mưu triều chính! Đây là ước vọng của gia đình.

Pippali có đời sống nội tâm trầm lặng. Đặc biệt là không thích ca, vũ, nhạc, rượu men, rượu nấu... và luôn tìm cách xa lánh ca nhi, mỹ nữ. Khi cha mẹ bắt lập gia đình thì chàng từ chối đây đây, hoảng sợ như địa phủ vô! Mặc dầu cương quyết cự tuyệt, nhưng thấy khó lay chuyển được ý định của hai thân, Pippali bày ra một mưu kế. Chàng thuê một nhà điêu khắc nổi danh, tạc tượng một mỹ nữ bằng vàng, bằng người thật rồi nói rằng: “Nếu quả thật trên thế gian có người đẹp như thế này, y hệt như thế này thì mới xứng đáng kết hôn với con!”

Tưởng cha mẹ nản chí, ai ngờ ông bà cho làm một chiếc kiệu lớn, như ngôi đình nhỏ, đặt tượng mỹ nữ lên trên, rèm che sáo phủ, có bốn bánh xe rồi thuê người di chuyển từ làng này sang làng khác. Bên cạnh luôn có mặt bốn thầy bà-la-môn học thức, trọng tuổi, có tướng mạo đẹp đẽ, tiên phong đạo cốt. Cứ hễ dừng xe một nơi phải lễ, có thị trấn, xóm làng thanh mậu; có gạo trắng, nước trong hoặc có kỳ hoa dị thảo thắm tươi thì các thầy bà-la-môn lại rao truyền: “Nữ thần đây! Nữ thần giáng hạ trần gian đây! Các tiểu thư khuê các, các công nương diễm kiều hãy đến chiêm ngưỡng; chỉ cần kính thành hoa hương lễ phẩm thì sẽ đạt được những ước mơ như sở nguyện!” Thế rồi, rèm sáo được vén lên, tượng nữ thần bằng vàng với dung mạo tuyệt mỹ, chói lợi! Một đôn hai, hai đôn bốn, bốn đôn tám rồi như một đám hội của giai nhân khắp các nơi đổ đến! Bốn vị bà-la-môn trấn bốn góc, chăm chăm tìm kiếm “cô gái đẹp y, giống y tượng nữ thần” trong số mỹ nữ, giai nhân đến chiêm bái!

Lạ lùng làm sao, kỳ dị làm sao, có một cô gái đẹp y, giống y như vậy thật! Nàng tên là Bhaddākāpilāni, mười sáu

tuổi, con gái của bà-la-môn triệu phú Kosiya ở thị trấn Sāgala, vùng Madda! Thật ra, Bhaddākāpilāni không muốn đi xem, nhưng bạn bè bảo là tượng nữ thân như được đúc từ nàng mà ra vậy, nên sinh ra tò mò! Khi bốn thầy bà-la-môn nhìn thấy Bhaddākāpilāni, họ cũng kinh ngạc, sửng sờ, sao thương để sắp xếp chi những tao ngộ quá diệu kỳ!

Pippali không biết từ chối đâu được nữa. Cuộc hôn nhân hai bên sớm tiến hành. Chàng và nàng chung sống với nhau chẳng ai hạnh phúc cả. Đêm động phòng hoa chúc, chàng một góc, nàng một góc, chẳng ai nói chuyện với ai câu nào. Các đêm sau cũng thế. Pippali quan sát thì dường như Bhaddākāpilāni còn ử ê, sâu não hơn cả chàng nữa! Ngạc nhiên, chàng hỏi: “Tại sao nàng có vẻ cáu giận ta như thế, ta có làm gì nàng đâu!” Bhaddākāpilāni ôn nhu, mềm mỏng trả lời: “Thiếp thành thật xin lỗi chàng! Thật ra, thiếp không có gì phải giận chàng cả! Thiếp giận là giận cho cái nghiệp duyên trớ trêu của mình! Từ khi lớn lên, mang thân nữ giới, thiếp không thích đời sống ngũ dục, lại càng không thích lập gia đình! Chí nguyện của thiếp là sống đời xuất gia phạm hạnh! Thế mà... thế mà...” Nói thế xong, Bhaddākāpilāni gục khóc nức nở. Hóa ra, cả hai có cùng một nguyện ước! Pippali sung sướng quá! Rồi chàng tâm sự cho nàng nghe! Cuối cùng, hai người cam kết, thỏa thuận, sẽ sống với nhau như bạn!

Thời gian trôi qua, hai vợ chồng thay nhau chăm lo mọi việc trong ngoài vì cha mẹ đã già yếu. Thì giờ rảnh rỗi, khá nhiều, họ nghiên cứu thêm triết đạo học, thực hành yoga, thảo luận với nhau về những điểm khúc mắc về các tư tưởng tôn giáo! Họ sống với nhau như bát nước đầy, trong sạch như vỏ ốc!

Vậy là sau mười hai năm thủ ước, cha mẹ qua đời, Pippali bèn bàn với Bhaddākāpilāni kế hoạch hành động: Trước khi xuất gia nên bố thí tất cả châu báu, của cải, tài

sản! Chàng sẽ tha phương tâm đạo, sẽ học hỏi tất cả mọi giáo chủ, mọi chân sư ở trên đời! Còn nàng nên tạm thời đến xuất gia với ni chúng Nigaṇṭhānāṭaputta (Ni-kiền-tử), bao giờ tìm ra đạo lộ bất tử sẽ báo cho nàng sau!

Suốt ba tháng trường mới bố thí hết, xả ly hết của cải tích góp nhiều đời, chàng và nàng nhẹ hẫng, phơi phới. Chàng chuẩn bị đầy đủ tám món vật dụng của một du sĩ hành cước: ba y, bát, dây thắt lưng, dao cạo tóc, ống kim chỉ và đồ lọc nước! Nàng cũng chuẩn bị như vậy. Lựa một ngày đẹp trời, nàng cắt bỏ mái tóc thanh xuân, chàng sạch sẽ râu tóc, tam y, nhát bát lên đường! Đến đầu làng, hai người chia tay, rẽ sang hai hướng; nàng về nam tìm đến giáo phái Ni-kiền-tử, chàng lên phía bắc, lang thang nhiều quốc độ! Năm ấy chàng đã ba mươi hai tuổi.

Chính cái ngày mà hai người ra đi thì đức Phật đang ngồi dưới cội Bodhirukkha! Vậy là chỉ hơn một năm mòn mỏi, không tìm ra chân sư, không tìm ra giải đáp tối hậu, Pippali lần hướng về quê nhà thì hay tin: Một vị Chánh Đẳng Giác đã ra đời, đang khai đàn lập giáo ở khu Rừng Tre do vua Seniya Bimbisāra cúng dường. Hiện tại, kinh đô này như đang lên cơn sốt của một tôn giáo không có thần linh, nói rằng, mỗi người là ngọn đèn cho mình, có thể giác ngộ, giải thoát cho chính mình mà không cần uy lực của thượng đế nào cả! Máy ngàn sa-môn của tôn giáo mới ở ngoài truyền thống ấy như những đám mây vàng nhẹ nhàng, thanh thoát tràn ngập khắp mọi nơi, khắp mọi không gian: địa lý và tâm linh!

Pippali, tức là Mahā Kassapa, nghe rúng động từng chân tơ, kẽ tóc; tin đồn ấy rất hợp với tư duy của chàng, rất quen thuộc với những hình ảnh trong giấc mơ thánh thiện của chàng!

Đứng lặng bên ngôi nhà cũ. Nhắm mắt, tĩnh lặng chiêu niệm ân đức của hai đấng sinh thành, rồi Mahā Kassapa

quay gót, theo thuyền vượt qua con sông nhỏ, với ý nghĩ là sẽ tìm đến Trúc Lâm; nhưng mới đi một đôi đường thì gặp đức Thế Tôn! Phải, tuy chưa có duyên gặp đức Thế Tôn nhưng Mahā Kassapa thấy một sa-môn phi phạm với ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp đang ngồi tĩnh tại dưới cội cây Bahuputtaka, dung sắc chói ngời, hào quang sáng rõ thì chàng biết, đây là ngài chứ không còn ai khác nữa!

Với thái độ thành kính rất tự nhiên, Mahā Kassapa, quỳ mọp xuống, đánh lễ rồi nói rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn là đạo sư của con, con là đệ tử của ngài! (Sathā me bhante sāvako-hamasmi!)

- Nay Mahā Kassapa! Hãy ngồi xuống đây rồi Như Lai sẽ trao cho ông một gia tài pháp bảo!

Mahā Kassapa thấy đức Thế Tôn ngồi trên đám cỏ bằng, bèn lấy y ngoại (saṃghāṭi, y hai lớp) xếp làm bốn rồi thỉnh ngài an tọa, sau đó mới cung kính quỳ hầu một bên.

Đức Phật giáo giới:

- Nay Mahā Kassapa! Ông ở trong gia đình giàu sang tột bậc, lại được thọ sinh từ dòng tộc bà-la-môn cao quý (brāhmajāti), nên dễ ngã mạn về thọ sinh, ngã mạn về dòng tộc (jātimāna)! Trong giáo hội của Như Lai, cả bốn giai cấp đều bình đẳng như các con sông đều tan hòa trong biển nước của đại dương, ở đây, sự kính trọng không tùy thuộc giai cấp mà tùy thuộc vào hạ lạc! Sau này, giáo hội sẽ có những vị đại đức, những vị trung đức, những vị sơ đức phải biết như vậy để đối xử cho phải lẽ!

Nay Mahā Kassapa! Ông đã có được một sở học và kiến thức uyên bác từ thuở thanh niên nên dễ sinh ra ngã mạn về tri kiến (ñāṇaditṭhīmāna)! Vậy ông phải biết chăm chú lắng nghe giáo pháp, ghi nhớ giáo pháp, thực hành giáo pháp và kính trọng giáo pháp mới mong thành tựu những lợi lạc tối thượng!

Này Mahā Kassapa! Ông có những quý tướng và vẻ đẹp của bậc đại nhân nên dễ sinh ra luyến ái sắc thân, tự hào về sắc thân, ngã mạn về sắc thân (kāyamāna)! Vậy ông nên tu tập đề mục niệm thân (kāyagatasati), nhất là phải thấy cho rõ những thể trược, những bất tịnh (asubha) của chúng. Rồi cũng nên tiến hành đề mục về hơi thở (anāpānasati) để đạt các định cần thiết, quán chiếu thân, thọ, tâm, pháp để thấy rõ thực tướng vô thường, vô ngã và dukkha của chúng để đạt tuệ nhân, tuệ tri, tuệ giác, tuệ minh, giải quyết trọn vẹn vấn đề sinh tử, giải thoát tất cả mọi sầu, bi, khổ, ưu não trên cuộc đời!

Đức Phật dạy xong ba điều về ngã mạn, du sĩ Mahā Kassapa trở thành tỳ-khuru! Đây là sự thọ giới được gọi là “thọ giới tỳ-khuru bằng giáo huấn” (Ovādapaṭiggahaṇ-ūpasampadā) đặc biệt, duy nhất trong giáo hội của đức Tôn Sư.

Là bậc vốn có trí hạnh đầy đủ, nghe xong tức hiểu, Mahā Kassapa ôm chân bụi của đức Thế Tôn, vô cùng cảm kích.

Đức Phật chợt mỉm cười, nói rằng:

- Tám ngoại y của ông, không rõ bằng chất liệu gì mà mềm mát, ấm áp và êm dịu đến thế?

Mahā Kassapa là bậc trí, ông hiểu là đức Thế Tôn lại quở trách nhẹ nhàng, tinh tế khi ông đã sử dụng saṃghāṭi bằng loại tơ tầm cực mịn, không tương hợp với những sa-môn sơ cơ đang tu tập với đề mục niệm thân! Thế rồi, ông xin dâng cúng saṃghāṭi đắt giá ấy lên đức Phật, người đã diệt tận mọi nhiễm ô, đổi lấy saṃghāṭi tầm thường của ngài⁽¹⁾.

Đức Phật lại bi mẫn tứ giáo rằng:

- Này Mahā Kassapa! Ông hoàn toàn hiểu ý của Như

⁽¹⁾ Đức Phật chỉ muốn trả lại hạnh nguyện đầu-đà cho ngài Mahā Kassapa!

Lai! Cái hạnh sáng rõ của ông trong giáo pháp này chính là một bậc thánh vô dục, đầu-đà khổ hạnh nhưng lưu ý là đừng rơi vào cực đoan!

Bảy hôm sau, trước an cư mùa mưa mấy ngày, do nhiệt tâm, tinh cần tu tập, Mahā Kassapa đắc đạo quả A-la-hán, luôn cả tuệ phân tích và thần thông!

Quả thật là một thành tựu hy hữu của một nhân vật kiệt xuất nên hôm kia, trước đây đủ chư vị tôn túc trưởng lão và mấy ngàn tỳ-khưu, đức Phật trân trọng giới thiệu Mahā Kassapa:

- Đây là một vị tỳ-khưu cũng được sinh ra từ cửa miệng của Như Lai, từ giáo pháp của Như Lai; là một đệ tử ưu tú, là một đệ tử cao quý! Mahā Kassapa sẽ là một tỳ-khưu đệ nhất về khổ hạnh đầu-đà rồi còn giáo hóa cho mọi người về một đời sống tri túc và thiểu dục nữa! (Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ dhutavādānaṃ yadidaṃ Mahākassapo!)

Lời tuyên bố của đức Phật, thế là đã xác định được địa vị ưu thắng, đệ nhất về khổ hạnh đầu đà của ngài Mahā Kassapa trong lòng giáo hội và đại chúng.

Khi nghe chuyện về hai vợ chồng hy hữu, mười hai năm thủ ước sống trong sạch bên nhau rồi còn dễ dàng rũ bỏ tài sản cự phú... nên hội chúng cứ xôn xao bàn tán mãi, không rõ do nhân gì, duyên gì từ kiếp trước! Đức Phật lại phải vén mở bức màn quá khứ, kể cho hội chúng biết rằng: Họ đã từng tu tập từ rất lâu xa, đã từng thực hành mười ba-la-mật tuy không bằng Sāriputta và Moggallāna, nhưng cũng đã trải qua nhiều vị Chánh Đẳng Giác. Đặc biệt, một kiếp nọ, Mahā Kassapa làm vua, có tên là Nandarāgā, Bhaddākāpilāni làm hoàng hậu; cả hai đều có đức tin trong sạch với thiện pháp. Vào thời không có Phật Toàn Giác ra đời, đức vua và hoàng hậu đã hộ độ bốn món vật dụng cho năm trăm vị Độc Giác đầy đủ, hỷ mãn cho đến khi các ngài an nhập Niết-bàn, với

lời nguyện đạo quả bất tử. Kiếp ấy, sau khi truyền ngôi vị cho hoàng tử, cả hai khoác áo đạo sĩ vào Tuyết sơn sống đời khổ hạnh độc cư, lâm chung, đắc định, hóa sanh phạm thiên giới! Sở dĩ cả hai đều chán ghét ngũ dục là vì họ vừa ở cõi phạm thiên hạ sanh, tâm nhằm chán, viễn ly dục lạc của định sắc giới còn ảnh hưởng rất mạnh đến kiếp này!

Còn chuyện tượng nữ thần bằng vàng, lại gặp được mỹ nhân giống hệt, các bậc có trí tuệ hiểu rằng: Họ đã nhiều kiếp vợ chồng, nhiều kiếp cùng tạo trử ba-la-mật thì hình ảnh, dung sắc của người vợ mỹ miều, đức hạnh không lúc nào là không hiện rõ rệt từng đường nét một trong tâm trí của thanh niên Pippali!

MÙA AN CƯ THỨ HAI
(Năm 586 trước TL)

Bài Đồng Dao BiếM Nhễ

Công việc truyền bá giáo pháp, như chiếc thuyền ra khơi, không phải lúc nào cũng trời yên biển lặng. Sự phát triển quá nhanh số lượng tăng chúng, kéo theo nhiều vấn đề phức tạp. Ba trăm ngàn thị dân thành phố Rājagaha bắt đầu gánh chịu áp lực nặng nề trong việc đặt bát mỗi ngày cho hàng ngàn sa-môn, đệ tử của đức Phật và cũng hàng ngàn du sĩ, đạo sĩ của tôn giáo khác nữa! Mà trong số ấy, không phải ai cũng chính đính, trang nghiêm, có tăng tướng, có oai nghi mô phạm! Trong số một ngàn đệ tử của các tôn giả Kassapa cùng một số đệ tử của tôn giả Sāriputta và Moggallāna đều đã là bậc thánh, họ biết, họ tự điều chỉnh nên họ đã tự động tản mác vào những thôn làng xa ở các ngoại ô. Riêng mấy trăm tân tỳ-khưu từ bốn phương về, trong số họ gồm nhiều thành phần phức tạp, chưa được học giáo pháp đúng mức lại thích đi bát trong thành phố vì có nhiều thực phẩm thượng vị; họ lại thường có ngôn hành thô tháo nên tạo ấn tượng không được tốt đẹp trong mắt quần chúng. Thứ nữa, sự ganh tỵ từ phía các tôn giáo bạn khi đức Phật và hội chúng của ngài được đức vua Seniya Bimbisāra, hoàng tộc và triều đình trọng vọng, không những quy y, hộ độ hằng ngày mà còn xây dựng, hiến cúng cả Trúc Lâm tịnh xá quy mô nữa!

Ngoài ra, đâu đó còn ẩn chứa mầm giống tiêu cực về mặt xã hội. Nhiều người đang có công ăn việc làm, đang sống đời bình thường với gia đình, hốt nhiên thích làm sa-môn, gia nhập giáo đoàn của đức Phật mặc cho vợ con túng thiếu. Dư luận sau đây được bàn tán qua cửa miệng của nhiều người thị dân: “Giáo hội của sa-môn Gotama đã làm cho các giống dòng tuyệt tự, gia đình ly tán, vợ góa con côi! Không những sa-môn này kéo theo bên mình một ngàn đạo sĩ tóc búi, hai trăm năm mươi môn đệ của Sañjaya, hằng trăm người thuộc thành phần phức tạp mà còn có những thiện gia nam tử cao sang đệ nhất nước Māgadha cũng thoát ly gia đình để về sống dưới sự hướng dẫn của ông ta!”

Thế rồi, không chỉ họ phỉ báng “bọn sa-môn đầu trọc”; không biết người trí thức nào còn đặt ra câu đồng dao rồi dạy cho trẻ con hát, chọc gheo các vị tỳ-khưu từ góc phố này sang góc phố khác:

“- Người đến từ cổ thành
Bậc đạo sư trên đường
Dẫn theo đoàn khất sĩ
Dẫn theo đoàn đạo nhơn
Biết còn ai thọ giới
Quy phục lực sa-môn?”

Nghe được sự việc trên, đức Phật dạy rằng, bần lòng làm gì những lời châm chọc ấy, chúng thường không kéo dài được lâu, hãy kham nhẫn! Còn câu đồng dao, thấy lời lẽ châm biếm cũng rất nhẹ nhàng, đức Phật chợt mỉm cười rồi đọc ngay một vần thi kệ:

“- Các bậc vô thượng nhân
Hiện lộ lẽ thực chân
Chỉ đường theo chánh pháp
Trí đức sáng vô ngần
Ai nữ nào ganh tỵ
Các khất sĩ hiền nhân

Dẫn đưa người tiên bước
Bằng giáo pháp như chân!”⁽¹⁾

Các vị sa-môn trẻ thú vị vì câu thi kệ nên đã nhanh chóng truyền sang bên ngoài, rồi cũng nhanh chóng, trẻ con các nơi thích thú hát theo, thế là câu đồng dao cũ tức khắc bị vô hiệu hóa! Và cả lời chỉ trích, thời gian sau cũng không còn nữa. Có lẽ một phần do sự ngăn chặn của đức vua Seniya Bimbisāra và triều đình; phần khác là nhờ các vị trưởng lão A-la-hán Koṇḍañña, Assaji, Yasa... ba tôn giả Kassapa, Mahā Kassapa; và nhất là Sāriputta, Moggallāna được phép đức Phật, liên tục mở các lớp giáo huấn, giảng dạy về ngôn hành, tứ oai nghi, đưa chư vị tân tỳ-khưu vào nền nếp. Nhân tiện, đức Phật cũng bảo Sāriputta để ý đến thành phần ít học hoặc chẳng học, thiếu căn bản trí thức và trình độ giáo dục; họ thường khiếm nhã, thiếu tư cách, mất tác phong trong khi đi trì bình khát thực. Theo yêu cầu của vị đại đệ tử, đức Phật đã ban hành một số học giới liên hệ. Ví như phép cư xử nhã nhặn, lịch sự, khiêm tốn đối với mọi người! Cách thức đi trì bình hoặc thọ thực phải giữ sự im lặng của bậc thánh! Các tân tỳ-khưu phải biết vâng lời, tôn kính các bậc giáo thọ, phải có những bổn phận nhất định với các thầy như chăm sóc y phục, rửa sạch bình bát, lau chùi sàng tọa... Bên cạnh đó, hiệu quả nhất là tôn giả Sāriputta đã làm thêm được ba việc. Thứ nhất là, trong khi an cư mùa mưa, đức vua, triều đình, thương gia, các vị thí chủ ngoài việc cúng dường vật thực hằng ngày, mời đến tư gia đặt bát... còn có thể cúng dường gạo, đậu, mè, dầu, bột, đường, quả củ, rau trái... đến chu tăng; rồi một số cư sĩ áo trắng phụ việc sẽ nấu chín, đặt bát cho những trưởng lão già yếu, người ốm bệnh hoặc các vị tỳ-khưu bận rộn nhiều công việc

(1) Phỏng theo “Đức Phật lịch sử” của H.W. Schumann, Trần Phương Lan dịch, Nxb T/P HCM, năm 2000).

ở tịnh xá! Thứ hai là, chia phiên từng nhóm để đi khát thực trong thành phố hoặc các thôn làng, ngăn chặn sự tùy tiện hoặc giải tỏa áp lực ở một vùng, một thôn xóm! Thứ ba là, mỗi ngày chia phiên trực ban: Ban vườn cảnh, đường kinh hành, nhà vệ sinh, nhà tắm, cốc liêu; ban dọn dẹp, thu xếp, sắp đặt giảng đường, tọa cụ, dầu đèn, đón tiếp khách thập phương hoặc thí chủ các nơi; ban bảo quản nhà kho lương thực, chăm lo, đốc thúc bếp núc, sửa soạn vật thực phục vụ nhân số cơ hữu! Ngoài ra, tôn giả Sāriputta còn chu đáo, thay đổi thị giả hầu cận đức Phật, tỳ-khuru Nāgita thay thế tỳ-khuru Nāgasamāla, tìm kiếm các thị giả cho các trưởng lão Koṇḍañña, Assaji, Kassapa...

Quả thật, có tâm và có trí của vị đại đệ tử được đức Phật tin cậy, sự trật tự, nề nếp của Trúc Lâm tịnh xá đã bước lên một tầm cao mới. Nhân dân các nơi khi đi chiêm quan Rừng Trúc, không ai là không khen ngợi, tán thán sự tổ chức, nề nếp sinh hoạt của giáo đoàn. Sự chiêm biếm, phỉ báng không còn nữa, mà ngược lại, thanh danh đức Phật và hội chúng của ngài lại càng lan xa, lan rộng thêm nữa!

Đức vua Seniya Bimbisāra thường hay lui tới, ông không dẫn theo nhiều người, chỉ có năm bảy thị vệ tháp tùng cùng đi với hoàng hậu Videhi và thái tử Ajātasattu! Nhà vua bảo là ông rất nhớ đức Phật và thánh chúng; và lúc nào cũng muốn nghe pháp. Đời sống của một vị vua chẳng an lạc và hạnh phúc gì, luôn luôn bận rộn và luôn luôn cảnh giác, đề phòng việc này, việc kia, người này, người nọ! Hôm kia, đức vua như cố ý gợi gẫm thái tử Ajātasattu, nhờ tôn giả Sāriputta dạy dỗ vì tương lai đất nước tùy thuộc tư cách, phẩm hạnh của bậc nhân chủ! Nhưng khi đức vua dẫn thái tử dạo chơi thì hoàng hậu Videhi lại tâm sự với đức Phật rằng:

- Đệ tử rất lấy làm lo ngại vì lời tiên tri thưở trước của các thầy bà-la-môn khi đứa trẻ còn ở trong thai bào, có tên là Ajātasattu, có nghĩa là “kẻ thù chưa sanh”! Số là từ khi

mang thai trẻ, đệ tử chột nhiên thềm muốn lạ lòng vài giọt máu nơi bàn tay phải của đức vua! Thềm muốn đến xanh xao, vàng vố mà không dám nói! Sau, bị cật vấn hoài, đệ tử đành phải thú thật! Thế là nhà vua vui vẻ, lấy dao rạch tay cho đệ tử hút máu! Đệ tử định giết đứa trẻ này, kể khi còn trong thai hay khi đã sanh ra nhưng đức vua cương quyết không cho! Nhà vua thương nó lắm. Đến nỗi khi trẻ bị cái mụn nhọt trên đầu ngón tay, mừng mủ, nhức nhối suốt ngày đêm, la khóc suốt ngày đêm, không ai dỗ dành được. Đang bận việc giữa triều đình, thế mà đức vua đã nhẹ nhẹ bế trẻ lên, ngậm ngón tay đau của con, nhẹ nhẹ mút chỗ mưng mủ cho con đỡ đau. Đứa trẻ đỡ đau thật, không còn khóc la nữa, thế là nhà vua không dám rút tay trẻ ra, cứ ngậm mãi rồi bao nhiêu máu mủ ông nuốt vào bụng hết! Thế đó là tình phụ tử đậm đà, sâu nặng, thế gian khó có người thứ hai, nhưng đệ tử vẫn lo ngại vô cùng về sự oan trái nào đó giữa hai cha con từ quá khứ!

Đức Phật biết chuyện nghiệp báo nhân quả, thậm chí còn biết việc gì xảy ra trong tương lai giữa hai cha con đức vua; nhưng ngài đã kín đáo và tinh tế khuyên dạy:

- Định luật nghiệp báo nhân quả rất khó thấy, khó biết, cho chí một bậc thánh A-la-hán cũng chưa thấy rõ một cách toàn diện! Khi nhân đã gieo rồi thì quả nó sẽ trở, không ai có thể ngăn chặn được. Có thể do đời sống tu tập, tạo nhiều nghiệp lành thì quả báo xưa có thể nhẹ đi chứ không thể chấm dứt hẳn! Hoàng hậu hãy để tâm an lành, tĩnh niệm trong đời sống hiện tại; chuyện đã qua rồi, đừng để cho bất kỳ hình ảnh nào, sự việc gì từ quá khứ ám ảnh, tạo ra bất an, phiền não không đáng có!

Dù chưa dứt tuyệt ám ảnh, nhưng hoàng hậu Videhi cũng nguôi ngoai. Hơn nữa, ngắm nhìn khung cảnh thanh bình và đời sống giản dị, an tịnh của đức Phật và Tăng chúng, tâm bà như cũng êm đềm và mát mẻ theo!

Riêng quý phi Khemā, vị phu nhân khả ái, xinh đẹp của đức vua Seniya Bimbisāra thì không dám đến nghe pháp, vì nghe nói đức Phật thường chê bai phụ nữ, đôi khi còn xem phụ nữ là bất tịnh; ngài không những không tán dương sắc đẹp bên ngoài của người phụ nữ mà còn coi nó là một trở ngại cho sự tu tập của hàng sa-môn!

An cư năm nay, dù mưa gió nhiều, nhưng không ảnh hưởng gì lắm đến sự tu tập cũng như việc khát thực của chư tăng. Cốc liêu có mái lợp, tường che kín đáo. Kho lương thực dự trữ có thể hỗ trợ cho việc đặt bát tại tịnh xá. Có vấn đề gì phát sanh thì hai vị đại đệ tử đã tự động giải quyết, khỏi phiền đến đức Phật hoặc các vị trưởng lão. Như việc đau ốm thì cần phải có thuốc thang, bệnh xá và lương y phụ trách. Như việc có quá nhiều người ăn xin đến châu chực khoảng thời gian chư tăng độ thực thì phải làm sao? Đuổi đi thì thương tổn lòng từ mà lấy phần của chư tăng để bố thí thì đụng chạm đến đức tin của thí chủ! Cả hai việc lớn, khó xử này, tôn giả Sāriputta, tôn giả Moggallāna phải cầu viện đến đức vua, các vị trọng thần và các thánh cư sĩ hào phú. Sau đó, nhanh chóng một bệnh xá đã được thiết lập, một trại chăn bần ngoài bìa rừng đã được dựng lên! Tôn giả còn để ý tìm hiểu nguyên nhân của một số căn bệnh do ngồi thiền nhiều, do ít cử động về tay chân nên khuyên chư tăng hãy đi kinh hành nhiều sau khi độ thực, siêng năng trong việc lao tác như xách nước, quét tước, dọn dẹp nơi này và nơi khác. Đối với các vị già lão thì tôn giả hướng dẫn các thế Hatha-yoga để điều thân, điều khí cho máu huyết lưu thông!

Nói tóm lại là bất cứ chỗ nào cũng phải để mắt đến. Các ngày đầu và cuối tháng, các ngày bát quan trai, hai hàng cư sĩ áo trắng ngồi đầy giảng đường, đèn, hoa cũng tràn ngập giảng đường! Vậy, có đủ chỗ vệ sinh sạch sẽ cho họ chăng? Hoa tàn, hoa héo, lá gói, dây cột và rác rưởi thì ai dọn dẹp, chất đống ở đâu? Những tấm tọa cụ phải được thay thế bằng

nhiều tâm tham vải thô lớn rộng và bền chắc! Hễ có nắng lên là phải phơi phóng để tránh ẩm mốc! Cả từng núi công việc, từng đồng vấn đề phải cần có đầu óc phi phàm, biết tính toán, biết lo liệu, biết sắp xếp, biết tổ chức; nếu không sẽ trở thành một bãi chiến trường, một bãi rác!

Thì giờ sinh hoạt trong ngày của chư tăng đã thông báo rộng rãi và từng bước một cũng được thực thi nghiêm túc. Sau giờ hành thiền buổi sớm, ai cũng phải lao động chân tay, cất đặt dọn dẹp, quét tước xung quanh cốc liêu của mình. Các vị tỳ-khưu chúng trưởng có trách nhiệm phân nhóm, phân đường đi khát thực các nơi. Trưa về, phải độ thực tại nhà ăn, ngoại trừ những vị theo hạnh đầu-đà noi gương tôn giả Mahā Kassapa, thường chọn rừng, nghĩa địa để tiện việc tu tập, quán tưởng! Buổi sáng, chương trình của đức Phật thường tùy nghi: đi bát tự do, có người mời hoặc ngài thuyết giáo cho cư sĩ tại gia! Buổi chiều, khi thì đức Phật giáo giới cho nhiều thành phần giai cấp đến hỏi đạo, khi thì ngài giảng dạy chư tăng. Tôn giả Sāriputta và Moggallāna, thỉnh thoảng được đức Phật chỉ định thuyết thay ngài! Buổi tối cũng thế, đôi khi lại để dành cho các tỳ-khưu phương xa. Khuya là chư thiên, khuya nữa là phạm thiên! Đức Phật chỉ nghiêng lưng nghỉ ngơi vào nửa canh ba; nửa canh về sáng, ngài đã trở dậy để quán nhân duyên với chúng sanh! Hai vị đại đệ tử biết thì giờ của đức Phật nên phân định công việc đâu ra đó. Đến lúc này thì uy tín của hai vị đại đệ tử chỉ còn sau đức Phật mà thôi vậy!

Hôm kia có một đoàn người từ Kapilavatthu đến. Đây là một quan đại thần và mấy chục chiến sĩ Sākya. Đức vua Suddhodana, sau bảy năm xa cách con trai, nhớ nhung vô cùng nhưng không nghe tung tích ở đâu. Thời gian gần đây, các phái đoàn thương buôn, xuống lên, qua lại theo con đường thương mại (sau này là con đường tơ lụa), ghé Kapilavatthu nghỉ ngơi và đổi hàng, thanh danh của đức

Phật được họ bàn tán xôn xao rằng: “Dòng dõi Sākya anh hùng của quốc độ này đã phát sanh một bậc Chánh Đẳng Giác. Ngài đã chiến thắng nhân giới, ma giới và thiên giới! Ngài đã được chư thiên và nhân loại xưng tán, tôn vinh với nhiều hồng danh như Đại A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn! Thế rồi, sau khi độ cho năm đạo sĩ khổ hạnh ở Lộc Uyển, Isipatana, ngài theo dãy núi Gayā đi lần về Māgadha, cảm hóa hằng ngàn đạo sĩ tóc búi. Hiện tại, đức vua Seniya Bimbisāra oai danh lừng lẫy cùng với bá quan, triều đình đều đến quy giáo đức Tôn Sư ấy, dâng cúng toàn bộ Trúc Lâm và hàng ngàn công trình xây dựng. Đức Quang Vinh Điều Ngự luôn đoanh vây quanh mình hằng ngàn sa-môn áo vàng, hằng chục ngàn người thuộc hoàng gia, quý tộc, triệu phú cùng đệ tử hai chúng thuộc mọi thành phần giai cấp xã hội khác nhau!”

Trái tim già nua của đức vua Suddhodana chột đập liên hồi khi hay được tin trên. Hoàng hậu Gotamī bồi hồi bồi hồi nhìn ngắm phương trời xa, tưởng tượng đứa con ưu tú thuở xưa bây giờ đã trở thành bậc đạo sư của thiên hạ. Công nương Yasodharā tủi thân, lệ đổ hai hàng mặt dầu bà đã nhiều lần làm chủ cảm xúc, hy sinh hạnh phúc nhỏ bé để cho thái tử thỏa mộng ước tâm cầu chân lý! Nghe tin vui, ai cũng mừng rỡ, nôn nóng trong lòng! Tầm bóng của cánh chim giang hồ kia bây giờ mọi người thân yêu đã tìm ra dấu vết! Thế là đức vua Suddhodana tức tốc cho một phái đoàn, gồm một quan đại thần cùng mấy chục chiến sĩ lên đường đến kinh đô Rājagaha, Trúc Lâm tịnh xá, bày tỏ ước mong đức Phật trở về thăm quê hương xa cách lâu ngày!

Đến Trúc Lâm, phái đoàn sứ giả thấy khó tiếp xúc với đức Phật, vì lúc nào ngài cũng bận giáo giới chư tăng, hai hàng cư sĩ hoặc quan khách các phái đoàn! Tò mò, không hiểu đức Phật giảng nói cái gì mà mọi người cung kính,

chăm chú lắng nghe từ lớp này đến lớp khác! Chư tăng cả hàng ngàn vị trật tự, nề nếp, trang nghiêm lắng nghe giáo pháp không một tiếng ho, không một tiếng tăng háng, tất cả như chìm ngập trong miền tịnh định an lạc rất lạ lùng! Vị quan đại thần và tốp chiến sĩ lắng lặng ngồi nghe. Hóa ra, rồi họ cũng say mê, nghe buổi sáng, nghe buổi chiều và nghe cả về đêm nữa! Đức Phật biết chuyện gì xảy ra, nhưng ngài không nói gì cả. Khi cả phái đoàn đồng xin xuất gia tỳ-khuru, đức Phật biết họ đã đắc quả A-la-hán, và chính các vị trưởng lão đã làm lễ thọ giới cho họ có ngài chứng minh.

Rồi chuyện gì xảy ra? Rồi suốt mấy tháng trường như thế, chín phái đoàn như thế, đều đắc quả A-la-hán, họ không còn muốn trở về Kapilavatthu nữa! Thật ra, không phải là họ đã quên trọng trách! Sau khi đắc quả A-la-hán, quán nhân duyên, thấy chưa phải thời, họ biết lúc nào là đầy đủ nhân duyên, chính đức Phật sẽ trở lại quê nhà mà chẳng cần ai thừa thỉnh gì cả!

Nhưng riêng đức vua Suddhodana thì rất nóng lòng, cả chín phái đoàn ra đi đều mất tích như những cây kim chìm mất giữa đại dương! Chưa nản chí và cũng như là quyết định cuối cùng, đức vua bèn cử một vị trọng thần, bạn cũ thời thơ ấu và cả tuổi thanh xuân của thái tử là Kāḷudāyi dẫn đầu phái đoàn, lên đường thực hiện sứ mạng! Được sự tin cậy, Kāḷudāyi rất sung sướng; nhưng sung sướng hơn là hy vọng gặp lại người bạn thuở xưa đến nỗi nao nức không ngủ được! Ông bây giờ đã từng trải quan trường và cũng đã khá nhiều mệt mỏi vì gánh nặng nước nhà cũng như gánh nặng gia đình! Mái tóc ông đã có vài sợi bạc, không biết thái tử, là vị Phật ấy, bây giờ ra sao mà thanh danh vang dội còn hơn cả đấng thần linh? Và, Kāḷudāyi cũng tin chắc như thế; trí tuệ, nhân cách và nghị lực của vị ấy, chắc hẳn sẽ có được những thành tựu vĩ đại! Trước khi đi, ông ghé thăm lệnh bà Gotamī, công nương Yasodharā. Ai cũng hy vọng và gửi

gắm những tình cảm trân trọng!

Đến Trúc Lâm đã qua mùa an cư từ lâu nhưng đại giảng đường vẫn tiếp tục những thời pháp, không khí vẫn rộn ràng những Phật sự và tăng sự! Kāḷudāyi là người tinh tế, ông chưa gặp đức Phật vội! Ông nhìn ngắm, ông quan sát! Ông bỏ ngoài tai những lời đồn đãi, ông chỉ xác định cái gì đó bằng mắt thấy, tai nghe! Và quả thật, ông đã bước vào một vương quốc của hòa bình, một vương quốc không thể có ở trần gian! Đời sống tăng chúng đâu đó đều như có tính tự giác và tỏa ra một sự ổn định, thanh bình từ nội tâm. Người quét rác cũng bình yên, thanh thản; kẻ bước đi cũng thung dung tự tại. Và tuyệt đối không có một tiếng động ồn ào – nơi hàng ngàn con người đang sinh sống! Pháp luật ở đâu, pháp chế ở đâu, kỷ luật ở đâu - không thấy! Từ giảng đường, nhà ăn, nhà vệ sinh, nhà khách, công viên, sân vườn, không thấy người chỉ huy, điều hành mà đâu đó đều tươm tất, lịch sự! Làm quan triều đình, ông biết, tâm địa thế gian đâu dễ gì giáo dục! Mà ở đây như hội tụ những tinh hoa trí thức như xã hội của những triết nhân, những con người thượng lưu thật sự!

Khi nghe pháp, Kāḷudāyi và phái đoàn đều đặc quả A-la-hán, được chư vị trưởng lão cho thọ giới tỳ-khưu có sự chứng minh của đức Thế Tôn thân nhận vào giáo đoàn. Tìm gặp đức Phật, trong tăng tướng sa-môn, Kāḷudāyi quỳ lạy đánh lễ với nụ cười viên mãn! Ông không biết nói gì! Mà chuyện gì, đức Thế Tôn lại không biết! Tuy nhiên, đóng vai trò của một sứ giả bình thường, ông kể chuyện quê nhà từ lúc thái tử ra đi! Rằng là phụ vương của ngài tuy già yếu nhưng vẫn còn kháng kiện! Lệnh bà Gotamī thì sức khỏe rất tốt! Công nương Yasodharā tuy thương nhớ nhưng vẫn giữ cốt cách, vẫn tự chủ mọi cảm xúc! Nanda đã lớn, là một thanh niên hào hoa phong nhã, thích chung diện, ham chơi, đang đính ước hôn sự với một tiểu thư kiêu diễm! Sundarī-

Nanda đã là một thiếu nữ hoa nhường nguyệt thẹn, đứng đắn, chưa chịu để mắt xanh đến vị vương tôn, công tử nào! Rāhula đã bảy tuổi, không ngoan lắm, ít chịu học hành là hòn ngọc, là con cưng của tất cả mọi người! Ānanda và Anuruddha lúc này đã chín chắn, mẫu mực, nhưng không chịu nhận bất kỳ một chức vụ gì, giả dụ như làm vua hai vị cũng không quan tâm; luôn luôn nói rằng, sẽ đợi chờ hành tung của người anh siêu việt! Trong số các bạn cũ, Mahānāma rõ ràng là chững chạc nhất, là phụ tá quan trọng nhất cho đức vua; tham mưu, quyết định những vấn đề trọng đại của triều đình! Nếu kể vị ngôi vương thì chẳng có ai xứng đáng hơn Mahānāma! Còn Kimbila, Bhaddiya, Bhagu, Udāyi... kẻ làm quan tổng trấn, người tướng lĩnh quân đội, đại thần đảm đang triều chính đều là những nhân vật khả thủ cả!

Nghe xong tất cả mọi chuyện, đức Phật nói:

- Như Lai cũng đã có dự định về thăm quê nhà, thăm tất cả mọi người thân thuộc khi đầy đủ nhân duyên! Có lẽ là đầu mùa xuân, Kāḷudāyi ạ! Ông hãy ở lại đây một thời gian, khi giáo pháp đã thấy rồi, còn cần phải thu xếp đời sống phạm hạnh cho tương hợp!

Kāḷudāyi cúi đầu tuân phục. Ôi, con người này bây giờ vĩ đại quá! Thế gian này đâu có vấn đề gì nữa mà bàn? Một đời sống thanh bình an lạc; một nụ cười vô ưu, siêu thoát; một con đường phạm hạnh thiêng liêng đang hấp dẫn vô lượng chúng sanh tìm về trong đạo lộ thanh tịnh! Một hơi thở, một cái nhìn cũng đã trở thành tự do và tuyệt đối!

Bất giác, Kāḷudāyi mỉm nụ hoa sen và thấy rõ ràng, tất cả thế gian đều thanh tịnh!

Về Thăm Quê Hương

Sau khi Kāḷudāyi trở về quê nhà báo tin, đức Phật cho họp tăng chúng, lựa chọn năm trăm vị tỳ-khuru lậu hoặc đã tận cùng lên đường với ngài, có tôn giả Sāriputta, tôn giả Mahā Kassapa hướng dẫn hội chúng. Còn mọi sinh hoạt tại Trúc Lâm, giáo giới, nhắc nhở chư tăng tu tập, thuyết pháp cho hai hàng cư sĩ áo trắng, đức Phật giao phó cho tôn giả Moggallāna, nhóm tôn giả Yasa, ba tôn giả Kassapa cùng các vị đệ tử lớn tuổi khác. Còn tôn giả Koṇḍañña thì đã xin ẩn cư tại Himalaya.

Đức Phật và chư tỳ-khuru tăng năm trăm vị, lên đường vào một ngày trời nắng nhẹ, gió xuân phơi phơi mát lành, trăm hoa nở rộ khắp nơi. Đường bộ từ Rājagaha trở về Kapilavatthu phải ngược lên phía tây bắc, đạp qua sông Gaṅgā, tại thị trấn Pāṭaligāma rồi theo con đường thương buôn, trọn lộ trình xa chừng sáu mươi do-tuần. Vì vừa đi vừa trì bình khát thực, thỉnh thoảng đức Phật còn phải thuyết pháp tại các làng mạc, thị trấn nên phái đoàn mỗi ngày chỉ đi được trên dưới một do-tuần. Như thế thì gần hai tháng sau mới có thể tới nơi.

Tôn giả Kāḷudāyi và trên mười vị tỳ-khuru dòng tộc Sākya đã đặc quả A-la-hán đón tiếp đức Phật trước chín

mười ngày đường. Do niềm vui siêu thế ở trong tâm, do niềm hạnh phúc của triều đình, của hai quốc độ được đón tiếp bậc Thiên Nhân Sư, tôn giả Kāḷudāyī đã cảm hứng ngũ thốt lên một bài tụng ca đẹp lộng lẫy với màu sắc tươi thắm, rực rỡ:

“- Bầu trời đức Thế Tôn đi,
Chư thiên nam tấu nhạc,
Chư thiên nữ rắc hoa,
Giữa nền mây ngọc bích,
Giữa nền mây pha-lê châu!
Con đường đức Thế Tôn đi,
Những hàng cây tàn xanh bóng mát,
Hoa hồng thắm, hoa vàng tươi,
Bướm ngũ sắc từng đàn lấp lánh,
Nào quả trái đỏ xanh lủng lẳng,
Hòa niềm vui nghinh đón sa-môn,
Cả vùng trời tỏa ngát hương thơm,
Ôi, bất tuyệt trần gian một thuở!
Thật đúng thời,
Đức Thế Tôn trở lại,
Hoa rải cánh,
Tin lành kết trái,
Kết hỷ hoan, hỷ lạc dâng tràn,
Đã qua rồi nắng hạ, đông hàn,
Xuân vĩnh cửu,
Với từng bước đi vĩnh cửu!
Tộc Sākya, tộc Koliya,
Có được phúc lành hy hữu!
Dòng sông Rohini biếc xanh,
Lòng người biếc xanh,
Cung nghinh, chiêm bái đức Tôn Sư!”

Đức Phật phải dừng chân lại, mỉm cười cho những lời lẽ miêu tả thanh tao, trong sáng nhưng không kém phần diễm

lệ, huy hoàng của người bạn thân vừa mới đắc quả! Và quả thật vậy, đức Phật và đoàn sa-môn thanh thoi bước đi trong không gian tỏa nức mùi thơm của hương đồng cỏ nội, của hoa lá ngày xuân.

Đến Kapilavatthu, đức Phật bảo với Kāḷudāyi là chưa nên đi vào kinh thành mà hãy để cho ngài và hội chúng tỳ-khuru tạm trú tại Nigrodhārāma (Ni-câu-luật viên), tức là rừng đa cổ thụ ở phía đông nam kinh thành, có nhiều cây to bóng mát mà trước đây các đạo sĩ, du sĩ thường hay lui tới.

Đức vua Suddhodana, triều đình và con cháu dòng tộc Sākya đã hay tin nên đồng đến Nigrodhārāma để đón tiếp. Tuy nhiên, vốn bản tính ngã mạn đã thành nề, các vị cao niên trưởng lão của dòng tộc, nghĩ rằng: “Dẫu là ông Phật, ông thánh chẳng nữa thì vị sa-môn kia cũng chỉ thuộc vai con vế cháu mà thôi!” Do vậy, họ chỉ đứng yên hoặc lựa ngồi một chỗ nào đó ở phía sau, bảo những người nhỏ tuổi đến đứng trước để chào đón. Hướng tâm đến, đức Phật hiểu tất cả, nhưng ngài lại bước đến phía đức vua Suddhodana:

- Phụ vương!

- Thái tử !

Trao bình bát cho vị thị giả là tỳ-khuru Nāgita, đức Phật nắm chặt hai bàn tay khô gầy của vua cha. Đã gần tám năm xa cách, đức vua tuy có già hơn nhưng vẫn còn tinh anh, quắc thước. Nhìn những giọt nước mắt trôi chảy lặng lẽ xuống đôi gò má nhăn nheo của vua cha, đức Phật rất thương cảm, nhưng ngài đã làm chủ cảm xúc, trao gởi một cái nhìn vô cùng dịu dàng và ấm áp! Riêng nhà vua thì cảm nhận rất rõ rằng, con ngài bây giờ không còn là thái tử Siddhattha thuở xưa nữa, mà đã là một đại sa-môn cao quý, một bậc lãnh tụ tinh thần vĩ đại, đã vượt cao, vượt xa, vượt trên nhân thế, không còn bị giới hạn trong sự thông tục của đời thường. Bất giác, đức vua cúi đầu xuống, thành kính

chấp tay theo phong cách, mỹ tục của một quốc vương lúc diện kiến một bậc chân sư, một đạo sư, một giáo chủ!

Đức Phật thấy thái độ trí thức của vua cha, ngài rất hài lòng; và muốn để tăng trưởng đức tin ấy, đồng thời nhằm cảm hóa, nhiếp phục tính kiêu căng của hoàng tộc, ngài liền bay lên giữa hư không, tạo một con đường bằng ngọc nằm vắt từ đông sang tây rồi đi kinh hành qua lại. Lát sau, đức Phật sử dụng một loại thần thông bất khả tư nghị, hóa phép yamaka pāṭihāriya, có nghĩa là “hai thần lực song song” làm cho nước và lửa cùng một lúc phát sanh từ lỗ chân lông; rồi hai tia sáng xanh và đỏ tỏa ra ngời ngời như hai tia điện chớp chóa mắt hội chúng. Hiện lộng thần oai xong, đức Phật đáp xuống chỗ bảo tọa đã soạn sẵn, ngồi đơan nghiêm, thanh tịnh!

Thấy thần thông kỳ diệu của đức Phật, đức vua Suddhodana mọc ốc cả toàn thân, niềm tin phát khởi, và một lần nữa, ông lại xác nhận cái điều mà ông đã suy nghĩ: “Quả thật, con ta bây giờ không còn là thái tử đương triều nữa – mà đúng là thần oai của một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác như mọi người đã xưng tán, tôn vinh!” Nghĩ thế xong, bất giác, đức vua quỳ xuống đánh lễ rồi thốt lên rằng: “Đây là lần thứ ba, phụ vương đánh lễ con đây!” Cả triều đình, dòng tộc Sākya lớn nhỏ, sợ hãi, quỳ lạy theo!

Tôn giả Sāriputta ở bên cạnh đức Phật, còn tôn giả Moggallāna, lúc ấy, đang ở Trúc Lâm tịnh xá cách xa sáu mươi do-tuần nhưng cả hai tâm ý tương thông, muốn trợ duyên cho đức Thế Tôn dễ dàng khai hóa hoàng tộc; nên đồng một lúc, như chỉ trong cái nháy mắt, đã như hai đám mây vàng rực, bay lên giữa hư không, đồng một lúc, đáp xuống bên phải và bên trái, năm vóc sát đất, đánh lễ ngài rồi cùng thưa rằng:

- Bạch đức Tôn Sư! Muốn trở thành một đức Chánh Đẳng Giác thì phải tu tập như thế nào? Phải trải qua thời

gian công hạnh ba-la-mật như thế nào?

Biết dụng tâm của hai vị đại đệ tử, đức Phật bèn cất giọng phạm âm với tám tuyệt hảo, thuyết một thời pháp nói về Phật tông (Buddhavamsa); tức là gốc nguồn, hành trạng của chư Phật! Muốn thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác phải trải qua bảy a-tăng-kỳ phát nguyện ở trong tâm, chín a-tăng-kỳ phát nguyện thành lời; bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp thực hành mười ba-la-mật trải qua hai mươi bốn vị Phật. Rồi đức Phật cũng kể tóm tắt nhưng đầy đủ hành trạng của hai mươi bốn vị Phật ấy: Phật Dīpaṅkara, Phật Koṇḍañña, Phật Maṅgala, Phật Sumana, Phật Revata, Phật Sobhita, Phật Anumodassī, Phật Paduma, Phật Nārada, Phật Padumuttara, Phật Sumedha, Phật Sujāta, Phật Piyadassī, Phật Atthadassī, Phật Dhammadassī, Phật Siddhattha, Phật Tissa, Phật Phussa, Phật Vipassī, Phật Sikhī, Phật Vessabhū, Phật Kakusandha, Phật Koṇāgamana, Phật Kassapa. Và chính ngài là vị Phật thứ hai mươi lăm, có danh hiệu là Sākya Gotama! Trong vô lượng kiếp trôi lăn sinh tử ấy, chính ngài có năm kiếp làm đạo sĩ, chín kiếp làm tỳ-khưu, năm kiếp làm cư sĩ, hai kiếp làm long vương, một kiếp làm Sakka, một kiếp làm nguyên soái Dạ-xoa, một kiếp làm vua sư tử đã được chư Phật thọ ký với tên tuổi, quê quán, dòng tộc, hành trạng hiển nhiên, minh bạch như thế nào! Rồi còn có vô lượng kiếp mê mờ, như đi giữa sương mù, xuống lên, chìm nổi giữa ba cõi, sáu đường thật không tính xuể!

Thời pháp của đức Phật, lạ lùng làm sao, lại có rất nhiều chư thiên chứng quả Nhập lưu, còn hội chúng thì như được mở hé một chân trời vi diệu nhưng không ai chứng đắc gì! Ngay khắc ấy, một trận mưa bất ngờ tuôn đổ xuống. Một trận mưa đỏ như màu máu. Một trận mưa lạ lùng: Đức Phật, chư thánh tăng, những người bắt đầu có đức tin thì khô ráo; còn những ai kiêu căng, ngã mạn thì ướt như chuột lột! Mọi

người bàn tán sôi nổi. Đức Phật thuyết thêm một thời pháp nữa, kể lại kiếp áp chót làm người, thái tử Vessantara, đã bố thí bất nghịch ý với năm đại thí như thế nào, sau mười hai năm lưu đày, trở lại làm vua, giữa hội chúng thân thuộc, cũng có một trận mưa như thế nhưng là một trận mưa bảy báu ngập tràn cung điện! Sau kiếp người, sanh làm thiên tử Setaketu ở cung trời Tusita, hết tuổi thọ mới giáng sanh vào lòng mẹ Mahāmāyā, vua cha Suddhodana, dòng tộc Sākya, kinh đô Kapilavatthu... để hoàn thiện công hạnh của một bậc Chánh Đẳng Giác!

Vậy là nhân duyên, nhân quả vô lượng kiếp đã được đức Thế Tôn giảng nói, thuyết minh khá rõ ràng làm cho hội chúng rất thỏa thích. Nhưng khi chia tay, cả hoàng tộc, không ai biết bốn phận là phải thỉnh mời đức Phật và chư tăng giáo đoàn vào ngày mai ra sao! Riêng đức vua Suddhodana thì đơn giản nghĩ rằng: “Đã về đến quê nhà, tất phải thọ thực ở cung điện rồi!”, nên ngài đã cho chuẩn bị yến tiệc đãi đấng đức Phật rất chu đáo!

Đêm ấy, tại công viên Nigrodhārāma, đức Phật tiếp những người bạn cũ do tôn giả Kāḷudāyī dẫn đến, đó là Mahānāma, Bhaddiya, Ānanda, Anuruddha, Kimbila, Bhagu... cả Nanda và Channa nữa. Có lẽ là tôn giả Kāḷudāyī đã kể cho họ nghe khá nhiều về đức Phật, vị huynh trưởng xưa của họ, người đã tìm ra ý nghĩa và giá trị đích thực của cuộc sống, đã giải quyết trọn vẹn vấn đề tử sinh! Lại nữa, buổi chiều, lẫn trong đám đông, họ đã chứng kiến thần thông vi diệu của đức Phật, đã nghe được hai thời pháp nên biết rõ rằng, bây giờ họ là người trần tục, và những ý tưởng được ngài tuyên thuyết không còn nằm trong lãnh vực tế thế an bang, cơm no, áo ấm cho muôn dân nữa, mà là cái gì vĩnh cửu hơn thế, đại toàn hơn thế! Lạ lùng làm sao, đức Phật không giáo giới gì, ngài chỉ hỏi thăm chừng mực công việc của từng người, ai đã lập gia đình, ai chưa lập gia đình! Đức

Phật mỉm cười, khi biết chỉ có Mahānāma là có vợ con, các vị khác đều thích sống độc thân! Suốt trong thời gian đàm đạo, họ như được tắm mát trong làn khí tâm từ, sau đó, đức Phật hẹn dịp khác, ngài bảo rằng, chưa đủ duyên để nói chuyện nhiều hơn!

Nửa cuối canh ba ngày hôm sau, đức Phật hướng tâm đến quá khứ, biết rằng, theo thông lệ của chư Phật, lúc về thăm quyến thuộc, các ngài không đi thẳng về nhà mà đều theo hạnh trì bình khát thực nên báo cho tôn giả Sāriputta hay biết. Thế rồi, với đại y màu san hô vắt vai, bát đá đen tuyền cầm tay, đức Phật như sư tử chúa lông vàng dẫn đầu hơn năm trăm vị tỳ-khưu thánh tăng đi vào trung tâm thành phố. Cứ lần lượt con đường này sang con đường khác, từ cửa nhà này sang cửa nhà khác, chẳng phân biệt giàu nghèo, sang hèn... Lần đầu tiên, kinh thành Kapilavatthu như bừng sáng lên bởi đoàn sa-môn mà họ đã được nghe tin truyền từ chiều hôm trước! Vị giáo chủ sáng lập tôn giáo mới ấy là đức Phật, nghe nói chính là thái tử Siddhattha nhân đức, thân yêu của họ! Miệng truyền miệng, tai truyền tai, không mấy chốc, cả kinh thành như lên cơn sốt! Những đôi mắt tò mò, ngạc nhiên. Những tùm năm tùm bảy chỉ trở, bàn tán. Thế là họ đồng kéo ra xem rồi thành kính đặt bát cho đức Phật và đoàn sa-môn!

Đức vua Suddhodana nghe quân hầu báo tin, vừa giận, vừa thương, tức tốc lên cỗ xe tứ mã ra khỏi hoàng cung. Đến con đường lớn, đức vua nhìn thấy đoàn sa-môn như con rồng vàng uốn lượn xa mút mắt; và đức Phật với dáng dấp cao to, uy nghi, trang nghiêm từng bước một đi đầu như chúa phượng hoàng! Bất giác, đức vua sinh tâm kính trọng! Bao nhiêu sự phẫn nộ ở trong lòng chợt như bị nguội tắt. Bước về phía đức Phật, nhà vua cung tay chào lịch sự nhưng lại mở giọng như hờn, như trách:

- Dầu sao, thái tử vẫn được xem như là đức vua của nước này! Chẳng lẽ nào cả ta và cả hoàng tộc không lo nỗi cho thái tử một bữa cơm, lại đi xin ăn lang thang như kẻ đầu đường xó chợ như thế? Sao thái tử nữ làm tổn thương hoàng tộc như thế? Làm nhục nhã truyền thống vương triều như thế?

Đức Phật dừng chân lại, mỉm cười:

- Không phải vậy đâu, phụ vương! Như Lai không hề làm tổn thương hoàng tộc và làm nhục vương triều! Đi trì bình khát thực trước cửa mọi nhà chính là truyền thống, dòng dõi của Như Lai!

Đức vua dụ giọng, nhưng vẫn giữ ý mình:

- Dòng dõi Sākya là dòng dõi của những vị chiến sĩ anh hùng, ta chưa hề thấy một ai trong truyền thống ấy lại nhục nhã đi xin ăn như thế!

- Phụ vương! Đức Phật mềm mỏng nói – Truyền thống, dòng dõi Sākya anh hùng thì không ai làm như thế; nhưng đây là truyền thống của chư Phật ba đời! Rồi ngài giảng giải – Tất cả mọi người trong giáo pháp này đều phải đi xin ăn. Khi nhận một muống cháo, một vá cơm từ người nghèo khổ hay một món ăn thượng vị của bậc đế vương, các vị sa-môn khát sĩ đều xem trọng như nhau! Trong đôi mắt xanh trong suốt của vị tỳ-khưu, tất cả đều bình đẳng, không phân biệt giàu nghèo, quý tiện! Một bà-la-môn, một sát-đế-ly, một vệ-xá, một thủ-đà-la hay cả một chiên-đà-la nô lệ đều là con người, đều có nhân phẩm, phẩm giá, giá trị giống nhau! Và ai cũng có khả năng giác ngộ, giải thoát! Nghi hơi một chút, đức Phật ra dấu thị giả Nāgita ôm bát theo sau, tôn giả Sāriputta cùng đi với ngài; tôn giả Mahā Kassapa, tôn giả Kāḷudāyi hướng dẫn đoàn sa-môn tản ra các con đường để khát thực, sau đó về công viên Nigrodhārāma đợi ngài, còn đức Phật nắm tay vua cha, đi bộ về cung điện, vừa đi vừa tiếp tục câu chuyện - Phụ vương thấy không, xã hội chúng ta

quá chênh lệch về tài sản, chẳng đồng đẳng về quyền lợi; kẻ thì quá đói nghèo, bần khổ, người thì quá giàu sang, xa xỉ. Sự phân biệt và kỳ thị giai cấp đã tạo nên hố sâu ngăn cách, đã làm cho biết bao nhiêu con người không còn giữ được giá trị con người nữa! Giáo pháp mà Như Lai đã khai sáng, chúng ngộ, lấy con người làm trọng tâm và tất cả đều bình đẳng. Như vậy, đi xin ăn qua cửa mọi nhà, không phân biệt là phương pháp tu tập của tất cả sa-môn từ ngàn trước đến ngàn sau! Khi đi trì bình như thế, họ khiêm nhu và vắng lặng, họ chánh niệm và tỉnh giác, họ vô sản và bần hàn, họ vô ngã và vô mạn, họ thông dong và siêu thoát! Ngoài ra, họ còn tạo cơ hội cho mọi người mở rộng tấm lòng, ai cũng có thể bố thí, cúng dường gieo duyên với giáo pháp. Làm được như thế là đem lại hạnh phúc, an vui cho mình và cho người! Các giá trị nhân văn và nhân bản ấy, cái mỹ học tuyệt vời ấy, đáng lý ra, phụ vương nên đem áp dụng vào đường lối chính sách của vương triều, tôn trọng giá trị nhân phẩm của con người vì bình đẳng, vì tình thương, vì hạnh phúc cho muôn dân mới phải!

Nghe đến ngang đây, cơ duyên chín muồi, đức vua Suddhodana chứng quả Nhập lưu, cảm thấy tâm trong, trí sáng, có đức tin bất động, mọi hoài nghi tiêu sạch, ông cúi xuống, khiêm cung, hoan hỷ thỉnh mời đức Phật về hoàng cung độ thực.

Đức Phật không lên xe ngựa mà ngài đi bộ, thông dong, nhàn nhã. Vậy là đức vua cũng phải đi bộ theo.

Đến hoàng cung, mấy ngàn người đã tề tựu như cuộc hội lớn. Khung cảnh chẳng mấy đổi thay nhưng hoa cảnh rực rỡ và trầm hương tỏa ngát khắp mọi nơi. Ai cũng trầm trồ vì thấy đức Phật dường như còn đẹp đẽ, sang trọng và có cái gì đó trông đáng kính, khác lạ hơn thái tử Siddhattha thuở trước!

Đức Phật mỉm cười, đưa mắt nhìn quanh như thăm chào hỏi tất cả mọi người. Từ xa, bà Gotamī nụ cười rạng rỡ, dáng dấp còn trẻ trung trong tấm Sarī màu xanh da trời, lanh lẹ và nhẹ nhàng bước đến.

- Mẫu hậu sức khỏe vẫn còn rất tốt, chẳng khác xưa bao nhiêu! Đức Phật cất giọng trầm ấm; và khi thấy bà bắt đầu sụt sùi đổ lệ, ngài nói tiếp với nụ cười - Cuộc hội ngộ này đáng lý ra phải mừng vui mới phải chứ! Ở đây còn thiếu Yasodharā, Rāhula, Sundarī-Nanda, Nanda nữa đấy!

Đức vua mời đức Phật vào chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Tại sân chầu rộng rãi, chính đức vua và hoàng hậu đích thân rót vật thực vào bát cho đức Phật. Tôn giả Sāriputta và tỳ-khưu thị giả Nāgita cũng được tiếp đãi như thế.

Độ ngộ xong, đức Phật nói:

- Phụ vương đã lớn tuổi rồi, cũng cần có chỗ nương tựa vững chắc cho đời mình! Phụ vương có thể bắt đầu ghép mình vào đời sống chánh hạnh vì an vui cho đời này và an vui cho nhiều đời sau nữa!

Kỳ diệu thay, sau câu nhắc nhở của đức Phật, đức vua Suddhodana chứng quả Nhất lai, Tu-đà-hàm (Sakadāgāmi), còn bà Gotamī chứng quả Nhập lưu, Thất lai, tức là Tu-đà-hoàn quả (Sotāpatti)!

Biết việc gì xảy ra trong tâm của những người thân yêu, đức Phật chợt đứng dậy, ân cần nắm tay đức vua đi về hướng đông cung, nơi ở của Yasodharā! Là bậc Toàn Giác, đức Phật biết tâm sự của nữ nhân, của Yasodharā, dễ cảm xúc, dễ tủi thân, tủi phận! Chính ngài phải đến thăm Yasodharā, chứ không phải Yasodharā đến thăm ngài! Và đức Phật đã nghĩ đúng! Yasodharā, trong lúc ấy, đã được nghe tràn tai về đấng phu quân của mình, vừa mừng, vừa tủi, vừa nôn nả, háo hức, vừa hồi hộp, run rẩy, nàng tự nghĩ: “Nếu trong thời gian thái tử vắng mặt, tám năm ròng rã, ta khiếm khuyết đức hạnh, ta khiếm khuyết thủy chung thì thái

tử sẽ không đến thăm ta; bằng ta là một viên ngọc maṇī không tỳ vết thì chính thái tử phải đến thăm ta dù ông ta có là một vị Phật chăng nữa!”

Đức Phật chợt nói với tôn giả Sāriputta:

- Tình cảm của nữ nhân, ông biết đấy! Vậy khi Như Lai đến thăm Yasodharā, hãy cứ để công nương tùy nghi biểu tỏ tình cảm của mình!

Và quả thật vậy, khi đức Phật vừa ngồi trên bảo tọa đã được sắp đặt sẵn, Yasodharā mặc tấm Sarī màu vàng trắng, chẳng châu báu điểm trang, chẳng hoa hương lòn loẹt từ hậu cung, đi bằng hai đầu gối, đến bên chân Phật, quỳ úp mặt vào bàn chân bụi của ngài, khóc ròng rã. Đức Phật cứ để yên vậy. Một lát sau, khi biết những giọt nước mắt đã trôi đi những cảm xúc lâu ngày dồn nén lại, đức Phật dịu dàng nói:

- Này Yasodharā! Này Gopā! Như Lai vẫn không khác xưa lắm đâu! Như Lai vẫn là con người cũ đó thôi! Nhưng bây giờ, tâm Như Lai thanh tịnh hơn, trí Như Lai quang rạng hơn! Như Lai đã tìm ra giá trị vĩnh hằng của cuộc sống mà đã một thời, chúng ta, các ông hoàng, đã cùng nhau thao thức, đã cùng nhau trăn trở! Bây giờ, Như Lai là hiện thân cho cái gì vừa ở bên trong cuộc đời này mà vừa ở bên ngoài và bên trên cuộc đời này nữa, để cứu độ nhân sinh! Do vậy, Như Lai không còn sống cho riêng mình, mà là sống vì hạnh phúc và an vui cho chúng sanh ba giới bốn loài! Này Gopā! Là bậc trí, là kẻ cùng chung vui khổ với Như Lai, cùng chung hạnh nguyện ba-la-mật với Như Lai, Gopā phải cần biết như thế!

Được lời như cởi mở tấm lòng, Yasodharā lau ráo lệ. Hoàng hậu Gotamī triu mến nhìn công chúa rồi ca tụng công đức của nàng:

- Từ lúc thái tử ra đi, công chúa vô cùng sầu muộn, như mất một bảo vật trân quý nhất ở trên đời; tuy nhiên nàng vẫn

giữ được sự tự chủ hiem có. Niềm an ủi lớn nhất của công chúa chính là trẻ Rāhula! Khi nghe thái tử sống đời tu sĩ, lang thang không cửa, không nhà, công chúa đã tự vất bỏ châu báu điểm trang, chỉ quàng tấm Sarī màu trắng dị giản! Khi nghe thái tử sống đời khổ hạnh, công chúa cũng bắt đầu từ bỏ vật thơm, dầu thoa, giường cao, chăn ấm; chỉ gói cây, nằm đất và mỗi ngày chỉ dùng một ít vật thực vào buổi trưa! Biết bao vương tôn, hoàng thân, công tử giàu sang, hào hoa, quý phái xúng đỏi, vừa lúca tìm đến nhằm nhe dạm hỏi, công chúa đều từ chối không tiếp! Khi nghe thái tử đã đắc thành quả Phật, đắp y vàng dẫn đầu đoàn sa-môn thanh tịnh về thăm quê hương thì công chúa cũng quàng tấm Sarī màu vàng! Thế đấy, không những công chúa có đức hạnh vẹn toàn mà còn biết cảm thông, chia sẻ với thái tử trong mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày xa cách, biệt ly!

- Mẫu hậu đừng nói nữa! Yasodharā chợt nói rồi đi đến bên cạnh bà – Thái tử bây giờ đã là một vị Phật rồi, chẳng có gì mà vị Phật lại không biết!

- Phải đấy, Gopā! Chẳng có gì mà Như Lai không biết! Và Như Lai còn biết nhiều hơn thế nữa! Rồi ngài quay sang, như nói chuyện với đức vua và hoàng hậu Gotamī - Gopā là thế đấy, không những bây giờ, mà đã từ vô lượng kiếp trước, từ thời đức Phật Dīpaṅkara rồi trải qua hai mươi bốn vị Chánh Đẳng Giác, nàng luôn chính đính, đoan trang, tiết hạnh, thủy chung; chia vui, sẻ buồn; không ngừng giúp đỡ Như Lai, nâng đỡ Như Lai, khuyến khích Như Lai trên đường tấn tu đạo nghiệp!

Nói thế xong, đức Phật vén bức màn quá khứ:

“- Cách đây phỏng chừng bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, có đức Phật Dīpaṅkara xuất hiện. Thuở ấy có chàng thanh niên Sumedha, xuất thân gia đình bà-la-môn cự phú, thiên tư thông tuệ, tài mao và sở học đều xuất chúng. Sau khi cha mẹ qua đời, Sumedha đã làm một cuộc bố thí vĩ

đại rồi lên non sống đời đạo sĩ. Nhờ tinh cần tu tập, đạo sĩ đắc bát định và ngũ thông; tuy nhiên, chàng biết rằng, bài toán phiền não và đau khổ chưa được giải đáp tận cùng!

Hôm kia, tại thành phố Rammavāti, dân chúng xôn xao chuẩn bị đón tiếp đức Phật và hội chúng thánh tăng; họ phải cùng nhau ra tay làm một con đường dài do mưa lũ xói mòn, bùn sình lầy lội! Mới nghe đến từ Phật (Buddho! Buddho!), tâm trí đạo sĩ Sumedha bị chấn động mãnh liệt, chàng khởi tâm đóng góp một tay vào công đức này, nên xin đảm nhận một quãng đường khó khăn nhất! Chàng suy nghĩ: Nếu ta sử dụng thần thông thì trong nháy mắt sẽ xong ngay, nhưng nếu làm vậy thì chẳng đổ mồ hôi, chẳng phải tốn hao sức lực, rớt lại, chẳng có ý nghĩa và giá trị gì! Thế rồi, đạo sĩ bèn sử dụng sức lao động của mình! Khi đức Phật và hội chúng ngự giá đến nơi, con đường dài đã phẳng phiu, phong quang, sạch sẽ, khô ráo nhưng phần đường do chàng đảm nhiệm lại chưa hoàn thành!

Nhìn đoạn đường sình lầy chỉ còn chùng một đòn gánh, đạo sĩ Sumedha đã có chủ định. Tuy nhiên, khi đức Phật Dīpaṅkara và hội chúng thánh tăng đã đi gần đến nơi, thấy tướng hảo quang minh của ngài, đạo sĩ khởi tâm tịnh tín, muôn cúng dường cái gì đó nên cứ đưa mắt nhìn quanh! Trong đám đông dân chúng, đạo sĩ chợt nhìn thấy một cô gái xinh đẹp, đang cầm trên tay 8 đóa hoa sen! Và lạ lùng làm sao, cô gái ấy cũng đang chăm chú nhìn chàng! Cô gái ấy tên là Sumitta, khi nhìn thấy Sumedha thì trái tim nàng xao xuyên mãnh liệt; và rồi như hiểu được nguyện vọng của chàng, nàng nói:

- Trong tám đóa hoa sen này, ba đóa là phần của thiếp để cúng dường đến đức Phật, năm đóa còn lại là phần của chàng, nhưng với một điều kiện...

- Cô nương cứ nói đi! Đạo sĩ Sumedha hồi hả nói - bắt

cứ điều kiện gì mà khả năng ta có thể làm được!

Nàng Sumitta mỉm cười:

- Tướng mạo và phẩm cách của chàng thật là tuyệt vời! Công đức hoàn thiện con đường để nghinh đón đức Phật của chàng cũng thật là tuyệt vời! Trong tương lai, chắc chàng sẽ thành tựu được sở nguyện vĩ đại trong lộ trình tu tập của mình! Thiếp nguyện được đi theo bên chàng, nâng khăn sửa túi cho chàng trong vô lượng kiếp sau...

Trái tim đạo sĩ trai trẻ chột rung động, nhưng chàng lại nói:

- Ta đồng ý điều kiện ấy, nhưng nàng hãy hứa là đừng cản trở chí nguyện và những công hạnh ba-la-mật của ta mới được!

Thiếu nữ mỉm cười, gặt đầu ưng thuận rồi trao cho đạo sĩ năm đóa sen tươi thắm. Rồi cả hai cùng nắm tay nhau, chạy đến quỳ bên chân Phật, đồng dâng tám đóa sen lên ngài! Việc vừa xong, đạo sĩ Sumedha chột sụp xuống đất, ôm chân bụi của ngài, thốt to lên rằng:

- Chỉ còn một khúc đường sinh lầy, đệ tử xin nguyện lấy tám thân giả hợp này để trải đường cho đức Thế Tôn và thánh chúng bước lên! Xin nguyện công đức của ngày hôm nay, mai sau đệ tử sẽ đắc thành quả Phật vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người!

Phát nguyện thế xong, đạo sĩ Sumedha vội đến nằm sấp vào đám sinh! Đức Phật chột hướng tâm, biết rõ nhân quả! Ngài cũng nghe rõ, quả đất đang rung động vì lời nguyện vô thượng của đạo sĩ; chư thiên, phạm thiên khắp mấy tầng trời đang rải hoa mạn-đà xung tán, ca ngợi công đức vô thượng ấy, ngài quay lại nói với đại chúng rằng:

- Có hai việc vừa xảy ra được xem là hy hữu trên đời này! Việc thứ nhất là tám bông sen của chàng trai và cô gái. Với sự thành tâm phát nguyện của họ, cả hai sẽ nên duyên tình nghĩa vợ chồng từ đời này sang kiếp khác, luôn đảm

ấm, thủy chung và luôn khuyến khích, nhắc nhở nhau trên lộ trình tu tập! Việc hy hữu thứ hai, là đạo sĩ này, với lời nguyện vô thượng của mình, thực hành ba-la-mật trong thời gian bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, trải qua hai mươi bốn vị Phật sẽ thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác đúng như ước mơ của chàng!

Rồi đức Phật quay sang hai người:

- Nay Sumedha! Ước nguyện của con sẽ được thành tựu; và bắt đầu từ kiếp sau, Sumitta sẽ là người bạn đời chung thủy của con, như chim liền cánh để bay qua sông dài biển rộng, sẽ đồng tâm, đồng chí, đồng phước, đồng nhân, đồng quả! Và này Sumitta! Con chẳng bao giờ cản trở chí nguyện của chồng con đâu!

Kể đến ngang đây, đức Phật kết luận:

- Giàu sang, vương giả, địa vị, danh vọng, quyền lực và tiền bạc... như vậy không phải là điều kiện để mang lại hạnh phúc cho con người. Tình yêu thương không, chưa đủ, mà còn cần sự hiểu biết, thông cảm và tôn trọng lẫn nhau. Sumedha và Sumitta đã vô lượng kiếp nên duyên chồng vợ; và cũng từng ấy kiếp, Sumitta luôn sát cánh, chung vai với người bạn đời của mình thực hiện con đường vô thượng. Sumitta thưở ấy giờ là Yasodharā, còn Sumedha chính là Như Lai vậy.

Ai cũng xúc động. Riêng Yasodharā thì bồi hồi, rung rung giọt lệ, nhưng là những giọt lệ hạnh phúc. Hoàng hậu Gotamī khẽ ôm vai công chúa, thốt lên rằng:

- Đúng là như thế! Yasodharā luôn là như thế, kể từ đêm thái tử rời bỏ kinh thành. Chính công chúa tinh ý nên biết tất cả và đã âm thầm hỗ trợ cho thái tử ra đi theo chí nguyện của mình!

Mọi người cười vui, không khí đã trở nên đầm ấm, mát mẻ. Đức Phật chợt hỏi:

- Thế còn Nanda, Sundarī-Nanda cùng Rāhula ở đâu, không thấy!

- Sundarī-Nanda đã dẫn Rāhula đi chơi đâu đó ngoài hoa viên - Lệnh bà Gotamī trả lời - Còn Nanda thì ngày nào cũng cùng bên vị hôn thê của mình!

Khi đức Phật, tôn giả Sāriputta đứng dậy giã từ, đức vua Suddhodana ngỏ ý thỉnh ngài và tăng chúng đặt bát tại hoàng cung vào ngày mai!

Hóa Độ Quyến Thuộc

Ngày hôm sau, tin truyền thái tử Siddhattha đã trở thành một vị Phật đã lan truyền khắp thành phố, hang cùng ngõ hẻm. Ngài đang dẫn đầu một hội chúng sa-môn năm trăm vị về thăm kinh đô cùng quyến thuộc xa cách lâu ngày. Chính ngài đã khai sáng một con đường mới, một tôn giáo không có thần linh; và mỗi một con người, không kể giai cấp nào, cũng có thể trở thành một vị Phật nếu biết cần cầu, nỗ lực, tu tập theo đạo lộ bát chánh của ngài!

Đức vua Suddhodana, bây giờ đã đắc quả Tư-đà-hàm, muốn làm rạng danh đưa con ưu tú của dòng tộc Sākya, nên đã bố cáo rộng rãi cho muôn dân Kapilavatthu tổ chức một cuộc nghinh đón trọng thể vào ngày mai! Ngoài việc trang hoàng thành phố, con đường từ công viên Nigrodhārāma đến hoàng cung phải được dọn dẹp phong quang, sạch sẽ; rồi phải treo cờ, kết hoa tươi vui, rộn rã! Tân khách của quốc vương được thỉnh mời, chừng mấy ngàn người, đều là các nhân sĩ, trí thức, tai mắt của kinh thành.

Trong lúc đức Phật và đoàn sa-môn thứ tự, trang nghiêm và lặng lẽ từng bước một hướng về hoàng cung thì dân chúng đã ken dày các ngã đường. Họ vừa tò mò, vừa thành kính chấp tay bởi dung nghi sáng rõ, Tăng tướng nhàn thoát

và bước đi thanh tịnh của đức Phật và đoàn sa-môn! Đâu đó có tiếng hò reo mừng vui. Đâu đó có lời bàn tán rì rào, rằng là cái tôn giáo này, các vị sa-môn có râu tóc sạch sẽ, y bát trang nghiêm, tướng mạo đường hoàng có vẻ đều là bậc quý tộc, có văn hóa, có học thức!

Đức vua Suddhodana muốn làm gương cho mọi người nên ngài đã đi chân đất ra nghinh đón đức Phật và chư tăng tận ngoài cổng cung thành! Các hàng trưởng lão, trọng thần, hoàng tộc và quan khách đều phải bắt chước làm như thế! Các chỗ ngồi và lều trại đều đã được chuẩn bị sẵn tại sân châu của đại điện.

Khi đức Phật và chư tăng đã vào những chỗ ngồi đã được soạn sẵn, đức vua nói vài lời với quan khách, đặc biệt trong đó có một số bà-la-môn tu sĩ, học giả nổi danh, những nhân sĩ uy tín, rằng là hoàng gia hôm nay đặt bát cúng dường đức Phật và tăng chúng, mong rằng phước sự này sẽ mang đến hạnh phúc, an lành cho tất cả chúng ta và cho cả quốc độ!

Đức vua lại tận tay rót vật thực vào bát cho đức Phật; và hàng trăm người phục vụ ân cần và chu đáo chia nhau làm công việc của mình!

Đức Phật và chư tăng thọ thực trong yên lặng. Đức vua, hoàng gia, tất cả quan khách cũng lặng lẽ thọ thực sau đó.

Thời pháp hôm ấy, đức Phật thuyết về Tứ diệu đế rất cao siêu, nhưng ngài lại đi từ những nguyên nhân, những lý do, tại sao trước đây ngài đã buông bỏ tất cả để xuất gia tầm đạo. Sự giới hạn của đời người bởi sinh, già, bệnh, chết; sự nghiệt ngã của định luật vô thường nó đã hủy diệt, cuốn trôi tất thảy tuổi thanh xuân, ước mơ cũng như những hoạch đắc rộng không trên trần thế. Sự thật ấy, dukkha, nó không ngoại trừ một ai! Chẳng có gì tồn tại được lâu. Chẳng có gì nắm bắt được. Cái được gọi là niềm vui, sự thỏa mãn, khả ý, khả lạc qua địa vị, quyền lực, danh vọng, ngũ dục luôn đi kèm

với bất toàn, bất như ý, đổ vỡ, sầu bi khổ ưu não. Con đường của đạo giác ngộ, tỉnh thức do ngài tìm ra, nó không ru ngủ mọi người nơi một thế giới cực lạc nào đó ở mai sau, không núp bóng quyền uy của thánh thần nào đó để mong được các ngài chở che, ban thưởng. Là kẻ trí, là bậc trí trong giáo pháp này, phải nhìn xuyên thủng màn sương khói của māyā để thấy rõ nguyên nhân của dukkha ấy! Mọi hình thức lễ nghi, tế tự, cầu nguyện, bùa phép, mật chú... chỉ là những liều thuốc an thần không bao giờ chữa trị tận gốc mọi đau khổ và phiền não! Tất cả mọi giáo phái trong và ngoài truyền thống, cái thì lạc vào duy thần, duy linh, duy lý, duy danh, duy tâm; cái thì lạc vào duy vật, duy sự, duy mỹ, duy thực, duy nghiệm! Không ảo giác thánh thần thì cũng hư vô chủ nghĩa! Không rơi vào mê tín, tà lộ thì cũng rơi vào khổ hạnh hoặc dục lạc cực đoan! Không ai, ở đâu, có đủ can đảm và dũng khí để nhìn ra chính mình, nội quán để thấy rõ toàn bộ sự vận hành của thân tâm mình! Tại sao, nguyên nhân nào mà tham lam, sân hận, si mê, ganh ghét, đố kỵ, tị hiềm, sầu não, hận thù... khởi sanh? Tại sao, nguyên nhân nào lại sinh ra nước mắt, thống khổ, thất vọng, tuyệt vọng... làm khô héo, tàn tạ mầm xanh của sự sống? Đạo giác ngộ, tỉnh thức, được lập cước từ nhận thức ấy mà ra đi, mà tìm kiếm con đường chấm dứt tất cả khổ, tất cả dukkha, bên trong, bên ngoài, thô hay tế từ cõi này hay cảnh giới khác! Và đạo lộ ấy, Như Lai đã tìm ra! Đạo lộ ấy chính là quán chiếu duyên khởi, vô ngã tính của tất cả pháp! Đạo lộ ấy chính là tỉnh thức trong từng hơi thở, từng bước đi! Đạo lộ ấy chính là nhìn ngắm như thực khi mắt thấy, tai nghe... và đừng bị cuốn trôi hoặc đắm chìm trong các ảo tưởng, ảo giác vốn không thực hữu! Thanh thoi, an lạc, mát mẻ, vô ưu, vô phiền sẽ đến cho những ai sống đời chánh niệm, tỉnh giác! Chánh niệm, tỉnh giác là lộ trình bước ra khỏi māyā, dukkha! Hiện tại, Như Lai và hội chúng của Như Lai đang đi trên con

đường ấy. Và ai cũng nếm thưởng được hương vị của giải thoát, của pháp mầu bất tử! Tuy nhiên, không phải ai cũng đi được theo lộ trình ấy. Giáo pháp của Như Lai được chế định riêng cho giới xuất gia và tại gia. Giới xuất gia thì tu tập giới định tuệ, theo con đường phạm hạnh, có thể giác ngộ giải thoát ngay ở đây và bây giờ; giới tại gia thì bố thí, trì giới và thực tập quán niệm... để có được niềm vui đích thực và nụ cười giải thoát trong đời sống với những sinh hoạt thường nhật! Nhưng phải bước đi bằng chính đôi chân của mình, bằng nỗ lực, tự tri, tự thức của chính mình! Đừng nô lệ một vị thần linh, thượng đế nào; mà cũng đừng nô lệ những truyền thống dù tốt đẹp từ ngàn xưa để lại! Bước chân an lạc và thanh thoi, tại đây và bây giờ của chúng ta, chính là con đường! Không có con đường nào khác! Như Lai tuyên bố như vậy! Con đường cũng chính là những bước chân an lạc và thanh thoi của chúng ta, tại đây và bây giờ! Đừng bước đi giữa hư vô, bước đi dưới những cái bóng của thần linh mà cũng đừng bước ra khỏi trái đất, chớ vị hãy nhớ như vậy!

Thật là những tư tưởng chưa từng được nghe, đi vào tâm trí giới bà-la-môn và các vị quan khách! Có người bần rùn. Có người bàng hoàng. Có người dường như thấy được các gì đó. Có người như vừa bước ra khỏi đám sương mù hỗn mang. Có người cảm giác tâm trí mình chợt như được sáng ra! Trong đôi mắt của họ có cái gì đó sáng lấp lánh!

Thế là giáo pháp của đức Thế Tôn đã như một luồng sinh khí mới thổi qua kinh thành Kapilavatthu cổ xưa. Rất nhiều người chứng quả Nhập lưu! Rất nhiều người xin được quy y Tam Bảo!

Thế rồi, bắt đầu từ buổi trưa hôm ấy, đức Phật bận khách liên tục, tại hoàng cung cũng như tại công viên Nigrodhārāma. Các ông hoàng thân tình thưở trước như Ānanda, Bhaddiya, Mahānāma, Kimbila, Anuruddha,

Bhagu; cả Nanda và Sundrī-Nandā... đều có đến thăm, nhưng ngài cũng không có thì giờ nói chuyện nhiều. Thấy tình trạng ăn ở, các tiện nghi sinh hoạt tại công viên quá thiếu thốn nên họ đã huy động nhân công, vật liệu để làm cốc liêu, giảng đường, nhà ăn, nhà khách và các công trình khác để dâng cúng lên đức Phật và Tăng chúng.

Công việc đang tiến hành thì ngày thứ ba, hoàng cung cử hành một lúc ba đại lễ quan trọng: Thành hôn, phong tước và khánh thành cung điện mới cho hoàng tử Nanda.

Trong lúc mọi người tập nập mang lễ phẩm đến chúc mừng thì bất ngờ, đức Phật xuất hiện vào lúc đã khá trưa:

- Như Lai cũng đến chúc mừng. Chúc mừng hạnh phúc và an lành đến cho tất cả mọi người!

Đức vua và hoàng hậu Gotamī hồi hải bảo soạn chỗ ngồi và dâng cúng vật thực cho ngài. Đức Phật im lặng thọ thực, khi tất cả đã xong xuôi, ngài trao bát cho hoàng tử Nanda rồi bước đi, không nói gì cả!

Vì quá nể trọng ông anh, Nanda ôm bát cúi lúi thủi theo sau, tự nghĩ: Ra đến cổng, chắc đức Phật sẽ thu bát lại! Nhưng không, đức Phật cứ bước mãi, ra khỏi cổng đã khá xa, ngài cũng không ngoảnh lại!

Tân nương Janapāda Kalyāni chợt cảm thấy lo ngại mơ hồ, chạy ra đến cổng, thống thiết kêu lên: “Hoàng tử yêu quý ơi! Hãy trở lại!” Đức Phật dường như không hề nghe, không hề thấy, ngài vẫn từng bước đĩnh đạc, uy nghi tiến xa mãi về phía trước. Hoàng tử Nanda nghe tiếng gọi tha thiết của người yêu, trái tim xôn xang, tê điếng; chân thì bước tới mà mặt thì ngoảnh lui, nhưng đức Phật thì cứ thanh thoi, tự tại như không có chuyện gì xảy ra!

Đến công viên Nigrodhārāma, đức Phật vừa ngồi yên vị thì tôn giả Mahā Kassapa đến trình, vì ở đây đang xây dựng nên có mấy trăm vị tỳ-khuru muốn đến tạm trú tản mát tại các khu rừng, công viên hay nghĩa địa! Tôn giả Sāriputta lại

thưa, là có ba bốn chục vị tỳ-khưu trẻ muốn phụ giúp một ít về công việc chân tay cho tu viện mau hoàn thành.

Đức Phật nói:

- Vậy là phải lẽ! Vậy là các thầy đã biết những công việc mình phải làm! Nhưng này Mahā Kassapa, ông hiện đang thọ trì bao nhiêu pháp đầu-đà?

- Đệ tử cũng không nhớ rõ! Từ khi gặp được đức Thế Tôn, thấy được pháp mầu bất tử, đệ tử chỉ dùng ba y, không thọ nhận bất kỳ chiếc y nào khác, nếu đã hư rách thì đệ tử chỉ đi lượm vải người ta quăng bỏ ở nghĩa địa, giặt sạch rồi nhuộm lại. Về vật thực, đệ tử chỉ đi trì bình xin ăn, chứ không nhận thỉnh mời trai Tăng của bất cứ ai khác. Khi đi trì bình khát thực, chỉ đi thứ tự từng nhà, không bỏ khoảng cách. Thọ thực thì chỉ ngồi một chỗ, không di chuyển chỗ. Chỉ ăn trong bát, có bao nhiêu dùng bấy nhiêu, không nhận thêm vật thực. Chỉ ngụ ở cội cây, rừng, nghĩa địa, nơi chỗ trống hoặc chỗ Tăng chỉ định. Và đệ tử chỉ ngồi và không nằm, dù lúc ngủ nghỉ từ đây đến nay, bạch đức Thế Tôn!

- Vậy là mười ba pháp, rất tốt, rất hy hữu đây, này Mahā Kassapa! Đức Phật nói - Đây được gọi là đầu-đà bậc thượng! Từ rày về sau, ông nên hướng dẫn cho những ai muốn sống đời khổ hạnh độc cư như thế, tùy khả năng, có thể bậc thượng, bậc trung hay bậc hạ! Tất cả pháp môn đầu-đà ấy đều có khả năng thiêu cháy, đốt cháy phiền não, đều có khả năng giúp cho các sa-môn sống đời thiểu dục, tri túc rất hiệu quả! Hãy làm gương cho các hàng sa-môn hậu học, này Mahā Kassapa!

Rồi quay sang tôn giả Sāriputta, đức Phật nói:

- Còn Sāriputta thay mặt Như Lai thuyết pháp cho hai hàng cư sĩ, giáo giới mấy chục tân tỳ-khưu vừa mới xuất gia ngày hôm qua. Thứ nữa, các vị tỳ-khưu trẻ có thể phụ giúp công việc, nhưng có những giới hạn nhất định: Không nên đào hố, đào hầm, đào nương rãnh; không nên chặt cây, chặt

cành, xót cỏ, ngắt lá, bẻ hoa... nghĩa là cái gì đụng chạm đến sự sống động vật hay thực vật thì các vị tỳ-khưu không nên làm, không được phép làm!

Hai vị tôn giả lĩnh ý. Đức Phật bây giờ mới hướng mắt đến hoàng tử Nanda - vẫn kiên nhẫn đứng một bên, không dám trao bát lại cho đức Phật khi ngài chưa bảo - ân cần nói rằng:

- Này Nanda! Ông có muốn sống đời xuất gia như Như Lai và như các vị tôn giả trang nghiêm, phạm hạnh kia không?

Nanda nóng lòng như lửa đốt vì sợ không kịp giờ cử hành hôn lễ; nhưng khi đức Phật hỏi, vì tôn kính ngài quá, chàng không dám từ chối, gật gật đầu rất miễn cưỡng!

Mỉm nụ cười lặng lẽ ở trong tâm, đức Phật tức khắc bảo tôn giả Sāriputta và tôn giả Mahā Kassapa cạo sạch sẽ râu tóc cho hoàng tử Nanda, kiếm đầy đủ y bát rồi làm lễ thọ giới tỳ-khưu cho chàng. Thế là vị tân lang, em cùng cha khác mẹ với đức Phật, con hoàng hậu Gotamī, phải xuất gia đúng ngày cử hành hôn lễ, dầu rất sầu khổ, nhớ thương công nương Janapāda Kalyāni vô cùng, nhưng chàng chỉ nín nhịn chịu đựng, không dám thốt một lời! Từ đây, Nanda tập sống đời tỳ-khưu dưới sự hướng dẫn của tôn giả Sāriputta, không được phép trở lại hoàng cung, không được phép thăm viếng, gặp gỡ công nương Janapāda Kalyāni nữa!

Việc làm có vẻ “ngang ngược” của đức Phật làm xôn xao dư luận trong hoàng cung, lan ra cả ngoài kinh thành! Lệnh bà Gotamī rất khó chịu. Đức vua Suddhodana, nhờ đã đắc quả Tư-đà-hàm, đã nhẹ nhàng hai sợi dây bất bình và tham ái nên nghĩ rằng, đức Phật có lý do của ngài! Đúng lúc ấy thì tôn giả Kaḷudāyi đến thăm rồi nói chuyện rất lâu với đức vua và hoàng hậu. Tôn giả đã đem ra rất nhiều ví dụ, ẩn dụ để so sánh đời sống buộc ràng, phiền não, đau khổ của người tại gia và đời sống thanh cao, an lạc, giải thoát của

người xuất gia! Lấy bản thân mình làm ví dụ, tôn giả nói, với một sa-môn vô sản bần hàn như bây giờ, nếu được đánh đổi một triệu lần đời sống vương giả trước kia, ông cũng không thèm! Tôn giả còn mở phôi các cảnh giới sống chết, nhập nhô chìm nổi, lang thang bất định trong các kiếp sống, chịu đựng muôn vàn thống khổ như thế nào! Đại vương là người đã bước hai bước vào đạo lộ bất tử, hiện tại, chỉ còn một kiếp làm người nữa thôi, là vĩnh viễn chấm dứt vòng trầm luân sinh tử luân hồi ấy, lẽ ra, bệ hạ nên vui mừng cho hoàng tử Nanda mới phải chứ!

Sau buổi nói chuyện ấy, đức vua cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thản; riêng hoàng hậu Gotamī thì vẫn còn buồn khổ, nhưng vì quá tin tưởng việc làm của đức Phật, bà chỉ còn tiếc cho ngai vàng chưa có người thừa kế mà thôi!

Cuối cùng, chỉ còn gia đình quan đại thần, cha mẹ của công nương Janapāda Kalyāni, họ rất bức tức và xem đây như là một mối sỉ nhục, là sự đùa bỡn tiết hạnh con gái nhà hiền lương! Thế rồi, tôn giả Kaḷudāyi lại tìm đến để làm sứ giả hòa bình. Nhờ tinh minh, lịch thiệp, nhờ khôn khéo ngôn ngữ, tôn giả đã làm cho gia đình nhà gái nguôi ngoai. Nhưng riêng công nương Janapāda Kalyāni thì tơ tình vương váu đã ken dày nhiều lớp, không ai có thể gỡ rối được!

Đức vua Suddhodana năm nay đã trên chín mươi tuổi nhưng ông vẫn còn quắc thước và rắn rỏi. Từ hôm nếm thưởng được hương vị của giáo pháp, đức vua giao việc trị nước cho hoàng thân Mahānāma cùng các lão thần trông coi; còn riêng ngài để dành thì giờ để tu tập. Hễ rảnh việc là nhà vua lại muốn nghe pháp nên ông mời thỉnh đức Phật và vài mươi vị đến hoàng cung đặt bát cúng dường!

Thời pháp buổi chiều, nhiều thành phần các giai cấp đến nghe, đức vua cũng ngồi kiết-già thế hoa sen, nhiếp tâm thanh tịnh, không bỏ sót một lời, một chữ! Sau đó, nhà vua rút về cung sâu để thiền định, kinh hành; và ông đã tìm ra

nguồn an lạc, hạnh phúc chưa hề có ở trong đời!

Đến ngày thứ bảy, đức Phật mới có thì giờ để đi thăm Rāhula, đứa con trai mà ngài chỉ mới thoáng thấy khi còn là một hài nhi đỏ hồng! Hôm ấy, đức vua, hoàng hậu muốn cúng dường đặt bát cho đức Phật tại đông cung, có tính cách gia đình nên chỉ mời một số vị lão thần, các quan đại thần thân tín của hoàng tộc Sākya mà thôi. Công nương Yasodharā đã cố ý cho Rāhula ăn mặc thật đẹp, với màu sắc thật dịu dàng; và trông tươm tất, chỉnh tề từ đầu đến chân!

Khi đức Phật, tôn giả Sāriputta và tỳ-khưu thị giả Nāgita bước vào hoa viên thì từ lầu cao, công nương đã nhìn thấy!

Lần đầu tiên, Yasodharā mới có dịp nhìn ngắm đức Phật một cách kỹ lưỡng như thế sau nhiều năm xa cách. Ôi! tướng mạo sa-môn trong chiếc y màu san hô của ngài nổi bật giữa hàng cây xanh trông đẹp làm sao! Từng bước đi của ngài vừa oai nghiêm, trầm hùng vừa an lạc, thanh thoi mà không ai trên đời này có thể bắt chước được! Dường như mỗi bước đi đã là một sự dừng nghỉ! Dường như mỗi bước đi đã là một sự tựu thành! Vị này không còn là Siddhattha thuở nào nữa rồi!

Thấy công nương Yasodharā mê mải ngắm nhìn người lạ mặt bên dưới đang bước lại gần, Rāhula níu và giật giật tấm Sārī màu vàng chanh của bà:

- Mẹ! Mẹ! Ai vậy mẹ?

Như sự tỉnh, công nương ngồi thấp xuống với con, mỉm cười:

- Con có thấy vị sa-môn đi đầu, trông như một vị phạm thiên oai vệ đó không?

- Thấy, có thấy! Vị ấy là ai mà đẹp thế mẹ?

- Là cha của con đấy!

- Cha của con?

- Ủ! Rồi Yasodharā khẽ nói – Ngài chính là cha của con, và ngài đang có một kho tàng vĩ đại, vô cùng quý giá! Từ

ngày ngài ra đi, đã gần tám năm qua, con chưa hề được gặp mặt. Con hãy chạy xuống bên ngài, nắm tay ngài, lắc lắc chéo y của ngài rồi nói rằng: “Thưa cha, con là con của cha, con hiện là một vương tôn, mai sau con sẽ lên ngôi, cai trị một vương quốc tươi đẹp và thanh bình! Hiện giờ con đang cần một gia sản. Mẹ nói rằng, cha đang sở hữu một kho tàng vô giá, vậy cha hãy trao nó cho con, vì tài sản của cha chính là tài sản của con!” Nhớ nói thế nhé, Rāhula!

Ngoan ngoãn, Rāhula gật đầu, cười tí mắt rồi chạy vụt xuống thang lầu. Đến gần bên, cậu bé ngậy thơ nắm tay đức Phật, giật giật chéo y của ngài và nói gần đúng với nguyên văn như mẹ đã dặn.

Đức Phật mỉm cười, nhìn đứa trẻ với khuôn mặt tròn trĩnh, tươi sáng, đáp lời, “Ừ, rồi Như Lai sẽ trao gia tài ấy cho con!”; nhưng trong tâm ngài đã khởi lên ý nghĩ: “Nó đã được nuông chiều từ nhỏ nhưng không biểu hiện một cá tính gì rõ rệt, chưa có một đức hạnh gì nổi bật; được cái là sau này nó không cứng đầu cứng cổ lắm đâu!” Rồi ngài ưu ái nắm tay Rāhula cùng bước lên lầu hoa thưở trước, nơi mọi người đang chờ đợi!

Độ ngộ xong, đức Phật nói về những điều kiện cần và đủ để duy trì hạnh phúc gia đình. Đại lược, thứ nhất là vợ chồng phải thật sự thương yêu nhau, chấp nhận cá tính của nhau, dù tốt hay xấu, dù thuận hay nghịch. Thứ hai là phải biết tôn trọng lẫn nhau, đừng áp đặt, chủ quan, độc đoán. Thứ ba là phải biết để ý để tìm cách chia sẻ vật chất đến cha mẹ cả hai gia đình, nếu họ thiếu thốn. Thứ tư, người chồng phải trao tiền cho vợ, giao cho vợ quán xuyến mọi việc nội trợ, ăn ở, sinh hoạt cũng như tự quyết định việc chi tiêu hằng ngày; người chồng phải biết chăm lo nghề nghiệp, thu xếp các công việc ở bên ngoài. Thứ năm là người chồng đừng quên quà biếu, vật trang sức cho vợ, vào những lúc đi xa về hay là những ngày kỷ niệm hỷ sự; ngược lại, người vợ phải

biết kính trọng, tôn trọng những ai chồng mình kính trọng, tôn trọng ví dụ như bạn bè, thân hữu của chồng mình! Tuy nhiên, cái được gọi là tốt nhất, cao nhất, căn bản nhất để năm điều kia được thành tựu viên mãn chính là chuyển hóa cách nhìn, chính là trí tuệ: Chồng nhìn vợ mình, vợ nhìn chồng mình luôn với cặp mắt xanh, luôn luôn mới mẻ, luôn luôn không định kiến, không thành kiến, không trước ý; luôn luôn hiện tiền trong sáng, không bị chồng chất, ám ảnh bởi hình ảnh của quá khứ, của tương lai hoặc của hiện tại chỉ vừa mới thoáng qua!

Mọi người thấm thía với thời pháp, nên họ trầm ngâm, suy gẫm và thật không dễ gì nắm bắt ngay được nhất là cái căn bản! Sau rốt, có người hỏi về chính sách trị dân, nó liên hệ thế nào, tương quan thế nào giữa giáo pháp xuất thế của đức Phật với an lạc hạnh phúc dung thường của mọi người trong trần thế! Và, nếu mọi người đàn ông đều xuất gia cả thì quốc độ sẽ ra sao, nhân loại sẽ ra sao? Điều ấy có thể nào lý giải rõ ràng qua phạm trù đạo đức tại thế được chăng?

Đức Phật mỉm cười, hẹn dịp khác, ngài sẽ khai thị về điều ấy; đến lúc hiểu rồi, thấy rồi thì xuất thế mà không ra khỏi cuộc đời, tại thế nhưng vẫn xuất thế vì nó không dính mắc phiền não và bụi bặm của trần gian; nói một thì không phải, nói hai cũng chẳng nhằm!

Mọi người có vẻ ngỡ ngời!

Đức Phật đứng lên, từ giả.

Cậu bé Rāhula có vẻ lưu luyến đức Phật, nên khi ngài rời hoàng cung, nó tất tả chạy theo, nắm tay ngài ra chiều thân thiết. Lúc ấy là sau ngọ, trời nắng hơi gắt; Rāhula vừa bước đi vừa núp trong cái bóng của ngài, vừa phát biểu rất dễ thương, rất ân tượng: “Ôi! Chỉ cái bóng của sa-môn thôi, mà sao làm cho con bình yên và mát mẻ đến thế!” (Sukhā vata te chayā, samaṇa!)

Thấy Rāhula đi theo đức Phật, không ai ngăn cản. Đi

một đôi, tôn giả Sāriputta nắm tay Rāhula rồi một ý nghĩ chợt khởi sanh:

- Bạch đức Thế Tôn! Chư Phật quá khứ lúc về thăm quê nhà; các ngài cứu độ quyên thuộc khó khăn hay dễ dàng?

- Cái ấy tùy thuộc nhân duyên, này Sāriputta! Hạt giống giáo pháp chỉ bén rễ sâu ở mảnh đất màu mỡ cùng với các điều kiện môi sinh thuận lợi!

Tôn giả Sāriputta hiểu, ngài chạnh nghĩ đến gia đình của mình với tín ngưỡng truyền thống đã ăn sâu vào huyết mạch rất khó lay chuyển...

Trở về đến công viên, đức Phật dẫn Rāhula vào hương phòng, lúc ấy đã làm xong, ngài nói:

- Này Rāhula! Mẹ dặn con là xin cho được một gia tài quý báu, bây giờ con hãy nghe đây! Gia tài, gia sản vật chất nhiều khổ ít vui; nó lại còn là nơi nuôi dưỡng lòng tham, phát sanh tranh chấp, đau khổ, phiền não cùng nhiều ràng buộc, hệ lụy khác nữa! Hiện tại, Như Lai có một gia tài, gia sản tinh thần rất lớn, rất quý báu; nó chỉ đem đến nụ cười, niềm vui, thanh bình và siêu thoát, Như Lai muốn trao cho con, con có nhận không?

- Có ạ! Rāhula vòng tay lễ phép – Con chỉ muốn nhận gia tài niềm vui mà thôi!

Đức Phật mỉm cười:

- Muốn có được gia tài ấy, con phải cạo đầu, mặc y, mang bát như Như Lai, như ông Sāriputta, như chú Nanda và như mọi người ở đây! Con có đồng ý không?

- Con đồng ý ạ!

Thế rồi, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta làm lễ xuất gia ngay tức khắc cho Rāhula! Như vậy, tôn giả Sāriputta nhận nhiệm vụ giáo thọ vị sa-di tí hon, bắt đầu dạy cách mặc y, mang bát, đi đứng, lúc ngủ nghỉ, cách nói năng, thưa hỏi thế nào cho đúng phép tắc, luật nghi! Và thật khó tưởng tượng một vương tôn cành vàng lá ngọc, quen nếp sống được

nuông chiều trong cung điện lại có thể thích nghi được đời sống của một khát sĩ khổ hạnh! Tuy nhiên, thật đáng ngạc nhiên làm sao, là sa-di Rāhula chẳng nhớ mẹ, nhớ ai ở cung đình cả; lại rất sung sướng trong đời sống mới, ngoan ngoãn, lễ độ, biết nghe lời dạy bảo của thầy mình!

Ngày hôm sau, đức vua Suddhodana, hoàng hậu Gotamī, công nương Yasodharā mới hay tin, ai cũng bàng hoàng. Quả thật như một tiếng sét đánh ở cung đình. Hoàng tử Nanda vừa xuất gia đúng vào giờ cử hành hôn lễ cách đây bốn ngày, bây giờ lại Rāhula nữa, nó còn quá ngây thơ, bé bỏng mà! Người đau khổ, sầu não nhất là công nương Yasodharā, thứ đến là lệnh bà Gotamī; nhưng khi cả hai muốn đến chất vấn đức Phật thì đức vua Suddhodana ngăn lại, ông nói:

- Đừng có vội vàng, nóng nảy! Một đức Chánh Đẳng Giác làm việc gì cũng có nhân duyên và quả của nó; đừng nhìn hiện tượng bên ngoài, tâm lý thường tình hoặc tình cảm cá nhân để xét định một sự việc. Trẫm tin tưởng tuyệt đối vào giáo pháp, vào trí tuệ của con trẫm, bây giờ là vị Phật đó! Chẳng bao giờ một bậc Toàn Giác lại thấy biết sai lầm, các khanh nên hiểu như vậy!

Đúng là tâm và trí của một vị Thánh đệ tử! Sau khi trấn an hai bà và mọi người khác, đức vua lên xe ngựa một mình cùng với vài quân hầu đến công viên Nigrodhārāma. Gặp đức Phật, nhà vua mở lời trách cứ khá nhẹ nhàng:

- Khi thái tử lìa bỏ cung vàng, điện ngọc ra đi, trẫm vô cùng đau xót, ái hậu Gotamī cũng thế. Còn Yasodharā lại càng sầu muộn, buồn tủi, thống khổ hơn! Lại trải qua tám năm dài đằng đẵng “làm srong phụ sa-môn” vô võ, cô đơn, gôi chiếc cũng không dễ dàng gì; ngoại trừ Yasodharā, không có ai bản lãnh, nghị lực đến thế! Bây giờ đến lượt Nanda! Trẫm hỏi đức Thế Tôn! Người cha người mẹ bình thường nào mà không xót xa, đứt ruột? Chuyện Nanda chưa

ngươi, cả hoàng cung lại mất thêm Rāhula, là trẻ được cung chiều, thương yêu; là nguồn an ủi duy nhất của hai vị phu nhân. Tình thương của người mẹ mất con, ông bà mất cháu cũng dường như bị ai đó cắt da, xẻ thịt, cắt gân, róc luôn cả xương cả tủy... Ngừng lại giây lát, đức vua nói tiếp – May nhờ cả hai vị phu nhân đều là bậc trí, hai trái tim mềm yếu kia có năng lực giáo pháp tăng thêm sức mạnh, nếu không họ đã gục ngã rồi! Còn trăm thì đã thấy rõ ái luyến sinh đau khổ, ái luyến sinh buộc ràng, ái luyến đưa vào dòng chảy trầm luân nên tình cảm kia chỉ như một cơn gió nhẹ xao thổi qua rồi mất! Tuy nhiên, trăm xin thỉnh nguyện đức Thế Tôn một điều: Từ rày về sau, sẽ không ban hành lễ xuất gia cho bất kỳ một người con nào, nhất là tuổi vị thành niên mà chưa được cha mẹ hoặc gia đình cho phép, ưng thuận!

Lời lẽ trình bày với lý tình minh bạch của đức vua, người đã bước được đôi chân vững chắc trên đạo lộ bát tử, làm cho đức Phật rất hoan hỷ. Ngay tức khắc hôm ấy, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta, tôn giả Mahā Kassapa bố cáo khắp tỳ-khuru tăng, xem lời thỉnh cầu của đức vua đã trở thành điều luật được ban hành rộng rãi!

Công viên Nigrodhārāma sau khi xây dựng xong, tuy không được quy mô và công phu như Trúc Lâm nhưng cũng đã trở thành nơi sinh hoạt của giáo đoàn tại kinh đô Kapilavatthu. Từ đó, dường như ngày nào cũng có người đặt bát cúng dường, ngày nào cũng có đoàn này hay đoàn khác đến tham vấn, học hỏi, quy y! Hoàng tộc Sākya, các chủ ngân hàng, chủ các nghiệp đoàn... bao giờ cũng là những thí chủ bố thí, cúng dường rộng rãi nhất. Họ còn cúng dường vải vóc, bát, tọa cụ, ngọa cụ, các loại thảm lót chân, lót nền nhà, ghè đựng nước, khăn mặt, khăn tắm, chăn nằm, chăn đắp... Thế là đức Phật lại phải chế định một số học giới, cái gì được thọ nhận, cái gì không nên thọ nhận. Ví dụ, các tỳ-khuru chỉ được phép nằm sấp cây, được phép sử dụng tọa cụ,

ngoạ cụ bằng thảm cỏ, thảm cói không được dùng nhung, lụa, gấm, chăn bông, gối dài! Mỗi vị tỳ-khuru chỉ có ba y, một bát, thừa y bát là phải xả cho vị khác, xả vào kho bảo quản cho vị đến sau! Y cũ rách không được quăng bỏ, phải giặt sạch để làm màn che gió, ngăn tường. Cũ rách quá nữa thì làm tấm lót chân, làm khăn lau nền nhà... Y tăng-già-lê (y ngoạ), không được quá dày do lót bông, lót dạ, chỉ nên dùng để đắp, làm sao để đừng ấm quá mà cũng đừng lạnh quá! Cát may y và màu y phải tuân thủ quy định chung. Kiếm rẽ cây, thân cây nhuộm màu, không được nhạt quá như màu cọng rom mà cũng không được sậm quá như màu cánh gián... Bát sắt, bát gỗ sần tróc là phải tìm cách xông khói nhuộm lại... Đức Phật cho phép chư tỳ-khuru được nhận lời mời của thí chủ thọ trai tại tư gia. Riêng tôn giả Mahā Kassapa và các vị tỳ-khuru thọ đầu-đà bậc thượng, bậc trung, bậc hạ thì được tùy nghi tìm chỗ độc cư, từ rày không bị ràng buộc bởi sinh hoạt của giáo đoàn, ngoại trừ khi có Saṅghā (Tăng-già) triệu tập!

Mỗi mỗi lời giáo giới của đức Phật, tôn giả Sāriputta ghi nhớ không bỏ sót một điều nào! Các thời pháp, cũng vậy, bất kỳ ở đâu, với ai, giờ nào, tôn giả đều lắng nghe, tư duy, chiêm nghiệm; lúc cần, ngài có thể giảng giải lại, rất rộng rãi, mạch lạc mà vẫn không rời cái căn bản, cái cốt tủy!

Suốt một tuần lễ, các vị hoàng thân Mahānāma, Ānanda, Bhaddiya, Kimbila, Anuruddha, Bhagu, Channa và cả Devadatta từ Koliya sang đặt bát cúng dường đức Phật và Tăng chúng. Thế rồi, đức Phật thuyết pháp, dành cho họ suốt ba buổi chiều. Và hôm nào cũng thế, họ thay phiên nhau hỏi từ điểm sơ cơ nhất của giáo pháp, cho đến cả những khái niệm ở ngoài ngôn ngữ, tức là những pháp siêu thế! Họ cũng hỏi đến những lãnh vực siêu hình, các khả năng thắng trí mà một sa-môn có thể thành tựu được. Đức Phật không phải lúc nào ngài cũng trả lời một cách mà bằng

nhiều cách! Do trí vô ngại giải, khi thì ngài trả lời tức khắc thẳng vào câu hỏi; khi ngài trả lời bằng cách hỏi ngược lại; khi thì ngài trả lời bằng cách giảng giải câu hỏi cho rộng, cho sâu thêm; thỉnh thoảng ngài im lặng hoặc sử dụng một vài năng lực huyền nhiệm. Khá nhiều lần, đức Phật lại giao trọng trách ấy cho tôn giả Sāriputta! Và đến lúc này, các ông hoàng mới thật sự kinh ngạc về trí biện tài thông tuệ, tầm kiến văn uyên bác cũng như ngôn ngữ lưu loát của vị nghe nói là đại đệ tử! Bây giờ thì sự kiêu căng, ngã mạn không còn nữa vì họ chợt hiểu rằng, dù họ học, nghe cả đời cũng không thể so sánh được với vị tôn giả cánh tay phải của đức Phật! Tuy nhiên, cái dòng máu cứng đầu của Sākya đã tiềm mật, lưu liên, âm ỉ nhiều đời kiếp: Họ vẫn chưa chịu quy y!

Hai tháng sau, trước khi từ giả Kapilavatthu để trở về cho kịp an cư mùa mưa ở Trúc Lâm, đức Phật đã thuyết một thời pháp quan trọng đến cho đức vua và cả triều đình. Đây cũng là thời pháp nhằm giải thích các câu hỏi còn tồn đọng trong tâm trí mọi người.

Đức Phật mở giọng trầm hùng, vang vang như tiếng chuông ngân:

- Đầu tiên là nói về chính sách trị dân! Phải nói rằng không có một chính sách trị dân nào trên thế gian này được gọi là toàn hảo, là tốt đẹp cả! Tại sao vậy? Vì khi hoạch định chính sách, các triều đại đã xác lập thể lương phân đôi đũa, bị quy định trong phạm trù: người cai trị và kẻ bị trị! Khi có người cai trị và kẻ bị trị thì sự xung đột, bất bình đẳng trong xã hội sẽ nảy sinh! Đây là sự thất bại thứ nhất với nghĩa nhị nguyên triết học!

Tiếp nữa, người cai trị, tức là thành phần lập định chính sách, họ ra sao? Họ có đạo đức chân thực? Có nghiêm minh, trung chính? Có một đời sống hiền thiện, mẫu mực? Hay họ chỉ là những con người luôn bị chi phối bởi xan tham, sân hận, si mê, ích kỷ, đầy đặc khát dục, tham vọng danh lợi và

quyền lực? Có thể nào một chính sách tốt đẹp, toàn hảo lại có thể được sinh ra từ một tập thể, mà, nhân cách chưa được tốt đẹp, chưa được toàn hảo mọi giá trị nhân văn và nhân bản? Đây là sự thất bại thứ hai với nghĩa tương quan duyên khởi tục thể - mà khi nói sự thật ra - thì đụng chạm đến nhiều người, đụng chạm đến thành phần cơ cấu của tập cấp lãnh đạo của mọi thể chế chính trị trên trái đất này!

Vậy thì thừa chur vị, con người để ra chính sách; con người là nhân tố quyết định còn chính sách là cái tương sinh, tương thuộc, phụ tùy! Giáo pháp mà Như Lai đã giác ngộ và tuyên thuyết là từ con người, bởi con người và cho con người, tức là trở về với nhân tố quyết định cho sự toàn hảo, tốt đẹp của mọi chính sách! Một con người đã giải thoát mọi ô nhiễm từ nội tâm đến ngoại cảnh, không còn bị đắm chìm, ràng buộc bởi những cám dỗ của cuộc đời thì luôn luôn đem đến an vui, hạnh phúc cho mình và cho người khác! Những con người như vậy, trong hội chúng của Như Lai, không phải chỉ một trăm, hai trăm mà cả một ngàn, hai ngàn... và sẽ còn nhiều hơn thế nữa trong tương lai! Những con người như vậy, họ hiện ở đây, ở bên chur vị, ở trong cuộc đời này, đang mặc y, đang khát thực, đang ăn, đang uống và đang thở! Họ siêu thế, xuất thế mà vẫn tại thế giữa mặt đất này! Vậy, nếu lập ngôn là một, là hai - đều bất khả! Đây là sự thực, cụ thể, có thể sờ nắm được, chứ không phải lý luận trừu tượng, mơ hồ của những luận thức đa biện, phân lập!

Chur vị là những bậc thức giả, trí giả nên Như Lai cũng nói chuyện như nói với những bậc thức giả, trí giả! Một chính sách được gọi là toàn hảo, tốt đẹp với nghĩa tuyệt đối thì không thể có mặt giữa trần gian tương đối. Nói cách khác, các sứ giả của Như Lai, những con người đã giải thoát ấy, nếu họ lãnh đạo, lập định chính sách, cai trị muôn dân thì sự toàn hảo, tốt đẹp kia cũng trở thành tương đối, giới hạn mà thôi! Lực cản ở đây cũng lại chính là con người với biệt

nghiệp, với cộng nghiệp cùng với những tâm địa xấu tốt lẫn lộn từ muôn thuở! Tuy nhiên, điều ấy lại trở nên không tưởng vì kẻ đã giác ngộ, giải thoát rồi thì ngay chính ngôi vị Chuyển luân Thánh Vương, họ cũng không làm! Đây là sự thất bại thứ ba theo nghĩa những giá trị tương đối tại thế!

Thừa chur vị, hiện tượng sinh, trụ, diệt của vạn hữu cũng như nội tâm rút ra định luật vô thường và vô ngã của chur pháp! Vậy nên, bản chất bất toàn, bất ổn định, bất như ý, bất toại nguyện... là sự thật không thể thay đổi được! Trong cái thế gian tương đối ấy, cái được gọi là giá trị, là toàn hảo, là tốt đẹp luôn luôn được hiểu là chỉ một giai đoạn, một thời kỳ, một gợn sóng vừa an trụ lại vừa diệt mất! Cái gọi là an vui và hạnh phúc của chúng sanh trên đời này cũng mong manh như thế đấy! Người lãnh đạo, người lập định chính sách tối thiểu cũng phải có được trí tuệ ấy, sau đó, tối thiểu cũng có đầy đủ mọi phẩm tính cần và đủ của nhân tính, nhân văn và nhân bản! Và chính con người ấy, nhờ trí tuệ và đạo đức tương đối của mình, họ soi sáng cho chính sách; và rồi, chính sách sẽ soi sáng cho con người, cho mọi người khác! Nói gọn lại, người lãnh đạo, lập định chính sách, tối thiểu cũng phải có tam quy, ngũ giới, khá hơn nữa, họ hành thập thiện, thọ trì bát quan trai giới thì quốc độ ấy sẽ thanh bình, hạnh phúc! Và khi mà như vậy thì chẳng cần dùng những sáo ngữ như thương dân, vì dân, vị tha, bác ái hoặc những tuyên ngôn với những mỹ từ cao khiết nhưng chỉ còn là những chiếc vỏ rỗng, hoa hòe, diêm dúa, lấp lánh chữ nghĩa để mị dân, để quảng cáo từ đầu đường đến xó chợ!

Thời pháp lộ trần tâm địa con người của Đức Phật có thể tạo phản ứng nghịch, nhưng không, ai cũng chăm chú lắng nghe.

Đức thân vương Amittodana, thân phụ của Ānanda phát biểu:

- Hay lắm! Đây là con đường đức trị! Là chính sách với

mười vương pháp của các đức Chuyển luân Thánh vương mà đức Thế Tôn đã minh thuyết thật cao siêu, quảng bác và vô cùng mới lạ! Tri ân đức Thế Tôn, chúng tôi đã được mở rộng kiến văn!

- Chẳng phải chỉ là mở rộng kiến văn mà thôi đâu! Thân vương Sukkodana, thân phụ của Mahānāma tiếp lời - Kiến văn là cái vỏ ngoài! Tâm và trí tôi giờ đã được bùng sáng ra! Chính trị, chính sách là cái cốt, chính đức Phật đã nói cho chúng ta thấy rõ mối tương quan ấy! Chính con người có tu tập, tùy từng cấp độ thành tựu của họ mới quyết định được an vui và hạnh phúc trên đời này!

Một vị quan đại thần ngồi ở phía xa, phát biểu:

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng có lời nói nào của ngài mà chúng tôi không thấm thía lúc suy gẫm! Tại thế và xuất thế, chúng tôi hiểu rồi! Con người tương quan duyên hệ với chính sách: Con người tốt lành để ra chính sách tốt lành, chính sách tốt lành làm cho con người tốt lành, cả hai vốn tương quan, tương hỗ, tương thuộc. Cái này đẹp, cái kia mới đẹp! Đây là sự thật bất ly, bất dịch hoán! Chúng tôi hiểu rồi!

- Tuy nhiên, còn một câu hỏi ở trong tâm quý vị nữa - Đức Phật nói - Đây là tất cả thanh niên xuất gia đều sống đời độc thân thì vấn đề duy trì huyết thống, vấn đề tồn tại của quốc độ, của nhân loại sẽ được giải thích như thế nào? Thật ra, chư vị không cần phải lo xa như thế, vì không bao giờ có cái số lượng “tất cả” ấy đâu, không phải ai cũng xuất gia được đâu nên không có duyên căn từ nhiều đời! Các sa-môn trong giáo hội của Như Lai bao giờ cũng là thiểu số; và chính nhờ cái thiểu số ấy, có một đời sống trong lành và hiền thiện, tạo nhân tố tích cực để duy trì và phát triển các giá trị tinh thần cho thế gian này, mà thiếu nó, tức là khi cái xấu, cái ác lan tràn thì nhân loại sẽ diệt vong!

- Chúng tôi hiểu! Vậy, giáo pháp của đức Thế Tôn còn liên hệ đến việc thịnh suy của một triều đại?

- Đúng vậy! Đức Phật nói - Nó còn là điều kiện quan trọng trong những điều kiện khác về lễ thịnh suy ấy! Một quốc độ muốn được hùng cường, giàu mạnh, muôn dân sống an lành, hạnh phúc thì phải hội tụ đầy đủ bảy điều kiện sau đây. Thứ nhất, là người dân thích tụ họp đông đảo, vui vẻ với nhau, tức là biết tương thân, tương ái; đến với nhau, nhìn nhau bằng con mắt thiện cảm! Thứ hai là lúc nào cũng sống với nhau trong tinh thần đoàn kết: Đoàn kết lúc hội họp, đoàn kết trong công việc, đoàn kết trong mọi bồn phận và nghĩa vụ, đoàn kết để vươn đến các lý tưởng cao đẹp! Thứ ba là tại vương triều, các nhà lãnh đạo không nên ban hành những đạo luật mới, có tính cách chỉnh sửa, thay đổi hoặc chống nghịch các giá trị đạo đức truyền thống. Thứ tư là phải biết kính trọng, tôn trọng các bậc trưởng thượng, các vị bô lão; và phải nghe những lời dạy bảo kinh nghiệm, khôn ngoan của các vị ấy! Thứ năm là phải biết tôn trọng nữ giới; nghĩa là đàn bà, con gái trong quốc độ không bị sống trong nô lệ, bị cưỡng bức hoặc bị ép buộc trong hôn nhân cũng như trong gia đình! Thứ sáu là phải biết duy trì tông miếu, xã tắc; phải biết làm cho vẻ vang tông miếu, xã tắc; không được xao lãng những nghi thức cổ truyền đã được tiên nhân tôn trọng. Thứ bảy, phải biết tạo cơ duyên, bảo bọc, hộ độ, hỗ trợ nhiệt tình cho giáo pháp, cho các vị A-la-hán hoằng pháp, khiến cho những ai chưa đến sẽ muốn đến; và những ai đã đến, đã sống ở đây đều được an lành, an toàn. Như vậy, trong bảy điều kiện, điều kiện thứ bảy là quan trọng nhất, vì nó bao hàm sáu điều tiên dẫn! Có điều kiện thứ bảy thì sáu điều kiện kia càng được củng cố, tăng trưởng, thịnh mãn!

Sau thời pháp ấy, hội chúng rất thỏa mãn. Khi đức Phật ra về, họ bàn với nhau, là mỗi gia đình dòng tộc Sākya nên lựa chọn lấy một người xuất gia trong giáo pháp của ngài! Do vậy, suốt một tuần lễ sau đó, con cái hoàng gia, quý tộc đến xin xuất gia tỳ-khưu khá nhiều.

Các Ông Hoàng Quý Tộc Ra Đi

Suốt hai tháng về thăm quê hương, tuy công việc hoằng hóa không được thành công rực rỡ cho lắm nhưng đức Phật cũng đã đặt được một nền móng vững chắc! Như một luồng gió mới thổi qua kinh thành Kapilavatthu cổ xưa, những thời pháp của đức Phật đã bắt đầu thay đổi một số tư duy cũ kỹ của giới cấp lãnh đạo về vấn đề trị an. Các giá trị tinh thần cũng như các quan niệm vui, khổ xưa nay đều phải được đánh giá lại! Đạo đức bản thân và vấn đề thiện ác cũng phải được nhìn ngắm từ bên trong, nội quán, bởi phản tỉnh, bởi những dấy khởi từ tâm niệm!

Những ông hoàng bạn cũ thuở xưa của đức Phật, họ không nóng nảy, không vội vã khi thấy con cháu dòng họ Sākya xuất gia. Họ nhiều lần gặp nhau, nhiều lần thảo luận, đặt lại vấn đề nhân sinh, các định thức giá trị qua những thời pháp được nghe từ đức Phật. Họ đã mất ngủ nhiều đêm, thao thức, trăn trở rồi thấy rõ đời sống vinh hoa, phú quý, ngũ dục thật không nghĩa lý gì! Niềm vui nào cũng mau qua, mau chán; và thường sau đó thì đối diện với cái rỗng không, vô vị! Lại đi tìm sinh thú mới, lạc thú mới rồi lại buồn, lại chán, lại rỗng không! Họ nhớ lại từng dáng đi, từng nụ cười,

từng ánh mắt của đức Phật... và họ càng xác quyết là ngài đã tìm ra, tìm được niềm an lạc vĩnh cửu, là sự an lạc không có điều kiện, sự an lạc không có các đối tượng khả ái, khả ý từ bên ngoài. Nó tự có một mình, độc lập, không phụ thuộc không gian và thời gian! Nó là cái gì vậy? Mà đức Phật đã có nó và hầu hết chư tỳ-khưu, hội chúng đệ tử của ngài cũng có nó!

Hoàng tử Ānanda là người muốn khởi tâm xuất gia đầu tiên, tìm đến rủ Anuruddha cùng đi. Khi thấy Anuruddha dễ dàng chấp thuận thì Mahānāma, vị quan đại thần đương triều được đức vua Suddhodana trọng dụng, là anh ruột của Anuruddha, ngăn em lại:

- Em phải ở nhà vì cha mẹ thương yêu em nhất! Em lại còn trẻ trung, thanh xuân, chưa lập gia đình, tương lai tốt đẹp đang còn ở phía trước. Việc xuất gia hãy để cho anh, anh là người đã quá mệt mỏi chuyện gia đình và chuyện quan trường lắm rồi. Hãy để ưu tiên việc xuất gia ấy cho anh, em nhé!

Anuruddha cười ha hả:

- Anh có nói nhầm không đấy! Chính anh là người đang đảm nhận trọng trách quốc gia đại sự! Chính anh là người đang bận bịu chuyện gia đình, vợ con! Anh ra đi thì những gánh nặng kia biết quăng bỏ cho ai hả?

Quan đại thần Mahānāma nín lặng.

Anuruddha đến xin thân mẫu nhiều lần nhưng bà một mực từ chối, sợ con trai mình, vốn chỉ biết ăn chơi không kham nổi đời sống khổ hạnh của các sa-môn! Thấy Anuruddha dọa tuyệt thực, dọa tự tử, bà tìm cách chối từ rất khéo:

- Thôi được rồi! Nếu con đã cương quyết như thế, mẹ cũng cho đi, nhưng với một điều kiện...

- Mẹ cứ nói!

- Con hãy chịu khó đến gặp quan tổng trấn Bhaddiya!

Nếu Bhaddiya đồng ý xuất gia, mẹ sẽ cho con xuất gia!

Thân mẫu Anuruddha nêu điều kiện ấy tưởng là sẽ ngăn được con trai vì bà đơn giản nghĩ rằng, quan tổng trấn Bhaddiya tiếng tăm lừng lẫy, danh vọng, địa vị, sự nghiệp trùm lấp một phương; và nghe đâu, vừa mới hứa hôn với một công nương tài sắc vẹn toàn thì lẽ nào lại bỏ tất cả để đi xuất gia được! Quả thật, họ tuy gặp nhau nhiều lần, thảo luận giáo pháp nhiều lần; và đồng ý với nhau hầu như toàn diện về giáo pháp diệt khổ của đức Phật, nhưng nếu Anuruddha muốn thuyết phục Bhaddiya đi xuất gia là chuyện không đơn giản một chút nào!

Sau nửa ngày đường dong ngựa, đến dinh liêu rộng lớn, nguy nga, lầu cao lầu thấp, tòa ngang, dãy dọc của quan tổng trấn; thấy tường rào mấy lớp, quân lính canh phòng nghiêm ngặt trong ngoài, người lui, kẻ tới tấp nập, rộn ràng đây đó, Anuruddha bản thân, dừng lại, chột nghĩ đến điều kiện khó khăn của mẹ!

Được quân canh và quân hầu kính cẩn thông báo, Bhaddiya bỏ công việc, tiếp bạn ngay như tiếp một vị thượng khách! Sau khi đãi đằng cơm nước, thấy khuôn mặt của Anuruddha rầu rĩ, khó đăm đăm, trước sau không thốt một lời, Bhaddiya ân cần và ái ngại hỏi:

- Có chuyện gì vậy? Tại sao em có vẻ buồn quá vậy?

- Tại anh cả đấy! Anuruddha bây giờ mới nói, giọng hờn trách – Tôi muốn theo đức Phật xuất gia tu học như các chàng trai Sākya khác, nhưng tại vì anh, tại vì chức quan tổng trấn của anh nên tôi đã không đi được!

Bhaddiya cả cười:

- Tại sao lại có chuyện lạ lùng đến thế? Tôi cản trở em hồi nào? Nếu em muốn xuất gia thì tôi sẽ tìm đủ mọi cách cho em được thỏa nguyện nữa là khác!

- Thật thế nhé! Anuruddha sáng mắt ra, cười vui, đưa ngón tay phải ra, móc ngoéo vào ngón tay của Bhaddiya như

bắt bạn phải nhận một lời hứa khả! Chắc chắn vậy nhé!

Bhaddiya biết có chuyện gì đây, nhưng vốn tính tình phóng khoáng, cởi mở, chàng cũng vui theo niềm vui của bạn! Anuruddha kể tóm tắt chuyện của mình và điều kiện của mẹ đưa ra, rồi kết luận:

- Như vậy, có phải vì anh mà tôi không được xuất gia không! Anh đã hứa giúp tôi bằng mọi cách thì cách duy nhất, tốt nhất, mau nhất là anh phải cùng đi xuất gia với tôi!

Lời đã hứa rồi, Bhaddiya thấy mình kẹt quá, kẹt cha mẹ, kẹt chức vị tông trăn và kẹt nhất là người vợ vừa mới hứa hôn! Thật ra, chàng cũng có dự định xuất gia vì thấy đời sa môn như cánh chim giữa không rộng trời cao chẳng dính mắc, bận rộn gì cả, nhưng không phải là bây giờ!

- Thôi, bảy năm nữa nhé, tôi sẽ đi xuất gia cùng em!

- Không được! Anuruddha lắc đầu - Bảy năm lâu quá!

- Thôi, vậy thì ba năm. Ba năm để anh thu xếp mọi công việc trong ngoài cho đâu ra đấy đã!

- Cũng không được! Anuruddha lắc đầu nguầy nguậy - Sự chết có chờ đợi ai được đâu!

- Thế thì nhất định bảy tháng, chúng ta sẽ cùng đi! Ít ra cũng để anh có đủ thời gian trả lại quan tước, bàn giao chức vụ và thu xếp việc gia đình chứ!

Thấy Anuruddha cũng không chịu, Bhaddiya đành đưa cái hẹn bảy ngày!

Vui mừng, hớn hờ, Anuruddha như bay trên lưng ngựa trở về kinh đô, sau đó, cùng với Ānanda, cả hai đi rủ thêm Kimbila, Bhagu và cả Devadatta tại kinh đô Devadaha, nước Koliya nữa! Và ai cũng khó khăn, vất vả lúc thuyết phục gia đình, nhất là Ānanda, nhưng do nhờ quyết tâm, họ được ra đi như ý nguyện!

Thế rồi, bảy ngày sau, họ gặp nhau tại Đông cung của thái tử Devadatta. Sáng ngày, họ leo lên cỗ xe lớn bốn ngựa kéo do người thợ cạo thân tín của hoàng gia, là thanh niên

Upāli cầm cương, theo đường lữ hành vượt biên giới Koliya!

Vì trời nắng nóng, biết đức Phật và hội chúng sa-môn đi chậm và men theo đường rừng, có lẽ còn ẩn khuất đâu đó tại các thôn làng ngoại ô thành phố Mallā nên họ đã cho ngựa phi nhanh, hy vọng bắt kịp! Hai ngày sau, được biết đức Phật đang còn ở tại làng Anupiyā, chỉ còn cách mấy xóm nhà ven đường là tới; họ xuống xe, cởi bỏ hoàng bào cùng các món châu ngọc điểm trang, trao cho người thanh niên thợ cạo Upāli, rồi nói rằng:

- Bạn là người chân thực, trung tín mà từ lâu chúng tôi được biết nên chúng tôi đã cố ý nhờ bạn đánh xe đến đây! Bây giờ chúng tôi chỉ giữ lại một tấm áo và y bát để theo Phật, sống đời xuất gia vô sản, bần hàn, vậy chiếc xe bốn ngựa này, tất cả tư trang tư dụng này, chúng tôi xin tặng bạn để làm vốn liếng sinh nhai! Hãy cố gắng sống đời trong lành và hiền thiện!

Sau khi sáu ông hoàng đi khuất sau lùm cây, thanh niên Upāli nước mắt doanh tròn, ôm mớ châu báu mà đứng sững! Upāli tự nghĩ: “Họ tốt quá! Họ giàu sang vương giả là thế, nhưng chức tước, địa vị, danh vọng, quyền uy, châu báu... họ đã quăng bỏ đi như mớ giẻ rách! Còn mình là gì? Một tên thợ cạo tầm thường, đủ ăn đủ mặc bấy lâu là nhờ ân đức của hoàng gia! Cái gì cũng không có cả thì ôm níu cái gì, mê đắm cái gì mà không chịu vứt bỏ, ra đi xuất gia như họ?” Sáu chiếc vương bào rơi xuống đất, một đồng châu báu rơi ra, sáng lóe, chấp chóa đủ màu sắc dưới ánh mặt trời! “Chính cái này đây, trân bảo này đây, đồng rắn độc này đây mà lòng tham con người phát sanh – Upāli nghĩ tiếp - Rồi cái được gọi là hạnh phúc do thỏa mãn ngũ dục kia sẽ đi liền theo đau khổ, nước mắt lẫn những hiểm họa khôn lường khác! Giả sử mình mang đồng này về, thì mọi người sẽ nghĩ rằng mình là một tên giết người cướp của; ít hơn thế nữa

cũng là một tên lường gạt, trộm cắp. Pháp luật quốc gia sẽ không dung thứ cho ta đâu! Trên đời này, biết còn bao nhiêu người tin vào những lời nói thật?”

Upāli dẫu sanh thuộc giai cấp hạ tiện, nhưng chàng thông minh, sáng dạ, giải quyết sự vụ rất nhanh. Vì biết ngựa quen đường cũ nên Upāli tháo ngựa ra khỏi xe, tháo cương ra khỏi ngựa, lấy roi, quất nhẹ cho ngựa trở về đường cũ! Còn châu báu, Upāli gói thành sáu gói khác nhau, cứ đi một đoạn, chàng móc lên cành cây, thầm mong cho ai là người hữu phước sẽ sở hữu được tài sản vô chủ này! Xong xuôi, thở một hơi dài, Upāli nhắm hướng ngôi làng Anupiyā, ra sức chạy...

Xế chiều, lúc các ông hoàng đang ngồi nghỉ ngơi dưới gốc cây thì Upāli bắt kịp; chàng hồn hên kể lại tâm sự và ý nghĩ của mình trước đống hoàng bào và châu báu; sau đó là cách giải quyết chúng như thế nào...

Bhaddiya cười ha hả:

- Thế là ông bạn cũng muốn xuất gia, tốt, tốt!

Devadatta hơi nhăn mày:

- Ông là Sudrā...

- Không sao! Anuruddha xen lời - Đức Thế Tôn từng dạy rằng: Trăm con sông dầu tên gọi khác nhau, nhưng khi vào biển, hòa với biển chỉ được gọi chung là biển. Cũng vậy, chúng ta dầu tên tuổi, giai cấp, địa vị khác nhau; nhưng khi xuất gia rồi thì hòa nhập với Tăng đoàn, sống với Tăng đoàn, cùng chung trong một biển lớn là giáo hội của đức Tôn Sư!

Ai cũng gạt đầu, mỉm cười, khen phải!

Sau một đêm gói đất nằm sương, cảm nhận thấm thía đời sống không cửa, không nhà của hội chúng thánh hạnh, họ đi vào làng Anupiyā và gặp được đức Phật. Thật ra, đức Phật đang tạm cư ở đây ba ngày, vừa thuyết pháp cho cư dân trong vùng, vừa có ý chờ đợi họ!

Sau khi đánh lễ đức Phật, họ trình bày ý nguyện lên ngài, đồng xin xuất gia!

Ānanda thưa:

- Xin đức Thế Tôn hãy cho Upāli xuất gia trước để chúng đệ tử phải xem cậu ta như một vị sư huynh; lợi ích thứ nhất là nhằm xóa bỏ sự kỳ thị giai cấp, lợi ích thứ hai là dập tắt cái tính tự cao, tự đại của dòng dõi hoàng gia Sākya và Koliya!

Đức Phật lặng yên chấp thuận. Mọi việc đã được chuẩn bị sẵn. Lễ xuất gia thọ giới tỳ-khưu cho Upāli và sáu nhân vật quan trọng của hoàng gia được diễn ra rất dị giản. Thế là Upāli, Ānanda, Devadatta, Bhaddiya, Kimbila, Bhagu, Anuruddha được tôn giả Sāriputta ân cần hướng dẫn cách mặc y, mang bát, cách trì bình khát thực, cách thọ thực và cả cách đi đứng ngồi nằm của một sa-môn khát sĩ trong giáo hội của đức Tôn Sư. Còn đức Phật thì dạy họ những pháp sơ cơ về cách hành trì tu tập, một vài căn bản về định và tuệ!

Được gặp lại các ông hoàng quen biết, Nanda vui mừng lắm; và có lẽ vui mừng nhất là Rāhula! Tỳ-khưu Nanda, từ khi xuất gia đến nay, không hề tìm thấy niềm vui, luôn luôn buồn bực, sầu khổ vì nhớ nhung vị hôn thê xinh đẹp, nàng luôn luôn hiển hiện trước tầm mắt, khi đi đứng ngồi nằm, và cả trong giấc ngủ chập chờn, mộng寐! Thấy các ông hoàng vương giả, cao sang tốt bụng đồng một lúc đến xuất gia, Nanda cảm thấy như mình được an ủi một phần nào! Sa-di Rāhula thì tâm lý đơn giản hơn, được gặp lại nhiều người quen thân; và ai trong họ cũng yêu thương mình cả, nên cậu cảm thấy mình không còn lẻ loi, cô độc nữa, mà ngược lại, thấy thân thiết và ấm áp vô cùng!

Đức Phật biết tất cả chuyện gì xảy ra ở nơi nội tâm của mỗi người, nhưng ngài chỉ giáo giới chung chung rằng: Lộ trình đi đến nơi giác ngộ, giải thoát, luôn thường trực chiến đấu với chính mình, với ma quân, phiền não; không phải dễ

dàng, êm ái như bước trên tấm thảm nhung dẫu! Phải để ý coi chừng từng bước chân, từng hơi thở!

Hôm sau, đức Phật thông báo lên đường, rời ngôi làng Anupiyā, hướng đến kinh thành Vesāli!

Đường xa, bộ hành vất vả, khá thương cho chú bé Rāhula dầm sương, dãi nắng, gối cây, nằm đất đã mười mấy ngày rồi. Tôn giả Sāriputta đã để tâm dành mọi tiện nghi có thể, chăm lo cho vị sa-di tí hon này từng ly, từng tí! Tỳ-khưu Nanda cũng đặt biệt quan tâm đến cháu của mình nên lúc đi bát có gì ngon thường mang đến san sẻ; ngay tấm y đắp, Nanda cũng phủ ấm cho Rāhula! Bây giờ, lại có thêm Ānanda, Anuruddha nữa, Rāhula cảm thấy như mình được đùm bọc, chở che trong vòng tay thân thuộc của hoàng gia; cậu nói cười liên thoảng, vui vẻ!

Chừng mười ngày sau thì đến ngoại ô Vesāli, đức Phật và hội chúng trú tại rừng Mahāvana; ngài cũng ở lại đây ba hôm để thuyết pháp cho cư dân trong vùng, rồi từ đó, lần hồi qua sông Gaṅgā, về đến Trúc Lâm kịp an cư mùa mưa.

MÙA AN CƯ THỨ BA
(Năm 585 trước TL)

Ôi! Hạnh Phúc Quá!

Nghe tin đức Phật trở về, tôn giả Moggallāna cùng các vị trưởng lão như Assaji, Yasa, Nadīkassapa, Gayākassapa... đồng đến đánh lễ và vấn an sức khỏe của ngài. Rồi sau đó, lần lượt chư tỳ-khưu trong tu viện và lác đác các nơi tìm đến; đức Phật phải mất hết mấy ngày để giáo giới, nhắc nhở nếp sống kỷ cương, phạm hạnh. Đức vua Seniya Bimbisāra cùng hoàng hậu Videhi và một số quan cận thân vui mừng đến đánh lễ Phật và thăm hỏi chuyện về thăm quê hương của ngài. Thấy các ông hoàng Sākya xuất gia, đức vua rất cảm động, hoan hỷ; ông cũng đặc biệt nắm tay, ân cần, bịn rịn chú sa-di Rāhula! Khi đức vua gợi ý muốn cúng dường bất kỳ loại tứ sự nào, Rāhula đều lắc đầu từ chối, bảo là đời sống sa-môn lấy tri túc và thiểu dục làm hạnh phúc! Nghe vậy, đức vua vừa ái ngại, vừa kính trọng vừa thương cảm, chạnh nghĩ đến con trai của mình, hoàng tử Ajātasattu, không biết được mấy phần nhận thức chín chắn của Rāhula!

Chương trình an cư kiết hạ năm thứ ba tại Trúc Lâm được hai vị đại đệ tử và các vị trưởng lão hoạch định rồi đệ trình lên đức Phật, ngài không bổ sung gì thêm, chỉ lưu ý dành nhiều thì giờ để giáo giới các vị tân tỳ-khưu! Riêng đức Phật, ngài đã mất trọn nửa tháng, vào các buổi chiều để

thuyết giáo, hướng dẫn cặn kẽ thiên định và tuệ quán cho nhóm quý tộc Sākya!

Các tỳ-khuru quý tộc dòng Sākya, ban đầu thật là khó khăn khi thích ứng với đời sống mới; nhưng qua một tháng sau, ai cũng tìm được sự an lạc, thanh thoi! Đức Phật biết được sự diễn tiến trong đời sống tu tập của họ nên bao giờ ngài cũng thuyết những bài pháp hỗ trợ đúng lúc, đúng thời!

Tỳ-khuru Bhaddiya, sau khi nắm đề mục từ đức Thế Tôn, ông tinh cần tu tập. Đêm kia, ngồi dưới gốc cây, đi sâu vào định, ông cảm nhận một niềm phúc lạc vô biên chưa hề có ở trong đời, hoan hỷ quá, ông thốt lên:

- “Ôi! Hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá!”

Lúc ấy, trời khô ráo, dưới ánh trăng mờ, nhiều vị tỳ-khuru hành thiền gần đấy, nghe được, biết là lời “cảm thán” của vị cựu tổng trấn danh uy một thời! Họ tưởng rằng, vị tân tỳ-khuru Bhaddiya không kham nổi cuộc sống cơ cực của sa-môn, tưởng nhớ đến đời sống ngũ dục xa hoa vương giả cũ, nên trình lại với đức Phật, mong nhờ ngài quan tâm sách tấn!

Chiều hôm sau, sau buổi pháp thoại, đức Phật nói với Bhaddiya:

- Có phải thế không, này Bhaddiya! Đêm hôm qua, trong lúc thiền tọa, ông đã bất giác thốt lên: “Ôi! Hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá!” Điều ấy là đúng sự thật hay không đúng sự thật?

- Quả đúng như thế, bạch đức Thế Tôn!

- Tại sao ông lại thốt lên cảm hứng ngũ như thế, hãy trình bày lý do ấy cho hội chúng cùng nghe!

- Bạch đức Thế Tôn! Hơn mười mấy năm làm tổng trấn, cai quản suốt cả vùng lãnh thổ phương Bắc Sākya, đệ tử đã từng thao thức trăn trở ngày đêm. Bên ngoài thì giữ yên lãnh thổ, đánh dẹp các toán thổ phỉ hung bạo; bên trong thì làm thế nào cho dân chúng có được cuộc sống bình yên, cơm no,

áo ấm! Tuy nhiên, giàu sang, phú quý và quyền lực có thể làm cho tâm địa con người dễ sinh ra hư hỏng; do vậy, thù trong, giặc ngoài làm cho đệ tử luôn luôn nom nớp lo sợ mặc dầu quân túc vệ canh gác suốt ngày đêm! Kể cả các vị quan thân tín nhất cũng phải đề phòng! Phản trắc, lão lường, đục khoét của công, tham nhũng, hối lộ của giới chức thuộc quyền không những có thể nguy hại đến tính mạng của đệ tử mà còn nguy khốn cho cả vương quốc! Sự hãi, bất an là tâm lý thường trực! Phiền não, lo lắng, nghi kỵ luôn chập chờn trước mắt như một ám ảnh, ngày cũng như đêm!

Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử đi xuất gia không phải do tự nguyện mà dường như bị ép buộc bởi lời hứa với vương tử Anuruddha! Tuy nhiên, vì uy đức của Thế Tôn, vì giáo pháp nhiệm màu mà đệ tử được nghe, vì cảm mến tâm hồn thánh thiện của Anuruddha nên đệ tử đã khăng khải phát tay từ bỏ tất cả! Đêm hôm qua, giữa nửa khuya thanh vắng, đệ tử cảm nhận một sự thanh thản chưa từng có ở trong đời! Ngồi một mình, đệ tử thấy rõ, mình chẳng có gì để mất, chẳng có gì để sợ, chẳng có gì phải quan tâm, lo lắng, đề phòng! Hoàn toàn rỗng rang, thanh bình và tự tại! Với ý nghĩ như vậy, đệ tử đi vào thiền định một cách dễ dàng, đi vào các tầng thiền một cách ổn định, vững chắc! Thế rồi, các trạng thái hỷ, lạc, nhất tâm chúng tâm mất, no đầy thân tâm của đệ tử làm cho đệ tử cảm nhận sâu sắc, tế vi, thậm mật hạnh phúc của thiền duyệt! Chính lúc ấy, không dừng được, đệ tử đã thốt lên cảm hứng ngữ kia, đã làm cho huynh đệ phiền lòng, làm cho đức Thế Tôn phải quan tâm, đệ tử cảm thấy mình có lỗi vậy. Kính xin đức Thế Tôn và đại chúng cho đệ tử được sám hối!

Sau lời tự sự gan ruột của tỳ-khuru Bhaddiya, hội trường chợt yên lặng như tờ! Ai cũng nhìn vị cựu tổng trấn bằng tia mắt kính trọng và đầy thiện cảm!

Đức Phật mở lời tán thán:

- Ông hoàn toàn không có lỗi, mà ngược lại, câu chuyện

này cần phải được tán dương và kể lại cho nhiều người nghe! Để cho mọi người cùng thấy rằng: Quyền lực, danh vọng, địa vị chỉ đem đến lo lắng, sợ hãi, bất an và đau khổ! Và chỉ có đời sống khước từ, xả ly, vô sản, bần hàn, độc cư, thiên định mới đem đến an bình và hạnh phúc thật sự!

Thời gian sau, nhờ miên mật công phu, gia công thiền quán, tỳ-khưu Bhaddiya đắc được Tam minh, làm xong những việc cần phải làm của sa-môn hạnh! Trong lúc đó, tỳ-khưu Ānanda chứng được quả vị Nhập Lưu; tỳ-khưu Anuruddha có được Thiên nhãn thông; tỳ-khưu Kimbila và Bhagu đắc A-la-hán quả; tỳ-khưu Devadatta không đắc thánh quả nào nhưng lại đắc được Ngũ thông! Riêng tỳ-khưu Upāli, người thợ cạo không đắc được gì cả, nhưng luôn được đại chúng khen ngợi về oai nghi, cử chỉ; tôn trọng các điều học được chế định một cách nghiêm túc, không có một khiếm khuyết nào về giới hạnh!

Vậy là tất cả họ đã đặt được những bước chân an toàn và vững chắc trên mảnh đất của giáo pháp!

Thần Y Jīvaka Komārabhacca

Yên tâm vì đại chúng bây giờ đã có hai vị đại đệ tử và các trưởng lão chăm sóc, hướng dẫn, đức Phật thường ôm bát ngoạn du đây đó. Nơi ngài thường đến ở trọn ngày là núi Linh Thứu hoặc các hang động sườn núi phía nam thành phố! Thường thì đức Phật hay đi một mình, tối, ngài dùng thần thông trở lại Trúc Lâm. Đôi khi mưa gió suốt mấy ngày, ngài cứ ở mãi trong các hang động, nhất là động Lợn Rừng, an hưởng định Diệt thọ tướng. Có những ngày mát mẻ, chư tỳ-khưu các nơi tìm đến để nghe những pháp thoại ngắn gọn, đôi khi là cả một thời pháp dài!

Trên đường đi và về, lên hoặc xuống núi Linh Thứu, đức Phật thường nghỉ chân tại vườn xoài mát mẻ và xanh tươi ở bên vệ đường. Đây là vườn xoài của vị lương y Jīvaka Komārabhacca nổi tiếng của kinh thành Rājagaha.

Đức Phật cố ý đợi chờ nhân duyên chín muồi để gặp gỡ một người, một nhân vật đặc biệt quan trọng. Đây là đại danh y, là thần y Jīvaka Komārabhacca. Và chẳng, tăng chúng càng ngày càng đông, nhiều bệnh tật sẽ phát sanh, nếu không có một lương y giỏi thì sẽ trở ngại vô cùng cho sự tu học của họ.

Câu chuyện về Jīvaka Komārabhacca là như sau.

Cách đây hơn hai mươi năm về trước, tại kinh đô Rājagaha này có một cô kỹ nữ tài sắc vẹn toàn. Không biết bao nhiêu là vương tôn, công tử quý tộc say đắm tìm đến cận kề hoa nguyệt cùng hân thưởng tài nghệ cầm ca của nàng. Giá một đêm phong lưu là một trăm đồng tiền vàng Kahāpaṇa, người ta cũng không tiếc. Nàng tên là Sālavatī.

Rồi chuyện gì xảy ra thì nó tự nhiên xảy ra. Thời gian kia, cô kỹ nữ có thai. Sợ là sẽ bị ế khách, nàng tìm có cáo bệnh, trốn mọi người để dưỡng thai nhi. Đủ tháng đủ ngày, một đứa bé trai ra đời. Để cho rảnh tay rảnh chân, cô kỹ nữ đã sai đặt đứa hài nhi trong cái giỏ tre rồi quăng bỏ tại một đồng rác bên vệ đường.

Hôm ấy, hoàng thân Abhaya đi châu vua từ sáng sớm, nhìn thấy một bày quạ bu quanh chiếc giỏ thành một vòng tròn rất là lạ lùng, bèn cho quân hầu đến xem.

- Cái gì ở đó vậy?
- Là một đức trẻ, thừa hoàng thân!
- Thế nó còn sống không? Hoàng thân hỏi.
- Dạ, còn sống (Jīvati)! Quân hầu trả lời.

Sau khi biết là một hài nhi còn đỏ hỏn bị ai bỏ rơi, hoàng thân Abhaya tự nghĩ: “Đứa trẻ này được bày quạ bảo vệ xung quanh thì quả là không đơn giản chút nào! Kiếp trước chắc nó đã từng bảo vệ sự sống cho nhiều người nên kiếp này, dù bị bỏ rơi bên đường, vẫn được đàn quạ bảo vệ sự sống? Biết đâu, nó là hiện thân của một nhân cách phi phạm?”

Thế rồi hoàng thân cho đem về cung, sai vú nuôi chăm sóc tử tế, nhân thể, do quân hầu báo là còn sống (Jīvati) nên ngài đặt tên cho trẻ là Jīvaka. Cũng do được hoàng thân Abhaya quan tâm nuôi dưỡng nên mọi người gọi là Jīvaka Komārabhacca.

Lớn lên, Jīvaka đặc biệt thông minh, khôn ngoan nhưng ưu tư quá sớm. Nó đọc được từ trong đôi mắt của mọi người

nửa như thương cảm, nửa như kỳ thị; dường như nó không phải là dòng dõi vương giả, quý tộc! Nó nghi ngờ xuất thân của chính mình. Hôm kia, nó đánh bạo hỏi hoàng thân Abhaya:

- Ai cũng có mẹ, tại sao con lại không có mẹ? Mẹ con là ai, thưa cha?

- Ta cũng không biết! Hoàng thân Abhaya thành thật đáp - Nhưng ta rất thương con, ta xem con như con ruột vậy.

“Thế mình rõ là đứa con hoang! Jīvaka buồn rầu, tự nghĩ - Vậy mình không thể sống mãi trong cung phủ giàu sang, quý phái này với sự thương hại của mọi người. Phải tự lập! Phải kiếm một nghề để tự mưu sinh!” Vài năm sau, mặc dầu đang theo học lớp học của hoàng gia, Jīvaka không ngớt suy nghĩ để lựa chọn cho mình một nghề nghiệp mưu sinh thích hợp. Duyên đã đến, Jīvaka quen biết với một ông thầy thuốc thường hay đến chữa bệnh cho vương phủ. Vị ấy còn khiêm tốn nói là mình học nghề chưa tinh. Rồi mách cho Jīvaka biết rằng, ở phương bắc, cách đây mấy trăm do-tuần, tại quốc độ Gandhāra, thủ đô Takkasilā có trường đại học y khoa nổi tiếng. Hãy chịu khó đến đây học trong mười năm mới trở thành thầy thuốc giỏi được!

Chí đã quyết, Jīvaka đành dùm tiền bạc, trốn nhà ra đi. Dãi nắng dầm sương, lang thang lếch thếch, Jīvaka cũng tìm được nơi cần đến.

Vị giáo sư già sau khi nghe chuyện người học trò không có tiền đóng học phí, không có tiền ăn tiền ở, chẳng được ai giới thiệu, nhưng thấy y đôi mắt rục sáng, ý chí nghị lực ngời ngời bèn chấp nhận cho theo học với điều kiện là phải chăm lo việc củi nước, vệ sinh cỏ rác sân vườn!

Sụp lạy tri ân vị giáo sư già, Jīvaka hứa hoàn tất mọi công việc được giao phó, đồng thời sẽ chăm chuyên học tập. Và quả đúng như vậy, Jīvaka sớm trở thành một vì sao sáng, một người học trò kiệt xuất về trí tài cũng như về đức hạnh.

Vị giáo sư nào cũng ngạc nhiên về sự tiếp thu nhanh nhạy kiến thức chuyên môn của người học trò ưu tú; đồng thời, họ còn sững sờ, bàng hoàng vì những suy luận, những trực cảm bẩm sinh chính xác từng bệnh lý như ở trong gan ruột của người ta vậy. Phải nói là Jīvaka học một mà biết hai, biết ba. Thế là sau bảy năm học xong, học giỏi chương trình nội, ngoại khoa; sở đắc ưu việt nhất của chàng là chẩn bệnh, giải phẫu và bào chế dược thảo. Điều ai cũng kính sợ và khâm phục người học trò này là trí nhớ; cả hàng ngàn cây thuốc, vị thuốc, tên gọi, dược tính... chàng thuộc nằm lòng, rồi còn nhận diện cây cỏ, rễ củ ngoài thiên nhiên chưa bao giờ sai trật.

Ngày mãn khóa, Jīvaka khiêm tốn hỏi thầy:

- Mới bảy năm, con ngại nghề thuốc chưa tinh...

Vị giáo sư già mỉm cười:

- Vậy con hãy cầm cái thuốc, từ đây đi ra phía ngoại ô Takkasilā, vương vực chừng một do-tuần, nếu con thấy loại cây cỏ rễ củ nào không phải là thuốc thì con hãy đem nó về đây cho ta xem. Nhớ mang theo lương thực nhiều ngày!

Một tuần lễ sau, Jīvaka thất thểu trở về:

- Bạch thầy, con đã rất công phu tìm kiếm, nhưng chẳng thấy một cây cỏ nào không được gọi là dược phẩm; cái gì cũng là thuốc cả, thưa thầy!

- Đúng vậy, này con yêu! Nghề của con đã tinh rồi đấy!

Triều mến nhìn người học trò trí tài nhưng khiêm nhu, hiền thiện, vị giáo sư già lần lượm lấy mấy đồng tiền vàng tặng làm lộ phí, với lời khuyên hóa sau cùng:

- Làm thầy thuốc giỏi phải có lương tâm nghề nghiệp; phải yêu bệnh, yêu người, yêu chúng sanh như bà mẹ hiền với đứa con một vậy, hãy ghi nhớ điều ấy!

Đường trở lại quê nhà xa xăm diệu vợi. Mới đi được gần hai phần đường thì lộ phí đã hết sạch sành sanh; nhưng Jīvaka không lo, chàng sẽ tìm cách chữa bệnh cho ai đó đê

kiếm chút lương thực đi đường.

Tại thị trấn Sāketa, có phu nhân của một vị triệu phú mang bệnh đau đầu đã bảy năm, không thầy thuốc nào chữa trị được; bao nhiêu vàng bạc châu báu lần lượt đội nón đi theo những ông thầy từ phương này sang phương khác. Jīvaka đứng giữa phố đông, cất giọng lớn:

- Tôi là thầy thuốc đây! Có ai trong thị trấn này cần chữa trị những căn bệnh hiểm nghèo không?

Người ta mách chỗ ông triệu phú, Jīvaka tìm đến. Thấy chàng trẻ quá, không ai tin. Sau rốt, Jīvaka thuyết phục là hãy chữa bệnh cho lành trước đã, còn tiền bạc chút ít chi đó, tính sau.

Sau khi quan sát sắc diện, bệnh tình (cũng vọng, vẩn, vẩn, thiết như Trung y vậy); Jīvaka chỉ xin chùng năm bảy muống bơ lỏng hòa với một số dược thảo mang sẵn rồi tìm cách cho đổ vào đường mũi, thông qua miệng phu nhân; chàng tự tin, nói:

- Chúng đau đầu sẽ dịu ngay tức khắc thôi mà!

Phu nhân triệu phú thấy bơ tràn miệng, bèn nhổ bơ ấy vào vật đựng, căn dặn người tớ gái:

- Con hãy thu hồi bơ lỏng này bằng cách lọc qua một lớp bông gòn. Nó có thể dùng để thoa chân hoặc đốt đèn còn được đây!

Jīvaka nghe vậy, rầu rầu nghĩ bụng: “Ôi thôi, chẳng nước non gì! Cho chí chút bơ bỏ đi ấy mà bà này còn tìm cách sử dụng, thiệt là kiết cốp vắt chày ra nước; mình còn hy vọng gì một chút công lao còm cõi nhỉ?”

Bà triệu phú vừa được chữa trị xong, cảm giác cái đầu nhẹ hẫng, sự đau đớn bảy năm trường, thoáng chốc đã tiêu tan, cứ ngỡ như giấc mộng. Sung sướng quá, bà ngồi dậy, nụ cười rạng rỡ:

- Hết đau đầu rồi! Đúng là phước quả bảy đời mới gặp được vị thần y trẻ tuổi này. Quản gia đâu, hãy đền trả công

on một cách hậu hĩnh, không dám nói là thù lao, cho vị ân nhân của chúng ta.

- Bao nhiêu thừa nữ chủ?

- Bốn ngàn đồng tiền vàng Kahāpaṇa!

Jīvaka giật thót mình, tự nghĩ: “Hóa ra không phải là bà ta hà tiện, quả mình đã hiểu lầm. Các bậc triệu phú họ thường tiết kiệm, nhưng khi cần, họ rất hào phóng, rộng rãi nữa là khác”.

Sau đó, cả nhà vui mừng đổ xô lại. Con trai, con dâu cảm kích, vét hết tiền tích góp để dành, biếu thêm tám ngàn, mừng cho mẹ mình đã lành. Ông triệu phú hể hả thưởng bốn ngàn, tặng thêm một chiếc xe ngựa, một tở trai, một tở gái nữa để trả công lao trời biển.

Về đến vương phủ, việc đầu tiên, chàng tìm gặp hoàng thân Abhaya, xin ông tha thứ cho lỗi lầm là bỏ nhà ra đi không xin phép, lý do là muốn tự lập nghiệp mưu sinh. Rồi chàng kể lại sự chăm chuyên học tập trong bảy năm qua, những gian lao, khổ nhọc như thế nào...

- Và đây là thành quả của con, thừa cha! Jīvaka vập đầu nói - Con đã chữa trị được một căn bệnh hiểm nghèo chỉ với một chút bơ và một ít thuốc bột con đã tự pha chế. Phần thưởng của gia chủ: Mười sáu ngàn đồng tiền vàng Kahāpaṇa, chiếc xe ngựa, tở trai, tở gái, con xin dâng hết cho cha như là lòng thành sám hối vậy!

Hoàng thân Abhaya không những không chấp mà còn thành thật mừng vui cho chàng, ông nói:

- Con đã thật sự khôn lớn, trưởng thành, này Jīvaka! Ta đã tha thứ cho con rồi! Con hãy sử dụng số vàng ấy để mua một khu vườn, làm một căn nhà, sau đó, dùng nghề nghiệp chơn chánh của mình để giúp đời, cứu người!

Lúc bấy giờ, đức vua Seniya Bimbisāra mắc bệnh âm sang, tức là một loại mụn nhọt cứ rò rỉ hoại mủ và máu (bhagandalābādha) rất khó chịu. Các lớp vải choàng vừa

mới thay liền bị lấm lem máu mủ. Các vương phi được vua sủng ái được dịp chọc gheo vui: “Lúc này, chúa công đã đến kỳ kinh nguyệt, rồi cũng sẽ sinh con như chúng thiếp vậy!” Các quan ngự y dẫu đã dùng phương này và thuốc khác nhưng thấy đều vô năng! Đức vua rất hồ thẹn, tâm sự điều ấy với hoàng thân Abhaya. Sau đó, Jīvaka được gọi vào cung; rồi chỉ với một ít thuốc bột giầu ở những đầu móng tay, chàng đã làm cho những mụn nhọt bất trị ấy đều khô mủ và máu, ít hôm là lành hẳn.

Xiết bao cảm kích, đức vua cho mở kho châu báu, gọi năm trăm cung nga thể nữ trang điểm đầy đủ lên đầu tóc, cổ và tay của mỗi người. Tổng cộng số nữ trang ấy chính là phần thưởng mà đức vua hiến tặng cho vị thần y.

Jīvaka nhìn đồng châu báu, tâm không động, chàng nói:

- Hạ thần không dám thọ nhận số châu báu vượt ngoài khả năng tài nghệ có được. Chỉ xin đại vương ban cho một chức tước xứng hợp với nghề nghiệp nuôi mạng của mình là tốt rồi!

Nghe nói vậy, đức vua càng sinh tâm quý trọng, bổ nhiệm cho chàng được làm quan, đứng đầu các quan ngự y, nhận bổng lộc của triều đình. Từ đây về sau, Jīvaka chỉ có nhiệm vụ săn sóc sức khỏe cho đức vua, hoàng hậu, vương phi, thái tử, công chúa; và sau này còn có thêm đức Phật và Tăng chúng ở Trúc Lâm tịnh xá mà đức vua rất tôn phục và kính trọng. Tuy nhiên, cũng có khá nhiều trường hợp đặc biệt, Jīvaka phải chữa bệnh cho một số đối tượng khác.

Viên thị trưởng kinh thành Rājagaha có người bạn thân là một gia chủ đại triệu phú, đau đầu đã mấy năm, tất cả mọi thuốc thang đều bất lực. Gần đây nhất, sau khi thăm bệnh, một vị lương y nổi danh từ chôi vàng bạc, không dám chữa trị, vì thấy rõ, trong năm ngày nữa, gia chủ sẽ chết. Vị lương y nổi danh khác, cũng từ chôi, bảo rằng, bảy ngày nữa gia chủ sẽ châu trời! Tin đồn vị tân quan ngự y trẻ tuổi chữa

bệnh cho vua như thần đến tai viên thị trưởng. Thương bạn, vả, còn nước còn tát, viên thị trưởng vào khẩn cầu đức vua, nhắc đến công đức của vị gia chủ đại triệu phú đối với kinh thành bấy nay, nhất là đối với người nghèo, mong vua thương tình cho phép quan ngự y chữa trị cho.

Jīvaka được lệnh vua, cụ bị y dụng cùng một số thuốc gói, bột, hoàn bỏ vào tay nải đến nhà người bệnh. Sau khi xem xét, hỏi han bệnh tình, lắng nghe diễn biến bệnh cùng cách chữa trị của các thầy thuốc trước đây, Jīvaka nói:

- Không phải là vô phương cứu chữa đâu, bệnh có thể lành được, thưa gia chủ, nhưng với một số điều kiện hơi khó khăn...

Vị đại triệu phú đôi mắt sáng rỡ:

- Nếu lành được, điều kiện gì tôi cũng xin khứng chịu.

Vì muốn thử lòng, Jīvaka hỏi với nụ cười nhẹ:

- Ví dụ thù lao?

Ông đại triệu phú khẳng khái nói:

- Tất cả tài sản, ruộng vườn, vợ con, tôi tớ... gì cũng được hết, nếu bệnh lành.

- Thôi, chuyện tiền bạc để đấy đã. Việc này mới quan trọng: Gia chủ có đủ sức chịu đựng không? Ví dụ như gia chủ có thể nằm một bên hông trong suốt bảy tháng chẳng?

- Nếu lành bệnh được, tôi sẽ cố gắng!

- Chưa hết đâu. Còn hông bên kia nữa, cũng phải nằm yên bảy tháng như thế.

- Tôi cũng có thể.

- Còn nữa! Chàng tiếp lời - Gia chủ còn phải chịu khó nằm ngửa bảy tháng nữa, được không?

- Được!

Jīvaka đưa lên một ngón tay:

- Giữ lời hứa đấy nhé!

- Xin vâng!

Giao kèo, cam kết như vậy xong, Jīvaka mời tất cả mọi

người ra ngoài, chỉ giữ lại người con trai của gia chủ, nhờ lấy dây cột chặt chân tay của người bệnh xuống giường. Sau khi cho bệnh nhân uống một loại thuốc chống giảm đau, Jīvaka lấy y cụ gồm dao, kéo, kim chỉ, sát trùng chúng cũng bằng một loại thuốc nước. Nhờ người con trai giữ chặt đầu, Jīvaka lấy con dao giải phẫu, rạch làn da đầu, đưa con dao tách một góc sọ não. Do máu chảy, chàng gảy một đầu móng tay, một loại phấn vàng bay ra, cầm máu tức khắc. Lách cây kim, nâng võ não, nhìn sâu vào phía bên trong, chàng lấy một cây kim khác, nhọn và dài, lần lượt gắp ra hai con sâu lẩn tẩn, một to một nhỏ. Rất tiện xảo, rất nhanh nhẹn, Jīvaka cho khếp hai mảnh sọ lại, bôi vào đây một loại thuốc mỡ; lật làn da đầu trở lại y cũ rồi lấy kim chỉ khâu lại vết thương, bôi thêm một lần thuốc mỡ nữa. Tay rửa máu me xong xuôi, chàng lấy cây kim nhỏ chỉ vào con trùng lớn, nói:

- Bậc danh y thứ nhất nói, gia chủ năm ngày nữa sẽ chết, vị ấy đã nói đúng, vì con trùng lớn này, năm ngày nữa là nó sẽ đục khoét vào tận trung khu não bộ. Rồi chàng chỉ vào con trùng nhỏ hơn, nói tiếp - Bậc danh y thứ hai nói bảy ngày nữa gia chủ sẽ quy tiên, cũng đúng luôn; vì con trùng nhỏ này, bảy ngày nữa mới ăn tới tâm não...

Mọi người đã được phép vào thăm. Sau khi thấy, nghe mọi sự, ai cũng kinh dị.

Có người hỏi:

- Thầy có biết tại sao có hai con trùng lại nằm trong não?

Jīvaka nói:

- Cách đây chừng bốn năm, có lần ông đại triệu phú cỡi ngựa, bị té, đầu va đập vào chân ngựa, có hai con trùng từ nơi lông ngựa đã bám vào chân tóc, rồi chúng đi lần vào bên trong, xuyên vỏ não rồi ăn dần vào não. Đây là trường hợp hy hữu.

- Đúng thế! Con trai triệu phú xác nhận - Sau lần té ấy, non một tháng sau là cha tôi mắc chứng bệnh đau đầu.

Jīvaka giải thích:

- Bệnh gia tăng chậm, nhưng càng theo thời gian, càng đau nhức dữ dội vì càng lúc càng đi sâu vào não!

- Đúng thế! Con trai triệu phú lại gật đầu - Đến năm thứ tư này thì dường như không còn chịu nổi!

Jīvaka đều đều tiếp:

- Mỗi tháng chỉ có tám lần đau. Vì nửa tuần trăng, mỗi con trùng chỉ ăn hai lần no, sau đó chúng nằm ngủ. Khi chúng ngủ thì bệnh nhân yên hàn vô sự!

Mọi người kính phục quá, tán thán:

- Ôi! Đúng là có thần y xuất hiện trên đời rồi!

Bệnh nhân đang nằm ngủ yên, người quay về phía hông mặt. Jīvaka bảo với mọi người trong gia đình:

- Phải làm sao giữ yên tư thế nằm như vậy trong bảy tháng mới lành bệnh được. Chỉ nên cho ăn cháo gạo lứt loãng và muối trộn mè đen cùng với số thuốc tôi đã bào chế sẵn.

Jīvaka chào mọi người, ra về. Bảy ngày sau, chàng trở lại thăm bệnh nhân. Vị gia chủ than phiền:

- Tôi chết mất, thầy thuốc ơi! Tôi chẳng thể nào nằm như thế này trong bảy tháng được!

- Vậy tại sao gia chủ lại hứa? Ngài nuốt lời sao?

- Thật không dám thế. Nhưng tôi đã không thể chịu đựng được nữa rồi!

Trầm ngâm một chút, Jīvaka chột gật đầu, có vẻ thông cảm:

- Thôi được! Vậy gia chủ có thể nằm nghiêng phía hông trái bảy tháng vậy.

Người con trai thay đổi thế nằm cho cha, Jīvaka đưa thêm một số thuốc đã bào chế rồi ra về.

Bảy ngày sau, đến thăm, bệnh nhân lại áo não than phiền

là cũng đã hết sức chịu đựng, Jīvaka giả vờ cau mày một lát, sau đó, đồng ý cho nằm ngửa nhưng cũng phải bảy tháng.

Bảy ngày nữa, Jīvaka lại ghé thăm, gia chủ đại triệu phú lại than phiền như cũ, chàng cáu gắt:

- Chẳng lẽ nào cả ba lần ngài đều thất hứa mà không hỗ thẹn?

Vị đại triệu phú quay mặt ngoảnh đi, trông bộ dạng rất tội nghiệp. Chợt nhiên, Jīvaka cười ha hả, nói lớn:

- Thôi, ngồi dậy đi, ngài hoàn toàn lành bệnh, khỏe mạnh rồi đây!

Nghe thế, nửa tin nửa ngờ, vị đại triệu phú từ từ ngồi dậy, nhẹ nhàng đưa tay sờ đầu thì thấy mọi vết cắt trên não đã liền lạc như cũ, chẳng còn đau đớn gì nữa; ông cảm giác sung sướng, nhẹ bụng, thần hồn như bay tít lên tận thiên đường. Nhưng ông còn bàng hoàng, ngạc nhiên:

- Thầy bảo bảy tháng, bảy tháng, bảy tháng... nhưng rõ ràng là mới có hai mươi một ngày?!

- Phải, tôi phải nói như vậy. Tôi biết chỉ cần hai mươi một ngày là vết thương sẽ liền da, nhưng phải cam kết khó khăn nhiều tháng như thế, ngài đại triệu phú mới chịu nằm yên được đúng với thời gian yêu cầu chứ!

Xiết bao cảm kích, cả gia đình sụp xuống lạy tạ, tri ân. Jīvaka lấy tay ngăn lại, chàng nói:

- Đừng làm tôi tổn thọ. Bây giờ, ngài đại triệu phú trả thù lao cho tôi như thế nào đây?

- Tất cả tài sản đều là của thầy; và tôi, vợ con tôi sẽ làm tôi làm tớ cho thầy!

Ân cần nắm tay vị đại triệu phú, chàng nói:

- Tôi biết ngài sẽ giữ chữ tín, nhưng không cần thiết phải như vậy. Nghe nói, ngài có công đức rất lớn đối với nhân dân nghèo khổ trong kinh thành này; với nhân quả ấy, lý ra tôi không dám đặt vấn đề thù lao. Tuy nhiên, tôi bây giờ là người của đức vua, đang phụng sự cho đức vua; vậy ngài

hãy dâng biểu đức vua cái gì đó và tặng tôi cái gì đó như vật kỷ niệm là đủ rồi. Sống với nhau còn có cái tình, cái nghĩa nữa chứ!

Cả nhà cảm động đến nghẹn ngào, rung lệ. Sau đó, để biểu tỏ tấm lòng với vị vua nhân đức cũng như với chàng trai tốt bụng, vị đại triệu phú bắt ép chàng phải nhận trăm ngàn đồng tiền vàng Kahāpaṇa và đức vua cũng bằng chừng ấy ngân lượng.

Thế là danh tiếng của vị thần y tràn qua các vương quốc, tiểu quốc. Một vị triệu phú ở Bārāṇasī có người con trai thường hay chơi trò nhào lộn nên bị xoắn ruột. Suốt một thời gian dài không thể nuốt vào một chút cháo, một chút nước, lại còn bí cả đường đại tiểu tiện. Nhìn đứa con trai xanh xao, gầy ốm, chỉ còn trơ xương, chết dần chết mòn; và rồi thầy thuốc nào cũng bỏ chạy, vị triệu phú thở vắn, than dài. Hôm kia, danh tiếng của Jīvaka tràn đến thành phố này; vị triệu phú hồi hả thắt ngựa, tìm đến kinh đô Rājagaha, nước Māgadha, vào tận vương cung, khẩn thiết vập đầu xin đức vua cứu cho con trai thân yêu của mình. Thấy cũng thương tình, đức vua Seniya Bimbisāra cho gọi Jīvaka đến.

- Thế nào, ngài trưởng ngự y? Bệnh như thế có cứu được không?

Jīvaka cẩn trọng hỏi han bệnh tình, rồi đáp:

- Có lẽ dễ thôi, tâu đại vương! Nhưng phải quan sát, xem xét tận mắt mới quyết chắc, mấy ngày, vị công tử kia mới ăn uống bình thường trở lại.

Vị triệu phú thở dài, nhẹ nhõm.

Thế rồi, Jīvaka lại theo xe về Bārāṇasī. Quan sát người bệnh một hồi, Jīvaka mời mọi người ra ngoài, kéo màn cửa che kín, chỉ giữ lại người vợ để nhờ phụ giúp một tay. Cũng tương tự lần trước, Jīvaka bảo người vợ cởi áo cho thanh niên, rồi lấy dây buộc chặt chân, tay, đùi, ngực... vào cột nhà, chỉ chừa cái bụng trắng hếu. Soạn y cụ, lấy thuốc bôi

làn da bụng, cho bệnh nhân uống một loại thuốc rồi xắn tay cầm con dao giải phẫu sắc lẹm, sáng lấp lánh. Người thanh niên và bà vợ tái mặt, run , sợ hãi...

Jīvaka mỉm cười trấn an:

- Tôi cho uống thuốc giảm đau rồi, chỉ như kiến cắn, đừng sợ! Còn nhanh hơn mổ gà, mổ vịt nữa đấy!

Rồi với bàn tay thiện xảo, Jīvaka nhẹ nhàng đưa lưỡi dao xuyên làn da bụng, rạch sâu một đường, vừa đủ cho bàn tay lọt vào. Tự nhiên như nhiên, vừa cười vừa nói, chàng thò tay vào bên trong lõi nắm ruột ra; rồi vừa đưa tay chỉ vừa giải thích cho người vợ trẻ:

- Hãy xem chùm ruột của tướng công bà! Đây này, nó xoắn lại như sợi dây thừng như thế này thì làm sao chảy trôi, thông thuận được nước hồ, nước cháo! Nó xoắn nhiều vòng như thế này thì làm sao mà đại tiểu tiện? Chưa chết là may lắm rồi đó!

Vừa nói, vừa chỉ trỏ, vừa đưa những ngón tay khéo léo như ảo thuật sắp xếp lại từng khúc ruột trên dưới cho đúng vị trí rồi đặt trở lại vào bên trong. Rồi, những ngón tay như có con mắt, không phí một sát-na nào, chàng lấy kim chỉ khâu vết thương, bôi một lớp thuốc mỡ bên ngoài, lau máu, lau tay sạch sẽ.

- Xong rồi đây! Chàng nói - Nhờ bà chị làm phiền cởi dây trói, mặc áo lại cho công tử.

Khi mọi người được phép vào thăm thì Jīvaka đã đặt cho thanh niên nằm yên trên giường, chàng nói:

- Phải được giữ yên như thế, quan trọng nhất là vị trí cái bụng, đừng cho xô dịch! Chỉ nên cho ăn cháo loãng ba ngày, cháo đặc ba ngày; ngày thứ bảy ăn cơm được; và như thế có nghĩa là có thể trở lại sinh hoạt bình thường. Còn cái trò chơi lộn nhào kia thì khuyên công tử phải bỏ hẳn đi, tái phạm, tôi không cứu nữa đâu!

Rồi chẳng khách sáo gì, Jīvaka nhận lãnh mười sáu ngàn

tiền thưởng, về lại kinh đô với công việc cũ của mình...

Và còn nữa, còn nữa, không biết bao nhiêu huyền thoại, giai thoại, truyền thuyết về ông quan ngự y Jīvaka! Đôi khi biết là tánh mạng của mình bị đe dọa mà chàng vẫn cứ cứu người, như trường hợp sau đây.

Đức vua Pajjota nước Ujjenī nổi tiếng độc ác, bạo tàn nên được gọi là Caṇḍappajjota⁽¹⁾ bị bệnh vàng da, nhưng các quan ngự y của vua bó tay bất lực. Phần thưởng nghìn vàng vẫn còn treo lơ lửng ở đấy, nhưng chẳng có danh y nào dám thò tay nắm lấy. Danh tiếng thần y Jīvaka Komārabhacca hôm kia bay đến tai vua. Với lễ vật trọng hậu, một đoàn sứ giả thẳng xa mã lên đường, bệ kiến đức vua Seniya Bimbisāra, quỳ lạy khẩn thiết, xin cho quan ngự y cứu đức vua của họ.

Đức vua Seniya Bimbisāra lẳng lẳng không hứa khả điều gì, sau đó, hẹn ba ngày sẽ trả lời.

Gọi Jīvaka đến, vua hỏi:

- Học thuốc, khanh tâm đắc y thuật hay y đạo?

Nghe câu hỏi nặng tợ ngàn cân, Jīvaka giật thót mình, tuy nhiên, chàng trấn tĩnh rất nhanh.

- Tâu đại vương! Thuật hay đạo cũng đều là y cả. Sở dĩ gọi thuật là vì phải dùng phương, dùng thuốc để đối trị, bỏ tả hay công thủ tùy nguyên nhân bệnh lý, cơ địa, mùa tiết... Nói cách khác, thuật, nó biến hóa vô cùng, vô biên giới nhưng đều gặp nhau một điểm là sử dụng ngoại công để trị liệu.

- Thế còn đạo?

- Đạo là tự mình cứu mình, tự mình chữa trị cho mình, không dùng ngoại công, chỉ sử dụng nội công, nội thủ...

- Trẫm hiểu! Nhưng cao nhất, tối thượng nhất của nội công, nội thủ là gì?

⁽¹⁾ Caṇḍa là dữ tợn, bạo tàn, hung dữ...

- Dạ thưa, là không làm gì cả, chỉ chú trọng hít thở để điều khí, điều tâm...

Đức vua chợt cười ha hả:

- Cái ông thầy thuốc con nít này nói cứ y như đức Phật nói vậy.

Jīvaka ngạc nhiên:

- Hạ thần đã nghe danh tràn tai về sự sâu nhiệm của tư tưởng cũng như giáo pháp của đức Phật ấy, tiếc là chưa có dịp diện kiến. Rồi hạ thần sẽ tìm gặp. Tại sao có sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa y đạo và giáo lý thoát khổ, kỳ lạ đến vậy.

Trầm ngâm một lát, đức vua hỏi tiếp:

- Cứu người, có phân biệt người ấy là tốt, là xấu, là thiện, là ác không, hử Jīvaka?

- Dạ thưa không! Chỉ có bệnh, nguyên nhân bệnh, phải chẩn trị cho hết bệnh với phương dược tùy nghi thể nào đó, tâu đại vương! Trong con mắt và trong cái tâm của người thầy thuốc, là không có người mà chỉ có bệnh!

- Nữa! Đức vua lại cười - Lại nói giống ông Phật con nữa rồi!

Cứ để cho Jīvaka thắc mắc, đức vua không giải thích, ngài kể lại cho chàng nghe về việc thỉnh cầu chữa bệnh của đức vua Pajjota, nước Ujjenī, vốn là một kẻ độc ác, bạo tàn. Đến chữa bệnh cho ông ta thì sống chết khó lường. Tuy nhiên, cái sự việc ấy, nhận hay không nhận, đức vua để cho Jīvaka tự do quyết định.

Rất tri ân đức vua đã có sự tôn trọng phải lẽ, Jīvaka muốn thử tài nghệ của mình, sau khi hứa với đức vua là sẽ rất cẩn trọng, sẽ rất thận trọng!

Nhìn thần sắc, tướng mạo của đức vua Pajjota, Jīvaka, biết rõ bệnh và biết rõ cả tâm địa, chàng nói:

- Đơn giản thôi, tâu bệ hạ! Nhưng chữa lành rồi, bệ hạ sẽ tái phát trở lại!

Vua Pajjota trợn mắt:

- Tại sao?

Jīvaka bạo gan, ướm thử:

- Bệnh của bệ hạ là do gan nóng, khô; gan nóng, khô lại là do bệ hạ uống nhiều rượu, hay nóng nảy, hay giận dữ... Hạ thần còn ngại rằng, không chỉ có vàng da mà khí nóng cứ mãi bốc lên làm cho đôi mắt càng ngày càng yếu, càng mờ đi; biến chứng có thể dẫn đến mù mắt!

Vua Pajjota thấy ông thầy thuốc nói đúng từ bên trong ra bên ngoài, việc mắt mờ cũng đã mờ xuất hiện nên cứ hăm hừ, âm ề trong cổ họng; lát sau, ông mới nói:

- Cứ chữa lành bệnh cho ta đi, tái phát thì ta chịu, người là thầy thuốc mà sao lắm lời đến thế, còn dạy khôn, dạy ngoan người ta nữa!

- Nhưng thưa bệ hạ, thần nói đúng chứ?

- Đúng!

Jīvaka không dừng lại, chàng tiếp:

- Vậy thì nhất định là hạ thần sẽ chữa lành! Thuốc quý hiếm cả hàng trăm loại, hạ thần đi kiếm được, nhưng khó nhất là nước dẫn...

- Nước dẫn gì?

- Dạ thưa! Chàng chọc tức - Nước uống để dẫn thuốc đi, ví dụ như nước tiểu bò, nước tiểu khỉ...

- Ta sẽ chém đầu người!

- Vậy thì nước ao hồ, nước cống rãnh?

- Người không muốn sống nữa à?

Chợt Jīvaka cười ha hả:

- Sau khi lành bệnh, một năm sau bệ hạ mới tái phát. Càng giận dữ chừng nào thì thời gian tái phát càng nhanh. Hạ thần muốn chọc giận bệ hạ, xem thử bệ hạ giận dữ đến cái cỡ nào, hóa ra còn có thể chữa trị được!

Nói thế xong, Jīvaka chậm rãi tiếp lời:

- Thôi! Hạ thần sẽ dùng nước bơ lỏng để làm thuốc dẫn

vậy!

Đức vua chột giận dữ, vùng đứng dậy, quắc mắt:

- Đây là thứ mà ta rất căm kỵ. Ta rất ghét. Người mà sử dụng bơ lỏng, ta sẽ cho chặt người làm ba khúc.

Jīvaka nghe ớn lạnh cả xương sống. Lát sau đã tìm ra giải pháp, chàng nói:

- Vậy thì bộ hạ có dùng nước cam, vị cam, hương cam chẳng?

- Ừ, cái thứ đó thì được!

Ngẫm nghĩ một hồi, đã có kế, chàng bèn đưa ra điều kiện:

- Trong thời gian chữa trị, hạ thần cần đi tìm kiếm gấp rất nhiều loại thuốc quý hiếm xung quanh núi rừng ngoại ô kinh thành; vậy đức vua hãy cho phép hạ thần được tự do ra vào các cổng thành bất cứ lúc nào; sử dụng bất cứ phương tiện nào được xem là thuận lợi nhất, nhanh nhất, cũng vì lợi ích tối thượng cho bộ hạ!

Đức vua gật đầu:

- Điều kiện ấy thì ta chấp thuận, ta sẽ thông báo tức khắc. Nếu cần, ta còn cho phép người sử dụng cả con voi thần Bhaddavatikā có thể đi năm mươi do-tuần trong một ngày.

Sau ba ngày công phu chế biến các loại dược thảo, trộn lẫn hương cam, vị cam trong một bát thuốc, Jīvaka dâng lên đức vua:

- Ngài uống bát thuốc này xong thì sẽ đổ mồ hôi, ấy là triệu chứng giải độc đấy, sau đó nên nằm ngủ một lát. Bây giờ hạ thần xin cáo lui!

Ra khỏi cung điện, Jīvaka thăm hỏi đường đến trại nuôi voi, vừa đi vừa nghĩ: “Phương thuốc này duy nhất có hiệu quả, là lấy bơ lỏng làm nước dẫn; vì đức vua có ác cảm với bơ nên ta đã dùng vị cam, hương cam đánh bật mùi vị bơ đi. Nhưng khi thuốc tiêu hóa vào bao tử, vào đường ruột, bơ bị

đốt cháy sẽ sinh ra ợ hơi. Do ợ hơi, vua sẽ biết đây là bơ chứ không phải cam. Độc ác, bạo tàn, độc đoán là bản tính cố hữu của ông ta; nghịch ý ông ta thì mình sẽ bị chém đầu, không chỉ là lời hăm dọa suông đâu. Vậy, bây giờ, tốt nhất, muốn bảo vệ cho cái tính mạng sâu kiến nhỏ nhoi của mình, ta sẽ chuồn nhanh qua bên kia biên giới!”

Viên quản tượng đã có lệnh của đức vua khi biết đây là viên ngự y lòng danh, nên sẵn sàng trao voi thần, còn tìm cách chỉ bày cặn kẽ cách khiển voi, trị voi nữa!

Ngủ dậy một giấc, thức dậy, đức vua ợ hơi và cảm nhận mùi bơ nồng nặc, rất khó chịu; ông hét toáng lên:

- Quân bây đâu! Tên thầy thuốc xảo trá đâu rồi? Nó dám cho ta uống bơ lỏng! Hãy gọi y đến đây gấp cho ta trị cái tội hỗn láo!

- Tâu bệ hạ! Quan cận vệ hốt hãi - Ông thầy thuốc ấy đã phi vun vút ra khỏi cửa cung bằng con voi thần Bhaddavatikā mất rồi!

Đức vua mắt trợn ngược, võ long sàng, quát lớn:

- Phải chém, phải chặt thành bảy khúc cái tên thầy thuốc nghịch tặc ấy! Hãy gọi nam nô lệ Kāka thân yêu của ta đến đây!

Thanh niên Kāka nô lệ của vua vốn là dòng dõi phi nhân, có thể chạy nhanh như gió, mỗi ngày chạy được sáu mươi do tuần, hơn cả voi thần, nghe vua gọi liền đến trình diện.

- Ngươi hãy ra sức thần võ! Vua phán - Đuổi bắt tên thần y quý quyết ấy về đây cho ta, sẽ được trọng thưởng ngàn vàng. Nhưng hãy ghi nhớ điều này, ngươi đừng nhận bất kỳ thứ gì mà hấn giả vờ thân thiện trao cho; ở nơi móng tay, móng chân của hấn, xem chừng, chỗ nào cũng phục kích sẵn thuốc độc cả đấy!

Kāka cúi đầu vâng dạ, lời vừa dứt thì cái bóng đã loang loáng ngoài xa, rồi sau đó, đôi chân thoăn thoát của hấn

đường như lướt trên đầu cỏ. Giữa đường, gần thành phố Kosambī, thanh niên nô lệ Kāka gặp Jīvaka Komārabhacca đang nghỉ chân ăn uống nơi chiếc quán bên vệ đường.

Kāka lễ phép nói:

- Thưa thầy, đức vua bảo, kẻ nô lệ này phải bắt dẫn thầy trở về!

Jīvaka đã nghe danh tên nô lệ này rồi, biết sự việc gay cần rồi, nhưng chàng giả vờ phớt lờ như không có chuyện chi:

- Ta biết. Nhưng này chú em, hãy chờ cho ta ăn chút gì đã chứ! Chú em cũng ăn đi!

Kāka thật thà:

- Kẻ nô lệ này không được phép thọ nhận bất kỳ thứ gì từ nơi ông thầy thuốc cả!

Lúc ấy, Jīvaka đã ăn xong, rồi rất nhanh, rất thiện xảo, chàng gảy nhẹ móng tay, thế là một ít bột thuốc nâu vàng đã bay sang trái cây Amalaka. Chàng cầm một trái ăn và uống nước.

- Chú em cũng nên ăn trái cây và uống nước rồi hẳn lên đường!

Thanh niên nô lệ Kāka chất phác suy nghĩ: “Thầy thuốc không trao gì, ta không nhận gì. Chỉ ăn trái cây trên bàn và uống nước. Việc này chẳng có gì là sai trái cả.” Bèn vô tư thò tay cầm một trái...

Vừa cắn một miếng, vừa nhai tí chút, nô lệ Kāka đã xây xẩm mặt mày, tay chân bủn rủn mất hết khí lực, y ngậy đại đưa mắt nhìn Jīvaka, nói thều thào:

- Kẻ nô lệ tội nghiệp này có còn được mạng sống không, thưa thầy?

Jīvaka vỗ vỗ vai hẳn, thân mật, mỉm cười:

- Chú em là người tốt, ta không hại mạng sống của chú em đâu! Thuốc này chỉ để chú em thông thả ngồi đây chơi chỉ mấy khắc thời gian thôi, đủ để cho ta qua khỏi bên kia

biên giới. Sau khi cử động chân tay được rồi, chú em hãy ăn một bụng no, khỏi phải trả tiền cho chủ quán. Con voi Bhaddavatikā ta cũng đã cho ăn no phành bụng, hãy mang nó về trả lại cho đức vua. Ta cũng nhờ chú em nói lại với ông vua rằng, tên thầy thuốc xảo quyết Jīvaka luôn luôn đầy sẵn một bụng mưu ma, chước quỷ để đối phó với quỷ ma hung dữ; nhưng hấn chưa hại ai, hấn chữa bệnh như thần!

Thế rồi, khi an toàn về lại Rājagaha, Jīvaka kể lại mọi chuyện cho đức vua Seniya Bimbisāra nghe, ngài cười ha hả:

- Tuyệt lắm! Này Jīvaka! Mưu kế ấy tuyệt lắm! Đáng ghét thay cái loại người độc ác! Vua chột ngấm ngội rồi tò mò hỏi - Nhưng bát thuốc đánh tráo hương, đánh tráo vị ấy, cái tên vua xấu xa, đê tiện kia có lành bệnh chăng?

- Chắc chắn chứ, lành hẳn chứ, tâu bệ hạ hiền đức! Thần đã nói là chỉ thấy bệnh, không thấy người kia mà!

Mấy ngày sau, bệnh vàng da của đức vua đã đổi sắc, ngày một hồng hào, ăn ngon, ngủ khỏe, đức vua vô cùng tri ân ông thầy thuốc giáo hoạt, cứng đầu, nhiều mưu kế, nhiều thủ đoạn khó lường. Nói chung là giỏi, rất giỏi... đáng khâm phục, đáng ngưỡng mộ! Càng nghĩ đến mưu chước quỷ quyết của Jīvaka, đức vua càng khoái, ông tức tốc sai sứ giả đến gặp Jīvaka, nhắn rằng:

- Hãy đến Ujjenī để được trọng thưởng!

- Thôi đi! Jīvaka đáp - Ta nguyện rửa đức vua vô ơn của các ông! Nếu mà còn hung dữ, độc ác, bạo tàn... là ông ta đã tự giết mình đấy, ta không cứu chữa nữa đâu!

Thế đấy, đại lược con người Jīvaka là như vậy đấy! Thật xứng đáng để bước vào giáo pháp của đức Tôn Sư.

Riêng Jīvaka Komārabhacca thì nghe danh đức Phật đã lâu, qua cửa miệng của đức vua, triều thần cũng như các bậc thức giả, quần chúng... nên chàng rất kính trọng, rất ngưỡng mộ nhưng chưa có dịp hội diện ngài. Chàng rất tâm đắc ở

chỗ, đức Phật đã thuyết một loại giáo pháp, nghe nói là do ngài độc sáng, chưa hề có trong tư tưởng của các giáo phái truyền thống, gằn gằn đúng như nghề nghiệp của chàng: Nêu ra thực trạng của bệnh khổ, nguyên nhân của bệnh khổ, sự chấm dứt bệnh khổ và phương thuốc chữa trị bệnh khổ ấy! Như vậy, chính đức Phật là một vị đại lương y, chữa trị bệnh tâm thâm căn cốt đế của chúng sanh!

Mới đây, sau khi chữa lành bệnh âm sang cho đức vua, Jīvaka được ngài chỉ định chăm sóc sức khỏe cho đức Phật và Tăng chúng. Vậy, Jīvaka Komārabhacca cần yết kiến ngài để vấn nghi một vài điều còn thắc mắc trước khi nhận thêm nhiệm vụ mới.

Hôm đó, nhân duyên đã đến, Jīvaka được gặp đức Phật ngay chính nơi vườn xoài của mình, đánh lễ ngài xong, chàng hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Nội dung giáo pháp thoát khổ của ngài, tôi chưa có thì giờ, chưa dám hỏi đến. Tôi chỉ hỏi cái ngoài rìa! Nó như sau. Tôi nghe khá nhiều tin đồn đãi, loan truyền, không được hay cho giáo pháp, rằng là nhiều súc vật đã bị giết vì ngài; và sa-môn Gotama tuy biết thế, vẫn dùng các loại thịt được giết vì mình và được làm cho mình! Chẳng hay điều ấy có đúng chăng?

- Này Jīvaka Komārabhacca! Ai nói vậy là không như chơn, không như thực, họ đã xuyên tạc lời nói của Như Lai. Chính Như Lai đã nói như sau: “Có ba loại thịt được thọ dụng, đây là không thấy con vật bị giết, không nghe tiếng con vật kêu rống đau đớn khi bị giết, không nghi ngờ con vật bị giết ấy là vì mình, bởi mình, cho mình! Không thấy, không nghe, không nghi, là ba loại thịt thanh tịnh (tam tịnh nhục) được thọ dụng, này Jīvaka Komārabhacca!”

- Vậy là chính xác, bạch đức Thế Tôn! Jīvaka Komārabhacca có vẻ trầm ngâm giây lát rồi nói tiếp – Tôi là một lương y, thường phải sử dụng cây cỏ rễ củ để chữa

bệnh. Thảo mộc, chúng cũng có sự sống, nhưng tôi từng tâm nguyện rằng, khi làm như vậy là tôi không hại mình, không hại người, không hại cả hai!

- Đúng vậy, này Jīvaka Komārabhacca! Như Lai và đệ tử của Như Lai cũng bảo vệ nguồn nước, cây lá và cỏ xanh. Một vị tỳ-khưu sống đúng pháp và luật thì phải biết tôn trọng sự sống của muôn loài; do vậy, họ không được đào, cuốc, bẻ cây, chặt cành; dù mầm sống nhỏ nhoi của một hạt cỏ, một vi sinh cũng không được xâm hại. Ngoài ra, ông cũng còn thấy rõ sự quan trọng của sự khởi tâm lúc hành động; và tốt hay xấu, lỗi lầm hoặc không lỗi lầm, nó nằm nơi chỗ tư tác, chủ ý, cố ý (cetanā) ấy?

- Thế Tôn đã rất hiểu ý của tôi! Jīvaka nói - Tôi chỉ nghĩ đến việc cứu người!

Đức Phật mỉm cười nhìn vị lương y trẻ tuổi ra chiều thân thiện:

- Là vị thầy chữa bệnh thân, ông chú trọng nơi chỗ khởi tâm trong khi hành động. Như Lai là vị thầy chữa bệnh tâm cho chúng sanh nên Như Lai phải khởi tâm cả ba thời: Trước khi, trong khi và sau khi đó nữa, này Jīvaka Komārabhacca!

Chàng lương y có vẻ ngạc nhiên:

- Xin đức Thế Tôn cho tôi được nghe cao kiến?

- Này Jīvaka Komārabhacca! Như Lai và đệ tử của Như Lai khi sống dựa vào một ngôi làng, một ngôi rừng, một thị trấn hay thành phố nào thì luôn biến mãn một phương, nhiều phương với tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Thế rồi, khi đêm đã qua, mặt trời lên, Như Lai và đệ tử của Như Lai với trạng thái tâm vô lượng ấy đi trì bình khát thực bình đẳng, tuần tự trước cửa mọi nhà, rỗng rang, tự tại, không hận, không sân, không hại mình, không hại người, không hại cả hai! Đây được gọi là khởi tâm trước khi, ông có hiểu không, này Jīvaka!

- Tôi hiểu, thật là tuyệt vời! Vậy còn trong khi thì thế nào, thưa đức Thế Tôn!

- Như Lai và đệ tử của Như Lai trong khi thọ thực, không hề nghĩ đến vật thực ngon bổ hoặc không ngon bổ, không cầu mong vật thực như thế này hoặc như thế khác, không tham đắm, không đam mê, không chấp trước; còn thấy rõ vị ngọt, sự nguy hại và ý thức rõ rệt sự xuất ly chúng nữa! Trong khi thọ thực với tâm như thế, vị tỳ-khưu không hại mình, không hại người, không hại cả hai, có phải vậy không, này Jīvaka!

- Quả thật là minh nhiên, bạch đức Thế Tôn!

- Còn sau khi nữa, này Jīvaka Komārabhacca! Như Lai và đệ tử của Như Lai thấy rằng, với tứ vô lượng tâm cũng chưa đủ, với không hận, không sân cũng chưa đủ! Sau khi thọ thực xong, vị ấy tìm một góc rừng vắng, một gốc cây, một ngôi nhà trống, an trú chánh niệm trước mặt, vị ấy đi vào, đi ra các định, các thiền; sau đó dùng tuệ tri, tuệ giác, tuệ minh; ông ta búng nhổ vô lượng tham sân, phiền não tùy miên, làm cho chúng không còn sanh khởi trong tương lai! Và như vậy thì, vị ấy trước khi thọ thực không có lầm lỗi, trong khi thọ thực không có lầm lỗi; và, sau khi thọ thực cũng không có lầm lỗi! Đây là hành trình làm ông thầy thuốc chữa bệnh tâm của Như Lai và đệ tử của Như Lai, nó không những không hại mình, không hại người, không hại cả hai mà còn lợi mình, lợi người, lợi cả hai nữa, này Jīvaka Komārabhacca!

Jīvaka Komārabhacca thốt lên:

- Thật là tuyệt vời, bạch Đức Thế Tôn! Rồi chàng nói tiếp - Sự thọ thực như vậy là chơn chánh, nghiêm minh, phạm hạnh, không có ở đâu từ xưa đến nay ngoại trừ giáo pháp của đức Thế Tôn! Sự xuyên tạc của một số người do ganh tỵ danh vọng, do đố kỵ lợi dưỡng sẽ không có chỗ đứng trong tâm kẻ trí khi họ nghe được buổi pháp thoại tốt

đẹp, viên mãn cả ba thời này!

Đức Phật nói:

- Dường như họ còn nói rằng, Như Lai đồng ý với sự hủy diệt, hoan hỷ với sự hủy diệt, đồng phạm với sự hủy diệt, ông có nghe người ta nói như thế không?

- Thừa có, tôi có nghe! Jīvaka Komārabhacca gật đầu – Tôi thì hủy diệt chúng vô tình hoặc được ghép vào tội danh hoan hỷ, đồng ý và đồng phạm! Đức Thế Tôn thì hủy diệt chúng hữu tình, cũng bị ghép vào tội danh hoan hỷ, đồng ý và đồng phạm như thế!

- Thế ông có thấy mình có tội không, này Jīvaka?

- Dạ thưa không, bạch đức Thế Tôn! Chỉ những ai khởi tâm cố ý hủy diệt, người ấy mới có tội!

- Cũng vậy, này Jīvaka Komārabhacca! Có năm phi công đức, năm nguyên nhân tạo tội mà người cư sĩ tại gia, những người cúng dường vật thực đến cho Như Lai và đệ tử của Như Lai phải nên thấy rõ, biết rõ. Hãy dắt con thú này đi! Đây là khởi tâm có tội, là phi công đức thứ nhất! Khi con thú bị dẫn đi đến nơi lò mổ, nó bị kéo lôi, bị trầy cổ, nó sợ hãi, nhưng lòng người ta vẫn lạnh lùng, sắt đá, đây là nguyên nhân, là phi công đức thứ hai! Hãy giết mổ con thú này! Đây là khởi tâm có tội, là nguyên nhân, là phi công đức thứ ba! Khi con thú bị giết, nó quằn quại, nó kêu rống, nó cảm thọ đau đớn với lệ máu, nhưng người ta vẫn nhẫn tâm thọc huyết, xẻ thịt, đây là nguyên nhân, là phi công đức thứ tư! Sau khi tích lũy bốn nguyên nhân có tội ấy, bốn phi công đức ấy, người tại gia cư sĩ cúng dường món ăn ấy đến cho Như Lai và đệ tử của Như Lai, chính là nguyên nhân, là phi công đức thứ năm!

Này Jīvaka Komārabhacca! Như Lai không có hoan hỷ, không có tán đồng, không có chủ trương, không có khuyến khích những vật thực cúng dường nằm trong năm loại phi công đức ấy! Cúng dường như vậy là phi pháp, không đúng

với chánh pháp!

Còn như thế này nữa, Jīvaka! Trong thế gian tương đối, với bốn giai cấp có lợi dưỡng khác nhau, quan niệm khác nhau, có thói quen khác nhau về vật thực. Ví như giai cấp bà-la-môn chủ trương dùng ngũ cốc, rau trái, hoa quả; giai cấp sát-đế-ly chỉ thích dùng các loại thịt tươi sống, ngon bổ, rau trái quả thượng phẩm; giai cấp vệ-xá, có khá đông người giàu có, họ thọ dụng các loại thịt hoặc rau trái cũng không thua gì quý tộc đâu. Riêng giai cấp thủ-đà-la thì không có khả năng chọn lựa, cái gì rẻ, dễ kiếm thì dùng. Còn chiên-đà-la thì thức ăn vật uống của họ thì chỉ để mà tồn tại! Như Lai và đệ tử của Như Lai khi đi trì bình khát thực, phải giữ tâm bình đẳng trước mọi giai cấp, trước mọi nhà, không kể giàu nghèo, sang hèn. Và chính vật thực kiếm được trong chiếc bát, thường đủ đại biểu cho mọi giai cấp trong xã hội! Ông nghĩ thế nào, này Jīvaka! Giáo pháp của Như Lai, vì muốn giữ tâm bình đẳng, thực hiện giáo pháp trung đạo, lấy giới luật làm thành trì, lấy tâm ô nhiễm hoặc không ô nhiễm làm thước đo, lấy mục đích giác ngộ, giải thoát làm cứu cánh thì có nên đặt vấn đề chọn lựa hay không chọn lựa? Hỏi tức là đã trả lời! Do vậy, Như Lai chỉ cho phép chư tỳ-khưu tùy nghi thọ dụng rau trái, hoa quả, ngũ cốc, tùy nghi thọ dụng ba loại thịt thanh tịnh: Không thấy con vật bị giết, không nghe tiếng con vật bị giết, không nghi con vật bị giết ấy là do mình! Như vậy, Như Lai không rơi vào cực đoan này, không rơi vào cực đoan kia, này Jīvaka Komārabhacca!

Cảm phục xiết bao lời dạy sáng tỏ đầu đuôi, thấy rõ gốc ngọn vấn đề của đức Phật, lương y Jīvaka Komārabhacca quỳ năm vóc sát đất xin được quy y, làm đệ tử, bắt đầu học tập bốn phận của người cư sĩ tại gia. Và việc đầu tiên là chàng hoan hỷ cúng dường vườn xoài của mình để đức Phật và Tăng chúng tùy nghi sử dụng!

Vài ba lần về sau, mặc dầu công việc ở hoàng cung khá

bận rộn, lương y Jīvaka Komārabhacca vẫn thu xếp được thời gian viếng thăm Trúc Lâm, nghe pháp và quan sát sinh hoạt của tăng chúng. Trong vài lần đàm đạo với đức Phật về sức khỏe chung của chư tăng, Jīvaka nói rằng, đời sống hành thiền nhiều dễ phát sanh một số bệnh liên hệ do khí huyết thiếu lưu thông. Chàng mang đến một số dầu xoa bóp, thuốc nhuận tràng và hướng dẫn chư tăng cách bấm một số huyệt trên cơ thể để ai cũng có thể tự chữa cho mình khi nhức đầu, sổ mũi, mỏi vai, đau lưng... Ngoài ra, nước cốt trái cây và dùng nhiều rau quả tươi xanh sẽ rất tốt cho cơ thể. Chàng còn đề nghị đức Phật cho chư tăng tập thể dục, một số động tác Hattha-yoga, như Sāriputta đã từng chủ trương, làm việc nhẹ về tay chân, tắm suối nước nóng (Ở xung quanh Trúc Lâm và rải rác ngoài ô Rājagaha có khá nhiều suối nước nóng). Về mùa lạnh, không nên tắm ở ngoài trời, phải tắm ở trong lều có sưởi ấm. Thấy ý tưởng một bệnh xá tại mỗi nơi tu viện, Jīvaka Komārabhacca rất hoan nghênh, ông hứa cung cấp thuốc men và cho thêm một số lương y đến phụ trách!

Đức Tin Phát Sáng

Sau mùa an cư thứ ba (một mùa tại Lộc Uyển, hai mùa tại Trúc Lâm), hầu hết các trưởng lão, các tỳ-khưu A-la-hán đều xin đức Phật đi du phương hành hóa các nơi. Đầu tiên là tôn giả Mahā Kassapa và chúng đệ tử của ngài, muốn thể hiện hạnh đầu-đà nên tản mác khắp thành Rājagaha để làm gương cho chúng. Tiếp đến là nhóm tôn giả Yasa và chúng đệ tử của ngài muốn đi hoằng pháp tại các quốc độ phía tây nam. Một số các tôn giả trong nhóm Pāyāva và chúng đệ tử muốn trở lại tuyên giáo các xứ sở miền tây bắc. Nhóm tôn giả Nandīkassapa, Gayākassapa và chúng đệ tử lại chia nhau sang các xứ đông nam để truyền bá giáo pháp! Các tôn giả Assaji, Vappa, Bhaddiya (cũ), Mahānāma, Uruvelākassapa và một số đệ tử chững chạc thì ở lại để chăm lo công việc và giáo giới cho các vị tân tỳ-khưu. Nhóm các ông hoàng và các tỳ-khưu dòng tộc Sākya một số ở lại, một số theo chân tôn giả Kāḷudāyi qua bờ bắc sông Gaṅgā đi gieo duyên hóa độ các tiểu bang và các nước cộng hòa ở đây. Hai vị đại đệ tử thì thường theo hầu đức Phật để tiếp thu các thời pháp hoặc nhận những chỉ thị từ ngài. Tỳ-khưu Ānanda thì rất ham mê nghe pháp, không cận kề đức Phật được thì gần gũi chư vị tôn giả Sāriputta, Moggallāna hoặc nhóm ngài Assaji

đề nghe lại các thời pháp từ hồi còn ở Lộc Uyển, rừng Kappāsīya, tụ lạc Uruvelā...

Sa-di Rāhula thì rất chăm ngoan lắng nghe, học hỏi, tu tập từ vị giáo thọ sư của mình cùng các vị khác nữa.

Như vậy là chỉ non nửa tháng sau, Trúc Lâm chỉ còn hơn một nghìn vị tỳ-khưu! Tuy nhiên, chỉ mấy hôm sau là nhân số Trúc Lâm được bổ túc thêm. Đầu tiên, đức Phật tiếp đón chàng thiếu niên Sotthiya và gần hai mươi bạn hữu chặn bò từ Uruvelā tìm đến. Đức Phật mỉm cười, thân thiện chuyện trò, tiếp nhận rồi bảo tôn giả Sāriputta cho họ thọ giới sa-di. Kế đến là đạo sĩ Pukkusa, người bạn của đức Phật từ đạo tràng đầu tiên dẫn theo cả mấy trăm đạo sĩ, đệ tử cũ của đạo sư Ālāra, đạo sư Uddaka đến xin quy giáo. Gặp lại đức Phật, đạo sĩ Pukkusa rất vui mừng. Sau khi đánh lễ vị Phật mà ông ta đã vô cùng ngưỡng mộ, đồng thời, danh tiếng của đức Đạo Sư vô song đã trở thành đề tài bàn luận sôi nổi của các đạo sĩ, Pukkusa kể lại sự sa sút của cả hai đạo tràng sau khi hai vị đạo sư mất đi như thế nào. Sau một thời pháp giáo giới về những điểm căn bản của đạo giác ngộ, đức Phật chứng minh để các vị trưởng lão làm lễ cho họ xuất gia tỳ-khưu.

Thời gian này đức Phật còn có ý chỢ đợi một người, một nhân vật hộ pháp quan trọng, và cũng là nhân duyên cho giáo pháp lan sang các quốc độ phương xa. Trúc Lâm là một thủ phủ của miền đông nam châu Diêm-phù-đề; phải cần một thủ phủ lớn rộng hơn thế ở miền tây bắc nữa để hai nơi hỗ trợ cho nhau...

Ngày hôm sau, đức Phật giao trọng trách Trúc Lâm cho tôn giả Mogallāna và tôn giả Assaji, đặc biệt lưu tâm đến Nanda và Rāhula rồi cùng với tôn giả Sāriputta, thị giả Upavāna, thêm một số ít tỳ-khưu khác nữa đến ngụ cư tại cụm rừng Sītavana phía tây thành phố! Đức Phật ở đây để hóa độ những người hữu duyên, đồng thời, cố ý chờ đợi một

người. Và nhân vật ấy là Sudatta!

Ông là một thương gia giàu có, còn trẻ, tên thôi nội là Sudatta; nhưng vì hăng tâm, hăng sản, do danh thơm bố thí và hay giúp đỡ những người nghèo khổ với lòng quảng đại vô song nên được người đời kính trọng, mến thương ban tặng cho tôn hiệu Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc); có nghĩa là: Nuôi ăn những người nghèo khổ, trợ cấp cho những kẻ cô độc! Kinh thành Sāvatti (Xá Vệ), vương quốc Kosala là quê hương sinh quán của ông.

Là chủ tịch một nghiệp đoàn thương mại, chuyên kinh doanh vàng bạc, đá quý nổi tiếng của kinh đô vương quốc Kosala, trưởng giả Sudatta có dịp đi đây đi đó luôn để liên hệ chuyện làm ăn. Ông kết hôn với em gái của một phú thương ở Rājagaha nên hay lui tới thành phố kinh tế và thương mại này.

Hôm kia, vào khoảng những ngày cuối tháng mười năm năm trăm tám lăm (tr.TL), trưởng giả Sudatta đến Rājagaha, ghé nhà ông anh rể. Bình thường thì trưởng giả Sudatta được cả nhà đón tiếp rất nồng hậu, rất niềm nở; nhưng nay thì chẳng thấy ai chào hỏi cả mặc dầu ông đã bước vào cửa trong! Trưởng giả Sudatta thấy ai cũng bận rộn sắp đặt, trang hoàng, trần thiết, dọn dẹp sạch sẽ chỗ này, chỗ kia với chổi quét, với sơn vôi, với khăn lau, với bình hoa, chuỗi hoa, tràng hoa như để chuẩn bị đón tiếp một vị thượng khách nào! Dường như chẳng ai chú ý đến ông! Và chính chủ nhân cũng đang lúi húi công việc ở nhà sau!

Chẳng lấy thế làm điều, chẳng để bụng chuyện đó, Trưởng giả Sudatta chỉ tò mò, ngạc nhiên hỏi:

- Hôm nay cả nhà ta, có kỳ giỗ, có hỷ sự gì trọng đại lắm phải không?

Ông anh rể mỉm cười, bí mật:

- Không phải thế!

- Hay là để đón tiếp một người bạn chí cốt, tương giao

nào đó của ông anh mà đệ chưa biết?

- Nếu là vị ấy, thì có ai thâm tình, chí thiết hơn ông em rể của tôi đã chứ!

Trưởng giả Sudatta nhăn mày, suy đoán:

- Hay là đón tiếp đức vua, các trọng thần của triều đình?

- Các vị ấy cũng là thượng khách hy hữu đấy, nhưng không đến nỗi để tôi quên cả ông em rể quý trọng!

- Vậy thì còn ai trên trời đất này nữa nhỉ?

- Có đấy, hơn cả trời đất nữa, ông em thân mến ạ! Vị ấy là thầy của chư thiên và loài người, đấy là đức Buddha và Tăng chúng đệ tử của ngài!

Mới nghe danh từ Buddha, tâm Sudatta chợt nhiên rung động, bồi hồi; một cảm xúc siêu thoát như chớm nở dịu dàng trong lòng ông, trưởng giả Sudatta lắp bắp:

- Buddha! Buddha! Kỳ diệu làm sao, ông anh ơi! Buddha! Buddha! Sao âm vang kia nó như xao động vào chiều sâu ký ức tiền kiếp của em vậy! Ôi! Em mong muốn được diện kiến đức Buddha ấy biết bao nhiêu!

- Rồi ngày mai ông em sẽ được gặp ngài mà!

- Ở đâu? Hiện tại vị ấy ở đâu? Trái tim trưởng giả Sudatta xao xuyên, hỏi dồn dập – Có xa đây không hả ông anh kính mến?

- Cũng gần đây thôi, nơi cụm rừng Sītavana, qua khỏi một nghĩa địa, phía tây thành phố; ngài đang ở đây cùng với một số ít sa-môn!

Thế là trưởng giả Sudatta bắt đầu nóng ruột, ông muốn đi gặp đức Phật ngay, nhưng tiếc thay, trời đã tối. “Qua hôm sau sẽ gặp! Qua hôm sau sẽ gặp! Và ta sẽ có cơ hội chiêm bái ngài!” Sudatta nhủ thầm như vậy, rất lấy làm hoan hỷ rồi yên tâm đi nằm ngủ. Vừa chợp mắt, trưởng giả Sudatta đã giật mình tỉnh dậy, mong cho trời mau sáng. Và cứ vậy, ông thức thỏm, nằm rồi thức dậy nhiều lần. Đến đầu canh ba, trưởng giả Sudatta không còn chờ đợi được nữa, trong bóng

tôi, ông làm vệ sinh cá nhân, mặc áo trong, choàng áo ngoài, vấn khăn, cột đầu chỉnh tề - rồi chẳng đợi ông anh chỉ lối, ông mở cửa khê khàng. Trăng hạ tuần soi tỏ mờ mờ, sương mù dày đặc. Trưởng giả Sudatta nhắm hướng tây bươn bả đi. Trời chập chóa, trưởng giả Sudatta nôn nao nên vấp ngã luôn, đầu vẩy, ông cũng lần mò đến được nghĩa địa. Bóng cây vạt vờ chỗ này, ánh lân tinh từ những đốt xương người lấp lóa, chập chờn chỗ kia. Sự hoang vu và yên lặng của nghĩa địa làm cho người can đảm nhất, tóc tai cũng phải dựng ngược. Nhờ nghĩ đến “đức Buddha chí tôn của mình”, trưởng giả Sudatta thản nhiên cất bước, đức tin càng lúc càng vững mạnh, càng trong sạch ở trong ông. Trạng thái tâm lý thuần nhất ấy làm cho ông phát sanh phi lạc (pīti): Toàn thân phát sáng - sáng hơn cả lân tinh! Vừa ngạc nhiên, vừa sợ hãi, trưởng giả Sudatta dừng lại quan sát. Ánh sáng nơi toàn thân lại mất! Trưởng giả Sudatta ngỡ ngác không biết chuyện gì, không hiểu nguyên nhân làm sao; ông đứng sững hồi lâu, bản thân suy nghĩ...

Chợt nhiên, ngay lúc đó, trong gió nhẹ xao, từ hư không rơi xuống bên tai ông một lời nói ngọt ngào, dịu hiền, ấm cúng như lời mẹ ru con, như lời khuyến khích của đấng nghiêm phụ đối với đứa con trai duy nhất của mình:

“– Này Sudatta! Đừng có sợ hãi, không có gì phải sợ hãi! Hãy theo cái tâm của ông mà bước tới! Hãy theo tiếng gọi thâm sâu từ vô thức mà bước tới! An lạc và chân phúc là những bước chân đi tới chứ không phải dừng lại hoặc ngoảnh lui phía sau! Cứ hãy thản nhiên mà bước tới!”

Trưởng giả Sudatta đưa mắt nhìn quanh, không thấy ai, vậy có lẽ là thiên thần! Cảm nhận được thiện ý của lời khuyến khích nên trưởng giả Sudatta mạnh dạn bước đi. Ông lại nghĩ đến “đức Buddha chí tôn của mình” với đức tin trong sạch, ánh sáng nơi thân phát sanh trở lại! Ông sợ hãi một lần nữa, ánh sáng lại biến mất.

Giữa hư không, tiếng lời dịu dàng lại tiếp tục:

“- Này Sudatta!

Hãy bước tới

Chớ có dừng lại!

Dẫu hằng trăm thân ngựa giỏi,

Hằng trăm thớt tượng hay,

Hằng trăm cỗ xe thiện xảo,

Hằng ngàn mỹ nữ

Cổ vòng vàng và ngọc đeo tai

Tất cả giá trị và lạc thú trần gian kia

Thật không thể bằng một phần mười sáu

Hạnh phúc của một bước chân đi tới!

Vậy hãy tiến bước,

Và mạnh dạn đi tới, này Sudatta!

An lạc và chân phúc

Đang chờ ông ở phía trước!”

Tiếng nói kia là của thiên chủ Sakka. Sau khi thấy rõ nhân duyên to lớn của ông triệu phú đối với đức Phật và giáo pháp nên vị thiên chủ đã tìm cách khuyến khích, sách tấn. Cho đến lần thứ ba như vậy, trưởng giả Sudatta mới đến được cụm rừng Sītavana.

Khi đó trời vừa hừng sáng, đức Phật đang đi kinh hành ở ngoài trời và đang có ý đợi ông. Thấy trưởng giả Sudatta xuất hiện ở đầu bìa rừng, đức Phật cất tiếng khẽ gọi:

- Hãy lại gần đây, này Sudatta!

Tiếng gọi sao mà quá thân thuộc. Chợt nhiên, trưởng giả Sudatta biết chắc đây là vị ấy, là “đức Buddha chí tôn của mình” chứ không phải ai khác!

Trưởng giả Sudatta bước nhanh lại và quỳ xuống: “Con đây, hỡi ngài, hỡi đức Buddha chí tôn kính yêu”. Ông lấp bắp. Ông cảm xúc quá! Ông hoan hỷ quá! Ôi! Đức Buddha là vị này đây! Một nhân cách giản dị, bình thường nhưng dường như ở đâu cũng tỏa sáng! Ôi! Nụ cười dịu nhẹ của

ngài mới tự tại và siêu thoát làm sao! Dung sắc của ngài sao mà hoàn mỹ như cả mặt trời, mặt trăng đồng long lanh soi rạng! Cái bóng của ngài vừa hiền hòa, vừa uy nghiêm vừa định tĩnh như tràm lấp, thu nhiếp cả không gian xung quanh!

Trưởng giả Sudatta chiêm ngưỡng mãi, không biết nói gì! Lâu lắm, ông mở miệng:

- Đức Buddha có được yên vui không?

Trưởng giả Sudatta thấy câu hỏi của mình thật là ngỡ ngàng, lạc lõng và vô duyên làm sao; nhưng đức Phật lại từ hòa đáp:

- Này Sudatta con! Chắc chắn lúc nào một vị A-la-hán cũng yên vui! Vì bên trong các ngài mọi thứ lửa nung đốt đều đã được dập tắt! Tất cả dục vọng đeo níu, đấm trước đều không còn dư tàn! Tất cả mọi mầm giống ác uế đều đã bị hoại diệt! Tất cả mọi trói buộc, xích xiềng đều đã được gỡ thoát ra! Tất cả mọi đau khổ, phiền não đều đã được đoạn tận! Do vậy, tâm của vị A-la-hán luôn trong sạch, thanh tĩnh và mát mẻ! Tâm vị ấy, như vậy, là đã thành tựu một vương quốc hòa bình, an lạc và chân phúc!

Nghe xong, ngay giây khắc ấy, trưởng giả Sudatta đắc quả Nhập lưu, đi vào dòng thánh! Trưởng giả cảm nhận một cách sâu sắc rằng, mình vẫn là con người cũ thôi, nhưng cái thấy, cái biết, cái trí, cái tâm của ông bây giờ đã đổi khác! Có cái gì đó đã vững vàng, ổn định ở bên trong! Đức tin vắng lặng, trong sạch và thánh thiện ở trong ông dường như vừa nở một đóa kỳ hoa! Trưởng giả Sudatta lặng lẽ quỳ xuống, đánh lễ đức Phật một lượt nữa với vô vàn sự tri ân và lòng quý kính!

Ngày hôm sau, đức Phật thọ trai tại tư gia của ông anh rể trưởng giả Sudatta, thuyết pháp thuận thứ, khuyến khích sự tu học, đặt cả gia đình vào quy giới rồi trở về Trúc Lâm!

Trưởng giả Sudatta, lúc này, không muốn rời xa đức Phật và hội chúng sa-môn nên ông nghe pháp, chú tâm vào

pháp và ông thấy mình thật yên bình và hạnh phúc! Đời sống sa-môn đệ tử Phật với hạnh tri túc, thiểu dục tạo cho ông một ấn tượng quá tốt đẹp về giáo pháp này, hội chúng này có đức Tôn Sư dẫn đầu. Nhìn Trúc Lâm tịnh xá với quy mô nhà giảng, nhà ăn, nhà hội, nhà khách, nhà kho... và cả hàng ngàn cột liêu rải rác đây đó, nghe nói, trong mùa an cư, chư tăng các nơi vân tập về có thể hơn ba ngàn vị với tam y, bình bát nhẹ nhàng, thanh thoát vào ra... lòng ông bồi hồi xúc động. Trưởng giả chạnh nghĩ đến quê nhà, và ước gì, ở kinh thành của ông cũng có một trung tâm tu học, to lớn, kỳ vĩ hơn cả Trúc Lâm này thì thật là hạnh phúc cho quốc độ!

Hôm kia, trưởng giả Sudatta vào bạch Phật, thỉnh ngài và Tăng chúng về Sāvatti để truyền bá chánh pháp - hy vọng rằng với giáo lý an bình, thanh tịnh và siêu việt này có thể nhiếp phục chúng ngoại đạo và hóa độ cho nhiều người hữu duyên! Vấn đề đất đai và thiết lập quy mô tịnh xá thì ông sẽ chịu trách nhiệm tìm kiếm, kiến tạo và cúng dường! Đức Phật thấy đây là duyên lành, đúng như sự thấy biết của ngài nên im lặng nhận lời; sau đó gợi ý cho trưởng giả Sudatta hay rằng, đời sống xuất gia phạm hạnh thường thích hợp những nơi vắng vẻ, an tĩnh, không gần mà cũng không xa xóm làng!

Hoan hỷ xiết bao, trưởng giả Sudatta quỳ vập đánh lễ Phật, rồi ngân ngữ một lát, ông nói say sưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Sāvatti là kinh đô của vương quốc Kosala, một thành phố thịnh vượng và giàu mạnh ở Tây bắc, cư dân đông đúc, mức sống khá cao; tuy nhiên, về mặt văn hóa, so với Rājagaha thì nó chỉ là vùng biên địa xa xôi, nhân dân bản chất thuần hậu nhưng còn hoang dã, mọi rợ, cả tin và cuồng tín! Đây cũng là vùng đất màu mỡ, là thủ phủ lý tưởng cho bọn bàng môn tả đạo lập căn cứ địa lộng hành! Chúng ngênh ngang làm tiền, mê hoặc đám dân đen ngu

muội bằng phép lạ, thuật số, bùa chú, ngải nghệ... cùng hằng trăm kiểu cúng tế khác nhau. Thần linh và các ngẫu tượng dâm loạn, ma mị ngồi đầy khắp am miếu, đền đài, bờ sông, đình chợ, đường sá, công viên... với trầm hương nghi ngút, với hoa quả, với đầu súc vật còn tươi máu...

Chúng tu ngồi xôm, hai tay ôm đầu và nhảy với vũ điệu rần! Chúng tu hạnh quét đất, nằm ra đất mà lạy mà bò! Chúng để râu tóc như cỏ rậm, ở trường đi tông ngồng chỗ này chỗ kia, rồi còn chễm chệ trong các điện thờ! Chúng tu hạnh nằm giữa đất, ăn trên đất. Chúng ngồi trong vũng bùn, cống rãnh. Chúng treo ngược người trên cây và ăn mỗi ngày từng hạt, từng trái nhật được... Còn giới cấp bà-la-môn tại gia, trưởng giáo, trí thức hoặc tư tế thì sống trong những dinh thự, những điện trang kín cổng cao tường như những tiểu vương. Chúng độc quyền liên hệ, đối thoại với thần linh nên chúng độc quyền về lễ tang, cưới hỏi, tế thần, tiểu hỷ, đại hỷ, lạc thành, hướng nhà, hướng cửa, giờ tốt xấu... với những giá cắt cổ, bóp hầu, nặn họng đám lương dân nghèo đói! Chúng thuyết cho tín đồ nghe về con đường khổ hạnh, xả ly, trầm tư, thiền định để thể nhập với Phạm thể ở trên cao; còn chúng thì sống phong lưu ở dưới này để hưởng thụ mọi thứ xa hoa, dục lạc!

Bạch đức Thế Tôn! Có lẽ do duyên lành vạn kiếp, mặc dầu bị bên này vận động, bên kia kéo lôi nhưng đệ tử vẫn tro tro không theo bọn chúng, không ngã theo đạo nào! Nhờ vậy, đệ tử mới hạnh ngộ đức Thế Tôn và Tăng chúng thánh hạnh; được nghe giáo pháp trong sáng, lành mạnh và tốt đẹp nhất trần đời. Do vậy, kinh đô Sāvatti, quê hương của đệ tử, cần thiết phải có mặt giáo pháp vô thượng của đức Thế Tôn! Rác và bụi trong mắt mọi người cần phải được lau quét sạch sẽ! Cuồng tín và ngu si cần phải có ngọn đèn trí tuệ chiếu soi. Những hôi hám, dơ dáy, bản thủ trong các sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh cần phải được làm cho thanh khiết,

thanh tịnh!

Bạch đức Thế Tôn! Khái quát như vậy để biết rằng, đến Sāvatti sẽ gặp vô vàn khó khăn, phức tạp; chắc chắn sẽ có nhiều thành phần chống đối, phá hoại từ nhiều phía! Ngoại trừ đức Thế Tôn hoặc các vị đại trưởng lão nhiều tuệ lực, nhiều thần thông lực chớ khó ai có thể đảm nhận trọng trách cam go này, từ việc đặt viên đá xây dựng cơ sở cũng như đặt viên đá giềng mối đầu tiên cho giáo pháp!

Đức Phật và một số các vị trưởng lão lắng nghe chăm chú, rất chăm chú những nhận thức đúng đắn của trưởng giả Sudatta rồi ngài nói với ông:

- Ủ! Như Lai cũng biết là sẽ rất khó khăn! Bất cứ sự cảm hóa, cải thiện nào, mặc dầu có lợi ích vẫn bị sự phá hoại, chống đối từ nhiều phía. Đương nhiên pháp thế gian là vậy! Con người không dễ dàng thay đổi một thói quen, nhất là những thói quen đã biến thành lễ nghi, tập quán cắm rễ, ăn sâu trong truyền thống từ đời này sang kiếp nọ!

Tôn giả Sāriputta chợt quỳ thưa:

- Tuy nhiên, giáo pháp giác ngộ, giải thoát cần phải được xiển dương, cần phải được tăng trưởng, lớn mạnh, cần phải đi vào lòng người và xã hội! Giáo pháp của trí tuệ và từ bi phải là ánh sáng, là ngọn đèn dẫn đường cho những tâm thức nô lệ, yếu hèn và ngu muội! Chúng đệ tử của đức Tôn Sư phải biết giương cao ngọn cờ Muñja, ngọn cờ của bậc thiện trí! Phải biết vô vi, vô dục mở rộng vòng tay đón nhận những chúng sanh lưu lạc quay về! Phải biết bình lặng như đại địa, kham nhẫn như đại địa để tùy duyên mà giáo hóa nhân quần!

Đức Phật mỉm cười:

- Vậy này Sāriputta! Ông hãy nghiêng vai mà nhận lãnh trách nhiệm ấy! Tất cả mọi khó khăn vào buổi đầu, Như Lai giao phó cho ông đấy!

Tôn giả Sāriputta cúi đầu lạy tạ. Trưởng giả Sudatta xin

thừa tiếp:

- Với quy mô xây dựng như Trúc Lâm này, đức Thế Tôn thấy nó thuận lợi hoặc chưa thuận lợi cho sinh hoạt của Tăng chúng hiện nay và cả sự phát triển trong tương lai nữa?

Biết ý ông triệu phú chưa hài lòng lắm các công trình xây dựng ở Trúc Lâm. Mặc dù đức vua Seniya Bimbisāra đích thân chỉ đạo, không ngại tốn kém công quỹ, sự đóng góp của hoàng gia; nhưng ông cũng không ngờ là giáo hội phát triển quá nhanh nên những buổi thuyết giảng lớn, cả hàng ngàn người thì giảng đường đã trở nên chật hẹp! Tăng chúng tạm cư chừng vài ngàn vị thì đây đó đã phát sanh nhiều vấn đề từ chỗ ăn ở, vệ sinh, nhà kho cũng như rác thải phải được tính toán kỹ lưỡng xa rộng hơn! Nghĩ vậy, đức Phật mỉm cười nói:

- Ông là người có đầu óc, có tầm nhìn, này Sudatta! Như Lai hiểu rất rõ những điều đằng sau câu hỏi của ông! Hôm nào lên đường về lại Sāvatti, sa-môn Sāriputta sẽ đi cùng với ông! Đệ tử trưởng ưu tú của Như Lai có khả năng thay mặt Như Lai để đối thuyết với các giáo phái chủ, giáo phái sư và chúng ngoại đạo ở đây; và, còn có trí biện tài, đức độ để nhiếp phục họ! Sāriputta không những rành rẽ môn kiến trúc mà còn là một nhà địa lý, thiên văn có thực học nữa, có thể cố vấn, tham mưu cho ông trưởng giả nhiều lãnh vực, khỏi phải lo ngại điều gì!

Được lời như mở tấm lòng, trưởng giả Sudatta hớn hở lên đường; và bên cạnh, được núp bóng tàn đại thụ của giáo pháp là tôn giả Sāriputta!

Hôm ra đi, biết trưởng giả Sudatta nôn nóng về Sāvatti tìm kiếm đất, tôn giả Sāriputta thông cảm nhìn ông, nói:

- Vị tỳ-khưu chỉ đi bộ, không đi các loại xe, vậy ông cứ khởi hành bằng cỗ xe ngựa tốt, đừng để ý đến ta. Tuy nhiên, chỗ nào ông dừng chân hoặc muốn gặp ta để học hỏi về giáo pháp thì tức khắc, ta sẽ có mặt ngay bên cạnh ông!

Và quả thật như vậy, kỳ diệu xiết bao! Suốt trên đường đi, hễ khi thắc mắc điều gì thì tôn giả Sāriputta như tự trên trời rơi xuống, như từ đám mây trắng mà hóa hiện thành người! Và ông đã học hỏi được quá nhiều điều, nhiều hơn cả trí tưởng của ông về những điểm khác biệt đặc thù về giáo pháp của đức Phật so với các tôn giáo truyền thống, các tín ngưỡng cổ sơ của các sắc tộc trong nhân gian. Ngoài ra, tôn giả Sāriputta còn tận tình và cặn kẽ giải thích các biểu tượng thờ cúng của đạo bà-la-môn, các lễ thánh tẩy, tắm nước sông Gaṅgā, cầu nguyện thần linh... chỗ nào là nội dung tư tưởng khả thủ, chỗ nào là hình thức mù quáng, bá vơ! Ôi! Vị đại đệ tử này đúng là đức Phật thứ hai, chẳng có gì mà tôn giả ấy không thấy, không biết!

Đúng là cơ ngơi của ông triệu phú chủ tịch nghiệp đoàn buôn bán vàng bạc và đá quý nổi danh kinh đô Sāvatti: Dinh thự nguy nga, lầu đông lầu tây, tòa ngang dãy dọc nhiều không xiết kể, hàng trăm gia nhân xuôi ngược tới lui! Vừa về đến nhà là trưởng giả Sudatta vội triệu tập tất cả mọi người tại đại sảnh, thỉnh mời tôn giả Sāriputta ngồi chỗ ngồi cao và sang trọng nhất, bảo mọi người cùng ra mắt, đánh lễ ngài. Tôn giả thuyết một thời pháp ngăn gieo duyên với gia đình hiền thiện này. Punnalakkhaṇā, phu nhân của trưởng giả, còn khá trẻ, đoan trang, hiền thực rất hoan hỷ khi nghe pháp. Ba cô con gái là Mahā-Subhadda, Culā-Subhadda và Sumana đều lắng nghe chăm chú. Riêng chú bé trai, tên là Kāla lại lơ đãng, có vẻ ngỗ nghịch, ham chơi.

Trưởng giả Sudatta thỉnh mời tôn giả ngụ riêng nơi một căn lầu, nhưng ngài mỉm cười lắc đầu, bảo ông cứ lo công việc của ông, hãy để cho những cánh chim trời được tự do, thung dung đây đó. Thế là tôn giả Sāriputta ôm bát ra đi: Ngài muốn nắm bắt tình hình tôn giáo, tín ngưỡng cũng như các sinh hoạt nhân sinh, xã hội của kinh đô trù phú này!

Lấy Vàng Đổi Đất

Suốt mấy ngày lên xe ngựa dong ruổi khắp các miền ngoại ô kinh thành Sāvatti nhưng trưởng giả Sudatta chưa lựa chọn được một miếng đất vừa ý. Hôm kia, ông tìm thấy một khu vườn rất đẹp, vừa rộng rãi, bằng phẳng lại vừa có hồ, có suối, có các ngọn đồi thoải thoải. Tuy vườn trồng xoài là chính để có thu nhập kinh tế nhưng chủ nhân cũng biết giữ lại những gốc cổ thụ rễ lá rườm rà, có trái, có hoa cùng các khóm cây có thân đẹp, lá đẹp hoặc có hương thơm. Hỏi ra mới biết đây là khu vườn sinh thái, nghỉ mát của hoàng tử Jeta (Kỳ Đà), con vua Pāsenadi⁽¹⁾! Biết là sẽ rất khó khăn, nhưng trưởng giả cũng tìm đến vương phủ của hoàng tử, lựa lời khôn khéo, xin ông ta nhượng lại khu vườn ấy để sử dụng vào việc lợi ích.

Hoàng tử Jeta cười to:

- Ta biết ông giàu nứt đố đổ vách nhưng ta cũng đâu có thiếu tiền, thiếu bạc đến nỗi phải bán khu vườn xinh đẹp ấy đi, hử ông trưởng giả triệu phú?

- Tôi nào có dám nói chuyện mua bán ở đây, thưa điện hạ! Trưởng giả Sudatta cất giọng nhũn nhặn - Chỉ vì khu

⁽¹⁾ Theo tư liệu trong Dictionary of Pāli proper Names - thì vị hoàng tử này về sau bị người em cùng cha khác mẹ là Viḍḍabha sát hại.

vườn ấy rất thích hợp cho việc kiến lập một tu viện nên tôi chỉ xin hoàng tử mở lòng quảng đại, hoan hỷ nhượng lại thôi mà!

Trước sự khiêm tốn nhưng không kém phần quyết liệt của Sudatta, hoàng tử Jeta muốn nêu lên một cái giá cho ông trưởng giả đáng kính này nản chí:

- Thôi được rồi! Khu vườn của ta còn quý hơn cả vàng! Nếu ông trưởng giả mang vàng lá đến đó, lót đầy khu vườn, ta sẽ nhượng lại cho!

Nói thế xong, hoàng tử Jeta mỉm cười kín đáo, định phất tay bỏ đi! Nhưng kỳ lạ chưa kìa! Khuôn mặt ông trưởng giả bừng sáng lên, vô cùng mừng rỡ:

- Xin cảm ơn điện hạ! Bậc vương giả không thể nói hai lời! Tôi sẽ làm theo như ý của ngài!

Thế rồi, ngay tờ mờ sáng hôm sau, trưởng giả Sudatta cùng hàng chục gia nhân, với những chiếc xe ngựa chở vàng lá đến và bắt đầu lát thảm vàng lên đất của khu vườn. Hoàng tử Jeta tất tả đến xem, ông ngạc nhiên quá: Chuyện nói thách để mà chơi, giờ đã trở thành sự thật! Nhưng hoàng tử cũng còn một hy vọng là ông trưởng giả sẽ thiếu vàng! Suốt hai ngày liên tiếp, hoàng tử Jeta thấy trên sắc mặt của ông trưởng giả chưa có dấu hiệu nào là ông ta thiếu vàng; và vàng thì cứ theo từng cỗ xe, từng cỗ xe lần lượt đổ đến; và hàng chục gia nhân mãi chăm chỉ, cần mẫn tuần tự lát vàng từng chục thước rồi hàng trăm thước! “Chuyện gì xảy ra thế này - hoàng tử Jeta tự hỏi - tại sao có người xem vàng như đất cục? Nghe nói, ông trưởng giả mua đất này để kiến lập một tu viện? Tu viện ấy cho ai, cho người nào? Phải là một nhân vật tầm cỡ nào, vị triệu phú này mới phát tâm hiến cúng đồng mãnh, kinh khiếp như thế chứ?”

Đến ngày thứ tư thì vàng đã vàng chóc hết hai phần khu vườn, khi hoàng tử Jeta tìm đến thì thấy ông trưởng giả đang đo đạc, tính toán gì ở nơi mấy gốc cổ thụ. Hoàng tử tuy hơi

nao núng, nhưng cũng thật tình, hỏi:

- Sao? Thiếu vàng rồi phải không? Ông trưởng giả rút lui chuyện mua bán lạ lùng này cũng chưa muộn mà!

- Dạ, không phải thế, tâu điện hạ! Trưởng giả Sudatta ung dung nói - Tôi đang tính cách lột vàng nơi những gốc cây choán chỗ trên đất, đồng thời, tính xem, nên chớ vàng từ kho nào đến đây mới đủ và tiện đường nhất!

Hoàng tử Jeta thấy mình nổi da gà cả toàn thân, ngạc nhiên, tò mò, ông hỏi trưởng giả về tu viện, mục đích kiến tạo tu viện là để mà làm gì? Trưởng giả Sudatta đôi mắt chột bùng sáng lên, thân thiết nắm tay hoàng tử, nói tóm tắt nhưng đầy đủ về đức Phật, Tăng chúng và giáo pháp cho hoàng tử nghe! Trưởng giả cũng tâm tình, thổ lộ mục đích hoàn toàn vô vị lợi của ông! Rằng là vì muốn phục vụ văn minh, văn hóa cho đất nước này, cho quê hương này của chúng ta! Từ lâu, chắc điện hạ đã thấy bọn ngoại đạo, tà giáo chúng lộng hành như thế nào, đang mua thần, bán thánh như thế nào! Dân giàu, nước mạnh không, cũng chưa đủ, phải cần có một giáo pháp thánh thiện, trong sáng và lành mạnh để cho bao người thoát khỏi sự ngu muội, cuồng tín! Cần phải có những giá trị tinh thần đích thực để nương tựa đời này và đời kia! Tại đất nước Māgadha, kinh thành Rājagaha, đức vua Seniya Bimbisāra, triều đình và cả hàng ngàn hoàng gia, quý tộc đã quy giáo đức Thế Tôn và Tăng đoàn thánh hạnh! Ôi! Hạnh phúc làm sao là đất nước ấy!

Để kết luận, trưởng giả Sudatta sung sướng nói:

- Vô cùng cảm ơn điện hạ đã hào sảng nhượng lại cho tôi khu vườn quý giá này! Mai kia, sau khi kiến tạo xong xuôi, tôi sẽ hiến cúng tất cả công trình này cho đức Phật và Tăng chúng mười phương! Vậy là công đức của điện hạ cũng to lớn lắm vậy!

Hoàng tử Jeta cảm thấy rất hổ thẹn trước sự vĩ đại của ông trưởng giả đã dám lấy vàng đổi đất, để lột bên dưới mà

tôn vinh lên trên những giá trị tinh thần cao quý thế kia, còn ta thì sao? Ta là một con người tầm thường, chỉ biết có vàng mà thôi sao?

- Hãy ngưng lại, ông trưởng giả quý mến! Hoàng tử Jeta hồi hỏ nói - Vậy là đủ rồi, chẳng cần phải lát vàng thêm nữa! Đất bây giờ đã là của ông, nhưng ông hãy cho ta hùn góp một chút công đức, được chẳng?

- Điện hạ cứ nói!

- Phần đất vườn là của ông, còn phần cây là của ta! Hoàng tử chậm rãi nói – Sau này, khi tu viện hoàn thành, ông cho ta được dự phần một chút vinh quang, núp sau cái bóng của ông vậy?

Vui mừng quá, trưởng giả Sudatta nói:

- Rất là hoan hỷ, thưa điện hạ! Hay lắm! Cây là của điện hạ cúng dường! Đất vườn là của tôi đóng góp! Hay lắm!⁽¹⁾

Thế rồi, với sự góp ý của tôn giả Sāriputta, công trình xây dựng được tiến hành. Tiến hành gấp rút từ bản vẽ của tôn giả Sāriputta, rờng rã suốt mấy tháng trường với hàng ngàn công nhân; và vật liệu thì cứ kìn kìn đổ tới. Do rút kinh nghiệm ở Trúc Lâm nên quy mô tại Kỳ Viên này không gian sử dụng rộng rãi hơn, tiện nghi sinh hoạt thuận lợi hơn. Theo sơ đồ tổng quát, nó gồm hai mươi khu biệt cư (dành riêng cho hàng ngàn chư khách tăng vãng lai) nhà giảng (dành cho hội chúng cư sĩ), nhà hội (nơi hội họp Tăng sự, giáo giới chư tăng) nhà ăn, nhà khách, bệnh viện, nhà kho, mấy chục giếng nước, mấy chục khu nhà vệ sinh, mấy chục nhà tắm (một nửa có trang bị lò sưởi), hàng ngàn ghè nước lớn và nhỏ, mấy chục nơi xử lý rác thải... Ngoài ra, còn nạo vét và

⁽¹⁾ Sau này, khi gọi tên đầy đủ thì phải gọi tu viện này là: Kỳ thọ-cây -cây của Kỳ Đà; Cấp Cô Độc viên - vườn của Cấp Cô Độc, gọi tắt là Kỳ Viên; còn gọi là Bồ Kim Tự 'chùa trái vàng'. Cũng theo tư liệu trên, khu vườn được lót vàng trị giá 18 triệu đồng tiền vàng.

làm sạch đẹp các con suối, trồng sen súng tại các hồ nước, làm các con đường kinh hành, các ghé đá rải rác trong công viên. Đặc biệt, hương phòng của đức Thế Tôn làm bằng gỗ chiên đàn, đẹp và tiện nghi. Có khoảng chừng một trăm cốc liêu (dành riêng cho các vị trưởng lão), năm trăm cốc liêu (dành cho chư tăng nội trú). Xa trước cổng Kỳ Viên, trưởng giả Sudatta còn làm thêm khu nhà chần bần, giúp người nghèo đói mỗi tháng bốn kỳ. Lại còn có nơi dành riêng cho chim, quạ ăn thức ăn thừa! Việc bảo vệ và chăm sóc công trình, ông trưởng giả còn dự định tuyển chọn năm mươi người lao động tạp dịch có đạo tâm thường xuyên ăn ở tại đây, có khu nhà dành riêng cho họ!

Khối lượng công việc là rất lớn, cần nhiều thời gian; ngại rằng đức Phật đến thăm Kỳ Viên rồi trở lại an cư ở Trúc Lâm như lời hứa với đức vua Seniya Bimbisāra sẽ không còn kịp, nên tôn giả Sāriputta đến chào từ biệt trưởng giả Sudatta:

- Ta cần phải đi đón đức Thế Tôn, còn công việc ở đây, ông cứ theo họa đồ tổng quát và chi tiết mà thực hiện, đâu đó đã được cắm mốc, có phương hướng rõ ràng rồi!

- Rất tri ân tôn giả! Sudatta nói với gương mặt rạng rỡ - Đâu đó đều rất hoàn chỉnh, rất đẹp - Ngần ngừ một lát rồi ông nói tiếp - Nghe nói còn có ngày giờ tốt, xấu; hướng tốt, hướng xấu và cả thuật phong thủy nữa, không rõ giáo pháp của đức Tôn Sư quan niệm như thế nào về chuyện ấy?

Tôn giả Sāriputta cười đáp:

- Giáo pháp của đức Thế Tôn chỉ chú trọng đến cái bên trong của con người, những căn bệnh phiền não, khổ đau cùng phương thuốc chữa trị chúng. Còn những ngoại duyên tác động từ bên ngoài là cái thứ yếu, phụ tùy. Đức Thế Tôn có đề cập khi nói đến các định luật của vũ trụ, tức là các lực, các từ, các khí tương tác của vạn hữu, nhưng xét ra cũng không quan trọng lắm!

- Đây là những định luật gì, thưa tôn giả?

- Ô, ông hãy suy gẫm mà xem! Nắng mưa, ngày đêm, nóng lạnh, thời tiết ba mùa trong năm; các ảnh hưởng của mặt trời, mặt trăng tác động đến ao biển, sông hồ, con người, muông thú, thảo mộc... Những sự vận hành của thời tiết, đất trời có vẻ tự nhiên ấy chúng có luật tắc chi phối đấy, được gọi là định luật của thế giới vật lý vô cơ⁽¹⁾(utuniyāma). Còn nữa, những quy luật tác động trong thế giới tế bào của động vật, thực vật làm cho giống nào sinh ra giống ấy (cam ra cam, quýt ra quýt); huyết thông di truyền (con giống cha mẹ, ảnh hưởng ngu, trí) thì được gọi là định luật của thế giới vật lý hữu cơ (bījanīyāma). Rồi, cái luật tắc thứ ba là định luật về pháp (dhammanīyāma), khá khó hiểu, nó chi phối pháp giới, toàn bộ cư dân hữu tình, vô tình của quả đất...

Nói đến ngang đây, tôn giả Sāriputta chậm rãi tiếp lời, thân mật:

- Ông triệu phú có biết không! Khi ngồi dưới cội Bodhirukkha, đức Thế Tôn đã quay mặt về hướng đông, đấy là hướng của thanh khí, dương khí nó sẽ hỗ trợ tốt cho khí lực của cơ thể! Canh ba, lúc nằm nghỉ nghiêng lưng nửa canh đầu, đức Tôn Sư của chúng ta, thường quay đầu về hướng bắc, chân co, chân duỗi về hướng nam, lưng quay về hướng đông, mặt quay về hướng tây là vì ngài biết các từ, các lực, các khí của vũ trụ trong tám hướng, có thể hỗ trợ cho khí lực của con người! Nghĩa là đức Tôn Sư do nắm rõ các quy luật, sức hút, sức đẩy, tương tác của các từ, các khí. các lực - định luật về pháp - nên đã thuận theo các luật tắc vận hành tự nhiên ấy. Thuận thì tốt, nghịch thì khó chịu có thể sinh ra sự đảo lộn khí huyết không cần thiết! Do vậy, có thể nói rằng, đức Toàn Giác của chúng ta đã biết rõ tất cả cái gọi địa lý, thiên văn mà thuật ngữ chuyên môn gọi là phong

⁽¹⁾ Vô cơ và hữu cơ là tạm sử dụng từ hiện đại cho dễ hiểu.

thủy, ngày tốt xấu, hướng tốt xấu mà trưởng giả đã đề cập!

Trưởng giả Sudatta rồi rít nói:

- Vậy là có chuyện ngày giờ tốt xấu, hướng nhà, hướng cuộc đất tốt xấu như các thầy bà-la-môn đã lợi dụng để làm tiền mọi người xưa nay?

- Có đấy! Nhưng tốt xấu bên ngoài không quan trọng bằng tốt xấu từ tâm địa của con người!

- Đệ tử hiểu rồi!

- Giáo pháp của đức Tôn Sư là giáo pháp diệt khổ! Thấy rõ dukkha và diệt dukkha là quan trọng, các ngoại duyên liên hệ khác là phụ tùy!

- Đệ tử hiểu rồi!

- Nhưng khi chúng ta xây dựng nơi ở của đức Phật và Tăng chúng thì nên thuận theo các định luật tự nhiên của vũ trụ hay cứ tùy tiện những đối nghịch không cần thiết?

- Phải rồi! Đệ tử đã hiểu rõ! Hèn gì, đức Thế Tôn đề cử tôn giả cố vấn, tham mưu cho đệ tử xây dựng Kỳ Viên đại tịnh xá!

Tôn giả Sāriputta mỉm cười khiêm tốn:

- Đức Thế Tôn mới là bậc thầy, bậc thầy siêu việt về nhiều lãnh vực; ngài biết rõ thuở còn là thanh niên nhờ làm trưởng giáo bà-la-môn nên các lãnh vực kiến trúc, địa lý, thiên văn, phong thủy, tự nhiên học... ta đã từng là giáo thọ sư cho hàng trăm môn đệ!

- Hiển nhiên là vậy rồi!

- Còn hai định luật nữa, này ông trưởng giả! Đây là định luật về tâm (cittaniyāma) và định luật nghiệp báo (kammaniyāma). Khi chúng ta phán đoán, suy luận, hồi ức, tưởng tượng hoặc những yếu tố nội tâm, trạng thái tâm lý diễn tiến theo trình tự nhân quả tương quan chi phối sinh hoạt hữu thức và vô thức của con người đều thuộc lãnh vực của định luật tâm! Những hiện tượng thần giao cách cảm, biết quá khứ, vị lai; cả thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông...

cũng từ định luật này mà có! Người học giáo pháp Phật phải nắm rõ quy luật này để từng bước, dẫn tâm từ các trạng thái thấp lên cao, từ thô tháo đến tế vi... rồi tế vi hơn nữa; cuối cùng sử dụng tâm rất nhuần nhuyễn, thuần thục vì hạnh phúc cho mình và cho người!

- Thật là vi diệu vậy thay!

- Còn nữa, định luật nhân quả nghiệp báo, nói đầy đủ là tác nhân của nghiệp và kết quả của nghiệp. Ở đây là những hành động và những phản ứng tâm lý có ý thức, có chủ tâm. Nói cách khác, khi chúng ta suy nghĩ, hành động, nói năng do thiện hoặc bất thiện chi phối tất là nó mang tính đạo đức, luân lý thì khi ấy, chúng ta đã khởi tác nhân của nghiệp; và nó sẽ xảy ra sự báo ứng của nghiệp! Đức Thế Tôn đặc biệt nhấn mạnh định luật này, vì chính ở đây mới xảy ra nghiệp báo và sự chấm dứt nghiệp báo, sự khổ và sự diệt khổ vậy! Này trưởng giả Sudatta! Bây giờ ông đã hiểu tại sao, giáo pháp của đức Tôn Sư chỉ nhắm đến dukkha và sự chấm dứt dukkha mà không nói đến địa lý, thiên văn, phong thủy rồi chứ?

- Tri ân tôn giả!

Trưởng giả Sudatta cúi đầu xuống, cảm kích! Tuy chưa hiểu hết lý nghĩa sự giáo giới tận tình của tôn giả Sāriputta, nhưng ông cảm thấy nao nao trong lòng, tâm và trí càng lúc càng sáng ra! Bây giờ trưởng giả mới thật sự thấy rõ tầm vóc vượt trội, siêu đẳng của vị đại đệ tử về kiến thức ngoại điện cũng như nội điện; do vậy, đức tin trong ông, về đức Phật, về giáo pháp này, về tăng chúng này, ngày càng lớn mạnh, ổn định, vững chắc hơn!

**Ngũ Minh⁽¹⁾
Cũng Chưa Đủ**

Đầu tháng ba, năm năm trăm tám tư trước Tây lịch, tôn giả Sāriputta bỏ lại sau lưng Kỳ Viên đại tịnh xá đang xây dựng chưa hoàn chỉnh, lên đường đi đón đức Phật. Bây giờ là cuối tiết xuân, trời không nóng lắm, có thể dễ dàng đi lại; nhưng sự vất vả đến khoảng cách hơn bảy mươi do-tuần (trên dưới 840 km hiện nay) từ Rājagaha đến Sāvatti, nếu mỗi ngày đi một do-tuần thì phải mất gần ba tháng nên ngài phải sử dụng thần thông. Tuy nhiên, lúc dừng tại Vesāli định trì bình khát thực thì tôn giả thoáng thấy hình bóng các vị sa-môn áo vàng. Hướng tâm, biết đức Phật và chư tăng đã đến đây từ ba hôm trước, đang nghỉ tại Mahāvana (Đại Lâm), tôn giả tìm đến, đánh lễ và vấn an sức khỏe của ngài.

Đức Phật mỉm nụ cười hoan hỷ:

- Biết ông sẽ đi đón Như Lai, nên Như Lai chỉ giữ lại Moggallāna, Bhaddiya (cũ), Uruvelā-Kassapa trông coi Trúc Lâm với chừng năm trăm tỳ-khưu! Số còn lại, hơn một ngàn rưỡi tỳ-khưu đã cùng với Như Lai đi gặp ông đây! Thế nào rồi? Công việc xây dựng Kỳ Viên đại tịnh xá đến đâu rồi hả ông giáo thọ bậc thầy các kiến trúc sư?

⁽¹⁾ Mượn từ của bộ phái phát triển sau này.

Tôn giả Sāriputta nghe cách hỏi của đức Phật, biết là ngài đã tận tường tất cả, nhưng tôn giả cũng tuân tự trình tâu lại tất cả mọi việc.

- Lành thay! Đức Phật tán thán – Ông đã có công thiết kế Kỳ Viên quy mô hơn, thuận lợi sinh hoạt hơn, có cái nhìn xa rộng hơn... Rất tốt, rất tốt... Đây đúng là thủ phủ thứ hai, căn cứ địa thứ hai để cho giáo pháp phát triển sâu rộng cả miền Tây bắc châu Diêm-phù-đề!

Độ ngộ xong, tôn giả Sāriputta được gặp lại tôn giả Assaji, tôn giả Vappa, tôn giả Mahānāma, tôn giả Nadīkassapa, tôn giả Gayākassapa, tôn giả Mahā Kassapa và cả tôn giả Kāḷudāyi, Bhaddiya, Ānanda, Devadatta... cùng một số các vị trong hoàng tộc Sākya nữa!

Đức Phật nói với Sāriputta:

- Các ông Kāḷudāyi, Bhaddiya (dòng Sākya) cùng mấy trăm tỳ-khuru đi du hóa tại các tiểu bang Licchavī, Vajjī, Videha, Mallā, Moriya... thấy rằng, quần chúng rất tốt, rất nhiều tín tâm; nhưng khi đi khát thực, gặp duyên thuyết giáo, họ lại va vấp hai khó khăn trở ngại lớn: Thứ nhất là giới quý tộc, tướng lãnh ở đây rất ngã mạn; không dễ gì nói lọt tai, không dễ gì làm cho những cái đầu rất cứng ấy nhu thuận, quy phục được! Thứ hai là “vấn đề” lý luận của các giáo phái chủ, giáo phái sư cùng một số học giả, bà-la-môn gia chủ trong và ngoài truyền thống; họ trườn uốn như con lươn, rất điêu toa, xảo quyệt; chúng có thể lý luận dẫn voi qua lỗ kim, có thể lý luận con lạc đà thành con chó trắng một cách khá dễ dàng! Thế rồi, các ông ấy bảo là vì chưa học môn lý luận, đành phải lép vế, bây giờ họ đang cầu viện Như Lai đây! Là đại đệ tử, ông có ý kiến gì không?

Tôn giả Sāriputta nhũn nhặn:

- Đệ tử không dám! Đức Thế Tôn rõ biết tất cả! Và đức Thế Tôn còn biết rõ hơn là còn nhiều môn học – mà các sứ giả Như Lai trên đường hoằng hóa cần phải học sâu, hiểu

rộng mới mong nhiếp hóa ngoại đạo, tà giáo, thu phục nhiều thành phần giai cấp khác nhau để đi vào lòng thế gian và lòng người được!

- Đây là những môn học gì hở Sāriputta? Đức Phật có vẻ quan tâm - Ông có thể trình bày cho Như Lai, các vị cao túc cùng đại chúng ở đây nghe được không?

Biết đức Phật không phải kiểm tra kiến văn của mình, mà chỉ muốn nhân đó, giáo giới đến mọi người nên tôn giả đã mạnh dạn phát biểu:

- Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả cất giọng hùng hồn như tiếng chuông đồng vang ngân rất xa cho đại chúng cùng nghe - Lý luận, ngay chính môn học lý luận thôi cũng đã không đơn giản! Các hiền giả Kāḷudāyi và Bhaddiya đâu phải là nhân vật tầm thường. Một vị xuất thân là quan đại thần lỗi lạc. Một vị là quan tổng trấn kiêm quan chánh án uy danh lừng lẫy! Thế nhưng, khi đi vào “đấu trường” lý luận, khả dĩ có khả năng đối thoại với bọn thức giả, trí giả, học giả xảo biện; chúng ta phải kinh qua học phái lý luận Nyvāya, một trong sáu phái truyền thống Vedā để biết cách sử dụng từ, ngữ, khiếm chủ từ, có mặt chủ từ, động từ chủ động và bị động, câu cú, cách hỏi, cách đặt vấn đề, thi thiết, giả định, thiết định, cách lập mệnh đề, mệnh đề hở, mệnh đề kín, phản mệnh đề, thuận mệnh đề... rất là nhiều kê, phức tạp! Thường thì cách nói theo ngôn ngữ phổ thông của chúng ta, nhằm để trao đổi thông tin là chính; nhưng chỉ cần một tay xảo biện, miệng lưỡi hỏi lại, chúng ta lúng túng ngay! Vậy thì trước nhất, các sứ giả Như Lai phải biết trang bị toàn hảo môn học lý luận này; và chỉ có đức Thế Tôn mới có khả năng giáo giới cho tất thảy chúng đệ tử tới nơi, tới chốn mà thôi!

Đức Phật mỉm cười:

- Ví như câu nói như thế nào, câu hỏi lại như thế nào có thể làm cho chúng đệ tử Như Lai lúng túng, hở Sāriputta?

- Có thể bất kỳ câu nói nào, bạch đức Thế Tôn! Ví dụ, đệ tử nói, tôi đi khát thực; kẻ kia liền chế giễu, đi thì làm sao mà khát, mà thực! Lại nữa, khát là khát cái gì, thực là thực cái gì? Vậy là họ bảo, câu nói đó sai lầm, mệnh đề ấy tối tăm, ngôn ngữ mù mờ, chẳng rõ trao gởi thông tin gì! Ví dụ đệ tử nói, hạt mưa rơi! Kẻ kia liền bắt bẻ, cái gì là hạt? Hạt ngô, hạt thóc; hạt bao giờ cũng thể đặc hàm chỉ một hạt giống, một cái mầm hữu cơ! Mưa là thể lỏng, chẳng có hạt giống nào trong đó cả! Lại nữa, mưa là động từ hay chủ từ? Nếu là động từ thì nguyên động lực nào mà nó rơi? Nếu là chủ từ thì mưa cũng không thể tự rơi? Thế là lập ngôn “hạt mưa rơi” không đứng vững, từ và nghĩa sai lầm, mệnh đề ấy là sai lầm! Chúng có thể lôi ra từng từ, từng chữ để ngược xuôi, điên đảo rất khó chịu, đa phần chỉ để chọc tức, làm cho ta mất bình tĩnh, mất cảnh giác! Vậy là chúng vỗ tay, huênh hoang, cười hì hì hà hà để nhạo báng và coi như mình đã thắng cuộc!

Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử có thể đưa ra hàng trăm hàng ngàn ví dụ tương tự. Môn học lý luận cổ xưa đã trang bị cho những bà-la-môn luận sư, những du sĩ lang thang những kiến thức căn bản; đồng thời, điều toa chỉ bày cách nói, cách hỏi ngoa ngoắt, lắt léo để chúng nắm xảo thuật trở tài miệng lưỡi, bắt bẻ nhau từng ly, từng tý như vậy. Do thế, môn học ấy, những sa-môn đệ tử Phật cũng phải biết rõ để khỏi bị thất thố, mắc mưu họ!

- Đúng thế! Đức Phật nói – Môn học lý luận thì dường như ông, Moggallāna, Mahā Kassapa đã được trang bị rất chu đáo từ thuở thiếu niên, do vậy rất dễ dàng đi đây đi đó để hoằng pháp. Tuy nhiên, Như Lai muốn bổ túc cho sự thiếu sót của môn học ấy (sau này gọi là nhân minh) là phải biết phân biệt rõ ràng chánh tà, đúng sai, chân ngụy; và, khả năng lý luận, luận giải, lập biện đòi hỏi phải rời kiến thức suông để trở về với đời sống tu tập, chứng nghiệm, liễu ngộ

thật sự, mới là mặt mạnh, sở đắc của đệ tử Như Lai. Vậy còn những môn gì cần phải học nữa, Sāriputta?

- Môn thứ hai thì giáo dục truyền thống đã có sẵn rồi, đây là các môn học nghệ, toán học (số học, đo lường, hình học) văn chương (thơ, kệ), khoa học (vật lý, sinh học, tự nhiên học), sử học, tư tưởng triết học trong và ngoài truyền thống Vedā (sau này gọi là công xảo minh) để có kiến thức đa dạng, phong phú để dễ dàng nói chuyện với nhiều thành phần giai cấp trong xã hội. Môn học thứ ba nó nằm trong bốn tuệ phân tích, tức là khả năng về ngôn ngữ, phải thông thạo văn phạm, cú pháp, cách diễn đạt phải chính xác, minh bạch (sau này gọi là thanh minh). Thứ tư là phải học để biết căn bản về cơ thể con người, sự vận hành của khí huyết, các kinh mạch, các huyết liên hệ đến lục phủ ngũ tạng để biết cách xoa bóp, bấm huyết tự chữa bệnh cho mình và cho huynh đệ. Lại nữa, cần phải biết một số dược liệu để chữa trị những căn bệnh phổ thông. Nếu không được như thế thì cũng biết cách điều tiết ăn ngủ, biết giữ gìn thân thể qua các mùa tiết hoặc khi nóng rét thất thường (sau này là y phương minh). Thứ năm là phải chịu khó nghe nhiều, học nhiều qua những bài giảng của đức Thế Tôn, qua những vị đã được đức Thế Tôn cho phép giáo giới chư tăng (sau này gọi là nội minh).

Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Sāriputta thưa tiếp - Quả là đệ tử đã lắm lời! Năm môn học ấy, hiện tại chưa cần thiết lắm! Vì sao vậy? Vì chư vị tôn túc trưởng lão và hằng trăm chúng đệ tử của đức Thế Tôn đều là thành phần trí thức ưu tú; họ đã tự trang bị đầy đủ cho mình rồi. Lại nữa, họ còn có thể thuyết giáo giới đức, định đức, tuệ đức đến cho mọi người, đây là bài thuyết pháp sống động và hiện thực nhất. Họ còn có thể thuyết giáo về nhân, về từ, về xả trên lộ trình độ sanh. Họ còn có thể thuyết giáo đời sống vô sản, bản hàn, thiểu dục, tri túc, chánh niệm, tỉnh giác trong mỗi bước đi,

trong mỗi hơi thở. Chúng còn cao đẹp gấp trăm lần, ngàn lần mọi phương pháp độ sinh bằng lý luận, bằng ngôn ngữ, bằng văn chương hoặc bằng nghề thầy thuốc!

- Hay lắm, tuyệt vời lắm, Sāriputta! Đức Phật tán thán – Ông đã rất hiểu về pháp; pháp sâu, pháp cạn, pháp trong, pháp ngoài, pháp trước, pháp sau nên đã trình bày rất chân xác! Các vị tỳ-khưu phải thành tâm thọ trì câu chuyện hôm nay. Thật ra, này Sāriputta, này chư tỳ-khưu! Như Lai còn biết nhiều hơn thế nữa, ví dụ như chỉ cần bốn nhiếp pháp là đủ, ví dụ như sáu hòa kính là đủ, ví dụ như bốn niệm xứ là đủ, ví dụ như bảy giác chi là đủ, ví như năm căn năm lực là đủ, ví như tám đạo chi là đủ, ví dụ như các ba-la-mật là đủ... nhưng nói ra thì chưa phải lúc, chưa đúng thời... Nghỉ hơi một lát, đức Phật tiếp - Sớm mai chúng ta lên đường đến Sāvatti, bây giờ Như Lai phân chia như sau: Mahā Kassapa với hai trăm năm mươi vị tỳ-khưu thì chia nhau ở rải rác trong tiểu bang Licchavī này, nơi có những vị tướng lãnh cứng đầu nhất và một số bà-la-môn miệng lưỡi nhất! Nadīkassapa và Gayākassapa còn rất khỏe, nên dẫn hai trăm năm mươi vị tỳ-khưu đến du hóa miền xa nhất là tiểu bang Moriya! Tại Mallā, phía trước mặt gần đây thì Kāludāyi và Bhaddiya cùng hai trăm năm mươi vị tỳ-khưu đảm trách. Phía Đông bắc bên kia là tiểu bang Videha thì xin hai ông Assaji và Vappa cùng hai trăm năm mươi vị tỳ-khưu nhận nhiệm vụ cho. Còn Như Lai, Sāriputta, Mahānāma cùng nhóm Lộc Uyển, Ānanda, Devadatta, Kimbila, Bhagu, Anuruddha ... cùng với năm trăm tỳ-khưu, chưa cần ghé Kapilavatthu mà hãy trực chỉ Sāvatti, ở đây có rất nhiều công việc phải làm!

Viếng Thăm Kỷ Viên Đại Tịnh Xá

Do tôn giả Sāriputta báo tin trước nên đức Phật và tăng đoàn mới đến địa đầu kinh thành Sāvatti thì trưởng giả Sudatta và hoàng tử Jeta đã đến nơi nghinh đón!

Nhìn tướng hảo quang minh, quý phái của đức Phật và đoàn sa-môn trang nghiêm, thanh sáng, thông dong, tự tại từng bước một, kéo dài xa hút; trưởng giả Sudatta xúc động, bồi hồi, hoan hỷ đến chảy nước mắt! Hoàng tử Jeta thì đứng lặng người, một niềm tôn kính thiêng liêng đã đến với ông!

- Này ông trưởng giả lấy vàng đổi đất! Này vị hoàng tử hào phóng cúng dường vườn cây xinh đẹp! Như Lai biết công đức của hai vị rồi! Đức Phật dừng lại, mỉm nụ hoa sen nói chuyện với hai người – Bây giờ thì các vị về trước đi! Như Lai và tăng đoàn muốn gieo duyên trì bình khát thực đầu tiên tại thủ đô danh tiếng này!

Thế rồi, các vị trưởng lão nhanh chóng hội ý, phân chia các ngã đường. Con rặng vàng chợt bị ngắt từng khoảng, từng khoảng rất đẹp mắt, tuần tự rẽ sang các lối khác nhau. Đức Phật, tôn giả Sāriputta, Ānanda với chừng một trăm vị tỳ-khưu đi vào con lộ chính dẫn vào trung tâm thành phố. Như thường lệ, bất kể giàu nghèo, sang hèn không phân biệt;

củ khoai, củ sắn, muống cơm, muống cháo, chút cari, lát bánh, bột hấp gì gì... đức Phật và tăng đoàn đều trân trọng thọ nhận như nhau, đến trưa mới về đến Kỳ Viên đại tịnh xá! Những đoàn khác cũng tuần tự trở về như những cánh chim vàng khuất dần trong vườn cây xanh!

Hình ảnh đức Phật và năm trăm vị tỳ-khưu y bát trang nghiêm, râu tóc sạch sẽ rải đều khắp kinh thành là một biến cố trọng đại xảy ra tại đất nước Kosala, hùng cường nhất vùng tây bắc này!

Thọ thực rồi nghỉ ngơi tại hương thất một lát, đức Phật, tôn giả Sāriputta, Ānanda, trưởng giả Sudatta, hoàng tử Jeta đi tản bộ nhìn ngắm các nơi. Công trình tuy chưa hoàn thành nhưng đức Phật cũng hình dung ra được cái tầm vóc kỳ vĩ của nó. Khuôn viên vườn rừng rất rộng, đi đến mấy khắc mới hết đất. Đâu đâu thầy thợ cũng đông đúc và họ làm việc khá yên lặng. Các công trình chính và phụ có lẽ nhiều gấp ba lần Trúc Lâm. Các chi tiết cảnh: Lối đi, ghé đá, vườn cỏ, ven hồ, ven suối được thực hiện rất thanh giản, tự nhiên nhưng không kém phần công phu và nghệ thuật đang được hình thành đây đó. Nội thất, tiện nghi sinh hoạt các nơi đều được sử dụng vật liệu chắc bền, được tính toán rất kỹ lưỡng! Nhà hội, nhà giảng rất rộng, cao, thoáng mát có cả hàng trăm cánh cửa vuông, tròn phối hợp hài hòa; hoa văn, họa tiết đặc trưng nghệ thuật kiến trúc của thời đại! Một số phòng tắm lại có cả lò sưởi, có ống khói cao, sẽ được đốt bằng củi thơm! Bệnh viện, nghe nói, sức chứa khoảng trăm giường rất tiện nghi, sạch sẽ; và sẽ tuyển dụng thầy thuốc chuyên môn chăm sóc, quản lý, điều hành! Nói tóm lại, không những ông triệu phú tiêu pha tiền rừng, bạc bể; mà còn cả chất xám, trí não của ông, của thầy thợ, của hoàng tử Jeta; và nhiều nhất, có lẽ là tôn giả Sāriputta nữa!

Trở lại hương phòng, đức Phật nhận xét:

- Công trình dầu chưa xong nhưng có vẻ rất hoàn mỹ,

này Sudatta! Giáo pháp của Như Lai phát triển được ở đất nước này thì công đức của ông là đệ nhất! Hoàng tử Jeta sau khi hùn góp rừng cây thì cũng nên tìm hiểu về giáo pháp để mang đến an lạc và hạnh phúc cho mình. Cuối cùng, Như Lai tán thán cả ông Sāriputta nữa, đã cố vấn và tham mưu cho công trình kỳ đặc như thế, với hàng ngàn chi tiết kiến trúc phức tạp - mà đâu đó hài hòa, sít sao, bắt mắt... cũng không dễ dàng gì; ngoài công sức của các kiến trúc sư chuyên môn, chắc ông cũng đã phải lao tâm khổ tứ nhiều lắm đấy!

Tỳ-khưu Ānanda rất tinh tế, phát biểu:

- Nhà hội và hương phòng của đức Thế Tôn phảng phất đường nét cung đình...

Tôn giả Sāriputta cười vui:

- Đúng vậy! Ở đây còn có sự góp ý của hoàng tử Jeta nữa đấy! Ngoài ra, nhóm thầy kiến trúc phụ trách chính lại được mời từ Gandhāra xuống, đa phần đã tốt nghiệp nhiều năm từ trường đại học kiến trúc Takkaṣilā nên họ biết rõ công việc của mình!

Mọi người, ai nấy đều hoan hỷ.

Hôm sau, trưởng giả Sudatta và có cả hoàng tử Jeta hùn góp tổ chức một buổi cúng dường lớn lên đức Phật và tăng đoàn giữa rừng cây. Trưởng giả Sudatta cung kính mở lời:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng đệ tử phải sắp đặt, thiết lễ cúng dường Kỳ Viên đại tịnh xá như thế nào để cho đúng với pháp và luật?

- Này Sudatta! Ông hãy khởi tâm cúng dường Kỳ Viên đến cho Tăng chúng mười phương, cả hiện tại và tương lai!

Câu nói của đức Phật thế là như bản giao kèo để ông trưởng giả trao quyền sử dụng cơ sở mà không chuyển nhượng quyền sở-hữu-chủ làm lễ rót nước lên tay ngài như ở Trúc Lâm. Cũng từ câu nói khôn khéo ấy, quyền sử dụng Kỳ Viên đại tịnh xá không giới hạn ở đức Phật và tăng đoàn

ở đây mà cho tăng chúng mười phương! Như vậy, trưởng giả Sudatta vẫn là sở-hữu-chủ, và Kỳ Viên đại tịnh xá ông chỉ cho giáo đoàn mượn dùng - cho mượn vĩnh viễn!

Ngày hôm sau, trưởng giả Sudatta cúng dường đặt bát đức Phật và tăng đoàn tại tư gia, ông đã cho mời hàng trăm nhân sĩ, trí thức, bạn bè thân hữu đến cùng nghe pháp. Thọ thực xong, chư tăng trở lại Kỳ Viên. Giữa đại sảnh lớn rộng chỉ còn tôn giả Sāriputta và Ānanda đứng hầu, đức Phật thuyết một thời pháp giản dị, nói về hạnh phúc của đời người, đặc biệt nhấn mạnh về người cư sĩ tại gia.

- Này chư vị! Đức Phật nói - một người cư sĩ tại gia có chánh tín, có đạo tâm, có một đời sống trong lành và hiền thiện, họ được thọ hưởng bốn loại hạnh phúc thuộc về vật chất ở trên thế gian này! Đó là hạnh phúc sở hữu của cải, tài sản chơn chánh (atthisukha), hạnh phúc được sử dụng, thọ dụng của cải, tài sản chơn chánh (bhogasukha), hạnh phúc không có mang công, mắc nợ ai (ananasukha); và cuối cùng là hạnh phúc không bị người đời cười chê, khiển trách (anavajjasukha).

Thế nào là hạnh phúc sở hữu của cải, tài sản chơn chánh? Ở đây, người cư sĩ tại gia tạo nên của cải, tài sản bằng chính mồ hôi sức lực của mình, bằng nỗ lực cần chuyên thức khuya, dậy sớm, bằng chính nghề nghiệp chơn chánh của mình chứ không phải do trộm cắp, do làm ăn phi pháp, do mưu kế, do thủ đoạn man trá, lọc lừa! Nhờ nghĩ vậy, nên người cư sĩ cảm thấy hân hoan, thỏa thích. Đây là hạnh phúc thứ nhất trong cuộc đời này!

Thế nào là hạnh phúc được sử dụng, thọ dụng của cải, tài sản chơn chánh? Nhờ sở hữu của cải, tài sản chơn chánh nên chi phí ăn ở, tiêu dùng mọi việc cho gia đình, mua sắm các tiện nghi sinh hoạt, xây nhà, dựng cửa, cưới vợ, gả chồng cho con cái, lễ hội, kỵ giỗ, tiệc vui... người cư sĩ cảm thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng, thanh thản! Tỉnh thoảng lại

còn biết giúp đỡ những người nghèo khổ, tâm vị tha lại lại có cơ hội nảy sinh. Ngoài ra, người cư sĩ còn biết dành dụm một khoản nhỏ để cúng dường sa-môn, đạo sĩ hầu tích lũy phước báu cho mai sau với tâm thỏa thích, mãn nguyện. Đây là hạnh phúc thứ hai trên thế gian này!

Thế nào là hạnh phúc vì không mang công, mắc nợ? Người tốt, người hiền, người có đời sống đạo đức hẳn mang công, mắc nợ ai thì đêm ngày trăn trở, ăn không ngon, ngủ không yên, canh cánh bên lòng; và ngọn lửa hồ thẹn, khó chịu cứ âm ỉ thiêu đốt từng khắc, từng canh. Do vậy, không mang một món nợ lớn, nhỏ nào thì tâm hồn yên ổn, mát mẻ, thảnh thơi thanh bình và an lạc. Đây được gọi là hạnh phúc thứ ba trong cõi nhân sinh!

Thế nào là hạnh phúc không bị người đời cười chê, khiển trách? Đây là do đời sống của người cư sĩ tại gia có tâm, quý, biết giữ gìn thân, khẩu, ý. Trong cư xử với gia đình, thân quyến; lúc giao tiếp, ứng xử với bạn bè, xã hội họ luôn hòa nhã, nhu thuận, chân tình nên không có gì phải ăn năn, hối hận, bất an hoặc sợ hãi. Nghĩa là từ cử chỉ, hành động, lời ăn, tiếng nói đến tâm niệm, tư duy họ đều không có lầm lỗi, không ai có thể cười chê hoặc khiển trách được! Đây được gọi là hạnh phúc thứ tư!

Này chư vị! Trong bốn loại hạnh phúc ấy, hạnh phúc thứ tư là cao quý, cao thượng nhất vì nó là cánh cửa mở để bước vào kho tàng giáo pháp của Như Lai! Người không có lầm lỗi về thân, không có lầm lỗi về khẩu, không có lầm lỗi về ý là đã sống một đời sống có quy giới lành mạnh (ngũ giới), đã có mùi hương lành tốt đẹp (thập thiện)! Nhờ vậy, tâm vị ấy trong sạch, thanh khiết. Ví như mảnh đất tâm đã được phát quang lùm bụi, đã được dọn dẹp sạch sẽ cỏ rác; từ đây, vị ấy có thể gieo lên đất những hạt giống lành, được tưới nước, thêm phân, chăm bón công phu thì đời này, đời sau, hoa trái sẽ sum suê, tha hồ thu hoạch mùa màng bội thu,

thịnh mãn!

Trưởng giả Sudatta chợt nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Từ lâu, sống giữa bụi đời, làm ăn buôn bán, đệ tử cảm thấy mình có nhiều lầm lỗi về thân, về khẩu, về ý! Nay nhờ thời pháp này, đệ tử nguyện sẽ cố gắng sống cho tốt hơn! Tuy nhiên, đệ tử chưa rõ, sự giống nhau, khác nhau, cao thấp giữa trì giới và bố thí? Còn nữa, bố thí đến người nghèo khổ, cúng dường đến đức Phật và chư tăng phước quả sẽ như thế nào?

- Này Sudatta! Đức Phật giảng giải – Ông là người quảng đại, giàu lòng nhân ái; lúc chưa gặp Như Lai, ông đã biết thương tưởng, đùm bọc những người nghèo khổ, bất hạnh; đã biết trợ cấp đến những người cô độc, cô quả, phước báu của sự tế độ ấy sẽ giúp ông hưởng được sung mãn vật chất nhiều đời. Ông cũng đã cúng dường vật thực đến Như Lai và đệ tử của Như Lai là hội chúng thanh tịnh thì phước báu của sự cúng dường ấy lại càng lớn hơn nữa. Vì sao vậy? Vì không những được thọ hưởng sung mãn vật chất mà còn gieo duyên với đạo quả giải thoát! Hôm qua, Như Lai lại gợi ý ông cúng dường toàn bộ công trình xây dựng Kỳ Viên đại tịnh xá cho mười phương tăng là Như Lai muốn cho phước báu của ông càng vĩ đại hơn nữa! Vì sao vậy? Vì thiết kế tu viện, xây dựng tịnh xá, cốc liêu cho chư tăng có nơi sinh hoạt, ăn ở đàng hoàng, phước báu ấy còn lớn hơn cả cúng dường cho Như Lai!

Này Sudatta! Đức Phật giảng tiếp – Giáo pháp của Như Lai cần người kế thừa để phát triển xa rộng; và chính mười phương tăng sẽ làm việc ấy! Còn nữa, những hạt giống do mười phương Tăng gieo trồng nơi này, nơi khác sẽ kế tục tồn tại nhiều ngàn năm trên châu Diêm-phù-đề này cùng những châu lục khác nữa! Ông phải tự hiểu nhân quả kỳ diệu ấy để hoan hỷ rằng mình đã làm được một việc lành hy hữu!

Tuy nhiên, dù có lớn lao cách mấy, dù có hy hữu cách mấy thì tất cả sự bố thí như tế độ, bố thí như cúng dường tu viện, Như Lai, tặng chúng mười phương vẫn không bằng quy y Tam Bảo. Tại sao vậy? Vì khi quá sung mãn vật chất, do thọ hưởng phước quả con người sẽ sinh ra giải đãi về thiện pháp, thích đời sống hưởng thụ, tham đắm ngũ trần dễ bị lưu lạc đường về! Quy y Tam Bảo chính là sự quy hướng chơn chánh cho chiếc thuyền đời vậy! Thọ trì ngũ giới sau khi quy y Tam Bảo lại còn thù thắng hơn nữa, vì lúc ấy là đang bước đi trên lộ trình chơn chánh, hoàn thiện bản thân! Tu tập định tâm từ thì còn hơn cả ngũ giới, vì có giới mới có định mà định tâm từ thì đem lại mát mẻ, an vui cho mình, cho người, cho phi nhơn, cho chư thiên ở xung quanh nữa! Và cuối cùng, tôi thượng hơn tất cả phước báu là tu tập tuệ quán, thấy rõ bản chất vô thường, vô ngã của chư pháp để giải thoát tất cả khổ đau trong ba cõi, sáu đường!

Sau thời pháp sách tấn, khích lệ ấy, gia đình trưởng giả Sudatta, hằng chục gia nhân và hơn trăm vị khách đồng xin được thọ trì quy giới.

Mới hai ngày ở Kỳ Viên mà luồng gió trong lành của giáo pháp đức Thế Tôn đã thổi khắp kinh thành Sāvatti và cả miền ngoại ô. Nhiều thành phần giai cấp khác nhau tìm đến nghe pháp. Tuy nhiên, đức Phật chỉ thuyết ba thời vào ba buổi chiều, còn hai buổi chiều khác, ngài giao cho tôn giả Sāriputta. Và cũng như thường lệ, buổi tối đức Phật giáo giới chư tăng - đặc biệt, ngài nói đến đặc điểm văn hóa, tín ngưỡng của từng vùng, miền; có những phong tục, tập quán giống nhau, khác nhau ra sao. Có cái còn tốt đẹp, còn ích dụng cho đạo đức nhân gian thì chưa nên đụng chạm đến; nếu nó liên hệ đến giáo pháp thì phải linh động, uyển chuyển khai triển ra, mở rộng thêm. Có cái quá tối tăm, ngu muội thì nên nhẫn nại, nhẫn nại nhiều ngày, nhiều tháng để giáo giới họ. Giá trị nào mà đã trở thành phổ thông, đã trở thành

thước đo đạo đức xã hội thì đệ tử của Như Lai phải biết tôn trọng. Điều nào mà mọi người cười chê thì đấy cũng được xem như cấm giới, điều luật phải thọ trì lúc ứng xử, giao tiếp...

Khuya, đức Phật thuyết pháp cho chư thiên, dạ-xoa, phi nhân, thọ thần ở trong vùng. Trời Sakka xuống đánh lễ, vấn an sức khỏe ngài rồi chỉ thị Tứ thiên vương hộ trì tăng chúng. Phạm thiên Sahampati hào quang sáng rực cả một vùng, xuống đánh lễ, thăm viếng người bạn cũ, chào mừng và cùng hoan hỷ khi thấy giáo pháp được phát triển đến quốc độ Kosala này.

Suốt một tuần lễ, rất nhiều người hoan hỷ, xin quy y. Thỉnh thoảng có vài cuộc chất vấn gay gắt vì bất đồng quan điểm tư tưởng. Đức Phật cũng chỉ mỉm cười, không đáp; và rồi tôn giả Sāriputta giải quyết êm xuôi việc ấy!

Đại đức Ānanda rất ngưỡng mộ vị pháp huynh của mình, như chiếc bóng không rời, cứ hỏi han giáo pháp luôn!

Hôm kia, một số trong nhóm ba mươi vị tỳ-khưu Pāvāya từ miền tây bắc và cực bắc Kosala, dẫn theo hơn một trăm tân tỳ-khưu tìm về đánh lễ đức Phật và vấn an sức khỏe của ngài. Họ rất vui mừng thấy chư tăng đông đảo và công trình vĩ đại của Kỳ Viên. Đức Phật cặn kẽ hỏi han việc hoằng hóa. Họ cho biết là chỉ phát triển ở một số thị trấn dân cư đông đúc, càng đi xa thì đất rộng, người thưa, đa phần họ quá nghèo khổ, sự khát thực rất khó khăn. Đôi khi đi cả ngày chỉ gặp mấy chồi lá ở sườn đồi, chân núi. Lại nữa, những loại tín ngưỡng nhân gian như thờ thần, thờ ma quỷ, thờ rắn, thờ bò, thờ dâm tượng sinh thực khí... và cả những hình thức khổ hạnh cực đoan đã ăn sâu, mọc rễ trong quan niệm, tập quán, trong sinh hoạt; nên họ rất khó tiếp cận giáo pháp trong sáng, lành mạnh, cần sự nỗ lực tự thân hơn là khẩn cầu tha lực như của chúng ta.

Đức Phật sách tấn họ, bảo đấy là tình hình khó khăn

chung, đoàn tuyên giáo nào cũng có những trở ngại tương tự. Đức Phật cũng lưu ý là những tỳ-khưu còn yếu về pháp học, pháp hành thì chưa nên cho đi hoằng hóa, họ cần thời gian dài ngày để tu học.

Thế rồi, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta giáo giới cho một trăm tân tỳ-khưu.

Thấy công việc ở đây cũng tạm yên, đức Phật chuẩn bị lên đường thì trưởng giả Sudatta dẫn đến một người - phục sức sang trọng, tướng mạo đẹp đẽ, ông quỳ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Đây là thanh niên Subhūti (Tu-bồ-đề), em trai của đệ tử; suốt một tuần nay, y chăm chú lắng nghe giáo pháp, trí không rời giáo pháp, tâm không rời giáo pháp nên cảm thấy hân hoan, thỏa thích. Bây giờ, em trai của đệ tử muốn xin xuất gia, sống đời phạm hạnh, ngưỡng mong đức Thế Tôn thế độ cho y!

Quán căn duyên, đức Phật thấy rõ, biết rõ thanh niên này đã tu hành cách đây đã mười lăm đời đức Chánh Đẳng Giác; từ thuở đức Phật Padumuttara, ông ta đã là đạo sĩ Nanda nổi danh nhiều phương. Sau này, thanh niên này sẽ là vị tỳ-khưu thích sống ở núi rừng, được coi là bậc ly dục đệ nhất!

Đức Phật mỉm nụ hoa sen, gật đầu, nói vài lời giáo giới rồi bảo hai vị đại đệ tử chuẩn bị cho Subhūti thọ giới ngay, có ngài chứng minh...

Nhìn vị tân tỳ-khưu y bát, tướng mạo trang nghiêm như đã từng xuất gia lâu năm, đức Phật sách tấn:

- Này Subhūti! Ông đã có căn cơ sâu dày, vậy hãy sống đời phạm hạnh thiêng liêng, trong sạch... Bây giờ hãy cùng đi với Như Lai về Trúc Lâm tịnh xá...

Rồi ngài cắt đặt tiếp:

- Như Lai còn rất nhiều công việc ở Rājagaha và Vesālī; nên Sāriputta thay mặt Như Lai cùng với Devadatta, Mahānāma, Kimbila, Bhagu phải ở lại đây để trông coi hội chúng này. Cùng về Trúc Lâm với Như Lai chỉ có Ānanda,

Anuruddha, tân tỳ-khuru Subhūti và thị giả Upavāna mà thôi. Lúc nào đến được Vesāli, Như Lai sẽ hội ý với các vị trưởng lão vùng ấy, sẽ bổ túc thêm các vị A-la-hán có nhiều năng lực để duy trì và phát triển Kỳ Viên!

Tại Rừng Mahāvana

Trên đường trở về, do ít người, ít việc, đại đức Ānanda rất sung sướng theo hầu cận đức Phật và tha hồ học hỏi về giáo pháp. Đại đức hãnh diện nói:

- Đệ tử học thuộc hết, bạch đức Thế Tôn! Tất cả mọi thời pháp đệ tử nghe được từ đức Thế Tôn hoặc qua sư huynh Sāriputta, đệ tử đều thuộc nằm lòng! Còn có một số thời pháp liên hệ đến sáu năm khổ hạnh, sự chứng ngộ tại cõi Bodhirukkha, bốn mươi chín ngày đức Thế Tôn chứng nghiệm hạnh phúc giải thoát... thì đệ tử chỉ nghe được từng khúc, từng đoạn qua trưởng lão Koṇḍañña, Assaji...

Đức Phật biết rõ chuyện ấy. Nên ngoài những khi dừng chân tại Mallā, gặp trưởng lão Kāludāyi, lắng nghe công việc hoằng hóa ở đây; giáo giới một số tân tỳ-khưu ở Vajjī; lúc rảnh rỗi, ngài đều kể lại tận tường cho đại đức Ānanda nghe. Các thời pháp ở Lộc Uyển, rừng Kappāsiya, chuyến về lại cõi bò-đề thăm gia đình Sujāta, triệu phú Senānī, cô bé Punna, chú bé Soththiya tặng tám bó cỏ như thế nào, đức Phật cũng kể lại từng chi tiết. Việc hóa độ ba anh em đạo sĩ tóc bện Kassapa và một ngàn đồ chúng của họ tại tụ lạc Uruvelā, dãy núi Gayā, bờ bắc sông Nerañjarā thì phải đối thoại nhiều lần, phải nhẫn nại nhiều ngày, phải thuyết giáo

nhiều cách, phải sử dụng thần thông nhiều lượt; lại còn cần sự hỗ trợ của Tứ đại thiên vương, trời Sakka, phạm thiên Sahampati như thế nào mới đưa họ vào chánh giáo được. Thời pháp “tất cả các pháp đều bị bốc cháy” tại sườn núi Gayāsīsa, đức Phật thuyết lại làm cho đại đức Ānanda rợn tóc gáy, xúc động cả toàn thân, thấy rõ sự nguy hiểm của thế gian lục đục ngũ trần! Đại đức Anuruddha và thị giả Upavāna cũng hưởng được lợi lạc không ít. Đức Phật mỉm cười, nói với Anuruddha:

- Hãy tinh cần và nhiệt tâm tu tập thêm nữa, này Anuruddha! Thấy được một trăm, hai trăm ngàn thế giới thì không thể chấm dứt khổ đau, phiền não được đâu! Tỉnh thoảng, sau khi thiền định, trở lại cận hành, quán sát xem thử các dòng cảm giác, dòng tri giác, dòng tâm hành, dòng thức tri chúng trôi chảy ra sao, rồi chúng sẽ duyên khởi như thế nào!

- Đệ tử sẽ cố gắng!

- Lúc nào thấy có trở ngại gì, thắc mắc về điều gì thì cứ thưa hỏi!

- Dạ thưa vâng!

Đến Vesāli, rừng Mahāvana, đức Phật ngạc nhiên là ở đây dường như đã đổi khác: Có cả giảng đường, hương phòng dành riêng cho ngài và rải rác đây đó cả hằng trăm cốc liêu nữa. Vật liệu xây dựng tuy chỉ là tranh, tre, nứa, lá nhưng trông khá xinh xắn, thanh nhã rất thích hợp với đời sống giản dị của sa-môn. Tôn giả Vappa, Bhaddiya, Nadīkassapa và rất đông tỳ-khưu ra đón ngài từ đầu bìa rừng, trông ai cũng rạng rỡ. Họ chào hỏi, giới thiệu lẫn nhau. Tỳ-khưu Subhūti có cơ hội biết thêm nhiều vị trưởng lão nổi danh.

Vào chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn tại giảng đường, đức Phật tỏ lời khen ngợi các vị trưởng lão và chư tỳ-khưu đã tự mình thiết lập được cơ sở truyền giáo ở đất nước này.

Trưởng lão Vappa, lớn tuổi nhất, tường trình mọi việc:

- Bạch đức Thế Tôn! Trưởng lão Mahā Kassapa nhờ sống đời đầu-đà khổ hạnh nên đã hóa độ được rất nhiều người nghèo khổ; mười ba pháp đầu-đà của vị ấy quả thật là xứng đáng làm gương cho mọi người – chư vị tỳ-khưu theo học rất đông. Trưởng lão Assaji đang xây dựng cơ sở tại Videha. Trưởng lão Gayākassapa ở tại Moriya cũng rất thành công. Trưởng lão Kāḷudāyi tại Mallā thì đức Thế Tôn đã gặp rồi. Hiện tại, chúng đệ tử rút bớt về đây một trăm tỳ-khưu để tạo dựng cơ sở, vì địa điểm này có lẽ khá quan trọng trong tương lai. Việc khởi tâm cúng dường để xây dựng Đại Lâm này là do mấy vị phú hộ và các gia chủ ở trong vùng, do họ có nhu cầu nghe pháp, học hỏi pháp. Có lẽ đức Thế Tôn sẽ giáo giới thêm cho họ vào các buổi chiều!

Đức Phật rất hài lòng về các vị trưởng lão ưu tú, ngài nói:

- Kỳ Viên đại tịnh xá rất lớn, có thể chứa vài ba ngàn tỳ-khưu mà không sợ khó khăn về vật thực. Có lẽ chư vị nên cho rút bớt các nơi về an cư tại đây, nếu còn kịp thời gian. Sau mùa mưa, lưu ý là tại các thị trấn miền Nam Kosala, chúng ta vẫn chưa có người. Các xứ Kālāma, Kāsi, Vamsā, Avantī rộng lớn mênh mông mà chỉ có trưởng lão Yasa và chừng trăm vị tỳ-khưu! Thành phố Bārāṇasī, Kosambī và các vùng đối diện bờ Nam sông Gaṅgā chúng ta chưa đủ duyên. Riêng tại Vesālī này Như Lai sẽ lưu tâm.

Chiều hôm ấy, đức Phật thuyết một thời pháp nói về bố thí, trì giới, các cảnh trời rồi đặt hội chúng trên quy giới, thành người cư sĩ áo trắng. Buổi tối, đức Phật giáo giới chư vị tỳ-khưu, sau đó cho đề mục thiền định hợp với căn cơ một số các vị sơ tu!

Sáng hôm sau, đức Phật lên đường; trưởng lão Vappa, Bhaddiya và Nadīkassapa đến đánh lễ. Đức Phật nói với ba vị:

- Hiện nay, nội bộ các tiểu bang Vajjī, Licchavī không được yên ổn, nhất là tại Vesālī. Các vị vua được bầu lên và nhóm tướng quân đang xung đột, tranh giành quyền lực nên nhiều pháp bất thiện đã phát sanh. Rất nhiều thiên, thần, thiện dạ-xoa ở nơi này họ không hoan hỷ nên đã lần lượt bỏ đi; trong nay mai những tai ương, dịch họa sẽ đổ xuống đất này. Các ông và tất cả tỳ-khưu ở đây nên tạm thời về an cư mùa mưa ở Trúc Lâm. Chỉ giữ lại năm bảy người để chăm sóc cơ sở. Tương lai ở đây như thế nào, Như Lai đã tiên liệu.

Các trưởng lão đều có thiên nhĩ, thiên nhãn, họ biết điều đó nên vâng mệnh, y lời.

Dạy Dỗ Bậc Đại Trí Thức

Đã dự định trở về Trúc Lâm, nhưng đột nhiên, đức Phật bảo nán lại mấy hôm nữa. Hóa ra là có cơ duyên.

Ngoại ô Vesāli, thuộc cộng hòa Licchavī, có hai vợ chồng bà-la-môn nổi tiếng thông thái, uyên bác, có tài hùng biện; mỗi người không những học hiểu rất nhiều triết thuyết khác nhau mà còn nắm vững các phương pháp lý luận nên tài vấn đáp của ông bà không ai sánh nổi. Con trai lớn là Saccaka được di truyền dòng máu thông minh, mẫn tuệ ấy, lại còn được kế thừa sở học của cha mẹ nên nghiêm nhiên trở thành một ngôi sao vô địch trên các luận trường. Thế vẫn chưa đủ, người con ưu tú của dòng tộc này còn nghiên cứu sâu rộng tư tưởng các giáo phái trong và ngoài truyền thống đương thời, biết điểm ưu, điểm khuyết, sở trường, sở đoản của các chủ thuyết ấy nữa. Bởi thế, càng lớn lên, tiếng tăm của Saccaka càng vượt trội cha mẹ, trở thành tay hùng biện vô địch. Chưa có một sa-môn, bà-la-môn luận sư nào khả dĩ trở tài miệng lưỡi có thể xứng đáng là đối thủ của chàng! Và thế là Saccaka sanh tâm ngã mạn, coi thế gian như cỏ rác. Quá kiêu căng tự phụ về sở học của mình, Saccaka sắm một sợi dây da to bản cột bụng lại. Mọi người xúm lại hỏi tại sao, Saccaka cười mũi đáp:

- Chữ nghĩa, văn tự, cú pháp, thiên kinh, vạn quyển... chúng sống nhung nhúc đầy đặc ở trong này! Nếu không cột lại, ta sợ một lúc nào đó sẽ vỡ bụng ra mà chết!

Danh tiếng Saccaka lại càng vang dội. Ba đức vua và hội đồng tướng lãnh trị vì liên bang Licchavī đóng tại Vesāli mời Saccaka làm thầy giáo phụ đạo cho con cháu họ. Chàng vỡ bụng nói:

- Có sẵn đây. Nếu chia chung cho thiên hạ cũng còn chưa hết, huống hồ chỉ một tiểu quốc. Thế là các vị đã tìm đúng người!

Bọn tiểu nhân vô trí, thiếu học thì tung hô, ca ngợi; còn kẻ có trí thì họ khinh bỉ nhưng họ im lặng, thậm hồ then giùm cho chàng trai trẻ.

Trong thời gian ấy, đức Phật, chư vị trưởng lão và rất đông tỳ-khưu đã lui tới Vesāli, cư ngụ ở đại lâm Mahāvana. Tin ấy nhanh chóng đến tai Saccaka, chàng tự nghĩ: “Thời gian gần đây, ta đã nghe danh tôn giáo này cùng người sáng lập ra nó. Ông sa-môn Gotama xuất thân dòng dõi sát-đế-ly, vốn là một thái tử văn võ toàn tài, bỏ vương vị xuất gia, bây giờ tự xưng là Phật, một vị đại A-la-hán! Thật là điên rồ và ngông cuồng! Tuy ta chưa nắm được giáo pháp của ông ta, nhưng thử hỏi, triết học và tư tưởng của con người thì có được bao nhiêu? Cho dầu ông ta có sáng lập ra một giáo thuyết mới, có múa mép, khua môi ồm tỏi... thì cũng thảm nhục, thân bại, danh liệt tại đất này mà thôi!”

Hôm ấy, đứng trước hội chúng của mình, Saccaka ngạo nghễ tuyên bố rằng:

- Ta không thấy một sa-môn, bà-la-môn nào dù là giáo phái chủ, giáo phái sư hoặc là bậc đạo sư lỗi lạc tự xưng mình là Phật, thánh phương nào chẳng nữa, một khi đối đáp với ta, chẳng có ai là không hồi hộp, run sợ! Thậm chí, nếu ta cật vấn cây cột không có tâm thức thì nó cũng sợ hãi, rung chuyển, toát mồ hôi hột!

Cả hội trường vỗ tay, tán thán Saccaka không hết lời rồi nói:

- Sa-môn Gotama rất giỏi, rất nổi danh, nhưng rồi sẽ bị đo ván!

- Đúng như thế không sai!

Saccaka mỉm cười:

- Cái đó thì các người đừng có nôn nóng, không chóng thì chầy sẽ có cuộc tranh biện thú vị ấy!

Saccaka thò tay siết chặt lại sợi dây da nịt bụng!

Nghe tin đức Phật đang ở Mahāvana, tôn giả Assaji bỏ hành từ nước cộng hòa Videha về thăm ngài. Nghỉ đêm ở một khu rừng ngoại ô, sáng sớm tôn giả đi vào thành phố Vesāli trì bình khát thực.

Lúc ấy, Saccaka đang uốn bụng đi dạo với chùng mười mấy đồ chúng, trông thấy tôn giả Assaji do râu tóc sạch sẽ, đi đứng trang nghiêm, đoán là đệ tử của đức Phật, hấn bèn dừng lại, lịch sự chấp tay với cung cách của một bậc thức giả:

- Thưa ngài sa-môn! Ngài có liên hệ gì với giáo phái của đại sa-môn Gotama?

Ngược lên, tôn giả Assaji trông thấy một chàng trai trẻ to lớn, cao ráo với dây nịt to buộc chặt bụng cùng đám thanh niên mặt tròn, da láng; biết đây là ai rồi, nên đáp:

- Tôi là đệ tử ít học của đức Đạo Sư ấy, thưa hiền giả!

- Thật là hân hạnh! Saccaka giả vờ cúi đầu khiêm tốn - Từ lâu tôi đã nghe đại danh của đại sa-môn Gotama như sấm dậy bên tai! Vậy chẳng hay, vị ấy thường dạy các hàng đệ tử như thế nào? Nói rõ hơn, là sa-môn Gotama hay nói giáo pháp gì cho môn đệ?

- Này Aggivessana! Này chàng trai trẻ! Đức Thế Tôn thường dạy cho chúng đệ tử rằng: Sắc uẩn là vô thường, thọ uẩn là vô thường, tưởng uẩn là vô thường, hành uẩn là vô thường, thức uẩn là vô thường...

Vừa nghe vị sa-môn gọi đúng tên mình, Saccaka đã cảm giác lạnh lạnh, nhưng y lại cười lạt:

- Hóa ra chỉ có vậy thôi sao, thưa ngài sa-môn?

- Còn nữa, này chàng trai trẻ! Vì sắc thọ tướng hành thức ấy là vô thường nên chúng còn là vô ngã nữa! Và, tất cả pháp đều vô ngã!

Saccaka nhú mày:

- Đây là tinh yếu giáo pháp của đại sa-môn Gotama ư?

- Với kẻ trí, với người có tai để nghe thì đây là tinh yếu, còn đối với người ngu, kẻ không có tai để nghe thì nó rất tầm thường, thưa ngài đại bác học!

Nói xong, tôn giả Assaji mỉm cười. Nhưng Saccaka không lãnh hội được ý tứ tinh tế ấy, hấn nói to với mọi người:

- Thiên hạ có rõ không? Hay chỉ có tôi, chính tôi mới vừa nghe được những điều chẳng lành? Sắc uẩn vô thường... vô ngã, thọ uẩn vô thường, vô ngã...; các pháp đều vô ngã? Cái gì vậy? Lời dạy ấy quả là tàn tệ, quả là nguy hại cho thế gian! Chính lời giáo huấn ấy là bóng tối, là quỷ dữ, là thuốc độc... đã phản bội con người và hủy diệt tất cả những gì cao đẹp, thiêng liêng trên đời này! Xin chư vị hãy nguyên rửa giáo pháp ấy đi! Nó là trá hình của Ma vương, của Diêm sử! Hãy lột mặt nạ giáo pháp phi nhân tính ấy!

Rồi Saccaka quay sang tôn giả Assaji:

- Ngài sa-môn hãy nghe cho kỹ đây! Tôi, Saccaka, bậc giáo thọ, bậc đạo sư của hoàng tộc Licchavī tôi sẽ đích thân đến gặp sa-môn Gotama để luận chiến và đấu trí! Thế nào tôi cũng phải vạch trần, lột truồng mớ giáo lý sai lầm đầy tệ hại của ông ta!

Nói xong, Saccaka quay lưng bỏ đi. Đám đệ tử còn nói vọng lại:

- Nghe rõ chưa? Giáo lý ấy chưa đáng giá một đồng xu mà đem rao bán giữa chợ đời! Ai mua? Đồ mặt dày!

Hoàng tộc Licchavī đang hội họp tại một giảng đường rộng lớn để giải quyết những công việc liên hệ đến kinh tế đang gặp lúc khó khăn thì Saccaka đột ngột bước vào. Vì Saccaka là thầy giáo giỏi của con em họ nên hoàng tộc có vị đứng dậy chào, có người gật đầu, có người chỉ liếc mắt xem, có người niềm nở mời chỗ ngồi và tiếp nước.

Saccaka chưa yên vị đã vội đứng dậy, chấp tay chào hội chúng rồi nói:

- Thưa chư vị đại nhân, quý nhân khả kính! Một cơ hội hiếm có sẽ làm cho kinh thành Vesāli nhỏ bé của chúng ta vang danh thiên hạ! Phải biết thò bàn tay vàng ra mà nắm lấy!

Mọi người ngơ ngác đưa mắt có vẻ dò hỏi. Saccaka cất giọng hùng hồn:

- Sa-môn Gotama và đệ tử của ông ta hiện đang đến hóa đạo tại xứ sở của chúng ta mấy lúc gần đây. Từ lâu, tôi đã nghe đến tài trí của sa-môn Gotama. Ông ta đã luận thắng hầu hết các giáo phái chủ, giáo phái sư trong và ngoài truyền thống trên đời này. Đức vua của các đại quốc, tiểu quốc ven thung lũng sông Gangā; những đại phú gia, bá hộ, công tử, vương tử, đại thần, đại trưởng giả... hữu danh đều quy giáo sa-môn Gotama! Tuy nhiên, đến đây, tại lãnh thổ này, sa-môn Gotama sẽ thất vọng, sẽ chuốc lấy thảm bại nhục nhã rồi cuốn xéo đi nơi khác...

- Tại sao? Có người hỏi.

Saccaka cười đắc chí:

- Sao nữa! Vì sẽ có một cuộc luận chiến, đấu trí, tranh tài vô tiền khoáng hậu xảy ra giữa tôi và sa-môn Gotama! Tôi chờ đợi cơ hội này từ lâu lắm. Vậy thì hôm nay, tôi đến đây là để mời chư vị đại nhân hoàng tộc Licchavī hãy cùng đi với tôi. Và dịp này, chư vị đại nhân sẽ chứng kiến được một sự kiện hy hữu, trọng đại: Sa-môn Gotama sẽ không có đất dung thân!

Một vị lão thần cất giọng thận trọng:

- Tôi không phủ nhận là thầy giáo thọ Saccaka có kiến thức, sở học và tài hùng biện xuất chúng, lỗi lạc! Tôi cũng đã có nghe, ngài đã nghiên cứu thấu đáo mọi triết học trong và ngoài truyền thống đến độ thâm uyên và bác lãm nhất. Nhưng đại sa-môn Gotama thì sao? Dường như mọi điều vừa kể trên, ông ta đều ưu việt, đều vượt trội thế gian mấy cái đầu! Không những thế, giáo pháp mà ông ta xiển dương, khai mở là một loại giáo pháp độc sáng, thiên tài, trước đây chưa hề có, mai sau cũng không thể có được; chẳng hay thầy giáo thọ của chúng ta đã nắm chắc phần thắng chưa nhỉ?

Saccaka vỗ ngực đáp:

- Chư vị đại nhân hãy yên trí! Những lời giáo huấn của sa-môn Gotama tôi biết rất rõ; và tôi còn thấy cả những lỗ hổng, những khiếm khuyết, những luận điểm thô thiển và tệ hại của nó nữa. Đây là những tư tưởng bi quan, yếm thế, một loại hư vô chủ nghĩa càn quấy, mung độc, ấu trĩ và ngốc nghếch nhất trên đời này. Thật không xứng đáng cho con em chúng ta nghe lọt vào lỗ tai! Phải lấy chổi chà mà quét nó ra khỏi xứ sở trong sạch và hiền thiện này. Vậy, quý vị đại nhân hãy cùng đi với tôi, hôm nay, rồi chư vị đại nhân sẽ thấy rõ sự thực!

Một người cất giọng nghiêm trang:

- Xin ngài giáo thọ trẻ tuổi lưu ý cho! Cả hoàng tộc Licchavī và hội đồng tướng lĩnh với địa vị tôn quý, danh giá cùng đi với ngài là cả một chuyện hệ trọng! Là một điều cần phải thận trọng! Chúng tôi không muốn bị bẽ mặt, không muốn bị bôi xấu trước mặt mọi người! Phải tin chắc, phải quyết thắng một ngàn phần trăm, chúng tôi mới cho người tháp tùng cùng ngài!

Saccaka với giọng đanh thép, tự tin:

- Đúng vậy! Chắc vậy! Người bị bẽ mặt, bôi xấu phải là sa-môn Gotama và chúng đệ tử của ông ta! Tôi đã xác quyết

như thế, như đá hằn sâu vết chém trước khi đến đây hội diện với chư vị đại nhân.

- Xin cho nghe những luận cứ của ngài giáo thọ! Vị trưởng lão kia tiếp tục chất vấn - Với những ví dụ cụ thể, có hình tượng chứ không phải là những lý lẽ xa vời, trông không như thế!

Saccaka hơi ngạc nhiên, hụt hẫng một chút nhưng y lấy lại phong độ rất nhanh:

- Thật xứng đáng là những cật vấn minh triết! Y giả vờ khen! Được thôi! Tôi sẽ vặn hỏi, sẽ bắt bẻ lý lẽ của sa-môn Gotama bằng lý lẽ của tôi. Ví như một thanh niên khỏe mạnh, đầy sức lực với bắp tay có vòng, với gân tay nổi cuộn cuộn; một tay y nắm cứng cần cổ một con cừu nặng như một quả núi đèo, không thể nhúc nhích được; tay kia y nắm lông cừu dài rồi lôi tuột tất tần tất không chừa một mảy. Thì tôi cũng vậy. Tôi sẽ nắm cứng cần cổ giáo pháp của sa-môn Gotama rồi tôi sẽ lột trần sạch sành sanh tất cả da vảy của lý thuyết tẻ hại ấy bằng trí tuệ, đa văn và quảng kiến của tôi! Đây là một ví dụ cụ thể, có hình tượng, có xương, có thịt, chư vị đại nhân có đồng ý vậy không?

Một số người phản kích, lao nhao:

- Vâng, đúng vậy! Rất là ấn tượng!

Saccaka được dịp trở tài hùng biện bằng miệng lưỡi:

- Còn nữa! Ví như một trung niên lực lưỡng làm việc lâu năm tại xưởng nấu rượu. Tay y cầm vợt một cách điêu luyện, thiện xảo. Chẳng cần nhìn vào chảo rượu sôi, y cũng có thể thò cây vợt xuống một cách chính xác để vớt bột rượu từ bên này sang bên kia rồi vòng quanh miệng chảo một cách dễ dàng. Khó có một tí bột nào thoát khỏi cây vợt thiên tài của hần! Thưa chư vị đại nhân! Saccaka cất cao giọng, sang sảng – Giáo pháp của sa-môn Gotama được ví như bột rượu dính đầy bụi bặm, tạp chất ấy. Tôi sẽ sử dụng cây vợt thiện xảo, điêu luyện, thiên tài để vớt mớ giáo pháp ô nhiễm

của sa-môn Gotama từ đầu này sang đầu kia, vót vòng quanh cả sở học lẫn kiến thức ác ứ của ông ta nữa! Đây là ví dụ cụ thể thứ hai! Chư vị đại nhân nghe rõ cả chứ?

- Nghe rõ! Một người cười hì hì rồi nói lớn – Nhưng cây vọt của ngài giáo thọ ở đâu?

Saccaka cười xòa:

- Đây là lý lẽ của tôi! Quý vị giỡn hoài!

Có một người rất cứng cỏi, cất giọng chậm rãi:

- Ví dụ ấy khá sống động nhưng không tương hợp rồi, nếu không muốn nói là tác dụng ngược chiều, thưa ngài giáo thọ khả kính! Tại sao vậy? Vì khi mà ngài vót hết phần bụi bặm, tạp chất, ô nhiễm ra tuốt tuồn tuột thì giáo pháp của sa-môn Gotama sẽ còn lại cái trong sạch, thuần tịnh, tinh khiết nhất trên trần đời rồi! Chắc ý ngài không muốn thế chứ?

Saccaka thoáng tái mặt, nghĩ thầm: “Không thể xem thường hội chúng ăn trắng mặc trơn này!” Rồi óc y làm việc cực nhanh, đáp rằng:

- Rất chính xác là lập luận ấy, nhưng chư vị tôn túc nghe lầm rồi. Tôi nói giáo pháp của sa-môn Gotama là bụi bặm, ô nhiễm, tạp chất; hãy vót tất cả chúng chứ không phải là vót phần bụi bặm, ô nhiễm, tạp chất của giáo pháp ấy!

- Thế thì nghe được!

- Vậy chư vị đại nhân có cần nghe thêm ví dụ nữa chăng?

- Có thể cho nghe!

Saccaka tiếp tục:

- Ví như một người nghiện rượu, hề thấy rượu là uống. Tay y cầm chung rượu khi úp, khi ngửa, khi đặt bên này, khi đặt bên kia hoặc nốc cạn sạch tùy theo ý muốn. Cũng vậy, giáo pháp của sa-môn Gotama là chung rượu ấy. Tôi sẽ tùy nghi, tùy lúc, khi đặt bên này, khi đặt bên kia, khi úp, khi ngửa hoặc nốc cạn sạch một cách dễ dàng bằng lý lẽ, bằng sự thực, bằng tài nghị luận sắc bén của tôi!

Có tiếng cười ha ha rồi các có hỏi:

- Thế có say không?

Lại vẳng lên những tiếng cười hô hô. Không khí vui vẻ tràn đầy hội trường. Tưởng vậy là tất cả mọi người đều đã bị thuyết phục, nào ngờ, một lão trượng quắc thước lại nói:

- Không chắc đâu, thưa ngài giáo thọ! Không dễ gì nóc cạn sạch sành sanh một hơi đâu! Sa-môn Gotama chẳng phải là kẻ hữu danh vô thực, chẳng phải là kẻ sàng sàng như tất cả chúng ta ở đây! Sở học, đạo hạnh, trí tuệ lẫn cả biện tài của ông ta đã vang danh khắp cả châu Diêm-phù-đề không phải là không có sở y!

- Đúng vậy! Một giọng nói khác phụ họa – Giáo pháp ấy không dễ gì chịu nằm yên để cho ngài giáo thọ kéo tuốt tuồn tuột như lông cừu; như vớt tất tần tất bọt rượu; như úp, ngửa chung rượu hoặc nóc cạn sạch sành sanh dễ dàng như vậy đâu! Rất nhiều con em hoàng tộc, tướng sĩ của chúng ta đã quy giáo theo ông ta đã khá đông rồi đấy!

- Một số cự phú, danh gia vọng tộc và cả dân chúng nữa đã trở thành tín đồ của họ. Một người khác tiếp lời.

Sự thận trọng ấy quả là cần thiết. Nhưng những lời nhắc nhở chân tình kia đã bị đám đông làm cho tan loãng. Rất đông người đồng loạt đứng dậy, cổ vũ Saccaka:

- Chúng ta hãy cùng đi! Nhất định sa-môn Gotama sẽ chuốc lấy thảm bại! Nhất định kinh thành Vesāli của chúng ta sẽ vang danh khắp thiên hạ!

Thế rồi, Saccaka cùng với hội chúng hơn một nửa số người lớn tuổi kéo thêm chừng trăm môn sinh nữa rầm rộ mở cờ, gióng trống, khoa chiêng ... huyên náo lên đường.

Đến khu rừng lớn ngoại thành Vesāli, thấy thấp thoáng xa xa bên kia ngọn đồi, có một ngôi tịnh xá rộng lớn, họ dừng chân lại. Ở xung quanh đây có một số tỳ-khưu đang thiền tọa hoặc kinh hành giữa những hàng cây. Mặc dầu nắng hạn nhưng nơi này vẫn còn giữ được màu xanh thanh

bình và mát mẻ. Thoáng nhìn khung cảnh tĩnh lặng, lòng Saccaka gợn lên nỗi sợ hãi mơ hồ nhưng y trấn tĩnh lại ngay. Saccaka đến gần một vị tỳ-khuru, lịch sự cất tiếng hỏi:

- Thưa ngài sa-môn! Hiện giờ đức Đạo Sư Gotama đang ở đâu?

Vị tỳ-khuru dừng bước, đưa mắt dịu dàng hỏi:

- Chư vị là ai?

Saccaka giới thiệu:

- Tôi là giáo thọ sư của hoàng tộc Licchavī cùng với môn đệ; và đây là mấy trăm bậc đại nhân của kinh thành Vesāli cổ xưa, muốn đến diện kiến cái vị được gọi là đức Thế Tôn ấy!

Vị tỳ-khuru mỉm cười:

- Vậy mà tôi cứ ngỡ là chư vị đang xuất quân lâm trận, tình cờ ghé ngang đây! Xin lỗi, tôi đã hiểu lầm! Rồi vị tỳ-khuru vừa nói vừa đưa tay chỉ - Thưa ngài đại hùng biện Saccaka Aggivessana! Đức Tôn Sư đang ở kia, dưới một cội cây to ngay khu rừng trước mặt. Dường như đức Đạo Sư của chúng tôi đã biết đến sự thăm viếng huênh hoang và vui vẻ này!

Thêm một lần nữa, Saccaka thoáng sợ hãi, tái mặt. Cả tên tộc, tên hiệu và cả ý đồ tranh biện, chàng chưa xưng ra, chưa nói lên mà một sa-môn tâm thường như thế này cũng đã biết rồi!

Đã thế, vị tỳ-khuru còn nói tiếp:

- Ngài hãy thít chặt lại sợi dây nịt bụng thêm một tí nữa! Những cái gọi là chữ nghĩa, văn tự, cú pháp, thiên kinh, vạn quyển ở trong ấy dường như chúng đang náo động, lúc nhúc không yên!

Saccaka hồi hải bước nhanh cùng với hội chúng của mình. Chàng tự nghĩ: “Có những dấu hiệu, những triệu chứng không được tốt lành cho lắm! Không những trí, những tuệ, những minh, những hạnh của sa-môn Gotama ta

chưa nắm bắt được, ngay cả một tỳ-khuru đệ tử vô danh mà những câu nói, cách nói, tia mắt nhìn... đã hàm tàng bên trong những năng lực, những thắng trí... cũng đã bất khả tư nghì rồi! Chưa gặp sa-môn Gotama mà ta đã bủn rủn, chao đảo đến thế này hay sao?”

Saccaka và tùy tùng đã đến chỗ đức Thế Tôn, và, chàng nhìn sững! Đức Phật ấy tướng hảo quang minh quá! Ở nơi ngài, bất cứ cái gì tỏa rạng từ ngài cũng đều toát ra sự trong sạch, thanh khiết, từ hòa, tinh giản, nghiêm oai, định tĩnh, trầm hùng, hỷ mãn và trọn vẹn...!

Trong số hội chúng tùy tùng của Saccaka có một số người cũng đứng sững và say mê chiêm ngưỡng ngài như thế. Có số quỳ xuống đánh lễ. Nhóm người khác thì cất tiếng chào thân mật. Có người chỉ xưng tên họ và dòng dõi của mình. Có kẻ chỉ chấp tay. Một số thì đưa mắt nhìn hờ hững, im lặng không nói gì. Tất cả, sau đó đều tìm chỗ ngồi thích hợp...

Saccaka từ từ, nhẹ nhẹ hít một hơi sâu đầy phổi để lấy lại sự tỉnh táo, an ổn rồi cất giọng ngang tàng cổ hũu:

- Này sa-môn Gotama! Hôm nay, tôi với hội chúng hoàng tộc, tướng lãnh Licchavī cùng một số môn đệ đến đây để vấn đạo. Xin ông hãy vui lòng trả lời cho những câu hỏi phải lẽ của chúng tôi!

Đức Phật biết rõ tất cả tâm tư, ý đồ của chàng thanh niên và hội chúng; biết rõ cả suy nghĩ và những câu hỏi đang nằm trong óc của Saccaka nhưng ngài chỉ thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra:

- Này Aggivessana! Như Lai rất sẵn lòng, người cứ tùy nghi!

- Vâng! Saccaka đáp – Không biết sa-môn Gotama thường chỉ dạy cho các hàng đệ tử như thế nào? Và thật sự, nguyên văn lời giáo huấn ấy ra sao?

- Aggivessana! Hãy nghe đây! Như Lai thường giáo giới

chư đệ tử rằng: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức uẩn đều vô thường, vì vô thường nên vô ngã. Và, tất cả pháp đều vô ngã! Đây chính là nguyên văn minh thuyết giáo pháp của Như Lai!

Saccaka vặn hỏi:

- Chỉ có thể thôi sao?

- Vâng, Như Lai thường chỉ dạy có bấy nhiêu!

Saccaka cười lạt:

- Vậy thì sa-môn Gotama có thể cho tôi đưa ra ví dụ, để từ đó, sa-môn Gotama tự thấy rõ cái ấu trĩ, cái thô thiên, cái tệ hại của giáo pháp ấy không?

- Hãy tự do, hãy tùy thích, này Aggivessana! Như Lai rất muốn nghe ví dụ của người.

- Này, sa-môn Gotama, hãy nghe đây! Ví như các loại cây, các loại giống có đủ nhựa sống để từ đó phát triển tốt, tăng trưởng tốt; tất cả chúng đều nương nhờ từ đất, lớn lên bởi đất, xanh thắm rồi đơm hoa kết trái cũng nhờ ân huệ của đất. Ví như các công việc đồng áng, vườn tược, trồng dâu, nuôi tằm... cũng nương tựa đất, sau đó chúng ta mới có cơm ăn áo mặc. Không có đất thì không có sự sống của các loài hữu tình, phải vậy không, thưa sa-môn Gotama?

Đức Phật mỉm cười:

- Đây mới chỉ là tiền đề, người còn đi vào nội dung chính nữa mà, Aggivessana!

- Vâng! Saccaka đáp - Từ ví dụ ấy, bây giờ tôi đi đến luận điểm để phá vỡ, đập tan ác kiến mê muội của sa-môn Gotama! Sa-môn Gotama bảo rằng: Ngũ uẩn là vô thường, ngũ uẩn vô ngã; tất cả pháp đều vô ngã! Còn luận điểm của tôi thì ngược lại. Tại sao? Vì nhờ có ngũ uẩn, nương nhờ nơi ngũ uẩn mà người ta ăn, nói, đi, đứng, nghĩ suy, làm việc để tạo tác những khổ vui, thiện ác trên đời này. Muôn loài thảo mộc nương nhờ bởi đất mà tồn tại như thế nào thì chúng hữu tình nương nhờ nơi ngũ uẩn để tồn tại, sinh trưởng y như thế

ây, thưa sa-môn Gotama!

Đức Phật điềm đạm nói:

- Này Aggivessana! Có phải đây là điều mà ngươi đã kết luận cho quan điểm của mình: Sắc uẩn là cái ngã của ta, thọ uẩn là cái ngã của ta; và, tưởng, hành, thức cũng y như thế? Muôn loài thảo mộc nương nhờ bởi đất thì chúng sanh cũng nương nhờ nơi ngũ uẩn, cái tự ngã ấy để tạo tác khổ lạc, thiện ác trên đời này?

Saccaka đáp khá dè dặt:

- Vâng, thưa sa-môn Gotama! Tôi nghe rất nhiều người lập luận như thế!

- Người khác thì không liên quan gì ở đây! Như Lai chỉ muốn nghe sở kiến của ngươi! Và chính ngươi phải xác định quan điểm ấy là của mình.

- Vâng, tôi xin xác quyết là như thế! Sắc thọ tưởng hành thức chính là cái ngã của ta. Chính chúng sanh nương nhờ nơi cái ngã ấy để tồn tại, tạo tác cảnh giới và làm nên thế giới. Nếu chẳng có cái ngũ uẩn ấy, cái ngã ấy làm căn cứ địa; nếu toàn bộ ngũ uẩn là không phải ta, tự ngã của ta thì chúng sanh làm sao hiện hữu hử sa-môn Gotama? Xem chừng cái luận thuyết vô thần, hư vô chủ nghĩa của ông với cái gọi là vô ngã ấy, không phù hợp với chân lý, với sự thật, không tương hợp với chánh trí rồi!

Một số người hời hợt trong hội chúng của Saccaka nghe giáo thọ sư của mình lập luận với lý lẽ minh chứng rất xác thực, rất thuyết phục bèn vỗ tay tán thán. Một số khác thâm trầm hơn thì dè dặt, cẩn trọng vì nhìn thấy thần sắc của sa-môn Gotama vẫn bình lặng như đáy biển sâu không chao sóng. Saccaka thì có vẻ tự phụ, ngênh ngáo ra mặt.

Đức Phật mỉm nụ cười ở trong tâm, chậm rãi nói:

- Này Aggavessana! Vậy Như Lai sẽ hỏi ngươi, ngươi vừa lòng điều nào thì hãy trả lời điều ấy, được chăng?

- Thưa vâng! Saccaka đáp – Xin sa-môn Gotama hãy tự

nhiên cho!

- Như Lai hỏi người. Ví như đức vua Pāsenadi nước Kosala, đức vua Seniya Bimbisāra nước Māgadha đã làm lễ quán đảnh lên ngôi, trị vì vương quốc của mình. Các đức vua ấy có quyền giết người đáng tội chết, có quyền tịch thu của cải, tài sản của người đáng bị tịch thu, có quyền lưu đày những người đáng tội lưu đày được chăng?

- Thưa được, sa-môn Gotama! Những đức vua nhỏ cai trị cộng hòa Vajjī, cộng hòa Mallā, cộng hòa Videha cũng có được cái quyền để làm việc ấy, huống nữa là các vị đại vương kia!

- Tại sao các đức vua họ có được cái quyền ấy hở Aggivessana?

- Thưa, vì đức vua là chủ một nước nên ông ta có đủ thẩm quyền quyết định tội trạng cũng như ban thưởng bổng lộc cho con dân của mình.

Đức Phật gật đầu:

- Đúng vậy, này Aggivessana! Người đã nói đúng. Các đức vua có quyền vì họ sở hữu quốc độ của mình!

Saccaka cũng gật đầu:

- Đương nhiên rồi, sa-môn Gotama!

Đức Phật tiếp lời:

- Vậy này Aggivessana! Nếu sắc thọ tướng hành thức là ta, là của ta thì phải chăng cái ta ấy lấy ngũ uẩn kia làm sở hữu, như thân dân trong quốc độ của mình vậy?

- Đương nhiên rồi, sa-môn Gotama!

- Nói cách khác, cái ngã chính là ông vua, và, ngũ uẩn chính là bá tánh?

- Đương nhiên là phải có cái ngã ấy, sở hữu ấy!

- Vậy người nghĩ như thế nào, này Aggivessana! Ví dụ về sắc uẩn, tức là cái thân xác sinh vật lý do đất nước lửa gió tạo thành này, nó là ta, sở hữu của ta thì ta có đủ thẩm quyền quyết định rồi. Vậy khi cái thân này nó bệnh, ta có quyền

bảo nó đừng bệnh? Khi cái thân này nó già, ta có quyền bảo nó đừng già? Khi cái thân này nó chết, ta có quyền bảo nó đừng chết? Chúng ta làm vậy có được không? Hãy trả lời cho Như Lai nghe với nào, Aggivessana?

Chỉ với một ví dụ mở ở trên, một câu hỏi thắt ở dưới của đức Phật, thanh niên Saccaka biết rất rõ rằng, luận thuyết của chàng đã bị sụp đổ hoàn toàn, đã bị buộc tròn, vô phương tháo gỡ; nhưng vì hổ thẹn, không dám thú nhận sự thật, đành cúi đầu im lặng.

Đức Phật hỏi đến lần thứ hai với cách diễn đạt khác:

- Này Aggivessana! Cái thân này là do nghiệp sanh, do cơm cháo vật thực nuôi dưỡng, nó sẽ bị các định luật chi phối, nó phải chịu ốm bệnh, già lão và tử vong. Chẳng thể nào bảo nó đừng già lão, đừng ốm bệnh, đừng tử vong được! Hóa ra chúng ta hoàn toàn bất lực, đã bị tước mất quyền sở hữu, đã thấy rõ nó không phải là ta, là tự ngã của ta nữa rồi!

Sắc mặt Saccaka đã tái đi nhưng chàng cũng không thể mở miệng được trước hội chúng của mình.

Đức Phật cất giọng sư vương:

- Này Aggivessana! Bây giờ là lúc mà người phải trả lời, không phải là lúc người giữ im lặng. Khi Như Lai đã hỏi người nào, về một vấn đề gì, hợp với sự thật, đúng với chân lý; hỏi đến lần thứ ba mà người ấy vẫn không chịu mở miệng thì cái đầu của y sẽ bị vỡ thành bảy mảnh!

Lúc ấy, thiên chủ Sakka liền hóa ra một con quỷ Yakka (Dạ-xoa) tay cầm chùy kim cương phát ra luồng ánh sáng khiếp người, ngồi trên đỉnh đầu Saccaka, nói vào tai chàng rằng: “Này Aggivessana! Nếu đức Thế Tôn hỏi người đến lần thứ ba mà người vẫn ương ngạnh, ngoan cố không chịu trả lời thì ta sẽ dùng cái chày kim cương này, với thần lực, đánh cho cái đầu của người vỡ ra đúng bảy mảnh, không thừa một, không thiếu một!”

Sự việc xảy ra như trên chỉ có đức Phật, chư vị thánh

tăng và Saccaka nhìn thấy. Hắn ta kinh sợ, khiếp đảm vô cùng. Tóc trên đầu dựng đứng cả lên và mồ hôi của chàng vã ra như tắm! Đến nước này thì Saccaka chỉ còn biết nương nhờ vào oai lực của đức Phật mà thôi, bèn lắp bắp nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Xin ngài hãy hỏi lại và con sẽ tức khắc trả lời!

- Nay Aggivessana! Nếu sắc uẩn là ta, là của ta, là tự ngã của ta thì ta có quyền sai bảo, rằng là, sắc uẩn người hãy đừng bệnh, đừng già, đừng chết được chăng?

- Điều ấy là không thể được, bạch đức Thế tôn!

Đức Phật tiếp tục:

- Người hãy suy xét kỹ càng, thấu đáo, thận trọng rồi mới trả lời. Đừng để cho lời sau không tương hợp với lời trước hoặc ngược lại. Nếu lời trước và sau không tương hợp, không đồng nhất sẽ đưa đến sự đập vỡ, sự chối bỏ ngay chính luận điểm của người.

Saccaka cúi gằm mặt xuống:

- Con hiểu, bạch đức Thế Tôn!

- Vậy thì Như Lai sẽ hỏi tiếp. Không những sắc thân này mà cho chí cảm giác (thọ), tri giác (tưởng), các trạng thái tâm lý (tâm hành), ý thức, nhận thức (thức) chúng có phải là ta, là của ta, là tự ngã của ta, là sở hữu của ta chăng?

- Thưa, thật không phải thế!

- Ta có quyền lực để bảo rằng hãy vui đi đừng có buồn? Ta hãy nắm bắt tướng tốt đừng nắm bắt tướng xấu? Hãy ghi nhận, kinh nghiệm, lưu giữ việc tốt lành; đừng có ghi nhận, kinh nghiệm, lưu giữ việc xấu ác, được chăng?

- Thưa, thật không thể!

- Như vậy là ta chẳng thể nào sai khiến, ra lệnh gì cho ngũ uẩn được cả; đây phải chăng là điều mà người đã xác định?

- Thưa vâng!

- Vậy có hữu lý không khi bảo rằng ngũ uẩn ấy là ta, là

của ta, là tự ngã của ta?

- Điều ấy là sai lầm, là mê muội, là tà kiến, bạch đức Thế Tôn!

- Vậy khi ngũ uẩn ấy không phải là ta, là của ta, là tự ngã của ta thì nó tự sinh diệt, thay đổi, biến hoại theo định luật của chính nó?

- Thưa vâng, đúng vậy!

- Vậy thì chúng, ngũ uẩn ấy là thường hay vô thường?

- Bạch, chúng vô thường!

- Vô thường thì chúng là khổ hay lạc?

- Cả khổ hay lạc đều vô thường, cho nên chúng là dukkha, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật cao giọng:

- Này Aggivessana! Cái gì vô ngã thì cái ấy vô thường; vì vô ngã, vô thường nên tất cả chúng là dukkha, đây là hệ luận đi liền, tất yếu. Vô ngã, vô thường, dukkha là sự thật, là chân lý. Đây không phải là quan điểm, là luận kiến, là luận điểm, là chủ tri, là lý thuyết của Như Lai; chúng chính là sự thấy biết của trí tuệ, người đã thấy rõ như vậy chưa?

- Bạch, con đã thấy rõ!

- Người chấp thủ ngũ uẩn là ta, là của ta, là tự ngã của ta thì chẳng khác gì chấp dukkha ấy là ta, là của ta, là tự ngã của ta, có hữu lý không chứ?

- Thưa, chẳng hữu lý chút nào!

- Này Aggivessana! Chính nhờ vô thường, vô ngã của ngũ uẩn mà con người xấu ác mới có thể trở nên tốt lành. Chính nhờ vô thường, vô ngã nên đạo đức, luân lý, lẽ phải, tình thương trên thế gian mới được thành lập. Chính nhờ vô thường, vô ngã của pháp, phạm tính mới diệt mất, thánh tâm mới được sinh khởi. Vậy thì giáo pháp ấy đâu phải là bi quan, yếm thế, tiêu cực, một thứ hư vô chủ nghĩa tàn tệ, độc hại, tung bóng tối cho cuộc đời như người đã từng tuyên bố trước hội chúng ở Vesālī? Thế ra người đã từng làm đạo sư

của thiên hạ, làm giáo thọ cho cả một hội chúng mà kiến thức sơ đẳng về chánh, về tà, về cái thực và cái không thực, điều cần liễu tri và điều không nên chấp thủ người cũng chưa nắm được thì thử hỏi làm sao bước vào giáo pháp của Như Lai? Chưa hiểu, chưa thấy giáo pháp của Như Lai thì làm sao xóa sô, đập nát giáo pháp ấy?

Saccaka cúi gằm mặt xuống, không dám đưa mắt nhìn một ai. Lúc ấy, hầu quanh đức Phật có ba tôn giả Vappa, Bhaddiya, Nadikassapa; họ cùng thấy rằng, bọn hội đồng hoàng gia, quý tộc và tướng lãnh này đa phần ngã mạn, và con em họ cũng thế nên tôn giả Vappa chột lên tiếng:

- Bạch đức Thế Tôn! Có một ví dụ khởi lên trong tâm của đệ tử, xin đức Thế Tôn cho phép đệ tử được nói vài lời...

- Ừ, ông cứ nói.

- Nay ngài giáo thọ khả kính! Tôn giả Vappa nói - Có người mong muốn lõi cây, cần lõi cây nên cầm búa đi vào rừng. Thấy một cây chuối rừng cao, to, lớn, sung sức, chưa trổ buồng, người ấy bèn chặt cây chuối đến tận gốc, chặt ngọn, lia tất cả nhánh rồi lột tuốt tuồn tuột tất cả những bẹ chuối ra hết. Người ấy từ từ lột từ ngoài vào trong nhưng không hề tìm thấy giát cây huống hồ là lõi cây! Tôn giả Vappa chột cao giọng - Cây chuối không có giát cây, không có lõi cây chính là người đầy, ngài Aggivessana! Đức Đạo Sư của chúng tôi đã chặt tận gốc, đã chặt cụt ngọn rồi lột trần tất cả sở học và kiến thức của nhà người ra nhưng bên trong không có gì cả! Dù cho cái sợi dây da to, nịt chặt cái bụng to của nhà người thì bên trong ấy cũng trống không, rỗng tuếch. Nếu là có thì trong ấy chỉ có thịt, mỡ, vật thực, lục phủ ngũ tạng, phẩn, đờm và nước tiểu mà thôi! Thế mà nhà người dám vỗ ngực với mọi người ở Licchavī rằng: “Ta không thấy có sa-môn hay bà-la-môn dù ở trường phái nào, học phái nào, dù là giáo phái chủ, giáo phái sư, hay bậc đạo sư tự xưng là Phật, là Thánh phương nào mỗi khi đối đáp

với ta, chẳng có người nào là không hồi hộp, cả kinh, run sợ! Thậm chí, nếu ta cật vấn cây cột không có tâm thức, nó cũng rung chuyển, kinh hãi, toát mồ hôi hột huống nữa là con người!” Chuyện ấy bây giờ sự thực như thế nào hở ngài giáo thọ Aggivessana? Đàm thoại với đức Tôn Sư của chúng tôi, luận chiến, đấu trí, hùng biện với đức Toàn Giác mà sao mồ hôi của người toát ra từ trán, chảy dài xuống mặt, thấm qua áo rồi rơi xuống đất còn đức Tôn Sư của chúng tôi thì không? Đức Đạo Sư của chúng tôi bao giờ cũng như bao giờ, luôn an trú ở cõi Tịnh cư thiên là tại làm sao thế, hở ngài giáo thọ sư Aggivessana?

Lúc ấy, Saccaka ngồi co rúm lại, gục đầu, da mặt tái ngắt, người toát mồ hôi lạnh; chàng im lặng, không dám nói ai, không dám thốt ra một lời.

Trong hội chúng tùy tùng của Saccaka, có người thấy Saccaka như vậy, tức giận quá, thốt lên:

- Rõ là không biết hổ thẹn, đồ trơ tráo!

- Cái gì cũng thua phải, dọ phải, bạch sa-môn Gotama - Người khác tiếp lời - Người có đưa ra được một chủ kiến nào đâu mà bảo là tranh luận, đấu chiến, đấu trí đã chứ?

Tháp tùng Saccaka có ông hoàng Dummukkha là người trực tính, thâm trầm, hiểu biết khi thấy Saccaka đã hoàn toàn cùn nhụt tất cả nhuệ khí ban đầu, đang chết lặng vì thảm bại; muốn giáo dục tính ngông cuồng của chàng trai, bèn hướng đến chỗ đức Phật, nói rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Xin cho phép con đưa ra một ví dụ. Ở gần xóm làng kia có một ao nước cạn, trong ấy có một con cua đang sống. Hôm nọ có một nhóm trẻ em hoang nghịch, chúng lội xuống ao bắt con cua ấy lên để chơi. Hễ con cua đưa cái càng nào ra là chúng lấy cây và đá đập gãy cái càng ấy. Cứ như vậy cho đến lúc con cua không còn một cái càng nào, bèn phải nằm yên không cựa quậy, chẳng bò đi đâu được nữa.

Bạch đức Thế Tôn! Cũng như thế ấy, những tà kiến, ngu si, nông cạn, tự cho mình hơn người, hơn đời, chàng trẻ tuổi Saccaka này, vị giáo thọ khả kính của con em chúng con như những cày của đã bị trí tuệ của đức Thế Tôn bẻ gãy. Từ rày về sau, có lẽ Saccaka sẽ khá hơn, sẽ không còn những ý nghĩ nông cuồng, tự cao tự đại như vậy nữa!

Xấu hổ quá, Saccaka quát lên:

- Này Dummukha đại nhân! Ngài đừng nói nữa. Tôi biết là tôi sẽ làm gì rồi!

Nói thế xong, Saccaka bước ra, cung kính đánh lễ đức Phật rồi nói rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay con đã thật sự thấy rõ tầm vóc trí tuệ của ngài! Giáo pháp tưởng là đơn giản, tưởng là nông cạn, tưởng là hơi hợt hóa ra rất cao siêu, rất thâm viển, rất độc sáng có thể xua tan vô lượng mây khói, sa mù đã che phủ tất cả tư tưởng và triết học truyền thống từ xưa đến nay. Con đã lầm! Vệ-đà, Áo nghĩa thư và mọi giáo phái cũng đã sai lầm như thế! Một cái lầm chua cay, đắng chát, ngu si, thảm hại; nhưng con lại vô cùng cảm kích, sung sướng khi được vén mở con mắt pháp, thấy rõ sở học, kiến thức đầy nông nổi và đầy khiếm khuyết của mình. Kính xin đức Đại Giác từ bi xá tội cho những gì mà con đã mạo phạm!

Đức Phật biết rõ sự thay đổi từ trong tư duy, tâm ý của chàng trai trẻ như thế nào nên ngài mở lời, cốt để tạo duyên cho Saccaka bước được bước chân đầu tiên vào giáo pháp:

- Này Aggivessana! Có gì thắc mắc người cứ hỏi, Như Lai sẽ trả lời.

- Bạch đức Thế Tôn! Về cái thấy biết sai lầm của con về ngũ uẩn là ta, là của ta, là sở hữu của ta rõ là ác kiến, mê muội; nhưng lời giáo huấn của đức Thế Tôn về ngũ uẩn là vô ngã, con chưa được tận tường cho lắm. Xin đức Thế Tôn triển khai thêm ở chỗ: Nhờ vô ngã nên người xấu ác có thể

trở nên lành tốt, phàm tính có thể thành thánh tính; đồng thời nói thêm về những lợi ích và những kết quả thù thắng khi chân lý vô ngã đã được nhìn thấy, đã được áp dụng vào đời sống tu tập.

Đức Phật khen ngợi:

- Nay Aggivessana! Câu hỏi ấy thật là chính xác. Là ngón trỏ chỉ đúng vào cốt lõi của giáo pháp! Vậy hãy nghe đây! Giáo pháp vô ngã ấy không phải là cái để nhận thức suông, mà phải thực sự chiêm nghiệm, lặn sâu vào, minh sát cho rốt ráo. Người nào thực hành giáo pháp ấy, thấy rõ ngũ uẩn là vô ngã sẽ đoạn tận được hoài nghi, đạt được trí tuệ, xa lìa khổ đau, phiền não, mọi dukkha, để được sống an vui, siêu thoát trong phạm hạnh của bậc sa-môn. Người như thế ấy được gọi là Thinh Văn đệ tử trong giáo pháp của Như Lai vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Saccaka thưa hỏi tiếp – Xin ngài hãy nói thêm cho con nghe về trí tuệ ấy, trí tuệ xa lìa, giải thoát tất cả mọi dukkha để một vị tỳ-khưu được gọi là bậc thánh A-la-hán, đã tận diệt mọi phiền não, đã hoàn thành trọn vẹn phạm hạnh, đã làm xong mọi phận sự trên đời này, đã bỏ mọi gánh nặng ngũ uẩn, chẳng còn một gốc rễ ràng buộc nào có thể dẫn đến tái sinh trong tương lai?

- Nay Aggivessana! Muốn được như vậy thì thầy tỳ-khưu phải thấy rõ ngũ uẩn bằng trí tuệ, thấy rõ bằng trí tuệ nghĩa là phải thấy đúng như thực tánh, đúng như bản chất của nó. Theo đó, tất cả mọi sắc uẩn ở quá khứ, sắc uẩn ở vị lai, sắc uẩn ở hiện tại, sắc uẩn bên trong, sắc uẩn bên ngoài, sắc uẩn thô, sắc uẩn tế, sắc uẩn cao sang, sắc uẩn thấp hèn, sắc uẩn gần, sắc uẩn xa...; tất cả sắc uẩn ấy không phải ta, không phải của ta, chẳng phải tự ngã của ta. Chúng đều vô thường, duyên sanh, không có tự tính, không có thực tính, không có ngã tính! Các cảm giác (thọ), tri giác (tưởng), các trạng thái tâm lý (hành) và nhận thức (thức) cũng phải

được minh sát bằng tuệ quán như thực ấy. Khi thấy rõ ngũ uẩn không phải là ta, là của ta, thầy tỳ-khưu xa lìa được mọi sở hữu. Nhờ xa lìa được mọi sở hữu, thầy tỳ-khưu cắt đứt được những sợi dây chấp thủ tham ái. Cũng nhờ thoát ly ta và của ta, thấy rõ mọi vô ngã tánh, thầy tỳ-khưu rời xa những so sánh ta-người, hơn-thua... để dập tắt, để tận trừ tất cả các mạn (tăng thượng mạn, ngã mạn, mạn, liệt mạn, ti liệt mạn). Cũng nhờ thấy rõ vô ngã, duyên sanh, vị tỳ-khưu thấy rõ các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường nên vĩnh ly tất cả tà kiến.

Này Aggivessana! Với tất cả tham ái đã được cắt đứt, với tất cả các mạn đã được ly thoát, với tất cả tà kiến đã được đoạn trừ, thầy tỳ-khưu biết rõ mình: Tử sanh đã được bùng tận, phiền não đã được đoạn lìa, mọi gánh nặng đã được đặt xuống, mọi bồn phận đã được làm xong, sẽ không còn tái sanh vào kiếp sau nữa! Và đây chính là bậc thánh A-la-hán đã hoàn toàn giải thoát mọi khổ ách đeo mang trên trần thế!

Nghe đức Thế Tôn thuyết giảng cặn kẽ như thế, Saccaka hoan hỷ quá, thốt lên:

- Ôi! Thật là thăm sâu, rộng lớn mà cũng tinh tường, tể vi đến kinh ngạc! Một sợi lông, một hạt bụi của tà kiến cũng không thể có chỗ đứng trong đôi mắt của tuệ minh sát này! Quả thật, đức Thế Tôn là bậc đại trí tuệ đã soi rọi tận tường chỗ tối tăm, mê lầm của con và của cả thế gian; thậm chí, những kẽ tóc chân tơ của những cái gì là ta, là của ta, là tự ngã của ta, bây giờ con mới thật thấy, thật hiểu! Không những là con, mà tất cả mọi người ở đây mới thật sự hé mở được con mắt, mới thật sự biết trí tuệ là gì, phải vậy không chư vị đại nhân?

Cả hội chúng đồng đáp vang rân:

- Quả thật vậy!

Có một vị bước ra, đánh lễ đức Phật rồi nói:

- Dường như từ lâu chúng tôi xem trọng kiến thức và hiểu biết suông; kiến thức và hiểu biết suông ấy chỉ để tăng trưởng, tích lũy, tô bồi cho cái bản ngã mà thôi. Nhờ đức Thế Tôn mà chúng tôi biết trí tuệ là gì, trí tuệ ấy là để thấy và để sống cho đúng với chân lý chứ không phải để mà phô phang, huyền đàm, hí luận... Tri ân đức Thế Tôn!

Saccaka đã lấy lại sự tự tin, phong độ cũ, y khoát tay cho mọi người im lặng rồi phát biểu với hội chúng của mình:

- Thừa chur vị đại nhân cùng với học chúng của tôi! Tôi có vài ví dụ cụ thể, sống động về điều này, về sự kiện hôm nay. Rằng là, nếu có người đương cự với một con voi say, hẳn còn chút hy vọng thoát thân được; nhưng nếu thế gian có kẻ ngông cuồng dám đấu trí với đại sa-môn Gotama thì hẳn sẽ không biết chạy trốn vào đâu! Tương tự thế, một người đang ở trong vòng lửa cháy ngun ngút bốn bề; tuy nhiên hẳn còn chút may mắn thoát ra, nhưng nếu đã lỡ ngu si mà luận chiến với đại sa-môn Gotama thì một tí tẹo kẽ hở an toàn cũng bị bít chặt! Một người bị rắn độc cắn, hẳn còn chút hy vọng chữa trị được, nhưng nếu có kẻ thách thức đàm luận với đại sa-môn Gotama thì một cơ hội hy hữu để phòng thân cũng hoàn toàn tuyệt vọng!

Rồi Saccaka hướng đến đức Phật:

- Kính bạch bậc đại trí tuệ! Vài ví dụ xung tán vừa rồi của con đối với ngài thì thật là vô nghĩa và phù phiếm; nó chỉ là một thứ bụi bặm, ô nhiễm, cấu uế mà đức Thế Tôn đã xa lánh, đoạn trừ từ lâu rồi! Nhưng đây là tư duy và ngôn lời chân thật của con khi mắt con đã được mở, tâm trí con đã được sáng. Hôm nay, con đã bại trận một cách thảm hại, đã thua cháy túi tất cả mọi gia tài, tài sản kiến thức được tích lũy từ nhiều đời cha ông, đã khánh tận mọi hiểu biết, sở tri, cao mạn... kể cả thiên kinh vạn quyển được nịt chặt trong cái bụng đầy đặc thịt mỡ, vật thực, ngoan cố và bất tịnh này. Nhưng con lại rất sung sướng, an lạc và hạnh phúc... vì đã

cởi bỏ được rất nhiều, cả bên ngoài lẫn bên trong!

Nói thế xong, Saccaka tự tháo sợi dây da nịt bụng, với cử chỉ chậm rãi, bỏ xuống bên chân rất từ tốn rồi cúi đầu ôm chân bụi của đức Tôn Sư, nói rằng:

- Con, Saccaka Aggivessana! Hôm nay đã hoàn toàn được nhiếp phục, đã nhu thuận; xin đôi chân có ngàn căm bánh xe của đức Tôn Sư chứng minh cho! Và con cũng đã thực sự hồi đầu hướng thiện, cải tà quy chánh vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc lâu dài cho con về sau!

Saccaka đặt hai tay lên sát đỉnh đầu, nói tiếp:

- Để minh chứng cho tất cả lòng thành này, ngay ngày mai, con xin cung thỉnh đức Thế Tôn cùng Tăng chúng thánh hiền quang lâm đến tỳ xá, để cho con cùng hội chúng hoàng tộc, tướng lãnh Licchavī được dịp cúng dường đặt bát ngọc trai!

Đức Phật im lặng nhận lời.

Trở về trú xứ của mình, Saccaka thông báo rộng rãi đến cho hoàng tộc, hội đồng tướng lãnh Licchavī hay biết rằng:

- Nay chư vị đại nhân cao quý và hiền thiện! Đây là cơ hội ngàn năm một thuở mới có một đức Đại Giác ra đời! Đức Thế Tôn ấy có trí tuệ vô song, đại bi vô lượng, biện thông vô ngại, hùng lực vô úy, đức tài vô biên, kiến thức vô tận, hiểu biết vô cùng, nhân cách vô thượng, thần thông vô tỷ, ngữ ngôn vô đối, phước tướng vô ngần... Vậy hãy nghe tôi! Ngay ngày mai, chư vị hãy chuẩn bị chu đáo, tươm tất mang đến tư thất của tôi những thức ăn thượng vị, ngon bổ và cao quý nhất để cúng dường đức Thế Tôn vĩ đại cùng Tăng chúng thánh hạnh! Làm như thế, phước báu sang cả và thù thắng nhiều đời sẽ trở hoa thơm ngát, kết trái sung mãn cho chư vị. Hãy nghe tôi!

Thế rồi, lúc đêm đã tàn, bình minh ló dạng, các gia đình hoàng tộc, quý tộc Licchavī mang hơn trăm phần vật thực thượng vị được nấu nướng công phu đến tư gia Saccaka để

góp chung phần thiết lễ cúng dường khá trọng thể. Họ đã làm hết sức mình vì là lúc kinh tế khó khăn, nạn đói kém do hạn hán, mất mùa đang xảy ra tại xứ sở này.

Đúng giờ, đức Phật đắp y màu san hô đỏ, mang bát lỏi mít màu cam thảo chín cùng với trăm tỳ-khưu phạm hạnh đi đến chỗ Saccaka. Các vị tướng quân đầy kiêu căng hống hách dòng dõi Licchavī nghe cha chú hoàng tộc kể lại về nhân cách, trí tuệ biện tài của sa-môn Gotama có một số sinh tâm ngưỡng mộ cũng góp sức một tay cho lễ cúng dường này.

Khi đức Phật và Tăng chúng thọ thực xong, Saccaka quỳ một bên phải lễ, chấp tay thưa rằng:

- Cầu xin quả báu của sự phước thiện này sẽ thành tựu hạnh phúc và an lạc đến cho tất cả mọi người trong hoàng tộc, quý tộc Licchavī.

Đức Phật biết sau này Saccaka sẽ trở thành một nhân cách hữu dụng, ngài có ý nâng đỡ, nên dạy rằng:

- Nay Aggivessana! Tâm nguyện của người thế là tốt, nhưng quả báu phước thiện trong sự cúng dường ngày hôm nay không đơn giản như vậy đâu.

- Con xin được nghe!

- Hội chúng Licchavī này nương nhờ bởi người, và người thì nương nhờ bởi Như Lai, có phải vậy không?

- Thưa vâng!

- Lại nữa, sự bố thí cúng dường này thành tựu được là do sự chủ động của người, tư tác của người, có phải vậy chăng?

- Thưa phải!

- Vậy, Như Lai sẽ chứng minh cho sự thật ấy rằng: Quả báu phước thiện của sự bố thí, cúng dường này - do nương nhờ bởi người, là người chưa diệt tận phiền não - sẽ thành tựu đến cho tất cả thí chủ trong hoàng tộc, quý tộc Licchavī! Và, quả báu phước thiện của sự bố thí cúng dường này - do

nương nhờ bởi Như Lai, là người đã đoạn tận mọi phiền não
- sẽ thành tựu đến cho người, này Aggivessana!

Hiểu được sự mâu nhiệm về nhân quả, trí tuệ cũng như
tâm từ vô lượng của đức Phật, Saccaka xiết bao cảm động,
chàng cúi đầu, đổ lệ, đáp nhỏ nhỏ:

- Con hiểu, bạch đức Thế Tôn! Tri ân đức Thế Tôn!

MÙA AN CƯ THỨ TƯ
(Năm 584 trước TL)

Tứ Đại Thiên Vương

Tin đức Phật về, cả Rừng Trúc như xôn xao hẳn lên. Dường như nắng thì trong hơn, dịu hơn và mây bay cũng nhẹ nhàng, thanh thản hơn. Rồi muôn chim chót nhiên ca hót vang lừng. Sự sống trôi chảy dạt dào, tuôn tràn khắp đầu cây ngọn cỏ. Tôn giả Uruvelākassapa, Bhaddiya và Mahā Moggallāna dẫn theo Nanda và Rāhula đi đón ngài.

Cả hai nhóm tỳ-khưu đánh lễ nhau rồi theo sự hướng dẫn của tôn giả Mahā Moggallāna, họ tản mác đến các cốc liêu đã được sắp đặt sẵn.

Sau khi thăm hỏi các vị trưởng lão, đức Phật ngồi xuống cho vừa tầm Rāhula, cất giọng dịu dàng:

- Con học được có nhiều không, Rāhula?

- Nhiều lắm, bạch đức Thế Tôn! Rồi chú bé sa-di liền thoảng tiếp – Tôn giả Mahā Moggallāna dạy hài nhi nhiều lắm, không những bắt học thuộc mà còn thực hành! Hài nhi còn được đi bát nữa. Đức vua Seniya Bimbisāra và hoàng hậu Videhi thường cho thị nữ mang đến cho hài nhi rất nhiều thực phẩm ngon, có cả mật, đường, sữa và rất nhiều trái cây!

- Nếu con dùng không hết thì phải làm sao?

- Trước khi dùng, hài nhi lựa thứ gì ngon nhất, tốt nhất

dâng thầy, các vị trưởng lão và cả chú Nanda nữa!

- Ủ, vậy là ngoan lắm!

Rāhula nụ cười tươi rạng, gật đầu; trông có vẻ ốm gầy nhưng khá rắn rỏi. Đức Phật nắm tay Rāhula bước đi.

- Thế nào hở Nanda? Đức Phật quay qua nói chuyện với ông hoàng si tình - Ở đây khung cảnh mát mẻ, thanh bình; tâm các vị trưởng lão cũng thanh bình và mát mẻ! Còn ông, tại sao, ngọn lửa nào - lửa ngọn hay lửa than - cứ thiêu đốt tim gan làm cho sắc mặt ông héo khô và tàn tạ như thế?

- Đệ tử sẽ cố gắng! Nanda cúi đầu đáp - Sẽ cố gắng nhiều hơn nữa!

- Không cần phải cố gắng nhiều lắm đâu, Nanda! Đức Phật ân cần giáo giới - Chỉ việc thở thôi, thở cho điều hoà; và chỉ cần an trú liên tục, nhất tâm trên hơi thở - thì lửa ngọn, lửa than gì chúng cũng tự động tắt ngấm! Đừng tự hại mình nữa, Nanda!

Tỳ-khưu Nanda cảm thấy rất hổ thẹn, nhưng vì lửa lòng vẫn chưa tắt, chưa nguôi! Còn đức Phật thì thấy chưa phải thời, nên không nói nhiều.

Qua mùa nắng mà Trúc Lâm vẫn xanh tốt. Đây đó có đào thêm giếng. Các công trình nơi này nơi khác dường như có gia cố thêm cho chắc bền hơn.

Tại hương phòng, thị giả Upavāna đã đốt hai ngọn nến để hút khí ẩm, xông một lò trầm để xua khí tạp. Đức Phật ngồi lắng nghe công việc tại Trúc Lâm trong gần bốn tháng qua do tôn giả Mahā Moggallāna tường trình. Đức Phật hài lòng vì Trúc Lâm vẫn phát triển bình thường, còn có thêm mấy trăm tân tỳ-khưu tại kinh thành và các nơi khác gọi về. Đức Phật đặc biệt lưu ý các tôn giả Mahā Moggallāna, Uruvelākassapa, Bhaddiya - đối với một số tỳ-khưu mới gia nhập; họ thiếu trình độ giáo dục sơ đẳng, tính khí nông nổi, cả tác phong và tư cách lúc ăn nói, lúc trì bình khất thực dễ làm mất niềm tin của đại chúng. Điều này quan trọng lắm

đây! Phải lưu tâm nhắc nhở, giáo giới họ một cách thường xuyên. Như vậy là chúng ta còn thiếu giáo thọ sư. Sau an cư mùa mưa, phải rút Sāriputta và một số các trưởng lão ở các nơi khác về đây phụ giúp. Kỳ Viên chừng hơn mười năm sau mới hội đủ nhân duyên phát triển. Lại nữa, trong mấy năm tới, các quốc độ bên bờ Bắc sông Gaṅgā sẽ có rất nhiều việc làm, các vị tỳ-khưu A-la-hán ưu tú phải phát tâm, phải khởi tâm, phải vận dụng từ, nhẫn, xả và các phương tiện trí nhiều hơn nữa! Hiện nay, các lực lượng chống đối yên lặng một thời gian nhưng vẫn còn âm ỉ ở đâu đó, có lẽ phải hỗ trợ thêm duyên lành, ít năm sau, ở vùng này mới yên được.

Hôm kia, đức Phật trì bình khát thực một mình, sau đó lên thẳng núi Gijjhakūṭa (Linh Thú), ở trong một hang đá. Đêm ấy, ngài phóng hào quang sáu màu, vì biết là hội chúng chư thiên và phi nhơn đã đến. Thêm vào đó, núi Linh Thú cũng sáng rực lên bởi thần lực của chư thiên. Tứ đại thiên vương dẫn thuộc hạ tùy tùng đến rất đông, trình diện đức Phật một số thần dân đại biểu để đánh lễ ngài, chào mừng ngài, tán thán ngài và dĩ nhiên còn muốn nghe pháp nữa.

Đa văn thiên vương (Vessavaṇa) cai quản phương bắc - có thân màu lục, vương bào, y giáp, mũ miện đều màu lục; tay phải cầm cờ chiến thắng, trên tay trái có con chuột màu bạc phun ngọc. Thập tụng Bắc thiên vương có rất nhiều chư thiên, dạ-xoa và loài kim-xí-điều Suppanna và Citrā⁽¹⁾. Tăng trưởng thiên vương (Virūḷha), trị vì phương nam - có thân màu xanh, vương bào, y giáp, mũ miện đều màu xanh; tay cầm thanh gươm xanh - biểu tượng trí tuệ chém vô minh.

(1)- Loài hóa sanh - phước báu thù thắng hơn loại do noãn, thai và thấp sanh - uy lực hơn cả loài rồng.

(2)- Là những vị thiên đặc biệt có khả năng đàn, ca, xướng, hát; có vị trú hương rễ cây, có vị trú hương lõi cây, có vị trú hương giát cây, có vị trú hương của hoa, có vị trú hương của vị, có vị trú hương của hương - đời sống tinh thần khá thanh khiết, phước báu cao hơn cõi người rất nhiều..

Tháp tùng Nam thiên vương cũng rất đông chư thiên, dạ-xoa và cưu-bàn-trà (Kumbhaṇḍa) ⁽²⁾ Trì quốc thiên vương (Dhataratta), lãnh nhiệm phương đông - có thân màu trắng, vương bào, y giáp, mũ miện đều màu trắng; tay cầm cây đàn đặc biệt của cõi trời - mỗi lần đàn lên là làm cho tâm của người nghe trở nên thanh tịnh. Tháp tùng Đông thiên vương cũng có hằng trăm chư thiên, dạ-xoa và rất đông càn-thát-bà (Gandhabha) ⁽¹⁾ với rất nhiều cây đàn hình thù kỳ dị - đủ để tạo nên một dàn nhạc vi diệu! Thứ tư là Quảng mục thiên vương (Virūpakkha) – có thân màu đỏ, vương bào, y giáp, mũ miện đều màu đỏ; tay phải cầm con rắn canh giữ ngọc maṇi. Tháp tùng Tây thiên vương cũng có cả một hội chúng chư thiên, dạ-xoa và rất nhiều rồng (Nāga) ⁽²⁾. Cả bốn hội chúng này vân tụ đầy đặc cả không gian. Một số đến chỉ vì tò mò, muốn chiêm ngưỡng quý tướng và mỹ tướng của đức Thế Tôn. Một số đến chỉ muốn hợp tấu vài khúc nhạc để ca tụng tán thán oai đức của bậc Toàn Giác đã chấn động các cõi trời. Một số dạ-xoa chưa có đức tin thì hồ hững, đứng một bên hoặc bỏ đi ra bên ngoài. Còn một số đông thiên chúng, dạ-xoa, sau khi nghe pháp, họ đồng thuận quy y rồi phát lời nguyện hộ trì Tăng chúng, Giáo pháp cho được dài lâu...

Hoan hỷ về thời pháp, kính ngưỡng hào quang thù thắng của đức Phật; Trì quốc thiên vương nâng cây đàn lên - như vị nhạc trưởng điều luyện, với mấy ngón tay bạch ngọc vừa vuốt nhẹ dây đàn - là cả giàn âm thanh của càn-thát-bà như đồng lúc khởi tấu một khúc nhạc chưa hề có ở nhân gian. Và lạ lùng làm sao, đằng sau âm điệu du dương, trầm bổng là mùi hương của cây, của lá, của hoa, của những hương liệu dị

⁽¹⁾ Loại hóa sanh, phước báu thù thắng hơn các loại rồng do noãn, thai, thấp sanh (Tất cả những phi nhơn này có nhiều dị bản giải thích khác nhau; và tên gọi quý, thần hoặc dạ-xoa – có khá nhiều sai khác).

⁽²⁾ Các loài rồng, cách giải thích cũng tương tự trên.

kỳ tỏa ngát giữa không gian! Chưa thôi, giữa dòng âm thanh như những làn sóng thanh khí, mềm mại, uyển chuyển, dịu dàng như nâng bổng tâm hồn lên cao, lên cao mãi, như hòa nhập với mây xanh là lời ca phiêu diểu, phiêu bổng bằng ngôn ngữ của cõi trời - không phải ai cũng nghe được, cũng hiểu được...

Đức Phật mỉm nụ hoa sen - lắng nghe thử mấy ông trời nhạc sĩ này ca tấu cái gì...

Họ ca rằng:

“- Ôi! diễm tuyệt làm sao!

Huyền nhiệm xiết bao!

Như vàng mây trắng

Kết thành đài hoa

Người hiện xuống giữa trần gian

Sạch trong, vô nhiễm!

Như hạo khí nghiêng chao đỉnh Sineru

Nghiêng chao thiên vương bốn cõi

Người bước ra khỏi Marā

Bước ra khỏi vô minh tối ám!

Như một mặt trời

Như một vàng trắng

Hợp hôn giờ hoàng đạo

Giáo pháp bất tử của **Người**

Ban phát bởi từ tâm và trí tuệ

Lùng lũng giữa vô cùng

Lùng lũng giữa thế gian

Lùng lũng không thời gian

Chưa bao giờ lặn tắt!”

Đến ngang đây thì âm ba, cung bậc thay đổi đột ngột, như réo rắt hơn, dịu dặt hơn, tình tứ hơn:

“- Ôi! người ôi!

Có thấy chăng,

Như chiếc cầu vòng lung linh bảy sắc

Vút qua giữa nghìn trùng hư vô
Vút qua giữa bít bùng khổ đau, sự chết
Để đón em-bất-diệt-vô-sanh
Để đón tình yêu Nibbāna tinh khôi, vĩnh cửu!
Chàng càn-thát-bà hát ca
Nàng dạ-xoa khiêu vũ
Từ cung điện miền Đông dập dờn xiêm lụa
Đến bảo tháp non Tây yêu kiều tiên nữ
Và cả Bắc, Nam thánh thót cung đàn
Ôi trái tim, nhịp đập miên man
Trào cảm xúc hương mạn-thù thơm ngát
Viu bắt hạt sương
Như đôi mắt em long lanh, tinh anh, trong suốt
Viu bắt niềm vui
Như mùa xuân em - tươi rạng nụ cười
Và nắng ấm sát-na tâm
Lấp lánh tiếng lời
Cho từng hạt bụi đời
Thành giọt bảo châu trong vắt!”
Đến đây thì ca từ, âm tiết có vẻ chậm rãi, yên bình và thanh thản:

“- Ôi!

Trần gian có nghe chẵng,
Ngàn lá, ngàn hoa nẩy hương, nẩy ngọc
Và gió và mây hòa chan, náo nức
Biển thẳm, non sâu phơi phới, hỷ hoan
Giáo hội đức Tôn Sư mở sáng con đường
Vô lượng a-tăng-kỳ cung nghinh, chiêm bái
Hãy lắng nghe ca từ
Chim Ca-lăng-tần-già líu lo, mê mải
Tán thán **Người** - nhân cách thiên thu!
Tán thán **Người** - mở xiềng xích ngục tù
Cho vô lượng chúng sanh

Duyên lành siêu thoát

Cho trời và người thanh bình, an lạc!”

Khúc hợp xướng chấm dứt, cả bốn hội chúng đồng reo hò rung chuyển cả không gian.

Đức Phật nói:

- Đây, Trì quốc thiên vương! Người và hội chúng càn-thát-bà của người ca tụng, tán thán Như Lai – mà sao ở đây có lẫn lộn một khúc tình ca như thế?

- Chúng đệ tử chỉ biết cúng dường bằng ngôn ngữ và âm thanh – Trì quốc thiên vương đáp - Và đây là tâm lòng của chúng đệ tử - bạch đức Thế Tôn!

- Nó hay đấy! Đức Phật mỉm cười – Như Lai mong rằng, các người “hộ trì chánh pháp” cũng hay như thế!

Tứ đại thiên vương đồng khấu đầu phát nguyện:

- Tất cả chúng đệ tử sẽ đồng tâm hộ trì Tam Bảo và hộ trì quốc độ! Tuy nhiên, bạch đức Thế Tôn! Trong hội chúng do chúng con cai quản vẫn còn rất nhiều dạ-xoa nhiều thần lực và ít thần lực; chúng không tin tưởng Tam Bảo, vẫn đang còn sống với ác giới, bất chánh, tà tâm... Chuyện đã xảy ra, đang xảy ra, nơi này và nơi kia – chúng hủy báng Tam Bảo, phá rối sự tu tập của tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di... Vậy, trong bốn chúng, khi đang an cư tu tập ở bất cứ đâu, đâu trong rừng sâu, động vắng, nghĩa địa, miếu hoang, giữa xóm làng... nếu cảm thấy bất an, sợ hãi, cảm giác sợ phi nhân quấy phá thì xin đức Thế Tôn cho phép họ đọc to lên, đọc tụng lớn tiếng tên của những dạ-xoa, đại dạ-xoa, quân sư, đại quân sư có nhiều oai lực, có nhiều thần lực sau đây, thì tức khắc sẽ được an ổn. Đó là: “ Inḍa, soma, vā varuṇa, Bhāradvaja, Pajāpati, Candana, Kāmasetha, Khinnughandu, Nighandu, Panāda vā

Opamanna.”⁽¹⁾

Đức Phật chấp thuận. Họ vô cùng hoan hỷ, đánh lễ ngài rồi biến mất giữa không gian.

Một tháng an cư diễn ra bình thường. Đức Phật thuyết rất nhiều thời pháp ở đây và cũng rất nhiều thời pháp ở núi Linh Thứu. Đặc biệt, đức Phật thuyết một thời pháp nói về trị quốc, an dân; phải cải cách chính sách cho dân giàu nước mạnh, muôn người an vui, hạnh phúc - tại triều đình đức vua Seniya Bimbisāra, gồm mười điểm nổi bật sau đây:

Thứ nhất là rà soát lại các tội tử hình, tội chung thân khổ sai, giảm miễn các hình phạt quá đau đớn về thân thể. Các hình thức như lóc thịt, năm ngựa phanh thây, chặt đầu ba khúc, chặt chân, chặt tay... đều phải bị bãi bỏ; chỉ gia trọng tội hình bằng cách tăng gia sản xuất, làm việc tại các xưởng công nghệ; và do thành quả lao động, các năm tù tội sẽ được giảm khinh.

Thứ hai là các ông chủ ngân hàng giảm bớt tiền cho vay quá nặng lãi; các ông chủ nghiệp đoàn, chủ các công nghệ, công xưởng phải trả đồng lương cho thầy thợ tương ứng khả năng và sức lao động để cho họ đủ ăn đủ mặc.

Thứ ba là tôn kính, cúng dường các sa-môn, đạo sĩ; giữ gìn truyền thống văn hóa, các phong tục, mỹ tục, các lễ tiết, lễ hội, cúng tế tổ tiên và mùa màng!

Thứ tư, người cày phải có ruộng, giảm thuế nông nghiệp, cung cấp phân, giống và hướng dẫn kỹ thuật canh tác. Khuyến khích các ngành nghề thủ công. Giảm bớt thuế má lâm sản, khoáng sản và hải sản.

Thứ năm là cấm ngược đãi, áp bức nữ giới; đối xử tốt

⁽¹⁾ Xem thêm Trường bộ kinh II, kinh Ātanatiya.. Ở đây chỉ trích một ít – là dấu hiệu sớm nhất của Mật tông sau này!

Tham khảo: Kinh Đại hội, Trường A-hàm, Tuệ Sỹ dịch và chú, NXB Phương Đông, năm 2008 – có dấu ấn Mật tông rất rõ – do Hán tạng phiên âm chữ không dịch nghĩa. Kinh tương đương của Nikāya thì rất mờ nhạt về Mật tông.

với gia nhân, người làm công, giới chiên-đà-la.

Thứ sáu là khuyến khích sự học cho con em, cấm bóc lột sức lao động trẻ em.

Thứ bảy là lập các trại chẩn bần, cứu tế, mở bệnh xá - chữa bệnh và cấp phát thuốc men cho dân.

Thứ tám, mở thêm các hí trường lộ thiên, các nhà nghỉ cộng cộng, cơ sở vệ sinh; làm thêm các công viên, vườn hoa, trồng thêm cây xanh.

Thứ chín, nạo vét kênh mương, đào thêm giếng nước ở các trấn thành cũng như ở xóm làng.

Thứ mười, cấm buôn bán người làm nô lệ. Cấm giết súc vật để cúng tế.

Do chính sách cải cách tiến bộ, vì dân và cho dân thật sự - được giáo hóa bởi đức Phật nên uy tín của giáo hội ăn sâu vào quần chúng. Các giáo phái khác ở đây vẫn được đức vua tôn trọng, đối xử công bằng – nhưng họ cũng bị co cụm dần trước sự phát triển lớn mạnh của giáo pháp chơn chánh đầy lẽ phải và tình thương giữa cuộc đời và trong lòng người.

Chuyện Tình Của Chàng Nhạc Sĩ Càn-Thát-Bà

Sớm hôm kia, không thông báo với ai, đức Phật ôm bát đi khất thực một mình. Sau khi thấy vật thực vừa đủ dùng, ngài ra phía ngoại ô, đi mãi về hướng đông thành Vương Xá (Rājagaha). Tại làng Ambasaṇḍā, trên núi VEDIYAKA đức Phật ngồi dưới gốc cây độ ngọc. Vì trời mưa lất phất và gió lạnh, ngài tìm vào hang động Indasāla để nghỉ trưa, sau đó, trú sâu vào đại định – là nơi tĩnh cư của bậc thánh. Đức Phật thấy có sự hữu duyên để hóa độ một chúng sanh lớn nên ngài tìm đến đây.

Trời Sakka vừa được Tứ đại Thiên vương lên châu kể lại là vừa xuống Veluvana để thăm viếng đức Phật, sau đó tấu nhạc ca, rải hoa hương tán thán ngài như thế nào.

Trời Sakka mấy lúc này cơ thể rịn mồ hôi, mệt mỏi, rã rời dường như không còn hơi sức, màu sắc thiên bào và những tràng hoa mau phai nhạt, cảm giác chán nản ngũ dục - biết đây là dấu hiệu sắp từ già cõi trời – nên muốn xuống hầu Phật để nghe ngài giáo giới. Giấu chuyện buồn của mình, trời Sakka cười vui rồi nói:

- Các vị đã phồng tay trên của ta! Ta cũng đang muốn xuống đánh lễ, tán thán ngài, sau đó sẽ hỏi ngài vài câu hỏi

quan trọng về sự sinh tử, về sự vui khổ của đời người. Một bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian là khó lắm, chư vị biết không?

- Vâng! Hy hữu lắm! Vậy thì thiên chủ cứ đi, thưa thiên chủ!

- Ủ, ta sẽ đi! Vậy thì ta cùng với chúng chư thiên mang theo vị nhạc sĩ trưởng của thiên đình, có được không?

- Được lắm! Quý hóa lắm!

Sau khi Tứ đại Thiên vương đi rồi, trời Sakka cho triệu tập chúng thiên nam, thiên nữ 33 tòa cung điện, nói lý do cuộc thăm viếng này. Ai cũng hoan hỷ chuẩn bị sắc phục, mũ miện, trang điểm châu ngọc sáng ngời, phướn lọng rực rỡ, hoa hương thơm ngát...

Đế Thích cho gọi viên nhạc trưởng phụ trách ban ca vũ nhạc thiên đình là Pañcasikhā đến... Pañcasikhā là ai?

Cả thiên đình, hầu như ai cũng cảm thương chuyện tình của chàng nhạc sĩ tài hoa này. Các bậc có thắng trí kể lại rằng, thời Phật Kassapa, chàng là một trẻ chăn bò lêu lổng, ham chơi, ca hát líu lo suốt ngày như trẻ nít. Lớn lên, cái tính ham chơi, lêu lổng vẫn y như cũ, không chịu làm người lớn. Được cái là chàng kính tin Tam Bảo, luôn luôn tìm cách phục vụ đức Phật và chư tăng. Nghiệp ấy, mệnh chung, chàng hóa sanh làm con của càn-thát-bà nhạc sĩ trưởng của thiên đình. Vì không thích làm người lớn, tính khí, thói quen sao thì nghiệp tạo như vậy - nên hình vóc chàng như chú tiên đồng mũm mĩm, da dẻ hồng hào, với 5 chỏm tóc trên đầu, ai cũng gọi là Pañca-sikhā, lâu trở thành tên⁽¹⁾. Do mầm giống cầm ca, nối nghiệp cha, Pañcasikhā phụ trách ban vũ nhạc kịch của cung đình. Nghệ sĩ là giống đa tình, chàng yêu si mê cô tiên nữ Suriya Vaccasā con của tiên ông Timbaru; nhưng trái ngang thay, cô tiên này không yêu chàng - cậu

⁽¹⁾ Pañca là số năm, sikhā là chòm, là chỏm.

tiên càn-thát-bà⁽¹⁾ con nít trông như trái đào có năm chỏm tóc ấy – mà lại yêu thương Sikhaddhi, là con trai của Mātali, người đánh xe thân cận của Sakka!

Đế Thích nói với viên nhạc sĩ trưởng:

- Này, Pañcasikhā! Con có chuẩn bị sẵn được một bản nhạc, một ca từ nào tối thượng để dâng tặng bậc Chánh Đẳng Giác không?

- Dạ thưa, có ạ! Một khúc nhạc ca tuyệt vời!

Pañcasikhā nghĩ là tuyệt vời – vì thất tình, chàng nhạc sĩ đã sáng tác một ca khúc, như tiếng nhạc lòng chưa thổ lộ với ai, chưa tấu cho ai nghe! Hôm nay, chàng muốn dâng lên đức Thế Tôn nhạc khúc với ca từ vi diệu ấy, như được chắt ra từ máu của trái tim chàng! Và đây chính là biểu lộ sự kính trọng tối thượng của chàng với đức Thế Tôn!

- Thế là tốt! Này Pañcasikhā! Ta nhờ người một việc có được không?

- Xin thiên chủ cứ nói!

- Đến viếng thăm đức Thế Tôn có vẻ đường đột như thế này ta rất ngại. Các đức Chánh Đẳng Giác thường thích chỗ an cư tĩnh lặng. Vậy thì làm thế nào, khúc nhạc ca của người, khi lọt vào tai đức Thế Tôn mà không quấy nhiễu ngài, lại còn như bước thăm dò, để rồi sau đó, ta được ngài cho tiếp kiến, được chãng?

- Dễ dàng thôi, thưa thiên chủ! Pañcasikhā tự tin đáp - Lời ca tiếng nhạc của con thì tảng đá cũng phải nghiêng tai, gió bão đi qua cũng phải ngưng lại; và những đám mây lang thang giang hồ kia cũng phải dừng chân giây lát để thảng thốt mà lắng nghe! Thiên chủ cứ yên chí đi! Đức Thế Tôn sẽ tiếp ngài bởi lời ca, tiếng hát và khúc nhạc cảm vi diệu của con!

(1) Tuy vẫn ở cõi tiên nhưng thân phận thấp kém, phải hầu hạ chư thiên, ví dụ biểu diễn ca vũ nhạc kịch... cho các vị vua trời và thiên chúng xem.

- Ủ, vậy thì như thế này, Pañcasikhā! Hiện giờ đức Thế Tôn đang ở tại làng Ambasaṇḍā, núi VEDIYAKA, trong hang động Indasāla – phía Đông thành Rājagaha. Khi xuống dưới đó, ta và hội chúng chư thiên sẽ ngự giữa làng, xung quanh núi; còn người thì tìm đến chỗ phải lẽ, không gần quá, không xa quá, chỉ vừa đủ cho tiếng nhạc du dương của nhà người lọt vào tai ngài mà không làm phiền rộn ngài, được chăng?

Chú tiên đồng năm chỏm tóc tuôn mệnh. Thế là từng đám mây... từng đám mây đủ màu, sáng rực, chói ngời giữa không gian, trong đêm, thoáng chốc đã bay đến nơi dự định. Họ ngự lác đác giữa làng và xung quanh núi VEDIYAKA.

Lúc ấy, đêm chưa khuya. Dân chúng quanh vùng hốt hải, ngạc nhiên vùng thức dậy. Họ ào ào ra sân, ra vườn:

- Núi VEDIYAKA có lẽ bị cháy?
- Núi VEDIYAKA có lửa sáng rực?
- Bên trên ngôi làng Ambasaṇḍā cũng thế!

Có bậc thức giả nhiều kiến văn, chăm chú nhìn hiện tượng lạ, nói rằng:

- Không phải đâu, chư vị! Giữa hư không thế kia thì đâu có cỏ, có rác, có cây khô... mà lửa cháy!

- Đúng rồi! Vậy thì cái gì mà sáng rực vậy?
- Có lẽ đây là ánh sáng của chư thiên ở cõi trời!
- Thế à? Họ hiện xuống đây làm gì?

- À, xem nào? Một người nói - Ở núi VEDIYAKA chắc hẳn có bậc đại thánh nhân nào ngự cư ở đây rồi chăng? Đây là hiện tượng chư thiên xuống châu!

- Phải rồi! Nghe nói hồi trưa nay, có đại sa-môn Gotama đi sâu vào trong đó!

- Đích thị rồi!

- Vậy thì sớm mai, chúng ta hãy vào đánh lễ, cúng dường ngài cho có phước! Là vị đại A-la-hán đấy!

Trong lúc ấy, Pañcasikhā cầm cây đàn Beḷuva, cản trở

tìm chỗ vừa tầm, đứng không gằn, không xa hang núi Indasāla. Lựa tìm một chỗ ngồi, lắng nghe hướng gió, chàng dạo đầu một khúc nhạc như âm thanh tự nhiên giữa đất trời: Đây là tiếng lá reo qua cành trúc, là tiếng suối chảy giữa khe sâu, là tiếng muôn chim hợp tấu giữa rừng xuân! Chàng nhạc sĩ nghĩ thầm: “Ta không dám đánh lừa lỗ tai của đức Đại Giác – nhưng ta phải lấy âm thanh tự nhiên ấy, chuyển mạch, chuyển tiết tấu để đi vào khúc đàn lòng của ta mới không đột ngột!” Pañcasikhā bèn nghĩ tiếp rằng: “VẬY CŨNG CHƯA ĐỦ, CHƯA XỨNG VỚI DANH TÀI CỦA TA! BỌN CÀN-THÁT-BÀ NHẠC SĨ “tĩnh lễ”, thuộc hạ của Trì Quốc thiên vương kia, khi tấu nhạc, nhạc còn tỏa mùi hương của lá, của hoa... thì ta cũng cho vào nhạc những hương liệu của cõi trời mà nhân gian này không có được!” Thế rồi, khúc nhạc quyện lẫn với ca từ vi diệu, quyện lẫn với những mùi hương lạ lùng - đã được tấu lên, được hát lên... tha thiết... mê ly... say đắm làm xao xuyên cả trời đất, cỏ cây.

Đức Phật lúc ấy đã xuất định. Ngài biết mọi chuyện. Ngài biết rõ khúc nhạc tình si mê của Pañcasikhā, cả nhân và quả của nó, cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Đức Phật mỉm nụ cười trong tâm, ngài lắng nghe từ đầu.

“- Ôi! Suriya Vaccasā!

Ta đánh lễ Timbaru

Bậc thân phụ của nàng

Đã sanh nàng thiên nữ

Nguồn hạnh phúc của ta

Như gió cho kẻ mệt

Như nước cho kẻ khát

Nàng là tình của ta

Như Pháp với đức Phật

Như thuốc cho người bệnh

Thức ăn cho kẻ đói

Thiên nữ với nước mát

Hãy dập tắt lửa tình!
Như voi bị nắng thiêu
Tắm mình hồ nước ngọt
Có cánh sen, nhụy sen
Cũng vậy, ta muốn chìm,
Chìm sâu vào ngực nàng
Như voi bị xiềng xích
Hát móc câu, gậy nhọn
Ta điên vì ngực nàng
Hành động ta rối loạn
Tâm ta bị nàng trói
Tháo gỡ thật vô phương
Rút lui cũng bất lực
Như cá đã mắc câu
Hiền nữ hãy ôm ta
Trong cánh tay của nàng!
Hãy ôm ta, nhìn ta
Trong ánh mắt dịu hiền
Hãy ghì chặt lấy ta!
Thiên nữ, ta van nàng!
Ôi! Hiền nữ suối tóc!
Ái dục ta có bao,
Nhưng nay đã tãng bội!
Như đồ chúng đức Phật,
Mọi công đức ta làm
Xin dâng lên đức Phật!
Ôi! Kiêu nữ toàn thiện,
Nàng là quả cho ta
Công đức khác của ta
Đã làm trên đời này
Ôi! Kiêu nữ toàn thiện,
Nàng là quả của ta
Vị Thích tử thiên tu

Nhất tâm và giác tỉnh
Tầm cầu đạo bất tử
Cũng vậy, ta cầu nàng!
Nhu người tu sung sướng
Chúng bồ-đề tôi thương
Kiều nữ, ta sung sướng
Được nhập một với nàng!
Nếu thiên chủ Sakka
Cho ta một ước nguyện
Ta ước nguyện được nàng
Vì ta quá yêu nàng
Nhu ta-la sanh quả
Tuệ nữ, phụ thân nàng
Ta sẽ đánh lễ ngài
Vì sanh nàng toàn vẹn!”⁽¹⁾

Khúc nhạc tình si chấm dứt mà nước mây núi rừng Vedyaka còn bồi hồi, xao xuyến. Cả không gian chột lẳng lại như còn chìm sâu trong âm hưởng mộng寐.

Đức Phật cất giọng phạm âm, nghe rõ mồn một trong tai hội chúng chư thiên, nhất là với chàng nhạc sĩ:

- Này Pañcasikhā! Âm thanh những sợi dây đàn của người hòa điệu tuyệt vời với ca từ, với giọng hát của người, và ngược lại. Cầm đàn không thêm sắc màu gượng ép cho ca từ mà ca từ cũng không phô trương, cường điệu so với cầm đàn. Đúng là nhạc sĩ trưởng tài hoa của thiên đình - Tiếng của đức Phật chột như đi xuyên vào tâm não của chàng nhạc sĩ hơn - Nhưng mà này Pañcasikhā! Người sáng tác khúc ca ấy lúc nào, duyên cớ bởi sao mà người dám ví nàng ấy và người - giống như Pháp với Như Lai? Người tầm cầu nàng lại đem so như hành giả tầm cầu đạo bất tử? Người sung sướng nhập một với nàng lại xem như Thích tử chúng bồ-đề

⁽¹⁾ Xem Đề Thích sở vấn, Trường bộ kinh 2, trang 150 – 153.

tôi thượng?⁽¹⁾

Pañcasikhā cất giọng sâu não:

- Đúng vậy! Đức Thế Tôn la rầy con là đúng lắm! Con sáng tác khúc ca ấy vào thuở ngài thành đạo dưới cội Bồ-đề, nghĩa là vừa mới đây thôi. Biết sao hơn, đối với con, nàng là tôi thượng. Ca từ và nhạc điệu vừa rồi là tiếng lòng vi diệu nhất của con. Vậy sự so sánh, ví von ấy, đối với con, bây giờ đây - là chân thật nhất, là tôi thượng nhất, bạch đức Thế Tôn!

Rồi, anh chàng nhạc sĩ cả gan kể lại chuyện tình của mình cho đức Phật nghe!

⁽¹⁾ Nhận thấy đây là câu chuyện thú vị, độc nhất, hy hữu trong Tam Tạng – nên tác giả xin cung cấp thêm một dị bản - Trường A-hàm, do Tuệ Sỹ dịch và chú. Kinh văn đoạn này như sau: “Rồi ông (Pañcasikhā – Ban-giá-dục) cầm đàn lưu ly đến trước Phật. Cách Phật không xa, ông tấu đàn lưu ly, và hát lên bài kệ rằng: Bạt-đà ơi! Kính lễ phụ thân nàng. Sinh ra nàng cát tường. Mà tâm ta rất thương yêu. Vốn do nhân duyên nhỏ. Dục tâm sinh trong đó. Càng ngày càng lớn thêm. Như cúng dường La-hán. Thích tử chuyên bốn thiền. Thường ưa chốn thanh vắng. Chính ý cầu cam lồ. Tâm niệm ta cũng vậy. Đức Năng Nhân phát đạo tâm. Tất muốn thành Chánh Giác. Như tôi nay cũng vậy. Ước ao hội họp với người con gái ấy. Tâm tôi đã đắm đuối. Yêu thương không dứt được. Muốn bỏ, không thể bỏ. Như voi bị móc câu kèm chế. Như nóng bức mà gặp gió mát. Như khát mà gặp con suối lạnh. Như người nhập Niết-bàn. Như nước rưới tắt lửa. Như bệnh gặp lương y. Đói, gặp thức ăn ngon. No đủ, khoái lạc sinh. Như La-hán an trú pháp. Như voi bị câu móc kèm chặt. Mà vẫn chưa khứng phục. Bươn chạy, khó chế ngự. Buông lung chẳng chịu dừng. Cũng như ao trong mát. Mặt nước phủ đầy hoa. Voi mệt, nóng, vào tắm. Toàn thân cảm mát rượi. Những gì trước, sau, tôi bỏ thí. Cúng dường các La-hán. Và phước báu tôi có trong đời. Thấy mong được cùng nàng. Nàng chết, tôi cùng chết. Không nàng, sống làm gì? Chẳng thà tôi chết đi. Còn hơn sống không nàng. Chúa tể trời Đao-ly. Thích chúa, nay cho tôi ước nguyện. Tôi đã ca ngợi người đủ lễ tiết. Xin người suy xét kỹ.” Khi ấy, Thế Tôn xuất khỏi tam-muội, nói với Ban-giá-dục rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Ban-giá-dục! Người đã có thể bằng âm thanh thanh tịnh hòa với đàn lưu ly mà tán thán Như Lai. Tiếng của đàn và giọng của người không dài, không ngắn, buồn và thương uyển chuyển làm rung động lòng người. Khúc đàn mà người tấu hàm đủ các ý nghĩa. Nó nói đến sự trói buộc của dục, và cũng nói đến phạm hạnh, cũng nói đến sa-môn, cũng nói đến Niết-bàn!”

Đế Thích thiên chủ tự nghĩ: “Đức Phật không đuổi Pañcasikhā mà chăm chú lắng nghe, còn tỏ vẻ thông cảm với anh chàng nhạc sĩ si tình này nữa! Ta có cơ hội rồi!”

Pañcasikhā, sau đó, không quên nhiệm vụ của mình:

- Bạch đức Thế Tôn! Thiên chủ Sakka, đình thần và thuộc hạ thiên chúng mong được diện kiến, đánh lễ, vãn an sức khỏe của Người; sau đó được học hỏi về giáo pháp.

Đức Phật im lặng nhận lời. Thế rồi, khi thiên chủ Sakka và hội chúng được phép đi vào; họ dùng thần lực làm cho chiếc hang sáng và rộng thêm ra. Ai cũng đến đánh lễ đức Phật và tìm đứng nơi phải lễ.

Đức Phật nói:

-Thật là đột ngột khi thiên chủ ghé thăm Như Lai! Thật là kỳ diệu khi thiên chủ có nhiều trách nhiệm để gánh vác – mà còn có thì giờ vãn du đến hang núi này.

- Bạch đức Thế Tôn! Quả vậy, cõi trời 33 thật quá nhiều việc phải làm. Nay bị ngăn trở việc này mai bị ngăn trở việc khác nên không thể đến hầu đức Thế Tôn thường xuyên được!

Đức Phật biết tâm tư và nguyện vọng của Sakka nên bắt đầu chuyển hướng câu chuyện:

- Ủ, Như Lai biết thiên chủ có đức tin – nhưng nhiều thuộc hạ của thiên chủ chưa có đức tin.

- Quả thật vậy, bạch đức Thế Tôn! Có nhiều việc lợi ích hiện tiền, thấy rõ trước mắt nhưng con cũng chưa thuyết phục được thuộc hạ của con. Con đã từng nói với họ rằng, lúc nào một đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện thì thiên giới tăng thịnh còn A-tu-la suy giảm. Rồi con kể ví dụ cụ thể cho họ nghe. Thuở đức Thế Tôn về thăm Kapilavatthu, có Thích nữ Gopakā đã già, kính tin Tam Bảo, đầy đủ quy giới, khi thân hoại mạng chung, được sanh thiên giới, làm một vị thiên tử, là con trai của con, được thọ hưởng phú túc năm món dục lạc. Ngược lại có ba vị tỳ-khưu mà Thích nữ kia

thường hộ độ, do tu hành mà còn lơ là, còn quá ham chơi nên được sanh làm càn-thát-bà hạ đẳng, phải hầu hạ vị thiên tử kia. Xét như vậy, Tam Bảo là phước điền vô thượng, ai không có đức tin, không có quy giới, không biết bố thí, cúng dường, không lo tu tập thì thật uổng phí một đời!

Từ tâm và trí của Đế Thích được dọn sạch như vậy; và những câu hỏi của ông ta liên hệ những ác pháp, tương duyên phát sanh như thù nghịch, ác ý, tật đố, xan tham, ưa ghét... vọng tưởng, hý luận... rồi nào là hỷ, ưu, xả trên lộ trình tiến tu như thế nào - đức Phật đã cặn kẽ giảng nói từng điểm một, giải thích chu đáo cho Đế Thích nghe hiểu. Cuối buổi vấn đáp, Đế Thích thâm hái được những điều lợi ích sau đây: Thấy được tái sanh, sáng suốt chọn thai bào, sống với chánh niệm, tỉnh giác, tương lai sẽ gặt quả Bồ-đề, hết thân cõi trời sẽ hóa sanh vào sắc cứu cánh thiên (Akanitṭha) rồi Niết-bàn ở đây không trở lại trần gian nữa! Nói cách khác, Đế Thích hân hoan quá khi biết mình đã thấy pháp, đã bắt thối với Con Đường! Còn nữa, còn điều kỳ diệu nữa, ngoại trừ đức Phật, không ai thấy, là Đế Thích mạng chung rồi hóa sanh ngay tức khắc trở lại làm Đế Thích với sinh lực cuộn cuộn như được thay da đổi thịt, thay thân hoá cốt.

Hỷ lạc đầy ắp cả người, Đế Thích nói:

- Này Pañcasikhā! Người đã giúp ta quá nhiều việc; và tối thượng nhất là nhờ người mà ta được diện kiến đức Thế Tôn, được nghe những lời pháp bất tử! Để đền ơn người, thứ nhất là từ bây giờ, ta đặc phong cho người làm vua càn-thát-bà với đầy đủ mọi danh vọng và mọi danh xưng, uy nghi, hiển hách! Thứ hai, ta sẽ đóng vai thân phụ người rồi ta sẽ tìm cách cưới nàng Suriya Vaccasā làm vương hậu cho người, được chưa?

Vậy là chuyện tình si của chàng nhạc sĩ Pañcasikhā chấm dứt, từ rày về sau, ta chỉ còn được biết đến, Pañcasikhā - ông vua Càn-thát-bà cao sang mà thôi!

Vesāli Thiên Tai, Dịch Hoạ

Qua tháng thứ hai an cư, xảy ra một biến cố. Chuyện là, miền Nam sông Gaṅgā trời đổ mưa liên tục từ ngày này sang ngày khác; nhưng suốt bốn năm tháng nay, phía Bắc lại không có một giọt mưa. Thế là một thảm họa đổ xuống các tiểu bang ở đây, nhất là kinh thành Vesāli: Đất đai nứt nẻ, đồng ruộng, nương vườn khô cháy; mùa màng thất bát, lúa gạo dự trữ không đủ sức cầm hơi, rau cỏ không có mà ăn. Thế là đói khát trầm trọng (dubbhikkhan-tarakappa) xảy ra. Đó là nạn thứ nhất. Vì đói nên người chết rất nhiều, người sống không còn đủ sức mang xác ra nghĩa địa hoặc hỏa thiêu; họ chỉ việc quăng xác ra ngoài thành, mùi hôi thối tỏa khắp mọi nơi. Ác dạ-xoa lộng hành quậy phá làm khổ dân chúng. Đó là nạn thứ hai. Vì xác chết, vì hôi thối nên dịch bệnh lan tràn; nhất là bệnh đường ruột, bao tử (vì gặp cái gì ăn được là ăn), bệnh dịch tả (các nguồn nước cạn kiệt bị ô nhiễm) càng làm cho người chết nhiều thêm nữa. Đó là nạn thứ ba!

Các đức vua và hội đồng tướng lãnh các tiểu bang cộng hòa cấp tốc hội họp, đề cử một viên đại thần, tên là Mahāli - vốn là thân hữu của đức vua Seniya Bimbisāra – làm trưởng đoàn sứ giả, mang lễ phẩm trọng hậu đến Rājagaha, nhờ đức

vua giúp đỡ, trình lên đức Phật, mong ngài đến tiểu bang Licchavī, kinh thành Vesāli để cứu khổ cho muôn dân. Đức vua không dám nhận hậu tình, bảo rằng đoàn sứ giả nên đến đánh lễ đức Phật, dâng lễ phẩm và tường trình mọi sự lên ngài, hiện ngài đang an cư ở Trúc Lâm với đại chúng tỳ-khuru!

Tôn giả Mahā Moggallāna đứng một bên, sau khi nghe viên đại thần Mahāli trình bày ba thảm nạn tại Vesāli, rồi khẩn cầu đức Phật giải họa, tự nghĩ: “Trong con mắt của thế gian, đức Thế Tôn không những thuyết giáo con đường giác ngộ, giải thoát – mà bây giờ ngài còn là một bậc Đại Siêu Nhân (Mahāpurisa), có thể có khả năng điều động thiên nhiên, kêu gió gọi mưa như các bà-la-môn phù thủy! Tuy nhiên, không những đức Tôn Sư làm được, mà các vị thượng thủ A-la-hán cũng làm được. Đây chỉ là sự vận hành tâm-sinh-vật lý tương quan, tương tác lẫn nhau! Trong trường hợp này, năng lực của tâm là tăng thượng – có thể dẫn dắt, điều động các năng lực khác!”

Đức Phật đã sớm biết chuyện này, ngài nói:

- Các ông hãy về đi! Như Lai và hội chúng năm trăm tỳ-khuru sẽ đến Vesāli trong mười, mười mấy hôm nữa! Như Lai đã có duyên với hoàng tộc Licchavī và dân chúng Vesāli – thì Như Lai sẽ cố gắng trong khả năng của mình!

Lúc phái đoàn sứ giả ra về rồi, Đức Phật nói chuyện với vị đại đệ tử:

- Này Moggallāna! Ông nghĩ đúng đấy! Tuy nhiên, ba thảm nạn của Vesāli xảy ra là do ba nguyên nhân tương tác lẫn nhau: Thứ nhất là do nắng nóng khô hạn, thứ hai là do ác pháp phát sanh từ các người lãnh đạo, thứ ba là do chư thiên, thiện thần, thiện dạ-xoa bỏ đi. Bây giờ, ông hãy gọi Ānanda đến đây!

Sau khi có mặt cả hai vị, đức Phật nói:

- Ānanda có trí nhớ rất tốt, vậy phải học bài kinh uy lực

của Tam Bảo mà Như Lai sẽ đọc sau đây, nó có tên là Ratanasutta; sau khi thuộc rồi, ông hãy lựa chọn mấy trăm vị tỳ-khưu còn trẻ, trí nhớ tốt, tức tốc dạy cho họ học thuộc bài kinh ấy! Còn Moggallāna thì vào hoàng cung, gặp đức vua Seniya Bimbisāra, gợi ý là nên hỗ trợ cho Vesāli trong lúc đói kém, khoảng chừng một ngàn xe lương thực; và đức vua cũng nên cử quan đại thần và quân đội đích thân vận chuyển; chuẩn bị xong lúc nào là lên đường ngay lúc ấy; cứu đói như cứu lửa - phước báu sẽ rất lớn; và nhờ thế, tâm đức của đức vua sẽ sáng chói và lan rộng khắp cả châu Diêm-phù-đề! Cũng trình với đức vua là cho Jīvaka Komārabhacca, các trợ lý lương y, nhân viên cùng thuốc men để trị bệnh dịch tả cùng những biến chứng về bao tử, đường ruột...

Đại đức Ānanda làm trọn phận sự của mình, có năm trăm tỳ-khưu cùng học thuộc lòng. Còn đức vua Seniya Bimbisāra thì sẵn sàng hoan hỷ đáp ứng gợi ý thích đáng ấy; và còn hơn thế nữa - do mùa màng đất nước này bội thu - nên đã trợ cấp hào sảng hai ngàn xe lương thực để cứu đói. Lại còn rộng lượng cho vay thêm một ngàn tấn lương thực nữa, thời gian trả, không hạn định; lúc nào mùa màng bội thu, phú túc hăng sẽ trả sau, không lấy lãi!

Thế rồi, đức Phật, mấy chục vị trưởng lão, năm trăm tỳ-khưu và phái đoàn cứu tế rầm rộ lên đường. Bảy ngày sau, đến sông Gaṅgā, tại thị trấn Pāṭaligama, đức vua đã cho chuẩn bị sẵn năm mươi chiếc thuyền lớn để chở phái đoàn và lương thực. Đang mùa mưa nên nước cuộn cuộn tràn bờ, nhờ thuyền lớn nên xuôi dòng nhẹ nhàng; đến ngã ba sông, đoàn thuyền bỏ sông Gaṅgā, theo nhánh sông Gaṇḍak(?) tiến lên phương bắc. Hai bên bờ, đồng khô cỏ cháy trông thật tang thương. Càng đến gần Vesāli chừng nào thì thuyền đi càng chậm vì sông cạn, lại lênh bênh tử thi và rác rưởi. Mùi xú uế bốc lên nồng nặc. Ròng rã ba ngày, đoàn thuyền

khá gian lao, vất vả mới đến được bên nước – giang khẩu vào kinh thành Vesāli!

Khi đức Phật vừa đặt chân lên bờ đông nước cộng hòa Licchavī - thì một trận mưa rất lớn, tối trời tối đất – như tự công trời mở ra, xối xả đổ xuống vùng đất đại hạn như đã chờ đợi lâu từ lâu lắm!⁽¹⁾ Trận mưa lớn kéo dài nửa ngày, bao nhiêu xú uế tan mất. Nhân dân khắp nơi tràn ra đường, vui mừng hò reo, hát ca, nhảy múa... Các đức vua, hội đồng tướng lãnh, quý tộc đến sụp lạy bên chân đức Phật - nghẹn ngào tri ân, chảy nước mắt, không nói được nên lời! Đức Phật, phái đoàn và ba ngàn xe lương thực vào thành. Dân chúng quỳ lạy hai bên đường...

Tôn giả Mahā Moggallāna nhanh trí, hướng dẫn quan đại thần của đức vua Seniya Bimbisāra đến bàn tính ngay với giới cấp lãnh đạo kinh thành Vesāli, làm gấp ba việc: Phân phối lương thực, bố trí ngay chừng hai mươi địa điểm, do chiến sĩ phụ trách để cứu đói rộng rãi cho dân chúng. Nhóm chiến sĩ khác cùng với thanh niên tình nguyện rải khắp các nơi, chôn lấp hoặc thiêu đốt tất cả tử thi còn lại. Bố trí một quảng trường và những dãy nhà có mái che, có sạp nằm để phái đoàn lương y do quan trưởng ngự y Jīvaka Komārabhacca dẫn đạo - chữa bệnh cho dân! Thanh niên Saccaka thấy đức Phật như một vị cứu tinh trên trời hiện xuống cứu giúp muôn dân nên huy động cả ngàn con em quý tộc tham gia hăng hái việc này việc kia chung với phái đoàn cứu tế.

Đêm xuống, dưới ánh đuốc chập chờn, đại đức Ānanda dẫn đầu năm trăm tỳ-khuru đi quanh thành Vesāli ba vòng, tụng bài kinh Ratanasutta suốt đêm không ngủ...

⁽¹⁾ Tại nhân gian không biết, chứ lúc ấy, thiên chủ Sakka đã huy động Tứ đại thiên vương, thiên binh, thiên tướng, hội chúng rồng, hội chúng dạ-xoa cùng theo hầu đức Phật. Ác thần, ác dạ-xoa sợ hãi trốn đi nơi khác; các thiện thần, thiện dạ-xoa đồng loạt tìm về!

“- Yān’īdha bhūtāni samāgatāni
Bhummāni vā yāni’va antaḷikkhe
Sabbe’va bhūtā sumanā bhavantu
Atho’pi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ...

...

Phàm chúng thiên nhơn nào
Cư ngụ trên địa cầu
Hoặc hư không trú xứ
Đã vôn tập về đây
Phát sanh lòng hoan hỷ
Chánh tâm và thành ý
Lắng nghe lời dạy này

Tất cả chúng thiên nhơn
Hãy bi mẫn đồng tâm
Lòng từ luôn rộng mở
Năng chuyên cần gia hộ
Đối với nữ nam nào
Ngày đêm thường bố thí

Phàm những tài sản gì
Đời này hoặc đời sau
Ngọc báu hay trân châu
Có cùng khắp thiên giới
Nhưng chẳng gì sánh nổi
Đức Thiên Thệ Như Lai
Chính **Phật Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Ly dục, diệt phiền não
Pháp diệu thù bất tử

Phật Thích-ca Mâu-ni
Đắc Tịch tịnh, Vô vi
Trong Thiên, chứng ngộ Pháp
Chẳng pháp nào sánh nổi
Chính **Pháp Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Bậc Vô thượng Chánh Giác
Hằng ca ngợi Pháp Thiên
Trong sạch, không gián đoạn
Chẳng Thiên nào sánh nổi
Chính **Pháp Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Thánh bốn đôi, tám vị
Bậc thiện hằng tán dương
Đệ tử đáng Thiện Thệ
Xứng đáng được cúng dường
Bồ thí các vị ấy
Được kết quả vô lượng
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Các ngài tâm kiên cố
Ly dục sống Thánh Đạo
Khéo chơn chánh thiện hành
Lời Phật Gotama

Chúng đạt được quả vị
Thể nhập đạo Bất Tử
Hưởng tịch tịnh dễ dàng
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Ví như cột trụ đá
Khéo y tựa lòng đất
Dầu gió bão bốn phương
Chẳng thể nào lay động
Ta nói bậc Chơn Nhơn
Liễu ngộ Tứ thánh đế
Cũng tự tại, bất động
Trước Tám pháp thế gian
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Bậc Thánh Tu-đà-hoàn
Thấy rõ lý Tứ đế
Mà đức Chuyển pháp vương
Có trí tuệ thâm thâm
Đã khéo giảng, khéo dạy
Các ngài dù phóng dật
Cũng chẳng thể tái sinh
Nhiều hơn trong bảy kiếp
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Nhờ vững chắc chánh kiến
Nhờ kiên cố chánh tri
Đoạn lìa ba trói buộc
Là Thân kiến, Hoài nghi
Luôn cả Giới cấm thủ
Ra khỏi bốn đọa xứ
Không tạo sáu trọng nghiệp
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Bậc Thánh Tu-đà-hoàn
Dầu vô tâm phạm lỗi
Bằng ý, lời hay thân
Chẳng bao giờ khuất lập
Bởi vì đức tánh này
Được gọi là “**thấy Pháp**”
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Ví như cây trong rừng
Đâm chồi đầu mùa hạ
Cũng vậy, đức Thế Tôn
Thuyết giảng pháp Siêu việt
Pháp đưa đến Niết-bàn
Tối thượng, vô năng thắng
Chính **Phật Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này

Được sống chơn hạnh phúc

Đức Phật - bậc Vô thượng
Liễu thông pháp Vô thượng
Ban bố pháp Vô thượng
Chuyên đạt pháp Vô thượng
Chính **Phật Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu

Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Nghiệp cũ đã chấm dứt
Nghiệp mới không tạo nên
Nhàm chán kiếp lai sanh
Chủng tử, dục diệt tận
Ví như ngọn đèn tắt
Bậc trí chứng Niết-bàn
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu

Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Phàm chúng thiên nhơn nào
Cư ngụ trên địa cầu
Hoặc hư không trú xứ
Đã vâng tập về đây
Xin đồng tâm hoan hỷ
Thành kính đánh lễ Phật
Đã như thật xuất hiện
Mà chư thiên, loài người
Thường cúng dường, tôn trọng

Mong với hạnh lành này
Được sống chơn hạnh phúc

Phàm chúng thiên nhơn nào
Cư ngụ trên địa cầu
Hoặc hư không trú xứ
Đã vôn tập về đây
Xin đồng tâm hoan hỷ
Thành kính đánh lễ Pháp
Đã như thật xuất hiện
Mà chư thiên, loài người
Thường cúng dường, tôn trọng
Mong với hạnh lành này
Được sống chơn hạnh phúc

Phàm chúng thiên nhơn nào
Cư ngụ trên địa cầu
Hoặc hư không trú xứ
Đã vôn tập về đây
Xin đồng tâm hoan hỷ
Thành kính đánh lễ Tăng
Đã như thật xuất hiện
Mà chư thiên, loài người
Thường cúng dường, tôn trọng
Mong với hạnh lành này
Được sống chơn hạnh phúc...

Ôi! Bài kinh với âm giọng của năm trăm vị tỳ-khưu đồng cất lên suốt đêm trường, thật là trầm hùng khôn tả. Cả không gian rung rinh, chao đảo. Cả đất trời Vesāli như chìm ngập giữa biển âm thanh thăm sâu, cao diệu... Chư thiên vôn tập đây đặc cả không gian, thành kính lắng nghe kinh rồi cất lên lời đại nguyện hộ trì Tam Bảo và hộ trì quốc độ - nếu các đức vua và hội đồng tướng lãnh sống theo chánh pháp.

Ngày hôm sau, rất nhiều người không hiểu chư tăng đọc

mật chú gì mà có uy lực kinh khiếp như vậy? Nó làm cho toàn bộ nhân dân kinh thành phải kính cẩn lắng nghe - tất cả lo âu, sợ hãi đều tiêu tan - không những trong lòng người mà cả không gian xung quanh cũng cảm giác cả một bầu khí thanh bình và an lạc!

Các vị trưởng lão và các vị A-la-hán có trí, phải giải thích:

- Chẳng phải là huyền chú, mật chú gì đâu - đây là bài kinh nói lên uy lực của Tam Bảo. Uy lực ấy lại còn được hội tụ bởi uy lực của năm trăm vị tỳ khưu đọc tụng - tạo thành năng lực của tầng thượng tâm, có thể tác động toàn bộ nội tâm và ngoại giới (tâm-sinh-vật lý) đem đến sự bình yên và mát mẻ cho quốc độ này.

Công việc cứu đói, trị bệnh và vệ sinh tẩy uế các nơi kéo dài hơn cả tuần lễ, đâu đó hoàn mãn. Trong thời gian ấy, khi chư tăng về nghỉ ở Mahāvana thì đức Phật thuyết pháp liên tục tại triều đình - hội chúng gồm các đức vua, tướng lãnh, quý tộc, các quan đại thần, trí thức, nhân sĩ, phú hộ, thương gia... tại đất: Cộng hòa Licchavī, thủ đô là Vesāli; cộng hòa Videha, thủ đô là Mithilā; năm sáu bộ tộc nhỏ liên minh thành liên bang Vajjī... Đức Phật nhấn mạnh về trị quốc an dân, lực lượng võ bị tuy cần thiết nhưng vẫn là thứ yếu; sự thương yêu, đoàn kết để sống trong thiện pháp mới là yếu tố quyết định. Đức Phật triển khai một số thời pháp liên hệ đến chư thiên, phi nhơn ở trong thế giới xung quanh - phải sống làm sao để họ cùng hoan hỷ!

Thấm đẫm về hương vị của chánh pháp và thấy rõ oai lực của đức Phật, của hội chúng giáo đoàn - đã giải tan tức khắc ba thảm nạn; họ xin quy giáo rất nhiều và hứa cải cách việc bầu cử chọn lựa các đức vua đức độ, các quý tộc võ tướng hiền tài điều hành và lãnh đạo các nơi... Mấy ngày sau, hội đồng đại biểu nhân dân được triệu tập bằng ba hồi trống, một trong ba quốc vương được ủy nhiệm chủ tọa hội

đồng và tổ chức cuộc bầu bán bằng cách đề cử công khai. Chương trình cải cách và những biện pháp thực thi dựa theo chánh pháp được đa phần đại biểu chấp thuận. Đề cương chính sách được thảo luận đã thuyết phục được nhiều người rồi được thực hiện nghiêm túc và nhanh chóng. Vậy là ngay tại Licchavī, mười bốn ngàn võ tướng được chọn lựa để điều hành chừng hai trăm năm mươi ngàn cư dân! Đạo đức của ba quốc vương được đề cao, tán dương; hội đồng tướng lãnh được khen ngợi về khả năng và ý thức trách nhiệm cải thiện đất nước... Từ đó về sau, các nước này bắt đầu thịnh cường, yên ổn trở lại. Các quý tộc Licchavī bắt đầu sống đời giản dị, khiêm tốn – thương dân như anh em! Các vị tướng trẻ không còn hống hách, ăn chơi, ngã mạn – đôi khi họ chỉ ngủ trên nệm cỏ, với võ khí sẵn sàng bên người, có thể vùng dậy bất cứ lúc nào để chăm lo an ninh cho nhân dân!

Đức Phật ở lại Vesāli nửa tháng thì dân chúng đã hùn góp, chung tay, chung lực làm xong một công trình lớn: Ngôi Nhà Nóc Nhọn tại Mahāvana để cúng dường lên thập phương Tăng. Hội đồng tướng lãnh, nhân dân và cư sĩ hai hàng thỉnh nguyện đức “Cứu-khổ-cứu-nạn” ở lại; thế nhưng, khi thấy tình hình đã trở nên sáng sủa, tốt đẹp - đức Phật và hội chúng từ giã, trở lại Rājagaha...

“Ôi! Cuộc chuyển hóa của đức Tôn Sư thật là vĩ đại” – Các vị trưởng lão đồng khởi lên một ý nghĩ giống nhau như thế!

Sau mùa an cư, hầu hết các vị trưởng lão các nơi tìm về Trúc Lâm đánh lễ đức Phật và tường trình công việc hoằng hóa. Như vậy là giáo pháp đã được lan rộng sang một số tiểu quốc cộng hòa và các liên bang tự trị phía Bắc sông Gaṅgā – nơi nào cũng có cơ sở và có chư tăng thường trú. Riêng các tiểu quốc phía tây nam kinh thành Rājagaha như Kālāma, Kāsi, Vamsā... thì còn rất mỏng. Tôn giả Sāriputta và một số

các vị trưởng lão ở Kỳ Viên về, cho biết là ở đây có phát triển nhưng chưa được thuận lợi – do các lực lượng chống đối nổi lên công khai. Họ lại chưa có duyên tiếp cận để thu phục đức vua Pāsenadi và triều đình, có lẽ phải chờ đợi uy lực của đức Phật mà thôi.

Đức Phật phủ dụ, trấn an họ.

Do các tân tỳ-khưu các nơi khác về rất đông, con số đã lên đến trên dưới hai ngàn – nên các vị trưởng lão giáo thọ phải bận bẻ công việc. Các ông hoàng dòng họ Sākya bây giờ đã được nghe nhiều, học nhiều nên nghiêm nhiên phải phụ tá công việc với các vị trưởng lão, làm những chúng trưởng mẫu mực, uy nghi để dẫn dắt cho các hàng môn đệ đi sau.

**Chậu Nước Bắn,
Thau Nước Sạch
Và Cái Vòi Voi**

Hôm ấy, đức Phật thưa thả dẫn Rāhula đi trì bình khát thực, ngài cẩn thận dặn dò chú sa-di cách đi, cách đứng, cách ôm bát đứng bên ngoài cửa nhà người; và nên nói lời phúc chúc như thế nào đối với thí chủ.

Chỉ một đôi đường, thấy Rāhula có vẻ rất thuần thực; lúc dừng chân nơi một cội cây để nghỉ nắng, đức Phật hỏi:

- Khi đi bát như thế, tâm con đặt ở đâu?

Rāhula nói như trả bài:

- Đặt chánh niệm trước mặt, bạch đức Thế Tôn!

- Vậy là cứ nhìn trước mặt mà đi?

- Dạ thưa vâng!

Đức Phật dừng lại một chút rồi cùng bước song song với Rāhula:

- Thế lỡ có viên đá dưới chân thì sao, có thấy viên đá ấy không?

- Dạ thấy chứ!

- Vậy khi thấy viên đá dưới chân - thì không còn chánh niệm trước mặt nữa hay sao?

Thấy Rāhula có vẻ lúng túng, đức Phật mỉm cười nói:

- Con hãy chú tâm nghe cho kỹ đây: Khi định thì chánh niệm, an trú tâm một chỗ, một nơi, một đề mục; ví dụ hơi thở, ví dụ các kasina. Khi tuệ thì hằng tỉnh thức, sáng suốt trong ngoài. Khi trong định có tuệ - thì không những tâm được an trú mà còn quan sát được cả mọi duyên khởi. Khi trong tuệ có định - thì luôn tỉnh thức, sáng suốt - và không có một pháp trần nào lay động tâm vị ấy! Con có nắm được bốn trường hợp ấy không, Rāhula?

- Dạ, tuy hơi rắc rối nhưng đệ tử thuộc rồi!

- Ừ, nó rắc rối thật, lại khó hiểu nữa! Chỉ cần thuộc thôi! Nhưng câu hỏi này thì cũng không dễ dàng: Vậy khi đi bát như thế này, chúng ta nên sử dụng trường hợp nào trong bốn trường hợp ấy?

Rāhula suy nghĩ một chút:

- Dạ thưa, dùng cái “trong Tuệ có Định”!

- Ừ, đúng! Đức Phật cười vui, rồi nói - tuy nhiên, giả dụ Như Lai vẫn chú tâm trong từng bước đi, nhưng Như Lai vẫn quan sát được mọi sự xảy ra xung quanh thì sao?

- Thưa, trong trường hợp này thì có phải dùng cái “trong Định có Tuệ”?

- Khá lắm, này Rāhula! Tuy nhiên, con phải học hỏi thêm điều này nữa: Khi đi trì bình khát thực như thế này, nếu trong giai đoạn ta đang tu tập thiền quán thì phải nên sử dụng trường hợp Tuệ có Định để cho tuệ quán chiếu được tiếp diễn liên tục; nếu trong giai đoạn ta đang tu tập thiền định thì nên sử dụng Định có Tuệ để cho tâm an trú được dính khít liên tục, con có hiểu không?

Nội dung giáo pháp trong cuộc đối thoại này rất cao siêu - chỉ dành cho những sa môn lâu năm trong tu tập; nhưng với cách giảng giải cụ thể và cô đọng như thế, giảng đi giảng lại nhiều lần - đức Phật đã trang bị cho Rāhula một sở học căn bản nhất, những tinh yếu cốt lõi nhất.

Buổi trưa, đức Phật ghé khu vườn Ambalattika - có khá

nhiều tỳ-khuru tá túc ở đây - để độ thực và nghỉ trưa. Chư tăng tìm đến đánh lễ, thăm hỏi, ngồi xuống một bên... Đức Phật giáo giới sách tấn vài lời rồi ngài bảo là cần có thời gian với Rāhula.

Khi mọi người ra về hết, sa-di Rāhula nhanh nhẹn bung vào một chậu nước cho ngài rửa chân, rồi đứng hầu một bên.

Xong, nhìn chậu nước bắn, đức Phật nói:

- Nước bắn này có còn dùng được không, Rāhula?
- Thưa, chẳng dùng được nữa!
- Cũng vậy, đây là một bài học để chiêm nghiệm, để giác ngộ: Con người mà có tâm bắn cũng y như thế, chẳng dùng được nữa! Đổ đi thôi!

Nói xong, đức Phật đổ nước trong chậu, còn chừa một ít:

- Còn một chút ít nước bắn, thế nào, Rāhula - có dùng được không?

- Cũng không được, dù một ít.

- Cũng vậy, này Rāhula - đây cũng là bài học để chiêm nghiệm, để giác ngộ: Cái tâm của con người, dầu chỉ bắn một ít cũng không dùng được.

Đức Phật nhìn chú bé, dịu dàng nói tiếp:

- Cái gì làm cho tâm chúng sanh trở nên dơ bẩn, Rāhula có biết không?

- Thưa, kẻ ác hạnh, ác giới, kẻ không có 5 giới - bạch đức Thế Tôn.

- Đúng vậy - Đức Phật gật đầu - vậy trong 5 giới ấy, con thấy khó nhất là giới nào, giới nào là khó giữ nhất?

- Thưa, giới nào con cũng giữ được, riêng giới nói dối, vọng ngữ thì...

Đức Phật mỉm cười:

- Thỉnh thoảng con bị lũng, bị rách giới ấy phải không, Rāhula?

Chú sa-di đỏ mặt, lúng túng một hồi rồi bẽn lễn gật đầu.

Đức Phật lấy ngón tay trở gõ nhẹ nhẹ vào đầu chú chú

bé:

- Vậy là tâm con bắn rồi. Dẫu nói dối một ít cũng bắn rồi; cái đầu này có thấy ra điều đó không, Rāhula?

- Dạ, cái đầu của đệ tử hiểu rõ rồi ạ!

Đức Phật đổ hết nước trong chậu. Nhìn cái chậu không, đức Phật nói, có vẻ hỏi bâng quơ:

- Nhìn cái chậu không này, chẳng biết nó có dạy cho ta bài học nào nữa không đây?

- Dạ, có chứ! Rāhula mau mắn đáp - Nước bắn không dùng được - thì cái chậu đựng nước bắn ấy cũng phải cọ rửa cho sạch...

- Ủ, con lại nói đúng nữa! Vậy, đây là bài học tiếp theo: Không những chỉ nói dối, mà cái tâm đựng cái bắn ấy như biếng nhác, ngủ ngày, ham chơi, ăn nhiều...cũng phải được cọ rửa kỹ càng cho sạch sẽ mới dùng được, mới trở thành người tốt được.

- Dạ, đệ tử hiểu.

- Còn có bài học nào nữa nơi cái chậu không ấy không, Rāhula?

Thấy Rāhula nhăn trán, đức Phật gợi ý:

- Khi chỉ một người ngu, một người vô tích sự, một người mà trong óc không có gì - chỉ biết ăn cho đầy bụng, ngủ li bì xác thân, thích khoái kiếm tìm ngũ dục - ngôn ngữ bình dân xứ này chế nhạo họ là “kẻ rỗng không, người rỗng không” - này Rāhula!

- Đệ tử hiểu rồi! Một người mà không biết kiếm tìm, tích lũy một thiện pháp nào, không chịu khó học hỏi những điều hay, tốt - thì sẽ bị người đời cười chê là “kẻ rỗng không” như thế.

Đức Phật khen giỏi, giỏi - rồi ngài lật úp cái chậu lại:

- Nếu cái chậu úp lại - thì ta sẽ học được bài học gì?

- Thưa, cái chậu lật úp thì không dùng nữa, bên trong tối tăm - đấy là bài học!

- Chính xác! Đức Phật tiếp lời - khi con người mà quá xấu xa, quá dơ bẩn, quá nhiều ác giới, ác hạnh, cứng đầu, ngu si, tà kiến... thì cái tâm ấy cũng bị lật úp rồi, không dùng được nữa; không có ánh sáng trí tuệ nào có thể lọt vào đáy được; chúng sẽ sống mãi trong cõi tối tăm ấy! Vậy, con đừng làm cái chậu lật úp nhé, Rāhula?

Rāhula lạnh toát cả người, chú lấp bắp:

- Dạ... đệ tử sẽ cố gắng... cố gắng... nhiều hơn nữa...

Sau khi tịnh chỉ, vừa mở mắt, đức Phật thấy bên cạnh đã có một thau nước trong vắt và một chiếc khăn trắng. Chú bé sa-di còn đang ngồi thiền bên cạnh. Hình ảnh ấy đẹp quá, đức Phật hoan hỷ ngắm nhìn mãi. Đúng là một tiểu thiên thần.

Đợi Rāhula xả thiền, đức Phật chỉ vào thau đựng nước:

- Cái thau đồng ở đâu mà trông cao sang và quý trọng quá vậy?

- Cửa hoàng gia dâng cúng cho chư tăng, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật gật đầu rồi tầm tặc:

- Nước cũng trong quá nhỉ? Chắc có giếng nước tốt?

- Dạ, giếng có mạch đá nên trong, ngọt và mát lạnh.

Thánh y Jīvaka dâng cúng và khuyên chư tăng nên lưu tâm đến chuyện nước uống...

Đức Phật chuyển mạch câu chuyện:

- Cái thau sạch, quý - lại đựng nước trong, ngọt, mát lạnh - ai trông cũng thích mắt, cũng muốn uống, phải vậy không Rāhula?

- Dạ phải!

- Cũng vậy, khi tâm ta sạch và quý, rồi đựng bên trong những đức tính, những phẩm hạnh trong, lành, mát - thì ai cũng mến, cũng trọng; ai cũng hoan hỷ, ai cũng muốn thân cận, kể cả chư thiên và loài người.

Rāhula chăm chú lắng nghe bài học quý giá.

Đức Phật chỉ tay vào thau nước:

- Hãy quan sát thau nước, này Rāhula!

- Dạ!

- Thau nước ấy không những “trong” mà còn “lặng” nữa, có phải thế không? Tâm trí ta cũng vậy, trí trong nên ta mới sáng suốt, tâm lặng nên cái bọt mới lặn chìm tận đáy. Trí trong là tuệ, tâm lặng là định. Từ cái thau nước mà ta cũng rút ra được bài học về định tuệ đấy, Rāhula!

- Dạ, thật hay quá là hay!

- Còn nữa, Rāhula! Cũng nhờ trong và lặng ấy, ta còn soi mặt được đấy! Con hãy soi mặt thử xem!

Khi Rāhula soi mặt, đức Phật nói thoảng bên tai:

- Thấy rõ cả từng sợi tóc, lông mi, có phải thế không?

- Dạ!

- Cũng vậy, khi có định và tuệ rồi, ta có thể thường trực soi chiếu nội tâm; và có thể thấy rõ cả những lăn tăn, li ti, cái bọt phiền não. Vậy, cái xấu, cái bản nào trong tâm cũng thấy rõ được cả, phải vậy không, Rāhula?

- Quả là thế, bạch đức Thế Tôn!

Buổi chiều, lúc mát trời, đức Phật và Rāhula trở về Trúc Lâm. Trên đường đi, họ gặp một đoàn voi. Con nào con nấy to lớn, hùng dũng, với những bước đi đĩnh đạc, oai nghiêm. Chúng đi trật tự, giữ khoảng cách đều đặn, thẳng hàng, thẳng lớp, không nhìn ngược, không nhìn xiên... Trên đầu voi, từng viên nài trang bị quân phục chiến sĩ, tay cầm búa khiên voi lấp lánh sáng. Thoảng nhìn, đức Phật biết đây là đoàn binh chiến tượng đã được huấn luyện kỹ càng, có nhiệm vụ bảo vệ hoàng thành, đôi khi còn để làm chiến sĩ tiên phong xung trận.

Bước tránh vào một công viên, đức Phật hỏi Rāhula:

- Khi ra chiến trận, những chú voi chiến sĩ này - sử dụng cái gì mà chiến đấu, con có biết không?

- Thưa, có lẽ là cái vòi - vì đệ tử thấy chúng ăn mía bằng

vòi, hút nước, giỡn nước bằng vòi - mà nhổ cây, quật gốc, bẻ cành cũng bằng vòi...

- Đúng vậy! Thế nhờ cái vòi bị thương tích thì sao?

- Thưa, bị thương là hỏng, là phải vào bệnh viện thú của hoàng gia để chữa trị.

- Vậy nó phải biết bảo vệ cái vòi của mình, chính là bảo vệ mạng sống của mình, phải vậy không?

- Dạ đúng vậy!

- Này Rāhula! Khi lâm trận, những chú voi chiến sĩ của chúng ta sử dụng tất cả mọi vũ khí tự thân có được. Nó dùng vòi, dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng ngà, dùng đầu và dùng cả đuôi. Tất cả vũ khí tự thân ấy, cái nào bị thương, bị tật cũng được - nhưng cái vòi thì dùng để bị thương. Tại sao vậy? Vì ăn, vì uống, vì thở đều ở nơi cái vòi cả. Cái vòi mà “tử thương” - thì coi như con voi bị tước đoạt mạng sống. Vậy, với giá nào, con voi cũng phải bảo vệ cẩn mật cái vòi của mình.

- Vậy, hỏng vòi là hỏng tất cả!

- Đúng vậy! Khi lâm trận, con voi sẵn sàng hứng chịu hàng trăm, hàng ngàn lần tên, ngọn giáo - cho dầu cái đầu, cái đuôi, cái tai, cái lưng, cái bụng... có bị thương mà cái vòi chưa bị thương - thì con voi kia vẫn còn là một chiến sĩ còn có khả năng kiên cường và dũng mãnh được. Nhưng nếu cái vòi mà bị thương là coi như bỏ. Cũng vậy, một tỳ-khưu trong giáo pháp của Như Lai, sống giữa cuộc đời khi còn hệ lụy bởi cái ăn, cái mặc, cái ở, cái ngủ nghỉ... thì cũng phải hứng chịu hàng trăm, hàng ngàn lời chê bai, sỉ nhục, vu khống, mạ lỵ, đàm tiếu, cạnh khốe, xoi móc... lẫn ác tâm, ác ý, nhiều cạm bẫy, gai chông không lường được của thế gian. Tuy nhiên, tỳ-khưu ấy, cho dầu cái bụng có bị thương vì thiếu vật thực; cái da có bị thương vì y áo không đủ ấm; cái lưng có bị thương vì nằm đất, nằm cây; cái tai có bị thương

vì ác ngôn, sàm ngôn của kẻ thế; cái chân cái tay có bị thương vì ốm o gầy mòn; cái mặt có bị thương vì nắng mưa sương gió... nhưng mà **cái tâm chưa bị thương** là chưa sao cả. Cái gì cũng bị thương, nhưng cái tâm mà chưa bị thương thì tỳ-khuru ấy vẫn tồn tại - tồn tại đồng mãnh - trong giáo pháp của Như Lai. Còn cái tâm mà bị thương rồi - thì coi chừng, cái mạng sống phạm hạnh của vị ấy sẽ không còn nữa! Vậy, nếu con voi biết bảo trọng cái vòi của nó như thế nào, thì con cũng phải biết bảo trọng cái tâm của mình như thế ấy, này Rāhula!

Bài học này, quả thật là thấm thía tận ruột gan. Sa-di Rāhula nghĩ rằng, ai mà đã nghe rồi, một lần, thì suốt đời cũng không thể quên được câu chuyện về cái chậu nước bẩn, cái thau nước trong và cái vòi voi này!

- Ôi! Cái tâm! Rāhula lắm bầm - không thấy mây ở đâu mà cái gì, ở đâu, vui khổ gì cũng bởi mây mà ra cả!

Máu Quý Hơn Nước

Ra xuân, trời nắng dịu, đức Phật cùng với hội chúng, mấy chục vị trưởng lão và chúng trên dưới năm trăm vị tỳ-khưu - đặc biệt có cả Ānanda, Nanda, Rāhula, các tỳ-khưu gốc hoàng tộc và chiến sĩ Sākya - lại du hành lên phương Bắc, vượt sông Gaṅgā, đến Vesāli, tạm cư tại Kuṭagārasālā (Trùng các giảng đường, Nhà nhiều tầng có nóc nhọn hoặc Sảnh đường nóc nhọn), rừng Mahāvana. Ở tại đây, ngoài việc đi hóa duyên các nơi, đức Phật biết mình còn có nhiều việc phải làm.

Năm nay, khí hậu, thời tiết nước cộng hòa Licchavī rất thuận hòa, đất nước phồn thịnh, nhân dân no ấm nên việc trì bình khát thực khá dễ dàng. Các vị trưởng lão nhận được lời mời của khá nhiều người trong giới quý tộc, các gia chủ trong vùng, đặt bát tại các tư gia; và các ngài thường thuyết những bài pháp thuận thứ cũng như cho quy y khá nhiều người.

Trưởng lão Mahā Kassapa cùng năm trăm môn đệ đến đánh lễ Phật và nghe lời giáo giới. Cuối buổi pháp thoại, đức Phật ái ngại nói:

- Trông ông có vẻ phong sương quá, lại gầy ốm nữa! Việc khát thực khó khăn lắm phải không, Mahā Kassapa?

- Đệ tử sức khỏe vẫn bình thường, bạch đức Thế Tôn!

- Nghe nói ông chỉ khát thực những gia đình nghèo khổ - việc ấy có đúng không? Có thiên vị, có đánh mất tính bình đẳng không?

- Đệ tử hiểu! Nhưng vì tâm bi mẫn, đệ tử muốn giúp cho người nghèo, cho họ kiếm chút phước để nương tựa cho nhiều đời sau!

Đức Phật lại hỏi:

- Có người khổ quá, hoàn cảnh bất hạnh quá - Như Lai nghe nói ông lại nhập Diệt thọ tướng định bảy ngày, sau đó mới đi hóa duyên?

- Cũng có một số lần như thế, nhưng đôi khi cũng rải tâm từ, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật mỉm nụ hoa sen:

- Một vị thượng thủ A-la-hán, nhập định bảy ngày hoặc rải năng lượng tâm từ - ai đặt bát cho vị ấy, phước báu rất thù thắng - không chỉ là chút phước đâu, này Mahā Kassapa!

Trưởng lão Mahā Kassapa chỉ biết cúi đầu, nhẹ mỉm cười rất khiêm tốn.

Đại đức Ānanda từ đâu đó xuất hiện, trên tay cầm một tấm y mới đã nhuộm màu vàng đất, nhìn trưởng lão Mahā Kassapa, nói rằng:

- Chiếc y của pháp huynh cũ nát quá rồi, hãy cho đệ xin dâng tấm y này, vải tuy xấu nhưng lành lặn.

- Cảm ơn pháp đệ - Tôn giả từ tốn nói – nhưng tôi đã quen với vải rách, vải lượm rồi vá lại mà thôi; tấm kia nguyên vẹn quá, xin dành cho các sa-môn trẻ hoặc các vị khác cần dùng hơn.

Và dầu Ānanda năn nỉ thế nào, tôn giả cũng không nhận. Đức Phật phải góp lời:

- Thọ trì mười ba pháp đầu-đà bậc thượng, Mahā Kassapa không thọ dụng y mới đâu, Ānanda!

Hôm kia, từ nước Mallā, trưởng lão Kāḷudāyi đến

Mahāvana báo tin với đức Phật là đức vua Suddhodana lâm bệnh nặng, có lẽ không qua khỏi vì người tuổi đã gần trăm, muốn gặp ngài lần cuối cùng.

Thế là tức khắc ngày hôm sau, đức Phật và đại chúng lên đường. Và cứ hễ chùng hai, ba do-tuần là phái đoàn được bổ sung thêm các vị trưởng lão và một số tỳ-khuru ở nơi xa đến. Họ đều là những vị A-la-hán lậu hoặc đã tận, có thần thông - biết chuyển đi này là chuyển đi báo hiệu của đức Phật – nên họ tự động tìm tới. Vậy là khi đến Mallā, hội chúng đã có trên ngàn vị.

Trưa hôm ấy, khi dừng chân tại một ngôi rừng ven đường, sử dụng thần thông, đức Phật biết có chuyện trọng đại xảy ra tại biên địa hai nước Sākya và Koliya. Đó là dòng sông Rohini, vào khoảng tháng ba, tháng tư mực nước bắt đầu khô cạn; năm nay trời lại hạn hán hơn nên tình trạng ruộng đồng, hoa màu hai bên bờ sông nguy cơ không cứu vãn nổi. Trước đây, nhân dân vùng này đã cho ngăn một con đập, từ đó, họ kéo nước đổ vào ruộng đồng hai bên. Tuy nhiên, vì muốn cứu lúa, cứu hoa màu mà nhân dân hai bên xảy ra tranh chấp nguồn nước. Ban đầu là lời qua tiếng lại, mạ lỵ, phỉ báng nhau, sau đó, với giáo mác – hai bên quyết liệt sẵn sàng đổ máu để chiếm nguồn nước. Nguy hiểm hơn, quân đội hai bên bắt đầu dàn quân, chuẩn bị vào trận để bênh vực cho nông dân nước mình...

Đúng vào lúc đó, với thời gian như viên lực sĩ co duỗi cánh tay, đức Phật xuất hiện; ngài đứng giữa hư không, ngay phía trên con đập phân ranh hai nước. Rõ ràng, ngài đang đứng giữa trận tuyến - bên nội, bên ngoại - để làm người trung gian hòa giải.

Thấy đức Phật oai nghiêm như một vị phạm thiên, hào quang sáng rực – đang đứng lừng lững giữa hư không biên địa hai nước; nông dân quăng giáo mác, quân đội quăng vũ khí, cung tên, giáp bào đồng quỳ xuống, sụp lạy: Họ biết uy

đức Phật lâu rồi...

Đức Phật nói:

- Như Lai chỉ muốn hỏi chư vị một câu thôi: Nước quý hơn máu hay máu quý hơn nước?

Mọi người cúi đầu, câu hỏi ấy không cần phải trả lời vì ai cũng hiểu cả.

- Vậy có đáng không, chư vị là hai nước anh em, cùng liên minh, đoàn kết thương yêu nhau; bây giờ vì tranh giành nguồn nước mà sinh ra đổ máu. Vậy đối với chư vị, nước quý hơn máu hay sao – những giọt máu đồng bào huynh đệ? Hãy trả lời cho Như Lai xem nào?

Uy lực của đức Phật cùng với cách nói có trọng lượng ngàn cân – đã tạo nên phép thần kỳ hy hữu: Cả hai bên thấy mình lầm lỗi, xin sám hối với đức Phật rồi đồng thuận giải hòa!

- Nay chư vị - đức Phật tiếp - hoạn nạn giúp đỡ nhau mới quý; lúc khó khăn tìm cách san sẻ, chia đặng, sốt cay mới là tâm đức của bậc đại trượng phu! Hãy nghe lời Như Lai mà tận dụng nguồn nước cả hai bên cho đồng đều; đừng đại dột tranh chấp đổ máu, sau này có hối cũng không kịp nữa đâu!

Nói thế xong, đức Phật biến mất giữa hư không, cả hai bên quỳ lạy như tế sao!

Về lại khu rừng, đức Phật lại bộ hành cùng với đại chúng như không có chuyện gì xảy ra. Tôn giả Mahā Moggallāna nói nhỏ, kể chuyện đức Phật vừa giải hòa việc tranh chấp nguồn nước sắp đi đến đổ máu của nhân dân biên địa hai nước Sākya và Koliya, tại sông Rohini - cho đại đức Ānanda nghe! Đại đức Ānanda rất thú vị, tự nghĩ: “Đức Thế Tôn luôn luôn bảo vệ sự sống, thuở xưa là con chim hạc, bây giờ là nguồn nước; và suốt trên lộ trình du hành, ngài bao giờ cũng nhắc nhở giữ gìn cây cối thảo mộc, nguồn nước, cả những bãi cỏ xanh!”

Thăm Phụ Vương Lần Cuối

Vừa đến ngoại ô Kapilavatthu, đức Phật dừng lại một lát trên ngọn đồi thấp, đưa mắt nhìn quanh. Đây là chỗ mà thuở xưa, đức vua Suddhodana thuyết phục cho ngài nghe - lúc ấy mới bảy tuổi - phải biết yêu đất nước gấm vóc, núi sông xinh tươi kỳ vĩ. Và dường như suốt sáu bảy mươi năm làm vua, Người đã làm đúng như vậy. Nhưng bây giờ, Người sắp ra đi thì dường như khí số đất nước cũng từ thịnh mà sang suy như định luật tự nhiên của vạn hóa. Những dãy núi xa xanh xanh thuở xưa kia bây giờ nhiều vùng đã vàng cháy, tiêu điều, ủ rũ! Những bình nguyên trù mật bây giờ nhiều nơi đã hoang hóa, xác xơ. Rõ ràng là do hạn hán đang đổ xuống xứ sở này nên đời sống muôn dân chắc đang chịu đựng sự khó khăn và vất vả. Tuy nhiên, đây chỉ là nguyên nhân gần; còn nguyên nhân xa – là vì những người lãnh đạo đất nước đã không đủ trí và tâm trong những chương trình cải cách. Cái lực kéo, cái sức trì trệ của bộ máy công quyền - mà ngài đã biết - chỉ có sức của vài ba người thì không thể cứu vãn nổi. Chỉ có cách duy nhất là hãy an trú dòng tộc vào quy giới để họ có chỗ nương tựa cho những đời sau.

Khi đại chúng đến nghỉ ngơi ở đại viên Nigrodhārāma thì đức Phật cùng hai vị đại đệ tử, Ānanda, Nanda và Rāhula

đi đến hoàng cung, vào thẳng tẩm cung⁽¹⁾ để thăm đức vua Suddhodana tại giường bệnh - bệnh già thối - nên Người còn rất tinh táo.

Những khuôn mặt rạng rỡ và lời chào hỏi như xoắn xít vào nhau.

- Phụ vương vẫn còn khỏe - Lời đức Phật.

- Con nhớ phụ vương quá – Nandā nói, sụt sùi rơi lệ.

-Vua nội có nhớ cháu không, cháu nhớ thương vua nội lắm - Rồi Rāhula chạy tới, ôm chầm đức vua Suddhodana mà nước mắt chảy ròng rã.

- Ôi! Con cháu của trăm ở đây đầy đủ cả rồi - Đức vua Suddhodana quàng tay ôm cháu, nói - Trăm vui mừng và mãn nguyện rồi, bây giờ ra đi sẽ nhẹ nhàng, thanh thản xiết bao!

Đại đức Ānanda đứng cạnh một bên giường, nắm tay nhà vua, sửa lại tẩm đắp, mỉm cười hỏi:

- Vua bác ơi! Có chắc là nhẹ nhàng, thanh thản không?

- Chắc! Vua cũng cười đáp.

Hai vị đại đệ tử như đồng lúc, nói:

- Chỉ còn chút xíu dính mắc nữa mà thôi!

Lát sau, lệnh bà Gotamī, công nương Yasodharā tìm đến rồi họ cùng tíu tít bên Rāhula, Nanda. Hai vị đại đệ tử đứng yên tịnh và họ thấy thiên chúng, thiện dạ-xoa rất đông. Đức Phật đến nắm hai tay đức Suddhodana rồi thuyết cho nhà vua nghe một thời pháp – đúng như hai vị đại đệ tử đã thấy - để cắt đứt những vi tế phiền não còn sót lại...

Sau thời pháp, đức Suddhodana đoạn lìa sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng tâm và vô minh - chứng đắc A-la-hán đạo, A-la-hán quả! Thiên chúng và thiện dạ-xoa cũng có rất nhiều vị đi vào dòng thánh, an trú bất động tâm...

Thế là đã làm xong những việc cần phải làm đối với

⁽¹⁾ Tức phòng ngủ.

đang sinh thành, đức Phật quan sát thọ hành, biết là còn đúng bảy ngày nữa nhà vua mới xả bỏ ngũ uẩn, ngài trở về đại viên Nigrodhārāma, chỉ để Rāhula ở lại.

Suốt hai ngày sau đó, buổi sáng nào đức Phật và chừng năm mươi vị trưởng lão cũng đi bát tại hoàng cung, ghé thăm vua cha, độ trai rồi thuyết pháp. Đặc biệt, ngài nhắm đến thành phần con cháu hoàng gia, quý tộc và con cháu đại thần, chiến sĩ, thị nữ, gia nhân... Trong thời gian này, hai vị đại đệ tử phải bận rộn nhiều việc – vì số thanh niên, trung niên thuộc dòng tộc Sākya cùng vài thành phần giai cấp khác xin xuất gia tỳ-khưu mỗi ngày mỗi đông...

Đặc biệt, hôm ấy, đức Phật tiếp chuyện bốn vị dòng dõi hoàng tộc thành Pāvā, nước Mallā đến Kapilavatthu có việc. Đây là 4 vị hoàng thân Godhika, Subāhu, Valliya, Uttiya. Trông vị nào sắc tướng cũng trung hậu và đoan chính. Họ kể rằng, mấy năm trước đã may mắn thấy được uy lực siêu phàm, vô song của đức Phật trong ngày ngài hóa độ thân quyến. Còn nữa, họ được nghe những lời pháp chơn chính mà tai họ chưa từng được nghe, chưa bao giờ lại được hoan hỷ như vậy. Còn nữa, họ còn được thấy thần thông diệu kỳ của hai vị đại đệ tử. Còn nữa, họ thấy được tăng tướng mô phạm và giới hạnh thanh tịnh của chư tỳ-khưu tăng trong giáo pháp này. Họ muốn được xuất gia từ đạo đó, nhưng mãi đến hôm nay, công việc gia đình thu xếp mới xong... Thế rồi, sau đó cả bốn vị đều được xuất gia, đức Phật bảo họ nên thu xếp về Trúc Lâm tịnh xá mà hành đạo.

**Câu Chuyện
Về Bộ Tam Y Quý Giá
Và Đức Phật Metteyya (Di Lạc) Vị Lai**

Chiều ngày thứ ba, lệnh bà Mahā Pajāpati Gotamī cùng với cung nga thể nữ theo hầu, đến đại viên Nigrodhārāma dâng lên đức Phật một bộ tam y quý giá. Câu chuyện về bộ tam y ấy có nhiều tình tiết rất hy hữu...

Trong lần đức Phật về thăm quê nhà cùng với giáo đoàn thanh tịnh, thấy uy đức của ngài, lệnh bà Gotamī phát khởi đức tin trong sạch, tự nghĩ: “Ta muốn cúng dường cái gì đó cho xứng đáng, khác thường lên đức Thế Tôn mà nghĩ hoài không ra! Một món ăn dù sơn hào hải vị, nhưng ăn xong là hết! Ngọc ngà châu báu, tràng hoa, hương liệu thì các vị samôn không thọ dụng! Sập trầm hương, nệm lông thú... cũng không được phép! Hay là tự tay ta hãy làm nên một bộ y quý trọng...”

Thế rồi, sau khi hình bóng đức Phật và giáo đoàn vừa rời khỏi Kapilavatthu, lệnh bà Gotamī cho truyền thợ kim hoàn đến hoàng cung, lấy vàng trong kho đúc bảy chậu vàng rất lớn. Xong rồi, lệnh bà chuẩn bị đất trồng. Đất này không phải là đất bình thường - có dính tạp chất và xú ối. Bao nhiêu lá thơm, rễ thơm, vỏ thơm, cành thơm, cỏ thơm, hoa thơm... lệnh bà cho ủ thành từng đống, từng đống... Mấy

tháng sau, từng đồng thơm ấy biến thành đất, lấy đất ấy bỏ vào chậu vàng làm chất liệu để ươm bông vải. Rồi chính tự tay lệnh bà săn sóc tưới tắm hằng ngày... Nước tưới bao giờ cũng hòa với sữa tươi và hương thơm. Và bón thêm phân – thì bao giờ phân ấy cũng là các chất thơm ủ đống lại mà thành. Những cây bông vải lớn lên rất nhanh. Tự tay lệnh bà lại thu hái - những trái bông vải có màu vàng óng ánh như mạ vàng mười. Sau đó, lệnh bà chỉ đạo dọn sạch, tẩy uế cả một cung phòng đẹp đẽ rồi cho thỉnh mời những thợ dệt tài hoa đến làm việc. Lệnh bà trả lương rất cao cho thầy thợ, nhưng với điều kiện là họ phải thợ tri bát quan trai giới, tắm giặt hằng ngày và áo quần phải luôn luôn tinh tươm, sạch sẽ... Ròng rã mấy tháng, ba tấm vải mới hoàn thành...

Lúc ấy, tại đại viên Nigrodhārāma, đức Phật đang thuyết pháp – có hai hàng trưởng lão ngồi xung quanh cùng với hội chúng chư tăng và cư sĩ có đến mấy nghìn người. Thời pháp vừa dứt, lệnh bà Gotamī đội mâm vàng trên có ba tấm y, đi bằng hai đầu gối từ ngoài vào, sau lưng là mấy chục cung nga, thị nữ...

- Bạch đức Thế Tôn! Đây là ba tấm y đã tự tay tôi trồng cây bông vải, tự chăm sóc tưới bón bằng hương thơm, tự tay tôi thu hái, kéo sợi, sau đó thuê thợ dệt - thợ tri bát quan giới thanh tịnh - làm việc trong một căn phòng tắm hương! Đây là cả một tấm lòng quý kính, thanh tịnh của tôi đối với đức Thế Tôn - những mong ngài thợ nhận để cho tôi có chút ít phước báu trong ngày vị lai...

Đợi cho lệnh bà tác bạch ba lần, đức Phật nói:

- Bộ tam y ấy quý báu lắm vì nó hội đủ ba yếu tố thanh tịnh: Tự tay làm và hoan hỷ trước khi ươm trồng, tự tay làm và hoan hỷ trong khi thu hái, kéo sợi, tự tay làm và hoan hỷ mang đến cúng dường! Vậy này di mẫu! Di mẫu hãy dâng bộ tam y ấy lên tăng – vì dâng cúng dường lên tăng - phước báu còn cao thượng hơn là dâng cúng đến Như Lai nữa! Di

mẫu hãy chú tâm lắng nghe, Như Lai sẽ giải thích điều ấy...

Đức Phật ra dấu cho người thị nữ nâng mâm vàng, đợi lệnh bà yên tĩnh ngồi xuống; ngài mới nói:

- Di mẫu biết không, Như Lai rồi sẽ nhập diệt; còn giáo pháp được truyền thừa mai hậu, phương này và phương khác đều là công đức của tăng. Đây là lý do chính yếu, quan trọng mà di mẫu nên cúng dường đến tăng!

Nếu di mẫu cúng dường cho Như Lai thì sự cúng dường ấy ẩn chứa tình cảm riêng tư, thiên vị, ích kỷ và hạn hẹp - được gọi chung là cá-nhân-thí - kết quả của phước báu ấy sẽ rất giới hạn vậy. Cúng dường đến tăng thì ly thoát được tình cảm riêng tư, thiên vị, ích kỷ và hạn hẹp - được gọi là tập-thể-thí - kết quả của phước báu này sẽ vô lượng, vô biên... Vì lợi ích và hạnh phúc lâu dài cho di mẫu mà Như Lai làm như vậy, chứ Như Lai cũng hiểu rõ sự dụng tâm lao khổ của di mẫu lắm chứ...

Thấy lệnh bà Gotamī đã thấy ra vấn đề - đức Phật muốn giảng rộng đề tài cho toàn thể hội chúng cùng tiếp thu.

- Nay chư tỳ-khưu và hai hàng cư sĩ áo trắng! Đức Phật cao giọng giảng - Có mười bốn loại cá-nhân-thí khác nhau, nhân khác nhau, quả khác nhau, phước báu thù thắng, vi diệu, cao thấp, nhiều ít - đều khác nhau:

Thù thắng đệ nhất là đức Chánh Đăng Giác.

Thù thắng đệ nhị là đức Phật Độc Giác.

Vi diệu, đệ tam là chư vị A-la-hán.

Vi diệu, thứ tư là những sa-môn đang nỗ lực để chứng đắc đạo quả A-la-hán.

Cao thượng, thứ năm là những sa-môn đắc quả A-na-hàm.

Cao thượng, thứ sáu là những sa-môn đang nỗ lực để chứng đắc đạo quả A-na-hàm.

Cao thượng, thứ bảy là những sa-môn đắc quả Tư-đà-hàm.

Cao thượng, thứ tám là những sa-môn đang nỗ lực để chứng đắc đạo quả Tu-đà-hàm.

Cao thượng, thứ chín là những sa-môn đắc quả Tu-đà-hoàn.

Cao thượng, thứ mười là những sa-môn đang nỗ lực để chứng đắc đạo quả Tu-đà-hoàn.

Thứ mười một, có phước báu giới hạn – là những đạo sĩ ngoại đạo đắc ngũ thông.

Thứ mười hai, phước báu ít hơn nữa – là tại gia cư sĩ có giới đức.

Thứ mười ba, phước báu càng ít hơn nữa – là người không có giới hạnh.

Thứ mười bốn, chỉ chút ít phước báu là động vật, thú vật...

Nghĩ hơi một lát, đức Phật giảng tiếp:

- Mười bốn đối tượng để cúng dường, bổ thí nêu trên - quyết định của phước báu, phần lớn là tùy thuộc tâm thanh tịnh nhiều, ít hoặc còn ác nghiệp, tham sân, phiền não của nhân, vật thọ nhận. Ví dụ, người không có giới và thú vật thì rất ít phước báu. Còn nữa, người cúng dường, bổ thí đang ở trong trạng thái tâm và trí nào? Thanh tịnh, không thanh tịnh, hỷ, không hỷ, có trí, không trí, tà kiến, không tà kiến, tự ý hay không tự ý, tùy thích, tình cảm riêng tư, tâm từ, tâm bi, tâm xả, cầu nhân quả hay không cầu nhân quả, để diệt phiền não, được phú quý, gieo duyên hay mong được năm quả báo: Sống lâu, sắc đẹp, an vui, sức khỏe, trí tuệ? Các trạng thái tâm và trí ấy cũng quyết định phần lớn đến phước quả! Ngoài ra, bổ thí cho thú vật có ân với người – cho quả khác hơn với thú vật không có ân với người! Có ân thì phước lớn hơn! Bổ thí cho thú vật hiền lành phước báu lớn hơn các loại động vật hoang dã, độc hại, hung bạo – như rắn rít, cạp beo. Với người đói khổ, nghèo nàn nhưng tâm tánh hiền lành, chất phác, quả phước chắc hẳn lớn hơn kẻ ngu si,

ác độc, hung dữ!

Này chư tỳ-khưu và hai hàng cư sĩ áo trắng! Đức Phật nói tiếp - Và sau đây là bảy loại tập-thể-thí, phước quả bao giờ cũng thù thắng hơn mười bốn cá-nhân-thí vừa rồi:

Thứ nhất, thù thắng, vĩ đại và cao thượng nhất là cúng dường đến giáo đoàn tăng đông đảo, có cả Như Lai.

Thứ hai, cúng dường đến giáo đoàn tăng đông đảo – không có Như Lai.

Thứ ba, cúng dường đến hội chúng tăng trong một ngôi chùa, một tịnh xá, một tự viện.

Thứ tư, cúng dường một chúng tỳ-khưu do tăng phân phối, chỉ định.

Thứ năm, cúng dường một số đông tỳ-khưu, tùy theo sức mình, không lựa chọn.

Thứ sáu, cúng dường bốn năm vị tỳ-khưu trở lên do tăng chỉ định.

Thứ bảy, cúng dường một vị tỳ khưu tại tư gia do tăng chỉ định.

Người cúng dường trong bảy loại tập-thể-thí ấy - sở dĩ cao thượng, thù thắng, vì họ không hề nghĩ đến mình, nhân quả của mình – mà chỉ nghĩ đến Tam Bảo, lợi ích của Tam Bảo; chỉ nghĩ đến tập thể tăng, hộ độ tăng, lợi ích cho tăng; chỉ nghĩ đến sự phát triển giáo pháp thịnh mãn trong tương lai. Cho đến nỗi, khi họ thỉnh một vị về nhà - do tăng chỉ định - vị ấy phá giới, không có giới, họ cũng không quan tâm, không phân biệt, chỉ nghĩ là cúng dường đến tăng – thì phước báu ấy được trải dài cả a-tăng-kỳ kiếp! Tại sao vậy? Vì cá nhân thì có kẻ tốt, người xấu, có giới và không giới - nhưng tăng là đại biểu cho một hội chúng thánh phàm tăng quá khứ, thánh phàm tăng hiện tại, thánh phàm tăng đương lai - hội chúng tăng ấy bao giờ cũng thanh tịnh!

Thời pháp của đức Phật như một trận mưa lành mát mẻ làm cho tất cả mọi người thấy rõ sâu cạn, xa gần, gốc ngọn,

nhân quả của sự bố thí - nhất là lệnh bà Gotamī - bà đã vô cùng hoan hỷ.

Đức Phật biết còn có chuyện nên lặng lẽ mỉm cười khi thấy lệnh bà dâng tam y đến ngài Sāriputta. Tôn giả không thọ nhận, mỉm cười nói: “Lệnh bà nên dâng cho vị khác, tôi đã có đủ ba y”. Đến lượt tôn giả Mahā Moggallāna, ngài cũng nói: “Tôi cũng đã có đủ ba y rồi”. Tôn giả Mahā Kassapa thì mỉm cười: “Tôi đã quen mặc y vải lượm, sẽ có vị khác cần hơn”. Rồi cứ thế, bộ tam y quý giá được trôi chảy qua mấy chục vị trưởng lão, lướt qua mấy trăm vị tân tỳ-khưu rồi dừng lại nơi vị tỳ-khưu vừa mới thọ giới... Lệnh bà Gotamī thấy mình tủi thân, buồn muốn khóc!

Biết tâm tư của lệnh bà, đức Phật sẵn có cái bát gần bên, ngài cầm lên tay, lâm râm chú nguyện rồi thả cái bát ra giữa quăng không, cái bát biến mất... Ngài nói:

- Ở nơi này, vị tỳ-khưu nào có thần thông lực, có đại thần thông lực, hãy đi tìm kiếm giúp cái bát ấy rồi mang về đây cho Như Lai!

Thế rồi, tôn giả Sāriputta xin phép đức Phật, vận dụng thần thông lực bay khắp tam thiên, đại thiên thế giới, trở về, thưa là không thể tìm ra! Tôn giả Mahā Moggallāna, bậc đệ nhất thần thông, sau khi tìm không ra, bay lên cõi Phạm thiên, Đâu-suất, Đạo-lợi... hỏi chúa các vị trời – cũng không thấy! Rồi lần lượt các vị khác, cũng thử vận may, và dĩ nhiên là không thể...

Đức Phật thấy cả hội chúng bất lực, ngài nói:

- Nay Ajita - vị tân tỳ-khưu bất đắc dĩ nhận bộ tam y quý báu – Ông có thể cầu may hoặc do phước của ông, đi tìm cái bát của Như Lai xem thử thế nào!

Tân tỳ-khưu Ajita rung động, tự nghĩ: “Thật là chuyện hy hữu, diệu kỳ, phi thường thay! Tất cả các ngài đều là những bậc thánh nhân vô lậu, đều là những vị đại A-la-hán, đại thần thông lực – đi tìm không ra cái bát! Còn ta là ai, ta là

gì, một kẻ phàm phu thiếu trí, vô năng, tham sân phiền não đầy đầy - đức Thế Tôn lại bảo ta hãy đi tìm bát? Cái thấy biết bất khả tư nghì của đức Tôn Sư chắc là có duyên có gì đây, vậy ta hãy nghe lệnh ngài!” Nghĩ thế xong, tâm tư Ajita phát sanh phi lạc chưa từng có, đến đánh lễ đức Phật rồi bước ra hiên, ngó lên không trung, phát lời đại nguyện: “Nếu tôi xuất gia theo giáo pháp của đức Thế Tôn – mà vì lý do kiếm tìm hỷ mãn tứ sự, tham cầu hỷ đặc danh vọng, lợi dưỡng – thì xin cho cái bát đừng trở lại tay tôi! Nhược bằng, tôi xuất gia có tâm thành tín, trong sạch, cần cầu nỗ lực tấn tu phạm hạnh, mục đích diệt trừ tham sân phiền não, chứng đắc đạo quả vô thượng, độ mình, độ người – thì xin cho cái bát hãy rơi xuống tay tôi!”

Sau lời nguyện, điều phi thường xảy ra: Không biết từ đâu đó, cái bát của đức Phật đã nằm trên tay của thanh niên tân tỳ-khuru Ajita!

Hội chúng trông thấy hiện tượng kỳ diệu, vô cùng hoan hỷ! Riêng lệnh bà Gotamī thì bao nhiêu thương thân tử phận đều tiêu tan, một ý nghĩ như ánh sáng tuệ bùng lên: “Chỉ một vị tân tỳ-khuru mà oai lực đã như thế - huống hồ là uy đức của hội chúng tăng đoàn gồm có cả đức Phật? Ô! Ta đã hiểu giá trị của tập thể thí rồi!”

Muốn để cho niềm vui của lệnh bà được hỷ mãn, đức Phật chợt tuyên bố:

- Vị tân tỳ-khuru Ajita trẻ tuổi này – mai sau sẽ là một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác oai lực vô song, có ngoại hiệu là Metteyya! Như vậy là di mẫu không những vừa cúng dường bộ tam y quý giá lên tăng – mà còn cúng dường lên một vị Phật hậu lai nữa!

Lệnh bà Gotamī sụp lạy, vô cùng tri ân; đến đây, bà mới hiểu trọn vẹn sự dụng tâm chu đáo, vô lượng bi mẫn của đức Toàn Giác đối với bà.

Lúc Nào Thì Đức Phật Metteyya Xuất Hiện

Trời đã tối mà hai hàng cư sĩ áo trắng không muốn về; chư thánh tăng thì tự tại, thản nhiên, nhưng chư phàm tăng - nhất là tân tỳ-khưu Ajita lại muốn nghe về mình nên nóng lòng cứ nhìn đức Phật, chờ đợi...

Hai vị đại đệ tử có bốn phạm xin đức Phật đi ra ngoài, một số tỳ-khưu trẻ và nam cư sĩ bước theo. Lát sau, đèn đuốc khắp nơi, trong ngoài đều quang rạng...

Đức Phật nghỉ ngơi, uống nước. Mọi người kính hành, thư giãn... Chư tăng các nơi và hai hàng cư sĩ lại tìm đến... Đức Phật lại phải tiếp tục thời pháp.

- Hiện nay – ngài nói – giáo pháp của Như Lai đang từng hồi từng bước phát triển; và còn phát triển nữa, chừng bảy nước lớn quanh lưu vực sông Gaṅgā và chừng ba mươi tiểu quốc, bộ tộc rải rác đó đây. Sau khi Như Lai nhập diệt, giáo pháp sẽ được phát triển xa rộng hơn nữa; và tuổi thọ của giáo pháp chỉ tồn tại mười ngàn năm trên thế gian này. Bắt đầu từ thời điểm ấy, ác pháp phát triển, thiện tâm của con người ngày càng lu mờ; do vậy, cứ trăm năm thì tuổi thọ con người giảm một tuổi. Với cái đà suy giảm như vậy, lúc tuổi thọ con người chỉ còn mười tuổi, thì năm sáu tuổi họ đã

lấy vợ lấy chồng – lúc này thì con người không còn biết thiện pháp là gì, nhường cho ác pháp lên ngôi chúa tể: Người ta sống với nhau chỉ biết ác độc, bạo tàn, hung dữ, thù hận...; tìm cách chém giết nhau, đọa đày nhau. Ở đâu cũng bạo loạn, điên cuồng, lo sợ. Thành phố đổ nát, điêu tàn; làng mạc, ruộng đồng bị thiêu cháy. Toàn bộ trái đất chỉ còn một đồng gạch vụn, âm ỉ lửa khói. Nhân loại trở lại thời kỳ đồ đá... Lúc sắp diệt vong thì có một số người do sợ hãi quá, tìm trốn trong rừng sâu, trong các hang động, sống đời ăn lông ở lỗ... Những kẻ sống sót tìm đến nhau, bảo với nhau rằng, ai cũng sợ hãi - vậy đừng chém giết nhau nữa! Vậy là một chút thiện pháp như mầm cải phát sanh, nó lớn dần dần. Vậy là cứ một trăm năm thì tuổi thọ con người được thêm một tuổi. Đến khi tuổi thọ của con người lên chừng năm sáu mươi tuổi là họ đã có lại làng mạc, thị thành, đời sống bắt đầu phát triển, thịnh vượng theo với thiện pháp và thiện tâm... Rồi từ đây, thiện pháp cùng với sự phồn vinh tăng trưởng mãi, tăng trưởng mãi cho đến khi tuổi thọ con người lên đến tám mươi bốn ngàn tuổi. Đến đây thì thiện pháp và thiện tâm đến hồi cực thịnh; đời sống vật chất, tiện nghi sinh hoạt đạt được sự toàn mãn như thế giới chư thiên. Vì sung sướng quá, muốn gì có nấy, biến mục đích đời người là để mà thỏa mãn dục lạc; thế rồi, do đời sống hưởng thụ vị kỷ, một vài tâm niệm giải đãi, xấu ác bắt đầu sinh mầm – vậy là cứ hễ một trăm năm là con người lại giảm mất một tuổi. Đến khi tuổi thọ giảm xuống chừng tám vạn tuổi – lúc ấy đức Phật Metteya mới xuất hiện...

Thuở đương lai ấy, có một quốc độ cường thịnh đệ nhất, tên là Ketumatī-mahānagara – nằm tại xứ Bārāṇasī bây giờ. Kinh đô của nước này dài mười hai do-tuần, rộng bảy do-tuần - tất cả đều tiện nghi, sạch đẹp, xa hoa, tráng lệ cùng cực. Tại cung điện có một tòa lầu bằng ngọc - là y báo của một vị thiên tử Jetṭhanāla vừa từ cung trời Đao-lợi hạ sanh

làm thái tử con vua nước Ketumatī – tên là Sankha. Sau khi nối ngôi, đức vua Sankha có một đời sống nghiêm minh, mẫu mực; chính ngài thường thọ trì bát quan trai và giáo dục muôn dân sống theo thiện pháp.

Đức vua Sankha có một vị quốc sư hiền thiện, tài đức vẹn toàn, sở học thâm uyên – tên là Subrahm – thường cố vấn, tham mưu trong triều và là thầy phụ đạo, dạy dỗ đức vua. Đại bồ-tát lúc ấy từ cung trời Đâu-xuất, giáng sanh vào lòng phu nhân vị quốc sư - bà Candramukhī – tên là Vatthana. Lớn lên, vì là kiếp cuối cùng, nên Vatthana xuất gia, ngồi dưới cội cây Nāgarukkha (Long hoa - chính là cây mù u) bảy ngày rồi đắc quả Chánh Đẳng Giác. Từ đó, ngài thuyết pháp độ đời, giúp chúng sanh giác ngộ, giải thoát nhiều không xiết kể. Đức Chánh Đẳng Giác Metteyya (Di Lặc) đương lai ấy, chính là vị tân tỳ-khuru Ajita trước mặt chư vị, vừa thọ nhận bộ tam y quý giá rồi phát lời đại nguyện vô thượng làm cho cái bát của Như Lai phải rơi vào tay của ông ta vậy.

Thời pháp vén mở bức màn bí mật tương lai của đức Phật đã xác định nhân, duyên và quả rất rõ ràng nên chẳng còn ai thắc mắc gì nữa. Còn lệnh bà Gotamī nghe đến đây thì tâm tư đã hỷ mãn trọn vẹn.

**Những Bàn Tay Kỳ Diệu
Và Lời Cuối
Bên Những Người Thân**

Sau khi đắc đạo quả xuất trần A-la-hán, đức vua Suddhodana nằm trên giường bệnh chứng nghiệm hạnh phúc siêu thế; nhưng đến ngày thứ sáu thì những luồng gió mang sức lửa di chuyển tới lui trong cơ thể, tạo sự đau đớn lan từ ruột, nhức buốt xương cốt đến cả tay chân. Ngài sử dụng định lực và tuệ quán bình tĩnh lắng nghe. Nhưng những cơn đau như xoắn, như quặn lại làm ngài cơ hồ không chịu nổi. Không một lời rên xiết, ta thán, đức vua sử dụng tâm định, nhẫn, xả để kiên trì chịu đựng, mồ hôi tuôn ra từng giọt, từng giọt... Các quan ngự y và những người hầu cận sợ hãi cuống cuống chạy gọi người này, người khác...

- Hãy cố gắng yên tĩnh đi nào! Đức vua Suddhodana trầm tĩnh nói - Thân trầm đau đớn lắm nhưng tâm trầm rất an lạc, đừng rối loạn lên như thế!

Lệnh bà Gotamī, công nương Yasodharā, các đức thân vương tìm đến tức khắc. Và cũng ngay sau đó, đức Phật, Ānanda, Nanda, Rāhula có mặt ngay bên cạnh. Đức Phật ân cần hỏi:

- Phụ hoàng hiện đau ở chỗ nào?

- Hiện tại thì cái đầu của trẫm như có hàng ngàn con côn trùng nó cắn, nó rứt ở bên trong...

Đức Phật liền nhắm mắt, trứ định, lấy bàn tay ngọc vuốt nhẹ, xoa nhẹ trên đầu đức vua năm bảy lần...

Lát sau, đức Suddhodana mỉm cười nói:

- Bàn tay của đức Thế Tôn thật kỳ diệu, trẫm hết đau đầu rồi!

Một hồi, đức vua lại mím môi:

- Bây giờ, cơn đau nó lại đang hành hạ ở vùng ngực và bụng - dường như đang có một dùi sắt nóng nó xuyên ngang, đâm dọc cả lục phủ, ngũ tạng...

Đức Phật chợt nói:

- Này Ānanda! Đến phiên ông đây! Đức vua thương yêu ông lắm; đã nhiều lần, phụ hoàng ngắm nhìn ông mãi, muốn ông kế vị ngôi vương! Năng lực tăng thượng của tâm có được, không phải là phép lạ siêu hình mà do nhờ nguyện lực chân thật và an trú định! Ông hãy phát nguyện đi – sau đó, xoa nhẹ vào bụng của đức vua!

Đại đức Ānanda vâng mệnh, cất lời phát nguyện chân thật như sau:

- “Từ thuở xuất gia đến nay, tôi chưa hề khởi niệm thối thất, tư duy các dục; lúc nào cũng muốn cận kề đức Phật, các vị trưởng lão để học hỏi giáo pháp, học hỏi những đức, những hạnh tuyệt vời của các ngài. Nếu lời ấy là chân thật thì xin cho đại bá phụ giảm cơn đau đớn!”

Nói thế xong, đại đức Ānanda xoa nhẹ lên vùng ngực và bụng của đức vua. Lạ lùng thay, bàn tay ấy như có năng lực kỳ diệu, xoa đến đâu thì cơn đau chấm dứt ngay tức khắc, như nước mát làm tan lửa nóng.

Lát sau, đức vua lại thấy đau và nhức buốt cả hai vai. Đức Phật nhìn Nanda. Biết ý, ông hoàng si tình này bèn phát nguyện:

“- Từ khi xuất gia đến nay, tuy tâm tôi không vui, không

hoan hỷ, lúc nào cũng nhớ đến hình bóng kiều diễm của vị hôn thê – nhưng tôi thường rất cố gắng thiền định, cố gắng chiến đấu với chính mình không dám lơ là, thất niệm! Nếu điều ấy là có thật xin cho phụ vương được giảm cơn đau đớn!”

Rồi sau khi xoa nhẹ lên hai vai đức vua, cơn đau liền thuyên giảm.

Sa-di Rāhula thấy vậy ngạc nhiên quá, ngây thơ nói:

- Vua nội còn đau chỗ nào nữa, cháu cũng phát nguyện...

Đức vua Suddhodana chỉ xuống hai chân, âu yếm nhìn chú sa-di tí hon nói:

- Cháu chững chạc thật rồi, Rāhula! Cơn đau nó đang chạy xuống hai chân của trăm đấy!

Rāhula liền thành kính, quỳ xuống, chấp tay nguyện:

-“Từ khi xuất gia đến nay, cháu rất vui vẻ, thỏa thích; có mấy lần cứng đầu, ham chơi, nói dối vì sợ thầy Sāriputta và Moggallāna la rầy. Tuy nhiên, cháu rất cố gắng học giáo pháp, cứ mỗi buổi sáng, cầm một nắm lá trong tay, tung lên; và nguyện ngày hôm ấy học cho thật nhiều bằng số lượng nắm lá rơi xuống! Nếu điều ấy là có thật – thì xin cho vua nội giảm cơn nhức buốt...”

Rồi bàn tay của Rāhula cũng thần kỳ không kém gì, xoa đến đâu cơn đau lặn mất đến đấy...

Lệnh bà Gotamī, công nương Yasodharā tận mắt chứng kiến phép màu, đức tin về đức Phật, về giáo pháp, từ lâu như ngọn đèn trong chiếc ghè, bây giờ nó bùng sáng lên, niềm hoan hỷ như tươi rạng trong những đôi mắt!

Đức Phật nhìn vua cha:

- Chỉ còn một hôm nữa thôi, phụ vương sẽ nhập Niết-bàn vô dư, chấm dứt tất cả dukkha, vĩnh viễn nếm thưởng hạnh phúc siêu thế; vậy về chuyện vương triều, phụ vương có dằn dò gì không?

Đức vua Suddhodana mỉm cười nói:

- Trẫm đã sắp xếp cả rồi! Tôi hôm qua trẫm đã nói chuyện với các đức thân vương ở đây, là sau khi trẫm mắt, tuyên cáo rộng rãi rồi làm lễ đăng quang cho Mahānāma kế thế ngôi vua!

- Phụ hoàng rất minh mẫn!

- Vận nước đang đi xuống, bạch đức Thế Tôn! Nhờ hồng ân giáo pháp, trẫm đã an trú ở cõi bất tử; khá bi mẫn cho bao người mãi khóc cười, khổ lạc, buồn vui giữa những đợt sóng thịnh suy, được mát, nhấp nhô chìm nổi... Quả nghiệp Sākya và Koliya nặng lắm, biết bao nhiêu là nghiệp sát trước đây, bạch đức Thế Tôn! Không ai có thể cứu mình nếu mình không biết tự cứu! Ôi! May mắn làm sao, hạnh phúc làm sao là Ānanda, Nanda, Rāhula được đi theo chiếc bóng của đức Thế Tôn để bước ra khỏi cảnh trẫm luân sinh tử bao đời!

Đức vua chợt chấp tay lại:

- Trẫm vì vô minh, ngu muội, thật tiếc là không biết được, không thấy được – nhân cách của một bậc Toàn Giác tỏa rạng nơi đức Thế Tôn từ lần đầu tiên ngài trở về thăm Kapilavatthu. Thời gian ấy, trẫm đã có một vài tư tưởng mạo phạm, xin đức Thế Tôn cho trẫm được sám hối!

Đức Phật nói:

- Tâm và trí của phụ hoàng bây giờ sáng suốt và trắng trong như thế, chẳng hạt bụi nào có thể hoen dính vào đây được!

Nghỉ hơi một lát, đức vua lại hướng mắt đến các vị hoàng đệ, các đức thân vương đang đứng ở xung quanh:

- Trẫm làm vua lâu quá, nhưng không phải là do tham quyền cố vị - mà là vì không có người xứng đáng đảm đương nối, hãy thông cảm cho trẫm! Sáu bảy mươi năm qua, nếu trẫm có làm được việc gì đó cho dân cho nước là cũng nhờ sự khuông phò, phụ tá cần mẫn của chư vương đệ. Trong lúc cầm quyền trị nước, không tránh khỏi độc tài, độc đoán; nếu có lỗi lầm nào, xin chư vương đệ tha thứ cho

trẫm!

Các vị hoàng đệ và các đức thân vương đồng quỳ xuống, rướm lệ, lạng lẽ, sụt sùi tiếc thương.

- Nay hậu Gotamī! Đức vua nói tiếp - Bà là người hiền đức, suốt đời là mảnh trăng vắng vặc cho hậu cung soi chiếu! Mọi đức tính tuyệt vời của tám lòng người mẹ, bàn tay người mẹ - bà là viên ngọc manī không tí vết... Nếu trẫm có lỗi lầm nào thì xin hậu hãy hỷ xả mà bỏ qua cho trẫm với nhé!

Lệnh bà Gotamī cắn chiếc khăn trong tay để ngăn tiếng khóc...

Đức vua cũng ca ngợi Yasodharā... rồi công nương cũng khóc rờn rã...

Đức Phật đứng dậy nói:

- Vậy là vừa đủ rồi - những giọt nước mắt tự nhiên và thiêng liêng ấy! Phụ hoàng đã dặn dò xong, đã làm xong những việc cần phải làm trên cuộc đời này rồi; bây giờ mọi người hãy trở về chuẩn bị hậu sự. Sáng mai, lúc bình minh rạng, phụ hoàng sẽ xả bỏ báo thân, Như Lai và các vị trưởng lão sẽ có mặt...

Lễ Hỏa Táng Đức Vua

Nửa canh ba về sáng, đức Phật hướng tâm để xem quang cảnh các bậc Chánh Đẳng Giác làm lễ hỏa táng phụ thân mình như thế nào. Không phải ai cũng đủ duyên làm việc ấy. Một số các vị phụ thân mất trong khi các ngài đang tầm đạo. Các vị khác không đủ duyên đặt để quả vị A-la-hán cho phụ thân mình. Xét ra, chỉ một số vị có được nhân duyên toàn mãn như trường hợp của đức Phật Gotama hiện nay. Tuy nhiên, bậc Chánh Đẳng Giác nào cũng chu đáo nghĩa vụ trước đại sự tử sanh của đấng sinh thành bằng cách này hay bằng cách khác.

Khi đức Phật và chư vị trưởng lão đến hoàng cung thì trong ngoài mọi người đã đầy kín, lóng ngóng chờ trông...

Đức vua Suddhodana đang nằm nghiêng về bên phải, yên tĩnh trên giường bệnh. Nanda và Rāhula thì ngồi thiền trên chiếc sập kế cạnh. Lệnh bà Gotamī vừa rảy nước thiêng Soma, rảy nước hương hoa sen khắp đây đó rồi gầy thêm một lò trầm thoảng mùi thơm tinh khiết, ấm cúng... Khung cảnh thật thanh bình như cõi tịnh cư thiên...

Đức Phật đến gần bên, chú tâm, hướng tâm biết thọ hành của đức vua đang ở những sát-na cuối cùng, lát sau mỏng dần, tan dần...

- Bậc A-la-hán cao quý thế là đã an trú vô dư y Niết-bàn! Đức Phật nói rồi cắt đặt mọi việc - này Sāriputta! Ông cùng Kāḷudāyi, các tỳ-khưu Sākya, quan đại thần Mahānāma hãy đi tìm địa điểm làm lễ hỏa táng - nơi chỗ đất rộng rãi, thoáng đãng - cho người làm vệ sinh sạch sẽ đâu đó rồi thiết kế một hỏa đài trang trọng trong khả năng của vương triều!

Tôn giả Sāriputta hiểu ý hai chữ trang trọng nên lãnh mệnh, bước đi, nghĩ thầm: “Hy hữu thay là làm thân phụ của một vị Phật! Càng hy hữu hơn, đức vua ấy lại là một vị A-la-hán! Chắc đại phạm thiên Sahampati, Sakka, Suyāma, Santusita... nếu biết lễ nghi, phép tắc, phải đến đây để cung nghinh, thiết lễ cúng dường mới phải chứ...” Và quả đúng vậy, đức đại phạm thiên Sahampati và vua của năm cõi trời dục giới (ngoại trừ Tha hóa tự tại) đã có mặt; cùng với thiên chúng nam nữ đã đứng đầy đặc cả không gian. Họ mang theo vô số hương hoa lễ phẩm, có cả đàn, sáo, nhạc và vũ công...

Đức Sakka dùng thiên âm, nói vào tai vị đại đệ tử: “- Chúng đệ tử có biết lễ nghi, phép tắc, thưa tôn giả! Ngài hãy cho thiết kế hỏa đài thật trang trọng đi - rồi chúng đệ tử sẽ tô điểm cho trang trọng hơn nữa bằng phước báu và uy lực của cõi trời!” “- Vậy mới phải - Tôn giả nói – Nhưng sao lại có đàn, sáo, nhạc và cả vũ công? Có ồn ào quá không, Sakka?” “- Dạ thưa không - Trời Sakka đáp - Sẽ thâm lặng thôi, nhân gian họ không nghe được gì đâu; hơn nữa, đây là cách biểu lộ lễ nghi, phép tắc của cõi trời đây mà!” “- Ông nhiều lời quá đấy, Sakka!” “- Dạ, chúng đệ tử không dám đâu ạ!”...

Trong lúc ấy thì đức Phật bảo mang nước ấm và nước hoa đến - rồi ngài dặn bảo:

- Xin mời thỉnh các đức thân vương hãy ra ngoài triều bảo mọi người chỉ cần đội hoặc quàng khăn tang trắng, giữ gìn không khí yên tĩnh; và chư vị có thể triệu tập hội đồng trưởng lão bàn việc tang lễ, phải làm những gì cho phù hợp

với truyền thống thì tùy nghi. Di mẫu về hậu cung, truyền cho cung nga thể nữ, thị nữ... cũng quàng khăn tang và không nên khóc lóc, huyên não...

Với chư tăng, đức Phật nói:

- Ānanda, Nanda... ở lại một bên để cùng với Như Lai tắm rửa, thay y phục cho phụ vương! Các trưởng lão Vappa, Assaji, Bhaddiya, Mahānāma, Yasa, Uruvelākassapa, Gayākassapa, Nadīkassapa, Mahā Kassapa... chia từng nhóm hội chúng tỳ-khưu để hành thiền hoặc tụng những thời kinh nói về vô thường, vô ngã, dukkha... để thức tỉnh nhân tâm. Còn Mahā Moggallāna tạm thời thay mặt Như Lai thuyết những thời pháp phải lễ cho mọi người đến dự lễ tang... Lúc thay đổi thì sẽ có Như Lai, Sāriputta và Ānanda tiếp sức; phải làm như thế nào để các thời pháp được diễn ra liên tục; chỉ nên thuyết những pháp liên hệ đến các cảnh giới, nhân quả nghiệp báo và sự báo hiếu của con cái đối với cha mẹ... Cũng cần thuyết về sự rã hoại của đất nước lửa gió nơi thân tạo ra sự đau đớn khóc liệt, nếu không có năng lực phước báu hoặc định tâm hỗ trợ, thần thức người ra đi sẽ dễ bị rối loạn, bất an, bất định. Thuyết về giây khắc lâm tử, cái cận tử nghiệp quyết định sanh thú của chúng hữu tình như thế nào, từ kiếp này sang kiếp kia ra sao để vén mở trí tuệ cho nhiều người...

Phân bố dâu đầy xong xuôi, đức Phật cùng Ānanda, Nanda tắm rửa, tắm liệm và thay vương bào mới cho đức vua, phủ lên một tấm y màu hoại sắc, biểu tượng đức vua đã là một vị tỳ-khưu A-la-hán! Rồi cũng chính đích thân đức Phật và chư tăng quàn linh cữu của đức vua tại sảnh đường lớn rộng của hoàng cung để cho mọi người đến thăm viếng, chiêm bái, cúng dường hoa hương, lễ phẩm...

Linh cữu quàn bảy ngày để các tiểu quốc thân cận, các trấn thành trong nước đến thăm viếng. Trong thời gian ấy, kinh tụng của chư tăng bên linh cữu và các thời pháp tại

cung đình được tiến hành liên tục. Hàng ngàn tỳ-khuru thay nhau đến làm lễ rồi rút về đại viên Nigrodhārāma, song bao giờ cũng thường xuyên túc trực chừng vài trăm vị! Hàng trăm lều xá được dựng lên khắp nơi và lúc nào cũng nườm nượp quan khách và dân chúng. Các tôn giáo bạn cũng từng đoàn, từng đoàn đến viếng thăm, chú nguyện. Từng núi lương thực, thực phẩm được chở về và hàng ngàn người phục vụ bếp núc, bưng dọn khá chu đáo từ trong ra ngoài...

Hỏa đài bằng chất liệu gỗ thơm và hoa được thiết kế công phu, mỹ thuật; tuy nhiên, vua trời Sakka còn xin phép tôn giả Sāriputta chụp lên nóc hỏa đài một bảo tháp trăm nóc – có tên là Dibyakutagara - cần châu ngọc của cõi trời thật là huy hoàng, tráng lệ...

Giờ hỏa táng, chính đức Phật, Ānanda, Nanda cùng các vị trưởng lão tôn túc khiêng linh cữu của đức vua. Cả rừng người mang hoa đến chất đống quanh hỏa đài. Mấy hàng trưởng lão và hàng ngàn tỳ-khuru đứng vòng quanh mấy lớp, tiếng tụng kinh như hải triều âm cuộn sóng giữa không gian. Hoa trời như từng cơn mưa ngũ sắc rơi xuống, rơi xuống... Sáo trời, nhạc trời thả từng âm ba lạ lùng như phủ trùm cả kinh thành Kapilavatthu. Triều đình, nhân dân và quan khách đứng nhấp nhô từng lớp, từng lớp không xiết kể... Trời Sakka hiện thành thân người, nhiễu quanh linh cữu ba vòng về tay mặt, dâng lên đức Phật một viên ngọc đỏ – có tên là Jotivansī – khi cần, có thể phát hỏa bốc cháy tất cả mọi vật rồi tỏa hương thơm diệu kỳ... Biết là phải thời, đức Phật bước tới, đặt viên bảo ngọc ở chân hỏa đài. Viên hỏa ngọc diệu kỳ do có tính năng cảm ứng tinh thần của sở hữu chủ và vật chất xung quanh nên nó phát lửa – một ngọn lửa mát lạnh - tỏa khắp không gian, bốc mùi thơm tinh khiết... Lời kinh trầm hùng lại trỗi lên như đưa thần thức con người vào cõi siêu thoát...

Cuộc lễ hỏa táng vĩ đại, có một không hai trên châu

Diêm-phù-đề, đích thân đức Chánh Đẳng Giác chủ trì, đến chiều là hoàn tất. Triều thần và con cháu dòng tộc Sākya thu lượm tro cốt chia nhau để phụng thờ...

Ít hôm sau, Mahānāma làm lễ đăng quang vương vị, kế thế ngôi báu theo di huấn của đức tiên đế Suddhodana.

Thành Lập Giáo Hội Bhikkhunī

Đức Phật ở lại đại viên Nigrodhārāma để thuyết pháp cho mọi thành phần giai cấp đều được nghe. Ngày nào cũng hằng trăm người đến nghe pháp, trong đó có một số ít ngoại giáo thích tranh luận, khá nhiều người xin quy y và một số đông dòng tộc Sākya xin xuất gia nữa! Đức Phật chỉ thuyết pháp và giáo giới mấy hôm, sau đó bàn giao trách nhiệm ấy lại cho hai vị đại đệ tử.

Đến ngày thứ tư thì lệnh bà Gotamī đến quỳ xin Đức Phật để được xuất gia, bà nói:

- Thật là đại hạnh cho chúng tôi, nếu đức Thế Tôn cho phép nữ giới được sống đời xuất gia phạm hạnh thiêng liêng trong pháp và luật của đức Thế Tôn!

- Không được đâu, di mẫu! Đời sống xuất gia không thích hợp cho nữ giới đâu!

- Có lẽ đức Thế Tôn sợ sức vóc phụ nữ không chịu đựng được sương gió, nắng mưa hoặc không kham nổi đời sống trì bình khất thực xin ăn thiếu thốn, cơ cực?

- Đấy mới chỉ là một phần của lý do, thưa di mẫu!

- Hay đức Thế Tôn thấy bản chất người nữ thường ích kỷ, nhỏ nhen, nói nhiều, thích trang điểm, sống hời hợt bên

ngoài, cô chấp và hay sĩ diện hão?

- Thêm một phần của lý do nữa là như vậy, di mẫu ạ!
- Hay đức Thế Tôn thấy nữ giới không có căn bản trí tuệ
- để có thể lãnh hội giáo pháp cao siêu?
- Về lãnh vực ấy thì nữ nhi không hề thua nam giới đâu.
- Vậy thì trở ngại nó nằm ở đâu, bạch đức Thế Tôn?

Suốt ba ngày, ba lần xin xuất gia – mà đức Phật cũng không trả lời câu hỏi có vẻ tối hậu ấy, ngài chỉ im lặng, lệnh bà vô cùng sầu não. Đối với lệnh bà, hoàng cung bây giờ thật là hoang vu, vắng lạnh. Hạnh phúc của người đàn bà là lo cho chồng, cho con, cho cháu; nhưng Nanda, Rāhula đã ra đi, và bây giờ là đức vua Suddhodana nữa - thì bà còn biết sống để làm gì và sống cho ai?

Tuy nhiên, lệnh bà chưa bỏ cuộc, tìm gặp Ānanda, Kāḷudāyi để hỏi thăm tình hình đường đi nước bước; cách thức mặc y, mang bát, trì bình khát thực; cách đi đứng, nói năng, ngủ nghỉ và cả sự tu tập căn bản trong buổi đầu của một vị tỳ-khưu. Cả hai vị không hiểu chuyện gì, nhưng cũng trình bày rất cặn kẽ.

Khi đức Phật và tăng đoàn rời Kapilavatthu, trên đường trở lại Vesāli chỉ mới vài hôm - thì lệnh bà tìm gặp công nương Yasodharā bàn bạc, tính toán việc xuất gia; để kết luận, bà nói:

- Vậy, tôi sẽ đi trước với chừng một vài trăm người để xem tình hình như thế nào đã; lúc nào đâu ra đấy rồi, Mātārāhula và một số quý công nương khác hãy đi sau.

Thế rồi, sáng hôm kia, cả hoàng cung và kinh thành Kapilavatthu náo động, ngạc nhiên, bàng hoàng... khi thấy lệnh bà Gotamī đầu cạo trọc, mặc y màu hoại sắc, mang bát gỗ màu lõi mít - dẫn đầu đoàn nữ sa-môn chừng khoảng mấy trăm nữ nhân - đi chân đất, theo con đường của khách thương buôn xuôi mãi về hướng đông nam. Họ gồm một số công nương quý tộc còn trẻ chưa lập gia đình, số khác là

cung nga thể nữ, thị nữ trong cung; số còn lại là sương phụ của tướng lãnh, chiến sĩ, trai tráng hoàng tộc Sākya đã theo Phật xuất gia trước đây!

Ôi! Kể sao cho xiết sự gian lao, vất vả trên lộ trình gần ba mươi do-tuần xa xôi (hiện nay khoảng chừng 350 km) của những tấm thân cành vàng lá ngọc, liễu yếu đào tơ ấy! Trên đường, họ phải phân bố rải rác các xóm làng để xin ăn - rồi nắng, bụi, mồ hôi... cùng với những bàn chân nòn nà rớm máu trông thật thê lương. Nghỉ trưa dưới những vòm cây, nghỉ đêm tại những khu rừng vắng - họ mới cảm giác cụ thể đời sống sa-môn gói sương, nằm đất, không cửa, không nhà là thế nào! Lệnh bà Gotamī bây giờ mới hiểu thâm thía tại sao đức Thế Tôn lại từ chối không cho nữ giới xuất gia!

Với những khuôn mặt tiêu tụy, hốc hác, y cà-sa dơ dáy, bụi bẩn và những đôi chân ngọc sung phù, bê bết máu – sau hơn tháng trường họ cũng đến được Vesāli, rừng Mahāvana, trước Sân Đường Nóc Nhọn của đức Phật. Hôm ấy, đại đức Ānanda là người trông thấy trước tiên, lạ lùng quá, thốt lên:

- Tại sao quý bà, quý công nương lại là những nữ sa-môn như thế này? Lại tiêu tụy, cơ khổ như thế này đã chứ?

- Chúng tôi lặn lội vất vả dậm bụi đường xa đến đây là chỉ để xin đức Phật được sống đời xuất gia phạm hạnh mà thôi! Lệnh bà Gotamī nói – Tôi đã ba lần quỳ bái, cầu xin ở đại viên Nigrodhārāma mà đức Thế Tôn không khứng chịu! Bà bật khóc - Vậy xin nhờ đại đức vào tâu trình với đức Thế Tôn một tiếng; và biết đâu nhờ lời ăn tiếng nói khôn khéo, tình lý phân minh của đại đức mà ngài vị nể cũng nên!

Đại đức Ānanda nhìn thoáng qua hình dong của bậc phu nhân cao quý, rồi nhìn mấy trăm vị công nương quý tộc, cung nga thể nữ cùng các sương phụ tỳ-khưu - đa phần là mỹ nhân trong thiên hạ - chột cúi đầu bối rối, thốt lên:

- Trời đất ơi! Lệnh bà thì không nói làm gì – nhưng tất

cả quý công nương trẻ tuổi này mà đi xuất gia thì phàm tăng tỳ-khuru trong giáo hội không còn có một ngày nào được yên ổn nữa rồi!

Câu nói thực tình mà dí dỏm ấy làm ai cũng phải phì cười! Tuy nhiên, thấy tình cảnh tiều tụy đáng thương của đoàn nữ sa-môn, ai ai chân cũng sưng phù, rướm máu - đại đức Ānanda không thể kềm chế xúc động, vào ngay chỗ đức Phật, hấp tấp nói:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Xin đức Thế Tôn mở lòng bi mẫn, cho lệnh bà Gotamī cùng mấy trăm nữ nhân Sākya tháp tùng được sống đời xuất gia!

Đức Phật biết tất cả mọi việc rồi, nhưng ngài im lặng. Ānanda với giọng đầy cảm xúc, thưa tiếp:

- Họ khóc lóc thảm thiết lắm, khổ sở lắm; y bát nhuốm đầy bụi đường tang thương lắm, bạch đức Thế Tôn! Nếu không được phép xuất gia, họ cũng không chịu về đâu!

Lần thứ hai, đức Phật cũng im lặng. Đại đức Ānanda chột tràm tĩnh lại, đầu óc suy nghĩ cực nhanh, thay đổi chiến thuật tức khắc:

Đại đức Ānanda thưa hỏi:

- Nữ giới xuất gia, sống không gia đình trong pháp và luật của đức Thế Tôn, có khả năng chứng đắc quả vị cao thượng, thù thắng không, bạch đức Thế Tôn?

- Này Ānanda, có thể được!

Đại đức Ānanda liền khấu đầu lần thứ ba:

- Bởi nữ giới có khả năng chứng đạt đạo quả cao nhất, và vì lệnh bà là người đã có rất nhiều công lao nuôi dưỡng đức Thế Tôn từ tấm bé, yêu thương đức Thế Tôn còn hơn con đẻ của mình; vậy nên đức Thế Tôn hãy cho phép lệnh bà và quý mệnh phụ phu nhân, các công nương Sākya được xuất gia sống theo pháp và luật này!

Đức Phật biết là đã đúng thời, ngài bảo tỳ-khuru thị giả Upavāna:

- Ông hãy đi mời thỉnh hai vị đại đệ tử và các vị đại trưởng lão đến đây để Như Lai hội ý với họ.

Lát sau, các ngài Sāriputta, Mahā Moggallāna, Kimbila, Vappa, Yasa, Bhaddiya, Uruvelākassapa, Mahā Kassapa... đồng đến nơi. Đức Phật trình bày vấn đề. Họ thảo luận bàn bạc khá lâu...

Đức Phật trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Như Lai không những không kỳ thị nữ giới mà còn khuyến khích, nâng đỡ họ nữa. Tuy nhiên, chư vị có biết không - Đức Phật như tâm sự - Giáo pháp của Như Lai từ thuở bình minh của nó cho đến khi hoàng hôn, đêm tối xuống, sẽ có mặt trên thế gian này trải dài mười ngàn năm. Nhưng nếu cho nữ giới xuất gia thì nó chỉ còn tồn tại năm ngàn năm mà thôi! Đây là sự thực mà Như Lai không tiện nói với lệnh bà Gotamī. Tuy nhiên, đã nhiều ngày suy nghĩ để quán căn duyên, đã nhiều lần hướng tâm đến thời gian tồn tại của chánh pháp từ chư tôn Chánh Đẳng Giác quá khứ - Như Lai khởi tâm quyết định phát triển giáo hội tỳ-khuru-ni... sau khi đã suy nghĩ đúng đắn...

Tôn giả Sāriputta chột nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử nghĩ rằng, con người giác ngộ, giải thoát là quan trọng hơn, lợi ích tối thượng hơn trong thời gian chánh pháp tồn tại. Còn đa phần thời gian thuộc về hoàng hôn năm ngàn năm sau ấy - thời mạt pháp chỉ còn lắt liu như ngọn đèn mờ, chỉ còn gieo một chút duyên với chúng sanh giúp cho họ tạo nhân phước quả trời người mà thôi. Đệ tử thấy sự lựa chọn của đức Tôn Sư là minh triết...

Các vị trưởng lão cũng đồng tình với lời phát biểu của tôn giả Sāriputta.

Đức Phật nhẹ nhàng gật đầu:

- Nhưng hiện tại, Như Lai chưa tìm ra biện pháp, cách thức, hình thức khả toàn để đưa họ vào đời sống xuất gia mà

không tạo ra những trở ngại bên trong nội bộ cũng như bên ngoài xã hội...

Tôn giả Sāriputta góp ý trước:

- Trở ngại ở bên ngoài thì chúng ta không ngại - và chẳng, lúc thuyết những thời pháp về hạnh phúc gia đình, đức Thế Tôn thường hay nhắc nhở mọi người phải biết tôn trọng nữ giới. Vậy, gia đình, xã hội có lên án giáo hội của đức Tôn Sư đã đi ngược với luật Manu, xem nam nữ bình quyền – thì chúng ta sẵn sàng đương đầu để bảo vệ quyền con người với những giá trị cao đẹp của nó...

Mọi người hoan hỷ tán đồng ý kiến ấy.

- Thế còn trở ngại nội bộ? Đức Phật hỏi – Chư vị ai có thể tiên lường việc gì sẽ xảy ra chẳng?

- Có khá nhiều - Tôn giả Moggallāna góp ý – Lệnh bà là bậc cao quý trong hoàng tộc, có địa vị, quyền hành, uy tín rất lớn trong cung đình cũng như ngoài xã hội. Lệnh bà lại còn là di mẫu của đức Thế Tôn nữa – do vậy, ngại rằng, lúc xuất gia rồi, ngay các vị thượng thủ A-la-hán cũng chẳng ai dám góp ý với lệnh bà một lời, một tiếng nào. Còn quý công nương, mệnh phụ kia cứ nghĩ mình là cành vàng lá ngọc, ngại rằng họ xem những vị tỳ-khuru thuộc những thành phần khác trong xã hội không ra gì!

- Còn nữa - Đại đức Ānanda tiếp lời - Đệ tử rất muốn xin cho họ xuất gia, nhưng ngại rằng họ trẻ và đẹp quá - phải cần có pháp chế như thế nào để kèm giữ, thu thúc bớt... kéo sinh loạn!

Nhiều vị nhè nhẹ gật đầu!

Trưởng lão Uruvelākassapa nói:

- Ở chung một tu viện, một khu rừng là không được rồi; nhưng ở tu viện riêng, khu rừng riêng xem ra cũng bất khả. Như trong một gia đình không có đàn ông thì kẻ trộm thường đến dòm ngó, lộng hành. Quý bà, quý cô ở riêng một nơi thì biết ai bảo vệ trước những kẻ có tà tâm, xấu ác lúc

đêm hôm và cả những ngày quanh vắng?

Tôn giả Mahā Kassapa chờ đợi giây phút này đã lâu lắm, vẫn mong cho giáo hội ni giới được thành lập vì ngài còn lời ước hẹn với người bạn đời! Thấy lý lẽ ai đưa ra cũng chính xác, tuy vậy, không phải là không có cách - Ngài nói:

- Vậy xin đức Thế Tôn ban cho quy chế hoặc là những điều luật – như là những điều kiện bắt buộc phải tuân hành mỗi khi nữ giới chấp nhận đời sống xuất gia. Người nông dân thường làm một con đập hay đắp một con đê để ngăn cho nước khỏi tràn; cũng vậy, chúng ta hãy xây dựng, phác thảo một pháp chế, một quy chế có công năng giới hạn bớt những tệ nạn có thể phát sanh! Bạch đức Thế Tôn! Xin ngài hãy rộng tay mở cánh cửa thiên giới và cánh cửa Niết-bàn cho nữ giới thế gian bước vào thì thật là đại phúc cho họ cũng như cho nhân quần xã hội!

Đức Phật đồng ý bằng cách im lặng. Các vị trưởng lão sau một hồi thảo luận; tôn giả Sāriputta đúc kết rồi thưa trình lên đức Phật tám trọng pháp - bát kinh pháp - sau đây:

1- Tỳ-khuru-ni đầu một trăm tuổi hạ cũng phải chào hỏi, đứng dậy, đánh lễ thầy tỳ-khuru tăng – dù vị này mới xuất gia trong ngày hôm ấy.

2- Tỳ-khuru-ni mỗi năm phải tìm về an cư ở gần một trung tâm có tỳ-khuru tăng để được bảo vệ và nương tựa.

3- Cứ mỗi tháng hai kỳ, sau khi làm lễ bố-tát (Uposatha), tỳ-khuru-ni phải tìm đến tỳ-khuru tăng để học hỏi, nghe lời giáo giới.

4- Sau khi hành lễ Tự Tứ (Pavāra) tại trú xứ của mình, tỳ-khuru-ni phải đến chỗ tỳ-khuru tăng để làm lễ ra hạ một lượt nữa - để kiểm thảo xem trong ba điều thấy, nghe và nghĩ mình có làm lỗi điếm nào chăng.

5- Tỳ-khuru-ni phạm “tăng tàn”⁽¹⁾, đã xưng tội, đã chịu

⁽¹⁾ Tạm sử dụng từ của tăng.

phạt cấm phòng tại trú xứ của mình – còn phải xưng tội trước tỳ-khưu tăng nữa.

6- Nữ giới tử trong thời gian tập sự, thọ trì sáu giới (Sikkhamānā) trong thời hạn hai năm - phải cầu xuất gia thọ đại giới trước cả hai chúng tăng ni.

7- Bất luận trong trường hợp nào, tỳ-khưu-ni cũng không có quyền nặng lời chê bai, thóa mạ hay chỉ trích tỳ-khưu tăng.

8- Tỳ-khưu-ni không được quyền giáo giới, giảng dạy tỳ-khưu tăng, nhưng sám hối với tỳ-khưu tăng thì được!

Tám điều ấy, sau khi đã được tuyên bố xong, đại đức Ānanda cười cười nói:

- Vậy là áp chế quá, không kỳ thị nữ giới là gì?

Tôn giả Mahā Moggallāna giải thích:

- Quả có vậy! Nhưng đây là cánh cửa mở để nữ giới bước vào giáo đoàn! Cũng là bờ đê để ngăn chặn những tệ nạn có thể phát sanh như pháp huynh Mahā Kassapa đã nói. Tưởng là kỳ thị - nhưng thật ra đây lại là phương cách tốt nhất cho nữ giới được xuất gia, pháp độ không thấy như thế hay sao?

Tôn giả Sāriputta giải thích thêm:

- Tuy có 8 điều, nhưng hiện tại chỉ cần thọ trì 5, vì các điều 3,4,5 chỉ có hiệu lực lúc nào đức Tôn Sư chế định giới luật căn bản (Pāṭimokkha) một cách đầy đủ, toàn mãn.

Đức Phật nói:

- Này Ānanda! Nếu di mẫu chấp thuận và thọ trì “bát kinh pháp” mà chư vị trưởng lão đã chế định, được Như Lai chuẩn y – thì Như Lai đồng ý cho nữ giới xuất gia.

Hoan hỷ xiết bao, đại đức Ānanda hỏi hỏi ra ngoài khu rừng gặp lệnh bà và các công nương – lúc ấy do trời nắng nên họ ngồi lác đác trong các lùm cây. Sau khi nghe xong nội dung bát kinh pháp, lệnh bà Gotamī hớn hờ nói:

- Như một cô gái trẻ trung và xinh đẹp, sau khi tắm gội

bằng nước thơm, hong tóc khô ráo – có người mang tặng những đóa hoa tươi thắm thì cô gái kia sẽ thỏa thích đón nhận để cài lên đầu của mình; cũng thế ấy, nữ giới chúng tôi sẽ rất sung sướng chấp nhận bát kính pháp để thọ trì suốt đời – nhất định không để cho đức Thế Tôn và chư vị trưởng lão phiền lòng đâu!

Đại đức Ānanda vào báo tin lại.

Lệnh bà Gotamī biết có một số công nương dòng dõi quý tộc cảm thấy khó chịu về tám điều ấy nên bà giải thích:

- Các em phải biết rằng, trong gia đình thì người đàn ông là chủ chốt; trong mái nhà giáo hội của đức Thế Tôn cũng phải là như thế. Lại nữa, chính thọ trì tám điều ấy thì chúng ta mới có cơ hội dập tắt tính tự tôn, ngã mạn do địa vị, dòng tộc để bước vào giáo pháp vô ngã, vô sản, bản hàn của đức Tôn Sư!

Thế rồi, chừng hai trăm nữ nhân quý phái được thọ giới tỳ-khưu-ni vào buổi chiều, có rất đông chư trưởng lão tham dự. Ai cũng hoan hỷ. Riêng tôn giả Mahā Kassapa là hoan hỷ nhất! Do cư trú ở nơi này lâu nên tôn giả biết là phải chọn lựa khu rừng nào thích hợp cho ni chúng, không gần mà cũng không xa trung tâm tu học của tỳ-khưu tăng.

Ngày hôm sau, các vị trưởng lão Nadīkassapa, Gayākassapa, Mahā Kassapa... chỉ đạo cho đồ chúng đệ tử mấy trăm người - tỳ-khưu trẻ và nam cư sĩ đến khu rừng - để làm cốc liêu, nhà giảng, đào giếng nước, các công trình và những tiện nghi phục vụ sinh hoạt, ăn ở. Vật liệu xây dựng thì các gia chủ hào phú dâng cúng; nhân công và thợ thầy thì đa phần là tỳ-khưu tăng... Những vị tỳ-khưu xuất thân dòng tộc Sākya, chiến sĩ, thanh niên... có người bận đời trong số các công nương tỳ-khưu-ni – thì họ ra tay làm mọi việc sốt sắng nhất. Chỉ hơn nửa tháng sau là trung tâm tu học của ni giới trông đã tươm tất đâu ra đấy.

Tỳ-khưu-ni Gotamī đưa mắt một lượt nhìn ngắm cơ ngơi

tu học tạm thời đã ổn định, nói với các tỳ-khuru-ni công nương:

- Các em thấy không? Cái tâm, cái trí như vậy và cái lực như vậy họ có xứng đáng để chúng ta nương tựa hay chẳng?

- Rất xứng đáng! Một cô nói – Chúng ta là nữ giới, chân yếu tay mềm, dù là xuất gia nhưng cũng cần phải có chỗ để nương tựa chứ!

Mọi người cười vui, những nét mệt mỏi trên khuôn mặt thanh tú của các công nương dường như đã tiêu tan hết. Bây giờ thì họ đã có nơi ngủ nghỉ, chỗ tắm giặt – cái này quan trọng nhất - và chỗ hành thiền đầu đó đàng hoàng. Họ bắt đầu tập sự sống đời nữ sa-môn và tìm hạnh phúc không bởi nương tựa vật chất xa hoa, uống ăn sơn hào hải vị - mà chính là đời sống dị giản, vô sự, vô sở hữu và sự thanh bình, vắng lặng của tâm hồn!

Hôm ấy, nữ sa-môn Gotamī dẫn đầu đoàn ni chúng đến đánh lễ đức Phật và chư vị trưởng lão.

Dịp này, đức Phật tuyên bố là chư tăng ni sẽ an cư kiết hạ ở đây để ni giới có cơ hội học hỏi giáo pháp cho vững chắc. Ngài cũng đặc biệt giới thiệu hai vị đại đệ tử là hai giáo thọ sư đảm trách việc giáo giới pháp học, pháp hành căn bản vào buổi đầu cho ni chúng; và thỉnh thoảng, đức Phật cũng có những thời pháp quan trọng dành cho họ. Còn nữa, lúc cần thiết, đức Phật sẽ triệu tập rộng rãi cả hai hội chúng để ban những chỉ thị nào đó liên hệ đến giới luật trong sinh hoạt chung.

Trước thời gian an cư tại Vesāli, đức Phật đề cử các trưởng lão Koṇḍañña, Vappa, Mahānāma, Assaji, Yasa... và chừng một ngàn tỳ-khuru về nhập hạ tại Trúc Lâm; ngài còn ân cần ủy thác Uruvelākassapa đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra hiến tặng một chỗ đất thích hợp để sau này phát triển ni giới tại Rājagaha. Nhân dịp này, tôn giả Mahā Kassapa xin đức Phật được dẫn theo một số đồ chúng theo

hạnh đầu-đà về trú mưa tại Rājagaha, ngài nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Trước khi cất bước chân ra đi tầm đạo, đệ tử tạm gởi tiện nội ở giáo chúng Ni-kiền-tử, hẹn rằng lúc nào tìm ra giáo pháp chân chính, sẽ báo cho nàng sau. Bây giờ, quả thật là đại hạnh cho Bhaddākāpilāni, khi đức Thế Tôn đã cho phép thành lập ni chúng, lại còn được lệnh bà ni trưởng Gotamī đạo cao, đức trọng cầm tích trượng quản lý, điều hành. Vậy xin đức Thế Tôn cho phép đệ tử về Trúc Lâm để thực hiện lời hứa của mình!

Đức Phật thấy điều ấy là chính đáng, ngài đồng ý nhưng dặn dò thêm:

- Một nhánh của Nigaṇṭha Nātaputta (Ni-kiền-tử) cũng xem trọng khổ hạnh cực đoan; biết đâu phẩm cách thanh tịnh và giáo pháp chơn chánh ở nơi ông sẽ cảm hóa được rất nhiều người ở đây!

Từng cơn gió khô hanh thổi qua khu rừng, lá rụng xào xạc. Mùa mưa lại sắp đến rồi. Đây là vào năm năm trăm tám mươi tư trước TL, đức Phật an cư hạ thứ năm tại Sảnh Đường Nóc Nhọn, rừng Mahāvāra tại Vesālī, đa phần thì giờ ngài dành cho việc củng cố Ni chúng.

Dự liệu của đức Phật ở đây thế là đúng, vì chỉ thời gian rất ngắn sau, công nương Yasodharā cũng trong hình tướng nữ sa-môn dẫn đầu đoàn cung nga thể nữ hơn trăm vị đến rừng Mahāvāna, Sảnh Đường Nóc Nhọn - để xin nhập chúng. Đức Phật và chư vị trưởng lão lại một lần nữa tổ chức lễ xuất gia tập thể cho họ; đồng thời, tìm kiếm, ổn định chỗ ăn ở cho hơn trăm vị tỳ-khưu-ni nữa. Có lẽ do phước báu sâu dày của họ mà các danh gia, đại phú gia kế cận các bang cộng hòa đã rộng tay bố thí, cúng dường tứ sự; lại đích thân cho chở cả nhân công và vật liệu đến tận khu rừng. Lại có cả hàng trăm vị tỳ-khưu trẻ ra công ra sức nữa nên cơ ngơi cũng sớm được tươm tất và tương đối tiện nghi.

Thế là ni viện bây giờ không những lớn rộng mà còn

được kiến thiết, chỉnh trang, thêm một số các công trình phụ, tu bổ, sửa sang nơi này nơi kia nữa nên trông đã khá quy mô và bề thế.

MÙA AN CƯ THỨ NĂM
(Năm 583 trước TL)

Ổn Định Ni Chúng

Sau khi ni giới được thành lập, dư luận quần chúng xông xáo, bàn tán từ nơi này sang nơi khác. Một số đông sương phụ tỳ-khuru hân hoan vui mừng vì họ sẽ có cơ hội xuất gia theo chồng. Một số thành phần trí thức trong xã hội cảm kích vì đức Thế Tôn đã giải phóng cho nữ giới, rộng tay mở cửa nhân, thiên và Niết-bàn với tâm bình đẳng, thoát khỏi sự ràng buộc, phân biệt, coi thường nữ giới có được từ luật Manus của bà-la-môn giáo đã hàng ngàn năm trước. Tuy thế, đa phần là chống đối, do truyền thống trọng nam, khinh nữ đã ăn sâu trong tâm thức nhân gian, trên mọi sinh hoạt xã hội.

Đức Phật và chư vị thượng thủ A-la-hán mỉm cười, chấp nhận chuyện đương nhiên sẽ xảy ra. Tội nhất là các vị tỳ-khuru trẻ, lúc đi trì bình khát thực thường bị các cô gái trẻ chọc ghẹo. Nào là, “ông đi thì bà cũng đi, có đôi có cặp rứa thì dễ tu”. Nào là, “sa-môn xin hãy đợi em, không duyên tơ tóc thì duyên trọc đầu!” Chuyện phiền phức không chỉ có chừng ấy. Các công nương cành vàng lá ngọc vốn là những cô gái xinh đẹp. Dầu là cung nhân, cung nữ hoặc sương phụ các chàng trai Sākya thì đều là thành phần quý tộc, cao sang đã được tuyển chọn theo kiểu lựa vung úp nôi! Bây giờ dầu

họ đã cạo đầu, mặc y màu hoại sắc, cũng không giấu hết nét xuân sắc, diễm kiều. Chỉ trong vòng mười hôm khi các vị tỳ-khuru-ni đi trì bình khát thực trong thành phố hoặc các thôn làng là dường như ở đâu cũng gặp các chàng trai đủ mọi thành phần giai cấp tụ năm, tụ ba dòm ngó, chỉ trở. Do tôn kính và hàm ơn đức Phật và tăng chúng đã tận tình cứu thoát nhân dân qua ba đại nạn thảm khốc; họ chưa có thái độ gì sàm sỡ quá đáng, nhưng cũng gây trở ngại ít nhiều cho một số tỳ-khuru-ni bản chất mềm yếu và cả thẹn. Chưa thôi, cứ hễ chiều đến là rất đông thanh niên, trai tráng đến tụ tập lác đác xung quanh khu rừng, có lẽ một phần do tò mò, một phần để lộ sự dòm ngó bất chánh. Biết chuyện ấy, các vị trưởng lão đã cho một số tỳ-khuru thuộc dòng Sākya, sau khi trì bình khát thực về, tìm chỗ nơi các hang động, miếu hoang, cội cây xung quanh ni viện để bảo vệ, canh chừng. Tuy nhiên, đây chỉ là biện pháp tình thế, nhất thời. Do mùa mưa luôn luôn là sự trở ngại cho chư tỳ-khuru. Lại nữa, ai mà có thể vừa canh chừng kẻ gian vừa thiền định, thiền quán có hiệu quả cho được?

Đức Phật biết mọi chuyện xảy ra, nên hôm kia, cùng với các vị đại trưởng lão, ngài qua khu rừng tỳ-khuru-ni, ban bố một số giới điều quan trọng vào buổi đầu⁽¹⁾, thứ nhất là đem lại sự an toàn cho ni giới, thứ hai là để cho đời sống trong ni viện có nền nếp, kỷ cương, thứ ba là tạo môi trường lành mạnh để tấn tu, hỗ trợ cho phạm hạnh. Đây được xem như nội quy, thanh quy cho ni viện:

- Ban đêm không được đi ra khỏi cửa rừng hoặc ra ngoài rừng cây.

- Khi có việc phải đi, không được đi một mình mà phải có hai người.

- Chiều tối không được đi đến nhà thí chủ hoặc nhà

⁽¹⁾ Lúc này chưa ban bố Tứ thanh tịnh giới, chưa có giới bốn Pātimokkha.

người quen.

- Đi trì bình khát thực không được đi riêng lẻ mà phải đi từng nhóm, từ hai người trở lên.

- Không được đi, đứng hoặc ngồi trước mặt vị tỳ-khưu.

- Không được mang dù dèp, ngoại trừ bị bệnh; không được ngồi xe, ngồi kiệu.

- Đến nhà thí chủ không được ngồi hay nằm tại chỗ của gia chủ; phải ngồi đúng chỗ chỉ định, xong công việc không được la cà chuyện này chuyện kia.

- Không được đem chuyện trong ni viện để kể lại với tỳ-khưu hoặc với hàng cư sĩ; không đem chuyện ngoài đường về kể lại cho tỳ-khưu-ni bạn hữu.

- Không được ngủ chung với nhau; hai tỳ-khưu-ni không được ngủ đắp chung một tấm chăn tăng-già-lê.

- Khi có việc phải gặp tỳ-khưu, nam cư sĩ... lúc nói chuyện phải có bạn bên cạnh, tối thiểu phải có người thứ ba.

- Phải chia tổ, chia chúng để quản lý sinh hoạt. Mọi yêu cầu, thỉnh thị ý kiến, có công chuyện gì phải trình qua ni trưởng Gotamī.

- Không được tự ý đi tìm y, bát chỗ này chỗ kia. Không được gợi ý thí chủ dâng cúng vật này vật nọ.

- Mặc y nội, ngoại phải đúng quy định, không được tự cắt may, chế tác giống như áo váy của người đời. Màu phải hoại sắc, nhuộm bằng rễ cây, vỏ mít... nhạt đậm từ màu cọng rơm đến màu cánh gián.

- Không được tự ý đi hỏi đạo bất kỳ một vị tỳ-khưu nào. Việc giáo giới tỳ-khưu-ni sẽ có hai vị đại đệ tử và các trưởng lão thay đổi nhau.

- Khi đến đức Phật để nghe pháp, có thể chỉ đứng (nếu không có chỗ) hoặc ngồi (nếu có chỗ) theo kiểu xếp chân một bên, không được ngồi bán già hay kiết già!⁽¹⁾

⁽¹⁾ Chú giải nói là để tránh tình trạng phạm ni tự kích thích mình!

- Ngoại trừ trong phòng riêng, hễ bước ra khỏi phòng là phải mặc y kín mình.

- Lúc có kỳ⁽¹⁾ phải ở lại tịnh xá, được thọ dụng vật thực dự trữ thường để dành cho người ốm, người bệnh hoặc bạn đạo đi giúp hai bát.

- Những tỳ-khưu-ni không được tìm cách chà xát, xoa bóp cho nhau.

- Không được sử dụng nước hoa, vật thơm; không được tắm nước có hòa bột hương, dầu hương, bã mè, xác hoa, vật thơm...

- Không được đeo mang bất kỳ loại trang sức nào ở cổ, ở tay, ở tai, ở đầu – kể cả hoa, tràng hoa...

- Không được nuôi chim, thỏ, sóc, chó, mèo... trong ni viện, trong cốc liêu..

21 điều ấy, đức Phật vừa giáo giới xong là đã được tôn giả Sāriputta đúc kết lại. Tôn giả Ānanda có trí nhớ tốt, tuyên đọc lại ba lần cho hội chúng tỳ-khưu-ni dễ nhớ, dễ thuộc.

Ni trưởng Gotamī chột hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! 21 điều ấy là rất tốt, rất chính xác – nhưng nếu có người vi phạm thì sao?

- Hãy tùy nghi, hãy linh động, này ni trưởng! Hội chúng tỳ-khưu-ni hiện nay đa phần là người có học thức, đã được sống nhiều năm trong kỷ cương đạo đức, có lẽ chưa xảy ra chuyện gì hệ trọng quá đáng đâu. Vậy thì ni trưởng và các vị giáo thọ hãy xử phạt; ví dụ như quét rác, dọn rửa phòng tắm, nhà vệ sinh, múc nước, gánh nước hoặc chăm sóc người bệnh, lao động nhẹ các công việc vườn tược, rùng cảnh cho sạch sẽ, khang trang...

Ni trưởng Gotamī lĩnh ý, sau đó lại thưa hỏi về việc thu nhận người nữ xuất gia phải cần có điều kiện, trình tự thủ

⁽¹⁾ Kỳ kinh nguyệt của phụ nữ.

tục, giới điều như thế nào?

Đức Phật đặc biệt lưu ý về điều này, ngài nói:

- Trong giai đoạn này, ở đây, chưa nên nhận người xuất gia thêm vì có nhiều vấn đề phức tạp. Ni chúng vừa mới thành lập còn quá mới mẻ. Phải đợi đến lúc di mẫu và các vị tỳ-khuru-ni ở đây nắm hết căn bản pháp học, pháp hành, có đời sống luật nghi thanh tịnh, ổn định, vững chắc – lúc ấy mới tính đến việc ấy⁽¹⁾. Hiện giờ phần việc cho nữ giới xuất gia tỳ-khuru-ni là do Như Lai và chư vị trưởng lão tăng đảm trách⁽²⁾.

Ni trưởng Gotamī hỏi về một số người nữ đến xin làm công quả, học tu thì phải làm thế nào?

Đức Phật dạy:

- Điều ấy cũng khá phức tạp. Tục lệ tảo hôn của xã hội ta, đôi nơi con gái 8 tuổi đã gả chồng. Vậy người nữ đến xin học tu đã được sự đồng ý của cha mẹ hoặc người chồng hay chưa? Nếu được sự chấp thuận của gia đình – thì được phép. Vị ni trách nhiệm giáo thọ phải kèm cặp, giáo giới kỹ càng sau hai hoặc ba năm, có thể cho xuất gia sa-di-ni. Lúc ấy, Như Lai sẽ chế định, ban hành học giới cụ thể.

Như vậy, rõ là đức Phật và chư vị trưởng lão tăng còn quá nhiều việc phải làm. Riêng ni chúng sẽ còn phát sanh hằng trăm hàng ngàn chuyện lớn, nhỏ trong tương quan giữa nhau cùng cộng đồng xã hội.

Điều ni trưởng thưa trình với đức Phật là đúng, vì thời gian không lâu sau, người nữ đủ mọi thành phần, giai cấp trong xã hội đến xin học tu rất đông. Một vài trường hợp ngoại lệ, chỉ có đức Phật mới quyết định cho xuất gia tỳ-khuru-ni hay không; còn đa phần, họ đều phải tuân hành mấy chục giới điều (chưa phải luật) khá khái lược ở trên, để chuẩn bị cho ni giới tự điều hành và quản lý sau này.

⁽¹⁾ Thời điểm này chưa có quy định Hòa thượng ni tối thiểu đủ 12 mùa hạ lạc.

⁽²⁾ Sau hạ thứ 20, đức Phật mới quy định: Tỳ-khuru 10 hạ, tỳ-khuru-ni 12 hạ mới đủ tiêu chuẩn làm thầy thế độ cho giới tử thọ đại giới.

Hóa Độ Kỹ Nữ Ambapālī

Sớm hôm ấy, vào nửa cuối canh ba, lúc sao mai vừa mọc, đức Phật đưa mắt thuần tịnh siêu nhân lướt nhìn khắp khoảng không gian ước chừng năm mươi do-tuần, xem thử ai có căn duyên với giáo pháp. Đức Phật thấy có một người. Và nếu hóa độ được người này thì có thể hỗ trợ cho ni giới; đồng thời lại có thêm một cơ sở hoằng pháp, lợi lạc cho công cuộc hoằng hóa sau này.

Đức Phật bảo vị tỳ-khưu thị giả vừa được tôn giả Sāriputta chỉ định⁽¹⁾, triệu tập chừng hai mươi vị tỳ-khưu trẻ cùng lên đường với ngài. Sau đó, với đại y màu san hô vắt vai, bát cầm tay, đức Phật và hội chúng bước lần ra ngoại ô, đi mãi. Dọc theo con đường đầy bụi, rác rưởi, phân bò, phân dê... đoàn sa-môn qua mấy cánh đồng lúa, những vườn xoài, vườn ca-ri, vườn chà là; luôn trong hương lộ có bóng tre, bóng dừa, bóng thốt nốt rồi đến ngôi làng Kotigāma trù phú và thanh mậu. Tại đây, sau khi tuần tự đi trì bình khát thực qua các xóm nhà, không kể giàu nghèo; lúc vật thực vừa đủ dùng, đoàn sa-môn ghé đến dưới khóm cây mù u có bóng mát để độ thực. Các vị tỳ-khưu trẻ đi theo chiếc bóng của

⁽¹⁾ Hai mươi năm đầu tiên, đức Phật chưa có thị giả chính thức.

ngài cảm thấy thanh bình và an ổn. Đức Phật không dạy bảo họ điều gì, mà họ học được sự tĩnh tại từ nơi đôi mắt nhìn xuống, sự chậm rãi và nhẹ nhàng nơi từng bước chân đi; sự cẩn trọng trong cung cách đưa bát để thọ nhận vật thực; lòng từ ái nơi bài kệ phức chúc, cách độ thực với từng ngón tay vo tròn điều luyện rồi từ tốn đưa vào miệng một cách gọn gàng và sạch sẽ; cách đi kinh hành thanh thản và cả cách yên lặng trải tọa cụ dưới gốc cây để tọa thiền nữa... Tất cả. Tất cả. Và đây chính là thân giáo của ngài.

Cách đây không bao xa, chừng nửa do tuần, có một khu rừng xoài sum suê và xanh mát của một người kỹ nữ có tên là Ambapālī. Nàng là một kỹ nữ xinh đẹp và tài hoa nhất của kinh thành Vesālī và của cả trong các nước cộng hòa liên bang phía bắc sông Gaṅgā. Vốn là con rơi của một vương tử, sinh ra đã có nước da sáng như ngọc và tỏa mùi trầm; môi đỏ như thoa son và có cả đôi mắt xanh biêng biếc. Ngoài ra, lại còn có tư chất bẩm sinh là múa dẻo và có giọng hát rất hay, trong thanh như tiếng chim Ca-lăng-tần-già. Các thầy bà-la-môn tướng pháp nói rằng, cô bé bị một phá cách, một phá tướng; nếu không trong tương lai sẽ làm một quý nhân, không đắc ngôi hoàng hậu thì cũng làm một vương phi tài sắc vẹn toàn.

“- Vậy tương lai, cô bé sẽ thế nào?” Vị vương tử hỏi.

Vị bà-la-môn già thở dài:

“- Cũng là hoàng hậu, nhưng là hoàng hậu trong giới kỹ nữ, cũng quý cách và giàu sang không ai bằng!”

Thuở ấy, các cô kỹ nữ đều là thành phần được xã hội quý trọng⁽¹⁾. Vị vương tử thương con bèn gọi cô bé đến

⁽¹⁾ Tương tự các cô Geisha Nhật Bản bây giờ.

⁽²⁾ Đôi nơi nói - chỉ có 50 kahāpaṇa. 1000 đồng tiền vàng kahāpaṇa tương đương 100 con bò sữa. 01 đồng vàng kahāpaṇa bằng 04 đồng vàng pāda; 01 đồng vàng pāda bằng 05 đồng xu vàng māsaka. Một ngày của dân nghèo tiêu tốn chỉ 02 đồng xu vàng māsaka!

Bārāṇasī - một thành phố nổi tiếng ăn chơi và có nhiều trường dạy nghề kỹ nữ với học phí rất cao - để học nghề. Thế là số phận cô bé đã được định đoạt. Mười năm sau, lúc trở lại Vesāli thì các cô kỹ nữ khác đều bị lu mờ. Ông bố vương tử hào sảng lần mặc cảm tội lỗi, đã cho con cả một dinh thự nguy nga cùng với tôi trai tở gái mấy chục người để hầu hạ, phục dịch nàng. Giá một buổi được nghe và xem nàng biểu diễn phải là một ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇa⁽²⁾. Ban đầu nàng cương quyết bán nghề chứ không bán thân, nhưng sau có quá nhiều công tử trẻ trung, hào hoa, quỳ phục dưới chân nàng, dám đánh đổi cả gia tài để được hầu nàng một đêm. Nàng xiêu lòng. Nhưng sau đấy thì nàng rất khắt khe trong việc lựa chọn. Cũng chẳng ai dám làm gì được nàng vì nàng có quá nhiều thế lực ở cung đình cũng như tiền rừng, bạc bể bảo trợ.

Mãi mãi những cuộc vui. Mãi mãi những khúc đàn, tiếng hát. Mãi mãi với cao lương mỹ vị, kiêu đón xe đưa, hầu tiếp các vương tôn, công tử, danh gia, đại gia, đại phú gia...⁽¹⁾ cô hoàng hậu không ngại - kỹ nữ Ambapālī - cảm thấy mệt mỏi, rã rời, chán nản. Nàng bèn tậu một khu rừng xoài xa và sâu về phía ngoại ô - thỉnh thoảng tìm về đấy, trốn mọi người và cũng để thư giãn tâm hồn. Giữa thiên nhiên khoáng khoáng, trong lành, nàng tìm được những giây phút thanh bình. Trong vô thức mơ hồ, nàng cảm thấy tất cả mọi tiện nghi xa hoa vật chất này không phải là hạnh phúc thật sự của đời người. Phải là cái gì khác. Phải là thế giới nào khác.

Thời gian qua đi, cô kỹ nữ tài sắc vẹn toàn năm xưa đã

⁽¹⁾ Đây là thời cực thịnh của Vesāli - Luật kể rằng: Phồn thịnh, giàu có, đông đúc... có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy mái lầu ngọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen (Tạng Luật, đại phẩm II (mahāvagga), NXB Tôn giáo, trang 269 - Việt dịch, tỳ-khuru Indacanda.

trở thành một lão bà tóc trắng nhưng sắc đẹp tiềm tàng vẫn làm xiêu lòng người, vẫn toát ra cốt cách phong lưu, đài các. Tuy có nhiều cơ ngơi, dinh thự - nơi mở lớp đào tạo kỹ nữ với rất đông gia nhân, người hầu nhưng bà vẫn thích về nơi thanh vắng.

Mấy năm trước, nghe tin đồn về thái tử Siddhattha khi tuổi còn thanh xuân, tóc đang còn đen nhánh đã khẳng khái từ bỏ ngai vàng như quăng đôi dép để xuất gia tầm đạo - bà đã đặt một dấu hỏi về hạnh phúc đời người! Vị ấy bây giờ đã là một vị Phật, với đoàn sa-môn áo vàng, thanh thảo đầu trần chân đất đi hóa độ nhiều phương. Nghe nói, lời pháp của ngài đầy uy vũ như sấm gióng giữa trời mưa, như ánh mặt trời rọi tan mây mờ tăm tối. Cả năm vị hiền triết uy đức ở vườn Lumbini đã được ngài cảm hóa trở thành đệ tử theo hầu! Chàng trai công tử con một bá hộ nổi tiếng ăn chơi ở Bārāṇasī và bạn hữu năm mươi lăm người đã đi theo đoàn sa-môn. Ba mươi vương tử trẻ trung của nước Kosala oai hùng cũng đã được đức Thế Tôn kia giác ngộ. Một ngàn đạo sĩ tóc búi cùng với thầy là ba anh em giáo chủ Kassapa tóc bạc già nua - thờ thần lửa tại Uruvelā cũng đã quy giáo với ngài. Đức vua Bimbisāra - kiêu ngạo, tài hoa, trẻ tuổi, cơ trí hơn đời - và cả triều đình đều xin quy y và thọ trì ngũ giới. Khu rừng Veluvana mệnh mông và xinh đẹp phía Bắc kinh thành Rājagaha của đức vua cũng đã được dâng cúng cho giáo hội độc thân ấy. Rồi đến việc chàng thần y Jīvaka Komārabhacca trẻ tuổi nổi tiếng và kiêu hãnh đã tâm phục, khẩu phục, phát khởi đức tin hiến cúng khu vườn xoài... Ôi! biết bao nhiêu câu chuyện lạ lùng như huyền thoại được thêu dệt qua cửa miệng của mọi người. Nhưng rõ ràng là vị Phật ấy cùng đoàn sa-môn y vàng thanh thoát, thánh hạnh được mọi người quý trọng; ngay chính ngoại giáo cũng phải nể phục. Chuyện đức Phật cảm hóa tên biện sĩ nông nghênh Saccaka vừa xong thì xảy ra ba thảm nạn tại Vesāli – cũng

chính giáo đoàn ấy cùng với quân lính, thực phẩm của đức vua cư sĩ mang sang đây để cứu trợ. Ôi! Năm trăm vị sa-môn trẻ trung, xinh đẹp đã đọc kinh an lành suốt đêm khắp ba vòng kinh thành Vesāli mà không cần một đèn đáp nào! Quả thật là đã có một tôn giáo cứu khổ cho muôn sinh đang có mặt trên cuộc đời hư vô huyền hóa này hay sao?

Bà kỹ nữ Ambapālī nghĩ mình là phận nữ nhi, lại làm một cái nghề, dù được xã hội quý trọng nhưng trong miệng lưỡi thế gian, người ta vẫn nói nàng là một dâm nữ! Trong sâu thẳm tâm hồn, nàng vẫn mang một mặc cảm nặng nề không dám tìm gặp đức Thế Tôn thánh hạnh ấy để nghe giáo pháp, để học hỏi giáo pháp. Vừa mới đây, nghe tin đồn, đức Phật đã mở rộng cánh cửa cho nữ nhân các giới có cơ hội tu tập. Và giáo hội tỳ-khuru-ni đã được thành lập rồi, ngay cạnh khu rừng Mahāvana của tỳ-khuru tăng. Mấy trăm công nương, cung nga thế nữ dòng tộc Sākya, dẫn đầu là hoàng hậu Gotamī, công nương Yasodharā – srong phụ của đức Phật – đã được gia nhập đoàn nữ sa-môn. Và nghe đâu, đức Phật ấy không phân biệt nữ nhân thuộc giai cấp, tầng lớp nào trong xã hội.

Bà kỹ nữ Ambapālī thở phào, vậy là mình sẽ có dịp diện kiến ngài.

Tin đức Phật sáng hôm nay bộ hành về các thôn làng ngoại ô đã đến tai nàng do gia nhân trông thấy, báo lại. Nghe nói, hiện tại, đức Phật đang ở tại làng Kotigāma. Không chần chờ phút giây nào nữa cả, nàng tức tốc cho thắt một cỗ xe lộng lẫy, sang trọng với bốn con ngựa trắng cũng lộng lẫy, sang trọng... với người hầu đánh xe, với hai thị nữ rời khu rừng xoài trực chỉ ngôi làng Kotigāma. Đến chỗ ngựa không còn đi được, hỏi đường, bà cùng với hầu nữ đi bộ đến khu rừng mù u. Đến nơi, bà trông thấy một sa-môn dung nghi trong sáng và dịu dàng như ánh trăng rằm đang ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây! Ôi! đẹp quá! Thanh khiết quá! Và lác

đắc xung quanh chừng vài mươi sa-môn trẻ trung dường như cũng đang tĩnh định trong thiền duyệt. Khung cảnh trang nghiêm và thiêng liêng làm sao! Bà sợ hãi, rón rén đến gần...

Giọng đức Phật chột vọng vào tai nàng:

- Này Ambapālī, hãy đến đây! Như Lai cũng đang cố ý chờ đợi cuộc viếng thăm này đây!

Bà Ambapālī rùng mình: “Hóa ra ngài biết cả tên ta! Mà ôi! Cái giọng nói sao mà mát mẻ và êm dịu cái lỗ tai đến vậy!” Bà Ambapālī mạnh dạn bước tới, khom người xuống rất mực lễ độ, cung tay xá lễ. Đức Phật chỉ một tảng đá khá sạch sẽ bên cạnh rồi nói:

- Bà hãy ngồi xuống đây, và nội tâm có điều gì bất ổn thì cứ nói ra hết cho Như Lai nghe!

Rồi bà Ambapālī nói. Bà kể về thân thế là đứa con rơi. Kể về sự lao khổ của mười năm học nghệ trên đất khách. Kể về cái nghề của bà khi đã thành đạt. Kể về đời sống xa xỉ bạc tiền. Kể về phải đánh đổi cả tuổi thanh xuân, vũ ca đàn hát để phục dịch, hầu hạ cho giai cấp quý tộc, cho giới trưởng giả giàu có. Thân mệt mỏi mà tâm cũng mệt mỏi. Chắc hẳn vàng ngọc và vinh hoa hư dối ấy không phải là hạnh phúc. Cuộc đời này, chẳng lẽ nào trên cái bề mặt của phú quý, danh vọng, tài sản, thỏa mãn ngũ dục... có vẻ huy hoàng kia lại có cái mặt trái của nó là tối tăm, đau khổ và buồn phiền? Và đây có phải là trò biến hóa của Māyā chăng?

Đức Phật nắm bắt ngay căn cơ và trình độ. Theo với tâm sự của Ambapālī, đức Phật khơi bày về Sự thật Khổ; nó là cái gì hiện thực đang chi phối chúng sanh trong ba giới bốn loài; là cái gì tất định mà tất thấy giống hữu tình phải gánh chịu, phải mang vác trên trần thế. Đức Phật chưa đi sâu vào Tứ Đế mà ngài tiếp tục nói về thuận thứ của con đường thoát khổ. Ngài nói về tri kiến chơn chánh, về đức tin chơn chánh làm nơi nương tựa vững chắc cho đời sống tinh thần. Không

có đời sống tinh thần với những niềm vui thiêng liêng, lành mạnh thì sự sung mãn vật chất chỉ đáp ứng được đời sống bản năng, hạ liệt, sa đọa và sẽ rơi vào thảm nạn. Phải có chỗ để quy hướng. Phải biết bố thí, cúng dường; phải biết xả ly, ly tham cho tâm hồn được nhẹ nhàng, rộng mở, thanh thản... Phải thực hiện những pháp như vậy, phải tu tập những pháp ban đầu như vậy thì chúng sẽ xua tan những đám mây mờ, u tối ở trong con... Như Lai chúc phúc sự bình yên cho con, này Ambapālī!

Xúc động quá, bà Ambapālī quỳ năm vóc sát đất và gục khóc lạng lẽ. Thời pháp êm dịu của đức Phật đã làm cho tâm hồn khô hạn của bà được tắm mát, nhẹ lâng lâng. Để cho xúc cảm lắng xuống, bà Ambapālī nói:

- Tri ân đức Thế Tôn! Con đã có chỗ nương tựa rồi! Xin đức Thế Tôn cho con được quy y làm người cận sự nữ từ đây cho đến trọn đời!

Sau khi đức Phật cho thọ trì quy giới, ngài im lặng nhận lời mời của kỹ nữ Ambapālī, cùng với hội chúng đến vườn xoài của bà thọ trai vào ngày hôm sau.

Bà Ambapālī đánh lễ đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, hướng vai phải nhiễu quanh tỏ lòng kính trọng rồi ra về.

Vào buổi trưa hôm ấy, các vương tử, công tử trẻ tuổi cộng hòa Licchavī, thủ đô Vesālī, nghe tin đức Thế Tôn ngự đến ngôi làng Koṭigāma – nên đã cùng thông báo với nhau, tổ chức một hội chúng đông đúc để đi diện kiến ngài. Thế là đúng giờ hẹn, tại chỗ tập trung, họ bước lên hàng chục cỗ xe sang trọng, lộng lẫy, sáng chói dát bạc, dát vàng... như một cuộc hội lớn, rầm rộ khởi hành.

Đến con đường nhỏ vào làng Koṭigāma, những vương tử, công tử Licchavī trông thấy một cỗ xe bốn ngựa trắng sang trọng trên đường ngược chiều.

Họ bàn tán với nhau:

- Cỗ xe trắng bốn con ngựa trắng cao đẹp kia với rèm

sáo lạnh canh, óng ánh ngọc vàng như thế - thì có ai ngoài bà vương hậu kỹ nữ của chúng ta?

- Đúng là bà mỹ nhân kiêu hãnh Ambapālī rồi!

Trông xa đã biết đây là các vương tử, công tử Licchavī trẻ tuổi, giàu sang, hiển hách và đầy quyền uy, nhưng bà Ambapālī bảo người hầu cương quyết không nhường đường. Bốn con tuấn mã sức mạnh như sư tử vẫn an nhiên càn lướt, còn hí lên những tràng dài đầy vẻ thị uy. Thế là gọng xe, càng xe, bánh xe, trục xe đụng nhau tạo nên những âm thanh lách cắc, lóp đóp... Những cỗ xe của các vương tử không đương cự nổi cỗ xe được thiết kế chắc bền bởi những kim loại quý của bà kỹ nữ, đành phải dạt ra ngoài lề với một số chi tiết bộ phận nào đó đã bị gãy bể, hỏng hóc. Tuy nhiên, họ không để tâm vào điều ấy; một số vương tử, công tử nhảy xuống, họ không giận mà chỉ cất tiếng hỏi:

- Cái cỗ xe trị giá trăm ngàn đồng tiền vàng của bà lại cố ý ngăn chặn giữa đường, không cho chúng tôi đến diện kiến đức Thế Tôn là tại làm sao hở?

Bà Ambapālī cho dừng xe, vén rèm, mỉm cười, dịu dàng đáp:

- Vì chính tôi đã thỉnh mời hội chúng tỳ-khưu và đức Thế Tôn đến thọ trai ngày mai tại vườn xoài của tôi rồi, thưa chư vương tử!

- Chúng tôi cũng muốn đến Kotigāma với ý nguyện như vậy. Hay là bà hãy nhường lại buổi cúng dường thọ trai ngày mai nhé?

- Không thể được, thưa vương tử!

- Chúng tôi sẽ tặng lại bà cùng hai nàng thị nữ xinh đẹp đây một ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇa ngay tức khắc!

- Các vương tử xem thường tôi quá đây!

Một vị vương tử nhảy phóc xuống xe, nói lớn:

- Một trăm ngàn, một trăm ngàn kahāpaṇa được chăng? Cứ ngã giá vậy nhé, thưa bà hoàng hậu kỹ nữ?

Bà Ambapālī, buông rèm xuống, nói vọng ra:

- Xin lỗi! Xin chớ vị đừng lấy tiền bạc ra mà hù dọa tôi. Cho dầu cả thủ đô Vesālī, cả tài sản và cư dân, tôi cũng không chịu nhượng đâu!

Thế là bà bảo người hầu giơng xe đi. Các vương tử, công tử Licchavī tất tức nhìn theo.

Có vị buột miệng:

- Kiêu hãnh quá đấy!

Có vị nói:

- Bà kỹ nữ vườn xoài đã nhanh tay hót phần phước đầu của chúng ta rồi! Rồi y vỗ tay, la vói theo cỗ xe của Ambapālī - Chúng tôi đã bị đo ván một cách rất tội tệ, hỡi bà vương hậu mỹ miều, xinh đẹp ơi!

Mọi người có vẻ chẳng buồn giận gì, cười ha hả.

Rồi sau đó, họ cũng lại lên đường, rầm rộ đến thăm đức Phật. Chiếc xe nào hư hỏng, các vị thân nhiên quăng bỏ lại không thương tiếc. Đến chỗ xe không còn đi được, họ đi bộ đến cụm cây mù u. Đức Phật biết tất cả mọi chuyện xảy ra, ngài chợt nói với hội chúng, lúc ấy họ đang ngồi xung quanh ngài:

- Này các thầy tỳ-khuru! Ở đây, ai chưa thấy chư thiên cõi trời Tāvātīmsa (Đao Lợi hoặc Ba Mươi Ba) – thì hãy nhìn hội chúng các vương tử, công tử Licchavī kia - là có thể hình dung được! Chư thiên Tāvātīmsa cũng tương tự như vậy về cách phục sức nhiều sắc màu đầy ấn tượng. Hãy nhìn kia! Một số vương tử thích màu xanh, thế là ngựa kéo nhuộm xanh, cỗ xe màu xanh, y phục màu xanh, trang sức cũng màu xanh! Một số vương tử thích màu vàng thì ngựa, xe, y phục và trang sức đều màu vàng. Cũng như thế là màu bạch ngọc, màu chu sa, màu san hô, màu nước biển, màu xanh lá cây, màu bình minh rạng... Họ đi đâu là mang theo cả thiên nhiên, cả vườn hoa thật là phong phú sắc màu, tươi vui và đẹp mắt...

Các vị tỳ-khưu trẻ cảm thấy thích thú nhìn ngắm hội chúng ấy đi đến, chào hỏi cung kính đức Thế Tôn rồi ngồi lác đác chỗ này chỗ kia với những tượng người sắc màu di động.

Đức Phật lại thuyết một thời pháp nói về cảnh giới các cõi trời, nhấn mạnh về trang phục sắc màu của họ tương ứng thiên chúng cõi trời Tāvātimsa như thế nào, nhân và quả ra sao. Rồi ngài nói tiếp nhân sanh các cõi trời cao hơn, chánh báo, y báo ở đây. Thuyết về bố thí, trì giới với những câu chuyện, dụ ngôn, đoán ngôn đầy ẩn tượng và rất thú vị. Thứ đến mới đến đức tin Tam Bảo, con đường thắng phước, hạnh phúc và an lạc cho nhiều đời... Trong lúc thuyết pháp, đức Phật đã cố ý vận dụng thần thông, phóng ra một loại hào quang sắc trắng, như mặt trăng mùa thu dịu dàng tỏa sáng ra xung quanh, bao trùm cả hội chúng, lại còn làm cho không gian trở nên sạch trong, không một chút bụi dơ. Như thế là đức Phật đã làm cho họ vô cùng thỏa thích và hoan hỷ. Có vị sung sướng quá ⁽¹⁾, chột đứng phất dậy, trật áo vai phải, quỳ gối xuống đất, cung kính đánh lễ ngài rồi thốt lên một bài kệ như sau:

“- Vua Ma-kiệt – Bình-sa
Vốn được nhiều thiện lợi
Khoác khôi giáp bảo châu:
Phật hiện ở nước ấy
Uy đức động ba nghìn
Tiếng vang như núi Tuyết
Như hoa sen đã nở
Mùi hương thật màu nhiệm
Nay thấy ánh sáng Phật
Như mặt trời mới mọc

⁽¹⁾ Trường A-hàm có ghi tên là Tịnh-kỷ – không tìm thấy từ Pāli tương đương.

Như trăng qua bầu trời
Không bị mây che khuất
Thế Tôn cũng như vậy
Sáng chiếu cả thế gian
Quán trí tuệ Như Lai
Như tối gặp đuốc sáng
Đem mất sáng cho đời
Quyết trừ các nghi hoặc ⁽¹⁾”

Hội chúng Licchavī muốn nghe lần nữa nên bảo:

- Bạn đọc lại một lượt nữa đi!

Vị kia lặp lại bài kệ. Họ hoan hỷ quá, đem cởi tất cả áo báu, vật trang sức báu tặng cho người đọc kệ. Vị ấy lại đem dâng tất cả cho đức Thế Tôn. Vì tâm bi mẫn, đức Phật thọ nhận - rồi ngài nói:

- Áo bào là quý, vật trang sức là quý – nhưng đối với Như Lai, trên đời này còn có năm cái quý hơn! Nhưng năm cái quý vô giá này rất khó có được trên cuộc đời. Thế nào là năm? Thứ nhất, một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời – là khó có được! Thứ hai, người mà có thể giảng nói giáo pháp của Như Lai, là khó có được! Thứ ba, người mà có thể tin giải giáo pháp của Như Lai, là khó có được. Thứ tư, người mà có thể thành tựu pháp mà Như Lai giảng nói, là khó có được. Thứ năm, là lúc nguy khốn, tai ương được người cứu nạn, giúp đỡ; biết tìm cách đáp trả, đền ơn - hạng người ấy cũng rất khó có được! Ấy chính là 5 thứ quý báu trên cuộc đời này!

Các vị vương tử, công tử Licchavī ⁽²⁾ được đức Phật khai thị, giáo giới khiến cho ai cũng phân khích, hoan hỷ.

Cuối buổi pháp thoại, hội chúng vương tử, công tử Licchavī thỉnh mời đức Toàn Giác và hội chúng thọ trai

⁽¹⁾ Trường A-hàm, Tuệ Sỹ dịch và chú, tr.104, NXB Phương Đông, năm 2008 (Chỉ thay đổi tên ở câu đầu: Ương già – thành Bình-sa).

⁽²⁾ Cả kinh, luật và chú giải đều ghi là 500 vị.

ngày hôm sau; đức Phật bảo là đã nhận lời mời của bà Ambapālī rồi. Họ kể lại chuyện đung đầu bà kỹ nữ giữa đường như thế nào. Rồi một chàng trai Licchavī thốt lại câu nói cũ:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng con bị bà kia nhanh tay hớt phần phước mất rồi; bị bà ta hạ đo ván một cách rất chi là oanh liệt.

Đức Phật mỉm cười:

- Ủ! Trên con đường tiến hóa tâm linh, nếu như các chàng trai còn ham vui quá, ham chơi quá, ham thụ hưởng quá - thì coi chừng, sẽ bị bà ta hớt mất phần phước, bị hạ đo ván một lần nữa đấy!

- Bạch, tại sao?

- Vì mới nghe pháp chỉ mới một lần - đức Phật nói - mà bà ta đã có đức tin khá vững chắc.

- Tri ân đức Thế Tôn! Chúng con sẽ ghi nhớ lời này! Chúng con rồi sẽ có đức tin vững chắc như thế!

Sau khi hội chúng Licchavī đi rồi, đức Phật dọn dẹp chỗ ngồi, xếp lại tọa cụ, tăng-già-lê... rồi cùng với hội chúng tỳ-khuru rời Kotigāma đến ngôi làng Nākikā lúc trời đã về chiều. Đến một rừng cây, trời lất phất mưa, gió lạnh rì rào - đức Phật tìm thấy một ngôi nhà gạch bỏ hoang, ngài và hội chúng trải qua đêm ở đây.

Sáng ngày, người hầu nam của cô kỹ nữ đánh xe đến thông báo là buổi trai soạn⁽¹⁾ tại vườn xoài đã sẵn sàng, thỉnh đức Thế Tôn và hội chúng lên đường. Tại đây, bà kỹ nữ đã dâng cúng thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm... đầy thành kính và trân trọng vào bát của đức Phật và tăng chúng. Khi đức Thế Tôn ngộ trai xong, bà dâng nước rửa tay, nước

⁽¹⁾ Trai này không phải là đồ chay theo cách hiểu thông thường. Trai này được Tàu dịch dịch, đại lược là: Trai giả, khiết giả. Phi thời bất thực vị chi trai (Trai có nghĩa là tịnh. Không ăn phi thời gọi là trai - phi thời là sau 12 giờ trưa đến sáng ngày hôm sau).

uống và tắm xia răng rồi ngồi một bên để nghe pháp. Đức Phật lại ân cần chỉ dạy cách lập tâm, cách an trú tâm vào thiện pháp - tức là phải biết lấy việc lành, việc tốt làm niềm vui thanh cao cho tâm hồn. Cuối buổi giảng, bà kỹ nữ Ambapālī, quỳ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Con đã phát khởi tâm tịnh tín đối với giáo pháp. Vậy, xin ngài cho phép con được làm hai việc hữu ích.

- Như Lai nghe đây!

- Thứ nhất, cho con được thỉnh thoảng lui tới Mahāvana để nghe pháp; thỉnh thoảng lui tới hội chúng tỳ-kheo-ni, tùy theo khả năng, con có thể cúng dường gì đó phù hợp nhu cầu ở nơi cơ sở còn quá mới mẻ ấy!

- Còn việc thứ hai?

- Vườn xoài này của con cũng khá rộng lớn lại có nhiều cây to bóng mát, có thể làm nơi lưu trú cho tỳ-khưu tăng - nếu Mahāvana mai kia đã trở nên chật chội. Xin đức Thế Tôn cho con được noi theo gương của cậu thần y Jīvaka Komārabhacca cúng dường cơ sở này.

Đức Phật im lặng nhận lời. Rồi ngài nói:

- Con nên tác ý cúng dường vườn xoài này đến cho thập phương tăng, có Như Lai là vị đứng đầu, như thế phần phước này sẽ lớn rộng hơn nhiều!

Bà Ambapālī cúi đầu ưng thuận, lấy bình đựng nước nhỏ bằng vàng, đổ nước lên bàn tay của ngài cho đúng với thủ tục dâng cúng cổ truyền. Đức Phật nói kệ phúc chúc, mong rằng, phước sự này sẽ như sông biển của bốn đại dương, làm cho đầy tràn tín tâm, chân phúc mai hậu cho thí chủ. Sau đó, do thấy căn duyên của bà kỹ nữ đã sẵn sàng, đức Phật thuyết một thời pháp nói về Tứ Đế với câu cú, văn nghĩa vừa giản dị, vừa sâu rộng, gần gũi với đời thường. Cuối thời pháp thoại, bà kỹ nữ rời bỏ tập khí, xa lìa trần cấu, thấy pháp, chứng quả Nhập Lưu!

Ngay chiều hôm ấy, đức Phật trở lại Mahāvana, Sảnh Đường Nóc Nhọn - Kūṭāgāra - ngài kể lại câu chuyện ở vườn xoài; rồi yêu cầu hai vị đại đệ tử cho một hội chúng tỳ-khưu có vài vị trưởng lão dẫn đầu đến tiếp nhận cơ sở mới.

Cảm Hóa Thủ Lãnh Tướng Quân Sīha

Câu chuyện về bà kỹ nữ Ambapālī quy hướng đức Thế Tôn, đặng độ với hội chúng vương tử, công tử Vesālī; rồi chuyện hót phần phước đầu, bị hạ đo ván, chuyện một trăm ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇa, chuyện cúng dường vườn xoài xinh đẹp... không mấy chốc đã lan đi khắp nơi. Thật lạ lùng là tâm địa tốt lành của các vị vương tử, công tử này. Họ đã không để tâm giận ghét, lại còn ca ngợi bà kỹ nữ Ambapālī dám coi đồng vàng như đất cục, không chịu nhượng buổi cúng dường. Họ cũng không hết lời tán thán oai đức của Phật, oai đức của giáo pháp đã gieo được hạt giống đức tin thánh thiện vào tâm hồn của bà kỹ nữ nhiều tai tiếng ấy. Rồi họ tán tụng đức Phật với những mỹ từ như Đại Giáo Chủ, Đại Thánh Nhân, Đại Siêu Nhân... Chưa thôi, họ còn lấy câu kệ tán thán đức Phật, mừng cho vua Bimbisāra nước Māgadha khoác khôi giáp bảo châu – đem tụng đọc khắp nơi.

Sīha là bậc tướng quân thủ lĩnh của hội đồng tướng lãnh, có biết, có gặp đức Phật, nhưng vốn là đệ tử nòng cốt, thân cận của Nigaṇṭha Nāṭaputta (Ni-kiền-tử) – nghe những lời tán thán ấy, nghĩ rằng: “Những lời ca ngợi kia có quá

đáng lắm không? Sao chướng cái lỗ tai lắm vậy? Ta hãy đến thầy ta, thưa hỏi để biết rõ hư thực như thế nào?”

Sau khi được hội diện với vị giáo chủ, tướng quân Sīha kể lại điều đã được nghe rồi nói:

- Vậy đệ tử có nên diện kiến sa-môn Gotama để chất vấn ông ta về giáo pháp?

Giáo chủ Nigāṇṭha Nāṭaputta tỏ vẻ thận trọng:

- Ông có biết gì về giáo pháp của sa-môn Gotama hay không mà đòi chất vấn?

- Dạ thưa không! Xin thầy cho đệ tử được nghe!

Vị giáo chủ có vẻ dăm chiêu, nghĩ ngợi, sau đó nói rằng:

- Thật tình thì ta cũng chưa nắm rõ ngữ nghĩa cũng như tinh yếu giáo pháp của sa-môn Gotama. Nhưng có những tư tưởng ta từng được nghe, và quả thật có cái ta hồ nghi, có cái ta thắc mắc, có cái nghe rất xốn tai, có cái lại rất khó hiểu...

Rồi giáo chủ nói liền một hơi, và dường như những điều này ông cũng đã suy nghĩ khá lâu rồi:

- Này nhé! Sa-môn Gotama thuyết về hành động rồi dạy chư đệ tử về hành động. Sa-môn Gotama thuyết về không hành động rồi dạy chư đệ tử việc không hành động. Sa-môn Gotama thuyết về đoạn diệt rồi dạy chư đệ tử cách đoạn diệt. Sa-môn Gotama thuyết về pháp ghê tởm rồi dạy chư đệ tử về sự ghê tởm. Sa-môn Gotama là người thiêu đốt lại giảng về sự thiêu đốt cho chư đệ tử. Sa-môn Gotama là người thoát khỏi thai bào lại dạy cho đệ tử cách thoát khỏi thai bào. Sa-môn Gotama là người tự tin, lại dạy cho chư đệ tử sự tự tin. Sa-môn Gotama là người từ bỏ lại dạy cho chư đệ tử sự từ bỏ... Đấy, đấy, nếu ông có khả năng hãy đi chất vấn sa-môn Gotama đi!

Nghe như vậy, lòng của tướng quân Sīha chợt lặng đi, lạnh đi; sự bồn chồn, nóng nảy cũng không còn nữa. Vả chăng, thầy của ta cũng chưa nắm bắt được hướng hồ gì ta?

Nhưng sau đó, tướng quân Sīha đi đâu cũng nghe người ta ca ngợi, tán thán về đức Phật, về giáo pháp một cách rất nhiệt tình, rất hăng say và rất thành kính; không cảm lòng được, ông lên đường với một hội chúng lớn với xe ngựa, với quân lính tiền hô hậu ủng – đi diện kiến đức Thế Tôn tại Mahāvana.

Đức Phật tiếp tướng quân Sīha giữa rừng cây. Nếu tướng quân Sīha được doanh vây bởi hằng trăm binh lính thuộc hạ oai phong lẫm lẫm – thì đức Thế Tôn cũng doanh vây bởi hằng trăm sa-môn áo vàng thanh thản, trang nghiêm và bình lặng.

Sau khi tỏ bày sự kính lễ, tướng quân Sīha nói rõ lý do viếng thăm là thắc mắc về giáo pháp. Ông đã căn kẽ, chi ly trình bày tóm tắt nhưng đầy đủ những điều mà thầy ông đã thuật lại. Để thắt kết, ông nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Vậy thì những điều người ta nói như thế là đúng với sự thật hay không đúng với sự thật? Thảng hoặc, những lời nói ấy có chỗ nào là sai trái, có chỗ nào là gièm pha, có chỗ nào là chê bai? Hay tất cả những điều ấy, đằng sau còn có ý nghĩa thâm diệu nào khác, y cứ vào đây để tu tập, để hành trì mà chúng tôi do trí óc non kém không lãnh hội được chăng?

Thấy cử chỉ và thái độ điềm đạm, từ tốn; ánh mắt trong sáng, khiêm hòa; cách nói, cách sử dụng câu cú, văn từ... của vị tướng quân toát ra trình độ một người có học, có kiến thức - đức Phật mỉm cười, muốn tạo một ấn tượng đầu tiên nên ngài nói:

- Giáo chủ Nigantha Nātaputta thuật lại giáo pháp của Như Lai, như vậy là còn thiếu đấy, này tướng quân Sīha!

Vị tướng quân bất giác rùng mình, tự nghĩ: “Vị này còn có khả năng siêu phàm, biết việc xảy ra và cả câu chuyện giữa mình với giáo chủ của mình nữa.” Lấy lại bình tĩnh, ông thưa:

- Xin đức Thế Tôn cho được nghe?

- Vâng, này tướng quân! Như Lai còn thuyết về lửa cháy và dạy về lửa cháy. Như Lai còn thuyết về giết cha, giết mẹ, giết quân binh tùy tùng và dạy về cách giết cha, giết mẹ, giết cả quân binh tùy tùng. Như Lai còn thuyết về vô lượng, vô lượng giải thoát và dạy cho chư đệ tử về điều ấy. Như Lai còn thuyết về giới, về tăng thượng giới, về định, về tăng thượng tâm, về tuệ, về tăng thượng tuệ, về giải thoát, giải thoát tri kiến, về vô tướng, vô tác, vô ái, về vô thủ trước bát-niết-bàn...

Tướng quân Sīha nghe lòng bùng cả lỗ tai, ông quỳ mọp xuống, bạch rằng:

- Tôi không kham nổi đâu, bạch đức Thế Tôn! Tôi không thể đi sâu vào khu rừng ngữ nghĩa ấy mà không có ngọn đèn của con mắt sáng; không thể bơi qua cái biển kinh pháp ấy mà không có con thuyền của một trí óc thông tuệ. Xin đức Thế Tôn cứ xem tôi như một chiêm-đà-la thiếu phước, vô học hoặc như một thủ-đà-la cả đời chúi ống cống vô tri... để giảng nói rành rẽ, bình dân, giản dị, dễ hiểu, dễ nắm bắt nhất... từng điểm một, từng câu một... bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật biết, khi ông tướng quân ngoại giáo này, gọi ngài là Thế Tôn thì đúng là ngôn ngữ xã giao; nhưng khi ông sử dụng từ Tôn Sư là đã một phần nào tâm phục, khẩu phục. Thế là ngài với từ bi tâm, cặn kẽ giải thích cho ông ta hiểu hàm ý bên sau của từng câu chữ. Ngài nói rằng:

- Này tướng quân Sīha! Giản dị và dễ hiểu làm sao là những câu nói tóm tắt giáo pháp mà Như Lai đã từng giáo huấn cho môn đệ. Cái được gọi là hành động chính là thân hành, khẩu hành và ý hành; thiện hạnh về thân, thiện hạnh về lời, thiện hạnh về ý chính là điều nên hành động! Cái được gọi là không hành động thì ngược lại, là không ác hạnh về thân, không ác hạnh về lời, không ác hạnh về ý – chính là

điều không nên hành động...

- Xin đức Thế Tôn giảng rõ cho chút nữa?

- Nghĩa là cái thân này nên làm những việc lành, tốt chứ không nên làm những việc xấu ác. Lời nói cũng vậy mà ý nghĩ cũng vậy.

- Cụ thể là như thế nào, bạch đức Thế Tôn! Vì việc lành, tốt đối với giáo phái này, triết hệ này đôi khi không phải là lành, tốt đối với giáo phái khác, triết hệ khác?

- Đối với Như Lai thì việc lành, tốt là lợi mình, lợi người và lợi cả hai. Việc xấu, ác là hại mình, hại người và hại cả hai. Khi thân không giết người, giết vật, không trộm cắp, tước đoạt tài vật của người, không tà dâm, tà hạnh, bất chánh - đây là thân lành, tốt. Khi lời không dối láo, không sai sự thật, không hai lưỡi, không ác độc, không thêu dệt, không nói vô ích, không hoa ngôn xảo ngữ, không nói phù phiếm, trống không, vô ích - đây là khẩu lành, tốt. Khi ý không tham lam, không sân hận, không tà kiến, si mê - đây là ý lành, tốt. Ngược lại như thế là xấu ác, này tướng quân Sīha!

Cái được gọi là đoạn diệt phải được hiểu là nên đoạn diệt tham lam, đoạn diệt sân hận và đoạn diệt tà kiến, si mê; tức là làm cho ngưng tắt những việc xấu, ác được khởi sinh từ tâm niệm, ý nghĩ.

Cái được gọi là ghê tởm phải được hiểu là ghê tởm việc làm ác của thân, ghê tởm lời nói ác, ghê tởm suy nghĩ ác - tức là ghê tởm tất cả những cái gì được gọi là xấu ác ở thân, ở lời và ở ý.

Cái được gọi là thiêu đốt có nghĩa là các ác, bất thiện pháp như trên cần phải được thiêu đốt, thiêu cho cháy đi; và ngay cả tro than âm ỉ cũng phải được dụi tắt, nếu không nó sẽ bốc cháy trở lại.

Cái được gọi là thoát khỏi thai bào chính là hạt giống, hạt mầm, những điều kiện luyến ái, đeo dính từ sinh bào này

sang sinh bào khác không còn nữa - như cắt lìa các rễ chính, rễ phụ của một thân cây hoặc như cây thốt nốt đã bị đoạn lìa, bứng gốc không còn dư tàn!

Cái được gọi là tự tin – nghĩa là tin vào chính mình, vào bàn tay nắm của mình; địa ngục, khổ xứ, đọa xứ, hạnh phúc người trời, phạm thiên, niết-bàn đều do ta tạo ra cả. Tin vào mình cũng có nghĩa là tin vào nhân quả, nghiệp báo, tin vào con đường thẳng phúc, an vui, giải thoát mà mình đã chọn lựa - chứ không tin vào thượng đế, một đấng thần linh siêu nhiên nào...

- Chỗ này tôi chưa được hiểu. Vậy thì đấng Phạm Thế (Brāhman), Đại Ngã (Mahātman), các thượng đẳng thần: Sáng Tạo (Brāhmā), Bảo Tồn (Viṣṇu) Hủy Diệt (Śiva) cùng hằng trăm ngàn vị thần khác trong truyền thống bà-la-môn - phải được hiểu như thế nào, bạch đức Thế Tôn?

- Hãy để phạm trù tôn giáo, tín ngưỡng ấy qua một bên, này tướng quân Sīha! Sẽ còn nhiều cơ hội để Như Lai sẽ giải thích về điều ấy. Vì sao vậy? Vì Như Lai đang nói về căn nguyên của khổ và lạc; và mọi chuyện lành, tốt hoặc xấu, ác ở trên là do thân ta tự làm, do khẩu ta tự làm, do ý ta tự làm – có phải vậy không, tướng quân Sīha?

- Thưa, đúng thế!

- Nhân của xấu, ác thì có quả là khổ; nhân của lành tốt thì có quả là lạc - đây là vận hành nhân quả nghiệp báo tự nhiên hay do bàn tay thượng đế, thần linh xen dự vào, hờ tướng quân Sīha?

- Thưa, tự nhiên!

- Nghĩa là khổ lạc đều do ta tự tạo?

- Đúng vậy!

Đức Phật mỉm cười:

- Vậy là tiếng rống của tướng quân Sư Tử (Sīha là sư tử) đã xác nhận sự thật, và cũng chính tướng quân đã bác bỏ quyền năng ban phúc, giáng họa của thượng đế và thần linh

rồi đây!

Tướng quân Sīha chột lặng người. Cả hội chúng đi theo ông ta cũng lặng người. Hóa ra quyền uy của thượng đế, thần linh đã hằng ngàn năm nay – mà chỉ qua vài câu đối thoại của đức Phật chúng đã bị rã tan tức khắc.

- Tuyệt vời thay là đức Thế Tôn! Cao minh thay là nghị luận sắc bén của đức Tôn Sư!

Tướng quân Sīha và quân lính đồng thốt lên ca ngợi, hoan hỷ, mừng vui.

Đức Phật điềm đạm tiếp:

- Bây giờ thì những câu đi sau cũng đều phải được hiểu như vậy. Cái được gọi là từ bỏ - nghĩa là từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, từ bỏ tà kiến, mê đắm, dính mắc, chấp thủ vào các ác, bất thiện pháp ấy. Cái được gọi lửa cháy phải được hiểu là mắt tai mũi lưỡi thân ý luôn luôn bị bốc cháy bởi sắc thanh hương vị xúc pháp; chúng mà bốc cháy thì thế gian này sẽ bị bốc cháy! Vậy hãy dè chừng khi chúng gặp nhau, tương quan phát sanh lửa! Cái được gọi là giết cha, giết mẹ, giết cả quân binh tùy tùng - phải được hiểu vô minh là cha, ái dục là mẹ; còn quân binh tùy tùng chính là những tùy miên, những kiết sử: Những tham, sân, si mạn, nghi, tà kiến, tật đố, phản trắc, bạc ác, phản phúc, xan lận, quý quyết, vô ơn, bòn xén, keo kiệt... phải giết chúng đi, chôn chúng đi. Cái được gọi là vô lượng chính là từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng, xả vô lượng... Vô lượng giải thoát, nghĩa là khi có được tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì bốn vô lượng kia mới được gọi là vô lượng giải thoát; bằng không, chúng còn bị giới hạn trong cõi sắc giới của phạm thiên!

Đức Phật vừa nghỉ hơi thì tướng quân Sīha đã quỳ mọp bên chân:

- Thôi vừa rồi, thôi đủ rồi, bạch đức Tôn Sư! Chỉ chừng ấy thôi, là đã quá tuyệt diệu, đã quá choáng ngợp đối với đệ tử rồi! Từ lâu, đệ tử đã sống trong bóng tối, nay đã được đức

Tôn Sư dìu ra ánh sáng để thấy được mặt trời. Từ lâu, đệ tử đã bị lạc lối trong mọi ngõ ngách hoang vu của ngu si và tà kiến, nay đã được đức Tôn Sư bi mẫn trao cho ngọn đèn sáng để thắp tâm, thắp trí. Rất tri ân Tôn Sư, tri ân giáo pháp và tri ân hội chúng tỳ-khuru tăng. Xin đức Tôn Sư chấp nhận cho đệ tử là nam cư sĩ, quy y Tam Bảo từ nay cho đến trọn đời.

Đức Phật mỉm cười:

- Giải thích cho tướng quân hiểu là bản phận của Như Lai; còn việc ông muốn quy y làm môn hạ đệ tử lại là chuyện khác. Ông là người nổi tiếng, phải suy xét cẩn thận, chu đáo trước lúc muốn quy y sẽ tốt đẹp hơn cho ông đấy - nhất là cho bản thân ông, cho giáo phái của ông và trước dư luận xã hội nữa!

Thấy nụ cười thanh thoát của đức Phật và ý nghĩa câu nói hiển lộ phong thái cao cả của bậc đại tuệ - đức tin của tướng quân Sīha giống như từng đợt sóng đang dào dạt ở trong lòng:

- Thế thì đệ tử lại càng muốn nương bên chiếc bóng của đức Tôn Sư. Bởi vì lúc đệ tử quy giáo với giáo chủ Nigantha Nātaputta thì đồ chúng của họ đã vác cờ, đánh trống, thổi kèn đi khắp kinh thành Vesāli rêu rao rằng: “Bậc thủ lĩnh đại tướng quân Sīha đã tự nguyện trở thành đệ tử của chúng tôi rồi! Bậc thủ lĩnh đại tướng quân Sīha đã quy giáo giáo chủ Nigantha Nātaputta vô song của chúng tôi rồi!” Vậy mà ở đây, khi đệ tử xin quy y thì đức Tôn Sư bảo: “Hãy suy xét chu đáo và cẩn thận - điều ấy sẽ có lợi, sẽ tốt đẹp cho bản thân ông, giáo phái của ông và trước dư luận xã hội”. Ôi! Thật cao cả thay là tâm địa và ngôn hành của bậc Đại Minh Triết. Khâu đầu đánh lễ lần thứ hai, xin đức Tôn Sư cho đệ tử được nương tựa cho đến trọn đời!

Đức Phật vẫn chưa thừa nhận, ngài nói tiếp:

- Tướng quân Sīha! Ông hãy suy nghĩ lại đi, đây là tình

thật Như Lai muốn khuyên ông. Tại sao lại cần phải suy nghĩ thấu đáo? Ông không biết sao, từ lâu, ông và gia đình ông là căn nhà mẹ ở ngã tư đường cho giáo chủ và đồ chúng Nigaṇṭha Nāṭaputta; là nguồn nước ngọt tuôn tràn không bao giờ khô cạn cho giáo chủ và đồ chúng Nigaṇṭha Nāṭaputta. Hiện tại, người ta đang cần ông và gia đình ông biết bao nhiêu về vật thực, y bát, sàng tọa, thuốc men... Hãy suy nghĩ lại đi!

Tướng quân Sīha lại khấu đầu đánh lễ nữa:

- Thế thì đệ tử lại càng có thêm đức tin để xin quy y, làm người thiện nam hầu cận đức Tôn Sư nhiều hơn nữa. Tại sao vậy? Vì ở đâu, đi bất cứ đâu, gặp bất kỳ giáo phái chủ, giáo phái sư nào - họ cũng nói rằng: “Này thí chủ! Hãy nên bố thí, cúng dường đến ta và đồ chúng của ta. Tại sao vậy? Vì bố thí, cúng dường đến ta và đồ chúng của ta thì sẽ được lợi ích lớn, phước báu lớn – còn bố thí, cúng dường đến tôn giáo khác, hệ phái khác sẽ không có lợi ích, sẽ không có phước báu!” Còn ở đây, tại đây, ở trong giáo pháp thiêng liêng, trong sách này - đức Tôn Sư lại dạy: “Hãy suy nghĩ cẩn thận! Hãy suy nghĩ lại đi! Vì ông và gia đình ông là căn nhà mẹ ở ngã tư đường, là nguồn nước ngọt không bao giờ khô cạn cho giáo chủ và đồ chúng Nigaṇṭha Nāṭaputta!” Ôi! Cao thượng thay là lời nói này! Đây là lần thứ ba, đệ tử xin được quy y với đức Tôn Sư cao thượng, giáo pháp cao thượng và hội chúng tỳ-khưu tăng cao thượng!

Biết được đức tin vững chắc ở nơi ông tướng quân, đức Phật thuyết một thời pháp, nói cho rõ ràng, cụ thể hơn về bố thí, trì giới; sự hạ liệt, nhiễm ô của các dục; tâm và cảnh các cõi trời; sự lợi ích cao thượng từng bước một của sự từ bỏ, xuất ly... Theo dõi tâm và trí của vị tướng quân - đức Phật biết ông ta đã sẵn sàng; nghĩa là nhu nhuyễn, mềm mỏng dễ uốn nắn; có sự tĩnh lặng, hướng thượng; các chướng ngại còn rất nhẹ - nên ngài đã giảng pháp cao hơn, thù thắng hơn.

Đức Phật tuân tự phơi bày về những sự thật về khổ, nguyên nhân sanh khởi các khổ, sự diệt khổ và con đường, đạo lộ đến nơi giải thoát, chân phúc và bất tử.

Cũng giống như tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu dễ dàng – tương tự vậy, ngay giây khắc ấy, tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn thanh tịnh không nhiễm trần cấu đã sanh khởi đến tướng quân Sīha. Mọi hoài nghi tiêu tan, ông đã thấy hiểu pháp, thấy pháp, thấm nhuần bởi pháp – đã đi vào dòng, đã đắc quả Tu-đà-hoàn!

Tướng quân Sīha chảy nước mắt, ông hoan hỷ quá, quý mọp ôm chân bụi của đức Đạo Sư không nói nên lời. Đức Phật, sau đó, cho ông thọ trì quy giới và im lặng nhận lời buổi thọ trai tại nhà ông vào ngày mai. Ngài cũng không quên dặn bảo tướng quân Sīha điều quan trọng:

- Bây giờ ông đã là đệ tử của Như Lai, sống trong giáo pháp thanh tịnh và cao thượng – thì ông phải biểu lộ cho kỳ được đức hạnh thanh tịnh và cao thượng ấy: Vẫn cứ làm căn nhà mẹ và nguồn nước ngọt cho giáo chủ và đồ chúng Nigantha Nātaputta đấy nhé!

Trở về nhà rồi mà lòng còn bồi hồi, bồi hồi – vì suốt cuộc đời, chưa có khi nào mà ông tướng quân có được niềm vui nhẹ nhàng, siêu thoát như hôm nay! Cái hỷ lạc thanh tịnh này nó cứ bập bùng, cứ âm ỉ, cứ reo ca mãi... như chim vui đầu cành, như giọt nắng trong lành buổi tinh sương, như đám mây trắng nhẹ nhàng lướt qua, lướt qua...

Nghĩ đến buổi cúng dường ngày mai, ông cho gọi người quản gia đến để chỉ việc. Ông nói đại lược rằng, ta sẽ có cuộc cúng dường lớn đến đức Tôn Sư của ta cùng hội chúng tỳ-khưu năm trăm vị. Hãy triệu tập gia nhân và người làm công để làm các căn lều vải, bàn ghế cao thấp, các chỗ ngồi có tọa cụ, có lót thảm để tới lui và thảm chùi chân. Đây đó phải có những ghè nước, những khăn chùi chân, khăn rửa tay có tấm hương. Điểm xuyết chỗ này chỗ kia là tất thảy

mọi loại hoa nhiều hương sắc kiếm tìm được. Nấu ăn trai soạn phải đầy đủ thượng vị loại cứng, loại mềm, bánh trái gì đó ngon thơm, bổ béo và ngọt ngào nhất. Phải nhớ, ngày mai chính là ngày kỷ niệm mà ta được sinh ra trong giáo pháp của đức Tôn Sư đây! Vậy phải làm sao cho trọng thể, tốn kém tiền bạc đừng có để mất tới! Ông còn nhớ bữa cúng dường thọ trai của kỹ nữ Ambapālī không, hở? Cứ nhớ chuyện ấy mà làm!

Người quản gia tài giỏi và mau mắn nhận lãnh trách nhiệm; nhưng lại hỏi:

- Chúng ta có sẵn hàng trăm chú gà vịt đang tơ, cũng có mấy chú nai, dê, cừu đang tơ – nhưng có cần mua thêm những con thú đặc biệt như bê sữa, như gà rừng, như bò câu non... để giết thịt cho cao sang, cho tăng thêm chất, tăng thêm hương vị không, hở chủ?

Tướng quân Sīha chột mím cười, nhẹ nhàng vỗ vai vị quản gia trung tín:

- Này, ông bạn già! Bây giờ ta không còn là con người cũ nữa. Rồi tất cả vật nuôi kia ta sẽ thả hết, ta sẽ cho đi hết... Ông nên nhớ rằng, từ rày về sau, thức ăn trong nhà, trong trang trại phải là những con vật đã chết rồi. Ngày mai là thế mà sau này cũng thế! Tấm lòng của ta, ngôi nhà của ta phải biết che chở, biết bao dung và biết quý trọng sự sống của muôn loài!

Người quản gia trở mắt. Đúng là phép lạ! Cái ông Thế Tôn kia quả là trở tài ảo thuật thật rồi, trong thời gian ngắn ngủi - chỉ chừng bóng mấy con ngựa chạy - mà có thể biến chuyển tâm tánh của một ông thủ lĩnh tướng quân như thế, không là kỳ diệu sao?

Cuộc bố thí, cúng dường lớn mới qua đi nửa buổi mà dư luận kinh thành Vesālī đã bàn tán sôi nổi. Người quản gia về kể cho tướng quân nghe rằng: “Rất nhiều đồ chúng của Nigaṇṭha Nāṭaputta đi từ đường phố này sang đường phố

khác, từ ngõ lớn này sang ngõ nhỏ khác; chúng quơ tay kêu réo, la hét đến khản giọng như sau: Hôm qua, tướng quân Sīha đã giết những con thú lớn, thú nhỏ - làm bữa trai phạn để đãi đấng cho sa-môn Gotama cùng đệ tử của ông ta. Sa-môn Gotama tuy biết được điều ấy nhưng vẫn thọ dụng như thường. Thế rõ, giáo pháp ấy là tà mạng, bất chánh. Người cố ý giết thịt và kẻ cố ý ăn thịt đều chịu chung một sát nghiệp như nhau!”

Tướng quân Sīha nghe xong, im lặng một lát rồi trầm tĩnh hỏi người quản gia:

- Ví như ta trả lời thì phải trả lời làm sao với sự đặt điều rỗng không ấy?

- Thưa chủ! Con đã được ngắm nhìn đức Thế Tôn và hội chúng tỳ-khưu. Con đã thấy phong thái, cử chỉ và tư cách của họ lúc đi đứng, lúc nhận vật thực cũng như khi thọ dụng, vo tròn từng vát cơm nhỏ, rất cẩn trọng và rất tri túc. Thật khác xa một trời một vực với giáo chủ và giáo chúng Nigantha Nātaputta trước đây. Con lại được nghe pháp nữa. Thật là mát mẻ và hoan hỷ cái lỗ tai. Bữa trai phạn lại tự tay con làm theo lệnh của chủ. Vậy thì những lời mà giáo chúng kia cố ý vu cáo, phỉ báng đức Phật, cố ý vu cáo, phỉ báng đức Pháp, cố ý vu cáo, phỉ báng đức Tăng – thì rõ là chúng không tự lượng sức mình, đã phí công, đã láo khoét một cách vô ích... chẳng thể nào làm tổn hại uy tín của giáo hội chơn chánh được.

- Đúng lắm, này ông quản gia! Từ rày cho đến trọn đời, một con sâu, một cái kiến – ta cũng không giết hại. Mà cho dù có bị uy hiếp đến tính mạng, ta cũng không tước đoạt sự sống của loài hữu tình đâu, người nên nhớ như vậy!

Đấy đúng là sự thật trong tâm của vị thánh đệ tử.

Riêng đức Phật, sau mùa an cư tại Vesāli năm ấy, thấy các cơ sở tu học của tăng ni đều được phát triển tốt đẹp, ngài và một số hội chúng chuẩn bị lên đường trở lại Rājagaha.

Khi đức Phật sắp rời chân đi thì đột ngột, kỹ nữ Ambapālī dẫn đến một cậu trai trẻ, tên là Vimāla-Koṇḍañña - xin ngài cho chàng xuất gia. Bà tình thật không giấu giếm gì, kể rằng, đây là đứa con riêng của bà với đức vua Sineya Bimbisāra. Thanh niên Vimāla-Koṇḍañña cũng yêu thích đời sống phạm hạnh nên việc ấy được diễn tiến sau đó.

Suốt trong nhiều tháng, khi thì đức Phật ở tại Trúc Lâm tịnh xá, lúc thì du hành hóa độ khắp các vùng, lên tận Pāṭaligāma. Gần mùa mưa, ngài đi dần về vùng giáp ranh Māgadha, tận phía đông, rồi an cư tại chùa núi Maṅkulapabbata, gần Allahabad.

MÙA AN CƯ THỨ SÁU
(Năm 582 trước TL)

Bát Gỗ Đàn Hương

Tại kinh thành Rājagaha (Vương Xá) có người triệu phú đi tắm sông, nhặt được một khúc gỗ đàn hương chỉ còn lõi, rất quý. Ông thuê thợ khắc tiện đẽo thành một chiếc bình bát. Sau khi chuốt mài, đánh bóng, vân gỗ hiện ra màu hồng đào rất đẹp. Ông thích thú ngắm nhìn mãi.

Bạn ông lấy làm lạ, hỏi:

- Ngài triệu phú có ý định làm vị sa-môn khát sĩ chăng?

- Không phải!

- Hay muốn làm một tác phẩm nghệ thuật, chung cho đẹp mắt, ngắm cho vui mắt?

- Cũng không phải!

Trầm ngâm một chút, ông triệu phú giải thích:

- Theo truyền thống gia tộc, khi làm xong mọi bổn phận ở đời rồi, tôi phải xuất gia, theo gót một đoàn sa-môn, bà-la-môn nào đó. Nay tôi cũng đã trọng tuổi, chưa nói chuyện xuất gia, nhưng tôi cũng muốn tìm một giáo phái nào đó để nương tựa. Nhưng hiện nay, từ các nước liên bang cộng hòa bên bờ bắc sông Gaṅgā, sang bờ nam, tại kinh thành này, ông giáo chủ nào cũng tự xưng là Phật, là đại thánh, là đại A-la-hán cả. Vậy mình biết tin ai bây giờ?

Người bạn gật đầu:

- Quả vậy! Nhưng tôi nghe nói, sa-môn Gotama là Phật thiết đấy! Ông coi, đức vua Bimbisāra (Bình-sa) đâu phải là con người cả tin, không có trí, thế mà đã quy y làm môn hạ sa-môn Gotama? Rồi triều đình, cả Veḷuvana (Trúc Lâm) và cả quy mô đại tịnh xá nữa?

Vị triệu phú mỉm cười:

- Cả các lão thần, các danh gia vọng tộc, cả chàng thánh y Jīvaka và cả vườn xoài của hắn ta nữa?

- Đúng thế!

- Nhưng tôi chưa tin – Ông triệu phú lắc đầu - Vậy nên, tôi cho đeo chiếc bát quý trọng này rồi móc trên đầu chót những cây tre dựng cao mười tám cây thốt nốt; rồi cho gia nhân đánh trống, bố cáo khắp mọi nơi rằng: “Vị nào có thể bay lên để lấy chiếc bát trầm đỏ thì chúng tôi mới tin vị ấy là bậc A-la-hán. Tất cả gia đình, quyến thuộc, bạn hữu chúng tôi sẽ làm môn hạ vị ấy, giáo phái ấy!”

Chuyện không mấy chốc lan xa khắp nơi. Mọi người tò mò tìm đến xem chuyện hư thực. Quả là chiếc bát đỏ rực treo cao tít trên mây xanh. Người kéo đến ngày càng đông. Và du sĩ, đạo sĩ, sa-môn, bà-la-môn cũng kéo đến rất đông. Người ta bàn tán về chiếc bát quý. Người ta bàn tán không biết ai là người có thần thông trên đời này? Rồi chiếc bát kia sẽ lọt vào tay giáo phái nào?

Giáo chủ của sáu giáo phái hữu danh được kể tên là Makkhali Gosāla, Pakudha Kaccāyana, Nigaṇṭha Nātaputta, Ajita Kesambala, Sañjaya Velatṭhaputta hiện rải rác đầy khắp các quốc độ Bắc Nam sông Gaṅgā. Họ có đồ chúng rất đông. Chuyện bát trầm đã đến tai họ. Gia đình triệu phú đã rất khó chịu khi phải tiếp đoàn này rồi đoàn khác. Ai đến cũng chỉ để thuyết phục ông, rằng là nên dâng cúng bình bát ấy cho giáo chủ chúng tôi. Giáo chủ chúng tôi là bậc A-la-hán, xứng đáng thọ nhận bình bát quý giá ấy. Rằng là, chẳng lẽ nào một vị A-la-hán lại đến đây trở thần thông vì một vật

ngoại thân? Rằng là, A-la-hán là bậc thượng nhân, hành động bay lên lấy bát xem ra chẳng đẹp mắt chút nào!

Nói gì thì nói, ông triệu phú không dễ gì bị thuyết phục.

- Lời nói của tôi là một chiếc đỉnh to, đóng trên đầu ngọn tre rồi, quý ngài cứ bay lên đấy mà nhỏ!

Đã năm sáu ngày qua đi, thế là không có một vị A-la-hán nào trên đời này sao? Nghe nói có một giáo chủ tìm đến, sau khi thuyết phục không được, ngài định sử dụng thần thông, vừa nhóm bay lên thì người đệ tử bên cạnh đã nhanh tay kéo y lại, nói rằng: “Cái bát này thật không xứng để thầy làm như vậy. Thôi, ông triệu phú đã không chịu dâng – còn có vẻ cảnh cáo – thì sau này đừng có hối tiếc đấy!”

Đến ngày thứ bảy, trưởng lão Mahā Moggallāna (Đại Mục-kiền-liên) và đại đức Piṇḍolabhāradvāja vân du hành hóa ở xa về. Sau khi đi khát thực vừa đủ dùng, hai vị ven theo một sườn núi vào thành. Trên đường, nghe người ta bàn tán bên tai về chuyện cái bát đàn hương trên đầu mười ngọn tre của ông triệu phú; lại có vẻ chê cười một số sa-môn, bà-la-môn không có tài, lại đến thuyết phục dâng bát. Họ cũng hoài nghi như ông triệu phú là trên thế gian này không có vị A-la-hán nào đâu...

Bước lên một mỏm núi cao để nhìn bao quát thành phố, trưởng lão Mahā Moggallāna nói với vị tỳ-khưu trẻ đang đứng ở bên cạnh:

- Ông nghe đấy! Người ta đã hoài nghi như thế, đâu có sai, phải không?

Đại đức Piṇḍolabhāradvāja đưa tay chỉ trang viện ông triệu phú ở títt dưới xa; và cái bát, chỉ là một cái chাম nhỏ như đầu mũi kim, treo cao trên đầu ngọn tre cùng với một đám đông người đang ngồi, đứng lơ nhố trông như đàn kiến, rồi nói:

- Họ đấy! Đối với họ, với chúng sanh ngu muội, ai sử dụng thần thông lấy được cái bát treo cao ấy thì mới là bậc

A-la-hán thứ thiệt! Tội nghiệp không!

Trưởng lão Mahā Moggallāna mỉm cười:

- Dường như ông muốn cho họ một bài học phải không?

- Trước mặt trưởng lão, đệ tử... Nét mặt vị đại đức trẻ đở lưng lên - đệ tử đâu dám thế!

- Ông còn nghĩ rằng, hãy hiển lộng thần oai cho dân chúng Vương Xá thành, cả ngoại đạo, cả ông triệu phú kia biết khả năng đệ tử của đức Tôn Sư. Vả chẳng, nó còn lợi lạc, tạo duyên lành cho cả hằng trăm người quy y theo Phật đạo nữa, có phải thế không?

Thấy vẻ lúng túng của vị tỳ-khưu trẻ, trưởng lão Mahā Moggallāna nói:

- Thôi được rồi! Ta cho phép ông đấy. Giả dụ như đức Tôn Sư có la rầy thì để ta gánh chịu cho!

Đại đức Piṇḍolabhāradvāja tuy đắc ngũ thông nhưng chưa có thánh quả, tâm vẫn còn lãng xãng, ham vui; được lời của vị Đệ nhị đại đệ tử như mở tâm lòng. Ông cúi đầu xá chào trưởng lão rồi nhanh như cánh chim én, nhảy lên một tảng đá cao, nhiếp tâm vào định tứ thiên, xuống cận hành, khởi tướng, trú tướng, làm kiên cố tướng. Lát sau, như cánh chim đại bàng, ông bay lên, tảng đá to cao hơn cả cái nhà bị hút dính dưới chân - rồi cứ thế, cánh đại bàng bay ba vòng quanh thành Vương Xá. Bên dưới thành phố, dân chúng xôn xao, ngược lên trời chỉ trở. Lát sau, một số nơi đã tỏ ra hoảng loạn, họ sợ tảng đá rớt xuống, sập nhà cửa và chết người nên chạy tới chạy lui có vẻ bất an. Biết vậy, khi đến gần nhà ông triệu phú, đại đức Piṇḍolabhāradvāja khê nghiêng người, lắc chân một cái là tảng đá lớn kia được trả về vị trí cũ trên núi. Thuận tay, rướn người, đại đức lấy chiếc bát trên đọt tre cao mười tầm thốt nốt, rồi như cánh chim ưng vàng bay đến cửa nhà ông triệu phú. Ở đây, mọi người đang trở mắt, sững sờ. Thoáng sau, cả gia đình ông triệu phú mừng vui, hớn hở ra đón chào vị A-la-hán trẻ tuổi!

- Tôi là đệ tử đức Thế Tôn! Tôi không phải là bậc A-la-hán cao quý, xin ông triệu phú, cả nhà và mọi người hiểu cho như vậy!

Đại đức Piṇḍolabhāradvāja hai ba lần phân bua, thanh minh. Nhưng ông triệu phú không cần biết điều đó, thỉnh mời vào nhà, xếp đặt chỗ ngồi cao quý nhất. Cả nhà quỳ xuống đánh lễ. Gia nhân, kẻ làm công và mọi người tìm đến, xúm quanh, vòng trong, vòng ngoài bàn tán ồn ào như buổi chợ đông.

- Có vị A-la-hán thật sự trên thế gian này rồi! Xin ngài cho chúng đệ tử được cúng dường!

Ông triệu phú xin thỉnh lại cái bát đàn hương, đặt vào đây vật thực thượng vị loại cứng, loại mềm. Thọ nhận xong, vị tỳ-khưu trẻ tuổi nghiêm trang nói:

- Hãy đến Trúc Lâm tịnh xá, quỳ bên chân đức Đạo Sư – ngài dạy như thế nào thì cứ y như vậy mà thọ trì – tôi chỉ là người mới tu học sơ cơ, xin quý vị biết cho như vậy!

Nói thế xong, sợ mọi người phiền nhiễu, đại đức Piṇḍolabhāradvāja chợt biến mất tại chỗ và có mặt ngay tại khu rừng trúc với thời gian như viên lực sĩ co duỗi cánh tay.

Biến cố vừa rồi làm xáo động cả thành phố. Một đồn mười, mười đồn trăm. Không mấy chốc, cả gốc cây, cục đá, bụi cỏ trên mọi hang cùng ngõ hẻm đều đã biết chuyện ấy. Thế rồi, từng đoàn người, từng đoàn người kéo về Veḷuvana như trẩy hội.

Đức Thế Tôn, lúc ấy, sau mùa an cư, vừa từ Maṅkulapabbata về Trúc Lâm, đang tiếp chuyện với thần y Jīvaka Komārabhacca.

Chuyện là, sau một thời gian khá dài vắng mặt, đức Phật thấy có một vài sự đổi khác trong sinh hoạt ở đây, chuyện tốt có, chuyện xấu có.

Việc đầu tiên là tôn giả Uruvelākassapa và đồ chúng tìm đến đánh lễ, nói là đức vua Seniya Bimbisāra đã hứa khả

dâng cúng một khu rừng cách đây không bao xa để thành lập ni viện. Tôn giả Mahā Kassapa cũng hoan hỷ cho biết là một số nam nữ đạo sĩ khổ hạnh cực đoan của Nigaṇṭha Nātaputta đã được tôn giả cảm hóa, trong đó có Bhaddākapilāni, người vợ cũ hiện đang đợi chờ sự giáo giới của đức Tôn Sư.

Gần một tuần lễ, đức Phật và các vị trưởng lão thay nhau đến khu rừng mới, nơi ni viện vừa mới thành lập. Đức Phật đã làm lễ xuất gia cho ni giới sau đó bàn giao công việc cho ni trưởng Gotamī và một số giáo thọ, tỳ-khưu-ni học thức, biết việc, quen việc từ Vesālī sang. Cơ sở lều xá đã được tôn giả Uruvelākassapa, tôn giả Mahā Kassapa và chúng đệ tử chuẩn bị từ trước nên số lượng công việc kể ra cũng không nhiều lắm. Tôn giả Sāriputta dường như phải thường trực để giáo giới ni chúng tập sự. Tôn giả Mahā Moggallāna thì được đức Phật giao phó những công việc riêng, lúc ở gần, lúc ở xa; nhưng đa phần là cho phép ngài sử dụng thần thông để cảm hóa hoặc hàng phục những người hữu duyên nhưng rắn mắt, cứng cỏi. Có một chuyện tình cảm tế nhị mà đức Phật cũng không quên dặn tôn giả Ānanda là tạo sự gặp mặt giữa ni trưởng Gotamī, tỳ-khưu-ni Yasodharā, sa-di Rāhula, đại đức Nanda, các tôn giả ông hoàng quý tộc và một số gia đình Sākya thân thiết. Gặp nhau, họ mừng vui lắm, nhưng xem ra cũng thanh thản, nhẹ nhàng.

Tại giảng đường Trúc Lâm, vài ba lần giáo giới thường lệ đến hội chúng tỳ-khưu, sau đó là buổi gặp mặt tất cả chư vị trưởng lão, đức Phật nói:

- Trong số tỳ-khưu mới nhập chúng, Như Lai nhận thấy có một số vị ngũ quan khuyết tật, trông không có tăng tướng, có thể làm mất đức tin cho các hàng cư sĩ tại gia – là tại làm sao?

Tôn giả Mahā Kassapa, bậc niên trưởng, đại diện cho các trưởng lão thưa trình:

- Trong hội chúng của các ngài Kassapa thờ thần lửa thưở trước, thường đi hành hóa ở xa, lâu lâu hóa độ đâu đó một vài người, nghe nói trước đây họ là đạo sĩ tóc búi, có ở tại Uruvelā. Do nể tình đồng đạo cũ, các ngài đã thu nhận. Đệ tử thấy họ ăn nói, đi đứng còn lung tung, nhưng xét ra, đức Tôn Sư chưa có quy định gì về điều ấy!

Đức Phật gật đầu:

- Phải rồi! Như Lai không thể trách các vị được! Đây là việc thứ nhất cần nên chấn chỉnh - Đức Phật nhìn quanh một lát - Còn việc thứ hai nữa. Trước đây, lúc Như Lai giảng pháp, dẫu cả ngàn người nhưng cũng im lặng như tờ. Nhưng mấy hôm vừa rồi, Như Lai nhận thấy trong hội chúng, nhiều kẻ đứng lên, ngồi xuống, đi ra, đi vào, nhúc nhích, nhấp nhồm khá tùy tiện; lại có rất nhiều cử động thô tháo ở nơi tay chân, thân mình; đây đó lại có tiếng ho, tiếng khạc nhổ, tiếng hắt xì hơi, tiếng gãi ngứa, tiếng cào tay rột rạt... là tại làm sao vậy nhỉ?

Tôn giả Vappa trình thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Những điều đức Tôn Sư thấy hoàn toàn đúng. Tất cả số tỳ-khuru ấy đều đa phần là bệnh nhân. Họ mắc đủ thứ bệnh. Kể từ khi thánh y Jīvaka Komārabhacca nổi danh thơm về tài chữa bệnh đã lan xa nhiều quốc độ. Người ta lũ lượt tìm đến trang viện của thánh y xin chữa hàng chục thứ bệnh khác nhau. Họ ngồi, nằm la liệt đầy sân, đầy vườn. Thánh y Jīvaka Komārabhacca từ chối, nói rằng, ông ta đã đầu tắt, mặt tối lo cho hoàng gia, đức Phật và tăng chúng - đã không có được chút ít nghỉ ngơi, lấy đâu ra thì giờ để chữa bệnh cho mọi người. Tuy nhiên, họ không chịu đi. Sau phải nhờ một số quân đội hoàng gia mới giải tán được.

Đức Phật yên lặng lắng nghe. Ngài tuy biết mọi chuyện nhưng muốn để chư trưởng lão trình bày, sau đó, chính họ phải có biện pháp giải quyết.

Tôn giả Assaji thưa tiếp:

- Số nam bệnh nhân ở đây, họ khôn ngoan tìm đến các trưởng lão xin xuất gia, cốt ý để được Jīvaka chữa bệnh. Một số sau khi lành bệnh liền hoàn tục. Số chưa lành bệnh hiện còn ở đây. Đa phần không có tâm tu, tục khí còn quá nặng nề. Chư trưởng lão và các vị giáo thọ hiện đang rất quan tâm về điều ấy!

Đức Phật lại gật đầu:

- Phải rồi! Nhưng các vị cứ nói tiếp đi!

Tôn giả Kimbila thưa tiếp:

- Mới đây, Jīvaka Komārabhacca phát hiện có nhiều chứng bệnh rất nguy hiểm, muốn gặp đức Thế Tôn để trình bày cho cận kề để sớm có biện pháp hữu hiệu ngăn ngừa...

Đức Phật nói:

- Cả việc ấy Như Lai cũng chưa chế định. Ừ, rồi Như Lai sẽ nói chuyện với Jīvaka. Nhưng hiện tại, trước mắt, một vị tỳ-khưu trong giáo hội thanh tịnh mà lé mắt, chột mắt, đi khập khiễng, cụt một tay, cụt một chân, cổ ngoẹo một bên, người lùn tịt, sút tai, sút mũi, bấu cổ, cầm điếc... nghĩa là ngũ quan bất toàn, kỳ hình dị dạng thì chư vị trông có được không?

- Thưa, không được!

- Còn nữa! Rồi cái tịnh xá Trúc Lâm này, đến một lúc nào đó sẽ biến thành bệnh viện với các vị tỳ-khưu mang bệnh cùi, bệnh lao, bệnh động kinh... thì trông có được chăng?

- Thưa, không được!

Đức Phật nhìn các vị trưởng lão rồi tiếp:

- Giáo pháp Như Lai được xây dựng trên nhân quả, có nhân, có duyên mới có quả. Khi nào có một việc phát sanh mà ai cũng thấy đó là xấu thì ngăn chặn điều xấu ấy, dập tắt nhân ấy, đã trở thành giới điều, trở thành luật tắc. Việc vị tỳ-khưu toàn hảo ngũ quan, tăng tướng – là điều kiện để cho

thọ đại giới, vậy là đã trở thành luật xuất gia tỳ-khuru. Việc vị tỳ-khuru phải hoàn toàn khỏe mạnh, vô bệnh là điều kiện cho thọ đại giới, vậy là đã trở thành luật xuất gia tỳ khuru! Các vị thấy có đúng không?

- Thưa, phải vậy!

- Thế thì bây giờ, chư vị trưởng lão sẽ họp bàn với nhau, soạn thảo với nhau về tất cả mọi điều kiện toàn hảo, viên mãn về luật xuất gia tỳ-khuru. Hai nội dung lược dẫn mới chỉ là gợi ý sơ khởi, Như Lai biết, các vị sẽ đưa ra được một liệt kê toàn bích hơn nhiều!

Tôn giả Sāriputta tán thán:

- Đúng là sự thấy biết của bậc Toàn Tri Diệu Giác! Chúng đệ tử nắm bắt rất rõ. Các điều kiện xuất gia còn có khả năng ngăn chặn kẻ mang công mắc nợ, kẻ trốn lính, bọn trộm cướp trốn luật pháp, bọn á nam á nữ, bọn bị hình phạt đóng dấu lên trán, bọn bị cáo thị tâm nã; nghĩa là còn nhiều lắm, bạch đức Tôn Sư!

- Ừ, đúng vậy! Như Lai biết! Bây giờ các vị hãy làm việc đi, có Sāriputta và Mahā Kassapa chủ trì. Như Lai sẽ làm việc với Jīvaka Komārabhacca, ông ta đã đến rồi đấy!

Và quả đúng như thế, lúc ấy, Jīvaka với cỗ xe hai ngựa đang đi vào Trúc Lâm tịnh xá.

Đức Phật chăm chú lắng nghe thánh y Jīvaka Komārabhacca trình bày tình trạng nguy hiểm do một số bệnh nhân lợi dụng tìm cách giả mạo, trộm tướng xuất gia. Trong số ấy, có một số bệnh được coi là nan y, bất trị; có một số bệnh lại lây lan truyền nhiễm rất nhanh, nếu chư tỳ-khuru không có kiến thức vệ sinh phổ thông thì nguy hại cho cả giáo hội. Xin đức Thế Tôn cho mở lớp học này. Đáng lưu ý nhất là có một số bệnh - phải gọi là bệnh nghiệp mà ông ta đang nghiên cứu - liên hệ đến việc bệnh nhân cần phải thay tâm đổi tánh; phải biết tu tập, phải biết bố thí, trì giới... mới có công năng giải tan ác nghiệp trước đây!

Jīvaka Komārabhacca nói rằng, bọn chúng đa phần do trọng nghiệp thưở trước còn dư sót, tự bản thân lại đang sống trong các ác, bất thiện pháp thì thượng đế cũng không cứu chúng được. Đệ tử lại càng không thể. Muốn thoát khỏi tình trạng hiện nay là phải trả họ trở về nhà...

Chính lúc đang nói chuyện ngang đây thì dân chúng hiếu kỳ đã kéo đến làm huyên náo cả Trúc Lâm. Vị tỳ-khưu thị giả trình bày lại câu chuyện chiếc bát gỗ đàn hương và đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã sử dụng thần thông ra sao. Ngay lúc ấy, tôn giả Mahā Moggallāna cũng vừa dẫn vị đại đức ấy đến đánh lễ đức Phật và trình diện ngài.

Buổi chiều, sau thời pháp lệ thường, đức Phật giáo giới rộng rãi đến hội chúng, có cả chư vị trưởng lão và đầy đủ cả tăng ni hai viện:

- Chuyện sử dụng thần thông để lấy chiếc bát gỗ quả thật là không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn hạnh. Trước đây, Như Lai thường để cho các vị thượng thủ A-la-hán đã chấm dứt lậu hoặc, đã rộng không mọi trần cấu – tùy nghi sử dụng các khả năng thắng trí để giáo hóa một số căn cơ nào đó. Nhưng nay thì chuyện gì xảy ra? Tỳ-khưu Piṇḍolabhāradvāja dầu có pháp thượng nhân nhưng chưa bước được vào dòng thánh đạo, nội tâm còn nhiều cấu uế, lại muốn chứng tỏ oai lực của mình trước muôn dân thành Vương Xá? Hành động ấy chứng tỏ gì? Chứng tỏ tâm trí còn dục tham, khoa trương, muốn thể hiện bản ngã, là những kiết sử, cấu uế không có trong tâm bậc thánh. Vì chưa cảm đoán, chưa chế định nên tỳ-khưu Piṇḍolabhāradvāja chưa phạm lỗi. Nhưng nay thì khác. Từ rày về sau, ngoại trừ một vài vị do Như Lai chỉ định, còn tăng ni hai viện, ai để lộ pháp thượng nhân trước hai hàng cư

sĩ tại gia, trước mọi người thì phạm tội dukkaṭa⁽¹⁾ tức là xấu ác, sai quấy, phải sám hối trước tăng.

Nhìn chiếc bát gỗ trầm láng lẩy, óng chuốt nổi vân đỏ và tỏa mùi thơm, đức Phật tiếp lời:

- Chẳng lẽ nào một sa-môn khát sĩ, xin ăn trước cửa mọi nhà, sống đời tri túc, tri chỉ, bần hàn, vô sản... lại sử dụng chiếc bát trân quý thế kia? Có xứng với phẩm hạnh xuất trần, ly cấu chằng? Có nghe dễ chịu trước tiếng lời của dư luận xã hội chằng?

Tôn giả Mahā Kassapa bạch:

- Thưa đức Tôn Sư! Chính người sử dụng nó đã cảm thấy khó chịu; còn dư luận xã hội thì khỏi nói, họ cười chê, biếm nhẽ, coi khinh không ra gì đâu! Nhân tiện đây, xin đức Thế Tôn cấm chỉ luôn các loại bát vàng, bát bạc, bát các loại ngọc, bát pha lê, bát đồng đỏ, bát thủy tinh, bát thiếc, bát chì, bát đồng thau...⁽²⁾ mà lác đác đâu đó, ở nơi này và nơi kia, có một số vị tỳ-khưu đã sử dụng.

Đức Phật gật đầu:

- Phải rồi! Những loại bát mà vị đệ nhất đầu-đà đã liệt kê cũng được phải cấm chỉ như thế. Các hàng trưởng lão phải thông báo rộng rãi điều ấy đi các nơi! Ngung một lát, nhìn chiếc bát trầm, nhìn qua hương Jīvaka Komārabhacca - đức Phật tiếp – Còn cái bát trầm đỏ, này ông thân y, nó có phải là thuốc không?

- Đúng vậy, bạch đức Tôn Sư! Nó là dược liệu, ví như ta có thể tinh chế để làm thuốc rửa mắt cho sáng; nhưng đồng thời cũng là một loại hương liệu quý hiếm nhằm để pha trộn vào các loại thuốc cao, như: cao chữa bỏng, cao đắp đau lưng, cao làm tươi mịn da, cao hút độc, mụn nhọt, cao đắp

⁽¹⁾ “Na bhikkhave iddhipāṭihāriyam dessetabbam. Yo dasseyya āpatti dukkaṭassa”- Này chư tỳ-khưu! Như Lai chế định không được biểu diễn thân thông; ai sử dụng pháp thượng nhân sẽ phạm tội tác ác!

⁽²⁾ Lấy ý từ Tạng Luật, tiểu phẩm (Cūlavagga)II, Sđd.

chỗ xương gãy, cao nhuận tràng, cao ấm phổi... nhiều lắm!

- Ủ! Vậy thì Như Lai trao cái bát quý ấy cho ông để sử dụng vào việc lợi ích.

- Đệ tử sẽ nghiền thành bột để tinh chế thuốc rửa mắt và các loại cao cần thiết nhất để phục vụ đức Thế Tôn và tăng ni hai viện.

Sau đó đức Phật chế định rằng, chư tỳ khuru, tỳ-khuru-ni chỉ nên sử dụng bát sắt, bát gỗ mít và bát đất mà thôi; ai sử dụng loại bát khác, ngoài chế định, như đã nêu ở trên, là phạm tội dukkaṭa!

Tiếp Chuyện Đức Vua Seniya Bimbisāra

Hôm kia, vào buổi chiều, tiết xuân, đức vua Seniya Bimbisāra, hoàng hậu Videhi, hoàng tử Ajātasattu (A-xà-thế) cùng quan binh tùy tùng hộ giá đến thăm đức Thế Tôn. Đức vua ra lệnh cho dừng xe ở bên ngoài rồi cùng hoàng hậu nắm tay hoàng tử đi lần vào, chậm rãi từng bước một theo lối sỏi. Đức vua đưa mắt nhìn nơi này, nơi khác. Mỗi khi công việc triều chính mệt mỏi, đức vua lại tìm đến đây để hưởng được giây phút an bình. Dẫu không có đức Phật thì có các vị trưởng lão, đức vua có thể tiếp kiến để học hỏi nhiều điều. Hóa ra, các vị này kiến thức cũng thâm uyên, lại có thể cặn kẽ, khúc chiết giảng giải giáo pháp, liên hệ việc đời, việc đạo một cách rất rành rẽ, thông bác...

Trúc Lâm đại tịnh xá càng ngày càng phát triển. Chính đức vua cho viên quan đặc trách kiến trúc của hoàng gia thường lui tới đây, công trình nào xuống cấp, phải tu bổ ngay. Trong thời gian sử dụng, nếu thấy thiếu những công trình phụ cần thiết nào phải trình báo, rồi thưa xin các vị trưởng lão cho thực hiện để phục vụ Tăng chúng kịp thời!

Tin đại chúng tăng ni về an cư mùa mưa đã lâu, đức vua chỉ mới đến thăm viếng một lần, nhưng sau đó thì quá nhiều

bận rộn. Từ khi sống theo giáo pháp, nội tâm đức vua được yên ổn, nội cung và triều đình cũng yên ổn; nhưng đức vua và một số các quan đại thần trẻ lại có những quan điểm bất đồng về chính sách. Họ bảo rằng, luật pháp mà quá khoan thứ thì nhân dân sẽ sinh loạn. Họ nói rằng, giới thanh niên xuất gia quá nhiều thì gánh nặng gia đình lại đẩy qua cho giới phụ nữ. Họ nói rằng, bây giờ phụ nữ cũng được tự do xuất gia nữa thì miếng cơm, manh áo của xã hội lại phải san sẻ quá nhiều cho du sĩ, đạo sĩ, sa-môn, bà-la-môn trì bình khát thực - đến lúc nào đó sẽ không còn chịu đựng nổi. Họ nói rằng, của tiền của hoàng gia đổ vào để xây dựng tịnh xá cho tăng ni, trong lúc các công trình cung điện hoàng gia xuống cấp lại chưa được trùng tu. Bức tường bao bọc thành ngoài là công trình an ninh quốc phòng đôi nơi cũng đã hư sập, cũng đang đòi hỏi ngân sách và sức dân. Nếu viện có là thời bình, muôn dân phú túc, thịnh cường mà không có chính sách nhìn xa trông rộng ... thì cũng là nguy cơ của triều đại. Cần phải khai thác thêm các mỏ sắt, mỏ đồng, mỏ vàng.. để một phần dự trữ cho ngân khố, một phần bán ra các nước láng giềng, một phần rèn đúc khí giới, áo giáp... dùng lúc hữu sự! Họ nói có lý quá. Và đức vua cũng đã mệt mỏi quá. Việc này chưa yên đã sinh việc khác. Mấy năm nay, miền bắc sông Gaṅgā liên tiếp được mùa thì phía nam mất mùa; mặc dầu Māgadha (Ma-kiệt-đà) chưa ảnh hưởng gì nhiều lắm nhưng cũng phải kiếm cách thay đổi cây trồng nông nghiệp. Đức vua lại nghĩ khác, năm nay đức Thế Tôn và đại chúng về đây thì Tứ đại Thiên vương phải lo điều ấy. Họ, một số quan đại thần ấy chưa đầy đủ đức tin. Năm nọ, đức Thế Tôn và tăng chúng vừa bước chân đến cửa đông kinh thành Vesāli thì trời liền đổ mưa, hết khô hạn, hết dịch bệnh. Họ duy vật chất quá. Họ lại bảo ta duy tâm linh quá. Họ đâu biết rằng chỉ cần một trận mưa đúng tiết, đúng thời thì mang lại cơm áo cho cả hàng trăm ngàn người. Một hiện

thân của đấng Siêu Việt ở đây là đã hộ trì cho quốc độ, đem đến an bình như thế nào cho bá tánh – chúng có hiểu đâu...

Đức Phật tiếp chuyện đức vua dưới bóng cây ngoài hiên. Trời im mát. Hoàng tử Ajātasattu đã mười tuổi, trông đã chững chạc, tự động đến đánh lễ đức Phật.

Đức vua tâm sự về công việc bộn bång ở triều đình, chuyện thời tiết nắng mưa năm qua khá phức tạp, nhưng từ khi đức Thế Tôn về thì bắt đầu dễ chịu, mùa màng chưa đến nỗi nào. Một lát, lại hỏi qua chuyện ni viện đã ổn định chưa? Còn chuyện bệnh nhân trộm mạo tăng tướng xuất gia do Jīvaka kể lại thì giờ như thế nào rồi? Đức vua gợi ý, nếu có chuyện gì giải quyết không được, cần đến hoàng gia thì xin đức Tôn Sư cứ sai bảo.

- Không có gì, tâu đại vương! Số bệnh nhân do Jīvaka phát hiện, các vị trưởng lão ân cần nói chuyện phải trái, họ đã tự động trả lại y bát, hoàn tục, chưa có việc gì đáng tiếc xảy ra.

Đức vua hỏi sang chuyện khác:

- Mới đây dư luận bàn tán khắp nơi về việc một vị tỳ-khưu trẻ đã sử dụng thần thông để lấy chiếc bát trầm đỏ trên đầu đọt tre cao mười tám thốt nốt; điều ấy là đúng với sự thực hay không đúng với sự thực?

- Quả có vậy!

- Dư luận cũng bảo rằng, đức Thế Tôn đã rầy la việc ấy; và sau đó đã công bố rộng rãi, là cấm chỉ chư tăng để lộ pháp thượng nhân, biểu diễn thần thông trước mắt mọi người?

- Quả có vậy!

- Nghe được điều ấy, mấy hôm nay, trên khắp mọi ngã đường, chúng ngoại đạo⁽¹⁾ giống trống mở cờ tuyên bố là

⁽¹⁾ Không có nghĩa xấu - chỉ để gọi các tôn giáo, các giáo phái không phải Phật giáo.

thách đấu thần thông với đức Tôn Sư đây!

- Ủ, Như Lai cũng có nghe.

- Chúng nói rằng, các bậc giáo chủ cao quý của họ, không thể vì chiếc bát tầm thường mà để lộ pháp thượng nhân, lại càng không muốn sinh ra tranh chấp với đệ tử của sa-môn Gotama. Nay tình thế khác rồi. Các giáo chủ của họ muốn đấu pháp lực với chính sa-môn Gotama mà thôi!

- Ủ, Như Lai cũng có nghe như thế!

Thấy sự bình tĩnh, an nhiên của đức Phật, đức vua Seniya Bimbisāra lại cảm thấy lo lắng:

- Đức Tôn Sư đã cấm chỉ rồi! Vậy, chuyện này chúng ta sẽ bị lép vế rồi!

- Không đâu! Đức Phật mỉm cười - Chính Như Lai sẽ sử dụng thần thông để cho họ thấy oai lực bất khả tư nghị của một vị Chánh Đẳng Giác - ngài giải thích thêm – chư Phật quá khứ cũng thường làm như thế, một lần, nhiều loại thần thông khác nhau để nhiếp phục chúng ngoại đạo!

- Thế chuyện cấm chỉ...?

- Đây đại vương - đức Phật nói tiếp – nghe nói đại vương có một vườn xoài đặc chủng, quý hiếm nên đã ra bằng yết thị cấm chỉ không cho phép ai được đến vườn xoài, hái xoài – có phải vậy chăng?

- Thưa, đúng vậy!

- Vậy cái bằng cấm chỉ ấy có cấm chỉ đại vương đến vườn xoài, hái xoài; hay đại vương là ngoại lệ, ở ngoài sự cấm chỉ ấy?

- Dĩ nhiên, ông vua thì cứ tha hồ!

- Cũng vậy, tâu đại vương! Như Lai cấm chỉ chư đệ tử, nhưng Như Lai thì ngoại lệ, Như Lai sẽ tùy nghi sử dụng thần thông để giáo hóa sanh chúng!

Đức vua bất giác cười xòa. Một lát, ngài hỏi tiếp:

- Vậy thì lúc nào đức Tôn Sư sử dụng thần thông?

- Đúng duyên, đúng thời thì phải vào đúng ngày rằm

tháng sáu, đầu an cư mùa mưa. Nghĩa là bắt đầu từ hôm nay, đến tháng Asāḷaha, còn gần năm tháng nữa!

- Tại chỗ nào, thưa đức Tôn Sư?

- Tại nước Kosala, kinh thành Sāvatti, trên một cái cây lớn, có tên là Kaṇḍamba!

Đức vua rất hoan hỷ về buổi tiếp chuyện với đức Phật, nhưng chỉ tiếc là không được xem cuộc biểu diễn thần thông ấy. Lúc từ giã, đức vua hứa sẽ giúp một tay để kiến thiết, sửa sang ni viện cho chắc bền hơn, kang trang hơn. Ra về rồi mà đức vua còn một nỗi niềm canh cánh bên lòng là chưa khuyên nhủ được bà quý phi của mình đến Trúc Lâm để được nghe pháp.

Bà Quý Phi Xinh Đẹp

Đức vua Sineya Bimbisāra và hoàng hậu Videhi – sau khi nghe pháp, đắc quả Nhập Lưu – thì họ có được đức tin vững chắc, có được đời sống thanh bình và an lạc. Mọi câu hỏi, mọi tư duy về đời người đã lần lượt được gỡ rối; mọi khổ ưu, mọi phiền não trong tâm hồn càng ngày càng nhẹ nhàng, yên lặng bớt. Đức vua có một bà quý phi xinh đẹp; tên là Khemā, luôn luôn hãnh diện và tự hào về sắc đẹp của mình - được ông vô cùng yêu mến. Nhưng sau khi học hiểu được giáo pháp, đức vua biết rằng, sắc đẹp của mỹ nhân giống như đóa hoa, một lúc nào đó sẽ nhạt phai, sẽ ô sặc và rữa hương. Chính vẻ đẹp tâm hồn, vẻ đẹp tinh thần được thấm nhuần hương vị của chánh pháp mới không bị hư mục theo thời gian, mà ngược lại, ngày càng được khởi sắc và thăng hoa. Hoàng hậu Videhi bản chất thuần hậu, đoan trang, có vẻ đẹp nội tâm thâm lặng; như một mảnh vải trắng tinh rất dễ nhuộm màu nên sau khi nghe pháp, bà nhẹ nhàng xuôi chảy vào dòng. Chỉ riêng bà quý phi Khemā là không chịu đi nghe pháp. Đức vua đã ân cần dỗ ngon, dỗ ngọt nhiều lần nhưng bà vẫn lắc đầu từ chối. Khi được gặng hỏi lý do thì bà đáp:

- Đức Thế Tôn ấy có ba hai quý tướng và tám mươi vẻ

đẹp, thiếp biết. Đức Thế Tôn ấy toàn hảo mọi đức hạnh, quyền năng, trí tuệ thiếp cũng biết. Thế gian xung tán ngài là bậc thầy của chư thiên và loài người - thì không ai còn dám hồ nghi. Tuy nhiên, thiếp sẽ không đi!

Khi được hỏi lý do, bà đáp:

- Nghe nói rằng, đức Thế Tôn thường có lời khiếm nhã đối với nữ giới. Ngài coi thường, đôi khi cười chê sắc đẹp của phụ nữ; ngài nói rằng, đẹp gì, quý gì, mỹ miều gì cái bao da đựng thịt, đựng xương mà trang điểm, mà xông hương, ướp phân, thoa son... Quả là ngài chẳng lịch sự chút nào!

Đức vua thánh đệ tử cười thầm trong lòng, nhưng ngoài mặt lại nói:

- Ủ, ngài nói vậy dù đúng với sự thực, nhưng mà cũng hơi quá đáng. Có được sắc đẹp như ái phi trên thế gian này phỏng có mấy người? Phải tu tập, phải tích lũy vô lượng phước báu mới có được như thế chứ đâu có dễ gì!

Bà Khemā thấy vua đồng quan điểm với mình, cảm thấy rất vừa lòng nên nhướn mày, đắc ý:

- Chứ sao? Vậy sao đại vương cứ nhắc ngày, nhắc đêm bảo thiếp phải đi hầu thăm đức Thế Tôn ấy?

- Có hai lý do - đức vua Bimbisāra chậm rãi, dịu dàng nói - Nàng biết không, Veluvanārāma đẹp lắm! Trúc Lâm đại tịnh xá là một nơi khả ái, khả hỷ, khả lạc, phong cảnh nên thơ, hữu tình làm sao! Nó nên thơ, hữu tình nhưng mà lại làm cho tâm hồn ta mát mẻ, trong lành, vô cùng dễ chịu. Người nào đến Trúc Lâm, thấy được Trúc Lâm rồi thì xem như người ấy đã thấy được Hỷ Lâm (Nandavana), thắng cảnh đệ nhất tại cung trời Đao Lợi - là nơi mà Đế Thích thiên chủ thường hay đến ngoạn du, vui chơi với cả hàng ngàn tiên nữ. Đây là lý do thứ nhất.

- Gì mà đẹp ghê gớm vậy - bà Khemā cau đôi mày lá liễu - Thôi được rồi, vậy còn lý do thứ hai?

- Là vì đức Phật cũng thường hay khen ngợi phụ nữ -

nhưng nàng không biết đây thôi!

- Quả có thể sao?

- Đúng vậy! Ngài từng nói rằng: Bản chất người nữ tuy hơi mềm yếu, nhưng họ cũng có khả năng thành tựu tri kiến cao thượng, có nền tảng khá vững chắc để phát triển tứ vô lượng tâm. Ngoài ra, giác ngộ, giải thoát, tứ quả, thắng trí, biện tài, phân tích, giới hạnh, thiền định, tuệ giác... họ hoàn toàn không hề thua nam giới. Đây cũng là lý do mà đức Tôn Sư cho thành lập giáo hội tỳ-khưu-ni - vừa nói lên tiếng nói của một tập thể bình đẳng, dân chủ mà còn là cơ hội tuyên dương nữ giới, xem trọng nữ giới - trong lúc luật Manu trong truyền thống bà-la-môn tự ngàn xưa đã không coi nữ giới ra gì, suốt đời phải lệ thuộc nam giới, lại còn xem rẻ, coi khinh nữa!

- Thế là khách quan, là đúng đắn! Hóa ra từ lâu thiếp chỉ nghe một bên, một chiều... đây là lỗi lầm, là thiếu sót đáng chê trách của thiếp vậy.

Được đức vua Bimbisāra khôn ngoan thuyết phục nhiều lần như thế, chiều hôm ấy, bà quý phi xinh đẹp của chúng ta không cần quân lính hộ giá, chỉ với mấy cung nga lên một cỗ xe 4 ngựa trắng đến viếng thăm Trúc Lâm. Đến cổng tịnh xá, bà cho dừng ngựa, chậm rãi đi bộ vào. Quả là một khung cảnh tươi xanh, trong lành, mát mẻ. Đây đó thấp thoáng hình bóng các sa-môn áo vàng đang kinh hành hoặc tĩnh tọa dưới các gốc cây, bờ suối. Đâu cũng vắng lặng, yên ả, thanh bình. Tâm hồn bà dường như lặng dịu xuống. Đến một ngã rẽ, bà chợt dừng chân lại. Dưới bụi trúc có hai vị tỳ-khưu còn rất trẻ, tuổi vừa chùng đôi mươi đang an nhiên tọa thiền. Bà lặng lẽ quan sát “hai pho tượng tuyệt tác của hóa công”. Họ đẹp quá! Năng lượng của tuổi thanh xuân như phát sáng nơi vùng trán, khuôn mặt và dường như trôi chảy cuộn cuộn nơi từng cơ bắp, trong từng thớ thịt trắng hồng! Một ý nghĩ chợt thoáng hiện trong đầu bà: “Ôi! Tại sao? Tại sao? Cái giáo

pháp này như thế nào mà có thể lôi cuốn cả những chàng thanh niên trẻ đẹp, phải hy sinh cả sự sống cuồn cuộn của tuổi thanh xuân đang hứa hẹn một tương lai tươi sáng bên vợ đẹp, con xinh - để đến đây sống đời viễn ly thế tục? Thật đáng khâm phục thay! Nhìn sự sáng rõ của sắc mặt, nhìn sự an nhiên tĩnh tại này - thì rõ họ đâu có bị quan yếm thế, mà ngược lại, họ đang an trú một phúc lạc nội tâm nào đó?”. Bà quý phi xinh đẹp chột thở dài, một hơi thở dài rất nhẹ - chỉ như là sự lay động của một cánh hoa trong làn sương sớm. Một tí hồ thẹn thoáng gọn trong tâm tư bà: “Còn mình thì cứ cố mà hưởng thụ, mà thỏa mãn cái tuổi thanh xuân!”

Bà Khemā lần bước theo âm thanh với tám tuyệt hảo của đức Phật từ nhà giảng rộng lớn vọng ra. Xung quanh lặng ngắt như tờ. Bà cảm thấy ở đây rõ ràng là có một thế giới khác mà dường như không hề lây nhiễm một hạt bụi tục lụy nào. Nội tâm bà chột như bắt gặp được một cái gì từ một không gian tâm linh xưa cũ? Một không khí linh thiêng dập dờn trong ký ức mù sương?

Trong nhà giảng, chư tăng đang nghe pháp. Đức Phật với dung nghi sáng rõ; với ngôn ngữ trầm, âm, vang, ngân, sắc, gọn, mạch lạc, sáng sủa... cứ như từng đợt hải triều âm dịu dàng vọng giữa không gian. Người, vật, cỏ cây, mây nước... dường như bị chìm ngập, bị thu nhiếp, bị tan hòa trong biển âm thanh vi diệu ấy. Bà cũng bị cuốn hút bởi một năng lực siêu nhiên nào đó. Bà lặng lẽ quỳ xuống trước ngưỡng cửa nhà giảng. Phía hai bên đức Phật chột ửng sáng, rồi từ trong đám mây ngũ sắc, hai cô tiên nữ bước ra, dung sắc mỹ lệ, phi phàm. Bà Khemā mở lớn đôi mắt bồ câu, sững sột. Đẹp quá. Cả hai vừa tuổi độ trăng tròn, trang sức xiêm y quá sức lộng lẫy, quá sức quý phái, quá sức kiêu sa, quá sức gợi cảm, quá sức mỹ miều... không thể có được trên thế gian này! Bà thật tủi hổ khi từ lâu đã tự hào, kiêu hãnh bởi sắc đẹp của mình. Ôi! Năm vẻ đẹp của giai nhân trần thế

- có nghĩa gì với hai cô tiên nữ này. Đây phải là sự kết tụ tinh anh của ngàn hoa! Đây phải là linh hồn của nữ vương sắc đẹp đang hiện thân trong vóc dáng ngọc ngà kia - ở ngoài cả mọi ý tưởng, mọi ngôn ngữ diễn đạt! Bà Khemā lặng lẽ chiêm ngưỡng không chán mắt. Chợt, một làn gió nhẹ lay động, một màn sương mờ thoáng qua, có sự thay đổi nào đó trên sắc diện cùng vóc ngọc, dáng ngà của hai cô tiên nữ. Ô! Nó thay đổi rất nhanh! Mới đó mà đã trở thành thanh nữ rồi. Đôi mắt hoa sen ẩn trong màu nước trong xanh vời vợi kia đã có gì đổi khác! Hai bờ môi chín mọng đỏ hồng như quả chà là đã có pha ở đấy một chút gió, chút sương! Làn da trắng mịn như chồi măng non đã mơ hồ có một làn mây nhạt phớt qua. Cặp nhũ đầy đặn, căng tròn như búp sen đã bắt đầu tiêu hao nhựa sống! Cái eo thon thả rồi nở ra cái lưng ong, cái mông ong đã có dấu hiệu chững lại! Và rồi, kia, có sự thay đổi rất nhanh nữa - đã trở thành thiếu phụ, lão phụ trong một thoáng mắt! Bà Khemā bàng hoàng! Ôi! Còn đâu sắc đẹp thanh tân, trinh bạch, diễm kiều? Còn đâu vóc dáng tư nộn căng tròn nhựa sống? Hai cô tiên nữ kia, bây giờ chỉ còn là hai cái xác nhăn nheo, nước da sạm đen mốc thối và sần sùi như làn da cóc. Răng rụng, móm mém, phều phào nước nhớt, nước dãi rỉ ra từ hai bên mép; tóc bạc lốm đốm bụi bân, tay chân run rẩy, cái lưng cong gập xuống như cái giàn xay... Còn nữa, cả hai chợt ôm bụng, nhăn nhó, đau khổ, quần quai - khuôn mặt méo mó, mắt như lòi ra, rên rỉ thảm não... Rồi cả hai bỗng co quắp, đổ ụp xuống, trợn mắt, ngoẹo đầu, tắt thở trong cảnh kinh hoàng, kinh khiếp... Nhìn cảnh tượng ấy, bà Khemā tràn đầy kinh cảm, rợn cả tóc gáy, tự nói với chính mình: “Ôi! Có gì nữa mà tự hào, hãnh diện? Người đã thấy chưa, đã sáng mắt ra chưa hỡi con Khemā si mê, ngu ngốc! Tuổi trẻ, sắc đẹp, vóc dáng thanh xuân rồi sẽ một thoáng qua mau! Bệnh hoạn, già yếu, thống khổ, tử vong... một lúc nào đó như con lũ lớn, nó sẽ cuốn

trôi tất cả, phá sản tất cả, diệt mất tất cả. Hãy thức tỉnh đi thôi!”

Đức Phật đã biến hóa ra hai cô tiên nữ, chỉ có ngài, các bậc có thắng trí và bà Khemā thấy - để giáo hóa người đàn bà quý phái. Đúng lúc, bà như vừa tỉnh lại sau cơn mộng dài, đức Phật rót vào tai bà một bài kệ ngôn:

“- Này con! Này Khemā!
Hãy thấy thực cái thân
Cái thân là như vậy đấy!
Rồi nó sẽ già yếu
Rồi nó sẽ nhăn nheo
Rồi nó sẽ xấu xí
Nhóm góm bởi tạp uế
Dầu có nâng niu, tô vẽ
Dầu có ướp hoa, xông hương
Nó cũng sẽ tàn úa và tử vong
Chỉ có kẻ thiếu trí, mê si
Mới đam luyện, ấp iu cái thân
Hãy tỉnh lại, này con!
Hãy bước vào giáo pháp
Hãy bắt đầu tu tập
Hãy nhàm chán các sắc
Hãy trú thân hành niệm
Hãy quán thân bất tịnh
Từ bỏ mọi say đắm
Cả bên trong, bên ngoài
Hãy thấy dòng bộc ái
Cuốn trôi bao chúng sanh
Con nhện tự dệt lưới
Tự mình sa vào tròng
Hãy cắt đứt buộc ràng
Hãy thoát ly ái niệm
Với đời sống xuất gia

Tâm cầu chân hạnh phúc!”

Bài kệ vừa kết thúc, bà Khemā đi vào giảng đường bằng đầu gối rồi quỳ sụp xuống, gục khóc lặng lẽ, không thốt nên lời. Do căn cơ sâu dày, bà đã chứng quả Nhập Lưu. Sau đó, để cho cảm xúc lắng xuống, bà Khemā tri ân thời pháp bất tử, tri ân phương tiện thiện xảo; với tâm đại bi, đức Phật đã cho bà uống một liều thần dược để tỉnh giấc mộng đam mê, luyến ái cái thân bất tịnh... Cuối cùng, bà xin được sám hối với đức Phật, với giáo pháp, với chư tăng thánh hạnh...

- Thôi được rồi, đủ rồi, Khemā! Như Lai xác chứng cho bà, từ nay đã rửa sạch cát bụi trong mắt.

Trở về hoàng cung với một con người hoàn toàn tươi mới, bà quý phi xinh đẹp tìm gặp đức vua Bimbisāra, hoan hỷ thốt lên:

- Thật là tuyệt vời, hiền huynh ơi!

Nhìn vào đôi mắt rạng rỡ như có hào quang của người thiếp yêu, đức vua nói:

- Quả là kỳ lạ quá sức! Hôm nay nàng lại gọi ta là hiền huynh?

- Đúng vậy!

- Thế là đã có một cuộc chuyển hóa vĩ đại sau khi hiền muội ghé thăm Trúc Lâm đại tịnh xá - đẹp như công viên Hỷ Lâm của cõi trời Đao Lợi chăng?

- Hơn cả thế nữa, này hiền huynh yêu quý!

Thế rồi, huynh muội họ tâm sự với nhau. Bà xin phép được xuất gia. Đức vua hiền thiện chấp tay lên đỉnh đầu, tán thán:

- Hiền muội ngỡ là đi sau ta - mà hóa ra đã đi trước một bước trong giáo pháp thanh tịnh rồi! Ôi! Quý hóa thay! Lành thay!

Duyên Xưa, Lối Cũ

Mấy ngày hôm sau, bà quý phi xinh đẹp đến xin xuất gia tại ni viện trên một cái võng bằng lưới vàng với một trăm thị nữ theo hầu, có đức vua, chánh hậu Videhi, các quan đại thần, các vị công nương... cùng đến tham dự cuộc lễ. Đức Phật đích thân chứng minh, các vị trưởng lão làm lễ thụ giới cho nàng trước sự chứng kiến của tăng ni hai viện, triều đình cũng như hai hàng cư sĩ.

Niềm vui thanh cao, thánh thiện làm cho khuôn mặt của đức vua như tỏa hào quang, ông rộng tay mở kho tàng, đặt bát cúng dường suốt bảy ngày, gồm đủ mọi lễ phẩm phụ tỳ đến đức Phật và tăng ni - để kỷ niệm ngày mừng vui trọng đại của hoàng gia. Đức vua hiền thiện này còn làm một nghĩa cử cao đẹp là lập bốn trại chẩn bần bên ngoài bốn cổng thành để bố thí cho những người nghèo khổ, cơ nhỡ, già cả, neo đơn... Ngoài ra, mọi châu báu, tư trang, tư dụng của bà quý phi đều được ủy thác cho đức vua và hoàng hậu để kiến thiết, chỉnh trang các tịnh xá trong kinh thành.

Sự kiện hy hữu này, tăng ni cứ bàn tán mãi, chẳng rõ do nhân duyên kỳ lạ nào mà bà quý phi chỉ nghe một thời pháp, đã có thể từ bỏ tức khắc mọi vinh hoa phú quý thế tục để sống đời một nữ khất sĩ bần hàn!

Biết được mỗi nghi hoặc trong lòng của mọi người, tôn giả Sāriputta thỉnh đức Phật vén mở bức màn mù sương các kiếp tử sinh của bà quý phi để tăng trưởng đức tin cho hàng tỳ-khưu hậu học. Thuận theo mọi người, đức Phật đã kể chuyện tương đối đầy đủ, như sau:

- Cũng là duyên xưa, lời cũ thôi, này các thầy tỳ-khưu! Bà Khemā này có duyên căn rất thâm hậu. Kể từ thời đức Phật Padumuttara, cô sinh ra làm một nô tỳ cho một gia chủ trong thành phố Hamsavati. Đời sống cô rất nghèo hèn và cơ cực. Tuy nhiên, dung sắc cô rất đẹp, diễm kiều, khả ái; nhất là mái tóc đen dài, óng ánh, mượt mà thả xuống gót chân... Duyên may, hôm nọ, thấy trưởng lão Sujatā - vốn là đại đệ tử của đức Phật Padumuttara - với nghi dung sáng rõ, với lục căn thanh tịnh đang thông dong, tự tại trì bình khát thực nơi xóm nhà ven lộ. Phát khởi tâm tịnh tín, nhưng không có tiền, chỉ có vài xu lẻ, đủ để mua một chiếc bánh ngọt - cô thành kính đặt bát cúng dường! Với trí tuệ, với thẳng trí, trưởng lão thoáng nhìn đã thấy, biết nhân, duyên và quả ở cô thí chủ này, nên ngài dịu dàng cất tiếng nói:

- Vật thí tuy nhỏ nhoi, nhưng tâm cô thành kính, tịnh tín nên nó đẹp lắm, quý lắm! Cô có ước nguyện gì không?

- Thân phận con bé mọn, thấp thỏi, đâu dám ước nguyện gì; chỉ mong rằng, một kiếp nào đó, trong tương lai, có cơ duyên được đời sống xuất gia nhẹ nhàng, thanh thoát như tôn giả vậy.

- Cô sẽ có cơ duyên thù thắng và rồi sẽ được như nguyện.

Được sự động viên, khích lệ như thế - nên khi nào hễ có dịp là cô lại đặt bát cúng dường, dù chút ít nhưng không mệt mỏi, bao giờ cũng hoan hỷ và mát mẻ. Trong một cuộc cúng dường lớn lên đức Phật và chư tăng, không biết bao nhiêu là vua chúa, quan lại, triệu phú, doanh gia... với tiền rừng, bạc bể, lương thực, thực phẩm như núi, thượng vị loại cứng, loại

mềm... Cô rất hổ thẹn vì thấy mình không có gì. Chợt nghĩ đến tài sản quý báu là mái tóc đẹp, hiếm có; cô gái, không ngần ngại, cắt ngay mái tóc đem bán. Người chủ tiệm cửa hàng trang điểm, là một con người không có lương tâm; biết mái tóc này là cực quý; nhưng nhìn thấy cô gái nghèo hèn, thuộc giới cấp thấp cổ, bé miệng, nên chỉ trả cho hai đồng tiền vàng mà thôi! Lại còn miệng lưỡi đãi bôi, nói là cảm cảnh hoàn cảnh của cô nên đã mua với giá rất cao! Cô gái không buồn về chuyện ấy, bèn hỏi hỏi sắm sanh lễ phẩm để chung hội thí với mọi người!

Đức Phật với thiên nhân, thiên nhĩ, tha tâm thuần tịnh siêu nhân - ngài biết tất cả việc xảy ra. Sớm hôm ấy, đức Phật ôm bát, không dừng lại nơi chỗ phú quý của vua chúa, không dừng lại nơi chỗ cao sang của các quan đại thần; và bỏ qua thượng phẩm của tất cả triệu phú, doanh gia, các đại gia chủ - để đi đến nơi mâm vật thực nghèo nàn của cô gái. Mừng đến nỗi nước mắt cứ giọt ngắn, giọt dài - cô gái trân trọng đặt bát cho đức Thế Tôn trước hàng ngàn đôi mắt ngưỡng mộ lẫn ghen tỵ của mọi người. Để cho phước báu của cô gái càng thêm viên mãn, đức Phật bảo thị giả xếp gấp tấm tăng-già-lê làm bốn trái lên nền đất rồi ngài ngồi xuống, an tĩnh, thanh tịnh độ thực ngay tại chỗ. Cô gái quỳ xuống, chấp tay hầu một bên.

Đặt bát cho chư tăng đại chúng xong, mọi người quây quần lại xin cô gái chia phước. Cô vui mừng lắm, nhưng không biết chia phước ra làm sao. Đức Phật mỉm cười, ân cần dạy rằng:

- Con thành kính chấp tay lên, đặt ngay nơi chỗ trái tim của mình - làm thế nào để cho ngôn ngữ, tâm hồn và ý nghĩ kết hợp làm một, rồi nói như thế này: “Tôi rất hoan hỷ, đại hoan hỷ chia phước đến cho tất cả mọi người”. Con biết tại sao không? Phước như ngọn đèn. Con đang có một ngọn đèn sau khi cúng dường đến Như Lai. Ngọn đèn ấy, nếu con

cho một trăm người thắp, ngàn người thắp thì ánh sáng đèn cứ thế mà lan tỏa ra mãi; nhưng ngọn đèn trong tay con vẫn không hao hụt, không suy yếu một chút nào. Nó vẫn nguyên vẹn!

Thế rồi, sau khi cô gái chia phước, mọi người đồng rân hô lớn, lành thay, làm cho cả đại địa và các tầng trời cũng phải rung rinh.

Vị đại vương chí tôn kinh thành Hamsavati nghe chuyện cô gái, rung rung cảm động, xiết bao thương quý - chiều ấy, cùng hai thị vệ, hỏi đường, tìm đến thăm tận nhà. Ngạc nhiên thấy cô gái đẹp quá, lại ở trong cái chòi rách nát với một cậu em trai. Đức vua trẻ thấy trái tim rung động, không muốn giấu giếm thân phận mình, nói thật với cô gái và muốn rước cô gái về cung. Cô gái thấy chàng trai cao sang, tuấn tú cũng nghe lòng mình bồi hồi, xao xuyến. Có gì lạ đâu, họ đã từng là vợ chồng trong nhiều kiếp quá khứ rồi! Lạ thay, khi cô gái vừa cúi đầu xuống, hổ thẹn, ngầm ý chấp thuận thì mái tóc của cô ta dài ra như cũ. Đức vua trở mắt nhìn. Chỉ có đức Phật và các bậc có thắng trí mới biết phép lạ ấy có được là bởi Đế Thích thiên chủ. Hôm ấy, khi cô gái cắt bán mái tóc thanh xuân, mua vật thực cúng dường đức Phật và được đức Phật thọ nhận rồi độ thực ngay tại chỗ - thì tại Đạo Lợi thiên cung, tảng đá vàng làm ngai ngồi của ông chột nóng ran lên. Đây là dấu hiệu, lúc nào tại nhân gian có ai đó làm phước, mà phước báu ấy rất cao thượng, lúc trả quả, có thể thắng trội, vượt trội - có thể chiếm lĩnh ngay cả ngai vàng của ông ta. Dùng thiên nhãn ngắm nhìn, Đế Thích thấy biết ngay, nên ông đã ra tay ban chút phép màu cho cô gái được lấy lại mái tóc đẹp của mình trước khi se duyên về cung với đức vua! Sau đó, cô gái được vua phong làm quý phi, sống một cuộc đời yên ấm, vương giả.

Một lần nọ, khi thấy đức Phật tuyên dương một tỳ-khưu-ni sáng chói đệ nhất về trí tuệ, bà đã ước nguyện sau này sẽ

sở đặc như vậy. Và đức Phật Padumuttara đã thọ ký cho bà được như nguyện.

Hết kiếp sống ấy, do nhờ tâm tịnh tín và phước báu thù thắng ấy, cô ta luân chuyển trong các cõi trời và người với hạnh phúc sang cả và thù thắng, luôn là hoàng hậu, chánh hậu, vương phi các vị vua trời và các đức Chuyển luân Thánh vương.

Đến thời Phật Vipassī, bà được xuất gia trong giáo pháp này, nổi tiếng là một tỳ-khưu-ni có trí phân tích với ngữ ngôn tinh tế, trong sáng kiêm cả tài hùng biện.

Đến thời Phật Kakusandha, cô thác sanh trong một gia đình cự phú, biết bổ thí, trì giới, có đức tin thiêng liêng với Tam Bảo, đã xây dựng một trú xứ vĩ đại, kang trang, đẹp đẽ để cúng dường đến đức Phật và mấy chục ngàn Tăng chúng có chỗ tĩnh cư.

Đến thời Phật Koṇāgamana, tâm tịnh tín và sự bổ thí cúng dường của cô vẫn đi theo ước nguyện cũ, vẫn là những đại tịnh xá, đại lâm viên cho đức Phật và giáo hội.

Đến thời Phật Kassapa, bà tên là Samanī, là trưởng công chúa con đức vua Kikī nước Kāsi, kinh thành Bārāṇasī - đã khẩn khoản xin xuất gia nhưng không thuận duyên, do hai thân không cho phép. Thế là bảy chị em, gồm Samanī, Samaṇagutta, Bhikkhunī, Bhikkhudāyika, Dhammā, Sudhammā và Saṅghadāyika sống trong những cung điện nguy nga tráng lệ. Tuy nhiên, do căn tu nhiều đời, họ thường hay đi nghe pháp, sống rất có giới hạnh và bổ thí cúng dường không mệt mỏi...

Này các thầy tỳ-khưu, đừng tưởng vị trưởng công chúa Samanī ấy là ai, chính là bà Khemā hiện nay đây. Do nhân duyên nhiều đời như vậy, một thời gian sau, chắc chắn bà sẽ đắc quả A-la-hán, đồng thời sẽ sở đắc tất cả mọi thành tựu từ ước nguyện cũ. Ngoài những thắng trí, ngôn ngữ, biện tài, tỳ-khưu-ni Khemā sau này sẽ là bậc trí tuệ đệ nhất trong

hàng ni chúng. Tự bà sẽ lấy lại phẩm vị từ ước nguyện xưa của mình - khi quỳ dưới chân đức Phật Padumuttara, đã được ngài hứa khả - vào thời giáo pháp hiện nay của Như Lai!

Đại chúng thở phào, nhẹ nhõm - và thế là đức tin, thêm một lần nữa được xác lập, được củng cố, tăng trưởng.

Tôn giả Ānanda chợt thưa hỏi:

- Thế sáu vị công chúa đã từng nghe pháp, bồ thí, cúng dường, sống rất có giới hạnh thuở ấy - họ lưu lạc phương trời nào, cảnh giới nào rồi, bạch đức Thế Tôn?

Đức Phật mỉm cười:

- Lại duyên xưa, lời cũ mà về. Họ đang có mặt đầy đủ ở đây cả rồi!

Đại chúng ngỡ ngác. Có người, bất giác đưa mắt nhìn ngược, nhìn xuôi!

Đức Phật lại tiết lộ bí mật một chút:

- Đời này, họ đã sanh ra, và trước sau họ đều tao ngộ trong giáo pháp. Riêng cô công chúa út, rồi các thầy sẽ gặp thôi, không lâu đâu!

Đại chúng thỏa mãn vì câu chuyện thật hay, thật cảm động ấy; và ấn tượng mà họ ghi nhớ nhất - là cô gái nghèo khổ đã tự cắt bỏ mái tóc thanh xuân của mình, đem bán để mua thực phẩm cúng dường!

Lúc mọi người giải tán hết thì tôn giả Ānanda cứ lẻo đẻo theo sau tôn giả Mahā Moggallāna để hỏi cho kỳ được 6 cô công chúa còn lại là ai, tên là gì, hiện họ đang ở những đâu?

Tôn giả Mahā Moggallāna biết rất rõ như sau: “Samaṇagutta xưa, bây giờ là Uppalavanna; Bhikkhunī xưa, bây giờ là Paṭācārā; Bhikkhudāyika xưa, bây giờ là Kuṇḍalā; Dhammā xưa, bây giờ là Kisā-Gotamī; Sudhammā xưa, bây giờ là Dhammadinnā” - nhưng ngài chỉ cười, khẽ nói:

- Đức Thế Tôn chưa kể câu chuyện còn lại - là có lý do của ngài - tôi là ai mà dám bước qua giới hạn ấy? Hiền hữu

chỉ cần biết rằng, họ đều còn đang lưu lạc ở trong đời, còn đang nếm đủ mọi mùi vị ngọt ngào cũng như đắng cay của cuộc sống, khi chưa dứt nghiệp. Nhưng sau này, họ đều là những vị tỳ-khưu-ni đạo cao đức trọng, sáng chói trong rừng Ni chúng! Đức Phật không đã từng dạy từ đầu, rằng là, ai nấy đều cứ theo **duyên xưa, lời cũ** mà về, đó sao!

Nói thế cũng bằng không! Tôn giả Ānanda xịu mặt xuống, trông sao mà dễ thương, dễ mến đến vậy!

Thần Thông Cảm Hóa Ngoại Đạo

It hôm sau thấy thời tiết khô nhẹ, đức Phật bàn giao công việc ở Trúc Lâm cho một số các vị trưởng lão, ngài và đại chúng tỳ-khưu lại làm một chuyến du hành về phương bắc. Ngài lần lượt theo đường bộ hành thương mãi đến thị trấn phồn vinh Pāṭaligāma, vượt sông Gaṅgā đến Vesāli, ghé thăm Mahāvana. Tại Sảnh Đường Nóc Nhọn, đức Phật ở lại đây mấy hôm để giáo hóa chúng tăng ni hai viện. Ngài lại phải chế định tạm thời một số giới điều để đối trị những xấu ác phát sanh. Có những việc thật không đáng, nhất là tại ni viện, khi các trưởng lão ni về an cư tại Trúc Lâm. Ai ngờ có những cô ni lại tích trữ tỏi, tích trữ dầu ăn, tích trữ một số cao mỡ làm đẹp da, tích trữ dù, dép... Từ khi bà kỹ nữ Ambapālī được đức Phật cho phép hộ độ ni viện thì khuôn mặt và sinh hoạt ở đây có nhiều thay đổi. Hễ thấy ni chúng cần gì thì bà cho xe chở đến. Nhất là vải vóc – vì chư ni ít khi có đủ năm y⁽¹⁾ để thay đổi. Thế là có người tích trữ vải, sử dụng rộng rãi cho mình rồi còn câu dụ tặng cho người khác để nhờ vả hoặc trao đổi chuyện gì đấy! Đôi khi chỉ là

⁽¹⁾ Tăng 03 y, nhưng Ni phải 05 y: Nội, ngoại, lót (samkacchika - yếm), y tắm và y hai lớp để đắp.

sai vặt hoặc giặt y bát giùm, đi bát giùm...

Địp này, bà kỹ nữ Ambapālī xin được xuất gia tỳ-khuru-ni. Đức Phật đã đích thân làm lễ cho bà thọ cụ túc giới có sự tham dự đông đảo của các hàng trưởng lão. Bà khởi tâm cúng dường đặt bát suốt bảy ngày, đầy đủ những vật dụng phụ tùy đến tăng ni hai viện...

Rời Mahāvana, thấy Vesāli thịnh vượng, đời sống chư tăng ni đã đi vào ổn định, đức Phật lần lượt ghé qua tiểu bang Videha, Moriya, Mallā... thì gặp lại các trưởng lão Kāḷudāyi, Bhaddiya, Devadatta... đang du hóa ở vùng này. Đức Phật ân cần thăm hỏi. Thấy ai cũng sạm đen, phong trần nhưng toát ra sự trưởng thành, chững chạc. Đức Phật quan tâm Devadatta nhiều nhất vì ông ta tuy có ngũ thông, có một hội chúng đệ tử đông nhất nhưng chưa bước vào dòng thánh đạo.

- Đệ tử sẽ cố gắng, thưa đức Tôn Sư! Devadatta nở nụ cười có vẻ mãn nguyện – Tuy không thể so sánh với các vị huynh trưởng, nhưng đệ tử hoằng pháp cũng có được một chút lợi ích, được một vài thành quả khiêm tốn!

- Hãy nhớ đấy, Devadatta! Khi chưa vào dòng thì bất cứ năng lực thù thắng nào rồi cũng sẽ bị thối thất!

Lên đường rồi, đức Phật mới nói với hai vị đại đệ tử:

- Hãy tìm cách giúp đỡ Devadatta! Ông ta mà có đệ tử và đồ chúng đông chừng nào thì những kiết sử, tùy miên chúng sẽ khởi phát, sẽ duyên sanh chừng đó! Hiện tại ông ta đang tự đắc, tự mãn đấy!

Đức Phật mới đến được địa phận nước Koliya thì tin ngài sẽ trở pháp lực thần thông đã bay đến Sāvatti rồi! Mọi giới xôn xao bàn tán. Và cao độ nhất là sáu phái ngoại đạo từ Vương Xá lữ lướt theo chân đức Phật, qua Vesāli, kéo thêm đệ tử và chúng đồ ở đây, rồi rầm rộ lên phương Bắc. Chuyện đức Phật nói chuyện sẽ trở pháp lực thần thông vào

rằm tháng Āsālha⁽¹⁾ tại Sāvatti trên cây “Kaṇḍamba” đã đến tai họ. Chuyện dễ hiểu thôi. Đức vua nói chuyện với vài viên cận thần thân tín, các vị này cũng chỉ nói nhỏ, nói lại với vài người quen - thế rồi, chuyện thêm mắm, thêm muối lan vào tai mọi người còn nhanh hơn gió chuyển. Một vài vị giáo chủ hoặc đệ tử lớn của họ với tâm địa không được tốt, sợ tổn hại uy tín cho giáo phái của mình nên đã tìm cách ngăn chặn. Khi nghe đức Phật sẽ trở thần thông trên cây Kaṇḍamba, họ chưa biết rõ là cây gì nên đã cho một số thuộc hạ nhanh chân đến Sāvatti liên lạc với các giáo phái ngoại đạo ở đây để nhờ họ tìm hiểu. Các vị hiền triết, học giả thông thái nói rằng, cả kinh thành Sāvatti không có cái cây nào được gọi là Kaṇḍamba cả. Tuy nhiên, có một nhà ngôn ngữ học dè dặt và cẩn trọng nói rằng:

- Sa-môn Gotama là bậc thông tuệ. Tuy nhiên, tôi chưa được nghe chính xác qua lỗ tai của mình về cái từ ấy nên tôi chưa dám quyết đoán. Nếu đúng là Kaṇḍamba thì không có tên cây ấy, chủng loại, họ hàng cũng không. Nhưng nếu “gượng” mà chiết tự ra – thì ta có Kaṇḍa và amba. Kaṇḍa có nghĩa là cong, là một phần, cọng, nhánh. Amba là cây xoài. Vậy Kaṇḍamba có thể là cây xoài cong đặc biệt nào đó hoặc một nhánh, một phần của cây xoài vĩ đại nào đó! Đây chỉ là một gợi ý thô thiển và què quặt, xin chư vị cứ nghiên cứu!

Kiến giải thận trọng của nhà ngôn ngữ học là đúng, là tốt nhưng đưa đến hậu quả vô cùng tai hại. Suốt thời gian sau đó, đồ chúng ngoại đạo đi lùng sục khắp kinh thành, hề thấy cây xoài nào to lớn, cong, đặc biệt là chúng đốn bỏ, chặt phá hết. Nếu đụng đến vườn xoài của các danh gia vọng tộc, phú hộ, người tai mắt... là chúng xin mua, bồi thường hoặc hăm dọa nếu không thỏa nguyện. Hành động ấy quả

⁽¹⁾ Khoảng tháng 6, 7 ta.

thật là thô lỗ, đầy bạo lực ngu ngốc, đáng thương xót thay!

Cơn bão chặt xoài tràn qua kinh thành thì tăng chúng Kỳ Viên cũng bàng hoàng, ngỡ ngác, không hiểu chuyện gì. Hai hàng cư sĩ áo trắng tìm đến Kỳ Viên thưa hỏi các vị trưởng lão nguyên nhân và sự thật. Hoàng thân Kỳ-đà và trưởng giả Cấp Cô Độc cũng cảm giác bất an! Một bậc có thắng trí và không còn lậu hoặc đành phải ân cần phủ dụ:

- Chư vị hãy an tâm. Không những an tâm mà còn sẽ được chứng kiến oai lực vô song của đức Chánh Đẳng Giác nhiếp phục ngoại đạo.

Mọi người thở phào.

Trưởng giả Cấp Cô Độc tò mò:

- Vậy cây Kaṇḍamba là cây gì? Có phải là những cây xoài mà chúng ngoại đạo đang chặt phá, đốn bỏ không?

- Ừ! Họ đúng một nửa! Cũng là cây xoài, nhưng cây xoài mà đức Phật sử dụng thần thông ấy, chưa có mặt trên thế gian này!

Nói vậy xong là vị ấy cười cười bỏ đi vì “thiên cơ bất khả lậu” mà!

Đức Phật và đại chúng đã ghé Kỳ Viên trước mùa an cư sáu ngày. Buổi sáng, ngài và tăng chúng đi khất thực một vòng quanh thành Sāvatti (Xá-vệ), xem như không có gì xảy ra. Buổi chiều ngài thuyết pháp cho hai hàng cư sĩ tại giảng đường, buổi tối dành cho hội chúng tỳ-khưu. Khuya, canh hai, thiên chủ Đế Thích, Tứ đại thiên vương cùng với thiên chúng đoanh vây đến để nghe pháp. Khuya nữa là phạm thiên, phạm chúng thiên. Khu rừng Kỳ Viên sáng rực một góc trời, đêm này sang đêm khác như thế.

Khi ngoại đạo cho xây dựng từ nơi này sang nơi khác những cái đài cao rộng, bề thế với vẻ lộng lẫy đầy ngổ ngáo, phô trương... thì đức Phật không làm gì cả. Một vài đệ tử lớn của họ có vẻ nóng nảy, bôn chôn, hỗn láo, tuyên bố rằng: “Ông sa-môn Gotama bỏ cuộc rồi, không dám thi đấu thần

thông! Vậy thì hãy rút xéo đi!” Một số vị tỳ-kheo còn phàm tục bực tức không chịu nổi, đến đánh lễ chư vị trưởng lão, xin cho biết hư thực. Tôn giả Mahā Moggallāna (Đại Mục-kiền-liên) mỉm cười: “Các ông yên trí đi! Hãy nói với chúng rằng, đúng ngày rằm tháng sáu, đức Tôn Sư sẽ biểu diễn thần thông lực ở nơi cây Kaṇḍamba!”. “Nhưng chúng chặt hết rồi mà!” “Chưa, cây ấy đức Tôn Sư chưa trồng!” Nói vậy cũng bằng không! Họ đến vây quanh tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất). Tôn giả mỉm cười chỉ qua ngài Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp); rồi cứ thế, các vị thượng thủ A-la-hán chỉ quanh. Cuối cùng, một vị sa-di A-la-hán có năm tháng trí, tuyên bố rằng: “Rất tiếc, đức Tôn Sư đã cấm chỉ, chớ trong hàng đệ tử, không phải một, không phải hai, mà hàng trăm, hàng ngàn đệ tử cháu chít của ngài cũng thừa khả năng hí lộng thần oai nhiếp phục ngoại đạo!”

Chiều hôm đó, đức Phật mới chính thức xác nhận:

- Đúng như con trai nhỏ tuổi của Như Lai đã nói. Vậy thì vào buổi sáng ngày mười lăm, trên cây Kaṇḍamba, trước cổng thành kinh đô Sāvatti, Như Lai sẽ biểu diễn thần thông ở đây!

Đến ngày, đức Phật và hội chúng tỳ-khưu vẫn đi trì bình khát thực như thường lệ. Sau khi đi qua một số ngã đường, vật thực vừa đủ dùng, đức Phật hướng về cổng kinh thành Sāvatti. Trên và dưới các đài cao chỗ này chỗ kia, các giáo phái ngoại đạo tập trung dày đặc người. Còn hai hàng cư sĩ và dân chúng, sau khi đặt bát cho đức Phật và tăng chúng thì họ liền kéo nhau đi ở bên sau. Nhà nhà đóng cửa. Chợ không đông. Ôi! Cả rừng người. Cả biển người.

Khi đức Phật càng tiến dần từng bước chân một đến cổng kinh thành thì ngoại đạo và dân chúng càng tò mò, hồi hộp theo dõi. Vì rõ ràng, trước cổng kinh thành có hai cây xoài to thì ngoại đạo đã chặt rồi, hiện chẳng còn cây nào. Riêng vườn xoài của hoàng gia thì chúng không dám, vả lại,

chúng không phải là trước công!

Đến gần cổng kinh thành, tại một khoảng trống, đức Phật dừng chân lại. Và cách đứng, cách ôm bát của ngài như có vẻ chờ đợi ai đó đặt bát? Và quả đúng thế. Sáng sớm nay, người trông coi vườn xoài của đức vua Pāsenadi (Ba-tư-nặc) phát hiện trong vườn xoài một trái xoài chín, to, rất đặc biệt, thơm lừng! Ông hái trái xoài ấy, đựng trong giỏ tre có lót rơm, định đem dâng cho đức vua Pāsenadi. Ông không biết việc gì đang xảy ra ở xung quanh. Khi hồi hả bước ra khỏi vườn xoài thì trước mắt, ông trông như tầng vàng rực như một đám mây vàng. Thấy đức Phật ôm bát đứng, ông ta suy nghĩ rất nhanh: “Nếu dâng cho vua thì mình được khen thưởng ngay tức khắc năm bảy đồng vàng gì đấy! Quý báu gì! Ăn là hết liền! Chi bằng dâng cho đức Phật mình sẽ được nương tựa phước báu nhiều đời!” Nghĩ là làm liền, ông thành kính đặt trái xoài quý báu kia vào bát cho ngài!

Trước hàng ngàn cặp mắt đang chăm chăm quan sát, đức Phật bảo tỳ-khưu Nāgita⁽¹⁾ thị giả trải tọa cụ giữa nền đất rồi an nhiên ngồi xuống tại chỗ. Ngài lại bảo tôn giả Sāriputta thông báo với đại chúng là tùy nghi thọ trai ngay tại đây. Đức Phật thọ dụng trái xoài, trao hạt xoài cho người làm vườn, ngài nói:

- Này Kaṇḍa! Trong cái giỏ của ông có một con dao, hãy dùng cái dao ấy, đến chỗ đất còn trống kia, đào một cái lỗ rồi đặt hạt xoài này vào đấy!

Không biết chuyện gì nhưng người làm vườn vẫn nghe lời. Sau đó, đức Phật rửa tay, rảy nước lên hạt xoài vừa gieo rồi nói:

- Này đại chúng tỳ-khưu! Người làm vườn này có tên là

⁽¹⁾ Đức Phật có 5 thị giả chưa chính thức thay đổi nhau, đó là Nāgasamāla, Nāgita, Sunakkhatta – hoàng tử dòng vua nước cộng hòa Licchavī - Sāgata, Meghiya. Tôn giả Ānanda chỉ được đề cử chính thức sau hạ thứ 20 tại Kỳ Viên đại tịnh xá.

Kaṇḍa, ông ta đích thân gieo một hạt xoài (amba); vậy cây xoài này có tên là Kaṇḍamba. Và hãy xem! Điều Như Lai nói là đúng với sự thực! Như Lai sẽ hiển lộ thần thông lực ngay tại cây xoài Kaṇḍamba này!

Tin được lan đi, mọi người đổ xô quây quần lại, hóa ra cái cây có tên Kaṇḍamba là như thế này đây! Các vị có thắng trí thì do biết rồi nên họ chỉ mỉm cười. Riêng chư tăng không có thắng trí thì tò mò, ngạc nhiên, chăm chú nhìn! Đức vua Pāsenadi mấy hôm trước cũng đã nghe tràn tay về chuyện chặt xoài; và triều thần cũng đã bàn tán về câu chuyện của sáng hôm nay. Thế là, khi đức Phật tuyên bố về tên cây xoài thì đức vua Pāsenadi cùng các quan quân hầu cận cũng đã đứng chặt vòng trong, vòng ngoài xem chuyện lạ.

Ngay lúc ấy, hạt xoài nảy mầm, đất nứt, một chồi cây trắng nõn vươn lên, gặp ánh nắng nó trắng xanh, xanh non, xanh biếc... vươn lên, thành cây, có cành, có nhánh, có lá xanh mơn mớn, xanh nhạt, xanh đậm. Rồi cứ thế, trước mắt mọi người, cây xoài chợt biến hóa như trò ảo thuật. Cây xoài đã lên cao chừng 50 cùi tay, cội cành gân guốc... to lớn chưa từng thấy; rồi nó đơm hoa, nảy trái dày đặc, chín mọng, thơm lừng cả một vùng!

Cả không gian lặng ngắt, rồi tiếng mừng vui la hét rầm trời: Mọi người tán thán, ca tụng thần thông lực của đức Thế Tôn! Đức vua Pāsenadi bước ra, chấp tay xá lễ:

- Nghe tiếng sa-môn Gotama đã lâu nay tôi mới được hân hạnh diện kiến ngài - Chăm chú nhìn đức Phật một hồi, đức vua mỉm cười tiếp - Nghi dung, tướng mạo của ngài, đẹp quá, cao sang, quý phái quá - phải là hiện thân một đức Chuyển luân Thánh vương mới đúng!

- Đại vương đã quá khen! Rồi chỉ cây xoài, đức Phật tiếp - Bao nhiêu cây xoài lớn trong kinh thành, một số người thiếu trí đã chặt phá hết, nay Như Lai sẽ tặng lại cho đại

vương, kinh thành, quốc độ một gốc xoài quý nhất, ngon thơm nhất – có tên là Kaṇḍamba - hãy nên gây giống nó để ươm trồng các nơi, đem lại lợi lạc cho nhiều người, cho các giai cấp, cả giới cùng đing trong xã hội nữa - không nên phân biệt - vì họ cũng đều là thân dân của ngài, thừa đại vương!

Đức vua và triều thần đều cảm kích, cung kính gặt đầu, tuân mệnh.

Chuyện kể rằng, sau đó, tại cây xoài này, rất nhiều cận sự nam nữ hai hàng xin phép đức Phật được sử dụng thần thông, như cận sự nam Cūla Anāthapiṇḍika (Em ruột của trưởng giả Cấp Cô Độc), cận sự nữ Gaharaṇīnandamātā - đều là bậc Bất Lai (Anāgāmi - A-na-hàm)- nhưng đức Phật không cho phép! Rồi sau đó, đức Phật đã sử dụng thần thông làm một chiếc cầu bằng ngọc nằm vắt ngang giữa hư không, biểu diễn thần thông biến hóa⁽¹⁾, thần thông Yamaka⁽²⁾, thần thông Lokavivarāṇa⁽³⁾, và cuối cùng là thần thông với hào

⁽¹⁾ Trên chiếc cầu ngọc, ngài kinh hành qua lại, lần lượt hiện ra một vị đang đi, một vị đang thuyết pháp, hai vị đang vấn đáp, một vị đang tọa thiền, một vị đang nằm nghỉ nghiêng lưng, một vị đang đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng. Rồi thoảng chốc, hằng trăm ngàn vị Phật với những oai nghi hoàn toàn khác nhau đồng hiện hữu...

⁽²⁾ Tức là thần thông song đôi, song hành. Thần thông này chỉ có vị Chánh Đẳng Giác mới thực hiện được, vì trong một lúc phải nhập định hai đề mục nước và lửa một lần. Khi hiển lộ, thân trên tỏa lửa, thân dưới tuôn nước, và ngược lại. Hoặc mắt trái là lửa, mắt phải là nước và ngược lại. Lỗ mũi trái phun lửa, lỗ mũi phải phun nước, và ngược lại. Tương tự thế là vai phải, vai trái, tay phải, tay trái, chân phải, chân trái, mười ngón tay, mười ngón chân, lông chân...

⁽³⁾ Tức là một loại thần thông mở ra cho mọi người nhìn thấy tất cả thế giới không ngăn ngại. Theo chú giải, sau khi đức Phật nhập định đề mục màu trắng (odāta), rồi với năng lực đi đôi với nguyện lực như ý muốn: Tất cả thế giới bên trên, từ cõi người đến cõi phi tướng, hiện ra rõ mồn một. Cõi người nhìn thấy tất cả các cõi trên và ngược lại, các cõi khác cũng y như thế. Mọi sinh hoạt, chánh báo, y báo ở mỗi nơi; rồi lâu đài, dinh thự, hồ nước, vườn hoa, xe kiệu, lạc thú như thế nào đều trông thấy cả. Các cõi dưới, bốn khổ xứ,

quang sáu màu rất lạ lùng, rất diệu kỳ, cũng chỉ năng lực của bậc Toàn Giác mới thực hiện được!⁽¹⁾ Chúng ngoại đạo thấy oai lực vô biên, vô tận, bất khả tư nghì của đức Phật, thật không có chỗ nào để lòn bịp được nữa; nên họ đã lẳng lẳng xếp cờ, im trống rồi cũng lẳng lẳng giải tán, rút lui. Hai hàng cận sự nam nữ thì họ hí hửng, hãnh diện, mừng vui ra mặt, đem câu chuyện chứng kiến tận mắt ra khoe với láng giềng, quyến thuộc, bằng hữu. Chư phàm tăng thấy mình tăng trưởng thêm đức tin. Quần chúng thì hẹn nhau đến quy giáo với giáo đoàn nhiều thần thông, lăm oai lực – có vị giáo chủ sa-môn Gotama vô song! Riêng đức vua Pāsenadi lẳng lẳng đến gần đức Phật, hoan hỷ thốt lên:

- Quốc độ này xin được hân hạnh chào ngài!

Đức Phật tế nhị nắm tay đức vua:

- Sau này, Như Lai còn phải cậy nhờ đến uy đức của một bậc minh quân, vì lợi lạc, vì hạnh phúc, vì sự an vui cho nhiều người!

Đức vua Pāsenadi khách sáo nói:

- Thật không dám đâu, thưa ngài!

Trong lúc ấy, thế gian không biết - chứ thiên chúng, thiên vương, phạm chúng, phạm thiên... ngự đầy đặc cả không gian tấu nhạc, tung hoa, rải hoa.. hoan hỷ cúng dường hiện tượng hy hữu.

nhất là 08 tầng địa ngục chính và phụ; những khổ hình đồng sôi, vạc dầu, hồ đao, chậu máu, cưa xẻ... quỷ sứ gì gì cũng nhìn thấy như ở trước tầm mắt. Và các cõi khác nhìn thấy nhau cũng y như thế.

⁽¹⁾ Hào quang màu xanh – tỏa ra từ tóc của ngài. Hào quang màu vàng – tỏa ra từ màu da và tròng mắt. Hào quang màu đỏ - tỏa ra từ máu và thịt. Hào quang màu trắng - tỏa ra từ xương và răng. Hào quang màu hồng - tỏa ra từ hai lòng bàn tay và hai lòng bàn chân. Hào quang tổng hợp năm màu chói sáng rực rỡ (Pabhassara) - tỏa ra từ mỗi sợi lông, mỗi móng tay, móng chân!

MÙA AN CƯ THỨ BẢY
(Năm 581 trước TL)

Đền Ơn Huyết Sữa

Sau khi sử dụng thần thông siêu nhiên của một bậc Toàn Giác để cảm thảng ngoại đạo – đức Phật hướng tâm xem thử chư Phật quá khứ, cũng theo lệ thường, là sẽ an cư kiết hạ ở đâu. Khi được biết là tại cung trời Tāvātimsa (33 - Đạo Lợi) vào hạ thứ bảy để thuyết pháp độ Phật mẫu, đức Phật sử dụng phạm âm nói chuyện với hai vị đại đệ tử, và chỉ riêng hai vị này mới nghe được mà thôi. Ngài dạy đại lược rằng: “Nhu Lai sẽ thuyết Abhidhamma (A-tỳ-đàm) ba tháng tại cung trời Đạo Lợi để đáp đền ân huyết sữa đối với thân mẫu. Ba tháng tại nhân gian nhưng trên ấy chỉ là thoáng mắt⁽¹⁾. Sāriputta phải sử dụng thần thông lực, gặp Nhu Lai mỗi ngày tại rừng trầm bên bờ hồ Anotatta ở Himalaya để Nhu Lai tóm tắt thời pháp; và ông phải có bốn phận giảng nói rộng rãi pháp vi diệu ấy đến cho chư tỳ-khưu tăng có sẵn căn trí. Còn Mahā Moggallāna thì chăm sóc hội chúng đang hiện hữu – vì Nhu Lai biết, một số khá đông cận sự nam nữ ở đây sẽ không chịu về, họ sẽ ở đây để đợi chờ Nhu Lai trở lại trần gian. Ông phải thuyết pháp cho họ nghe, sách tấn họ.

⁽¹⁾ Một ngày, một đêm ở cõi trời Đạo Lợi bằng 100 năm ở cõi người. Tuổi thọ ở đây là 1000 năm, tương đương 36 triệu năm ở nhân gian. Một con tính, ta thấy, ba tháng ở nhân gian, theo phút giây bây giờ - chỉ là 3 phút 36 giây - ở trên ấy!

Lúc cần thiết, có thể nhờ thêm Ānanda, Mahā Kassapa cùng các vị trưởng lão khác thuyết hộ. Nói với ông Cấp Cô Độc và Tiểu Cấp Cô Độc rằng, ý của Như Lai là anh em ông triệu phú phải phát tâm dựng lều trại, chận màn, cung cấp vật thực, mọi nhu cầu cần yếu cho hội chúng ấy trong suốt ba tháng đấy!” Xong, cũng sử dụng thần thông, làm cho ai cũng có thể trông thấy – đức Phật đứng chót vót trên cây xoài, bước lên - thì chợt nhiên giữa hư không, đỉnh núi Yugandhara cao 48.000 yojana (do-tuần) chợt nghiêng mình đỡ chân trái của ngài; và ngọn núi Sineru cao 84.000 yojana chợt cúi đầu thấp xuống đỡ chân phải của ngài với dáng vẻ rất cung kính.

Như vậy là chỉ hai bước đi, qua bước thứ ba, đức Phật đã có mặt ở cung trời Đao Lợi⁽¹⁾, ngự đến tầng đá vàng Paṇḍukambalā bề ngang 50 yojana, bề dài 60 yojana, bề dày 15 yojana - vốn là ngai vàng đặt để giữa hư không của Đế Thích thiên chủ. Và đến lúc này, ngoại trừ các bậc có thắng trí⁽²⁾, không ai còn trông thấy ngài nữa.

Trời Đế Thích, thân tướng cao to, hùng vĩ, phục sức chói ngời châu báu lập tức đến cung nghinh đức Phật. Ông vội xếp nhỏ một tấm gấm của cõi trời trải lên chính giữa tầng đá vàng, với ý nghĩ: “Kim thân đức Thế Tôn nhỏ bé quá, chỉ chừng ấy là đủ cho ngài an tọa!” Biết được tâm tư của Đế Thích, đức Phật vừa ngồi kiết-già thì thân tướng từ từ cao to, lừng lững, cao to hơn cả Đế Thích, ngồi vừa vạm trên tầng đá vàng! Đế Thích sợ hãi, biết oai lực của Phật nên đến quỳ năm vóc sát đất, đánh lễ ngài và xin sám hối...

Trong lúc này, mọi người vẫn còn đang tụ họp xung

(1) Cõi trời Đao Lợi ở trên đỉnh núi Sineru.

(2) Tức Abhiñāṇa: Trí thần thông – hàm chỉ các trí trong Ngũ thông (Vào định Tứ thiền, với nguyện lực, có thể để lại toàn thân xá-lợi lúc chết, không hủy nát. Cũng từ định Tứ thiền – chưa đắc quả Thánh - có thể tu tập ngũ thông: Thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, biến hóa).

quanh cây xoài. Họ môn một thấy rõ đức Phật bước lên mây xanh rồi sau đó không còn thấy gì nữa. Chư phàm tăng và hai hàng cận sự nam nữ sợ đức Phật đi luôn nên lo ngại hỏi qua hỏi lại. Họ quây quần xung quanh hai vị đại đệ tử, với những câu hỏi dồn dập:

- Trên ấy là cõi nào vậy?
- Trên mây xanh mà cũng có người ở sao?
- Đức Tôn Sư có về lại không?
- Ngài đi luôn sao?
- Lúc nào thì đức Phật về?
- Lên cõi trời à? Cõi trời ấy ra sao? Các vị ở trên đó có nhân dạng, hình tướng như thế nào?
- Chắc là sung sướng hơn nhân gian cả vạn lần...

Suốt cả buổi chiều, các vị thượng thủ A-la-hán, các vị có thắng trí tại chỗ này, chỗ kia phải giải thích cho mọi người nghe hiểu. Tôn giả Ānanda được hỏi nhiều nhất nhưng đã có tôn giả Anuruddha và tôn giả Bhaddiya trả lời giúp.

Trong lúc ấy, một số rất đông thanh niên, là bằng hữu của nhau, đều là con nhà khá giả, có học thức trong kinh thành và ngoại ô Sāvatti đồng quỳ xin tôn giả Sāriputta xuất gia tỳ-khuru. Biết nhân duyên quá khứ nhiệm mầu, tôn giả bảo họ kiếm tìm y bát, làm lễ xuất gia tập thể cho họ; sau đó tập trung họ ở một nơi, sâu trong rừng để tiện việc giáo giới, hướng dẫn đời sống tu tập⁽¹⁾.

Lúc hội chúng tỳ-khuru giải tán, lần lượt trở về Kỳ Viên tịnh xá để làm lễ an cư – thì hai hàng cư sĩ, mọi người, cả ngoại đạo vẫn còn ở lại khá đông. Tôn giả Mahā Moggallāna phải quy tụ họ lại, giải thích cặn kẽ, đến tối mịt mới xong. Tuy nhiên, một số cận sự nam nữ ở lại không chịu về, tôn giả Mahā Moggallāna, Ānanda, Mahā Kassapa... phải thay nhau thuyết pháp, hướng dẫn hội chúng tập thiền...

⁽¹⁾ Chú giải ghi là 500 vị.

Và đúng như dự liệu của đức Phật. Trong lúc chư tăng về an cư tại Kỳ Viên tịnh xá thì một số đông cư sĩ, họ “an cư” xung quanh gốc xoài, xé công kinh thành Sāvatti. Thế là ngày hôm sau, anh em trưởng giả Cấp Cô Độc phải cho người dựng lều trại – vì mùa mưa sắp đến – cung cấp tất cả mọi nhu cầu để cho họ yên tâm nghe pháp, học đạo, đợi ngày đức Thế Tôn trở về “hạ giới”.

Trong lúc ấy, tại tầng đá vàng - vốn là ngai vàng lộ thiên của Đệ Thích thiên chủ - đức Thế Tôn với kim thân to lớn, chói sáng, ngồi kiết-già tĩnh tại, uy nghi như chúa trời của các vị chúa trời! Ngài phóng hào quang sáu màu, chập chờn từng đôi một, lan rộng ra, tỏa rộng ra, đầy tràn cả hư không, chiếu khắp mười phương thế giới. Chư thiên, phạm thiên các cõi trời dục giới, sắc giới... thấy hiện tượng lạ lùng, dùng thiên nhãn, thiên nhĩ lắng nghe, quan sát - biết sự có mặt hy hữu của đức Thế Tôn tại cung trời Đao Lợi. Với thời gian nháy mắt, chẳng ai báo với ai, chẳng ai hẹn với ai, đồng vân tập, đồng quy tụ về với những đám mây ngũ sắc chói ngời, rực rỡ... lớp trong, lớp ngoài, lớp trên, lớp dưới, trùng trùng, vô tận... đến đánh lễ đức Thế Tôn. Trong đó có lệnh bà Mahāmāyā, bây giờ là một vị thiên tử phước tướng cao sang, sống trong một biệt điện sung mãn phước báu tại cung trời Tusita (Đâu-suất). Họ cúng dường nhạc trời, hoa trời, hương trời... như một ngày hội lớn, hằng ngàn năm một thuở, triệu triệu năm một lần!

Sau khi biết ý định của đức Phật lên đây thuyết Abhidhamma để độ cho Phật mẫu, đồng thời giáo giới chư thiên, phạm thiên các cõi - Đệ Thích thiên chủ xiết bao hoan hỷ nên ông đã thông báo cho thiên chúng, thiên nữ cả 33 cung điện đồng đến cúng dường, nghe pháp.

Trong không gian chói ngời châu báu và sự nức mùi hương, đức Phật sử dụng thần thông, sử dụng một loại ngôn ngữ đặc biệt pha trộn giữa thiên âm và phạm âm để ai cũng

có thể nghe được. Ngài nói rằng, lệnh bà Mahāmayā, bây giờ là vị thiên tử ở Tusita - hiện đang có mặt ở đây - đã có ân đức rất lớn với Như Lai. Noi gương chư Phật quá khứ, nay Như Lai lên đây thuyết một thời pháp đặc biệt để báo đền ân huyết sữa. Sau đó, thể theo lời mời của vua trời Tusita, vị thiên tử hậu thân của lệnh bà Mahāmayā, được mời đến trình diện đức Thế Tôn. Chư thiên, phạm thiên, nhất là thiên nữ các cõi trời cất tiếng tán thán vang lừng, dường như họ hãnh diện rằng là trong giới nữ nhi, có bạn đã có đại nhân duyên, đại phước báu cứu mang, thọ sanh một vị Phật!

Biết thời gian không có nhiều⁽¹⁾, đức Phật đi vào thời pháp ngay tức khắc, trong đó có một âm thanh đặc biệt đi thẳng vào tai, vào tâm của vị thiên tử, hậu thân của lệnh bà Mahāmayā.

Ở các cõi trời dục giới, các loại ngũ trần⁽²⁾ đều tinh sạch, vi tế. Các cõi phạm thiên thì họ đã từ bỏ dục vật chất, chỉ sống nuôi mạng bằng các trạng thái tinh thần như hỷ, lạc, xả, thanh tịnh – nên thời pháp ở đây hoàn toàn khác biệt so với cõi người! Thế là một số cương yếu cốt lõi của Abhidhamma (Vi diệu pháp, thắng nghĩa pháp) đã được thuyết ở đây⁽³⁾, còn ở cõi người thì chỉ thuyết về Pháp và Luật. Lúc nói đến bố thí thì bố thí vật thực, y áo, sàng tọa, thuốc men. Lúc nói đến trì giới thì ngăn giữ sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, uống rượu. Và kinh, luật thường sử

(1) Xem chú thích trang 190.

(2) Hình sắc, âm thanh, hương, vị, xúc chạm.

(3) Tây phương viết sử Phật giáo, đến hạ thứ bảy, đức Phật thuyết Abhidhamma ở cung trời Đao Lợi, họ gọi là huyền thoại tôn giáo. Đôi nơi lại nói là truyền thuyết hoặc hư cấu của các nhà sư học giả đi sau. Riêng người viết, không biết tại sao lại tin điều này là có thật trong hiện thân siêu việt, bất khả tư nghì của một bậc Chánh Đẳng Giác! Tuy nhiên, có lẽ mới chỉ là cái cương yếu - sau này do tôn giả Sārīputta triển khai và các vị kết tập sư hệ thống lại.

dụng những danh từ như người, trời, loài vật, hữu tình, tự ngã, đàn ông, đàn bà; hoặc làm như thế này là lành, tốt; làm như thế kia là xấu ác. Ngôn ngữ ở Abhidhamma hoàn toàn khác thế, nó chỉ nói về tâm, những sở hữu của tâm, những sắc pháp thô thiên hoặc tế vi. Nó chỉ nói tâm và tâm sở như thế này là thiện; tâm và tâm sở như thế kia là bất thiện... Và nếu tu tập theo lộ trình thiên tâm như vậy thì có các loại trí tương thích phát sanh như vậy, lần lượt xa rời được những kiết sử, phiền não... xuôi dòng chảy đến đạo lộ chân phúc, giải thoát, bất tử, Niết-bàn. Nhờ sử dụng ngôn ngữ đặc biệt, dụ ngôn, đoán ngôn đặc biệt – phù hợp với sắc thân vi tế, trạng thái tâm lý vi tế - nên thiên chúng, phạm thiên chúng lãnh hội dễ dàng, có được ngay thành tựu và sở đắc. Vô lượng chư thiên, phạm thiên chứng quả; riêng vị thiên tử, hậu thân của lệnh bà Mahāmayā chứng quả Nhập Lưu (Sotāpanna –Tu-đà-hoàn).

Có một việc rất lạ lùng và sâu nhiệm xảy ra ở đây, đang xảy ra lúc đức Phật thuyết pháp mà chẳng ai hay biết. Đây là đức Phật thuyết trọn vẹn tạng Abhidhamma với thời gian rất ngắn (tương đương 3 phút 36 giây) mà ngài phải phân thân 90 lần (tương đương 90 ngày – 3 tháng ở địa cầu). Mỗi lần phân thân như thế - thì một hóa thân của ngài vẫn đang ngồi tại tầng đá vàng để thuyết pháp liên tục; còn thân thật thì ôm bát đi trì bình khát thực ở Bắc Cu-lu-châu (Uttarakurudīpa), trở lại hồ Anotatta trong dãy Hy-mã-lạp sơn để tắm rửa, sau đó ghé rừng trầm bên bờ hồ thuyết lại tóm tắt bài pháp đã giảng cho tôn giả Sāriputta nghe – do có hẹn từ trước! Tôn giả Sāriputta lại bay về Kỳ Viên, sâu trong rừng để thuyết lại rộng rãi cho hội chúng tỳ-khưu đặc biệt mà ngài vừa cho xuất gia. Như vậy là hội chúng tỳ-khưu trẻ tuổi này đã được tôn giả Sāriputta thuyết giảng về Abhdhamma vào mỗi buổi chiều, suốt trong ba tháng như thế; đây là sở văn mà ngài đã nắm bắt tóm tắt vào mỗi buổi trưa tại rừng trầm bên hồ

Anotatta⁽¹⁾ từ đức Thế Tôn.

Tại Sāvatti, sau ngày tháng mưa lũ, nước dâng ngập phố phường, gió bão tràn về, rồi đến mưa dầm... làm cho hai hàng cư sĩ giàu tin tâm đợi chờ đức Phật phải gian nan khổ cực khôn xiết. Giường chiếu, chăn màn, vật thực, thuốc men... hai anh em ông trưởng giả chu cấp chu đáo, chỉ trở ngại những lúc nghe pháp, tọa thiền tập thể ở ngoài trời. Các vị tôn giả chăm sóc hội chúng cũng phải lao đao, vất vả theo; nhưng do năng lực tăng thượng tâm, các ngài vẫn an nhiên, tùy lúc, tùy thời... lúc ở Kỳ Viên, lúc màn trời, chiếu đất với hội chúng của mình chẳng quản ngại gì! Đức vua Pāsenadi, triều thần, hoàng gia lui tới - thấy, nghe, biết mọi chuyện; họ vừa kính trọng các vị trưởng lão vừa cảm phục tin tâm của chúng đồ. Thế là rất nhiều lần, họ cũng đến dâng vật thực, hộ độ thuốc men cùng những nhu cầu khác. Càng đến ngày mãn hạ, tháng Kattikāmasa (9-10), thì sự đợi chờ càng náo nức. Tôn giả Mahā Moggallāna muốn làm cho tăng trưởng tin tâm của hai hàng cận sự nam nữ, ngài tuyên bố:

- Tôi sẽ lên cõi trời Đao Lợi tức khắc. Tôi sẽ thưa hỏi đức Tôn Sư để biết đích xác ngày, giờ, nơi chốn, địa điểm... ngài trở lại với chúng ta.

Nói xong, tôn giả biến mất tại chỗ và có mặt ngay tại tầng đá vàng. Thấy kim thân Phật to lớn lững lững giữa hư không, giữa thiên chúng, phạm thiên chúng cũng to lớn không kém gì; tôn giả nghĩ rằng, lẽ nào vị đại đệ tử lại quá nhỏ bé, trông chẳng “oai lực” chút nào – nên cũng hiện thân to lớn cho đồng với bối cảnh rồi đến đánh lễ đức Phật.

- Này Mahā Moggallāna! Khởi cần phải thưa bạch, Như Lai biết rồi - Đức Phật nói - Kể từ hôm nay, đúng 7 ngày

⁽¹⁾ Một trong 7 hồ lớn tại Himalaya, 6 hồ kia là Kaṇṇamuṇḍa, Rathakāra, Chaddanta, Kuṇāla, Mandākinī và Sīhappapāta. Bảy hồ lớn này chúng bao quanh 5 ngọn núi lớn, đó là Sudassanakūṭa, Citrakūṭa, Kālakūṭa, Gandhamādana và Kelāsa.

nữa ở nhân gian, Như Lai sẽ về lại cõi người, tại bên trong công thành phố Sankassa, cách Sāvatti 30 do-tuần – vì Giáo Pháp của chúng ta cũng có duyên lớn với chúng sanh ở đấy!

Thế là đúng ngày Mahāpavāraṇā ⁽¹⁾, đức Phật như từ giữa hư không ⁽²⁾, đặt bàn chân phải ⁽³⁾ xuống mặt đất tại công thành Sankassa, thì được sự cung nghinh, đón tiếp cả một rừng người, cả một biển người. Ai cũng hớn hở, mừng vui. Có người thì chỉ đứng ngậy ra để chiêm ngưỡng.

Lần lượt hai vị đại đệ tử, mấy chục vị thượng thủ trưởng lão đồng đến đánh lễ Phật sau 90 ngày xa cách.

Đức Phật mở lời khen ngợi tôn giả Mahā Moggallāna, Mahā Kassapa, Ānanda... đã lao tâm lao lực chăm sóc hội chúng cư sĩ suốt trong ba tháng qua một cách rất chu đáo. Ca ngợi, sách tấn hai anh em ông trưởng giả Cấp Cô Độc đã hộ độ tứ sự đầy đủ cho mọi người. Đặc biệt đức Phật tán thán tôn giả Sāriputta đã có trí tuệ phân tích, tổng hợp để giảng nói, quảng thuyết tạng Abhidhamma cho hội chúng tỳ-khuru trẻ một cách rất có hiệu quả.

Thấy hội chúng cư sĩ, cư dân thành phố Sankassa sẵn có túc duyên, đức Phật thuyết một thời pháp cho tầng lớp, giai cấp nào cũng nghe được, hiểu được, tu tập được. Sau thời pháp, rất nhiều người có được niềm tin vững chắc, có người thấy mắt sáng, trí sáng, có người đắc quả Nhập Lưu. Riêng

⁽¹⁾ Đại tự tứ - ngày chur Tăng mãn hạ ba tháng an cư mùa mưa.

⁽²⁾ Thật ra, vua trời Đế Thích (Sakka), đã hóa hiện 3 chiếc thang bắc từ đỉnh núi Sineru xuống sát chân công thành Sankassa. Một chiếc thang ngọc ở giữa dành cho đức Phật, một chiếc thang bằng vàng bên phải dành cho Phạm Thiên cầm lọng trắng, một chiếc thang bằng bạc bên trái dành cho Đế Thích ôm bát theo hầu; và đi theo sau là vô lượng thiên chúng, cư-bàn-trà, càn-thát-bà...tấu nhạc, rải hoa tưng bừng... (theo chú giải).

⁽³⁾ Vì đặt bàn chân phải xuống trước, nên tại chỗ này, người ta thiết kế một cái đài kỷ niệm, xem là chỗ thiêng liêng, được đặt tên là Acalacetiyatthāna, như là một di tích lịch sử, để chiêm bái, phụng thờ.

hội chúng tỳ-khuru của tôn giả Sāriputta thì đồng đắc quả A-la-hán.

Khi họ đến đánh lễ đức Phật để bày tỏ sự tri ân tối thượng, ngài tuyên bố trước đại chúng rằng:

- Đây là những vị tỳ-khuru, những đứa con trai trẻ tuổi của Như Lai; họ là những người kế thừa tạng Abhidhamma mà Như Lai đã thuyết ở cung trời Đao Lợi đây!

Ai cũng biết khi đức Phật tuyên bố “Con trai của Như Lai”, là hàm chỉ vị ấy đã đắc quả A-la-hán. Hội chúng xôn xao, không biết nhân duyên mầu nhiệm như thế nào? Thế là các bậc có thắng trí, nơi này và nơi kia, phải kể tóm tắt chuyện quá khứ cho mọi người nghe... “Rằng là vào thời đức Phật Kassapa, có hai vị tỳ-khuru cứ hễ đến ngày đầu và giữa tháng đến một hang động để ôn tụng Abhidhamma. Trong động ấy có một bầy dơi sinh sống. Cứ nghe mãi, nghe hoài những âm thanh tụng đọc Abhidhamma, tâm của bầy dơi trở nên mát mẻ, trong lành. Hết kiếp ấy, bầy dơi không rơi vào bốn khổ xứ, cứ sinh lui, sinh tới cõi người và cõi trời. Đến thời đức Phật Gotama hiện tại, họ đều sinh vào các gia đình khá giả, xung quanh thành phố Sāvatti này. Bây giờ do túc duyên viên mãn, họ xuất gia tỳ-khuru, được nghe Abhidhamma trở lại, họ lãnh hội rất nhanh rồi đắc quả A-la-hán. Sự mầu nhiệm xảy ra là do nhân, do duyên như vậy đây!”

Với Đức Vua Pāsenadi

Trở lại Kỳ Viên, sau vài ba thời pháp sách tấn, khuyến hóa chư tỳ-khưu; đức Phật ân cần nhắc nhở các vị trưởng lão là nên phân bố chư tăng rộng đường đi du hóa các nơi do thời tiết đã tạnh ráo. Đức Phật cũng bảo, là Kỳ Viên nên giữ lại chừng một ngàn vị, nhất là số tỳ-khưu sơ tu còn quá nhiều tập khí; họ còn cần phải ở gần các vị trưởng lão, giáo thọ nhiều năm để bồi dưỡng pháp học, pháp hành.

Thế là sau đó, từng chúng, từng đoàn đánh lễ đức Phật rồi y, bát lên đường. Quả thật, sau mùa an cư, họ là những cánh chim trời tự do, ra đi vì lợi ích cho nhiều người. Riêng đức Phật và một số trưởng lão phải ở lại, ra giêng, nắng ấm mới du hành – vì đây, đúng là thời có duyên với đức vua Pāsenadi, hoàng hậu, triều đình cùng các thành phần giai cấp khác trong quốc độ.

Mấy hôm rày, đức Phật dường như thường xuyên đón tiếp bà Mallikā, là chánh hậu của đức vua Pāsenadi (Ba-tư-nặc). Bà Mallikā là một phụ nữ đẹp đẽ, đoan chính, thông minh, hiền thực và chưa theo một tôn giáo nào. Từ khi hoàng tử Jeta (Kỳ-đà), dâng cúng rừng cây, cùng với đại triệu phú Cấp Cô Độc kiến lập Kỳ Viên đại tịnh xá để dâng cúng đức Phật và thập phương Tăng thì bà đắm ra tò mò!

Cái đạo ấy thế nào mà hấp dẫn ông hoàng tử trẻ keo kiệt ấy nhỉ? Trong một vài lần dùng cơm tại vương cung, hoàng tử Jeta không ngớt tán thán đức Phật cùng giáo pháp của ngài. Ông hoàng này lại còn không hết lời ca ngợi vị đại đệ tử, nào là thần thông vi diệu, nào là trí tuệ, nhẫn nhục... đều tuyệt vời, vô song! Rồi ông hoàng kể cho bà Mallikā nghe nhiều huyền thoại về đức Phật và tôn giả Sāriputta. Rồi chuyện mới đây, tại cổng thành Sāvatti, bà nghe thị nữ kể lại chuyện thần thông cảm hóa ngoại đạo của đức Phật nữa. Chính đức vua Pāsenadi đã ra tận nơi, tuy hơi khách sáo nhưng cũng tỏ vẻ cung kính. Bà quyết định đến gặp vị Phật ấy.

Đức Phật biết bà hoàng hậu này được đức vua Pāsenadi rất thương yêu và kính trọng; nhưng ngài lại lựa chọn cách đón tiếp rất giản dị là ở giữa vườn cây.

Thấy đức Phật tuổi tác chừng ngang bằng đức vua Pāsenadi nhưng tướng hảo quang minh hơn nhiều. Đức Phật cao lớn, phương phi, nước da ngời sáng, mạnh khỏe còn đức vua của bà thì mập phệ, béo tròn, đi đứng đã bắt đầu phục phịch, nặng nề rồi!

Sau khi chào hỏi xã giao, bà ngồi trên chiếc ghế thấp đã được soạn sẵn, hỏi đức Phật quan niệm như thế nào về hạnh phúc đời người; và quả thật có hạnh phúc thật sự trên cuộc đời này không?

- Nó có đấy, thưa lệnh bà! Đức Phật nói – nhưng theo Như Lai biết và thấy - thì nó bấp bênh, chông chênh, giả tạm, thoáng có, thoáng mất, thay đổi, biến hoại... đúng như tính chất của Pháp!

- Pháp – tính chất của Pháp, từ này tôi chưa nắm bắt được ngữ nghĩa của nó, thưa đức Thế Tôn!

“Pháp” - thế là đức Phật bắt đầu giảng nói về bản chất của tất cả pháp hữu vi, bất cứ cái gì được cấu tạo, kết hợp đều chịu chung định luật vô thường, không có tự tính, không

có ngã tính như thế nào! Ngay cả các quan niệm, ý nghĩ, cả các trạng thái tâm lý như buồn vui, thương ghét, khổ lạc cũng chịu chung định luật ấy nên nó đưa đến dukkha! Rồi đức Phật thuyết rõ cho bà nghe về dukkha, khổ đế, nó chi phối tất cả chúng sanh trong ba giới, bốn loài... như thế nào!

Buổi gặp gỡ đầu tiên là như vậy. Vài ba hôm sau, bà chánh hậu Mallikā lại đến Kỳ Viên, và lúc nào cũng chỉ vài thị nữ theo hầu. Thỉnh thoảng có thêm hoàng thân Jeta, vì lệnh bà lại thuyết phục hoàng thân nên đi nghe pháp, vì pháp hay lắm! Lần này, đức Phật chưa thuyết về nguyên nhân dukkha (tập đế), mà ngài nói đến các cảnh trời, thuận thứ những cái gọi là “hạnh phúc” từ thấp lên cao, nhân và quả, tâm và cảnh như thế nào. Buổi khác, đức Phật lại thiện xảo mở ra cảnh giới cao hơn, về những chúng sanh xem các dục vật chất là hạ liệt, thấp kém; họ đã tu tập và thành tựu những hạnh phúc tinh thần, cao hơn hạnh phúc vật chất không biết bao nhiêu mà kể...

Thấy căn trí và duyên với bà chánh hậu có thể bước cao hơn, đức Phật nói đến những hạnh phúc của các cõi trời vô sắc, là những hạnh phúc rất thanh lương, rất vi tế mà mọi người trên cõi đời này không thể quan niệm, khái niệm về nó được. Tuy nhiên, cả ba cõi ấy vẫn còn trầm luân, sanh tử. Cứu cánh giáo pháp của Như Lai là giải thoát tất cả mọi ràng buộc trong ba cõi. Và muốn tu tập thì phải có chánh kiến như thế nào, lộ trình như thế nào. Đến đây, đức Phật mới giảng rộng về tập đế và con đường tu tập (đạo đế), để chấm dứt tất cả mọi đau khổ, phiền não trên cuộc đời.

Vào cuối buổi giảng lần thứ sáu, bà chánh hậu đắc pháp nhãn, có niềm tịnh tín bất động, bất thối với con đường. Bà đã bước được bước chân đầu tiên vào giáo pháp bất tử.

Trở về cung mà tâm bà còn hoan hỷ, nhẹ lâng lâng. Bà thuyết phục đức vua Pāsenadi:

- Bệ hạ nên đến đức Thế Tôn để nghe pháp một lần đi!

Đức vua mỉm cười:

- Vị ấy có nhiều thần thông lực, phải vậy chăng?

- Đồng ý là vậy, nhưng ý tiện thiếp muốn nói là giáo pháp kia! Giáo pháp giác ngộ đây!

Đức vua có vẻ nhú mày:

- Ý nàng nói là vị ấy đúng là một vị Phật? Một vị đại A-la-hán thật sự trên đời này?

- Chắc hẳn vậy rồi.

Ngẫm ngợi một lát, vua hỏi:

- Hậu có biết xuất thân của vị ấy không?

- Thừa biết! Nhưng đâu cần phải lý lịch hoặc xuất thân?

- Cần thiết chứ! Rất cần thiết tổ tông, dòng máu di truyền là khác! Ông ta là thái tử con vua Suddhodana, bộ lạc Sākya, một vương quốc hiền hòa, nhỏ bé, chư hầu nhiều đời của Kosala! Từ xưa đến nay, dòng dõi sát-đế-ly như chúng ta chỉ xuất sinh những tướng quân, những minh quân vĩ đại chứ không có trường hợp xuất sinh những sa-môn, những bà-la-môn, những giáo chủ vĩ đại!

Ngừng một lát, vua tiếp:

- Như thế, một vị Phật phải được xuất sinh từ dòng dõi bà-la-môn chính thống, trăm mới tin được. Lại nữa, một vị Phật, ít ra thì tuổi tác cũng cỡ như các giáo chủ Makkhali Gosāla, Pakudha Kaccāyana, Nigaṇṭha Nāṭaputta, Ajita Kesambala, Sañjaya Velatṭhaputta kia chứ? Ông ta còn trẻ quá! Chỉ bằng tuổi trăm là cùng!

Nói thì nói vậy, nhưng thấy hoàng hậu vốn là người có trí, lại không dễ dàng đặt đức tin không đúng chỗ; và hoàng tử Jeta cũng vô cùng kính phục, đã nói mãi, thuyết phục mãi, nên đức vua quyết định đến thăm.

Đức Phật tiếp ông vua uy danh hiển hách này cũng ở ngoài vườn cây, trong lúc đang đàm đạo với các trưởng lão. Đức Phật ngồi trên tảng đá lót tấm nệm cỏ, các vị trưởng lão

như Sāriputta, Mahā Moggallāna, Vappa, Assaji, Mahā Kassapa, Uruvelākassapa, Bhaddiya, Ānanda... ngồi xung quanh lác đác trên những tấm nệm cỏ ở những vị trí thấp hơn...

Thoáng nhìn, đức vua đã suy giảm một phần nào ngạo khí. Vì, tuy đức Phật trẻ tuổi - nhưng trong nhóm đệ tử của người, ai cũng toát ra vẻ đẹp tuyệt vời của nhân tướng học; lại nữa, còn có mấy vị trưởng lão tuổi tác không thua gì các giáo chủ ngoại đạo (Vappa, Assaji, Uruvelākassapa...), trông vừa tiên phong đạo cốt vừa toát ra vẻ thông thái của các bậc hiền triết!

Sau khi chào hỏi xã giao, đức Phật bảo đặt một chiếc ghế thấp cho vua ngồi. Sự tế nhị đầu tiên ấy làm đức vua cảm kích vì ông mập quá, không thể ngồi trên tấm nệm cỏ dễ dàng được.

Đức Phật mở lời trước:

- Thật hân hạnh cho tịnh xá Kỳ Viên, được một đức vua trẻ tuổi, vĩ đại đến thăm!

- Không dám đâu, thưa sa-môn Gotama! Ngài cũng trẻ tuổi và vĩ đại như vậy, chỉ nhìn thoáng qua hàng cao đệ xung quanh đây là đủ biết! Chưa nói đến sa-môn Gotama đã hiển lộ thần thông lực cho thế gian mở rộng tầm mắt!

Đức Phật mỉm cười:

- Như Lai nhớ không lầm thì đại vương lên kế vị ngôi vua vào năm hai mươi sáu tuổi, và chỉ hai năm sau là đại vương đã trở thành một vị vua vĩ đại mà vẫn rất trẻ, tuổi còn rất nhỏ!

Đức vua rất bằng lòng với câu nói này. Nhưng sau đó thì giật thót mình, dường như đức Phật biết là nhà vua chê đức Phật còn trẻ tuổi, qua câu chuyện với hoàng hậu Mallikā! Tuy nhiên, không giấu được sự thắc mắc trong lòng, đức vua hỏi:

- Thưa sa-môn Gotama! Có gì không phải xin sa-môn bỏ

quá cho! Rằng là, có phải sa-môn Gotama đã từng tuyên bố trước hội chúng, nơi này và nơi kia, là sa-môn đã chứng đắc Vô Thượng Giác, như là một đức Chánh Đẳng Giác trên đời này?

- Đúng vậy! Như Lai đã từng tuyên bố như vậy!

-Trẫm biết rằng, các sa-môn, các bà-la-môn thượng thủ, các giáo phái chủ, giáo phái sư, khi được trẫm hỏi như vậy thì họ không khẳng định, không phủ định, chỉ trả lời ồm ờ, vòng quanh. Nay, làm thế nào mà sa-môn Gotama lại dám tuyên bố một cách tự tin như thế khi tuổi còn quá trẻ và xuất gia cũng chưa được bao lâu?

- Đại vương biết không - Đức Phật tiếp lời – Có bốn cái nhỏ, rất nhỏ nhưng không được coi khinh, xem thường, đó là: Một ấu hoàng, một con rắn nhỏ, một đóm lửa nhỏ, một sa-di nhỏ!

Đức vua thừa thông minh để biết đức Phật đang ám dụ mình đây, cảm thấy vui trong lòng, nhưng ngoài miệng thì nói:

- Xin cho được nghe!

- Một ấu hoàng - Đức Phật chậm rãi nói - lớn lên, làm vua, nếu là xấu ác thì có thể quấy đảo cả thiên hạ, làm cho muôn dân phải đau khổ; nếu là hiền thiện thì có thể trở thành một đấng minh quân, đem lợi lạc và an vui cho nhiều quốc độ. Một con rắn nhỏ cũng không được coi khinh, vì biết đâu đây là rắn chúa mà chỉ một tí nọc độc của nó có thể làm chết cả một con voi to. Một đóm lửa nhỏ cũng cần phải cẩn thận – vì nó có thể lây lan thiêu đốt nhà cửa, vườn rừng. Một sa-di nhỏ cũng có thể đắc quả A-la-hán, thành tựu tâm giải thoát, tuệ giải thoát cùng các thắng trí! Vậy Như Lai khuyên đại vương là đừng nên xem thường, coi khinh những cái nhỏ, rất nhỏ vậy!

Đức vua Pāsenadi, bây giờ, xác định rõ là đức Phật đã tế nhị răn dạy mình. Nhìn lướt qua các vị trưởng lão, vị nào

cũng bình tịnh, an nhiên – và ai cũng phảng phất nụ cười, dường như họ đều đã biết nguyên nhân câu chuyện.

“Ôi! Đây đúng là những con người minh triết trong một giáo hội minh triết! Ôi! Còn chần chờ gì nữa mà không tìm chỗ nương tựa cho đời mình!” Nghĩ thế xong, đức vua Pāsenadi, thay đổi tư thế, quỳ mọp xuống:

- Đức Thế Tôn đã mở sáng con mắt cho trăm. Vậy cho trăm được quy giáo đức Đạo Sư cùng với giáo hội minh triết này!

Đức Phật lại mỉm cười:

- Đại vương có vội vã quá không? Đã suy nghĩ chín chắn, chu đáo chưa? Dường như đại vương còn thắc mắc về dòng dõi sát-đế-ly của Như Lai nữa đấy!

Đức vua quỳ lạy một lượt nữa, sau khi sợ hãi nói: “Đệ tử không dám ạ!”

Việc đức vua Pāsenadi quy giáo đức Phật giản dị như vậy đấy, chỉ qua một lần đối thoại như vậy đấy! Nhưng là một biến cố trọng đại đối với nước Kosala.

Vốn là con trai trưởng của đức vua Mahākosala hiền hách và lừng danh, Pāsenadi được vua cha gởi đi du học ở viện đại học tại Takkasilā, thủ đô của nước Gandhāra⁽¹⁾. Đây là cơ quan giáo dục lớn nhất, quan trọng nhất, uy tín nhất với chương trình đào tạo nghiêm túc, phong phú, có chất lượng đầy sức thuyết phục, hấp dẫn tuổi trẻ tri thức trong mọi quốc độ. Các giới cấp cao sang trong xã hội như bà-la-môn, sát-đế-ly mới đủ điều kiện cần thiết vì học phí rất cao; tuy nhiên, các sinh viên nghèo, có chí vẫn có thể theo học được bằng cách phục vụ lao công cho trường, cho lớp, cho thầy dạy học. Ngoài các môn triết lý, thần học, sinh viên còn phải đi chuyên sâu về các môn thế học như luật pháp và chính trị; các học nghệ cần thiết, thực tiễn cho xã hội như y

⁽¹⁾ Nước kế cạnh Kashmire)

khoa, luyện voi, đấu kiếm, bắn cung...⁽¹⁾ Sau bảy năm trở về, đức vua Mahākosala bổ nhiệm chức vụ thống đốc thành phố Kāsi⁽²⁾ để xem xét tài lãnh đạo của Pāsenadi như thế nào. Khi vua cha mất, ông về kế vị ngôi vương, mà trong huynh đệ, không ai có thể suy bì được⁽³⁾ Lúc ấy ông mới hai mươi sáu tuổi mà phải cai trị một vương quốc khá rộng lớn với những tranh chấp phức tạp giữa các tiểu vương chư hầu. Được biết rằng, thủ đô Sāvatti chỉ ước chừng 350 ngàn dân, nằm trong một vương đất mỗi bề chỉ một phần tư do tuần. Và ngay chính lãnh thổ Kosala cũng không rộng lớn lắm, chỉ ước chừng 40-50 do tuần theo hình bầu dục, khoảng ba triệu người. Nhưng địa giới thuộc quyền ông làm chúa tể, được vua cha giao lại – thì kéo dài từ tây sang đông, từ bắc xuống nam. Điểm cực tây là sa mạc, cả cao nguyên Tarai, tây bắc giáp giới Gandhāra. Phía đông chạy dài bao gồm luôn các bộ tộc Sākya, Koliya, Moriya, Mallā và cả Kālāma. Phía nam xuống tận sông Gaṅgā, chạy song song với thượng lưu con sông này, giáp với đông bắc Bārāṇasī, tiếp tục theo hướng tây bắc, ôm luôn con sông Sadānīra rồi vòng trở lại khởi điểm. Cơ cấu hành chính cũng đã có sẵn từ trước, ông chỉ kế thừa. Hệ thống quản lý điều hành thì có các quan chức đại thần lão niên quen việc, biết việc từ thời vua cha. Đức vua Pāsenadi trẻ tuổi rất khó chịu bởi các vị công thần này. Tín nhiệm quan đại thần Ugga thì quan đại thần Ārohanta ganh tỵ. Phải tìm cách liên kết họ lại thì mọi vấn đề chính trị, hành chính đều suôn sẻ. Nhưng chính hai vị

⁽¹⁾ Xem thêm Đức Phật lịch sử của H.W. Schumann, Trần Phương Lan dịch, tr.257, NXB T/P HCM, năm 2000.

⁽²⁾ Kāsi cũng là một nước, thủ đô là Bārāṇasī. Trong quá khứ nước này có nhiều sự liên hệ với nước Kosala. Vào thời Phật, Kāsi lệ thuộc Kosala. Khi gả con gái mình cho đức vua Bimbisāra, đức vua Mahākosala đã cắt xứ này cho Māgadha như là của hồi môn.

⁽³⁾ Đức vua Mahākosala có khá nhiều vương phi, thứ hậu – 30 vương tử Kosala được đức Phật hóa độ tại rừng Kappāsīya là con của các bà này.

này thì nói xa nói gần, bóng gió rằng coi chừng viên thống tướng Bandhula nắm binh quyền sẽ tiến ngôi! Chưa hết! Cứ mỗi nước chư hầu, vua phải bổ nhiệm một vị tướng giỏi, vừa mang chức năng đại sứ toàn quyền vừa giám sát các thuộc quốc. Cả một mạng lưới điệp viên, tình báo bủa khắp mọi nơi làm tai mắt cho triều đình trung ương! Nếu không bản lĩnh, trí tài thì làm sao cai trị được một đế quốc như thế!

Khi còn làm thống đốc thành phố Kāsi, ông yêu thương một cô gái con người làm tràng hoa, lúc đăng cơ xong, ông phong làm chánh hậu – là bà Mallikā - mặc cho triều thần phản đối cô ấy thuộc giai cấp thấp kém. Về sau, đức vua còn có ba vương phi khác, đó là Ubbīrī và hai chị em Somā và Sakulā⁽¹⁾, nhưng đức vua đặc biệt sủng ái chánh hậu Mallikā. Bà là một cô gái diễm lệ, hiền thực, khéo léo luôn cận kề săn sóc an ủi ông, mỗi khi triều chính mệt mỏi. Vua rất quý trọng bà về tư cách xử sự, trí thông minh nên hay hỏi ý kiến bà về việc dùng người, thái độ khoan nhượng hoặc cứng rắn đối với chư hầu cũng như những điều lệ cương, nhu trong chính sách cai trị. Ông thấy rõ cái tệ nạn giai cấp làm ngăn cản bước tiến của xã hội, ngăn chặn sự tiến thân của rất nhiều thanh niên trí thức của các giai cấp dưới. Tại đại học Takkasilā, ông quen thân một số thanh niên vệ-xá, thủ-đà-la, chăm ngoan, hiếu học. Và ông đã không ngần ngại bổ nhiệm họ vào các chức vụ trọng yếu như phụ tá chánh án hoàng gia, quản lý kinh tế thành phố này hay thành phố khác. Bảy năm học tập, hai năm làm thống đốc, trí óc ông sắc bén do quen suy tư, thẩm xét từ nền tảng kiến thức triết học cũng như kiến thức thần học có sẵn. Dầu là giai cấp nào, tôn giáo, hệ phái nào cũng đều là thần dân của ông, phải biết tôn trọng

⁽¹⁾ 10 năm sau, vua Pāsenadi muốn được thân tình với dòng dõi Sākya của Phật - mới xin cưới thêm vương phi Vāsabhakkhattiyā, cô công chúa con vua Mahānāma với nàng nữ tỳ - sinh ra thái tử Viḍūḍabha, là người nổi loạn chống vua cha và tiêu diệt dòng Sākya sau này.

và có chính sách trung dung phải lẽ, không được ngả bên này hay bên khác. Mười mấy năm cai trị, triều đại của ông vững mạnh, đời sống xã hội phồn vinh, các nước chư hầu đều thần phục. Chỉ có nước Māgadha là ở quá xa, cũng là một đế quốc hùng mạnh tương đương, xét ra là một hiểm họa tranh đoạt thiên hạ với ông. Tuy nhiên, việc ấy, vua cha đã nhìn xa trông rộng rồi, đã gả cô công chúa Kosalavidehi, em của Pāsenadi cho đức vua Seniya Bimbisāra, với một vùng đất trù phú và xinh đẹp tại xứ Kāsi làm của hồi môn để tạo mối thân tình. Đức vua Seniya Bimbisāra cũng không thua gì ông về mọi lãnh vực, lại đạo đức, hiền thiện rất đáng tin cậy. Mười mấy năm nay không có chiến tranh lớn, chỉ có vài bộ lạc nhỏ nổi loạn đòi tự trị, đòi độc lập; và chỉ cần một viên tướng nhỏ cầm quân là có thể dẹp yên. Nhức đầu nhất là bọn cướp thường xuất hiện như ma, biến mất như quỷ, luôn quấy rối địa phương này và địa phương khác. Tăng cường binh bị, quốc phòng chưa cần thiết lúc này, nhưng phải bổ sung binh lính tuần tra đem lại an bình cho muôn dân khắp hang cùng, ngõ hẻm.

Như vậy đó! Một đức vua vĩ đại như thế mà quy giáo samôn Gotama là tiếng sét đánh thứ hai, sau tiếng sét thứ nhất là đức vua Seniya Bimbisāra! Các giáo phái khác bàng hoàng, khó chịu và ganh tỵ.

Hôm kia, đức vua Pāsenadi nằm thấy mộng dữ, cảm thấy lo sợ⁽¹⁾. Một vị lão thần bà-la-môn đoán mộng, bảo là sắp có chuyện chẳng lành xảy đến cho đức vua, phải nên giết cừu, dê, trâu, bò mỗi loại bảy trăm con tế lễ thần linh để tránh họa. Nghe lời, vua truyền sắm lễ vật, tế vật theo nghi thức truyền thống của đạo bà-la-môn là phải hy sinh hằng ngàn sinh linh trong cuộc đại tế này. Hay tin, hoàng hậu Mallikā lật đật đến can gián, khôn ngoan và sáng suốt

⁽¹⁾ Mahā Supina Jātaka.

khuyên vua đừng vội giết vật, nên đến thỉnh thị ý kiến của đức Phật. Nghe lời, đức vua đến Kỳ Viên, kể lại giấc mộng dữ của mình, mong được đức Phật tìm cách hóa giải tai họa.

Đức Phật nói:

- Hãy bình tĩnh, đại vương! Rồi Như Lai sẽ giải trừ tai họa cho! Bây giờ đại vương cho Như Lai được hỏi, khi mình giết một vật, cho đầu rơi, máu chảy thì lúc ấy, tâm mình là lành, tốt hay là xấu, ác?

- Tâm giết vật, sát vật thì làm sao mà lành, tốt được!

- Cảm ơn đại vương đã hiểu. Bây giờ cho Như Lai được hỏi tiếp - Giết một sanh mạng là xấu ác, giết một ngàn sanh mạng thì xấu ác tăng lên một ngàn lần. Chẳng lẽ nào lấy một ngàn lần xấu ác ấy để cầu nguyện, để van vái thần linh giải trừ tai họa cho đại vương? Chẳng lẽ nào chúng ta có thể gieo một nhân đắng - một ngàn nhân đắng, lại có thể thu hoạch được một trái ngọt, một trái lành được sao? Đại vương là bậc có trí, hãy trả lời cho Như Lai nghe với nào?

Đức vua Pāsenadi thất sắc, nín lặng.

- Lại nữa – đức Phật tiếp - Nếu có thần linh, thì thần linh là một loại chúng sanh tiến hóa bậc cao, có phước báu thù thắng hơn cõi người. Chẳng lẽ nào, các vị thần linh ấy lại thích hưởng thụ đầu súc vật, máu súc vật do đại vương dâng cúng? Nếu quả có loại thần ấy – thì nó còn tệ mạt, hạ liệt, thấp thỏi hơn con người - là quỷ dữ, là ác thần, là ác dạ-xoa đấy! Bọn quỷ xấu ác, thiếu phước ấy lại có thể hộ trì, giải trừ tai họa cho đại vương được sao?

Nghe đến ngang đây, đức vua cảm thấy trí sáng, thông suốt được vấn đề:

- Xin đức Tôn Sư cho đệ tử được nghe tiếp!

- Vậy thì phải làm ngược lại, tâu đại vương! Nghĩa là phải tác ý, phải khởi tâm làm một việc lành, tốt, một ngàn việc lành, tốt. Và chính nhờ năng lực một ngàn việc lành tốt kia thì tức khắc tai họa, nếu có, sẽ tự động được giải trừ!

- Đệ tử hoàn toàn lãnh hội, đã hoàn toàn thấy rõ sự sai lầm của sự tế vật. Nhưng vừa rồi, đức Tôn Sư có sử dụng từ điều kiện cách, “nếu có”, đệ tử chưa hiểu rõ lắm!

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu- Như Lai thấy rõ rằng, chưa chắc đã có tai họa gì! Vì chiêm bao là lúc trạng thái tâm, trạng thái trí chập chờn, mơ màng - ở đây là do các “tướng”⁽¹⁾ đức kết, vẽ vời không trung thực các hình ảnh hiện tại, quá khứ, vị lai mà thành! Có thể nó là lành tốt, có thể nó là xấu ác; nhưng các nhà chiêm tinh gia đoán mộng, từ xưa đến nay họ cốt ý để mưu sinh, để kiếm tiền nhiều hơn là có lòng tốt với khổ chủ!

- Nếu nó xấu ác thật sự thì sao, thưa đức Tôn Sư!

- Thì nên làm một ngàn điều lành, tốt để giải trừ - hay nên làm một ngàn việc xấu ác để tăng thêm tội thì tùy ý đại vương vậy!

Với cách đặt vấn đề thiện xảo như vậy, trí tuệ như vậy - đức Phật đã làm cho đức vua biết cách bố thí, trì giới, làm các công đức, thiện sự, phước sự... sau này! Ngay ngày hôm sau, đức vua cung thỉnh đức Phật và hội chúng 1000 vị tỳ-khuru làm một cuộc cúng dường lớn tại cung điện. Đức Phật và chư tăng đã đọc kệ phúc chúc, mong rằng với phước sự ấy, đức vua được tai qua nạn khỏi. Và quả thật, mấy ngày sau đó, đức vua cảm giác được an lành; và một làn gió mới, trong trẻo len vào đời sống tâm linh của nội cung, nội viện và cả triều thần. Hoàng hậu Mallikā là người sung sướng nhất vì bà đúng là người bạn đời hiền thiện, cao quý, đã sáng suốt, đã dịu dàng đưa cánh tay hoa sen của mình dẫn dắt ông vua chồng quyền uy hiển hách đi vào chánh đạo!

Đức Phật biết là đã đặt được nền móng giáo pháp vững chắc tại kinh đô này, quốc độ này; ngài lại chuẩn bị đi du hóa phương khác.

⁽¹⁾ Tri giác – Saññā.

Cuộc Luận Chiến Về Chiêm Tinh

Đức Phật và hội chúng đang chuẩn bị khởi hành thì đức vua Pāsenadi lại tìm đến Kỳ Viên lúc trời còn mù sương. Nhìn thấy đôi mắt thâm quầng của vị minh quân, đức Phật hướng tâm, biết chuyện gì đã xảy ra.

Sau khi mời an vị xong, đức Phật nói:

- Đại vương lại mất ngủ suốt đêm qua rồi!

- Thưa, đúng vậy!

- 16 giấc mộng kia lại tìm đến?

- Thưa, đúng vậy!

- Nó đến không nhanh, không chậm - mà ngay sau khi được sự bàn ra, tán vào của các lão quan tinh thông chiêm tinh, thuật số ở bên cạnh đại vương!

Đức vua Pāsenadi ngạc nhiên, mở lớn đôi mắt:

- Hóa ra đức Tôn Sư đã biết rồi! Và ông bắt đầu tâm sự - Đệ tử sau khi nghe pháp, bố thí lớn, cúng dường lớn đến đức Tôn Sư và đại chúng, đệ tử cảm giác được an lành, yên ổn. Tuy nhiên, chỉ được mấy hôm, một số lão trượng bà-la-môn đại thần có thẩm quyền về chiêm tinh nhất, đến gặp đệ tử, nói rằng: Việc đại vương bố thí, cúng dường, ấy là việc tốt, nên làm; nhưng việc đoán mộng, giải mộng, đại vương cũng không nên bỏ qua, chớ nên thất lễ với thần linh; vì đây là trí

khôn, kinh nghiệm được tích lũy cả hàng ngàn năm nay, chẳng lẽ nào... Thế xong, họ bỏ lưng câu nói. Nhưng mà đệ tử biết, họ muốn ám chỉ đức Tôn Sư...

Đức Phật mỉm cười:

- Ý họ nói, Như Lai không thể thông thái hơn trí khôn cả hàng ngàn năm cộng lại?

Đức vua im lặng, như thú nhận điều ấy là đúng.

- Lại còn có ý nói rằng, Như Lai chưa từng có thẩm quyền gì về chiêm tinh, về việc đoán mộng, giải mộng cả?

- Quả thật, họ đã có hàm chỉ như thế nhưng không dám nói - vì họ biết, đụng đến đức tin của đệ tử, của một ông vua, họ sẽ bị tội chém đầu!

Chậm rãi, tự tại, đức Phật nói:

- Đại vương cứ yên tâm. Về lãnh vực chiêm tinh, thuật số - Như Lai chưa từng biết, chưa từng thấy trên thế gian này có ai nghiên cứu tới nơi tới chốn bằng Như Lai. Như Lai còn đọc được cả những ký hiệu ngôn ngữ cổ xưa còn lưu lại nơi những tấm thẻ đồng, thẻ vàng trong điện thờ tại Kapilavatthu. Vậy, đối thoại về lãnh vực chiêm tinh, không cần đến Như Lai, chỉ cần hai vị đại đệ tử của Như Lai thôi, cũng đã là bậc thầy của tất cả chiêm tinh gia trên toàn cõi châu Diêm-phù-đề này!

Nghe nói vậy, đức vua Pāsenadi vô cùng sung sướng, nở mặt, nở mày; ông dè dặt hỏi:

- Vậy thì sẽ có cuộc đối thoại, luận chiến về chiêm tinh để cho các vị bà-la-môn chiêm tinh kia sáng mắt ra, bạch đức Tôn Sư?

- Đúng vậy!

- Và đức Thế Tôn sẽ dạy cho họ một bài học?

- Không cần thiết! Một Sāriputta hoặc một Moggallāna của Như Lai là đủ rồi!

- Vậy thì đệ tử sẽ bảo họ đến đây, tại Trúc Lâm đại tịnh xá để họ luận chiến về chiêm tinh, về 16 giấc mộng của đệ

tử với hai bậc thượng thủ của giáo hội!

Đức Phật xuyên sâu vào tâm lý, hiểu rõ cả tác tư của vấn đề, nói rằng:

- Hãy tạo sự ưu tiên và thuận lợi cho các nhà chiêm tinh, này đại vương! Như Lai sẽ bảo hai vị đại đệ tử đến ngay trên đất của họ, chỗ quen thuộc của họ! Nếu mà họ đến Trúc Lâm thì mọi thuận lợi, chúng ta đã chiếm hết tiên cơ mất rồi!

Xiết bao cảm phục, đức vua nói:

- Vậy thì ngay chiều nay, tại hoàng cung, đệ tử sẽ cho tổ chức một cuộc hội thảo về chiêm tinh. Một bên là các lão quan chiêm tinh, một bên là hai vị thượng thủ của giáo hội. Từng giác mộng một, đệ tử sẽ kể lại, sau đó là nghị luận, luận giải của hai bên... Có hoàng gia và triều thần làm quan khách...

- Ừ! Quan khách sẽ có thêm một số đông tỳ-khưu trưởng lão nữa; và chính Như Lai chỉ ngồi lắng nghe!

Thế rồi, chiều hôm đó, tại hoàng cung, không khác gì một buổi thiết triều nhưng có thêm sự tham dự của đức Phật và 100 vị A-la-hán đứng đầu giáo hội. Đức vua muốn bố cáo chuyện này một cách rộng rãi nên ngoài triều thần, vua đã cho mời thêm một số nhân vật tai mắt trong kinh thành; đây là các giáo phái chủ, giáo phái sư, các bà-la-môn đạo sĩ hữu danh, các đại triệu phú, các đại doanh gia, đại diện các nghiệp đoàn; nghĩa là đại diện đầy đủ các giai cấp trong xã hội...

Vị quan phụ trách nghi lễ, khánh tiết đã được tôn giả Sāriputta hướng dẫn cho cách sắp xếp các chỗ ngồi cho đức Phật và Tăng chúng, để làm sao tránh được hai cực đoan: Không nên quá kiêu cách, xa hoa như ở cung đình mà cũng không nên quá giản dị, xuề xòa như tại tịnh xá Kỳ Viên.

Hiểu ý đức Phật, đức vua Pāsenadi bỏ qua tất cả mọi nghi thức. Vị đại lão thần bộ lễ (tương tự thượng thư bộ lễ),

tuyên bố lý do, đại ý nói rằng, vì những điềm triệu xảy ra trong giấc mộng của đức vua, liên hệ đến sức khỏe, tai nạn, bệnh tật, tuổi thọ của ngài - đồng thời còn liên hệ đến sự an nguy, khổ vui cho bá tánh và cả quốc độ - nên triều đình đã đứng ra tổ chức buổi hội thảo rộng rãi hôm nay. Một bên là hai vị đại đệ tử của đức Phật, một bên là các lão quan chiêm tinh. Đức vua tối cao của chúng ta lần lượt thuật lại các giấc mộng. Hy vọng rằng, với trí tài, với thông tuệ, học sâu, hiểu rộng của các bậc đại trí thức - các ngài sẽ đoán mộng, giải mộng cho đức vua trên tinh thần học thuật một cách nghiêm minh, chân xác, khách quan, trung thực để đem lại lợi ích chung cho toàn xã hội...

Nội dung buổi hội thảo, sau đó, diễn ra như sau.

Đức vua kể:

- Trẫm thấy bốn con bò đực có sừng, sắc đen tuyền từ bốn hướng, chạy vào sân châu với vẻ muốn đánh nhau. Thế rồi, dân chúng từ bên ngoài đổ xô đến xem. Nhưng bốn con bò chỉ ra bộ giận dữ, vằn qua đảo lại, đạp đất, rùn mình, nghinh sừng ... ra oai một hồi rồi bỏ đi - chứ không đánh nhau. Đây là giấc mộng thứ nhất của trẫm. Các lão quan chiêm tinh trước đây bảo là điềm xấu; bây giờ trước tất thảy mọi người, hãy cho trẫm biết, xấu là xấu như thế nào?

Một vị đứng dậy, tâu:

- Theo thần được học thì giấc mộng này báo triệu hai điều có thể xảy ra, đều là điều xấu! Nhưng nay nhờ có thần linh đã mách bảo cho đại vương để đại vương tìm cách giải nạn vẫn còn kịp thời. Thứ nhất, bốn con bò đen tuyền, có sừng, từ bốn hướng chạy vào sân châu, ra oai muốn đánh nhau; ở đây muốn ám chỉ bốn lực lượng mạnh mẽ (có sừng) từ bốn phương của quốc độ, sẽ kéo quân về triều đình, có lẽ do quyền lợi, quyền lực, danh vọng gì đó nên đã đấu khẩu, tranh cãi lẫn nhau. Còn dân chúng thì bàng quan đứng xem, không can thiệp, vì đây là việc nội bộ của triều đình. Thứ

hai, bốn con bò đực có sừng, từ bốn hướng vào sân châu cũng tượng trưng cho đất nước lửa gió, bốn sức mạnh của ngoại khí sẽ đe dọa bệnh tật, ốm đau cho bệ hạ. Thưa, đây là thần đã giải đoán cái mộng thứ nhất là như vậy.

Vị quan bộ lễ cất tiếng hỏi:

- Các ngài trong bộ chiêm tinh, có bỏ túc gì nữa không?
- Thưa không, đủ rồi!

Hướng qua hai vị đại đệ tử, vị ấy thưa:

- Bây giờ đến phiên giải mộng của giáo hội đức Tôn Sư.

Tôn giả Sāriputta đoan nghiêm đứng dậy, mỉm cười, phong thái ung dung, tĩnh tại:

- Thưa, tôi cũng có học chiêm tinh; nhưng có lẽ kinh qua quá nhiều khẩu truyền, quá nhiều nhà luận giải nên ngay chuyện bốn con bò đực, đen tuyền, có sừng, tôi lại có hai cách luận giải khác, nhưng đều là điềm tốt! Nay xin được trình bày cái kiến giải thô thiển này để mọi người cùng suy ngẫm, nhất là có đức Tôn Sư của chúng tôi ở đây.

Khai từ vừa khiêm tốn vừa chứng tỏ bản lĩnh kiến thức, sở học về bộ môn này của tôn giả, tức khắc, lôi cuốn thính giả tham dự phải chăm chú lắng nghe. Tôn giả bèn hướng đến đức vua, tiếp tục:

- Đại vương khỏi lo. Đây là điềm triệu mai sau. Đại vương có khí cốt lớn, là chân mệnh đế vương, tương lai về sau, ngài còn có phước báu làm một đức Chuyển luân Thánh vương nữa! Điềm triệu này, nhắc nhở đại vương phải biết sống theo chánh pháp để đem lại an vui, hạnh phúc cho quốc độ. Nếu người đứng đầu một nước mà tham lam, bất chính, không có đạo đức thì triều đình cũng tham lam, bất chính, không có đạo đức, và muôn dân sẽ đau khổ, lầm than, kéo theo sát sanh, trộm cắp, tà vạy, bất chánh, dối láo. Nghĩa là khi cái ác, bất thiện pháp tăng trưởng thì thiện thiên thần, thiện dạ-xoa sẽ bỏ đi, các thế lực che chở cho quốc độ không còn nữa. Lúc ấy chuyện gì xảy ra? Bốn con bò đen có sừng

từ bốn hướng, nghĩa là mây đen bốn hướng, vùn vủ tràn vào kinh thành, âm ỉ, sấm chớp ùng ùng, hướng đông, hướng tây, hướng nam, hướng bắc... hằm hè như tranh giành nhau, nhưng rớt lại, vẫn không có mưa! Quốc độ rơi vào nạn hạn hán trầm trọng, mất mùa, đói kém, nhân dân trông chờ, kéo nhau đi xem, nhưng trời vẫn không cho họ một giọt nước. Vậy thì muốn mưa thuận, gió hòa, nhân dân an cư lạc nghiệp thì đức vua phải chơn chánh, lấy mười vương pháp trị dân, theo đó, đại thần cũng chơn chánh, có đạo đức; muôn dân sống theo chánh pháp thì các thiện dạ-xoa, thiện thiên thần sẽ hoan hỷ theo để hộ trì quốc độ. Cách giải đoán thứ hai cũng tương tự vậy. Bốn bò đen, có sừng, từ bốn phương tràn vào kinh thành, hằm hè muốn đánh nhau nhưng không làm gì cả rồi bỏ đi. Cũng vậy, đây là binh lực đen tối từ bốn phương, có thể là các nước chư hầu, cũng có thể là các binh trần, muốn nổi loạn, ai cũng muốn tranh quyền, cướp ngôi; ai cũng múa võ giương oai; ai cũng muốn áp đảo đối phương... Nhưng khi đến kinh thành, thấy uy lực của một đức vua sống theo chánh pháp, muôn dân thanh bình, đâu đó bình chân như vại nên họ phải tự động giải tán, mây tan, gió lặng...

Nói đến ngang đây, tôn giả Sāriputta đưa mắt nhìn các nhà chiêm tinh, cất giọng êm dịu, hòa hoãn:

- Thú thật rằng, lời giải đoán của chư vị đều là cái “có thể”; mà lời giải đoán của tôi cũng là cái “có thể” làm sao biết nói ai đúng, ai sai...

Hội trường im lặng, rất nhiều người gật đầu lặng lẽ.

Vị quan bộ lễ cất giọng lớn:

- Từ một giấc mộng mà nhóm chiêm tinh gia giải đoán, có khả năng phát sanh hai điềm xấu; còn ngài sa-môn đại đức cũng giải đoán, lại có khả năng ngược lại, là hai điềm tốt! Đúng vậy, chưa biết lẽ phải, sự thật thuộc phần ai. Bây giờ, xin đức vua chỉ tôn cho nghe giấc mộng thứ hai.

Đức vua kể giấc mộng thứ hai:

- Trẫm thấy có một bụi cây con từ dưới đất trời lên; khi nó mới cao chừng vài gang tay, thân đang còn xanh nõn đã đơm hoa sum suê rồi tức khắc kết trái, trĩu cành. Thật là lạ lùng. Xin các vị đoán cho.

Một vị chiêm tinh gia tóc bạc trắng, đứng dậy:

- Đây là điềm xấu, điềm dữ! Cây non mà sinh hoa kết trái thì thật là kinh khủng. Đây là một báo triệu, thần linh sẽ giận dữ nếu không biết cúng tế đúng lễ nghi, phép tắc. Khi mà thần linh nổi trận lôi đình thì các vì tinh tú sẽ lệch vị trí, phương hướng; định luật của đất trời sẽ bị đảo lộn. Đất nước lửa gió bên trong, bên ngoài; thời tiết, mùa vụ, con người, sinh vật, thảo mộc... sẽ bị tác động mà sinh ra quái thai, dị chủng, nghịch thường... Vậy thì không thể không cúng tế thần linh.

Lần này thì tôn giả Mahā Moggallāna trở tài ngôn luận hùng biện:

- Đúng thay, hay thay! Vị lão trượng chiêm tinh gia đã giải đoán giấc mộng thứ hai này rất chính xác. Tôi cũng đồng ý đây là điềm dữ, điềm xấu. Tôi cũng đồng ý đất trời đảo lộn, khí huyết tương xung mà sinh ra quái thai, dị chủng, nghịch thường... Tuy nhiên, việc ấy không phải xảy ra bây giờ mà đây chỉ là dự báo trong tương lai. Xin các nhà tôn giáo học, tâm linh học, đạo đức học, giáo dục học, xã hội học, nhân văn học... hãy để tâm chuyên sâu nghiên cứu về lãnh vực này, nắm nguyên lý của nó mà đưa ra chiến lược, kế sách thích hợp để cứu cho xã hội, con người khỏi rơi vào thảm họa. Chính con người phải tự cứu con người chứ không có thần linh nào cả. Giấc mộng ấy sẽ trở thành hiện thực khi thế gian, thế giới này suy đồi. Con người nếu cứ tăng trưởng mãi mọi dục vọng, ác độc, xan tham, nghĩa là không có đạo đức và giới hạnh thì một mai nào đó sẽ phát sinh ngay trước mắt là những cô con gái rất non trẻ chưa đến

tuổi vị thành niên sẽ tìm cách sống chung với bọn đàn ông, không kẻ trẻ, không kẻ già, cốt là để thỏa mãn dục vọng, hai là bòn rút, kiếm chác bạc tiền. Và rồi, chúng sẽ thụ thai và sinh con. Cái cây non mơn mà sinh hoa kết trái là báo hiệu thảm họa này đây; kéo theo sự đảo lộn thương luân bại lý cho toàn xã hội, gây nhiễm độc cho nhân sinh... Vậy thì xin thưa, chính chánh pháp mới cứu được cuộc đời, con người chứ không có thần linh nào ở đây cả! Như thế, xin đại vương đừng lo gì cả vì đại vương đang sống trong chánh pháp!

Tôn giả Mahā Moggallāna đã phát biểu xong. Quả thật kiến giải ấy rất hợp với luận lý, phơi bày một sự thật có thể kiểm chứng được, hiểu được khi con người suy đồi phẩm chất.

Mọi người yên lặng, suy ngẫm cả hai cách lý giải. Không ai phát biểu ý kiến.

Vị quan Bộ Lễ tiếp tục:

- Xin bệ hạ kể cho nghe giấc mộng thứ ba.

Đức vua kể:

- Trẫm thấy một bầy bò cái cùng nhau bú sữa nơi bầy bò con, mà đáng thương thay, bầy bò con ấy mới chỉ sinh ra trong một ngày mà thôi!

Vị chiêm tinh giải đoán:

- Đây là điềm xấu, điềm dữ liên hệ thần linh nổi giận! Đây là dấu hiệu những giá trị cổ xưa, những tín ngưỡng thiêng liêng từ ngàn năm không còn được tôn trọng, nể vì. Chúng ta đã sống tốt đẹp, được nuôi dưỡng trong những bầu sữa mẹ thiêng liêng của suối nguồn kinh điển Vệ-đà với những lễ nghi, tập tục, tế lễ, phúng tụng, chú thuật... đem thanh bình yên ổn cho xứ sở, được thần linh che chở. Nay nguồn sữa ấy không còn nữa, đã khô cạn. Rồi ai cũng tuân theo những chỉ dụ mới, đạo đức mới, lễ phải mới cho đến nỗi thần linh cũng đói meo. Giá trị tốt đẹp, linh thiêng ngàn xưa, những người đại diện cho các giá trị cũ, phải sống gỏi,

sống nhờ vào những chủ thuyết mới là những chú bê non mới sinh được một ngày, có thảm thương không chứ! Than ôi!

Tôn giả Sāriputta thấy đã đến phiên mình, đứng dậy, phản bác lời kiến giải ấy. Tôn giả nói:

- Biện giải ấy hơi áp đặt, chủ quan; nếu không muốn nói là tự bảo vệ cho mình, lại còn quy cho việc thần linh nổi giận hầu gợi ý cho đức vua chí tôn chúng ta phải tổ chức đại tế, trung tế, tiểu tế rất tốn kém hàng ngàn sinh mệnh của súc vật, của chúng hữu tình cùng với những thúng vàng, thúng bạc từ máu mủ thuế khóa của nhân dân! Giác mộng ấy rất đơn giản, bậc có trí nghe qua, tức hiểu.

Hướng qua đức vua, tôn giả nói:

- Giác mộng ấy ứng về tương lai, liên hệ nhân sinh chứ không phải thần linh. Khi đạo đức, luân thường của xã hội không còn được duy trì thì thế hệ người già, bô lão không còn được tôn trọng nữa! Vào thời ấy, con cái không còn biết kính trọng cha mẹ hay nhạc phụ, nhạc mẫu của mình. Chính chúng làm ra tiền, ra bạc nên sẽ cai quản tài sản gia đình. Và nếu vui, chúng sẽ cho cha mẹ thức ăn, áo mặc; còn nếu không thích, do buồn bực, chúng sẽ hắt hủi cha mẹ và chỉ cho ăn, cho uống một cách lầy lệ, cầm chừng. Và lúc ấy, lớp người già yếu cô độc, sống rất thiếu thốn, hoàn toàn lệ thuộc vào con cháu, lây lất qua ngày tùy theo ân huệ ban bố của cháu con mình giống như bò cái bú sữa bò con một cách tội nghiệp! Đây là hiện tượng báo triệu nhân luân suy đồi, con cháu bất hiếu chứ không liên hệ gì đến thần linh cả. Xin đại vương sáng suốt, anh minh để nhận ra sự thật ấy và tắt thảy cử tọa thính chúng đồng suy ngẫm!

Đức Phật mỉm cười, nhẹ gật đầu. Đức vua cũng gật đầu, ánh chừng là đã thấu hiểu. Và rất đông cử tọa như đồng thuận lời giải đoán của tôn giả Sāriputta hơn.

Lần này thì đức vua kể giác mộng thứ tư của mình:

- Trẫm thấy người ta buộc những con bò lực lưỡng vào một nơi, rồi đem cả đàn bò con buộc vào những cỗ xe lớn, bắt kéo xe. Thế là đàn bò con, do sức yếu nên xe không chuyển dịch được, cứ đứng yên như thế. Thật lạ đời. Các thầy chiêm tinh cũng bảo là điềm xấu, điềm dữ, phải lo cúng tế nhưng không cho trẫm biết lý do tại sao! Trẫm lo lắm!

Đây là lời giải của phe chiêm tinh gia:

- Cũng là điềm dữ, điềm xấu mà thần linh đã báo triệu cho đức vua. Thần linh nhắc nhở rằng, đức vua phải biết quý trọng, tôn trọng các lão thần đã có công với xã tắc từ thời tiên đế. Đấy đa phần là các bà-la-môn trọng thần hoặc hoàng gia quý tộc lão niên đảm nhận, duy trì các chức vụ trọng yếu thì giang sơn mới ổn định được, tâu đại vương! Còn nếu dùng các lớp trẻ, trẻ người non dạ, chưa trưởng thành, thiếu kinh nghiệm thì làm sao gánh nổi trọng trách quốc gia? Xin đại vương phải biết lễ tạ thần linh về sự báo triệu ấy! Đàn bò con mà bắt kéo xe, đàn bò mạnh mẽ lực lưỡng thì đem buộc vào một nơi, cho ngồi chơi xơi nước thì uổng phí nhân tài quốc gia!

Tôn giả Mahā Moggallāna gật đầu:

- Đúng! Tôi cũng giải đoán như thế. Nhưng đây là dự báo về những ông vua bất minh, vô học, không có giới hạnh trong tương lai. Do dục vọng, xan tham, ngu dốt không biết tôn trọng, tin dùng những bậc hiền triết, những nhà thông thái, trí thức, học giả; những người am hiểu lịch sử, văn học, luật pháp cổ kim, những vị cố vấn đa mưu túc kế... để cùng lãnh đạo, cầm cán cân điều hành, có tâm, có tầm để làm cho dân giàu, nước mạnh. Các vị có đạo đức và trí tài này bị đức vua quản thúc, cột lại một đống, một chùm quăng vạt một bên, không dùng nữa; vì họ hay nói ngay, nói thẳng, liêm khiết và chính trực; họ chỉ biết nghe lời phải, không biết nịnh bợ, cúi lòn, không chịu bán rẻ lương tâm vì quyền lợi vật chất! Đức vua chỉ sử dụng người nào giỏi ăn, khéo nói,

biết quỳ gối, biết khom lưng; kẻ nào biết đem đến nguồn lợi, tạo tiện nghi cho ông ta hưởng thụ ngũ dục đến đổi bóc lột dân đen cũng không sao. Thời này không còn nói đến công bằng và lẽ phải nữa. Trên pháp đình, những vị quan tòa béo nục, béo tròn, mặt đỏ gay, ai hối lộ cho y nhiều tiền thì thắng cuộc, trắng án; ai không biết luật của đồng tiền vàng thì ở tù rục xương, bị tử hình, bị đóng gông, khắc dấu lưu đày! Các vị quan mới, đa phần là trẻ, thiếu mọi kiến thức chuyên môn nhưng nhờ là con cháu trọc phú hoặc bọn chúng cùng ở một vây cánh, được cất nhắc đưa lên quan to! Vậy là đám người này, đủ mọi thành phần ngu dốt, thiếu đạo đức, vô học lại đảm nhận trách nhiệm lớn lao thì làm sao đủ sức? Giềng mỗi quốc gia không nghiêng ngả, không điên đảo, không rơi vào vực thẳm mới là chuyện lạ!

Tâu đại vương! Chuyện này chưa xảy ra ở đây. Hiện tại, đức vua không tin dùng một số lão thần và có tin dùng một số người trẻ tuổi thì chưa phải là điềm dữ, điềm xấu mà ngược lại, là điềm tốt, điềm hay! Tại sao vậy, tại vì các vị lão thần ấy đã suy kiệt năng lực, trí não đã lão suy, đạo đức đã giảm sút mà cứ mãi ăn trên ngồi trước, tự tại, tự thị trên đầu thiên hạ mà phán quyết, mà kể công! Hạng đại quan ấy cho nghỉ về vườn là đúng! Còn lớp trẻ, tuy trẻ thiệt, nhưng đã qua trường lớp đào tạo chính quy, thấu hái những kiến thức chuyên môn tại đại học Takkasilā nổi danh xưa nay thì tùy trí tài mà đặt đúng nơi đúng chỗ! Dùng họ là anh minh, sáng suốt. Đây chính mới là đàn bò thanh niên, sung sức, lực lưỡng nên để họ kéo xe! Phải biết thu dụng, khuyến khích và nâng đỡ hiền tài. Xin đại vương hãy yên tâm! Điềm báo triệu kia chỉ để dành cho những quốc gia suy đồi, băng hoại bất kể nơi đâu, khi đạo đức, lẽ phải, tình thương xuống cấp, và dục vọng, ngu si, dốt nát lên ngôi!

Tôn giả Mahā Moggallāna ngưng nói đã lâu mà mọi người không ai có ý kiến gì. Họ có vẻ suy nghĩ. Dầu sao,

bên nào cũng đúng cả nhưng có khác là phải cúng tế thần linh hay không cúng tế thần linh mà thôi. Mọi người thông qua.

Đức vua kể giấc mộng thứ năm:

- Trẫm mơ thấy một con ngựa hai bên có hai cái mồm. Rồi nó ăn cả hai mồm cùng một lúc?

Nhóm chiêm tinh giải đoán:

- Là điềm xấu, điềm dữ. Nếu không cúng tế thần linh với đầu và máu súc vật thì sau này, người ít mà súc vật nhiều, chúng sẽ ăn hết vật thực của mọi người, như con ngựa mà ăn cả hai mồm cùng một lúc vậy!

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Các quan chiêm tinh đã đi quá xa rồi. Đây chỉ là điềm báo triệu tương lai, khi ông vua bất minh, tham lam thì triều đình cũng tham lam, bất chánh. Những vị phán quan đáng lẽ ra phải cầm cân cân công lý cho công minh, phải chính trực và liêm khiết nhưng chúng vơ vét của hối lộ vào cái túi tham không đáy. Chúng tìm cách ăn cả hai bên, cả bên nguyên và bên bị - như con ngựa có hai cái mồm cùng ăn một lúc vậy. Rõ ràng là như thế. Xin hội đồng sáng suốt phân định đúng sai!

Mọi người nghiêng về kiến giải của tôn giả.

Đức vua kể giấc mộng thứ sáu:

- Trẫm thấy có người cầm cái bát vàng quý báu đáng giá một trăm ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇā lại đưa ra mời một con chó rừng già nua tiểu tiện vào đấy! Điềm triệu gì mà quái gở quá sức?

Nhóm chiêm tinh:

- Vẫn là điềm dữ, điềm hung! Cái bát vàng quý giá là tượng trưng cho vận mệnh quốc gia và những giá trị thiêng liêng của đất nước. Vậy, vận mệnh quốc gia và những giá trị thiêng liêng ấy phải biết giao phó cho tập cấp quý phái, cao sang, thượng đẳng của xã hội thì mới tương xứng. Xin đại

vương hãy thận trọng đừng sử dụng, cất nhắc những người không xứng đáng như con chó rùng già nua lại tiểu tiện nơi cái bát vàng, nếu không thần linh sẽ nổi giận!

Đến chỗ này, chợt nhiên đức vua cười ha hả, hào sảng:

- Được lắm! Các người lúc nào cũng thần linh, thần linh! Rồi còn nói cạnh, nói khoe trẫm đã cất nhắc một số vị quan trẻ thuộc hai cấp dưới là vệ-xá và thủ-đà-la! Họ có trí tài lắm đấy! Họ không phải là kẻ hạ lưu đâu! Họ không phải là chó rùng già nua đâu!

Tôn giả Mahā Moggallāna cũng mỉm cười:

- Họ nói cũng có phần đúng, tâu đại vương! Và con chó rùng già nua kia có lẽ là những người già lão thiếu trí, liệt tuệ, thiếu đạo đức, thiếu tất thảy mọi khả năng để có thể điều hành, quản lý chuyện trọng đại của quốc gia! Tuy nhiên, đây chỉ là tiên tri thuộc về tương lai, nhưng đại vương nên để tâm ngay từ bây giờ cũng không muộn! Điều đáng nói nữa là, hạ lưu, hạ đẳng ở đây không ám chỉ giai cấp mà muốn nói đến sự thoái đạo, xuống cấp của con người; kẻ thiếu nhân cách, kẻ đã đánh mất phẩm giá của mình, tâu đại vương!

Các vị quan chiêm tinh và một số lão thần đã tự xét mình nên xấu hổ cúi mặt. Đức vua biết nhưng cứ giả vờ không biết, kể tiếp giấc mộng thứ bảy:

- Trẫm thấy một người đang đan bện một sợi dây thừng. Sợi dây ngày một dài, được thả xuống đất, lượn ra sau chỗ ghé ngồi. Một con chó rùng, ốm gior xương, ngồi chồm hồm bên sau, có vẻ do quá đói nên cứ hể sợi dây thừng dài ra được khúc nào thì nó gặm ngay khúc ấy mà người đan bện chẳng hề hay biết. Thế là thế nào hở các quan chiêm tinh?

Đức vua hỏi hồi lâu mới có vị đứng dậy tâu:

- Chúng thần không dám đoán nữa, vì nếu có đoán, có luận giải gì thì cũng không ra ngoài việc cúng tế thần linh và những kiến giải bảo vệ tập cấp và truyền thống tín ngưỡng cổ truyền. Điều này, chúng hạ thần không có lỗi; vả chăng,

tất thảy đều phát xuất từ kinh điển Vệ-đà mà chúng hạ thần đã được học từ tấm bé!

Đức vua cười giòn:

- Ủ, nếu nói vậy thì tốt! Nói vậy chúng tỏ các khanh đúng là bậc thức giả! Sau khi trầm học hiểu được chút ít giáo pháp của đức Thế Tôn, một giáo pháp có trọng tâm là hoàn thiện những phẩm tính cao đẹp của con người, trầm không còn tin vào hệ thống, trật tự, quy định phẩm chất con người tùy thuộc các giai cấp nữa. Đâu phải cứ hai giai cấp trên là tốt, là hay, còn hai giai cấp dưới là xấu, là dở! Bằng chứng là chánh hậu của trầm, tuy thuộc giai cấp thủ-đà-la, nhưng kẻ khó tính nhất, bảo hoàng hay xét nét nhất cũng phải công nhận tư cách, phẩm hạnh của nàng đúng là bậc mẫu nghi thiên hạ! Trầm chán lắm rồi những cái quy định, những cái phạm trù, những cái ước lệ được xem như là thước đo, những chân lý có sẵn ấy!

Có những tiếng lời lao xao:

- Đúng là bậc minh quân!

- Những thầy biết, kiến giải ấy rất mới mẻ, đã đi ngoài truyền thống nhưng rất thuyết phục, tiến bộ!

Đức Phật bây giờ mới lên tiếng:

- Hay lắm! Đại vương và triều thần đều đã trực nhận được một phần tinh túy giáo pháp của Như Lai! Một giáo pháp không có thần linh, nói cách khác, không nô lệ thần quyền, mà trọng tâm là vì con người và cho con người; những thầy biết khổ đau, phiền não cùng sự tu tập làm sao để giải trừ, làm cho vắng mặt, tịch diệt những khổ đau và phiền não ấy! Mỗi người phải tự nắm vận mệnh, định mệnh mình mà lên đường; khổ hay lạc, sinh tử hay Niết-bàn đều nằm nơi tấm thân một trượng này cùng với cảm giác và tri giác này!

Đức vua khẽ cúi đầu:

- Tri ân đức Tôn Sư! Rồi đức vua đưa mắt nhìn khắp

triều cung, cất giọng đồng dục - Trẫm không cần các chiêm tinh gia đại thần đoán mộng nữa. Các vị nói như thế nào, đoán như thế nào thì chỉ có một quyển sách, và trẫm cũng đã tiên đoán được quyển sách ấy nói gì, phán như thế nào! Trẫm chỉ cần nghe những lời khuyên, những chuyện sẽ xảy ra trong tương lai như thế nào để tự răn giữ mình. Bây giờ, xin nhị vị thượng thủ của giáo hội tiếp tục giải minh giấc mộng thứ bảy của đệ tử.

Hai vị tôn giả đồng thanh nói:

- Xin tuân mệnh đại vương!

Rồi tôn giả Sāriputta nói:

- Giấc mộng này sẽ trở thành hiện thực, một vị lai nào đó khi đức vua, bá quan bất chánh, xã tắc suy đồi, đồ nát; mọi giá trị tinh thần bị xem nhẹ, coi khinh thì con người sẽ sa đọa, xuống cấp, bản năng và thú tính lên ngôi, ai cũng tìm cách hưởng thọ ngũ dục. Cha mẹ chăm chỉ làm ra của cải, tài sản thì con cái phá tán để ăn chơi phè phỡn, đàn đúm, cờ bạc, rượu chè! Chồng làm ra bạc tiền, lúa gạo thì bà vợ lãng loàn bót xén để hú hí, ngoại tình với trai. Vợ đảm đang, đầu tắt mặt tối ruộng đồng, nương vườn, ao cá, trồng dâu nuôi tằm thì chồng phung phí với bạn bè, gái điếm, thanh lâu... Những công phu đan bện những sợi dây thừng bị con chó rùng rúp bên sau ăn hết là ám chỉ người trong một gia đình ăn chặn, gặm khớ chứ không phải người xa lạ, tâu đại vương!

- À, à! Đức vua chợt nói - Trẫm nhớ lắm, dường như là con chó cái thì phải!

- Nếu vậy thì ứng vào nữ nhân! Tôn giả tiếp tục giải đoán - Nữ nhân không còn biết việc tề gia nội trợ nữa, chỉ biết ăn chơi phóng đãng, đánh cắp tiền bạc của cải của cha mẹ hoặc của chồng con để chạy theo bọn đàn ông vô lại. Bọn nữ nhân này chỉ biết trang điểm vòng hoa, sáp thơm, xiêm y diêm dúa bòn rút sản nghiệp của những người chồng

khôn khô, tội nghiệp để du hí với tình nhân!

- Trẫm hiểu rồi! Còn bây giờ là giấc mộng thứ tám. Trẫm thấy chính giữa hoàng môn có một cái bình lớn, trang trí châu báu, cực quý, nước đầy tràn; còn xung quanh là những chiếc bình đất xấu xí, sứ mẻ, bên trong khô nước. Rồi từ khắp bốn hướng có bốn dòng người có đủ bốn thành phần giai cấp sát-đế ly, bà-la-môn, vệ-xá, thủ-đà-la, liên tục đội những ghè nước đổ vào bình lớn, nước đã đầy tràn rồi nhưng họ cứ đổ hoài, đổ mãi! Chẳng ai thèm để ý những chiếc bình đất khô nước ở xung quanh! Ô, thật là lạ lùng!

Tôn giả Mahā Moggallāna đáp:

- Chẳng lạ lùng gì cả, tâu đại vương! Chuyện đó sẽ xảy ra trong tương lai. Đây là thời đại của những vua chúa bất chánh, đa dâm dục, hư đốn, độc tài, độc quyền, độc trị, bắt cả bốn giai cấp trong xã hội cung phụng cho mình, cho hoàng gia, cho bầu đoàn thể thiếp, cung phi, mỹ nữ của mình. Dân chúng nai lưng ra làm việc. Họ quần quật cày bừa, đồng sâu đồng cạn, gieo lúa, trồng hạt... đến khi thu hoạch phải nộp cho triều đình, đã đầy tràn thì đầy tràn thêm nữa, còn kho lẫm của họ thì trống trơn! Việc trồng mía làm đường, nấu mật, các loại hương hoa, cây trái khác cũng tương tự vậy... phải nộp hết cho bọn thống trị, dân chúng không còn gì, đâu dám liếc mắt trông xem gia đình mình no đói ra sao!

Đức vua nhăn mày:

- Quả thật có cái loại vua chúa như vậy sao, thưa đại đức?

- Khi nhân tâm, đạo đức suy đồi thì con người còn độc ác và tội tệ hơn cả sài lang, rắn rít, tâu đại vương!

Một hồi, đức vua kể lại giấc mộng thứ chín:

- Trẫm thấy một hồ nước sâu có bờ cao bao quanh, mọc đầy năm loại hoa sen. Lạ lùng là bốn phía bờ hồ, nước cạn, lại trong trẻo, các loài vật hai chân, bốn chân kéo xuống tha

hồ uông nước, vọc nước, tắm rửa. Chính giữa hồ, nước sâu lại đục ngầu như quấy bùn; chẳng có con thú nào đại khờ ra đây cả. Thế là sao, chư đại đức?

Tôn giả Sāriputta trả lời:

- Giác mơ này trong tương lai sẽ trở thành hiện thực khi vua chúa vơ vét, bóc lột của dân cả bốn giai cấp tương tự như giấc mộng trước. Không còn đạo lý, không còn công lý, chỉ có lẽ phải của tiền bạc cùng sự gian ác. Bọn này không có một chút xíu thương xót, yêu mến dân chúng; họ chà đạp bầy tôi như ép mía và đánh thuế đến độ dân chẳng còn một đồng xu dính túi. Vì không còn sống nổi nữa khi sưu thuế cứ mãi gánh nặng trên lưng; họ bỏ phố, bỏ thành, bỏ làng mạc, dắt díu nhau đến sống tại những miền biên địa rồi khai hoang lập ấp ở đây. Thời gian sau, ở những nơi này trở thành những xóm làng sầm uất, dân cư đông đúc và đời sống ấm no. Chuyện này ứng hợp hiện tượng nước bốn bờ hồ trong vắt là nơi dân chúng vui vẻ sinh sống, còn giữa hồ đục ngầu là do kinh thành điêu tàn, đổ nát không còn dân cư ở đây nữa!

Đức vua gật gật đầu, kể tiếp giấc mơ thứ mười:

- Trẫm thấy cơm sôi trong nồi nhưng mà sao trông nó lại lộn chộn, lạo chạo chứ không được khuấy đều. Khi bung xuống bếp thì nồi cơm chia làm ba phần rõ rệt: Phần nhão nhoẹt, phần thì sũng sượng, chỉ có một phần chín trông thật ngon lành! Điềm triệu gì mà lạ vậy, thưa đại đức!

Tôn giả Mahā Moggallāna đáp:

- Cũng tương tự vậy, chúng sẽ trở thành hiện thực trong tương lai. Vua chúa bất công, các quan đại thần bất chính kéo theo các bà-la-môn gia chủ, trưởng giả, thị dân, nông dân cũng thế, trở thành bất chánh cả. Kế đó là các vị thần linh mà chúng tôn thờ, tế lễ như thọ thần, sơn thần, hải thần, giang thần, địa thần cũng trở thành bất chánh luôn! Rồi thì những cơn gió thổi qua lãnh thổ của vị hôn quân bất chánh

ấy sẽ trở thành những trận cuồng phong, điên đảo, hỗn loạn, làm rung chuyển các đền đài, cung điện trên thiên giới khiến Tứ đại thiên vương bức mình, chư thiên phần nộ làm cho thời tiết, khí hậu, mùa tiết chuyển đổi thất thường, mưa nắng bất trắc. Chỉ trong một vùng, một miền mà chỗ này thì nắng hạn, khô cháy đất đai, ruộng đồng, vườn tược, cây trái, hoa màu bị thiêu cháy, vàng úa; chỗ kia thì lũ lụt, úng thủy làm cho ngũ cốc bị ngâm trong làn nước bạc. Tuy nhiên vẫn có được một vài xóm làng hiền lương, có đạo đức thì mưa thuận, gió hòa, dân chúng có được cái ăn, cái mặc. Hiện tình đất nước có khác gì nồi cơm chia làm ba phần khác nhau như giấc mộng của bệ hạ đâu?

Đức vua đáp:

- Đúng là vậy! Nhưng mà trầm thắc mắc, rằng là chư thiên mà cũng nổi giận hay sao?

- Không những chư thiên mà Đế Thích thiên chủ đôi khi cũng tham lam, nóng nảy, ganh tỵ kia mà! Họ chỉ là chúng sanh thôi, tâu đại vương! May nhờ có chút ít phước báu mà sinh thiên giới, nhưng họ cũng đầy rẫy tham sân si như con người vậy! Họ cũng thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét mà sinh ra nhiều chuyện điên đảo, thị phi lắm chớ!

Đức vua kể giấc mộng thứ mười một:

- Trầm thấy một người, hình dáng chẳng giống tăng, chẳng giống tục đã đem lấy gỗ chiên đàn trị giá cả trăm ngàn đồng tiền vàng để đổi lấy một muống bơ tươi để ăn, không dính răng. Sao có kẻ tham ăn ngu ngốc đến thế?

Tôn giả Sāriputta đáp:

- Điềm triệu này vừa ứng hợp với tình trạng đất nước suy đồi trong tương lai mà cũng ứng hợp lúc giáo pháp suy tàn. Bọn vua chúa đục khoét, hút máu mủ của dân chưa đủ; chúng còn cắt từng phần đất đai, lãnh thổ đem bán, đổi chác hoặc sang nhượng cho ngoại bang, cho bọn trọc phú cơ hội vừa ngoi lên để vinh thân phì gia, ăn chơi du hí, thỏa mãn

ngũ dục thấp hèn! Đấy, đấy, có khác gì lấy gỗ trầm hương quý báu, đáng giá trăm ngàn đồng tiền vàng để đổi lấy một muống bơ tươi? Ôi! Cái đó, xem vậy mà chưa nguy hại khi đem so vào thời buổi chánh pháp suy tàn. Thời ấy, nhiều ông tỳ-khuru tham lam, không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi sẽ xuất hiện nhiều như lá vàng mùa thu, chúng thuyết giảng giáo pháp chỉ với mục đích miếng cơm manh áo chứ không phải mục đích cao thượng! Chúng sẵn sàng từ bỏ chánh pháp, giáo hội để chạy theo bọn tà giáo, hàng ngũ của quỷ ma miễn là được no thân, ấm cất, rủng rỉnh bạc tiền, danh vọng, địa vị, lợi dưỡng! Chúng dùng đủ mọi lời lẽ hoa mỹ, dịu dàng, ngọt như đường mật, có vẻ trí thức, cao siêu để dụ dỗ quần chúng nhẹ dạ, cả tin. Chúng cúi đầu, khò lưng để luôn lọt chỗ này, chỗ khác. Chúng ngồi ở đại lộ, góc đường, giảng đường, đền miếu to nhỏ. Chúng ton hót, nịnh bợ để được ghé ngồi cao, được nổi tiếng. Giáo pháp cao quý, thiêng liêng, trong sạch, thánh hạnh, nhưng khi mà chúng thuyết giảng thì mục đích lại bốc mùi hạ liệt, hơi đồng, hơi bạc, hơi vàng, thực phẩm thượng vị, y phục đắt tiền thì có khác gì đem đổi chiêm đàn hương để lấy một muống bơ tươi? Thế đấy, cái con người ấy trông chẳng giống tăng, chẳng giống tục là vì vậy, có lẽ giống ngựa quý, có phải vậy không đại vương?

Đức vua nói:

- Trăm hiểu rồi! Hiểu rất thâm thía nữa là đằng khác. Bây giờ trăm lại kể thêm giấc mộng thứ mười hai. Nó như thế này: Trăm thấy dây bầu, dây bí rỗng ruột mà sao chúng lại chìm xuống nước, chìm sâu trong nước?

Tôn giả Mahā Moggallāna trả lời:

- Đây cũng là báo triệu thuộc thời vị lai. Sẽ có thời mà thế giới điên đảo, trí ngu điên đảo; bọn vua chúa do tham ác và ngu si nên không tin dùng giới trí thức nữa mà chỉ ưu đãi bọn hạ đẳng, bọn vô học có cái tài bẻm mép môi lưỡi và biết

cúi luôn, nịnh bợ. Tại triều đình, cung môn, pháp tòa, các trấn thành, những chức vụ trọng yếu, quyền cao, bổng lớn đều là của bọn hạ đẳng, là nơi thao túng của bọn bụng to nhưng rỗng óc này. Đây, chúng là những dây bí dây bầu rỗng ruột mà có sức nặng ghê gớm có thể khuynh loát cả tổ quốc, giang san! Trong hội chúng tỳ-khuru cũng thế! Nơi các cuộc đàm luận, hội thảo lớn nhỏ, trong việc cúng dường thực phẩm, y phục, sàng tọa, dược liệu; kể cả việc xây cất chùa tháp... ở đâu cũng là ý kiến quyết định của bọn tỳ-khuru ác dục, vô trí, vô giới, còn ý kiến của các vị có giới hạnh, thiếu dục, tri túc thì không còn được ai xem trọng nữa. Đây cũng là hiện tượng suy đồi chung, tâu đại vương!

Đức vua kể giấc mộng thứ mười ba:

- Trẫm thấy những tảng đá to lớn bằng cả ngôi nhà nhưng lại nổi bồng bênh trên nước, từ đoạn sông này sang sông khúc kia như thuyền bè không khác?

Tôn giả Sāriputta đáp:

- Cũng tương tự như trên, tâu đại vương! Những tảng đá lớn, nặng ấy tượng trưng cho giới có học, là tri thức của xã hội; họ bị coi khinh, xem nhẹ nên chúng nổi lênh bênh nơi này và nơi khác như bè dạt hoa trôi thấy mà xót thương! Trong hội chúng tỳ-khuru cũng thế! Lời của các bậc tôn trưởng, các bậc tối thắng về giới, định và tuệ đối với bọn ác tăng đâu có nghĩa lý gì, chỉ như những tảng đá nổi lênh phênh, trôi dạt nơi này đến nơi khác. Quân chúng chỉ biết nghe theo bọn tà hạnh, bất chánh, ác dục ấy nên đời sống tinh thần của xã hội đã đen tối lại càng đen tối hơn! Nhưng biết làm sao được, có lúc, trên thế gian này, khi chánh pháp suy đồi, các giá trị thượng đẳng, thanh cao, thù diệu được thay thế bởi các giá trị hạ đẳng, thấp hèn, tối tăm thì những cái gì thiêng liêng, cao khiết nhất cũng trở nên nhẹ phều, không trọng lượng, phải lang thang, bập bênh, trôi dạt tại các sông cái, sông con nơi trần thế; không còn ai tin dùng và

sống theo những giá trị ấy nữa! Chúng xưa rồi, cũ rồi, lạc hậu rồi! Đến lúc này thì không những bậc trí thờ dài, các nhà đạo đức cay mắt mà cát đá vô tình cũng phải thờ dài, cũng cay mắt, tâu đại vương!

- Hay lắm! Đại đức ví von hay lắm! Trẫm thâm thía tận ruột gan! Cảm ân đại đức lắm lắm! Còn bây giờ là giấc mộng thứ mười bốn. Trẫm thấy những con nhái bén cỡ bằng mấy cánh hoa nhỏ tí tẹo lại nhanh nhẹn sẵn bắt những con rắn khổng lồ, cắn đứt chúng ra từng khúc như các ngó sen rồi nhai nuốt ngấu nghiến, chốc lát là sạch trơn. Việc gì sẽ xảy ra từ cái điềm triệu kỳ quặc ấy, thưa đại đức?

Tôn giả Mahā Moggallāna mỉm cười:

- Những con nhái bén nhỏ tí tẹo ấy chính là những cô gái trẻ, đẹp, non tơ, xinh xắn; chúng đã bắt hồn, đã hớp hồn những ông lớn trong xã hội từ vua chúa, các quan đại thần, các vị tổng trấn, các đại triệu phú, các đại danh gia, doanh gia, các đại gia chủ bà-la-môn, các giáo chủ và các đại giáo chủ, các vị trụ trì, các vị phó trụ trì, chức sắc lãnh đạo giáo hội lớn, giáo hội nhỏ... đây, tâu đại vương! Khi mà dục vọng hưởng thụ lên ngôi chúa tể thì tử sắc chính là chiếc mồi chôn biết bao trang nam nhi hảo hán trên đời. Những hầu non, thiếp non, bê non, gái non ấy, với thân xác nõn nà, nụ cười lả lơi, khówek mắt đong đưa, mùi hương quyến rũ, ăn mặc gợi tình... đã làm cho thế gian điên đảo, thành trì nghiêng ngả, tôn miếu, xã tắc điêu linh họ đã cắt khúc danh dự, địa vị, quyền lực, bạc tiền, sự nghiệp của nam nhân, thanh niên, trung niên, lão niên mà nhai nuốt ngấu nghiến thì có lạ gì đâu? Đây là thời suy đồi, ngũ dục được tôn vinh, và cái của nợ của đàn ông, đàn bà được tôn thờ trên các đền miếu, thánh miếu! Thế gian lúc ấy chỉ còn biết nô lệ vào đám con gái trẻ măng; quý góit, hầu hạ và tôn xưng chúng là nữ vương khoái lạc! Đến lúc này lại bắt đầu xuất hiện thêm những tôn giáo, tín ngưỡng lấy chuyện bí quyết phòng the,

dâm dục nam nữ để mà tu tập, mà hành trì cho đến nơi giác ngộ, giải thoát đây, tâu đại vương!

- Thật là kinh khiếp - Đức vua nói - Nữ nhân phước mỏng, nghiệp dày nhưng mà tham vọng, dục vọng có người còn mãnh liệt hơn cả đàn ông! Phải có biện pháp chế tài mới được!

- Luật Manu đã chế tài, đã giới hạn trí thức, quyền lợi cũng như các chức năng của họ trong xã hội rồi đây, tâu đại vương!

- Nhưng cái luật ấy, đem áp dụng lâu ngày thì lại biến nữ nhân thành một loại nô lệ mới, trở thành bất bình đẳng một cách oan nghiệt!

Tôn giả cất giọng điềm đạm:

- Phải gỡ thoát cho họ, chút ít, từ từ như đức Tôn Sư đã từng chế tài ni giới trong bát kinh pháp, nhưng phải tôn trọng họ để họ phát triển mọi khả năng có thể. Tuy nhiên, chỉ một thời gian tồn tại nào đó thôi, đến lúc ni chúng họ xé bỏ bát kinh pháp, họ đòi bình đẳng, ngang hàng với tỳ-khưu tăng, đôi khi họ còn lãnh đạo và sai bảo tỳ-khưu tăng; còn cả gan truyền thụ giới pháp cụ túc cho tỳ-khưu tăng nữa. Lúc ấy thì chánh pháp đã suy tàn, chiếc y cà-sa chỉ còn là một mảnh vải vàng vắt qua lỗ tai mà thôi!

Đức vua thở dài.

Tôn giả nói tiếp:

- Chánh pháp mà cũng còn thành, trụ, hoại, vong - huống gì phi pháp, huống gì những chế định của thế gian pháp, tâu đại vương! Hãy kể lại giấc mộng thứ mười lăm đi thôi, đại vương!

- Vâng, vâng! Đức vua kể tiếp - Trẫm thấy một con quạ đồng quê đầy đủ mười ác hạnh, lại được một đoàn tùy tùng gồm toàn chim quý hộ tổng, đó là loài chim có lông màu vàng ánh được gọi là kim nga vương giả theo hầu hai bên! Diêm gì lạ vậy, đại đức?

Đến phiên tôn giả Sāriputta:

- Cũng dễ hiểu thôi, đại vương! Sẽ có thời đảo lộn quyền lực, tập cấp, địa vị trên thế gian này. Những người thuộc giai cấp dưới đáy xã hội như thủ-đà-la, chiêm-đà-la bị bóc lột, áp bức lâu ngày tức nước vỡ bờ, họ vùng dậy với đao gươm, giáo mác, cung tên, búa rìu... để lật đổ những tên bạo chúa... rồi lên ngôi, cai trị đất nước. Bọn này đa phần vô học, ngu si, nghiệp dày nên tham ác, bất chánh... tương tự như con quạ đồng quê với mười ác hạnh không khác. Giới cấp lãnh đạo xã hội mới này cùng tập cấp với vua chúa mới... như cày ruộng, thợ săn, hớt tóc, thợ gốm, thợ làm cung tên, thợ xây, thợ hồ... nắm mọi chức vụ, quyền hành nên tha hồ tham nhũng, vơ vét của công để thành những chủ nhân ông mới, trưởng giả mới, trọc phú mới. Thế rồi, thành phần trí thức, có học trong xã hội, ban đầu thì bất cộng tác, muốn giữ gìn sự trong sạch cho mình nên không chịu chôn chân vào vũng nước đục. Sau, do miếng cơm, manh áo, do gia đình đói khổ, túng quẫn quá họ đành phải theo hầu, làm thuộc hạ giai cấp mới. Và đây chính là hình ảnh loài kim nga vương giả phải theo làm tùy tùng con quạ đồng quê có mười ác hạnh đấy, tâu đại vương!

- Thật là tội nghiệp! Đức vua thờ dài, tâm sự - Trẫm du học đại học Takkasilā bảy năm, thuộc thành phần sinh viên ưu tú, thâm hái được chút ít kiến thức, hiểu biết để cai trị đất nước. Thế nhưng, đôi khi còn tự thẹn, tự giận mình sở học không tới nơi tới chốn! Thế mà, ở đây, bọn không biết chữ, vô học lại lên nắm quyền lãnh đạo... đúng là đại họa cho nhân gian rồi!

Tôn giả Sāriputta lại mỉm cười:

- Đây cũng là định luật của thế gian pháp, đại vương! Bọn vua chúa vô học kia, một thời gian sau thấy rõ cái bất tài của mình nên họ sẽ tìm cách chiêu mộ người tài, kẻ có học vào các chức vụ như phụ tá, tham mưu, cố vấn... Chưa

thôi, họ còn cho con cháu đi du học tại Takkasilā hoặc thuê mướn các bà-la-môn thông thái, uyên bác để dạy dỗ cháu con mình. Rồi, thế hệ tiếp nối cai trị đều là dòng dõi, huyết thống của họ; lại trở thành hoàng gia mới, quý tộc mới... rồi họ lại bóc lột, áp bức giai cấp thủ-đà-la mới, chiêm-đà-la mới! Thế gian vốn vậy, vốn loanh quanh luẩn quẩn vậy, tâu đại vương!

Đức vua kể tiếp giấc mộng thứ mười sáu:

- Xưa nay, hổ báo săn bắt sơn dương; nhưng ở đây trẫm thấy sơn dương lại săn bắt hổ báo rồi xé xác ăn rau rầu! Còn nữa, bầy chó sói vừa thoáng thấy bóng đàn dê từ xa liền hoảng hốt bỏ chạy, trốn mình trong các lùm bụi. Đây cũng là điềm triệu thế gian điên đảo, phải vậy không, đại đức?

- Đúng vậy - Tôn giả Mahā Moggallāna gật đầu - Đây là thời mà bọn hạ đẳng được nắm quyền cao chức trọng, được nhiều quyền lợi, ân sủng của vua chúa trong lúc đám quý tộc, trí thức lại rơi vào cảnh bần cùng, tối tăm. Vì có nhiều thế lực trong chốn công quyền và tại pháp đình nên bọn hạ đẳng này tìm cách tước đoạt quyền tư hữu đất đai, nhà cửa, tài sản do tổ tiên để lại của tầng lớp quý tộc, trí thức kia. Khi họ cố bênh vực quyền lợi tư hữu chính đáng của mình trước tòa án với lời lẽ cứng rắn, danh thép mà sự hợp lý của nó, tượng đá cũng phải gật đầu. Tuy nhiên, ở đây không còn là lẽ phải của công lý mà là lẽ phải của quyền lực và cơ bắp! Đám bộ hạ, tùy tùng của các quan dẫn họ vào phòng kín, lấy gậy gộc đánh đập, nắm cổ quăng vào góc tường, chửi rửa thô bỉ, quát mồm hăm dọa: “Liệu thần hồn đấy, bọn quý tộc, trí thức ngu si kia! Sao? Các người muốn tranh giành với chúng tao ư? Đừng có hỗn láo mà trở tài lý sự! Nếu không ngoan ngoãn hiến cúng đất đai, tài sản, nhà cửa thì chúng ông sẽ tuần tự hãm hiếp vợ, hãm hiếp con rồi chặt chân tay, thân hình các người ra từng khúc, từng khúc rồi quăng cho chó ăn! Cứ vác đờn lên ông trời mà kiện vì tại thế gian, luật

pháp đã nằm trong tay chúng ông rồi!” Kinh khủng bởi đòn tra tấn và sự hăm dọa dã man ấy, bọn người quý tộc, trí thức kia bèn tự nguyện dâng cúng hết tất cả mọi tư hữu cho các quan hầu kiếm kế an thân! Tuy nhiên, như chim thoáng thấy bóng cây cung đã sợ hãi; cũng vậy, vừa thoáng thấy bóng bọn thống trị mới, đám quý tộc, trí thức đã chạy núp trốn nơi này và nơi khác. Đây chính là hình ảnh ngược đời: Sơn dương sẵn bắt hổ báo rồi nhai ăn rau rầu và chó sói thoáng thấy dê từ đằng xa đã chạy ẩn vào các lùm bụi!

- Kinh khủng!

- Đúng vậy, quả là kinh khủng! Hiện tình chánh pháp mai sau cũng tương tự vậy, đại vương! Bọn ác tỳ-khưu đầy rẫy ở cung đình, giảng đường, chùa viện, ở phố, ở thành, thị trấn và làng mạc; và chúng tha hồ khủng bố, hăm dọa, nói lời thô bỉ đối với các bậc tỳ-khưu hiền thiện, chơn chánh... Cho đến khi, các ngài cảm nhận được rằng, tà giáo đã lên ngôi, chánh pháp đã suy tàn, ác tỳ-khưu mọc lên như nấm sau cơn mưa, muốn bảo vệ mình và bảo vệ chánh pháp, buộc họ phải trốn vào động vắng, hang sâu, rừng rậm...

Mười sáu giác mộng đã giải đoán xong. Cả hội trường, cử tọa thính chúng bàn tán nhỏ nhỏ với nhau, có lao xao chút ít rồi trở lại yên lặng.

Đức vua cất giọng đầy cảm khái:

- Cảm ân nhị vị tôn giả đại đức đã khai tâm, đã mở mắt cho trẫm nhìn thấy rõ hầu như toàn bộ viễn cảnh tương lai khi đạo đức và lễ phải suy đồi, kéo theo sự suy đồi của con người và xã hội! Vậy thì, trách nhiệm của một vị vua lớn lắm, cao cả lắm mà cũng nặng nề lắm! Vận mệnh của đất nước, sự vui khổ của muôn dân tùy thuộc đạo đức, giới hạnh bản thân của vị vua ấy cùng cán cân nghiêm minh của công lý. Thiếu một trong hai, không được; nghiêng lệch bên này, bên kia, không được! Toàn thể triều đình, các quan hãy ghi nhớ lời trẫm hôm nay!

Đức vua quay qua đức Phật, chấp tay xá thay cho cung cách đánh lễ của một đệ tử đối với vị chân sư, mở lời trân trọng:

- Đây quả là bài học vô giá, thay mặt cho toàn thể quốc độ Kosala, đệ tử xin tri ân đức Tôn Sư!

Với Chàng Thanh Niên Nô Lệ

Sau mấy ngày đức vua Pāsenadi (Ba-tư-nặc) quy giáo đức Phật; và sau câu chuyện mười sáu giấc mộng của đức vua đã được hai vị đại đệ tử thay nhau giải đoán thì các quan đại thần, quý tộc, danh gia và khá đông thành phần trí thức trong xã hội tìm đến Jetavana để tìm hiểu môn giáo pháp lạ lùng này! Một mình, đức Phật không thể tiếp kiến hết được, hai vị đại đệ tử phải thay nhau để trả lời nhiều câu hỏi phức tạp rồi dẫn dắt họ có cái thấy biết đúng đắn. Các vị thượng thủ trưởng lão khác cũng bận bịu cho việc xuất gia từ lớp này đến lớp khác, căn cứ theo các điều kiện được thọ đại giới đã được chế định tại Trúc Lâm.

Thấy tình hình Jetavana như vậy là tạm ổn. Hôm kia, đức Phật thông báo là ngài phải rời Sāvatti để đi về phương nam, chỉ chừng một trăm vị tỳ khuru tháp tùng, trong đó có tôn giả Sāriputta, Ānanda và thị giả Upavāna. Tôn giả Mahā Moggallāna và các vị trưởng lão khác tùy nghi phân bố đi hành hóa các phương.

Phía nam Sāvatti, xa về phía ngoại ô, trong xóm nhà tồi tàn ổ chuột của cư dân nô lệ chiên-đà-la – có gia đình người thanh niên làm nghề hốt phân, nạo vét mương cống bản thủ. Chàng tên là Sunīta. Tuy là tầng lớp tiện dân dưới đáy xã

hội nhưng chàng là một con người tốt, sống đời lương thiện. Cha mẹ mất sớm, gia tài để lại là một chòi tre rách nát, vài dụng cụ bằng sắt, vài đòn gánh, triền gióng cùng năm bảy cái ghè lớn nhỏ để đựng phân, tải phân, đội phân khi có công việc. Phía đầu làng, gần con lộ chính là những gia đình lao động chân tay với đủ mọi thứ nghề nghiệp trong xã hội. Họ có đẳng cấp cao hơn Sunīta. Lúc có công trình, chính giai cấp này cung cấp việc làm cho giới nô lệ. Mỗi nghề như vậy được quản tụ lại một nơi, trở thành một phường hay một làng. Cho nên có phường chuyên nghề xây dựng, chuyên nghề mộc, phường chuyên nghề đóng xe, nghề ráp cửa, nghề khắc gỗ; làng nghề đúc kim khí, làng nghề làm dụng cụ lao động các loại, làng nghề gôm; nghề làm vòng hoa, nghề giết súc vật, thợ may, thợ nhuộm... Họ thuộc giai cấp thủ-đà-la, có cả nghiệp đoàn thầy thợ, phân ra các nghề nghiệp khác nhau, rất có tổ chức. Từ khi đức vua Pāsenadi cưới cô con gái người làm tràng hoa phong làm hoàng hậu thì giai cấp này đặc biệt được xã hội tôn trọng, vị nể. Và chẳng, mọi công trình xây dựng và kiến thiết từ hạ tầng cơ sở đến thượng tầng kiến trúc đều ở trong tay của họ. Nhân công lao động cũng chỉ có được ở nguồn này. Khi có nhiều công việc xem ra quá nặng nề hoặc hơi hám bản thủ thì giai cấp thủ-đà-la kêu gọi lớp tiện dân nô lệ đến làm việc với tiền công rẻ mạt chỉ đủ ăn vừa bụng một người. Do vậy, tiện dân chiêm-đà-la không có khả năng sửa sang nhà cửa, tiện nghi sinh sống cũng như cải thiện chuyện ăn, ở, mặc...

Sunīta nghe tin về đức Phật và giáo hội tăng đoàn đã lâu; và cũng đã nhiều lần, chàng đứng núp sau các lùm cây nhìn những vị sa-môn y áo vàng rực, thanh thảo trên các ngã đường. Ai trông cũng dịu hiền và dễ mến. Nhưng chàng chưa bao giờ dám đến gần dù năm bảy cái đòn gánh. Sáng nay cũng vậy, vừa đội một ghè phân băng qua con lộ để xuống một bờ ruộng thì Sunīta trông thấy một đoàn sa-môn

y vàng. Không biết tránh đi đâu, hoảng loạn, sợ hãi quá, chàng vội lặn “ùm” xuống một nương nước, lấy rong bèo phủ trùm lên đầu... Qua kẽ hở của những lá bèo, Sunīta trông thấy một vị sa-môn tướng hảo sáng ngời như một vị đại phạm thiên, từ đường lớn, bước gần lại bên bờ nước, cách chỗ chàng chừng hai đòn gánh thì dừng lại...

- Này Sunīta, con trốn đi đâu? Như Lai muốn nói chuyện với con mà!

Sunīta tưởng tai mình nghe lầm! Không! Đúng rồi, vị ấy đang nói chuyện với mình! Ôi! Cái giọng nói dịu dàng như giọng nói của người mẹ hiền! Nhưng chàng cứ im thin thít, không dám đáp, không dám trả lời.

- Không sao đâu con, Sunīta! Như Lai biết tên của con đấy! Như Lai còn biết rất nhiều kiếp trước của con nữa! Con là một người rất tốt bụng, rất lương thiện! Đừng ngại ngần gì nữa, hãy lên đây để nói chuyện với Như Lai!

Lúc đức Phật bước tới bờ nước để hỏi chuyện chàng nô lệ đội phân thì tôn giả Sāriputta, Ānanda và thị giả Upavāna đồng bước lại. Hội chúng tỳ-khuru tăng cũng dừng lại, vây quanh lớp xa, lớp gần. Thế rồi, dân chúng quanh vùng, hai bên đường làng, nghe thấy chuyện lạ cũng ùn ùn đổ đến...

Nghe giọng nói dịu dàng, hiền từ của đức Phật đến lần thứ ba, Sunīta mới dám nói:

- Bạch ngài sa-môn! Thân thể con hôi hám, áo quần con dơ dáy; con lại thuộc giai cấp hạ tiện nữa nên con sợ ô uế đến ngài. Thật con không dám bước lên đâu!

Đức Phật mỉm cười, cất giọng phạm âm cho ai ở xa cũng có thể nghe được:

- Ủ! Sunīta! Đúng là thân thể con hôi hám, áo quần con dơ dáy, con lại thuộc giai cấp hạ tiện – nhưng con không thể nào làm cho ô uế đến Như Lai và giáo đoàn thanh tịnh của Như Lai được đâu mà sợ! Trái lại là khác nữa, này Sunīta!

Ngưng một chút, đức Phật tiếp:

- Con lại muốn hỏi tại sao mà con không dám hỏi chứ gì? Ủ, Như Lai sẽ nói đây, Như Lai sẽ giải thích vì sao! Vì đối với Như Lai và đệ tử của Như Lai thì ô uế bên ngoài không quan trọng bằng ô uế bên trong. Cái ô uế bên trong mới đáng sợ, mới đáng xa lánh, mới đáng nhờm gớm! Này Sunīta! Ai sống với tâm địa độc ác, bạo tàn, hung dữ, giết người giết vật là ô uế! Ai sống với tâm địa xan tham, xảo quyệt, trộm cắp, lường gạt của người là ô uế! Ai sống với tâm tà vạy, tà hạnh, bất chánh là ô uế! Ai sống mà nói dối, nói láo, nói thêu dệt, nói lời ác độc, nói hai lưỡi mới là ô uế! Nói ngắn gọn, cái gốc của mọi ô uế trên đời này là bởi tham lam, sân hận và si mê, này Sunīta!

Chàng thanh niên nô lệ nghe như uống từng lời, từng chữ vào lòng. Cả đời, chàng chưa bao giờ được nghe những điều như thế. Tâm trí chàng như được mở ra. Cánh cửa giai cấp và truyền thống đã đóng chặt kiếp bần cùng nô lệ của chàng, dường như chưa có một ánh sáng mặt trời nào len vào đây được!

- Này Sunīta! Giọng của đức Phật dịu dàng rót vào tai chàng – Con đội phân nhưng con đâu có giết người, giết vật? Con đội phân nhưng con đâu có lường gạt trộm cắp của ai? Con đội phân nhưng con đâu có tà vạy, tà hạnh và bất chánh? Con đội phân nhưng con đâu có dối láo ngôn lời, ác khẩu với một ai? Như thế, chúng tỏ rằng, trong con có mầm giống thanh tịnh; nếu mầm giống ấy biết bón phân, tưới nước, biết cách chăm sóc thì mai sau nó sẽ phát triển trở thành một con người tốt đẹp, hiền thiện xiết bao, này Sunīta!

Cho đến lúc này, Sunīta mới mạnh dạn mở lời:

- Bạch ngài sa-môn! Vậy thì con chưa đến nỗi ô uế! Là giai cấp tiện dân nhưng con chưa dám có những tâm địa ô uế như thế! Con cũng muốn tốt đẹp và hiền thiện vì cái mầm giống ấy ở trong con cũng có tí chút; nhưng bón phân là thế nào, tưới nước là thế nào, chăm sóc là thế nào, quả thật con

chưa hiểu!

- Muốn bón phân, tưới nước, chăm sóc cái mầm giống tốt đẹp có hiệu quả thì con phải sống đời sa-môn khát sĩ như Như Lai và như hội chúng sa-môn của Như Lai đứng xung quanh đây! Con có muốn như thế không, Sunīta?

- Con có ước mơ cũng không thể được! Ai mà cho kẻ khốn nạn như con xuất gia, sống đời sa-môn khát sĩ – khi con là kẻ ở cuối cùng, tận đáy của mọi giai cấp?

- Như Lai sẽ cho con xuất gia. Như Lai sẽ hoan hỷ đón nhận con. Tại sao vậy? Vì giáo hội của Như Lai không có giai cấp, không phân biệt giai cấp! Giáo hội của Như Lai là giáo hội bình đẳng cho tất cả mọi hạng người trong xã hội. Hãy nghe đây! Sunīta! Mỗi một con sông đều có tên. Trăm con sông đều có trăm tên gọi khác nhau. Nhưng khi trăm con sông ấy về biển cả rồi thì chúng hòa trộn với nhau, trở thành biển lớn, tên của trăm con sông sẽ không còn nữa. Giáo hội của Như Lai cũng tương tự vậy. Những sa-môn khát sĩ, hàng ngàn sa-môn khát sĩ, có người xuất thân thái tử, hoàng tử, vương tử, bà-la-môn gia chủ, tướng lĩnh, tổng trấn, quý tộc, danh gia, triệu phú, thương gia, thợ thuyền... nhưng khi về sống trong giáo hội thanh tịnh rồi... thì các giai cấp kia không còn tồn tại, không ai gọi tên nữa – mà chỉ đơn giản là một sa-môn sống đời vô sản, bần hàn, thiếu dục, tri túc... để tu tập, để bón phân, để tưới nước, để chăm sóc cho cái mầm giống hiền thiện, này Sunīta! Không có giai cấp khi máu ai cũng đỏ, không có giai cấp khi nước mắt ai cũng mặn như nhau, này Sunīta!

Sunīta phủi đám rong bèo trên đầu, bụm hai tay lên đầu, vái lia lịa:

- Con hiểu, bạch ngài sa-môn! Mắt con đã sáng ra, đã có một ngọn đèn! Trí con cũng sáng ra, ở đó cũng có một ngọn đèn! Con thật là hạnh phúc, được sống cuộc đời mới, làm một hạt bụi đi theo gót chân trần của ngài!

Đức Phật mỉm cười. Các vị tôn giả và hội chúng tỳ-khưu cũng mỉm cười! Ôi! Là những nụ cười thanh lặng và siêu thoát! Dân chúng xung quanh thì hò reo sung sướng khi thấy đức Phật nắm tay chàng nô lệ kéo ra khỏi mương nước. Tôn giả Sāriputta và thị giả Upavāna trao bình bát cho người bên cạnh rồi bước nhanh lại. Cả hai vị giúp chàng thanh niên tắm rửa cho sạch sẽ. Tôn giả Ānanda định lấy chiếc y hai lớp của mình quàng cho Sunīta nhưng bên kia đường, một người thanh niên thủ-đà-la đội y và bát bước lại, gập đầu xuống:

- Bạch đức Thế Tôn! Con hay đến Kỳ Viên nghe pháp! Y và bát này là của con, con đã tự sắm sửa khi nào đủ duyên sẽ xuất gia. Nhưng hôm nay, con xúc động và sung sướng quá khi thấy đức Thế Tôn đã xóa bỏ giai cấp, nhận vào giáo hội thanh tịnh một thanh niên nô lệ. Sunīta là một người bạn tốt, làm việc gì cũng chu đáo, đàng hoàng; là niềm tin của tất cả thầy thợ chúng con. Con rất mừng cho Sunīta. Vậy y và bát này con tình nguyện dâng cúng để đức Thế Tôn làm lễ xuất gia cho Sunīta.

Đức Phật gật đầu chấp thuận và mỉm cười trong tâm vì cái duyên như thế này ngài cũng đã biết rồi. Sau khi Sunīta được cạo đầu, mặc y, mang bát thì tướng mạo sa-môn hiện ra, không còn tìm thấy đâu là hình bóng người thanh niên nô lệ nữa.

Đức Phật làm lễ xuất gia ngay cho Sunīta bên vệ đường trước sự chứng kiến của dân chúng địa phương và cả khách bộ hành, người đi ngựa, kiệu phương xa đủ mọi giai cấp trong xã hội dừng chân lại, tò mò, chỉ trỏ, luận bàn!

Sau đấy, tôn giả Sāriputta dẫn Sunīta trở lại Kỳ Viên tịnh xá để bàn giao vị tân tỳ-khưu cho các trưởng lão giáo giới, còn ngài sẽ bộ hành theo sau.

Thế là không mấy chốc, tin này được loan truyền ra, chấn động cả kinh thành Sāvatti. Chuyện cũng đến tai đức

vua Pāsenadi. Triều thần có người phản ứng, chống đối ra mặt; có người mỉm cười, có người im lặng.

Riêng đức vua thì nói với hoàng hậu Mallikā rằng:

- Hậu là giai cấp thủ-đà-la! Thuở trước, trăm phong hậu làm chánh cung, dư luận nhân gian cũng ồn ào như vậy đấy. Trẫm đã cách mạng phá bỏ giai cấp từ độ ấy! Tuy rất âm thầm! Còn đức Tôn Sư, trẫm mang máng hiểu ngài cũng muốn phá bỏ giai cấp kể từ khi hóa độ kỹ nữ Ambapālī! Ngài lại rất công khai, đường đường chính chính; nhất là cho anh chàng nô lệ xuất gia ngay bên vệ đường, trước mắt bàn dân thiên hạ! Đáng phục! Thật đáng khâm phục!

Hoàng hậu Mallikā dè dặt nói:

- Có người, nhất là các giới cấp bà-la-môn, sát-đế-ly, các nhà giáo dục sẽ cho rằng đức Phật đã đảo lộn trật tự xã hội, không tôn trọng quy củ, truyền thống đạo lý từ ngàn xưa của cha ông, tâu bệ hạ!

Đức vua Pāsenadi cười rõ to rồi nói:

- Đạo lý à? Đạo lý à? Lấy bình phong đạo lý à? Con người lành tốt, hiền thiện mới là đạo lý đích thực, hậu à! Trẫm không đồng ý cái cách duy trì truyền thống ấy là đạo lý đâu! Cái đạo lý ấy là đạo lý hình thức, là cái đạo lý “rơm”, hậu à! Chính kiến của đức vua tối cao trong cuộc đàm đạo với hoàng hậu Mallikā, sau đó đến tai triều thần rồi không mấy chốc, lan khắp kinh thành. Thế là chỉ năm bảy ngày sau, dư luận im bật!

Thêm Một Vị Đại Đệ Tử

Nhắc lại chuyện đức Phật, sau khi độ cho chàng thanh niên nô lệ xuất gia, ngài và hội chúng tiếp tục bộ hành về phương nam. Chẳng có việc gì phải gấp gáp nên mỗi ngày chỉ đi chừng hơn một do-tuần. Vượt qua từng thị trấn, từng làng mạc... rồi hội chúng đi dọc bên này bờ sông Sadānīra có dân cư đông đúc, nhà cửa tươm tất, nếp sống phồn vinh. Chừng mười hôm sau, gần đến sông Gaṅgā thì đức Phật rẽ trái, theo con đường nhỏ, men theo dãy núi đá vôi rồi vào một khu rừng im mát để độ ngộ và nghỉ trưa.

Buổi chiều, thấy đức Phật vẫn chưa tính chuyện lên đường, tôn giả Sāriputta đến gần bên thưa hỏi:

- Dường như đức Thế Tôn có ý chờ đợi một người?
- Phải đấy, này Sāriputta! Như Lai chờ đợi một người khá quan trọng cho giáo pháp!
- Xin đức Thế Tôn cho đệ tử được nghe?

Rồi đức Phật nói về gốc gác Kaccāyana cho tôn giả Sāriputta nghe. Sau đó, tôn giả đã kể lại cho đại chúng rằng: “Có một tiểu quốc tên là Avanti (A-bàn-đề), kinh thành là Ujjenī. Vị quốc sư của nước này có bà vợ chính là em gái của đạo sĩ Asita, người đoán tướng cho thái tử Siddhattha thuở đản sanh, là ba mươi lăm năm sau, ngài sẽ đắc quả vị

Chánh Đẳng Giác. Trước khi hóa sanh vào cõi trời phi tướng, đạo sĩ căn dặn vợ chồng quốc sư rằng: “Sau này, nếu có con trai phải cho xuất gia làm đạo sĩ. Lúc nào nghe tin trên thế gian có một vị Phật ra đời thì đấy chính là thái tử Siddhattha Gotama, con của đức vua Suddhodana, vương quốc Sākya - hãy tìm đến mà quy giáo với Người! Chính ta cũng rất tiếc là không được quỳ bên chân đức Chánh Đẳng Giác để nghe về giáo pháp Bất Tử ấy!” Thời gian sau, họ có hai người con trai đều thông minh, tuấn tú, học hành thông đạt nên được đức vua đặc biệt yêu mến. Người con trai út tên là Kaccāyana, dù sinh sau đẻ muộn nhưng cái gì cũng giỏi, cũng vượt trội hơn anh. Ngoài ra, chàng có nước da vàng sáng, mịn màng và tinh sạch như cánh sen nên ai cũng trầm trồ chiêm ngưỡng. Lớn lên, cha mẹ chàng vẫn còn nhớ định ninh lời dạy bảo của ông anh đạo sĩ Asita hiền thiện, nhưng ông bà thấy hai con tương lai đều sáng sủa nên mãi chần chờ, lần lữa! Lúc Kaccāyana vừa chẵn tuổi hai mươi thì chàng đã nắm vững, nắm chắc mọi sở học cần thiết của một thanh niên bà-la-môn chơn chính. Đặc biệt, Kaccāyana đam mê và nghiên cứu sâu về triết đạo học nên chàng xin cha mẹ cho được xuất gia làm một đạo sĩ du phương! Đến lúc này thì ông bà quốc sư đành phải kể lại sự thật về ước nguyện, di huấn xưa của đạo sĩ Asita cho Kaccāyana nghe. Thế rồi, từ đó, Kaccāyana như cánh chim trời, lang thang từ nước này sang nước khác để tầm sư học đạo. Kaccāyana luôn tra vấn, thao thức; và chàng cũng không dễ dàng chấp nhận một đời đạo sĩ dung tục, tầm thường với những tri thức, luận giải từ chân lý có sẵn ngàn đời. Chính vì lý do này mà chàng cứ đi mãi, học hỏi mãi mà không chịu lưu trú ở đạo tràng nào lâu. Ngọn lửa tri thức nung đốt, đẩy chàng ta-bà khắp các tiểu quốc miền nam rồi miền bắc, tây bắc, đến tận Himalaya. Mười năm sau, chàng đã nổi tiếng khắp nơi về khả năng nghị luận biện tài. Ai cũng kính phục, kính

trọng chàng; nhưng tự thân, cõi lòng Kaccāyana vẫn bất an. Trở lại quê nhà thì cha mẹ đã già yếu và ông anh trai đã được vua phong làm quốc sư với địa vị vững chắc và danh vọng lẫy lừng. Lúc đức Phật chuyển pháp ở Vườn Nai, Isipatana thì Kaccāyana đã hay tin nhưng chàng chưa thể rời chân đi được vì chàng muốn ở nhà ít năm để cho hai thân được vui sau mười năm xa cách. Tuy nhiên, Kaccāyana vẫn không được yên vì danh tiếng của chàng đã làm cho rất nhiều đạo sĩ tìm đến, kẻ đòi chiến luận, kẻ muốn học hỏi... Lúc này thì Kaccāyana đã chán ngấy cái trò chơi phù phiếm của chữ nghĩa và miệng lưỡi nên chàng đã đóng cửa không tiếp khách suốt mấy năm trường. Thấy cũng không yên, Kaccāyana làm một chòi tre nhỏ ở trong rừng vắng, thỉnh thoảng viếng thăm cha mẹ một chút, lại đi. Nhiều lần đức vua Pajjota triệu Kaccāyana vào chầu để đàm đạo, ngài rất ngưỡng mộ trí thức bác học và lối nghị luận sắc bén của chàng. Ông anh của Kaccāyana, bây giờ là vị tân quốc sư cũng nhiều lần thuyết phục chàng ở lại để làm quan đương triều. Riêng cha mẹ Kaccāyana thì không có ý kiến gì, tuy nhiên, có nhẹ nhàng nhắc lại lời hứa thuở trước! Hôm ấy, khi biết ý định của đức vua là muốn phong quan tước và gả công chúa cho thì Kaccāyana biết là chàng không thể ở nhà được nữa rồi. Vậy là chàng lại ra đi theo tiếng gọi sông hồ sau nhiều năm biệt tích! Kaccāyana nghe lời căn dặn của đạo sĩ Asita, của cha mẹ nên đi tìm đức Phật nhưng chàng không nôn nóng, không vội vã. Trên đường đi, dưới gốc đa già, bên một bển nước vắng hay cạnh một chiếc cầu nhỏ sang sông... Kaccāyana gặp và đàm đạo với các vị sa-môn áo vàng. Thi thoảng thôi, chứ chàng chỉ thích lắng nghe và nhìn ngắm nhiều hơn.

“- Đúng là đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời thật rồi!” Hôm kia, Kaccāyana suy nghĩ như thế khi đến Vườn Nai, thấy khá nhiều cốc liêu và cả một hội chúng thanh tịnh.

Chàng ở cạnh một khu rừng để quan sát các sa-môn đi trì bình khát thực, tọa thiền, kinh hành, giặt y áo, làm vệ sinh sân vườn, sàng tọa... Đâu đâu cũng gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp... và nhất là ở đâu, lúc nào cũng an bình và tĩnh lặng!

Nghe tin đức Phật đang ở Kỳ Viên, chàng âm thầm từ giã Isipatana để ra đi, ngược đường lên hướng bắc..

Sớm hôm kia, không thông báo với ai, ngoại trừ tôn giả Sāriputta, đức Phật từ giã ngôi rừng, ôm bát ra đi một mình. Sau khi kiếm vật thực vừa đủ dùng, ngài men theo sông Gaṅgā theo hướng về Vườn Nai, ngồi dưới gốc cây to để độ ngụ và nghỉ trưa.

Khi đức Phật đang tọa thiền thì Kaccāyana từ hạ lưu sông Gaṅgā đi lên. Đến bên gốc cây, Kaccāyana cũng dừng chân lại, bất giác, chăm chú quan sát vị sa-môn áo vàng có tướng hảo rất quang minh! Lát sau, không dám làm kinh động, chàng nhẹ nhàng thu vén một góc để độ thực rồi tọa thiền nghỉ ngơi!

Một khắc qua đi, Kaccāyana xả thiền, chuẩn bị lên đường, liếc nhìn qua bên kia thì thấy vị sa-môn dường như còn trú sâu vào đại định; và không gian xung quanh như thấm đẫm làn khí thanh bình và mát mẻ. Ngạc nhiên quá, Kaccāyana lặng lẽ ngồi xuống. Toàn thân vị sa-môn như phát sáng, lấp lánh hào quang; rồi hào quang ấy chập chờn từng đôi một, từng vòng tròn một, ứng hiện năm sắc màu khác nhau làm lu mờ cả mặt trời ở trên cao!

Kaccāyana đang say sưa quan sát hiện tượng lạ lùng thì thấy từ phía dưới đi lên một đoàn sa-môn áo vàng, mà dẫn đầu cũng có mấy vị với tướng, nghi dung đẹp đẽ và rạng rỡ không kém gì! Đến gần cội cây, họ trật y vai phải, đánh lễ vị sa-môn rồi ngồi xuống rải rác ở xung quanh, cũng rất lặng lẽ!

Kaccāyana chợt dung hiểu ra sự vụ, biết đích xác vị sa-môn ấy là ai; không tự chủ được mình, chàng quỳ năm vóc

sát đất, không nói được một lời tiếng nào!

“- Kaccāyana! Như Lai chờ đợi ông đã lâu! Sao bây giờ ông mới đến?”

Tiếng đức Phật thoảng nhẹ bên tai Kaccāyana, chàng áp úng:

- Bạch đức Tôn Sư! Đệ tử đã đến đây rồi!

- Ủ, ông đến rồi nhưng ông còn đi nữa không, Kaccāyana?

Câu hỏi của đức Phật làm cho Kaccāyana lúng túng, ngỡ ngác. Cả hội chúng cũng không ai hiểu. Ngoại trừ tôn giả Sāriputta thì mỉm cười!

Tiếng đức Phật vọng lại mồn một bên tai Kaccāyana:

- Còn đến, còn đi là còn thời gian, tất là còn sinh tử đây

– Ông có thấy không, này Kaccāyana?

Chợt dung, ngay giây khắc ấy, Kaccāyana đặc pháp nhãn, đặt được bàn chân đầu tiên vào giáo pháp bát tử. Chàng quỳ mọp xuống, ôm chân bụi của đức Đạo Sư:

- Tri ân đức Tôn Sư! Đệ tử đã thấy rồi! Đệ tử trở về với đức Tôn Sư, với hội chúng thanh tịnh này, đệ tử sẽ không đến và không đi nữa!

- Có chắc vậy không, Kaccāyana? Đức Phật tiếp tục pháp thoại xem thử cái thấy của chàng như thế nào – Không đến, không đi – nhưng nó có nhân, có duyên gì không, Kaccāyana?

- Có nhân thì nhân sanh, nhân diệt; có duyên thì duyên hệ duyên, duyên sở duyên - bạch đức Tôn Sư!

- Thế thì phải cắt đứt nhân, cắt đứt duyên hay sao, Kaccāyana?

- Nếu cắt đứt thì rơi vào hư vô, đoạn diệt kiến! Nếu không cắt đứt thì phó mặc cho bộc lưu, bạch đức Tôn Sư!

- Vậy thì làm thế nào để thoát ra khỏi bộc lưu⁽¹⁾, này

⁽¹⁾ Chỉ dòng chảy mạnh của sinh tử.

Kaccāyana?

Kaccāyana lại rơi vào bế tắc. Cũng đúng thôi! Tôn giả Sāriputta tự nghĩ! Đây là những pháp thoại cao siêu, rất ráo nhất, thù thắng nhất, mà, Kaccāyana chỉ là kẻ sơ cơ mới bước vào dòng! Dù ông ta kiến thức có thâm uyên, nghị luận có biện tài cách mấy cũng đành phải bất lực trước những câu hỏi tế nhị thuộc tuệ giải thoát, chúng không nằm trong lãnh vực kiến thức và trí năng!

Đức Phật chột mím cười vì hiểu được tâm ý của người đại đệ tử:

- Hãy gỡ bí cho Kaccāyana xem nào, Sāriputta?

- Câu này đệ tử chỉ lặp lại khi đức Tôn Sư giáo giới cho một lão bà-la-môn. Đệ tử xin được nói lại đúng nguyên văn, như sau: “Nhu Lai không bước tới, Nhu Lai không dừng lại – Nhu Lai ra khỏi bộc lưu!”

- Vậy thế nào là bước tới? Thế nào là dừng lại - hờ con trai trưởng của Nhu Lai?

- Vì bước tới là sẽ trôi lăn, dừng lại là sẽ chìm đắm, bạch đức Tôn Sư!

- Vậy là phải! Vậy là đúng, này Sāriputta! Rồi đức Phật nói với Kaccāyana – Còn ông, đừng suy nghĩ nữa, suy nghĩ sẽ không tới đâu! “Hãy lại đây! Này tỳ-khưu!”⁽¹⁾ Hôm nay, Nhu Lai đã chứng nhận cho ông là một vị tỳ-khưu trong giáo hội thanh tịnh rồi đây!

Thế là Kaccāyana trở thành một vị tỳ-khưu - mặc dầu y bát và tăng tướng chưa đúng cách.

Sau đó, đức Phật giới thiệu Kaccāyana, Mahā Kaccāyana với mọi người và ngược lại. Bây giờ, Kaccāyana mới biết đến vị sa-môn đức tướng trang nghiêm, vàng trán

⁽¹⁾ “Ehi! Bhikhave!” Kinh sách nói rằng, khi đức Phật nói như thế thì vị tân tỳ-khưu tóc râu rụng sạch, có đầy đủ y bát và tám món vật dụng, trông tăng tướng trang nghiêm như một vị tỳ-khưu cao hạ! Thường thì các vị này đều đã đầy đủ ba-la-mật từ quá khứ.

cao sáng đối thoại với đức Phật vừa rồi chính là tôn giả Sāriputta, vị đệ nhất đại đệ tử, bậc thượng thủ của giáo hội! Chỉ thoáng nhìn, thoáng nghe vài câu, Kaccāyana sớm hiểu rằng, mọi kiến thức và khả năng biện tài của chàng sẽ không lý nghĩa gì ở trong giáo hội minh triết, của những con người minh triết như thế này! Vị thứ hai là tôn giả Ānanda, hoàng đệ của đức Phật, trông phương phi với nhiều mỹ tướng đặc thù, tỏa rạng một nhân cách hy hữu.

Khi đức Phật và hội chúng lên đường; tôn giả Ānanda thấy Kaccāyana cứ dăm chiêu, bèn mỉm cười nói:

- Rồi hiền giả sẽ biết thôi, sẽ thấy thôi! Đừng thắc mắc mà làm gì!

- Nhưng đầu óc tôi nó cứ làm việc! Nó cứ đặt câu hỏi: Làm thế nào để không dừng lại? Làm thế nào để không bước tới?

- Hãy xem nào, hiền giả! Tôn giả Ānanda cất giọng ôn nhu, điềm đạm - Đức Tôn Sư có dạy rằng, khi căn duyên trần thì có những dòng sông trôi chảy, trôi chảy rất mạnh nên nói là bộc lưu! Ví như dòng sông cảm giác, dòng sông thức tri... hiền giả có thấy thế không?

- Vâng, vâng, tôi thấy rồi!

- Thế thì đơn giản thôi! Vậy thì lúc nào cảm giác và thức tri bị đắm chìm? Lúc nào thì cảm giác và thức tri bị trôi lăn? Hiền giả hãy nhìn ngắm, hãy quan sát chúng xem nào? Hãy như lý tác ý miên mật về điều ấy để ra khỏi bộc lưu, này hiền giả!

- Vâng, vâng, tôi thấy rồi! Tri ân tôn giả!

Nghe tôn giả Ānanda giảng pháp, đức Phật và tôn giả Sāriputta đều mỉm cười, vì cách nói, cách nhìn, nội dung, cả văn phong, ngữ nghĩa... không ai dám nói là Ānanda mới chỉ đắc quả Nhập Lưu!

Về Sợi Dây Luyến Ái

Giữa sông Gaṅgā sông Yamunā có một nước khá rộng lớn, đây là vương quốc Vamsā, đức vua là Udena, thủ đô là Kosambī⁽¹⁾. Đây là quê hương của bộ tộc Bhagga hùng mạnh. Nhờ ưu thế địa lý nằm giữa hai con sông nên sự giao thương lên miền tây bắc hoặc xuôi hướng đông nam đều thuận lợi. Đây còn là giao lộ thương mại với các nước cộng hòa liên bang Vajjī, Licchavī, với Māgadha về phía hạ lưu mà còn là địa điểm trao đổi hàng hóa từ các nước ở thượng lưu và cả phía bắc và tây bắc xuống nữa.

Sau khi đặt được những cơ sở hoàng pháp lớn tại những lãnh địa quan trọng: Miền đông nam thì có đại tịnh xá Veluvana (Trúc Lâm), Rājagaha (Vương Xá), nước Māgadha (Ma-kiệt-đà) của đức vua Bimbisāra (Bình-sa) – và Mahāvana (Đại Lâm) tại Vesāli; miền tây bắc thì có đại tịnh xá Kỳ thọ Cấp Cô Độc tại Sāvatti (Xá-vệ), nước Kosala của đức vua Pāsenadi (Ba-tư-nặc) và Nigrodhārāma (Vườn rừng cây đa) tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) nước Sākya... đức Phật lại nghĩ đến miền thượng lưu sông Gaṅgā, nằm ở phía tây, cách Bārānasī chừng mười do-tuần. Trước đây bốn năm năm về trước, chư vị trưởng lão A-la-hán đã

⁽¹⁾ Khoảng chừng 50 km về phía Tây Nam Allahabād ngày nay.

thay nhau đến hoằng pháp tại vùng này, nhưng nghe trình báo lại thì chưa đặt được những cơ sở lớn do uy tín của họ chưa đến tai các đại thương gia, đại danh gia cũng như triều đình.

Tại Kosambī có trưởng giả Ghosita, là bậc cự phú đệ nhất; ông vừa làm chủ tịch nghiệp đoàn thương mại vừa là chủ ngân khố của hoàng gia. Có một vài lần giao lưu thương mại, ở lại nhiều ngày tại Sāvatti – ông và bạn hữu đến Kỳ Viên nghe pháp. Tuy chưa gặp được đức Phật nhưng thấy giáo đoàn có một nếp sống kỷ cương, giản dị và lành mạnh, ông rất kính trọng, phát khởi đức tin. Trưởng giả Ghosita có nói với chư trưởng lão rằng, lúc nào chư tỳ-khưu tăng ghé Kosambī, hãy báo cho ông một tiếng, ông có khá nhiều lâm viên rộng rãi, có nhiều phòng ốc thoáng mát, khá tiện nghi... không gần mà cũng không xa làng xóm, thuận lợi cho việc trì bình khát thực cũng như nơi chốn để tĩnh cư! Không những trưởng giả Ghosita hào hiệp như thế mà bạn bè thương gia thân hữu của ông cũng sẵn lòng đón tiếp chư tăng tại các lâm viên thoáng đãng khác.

Do vậy, khi đức Phật và hội chúng từ giã Vườn Nai, sau nửa tháng giáo giới ở đây, bộ hành dọc theo bờ bắc, hướng thượng nguồn sông Gangā đến Kosambī thì thấy lác đác ở đâu cũng có những sa-môn áo vàng. Nhìn qua dáng sắc thì biết tứ sự họ đầy đủ. Nhìn qua oai nghi đi đứng thì thấy họ khá vững chãi và ổn định.

Đến Kosambī, đức Phật không ghé một lâm viên nào... mà ngài cứ đi mãi, đi mãi, tìm chỗ ngụ cư tại một khu rừng lớn phía ngoại ô, tên là Bhesakalā, gần ngôi cổ thành Susumāragira. Bây giờ đã là tiết tháng tư, khí trời oi bức – nhưng khu rừng Bhesakalā thì cây lá còn xanh, suối còn nước chảy nên khí hậu mát mẻ, dễ chịu.

Vài ba ngày sau, chư tăng trong vùng đã hay tin, lác đác đến đánh lễ đức Phật, thăm hỏi và vấn an sức khỏe của ngài.

Rồi dân chúng quanh vùng lũ lượt rủ nhau đến cúng dường và nghe pháp. Đặc biệt có hai vợ chồng bà-la-môn là trưởng giả Nakulapitarā và phu nhân là Nakulamata cớ nói đức Phật là con trai của họ. Rồi họ khóc lóc thảm thiết, vật mình, vật mảy, tỏ lời trách móc, sao con trai bỏ nhà, bỏ cửa ra đi biệt tăm, biệt dạng đã lâu mà không chịu trở về thăm cha mẹ lấy một lần. Khi hai ông bà trưởng giả cùng đến ôm chân đức Phật – thì tôn giả Ānanda tìm cách ngăn lại; đức Phật từ hòa nói:

- Nay Ānanda! Ông cứ để yên vậy! Cứ để yên cho ông bà trưởng giả biểu tỏ cảm xúc của mình!

Khi thấy cả hai người bình tĩnh trở lại, rồi từ nhân duyên ấy, đức Phật thuyết một thời pháp nói về sợi dây luyến ái nhiều đời! Ngài nói rằng:

- Không phải không duyên cớ, hai ông bà nhìn nhận Như Lai là con trai đã lưu lạc. Trong các kiếp quá khứ, trầm luân sinh tử nhiều như hạt bụi trong ba cõi sáu đường; hai ông bà trưởng giả đây đã từng là cha mẹ của Như Lai năm trăm kiếp; đã từng là bác ruột, là chú thím ruột của Như Lai cũng nhiều kiếp như thế! Sự thương yêu, triu mến của ruột rà, huyết thống nhiều đời kiếp đã tạo nên sợi dây luyến ái vô hình, nó liên li trôi chảy, xuyên suốt không dễ gì đứt mất! Do vậy, các thầy tỳ-khuru phải thông cảm giọt lệ của ông bà, những chúng hữu tình trôi lăn mà không ai có khả năng bước ra khỏi bi kịch tử sinh ấy! Khi vừa thấy Như Lai – thì ký ức chất chồng của tiền kiếp trở về! Vóc dáng ấy, màu da ấy, mắt mũi ấy, âm thanh ấy... dẫu có bị chuyển dịch, thay đổi, biến dạng bởi nghiệp từ kiếp này sang kiếp khác - nhưng vẫn mừng tượng được những nét đặc trưng... do tưởng đức kết lại, đây là con trai mình! Điều ấy khó lý giải nhưng trực giác thì cảm nhận được!

Này đại chúng! Điều mà Như Lai thấy chắc, biết chắc; đó là khi giữa hai người có sợi dây ái luyến sâu đậm, đam

mê, thiết tha đã gắn kết keo sơn – thì kiếp lai sinh họ sẽ là vợ chồng của nhau. Cũng sợi dây ái luyến ấy, bởi yêu thương và kính trọng; nhưng nếu kính trọng nhiều hơn yêu thương thì sẽ là làm con, làm cháu! Cũng sợi dây ái luyến ấy, bởi yêu thương, nhưng trong yêu thương ấy còn hàm tàng tình cảm bao bọc, chở che thì sẽ làm cha làm mẹ! Tương tự như thế, tùy theo cường độ, nồng độ tình cảm đậm nhạt, nhiều ít mà sợi dây luyến ái biến họ trở thành thân quyến, họ hàng, gia tộc, bạn hữu, thân hữu, làng xóm, tỉnh thành, quốc độ...

Trong khi đức Phật ngưng nói, tôn giả Sāriputta tự nghĩ: “Đức Tôn Sư đã vén mở cho đại chúng thấy mối liên hệ của sợi dây luyến ái nhiều đời. Tuy nhiên, đây chỉ là luyến ái thuận chiều để giải thích rộng rãi trường hợp vợ chồng trưởng giả bà-la-môn! Bởi vậy, ta hãy tạo nhân, tạo duyên để đức Tôn Sư vén mở tiếp nữa cho đại chúng thấy thêm nhiều trường hợp ái luyến nghịch chiều – mà ở đó - cũng cha mẹ, vợ chồng, con cái, bạn hữu, thân lân... nhưng lại nằm trong mối liên hệ phản trắc, bội bạc, hận thù... hoàn toàn tương nghịch, tương xung với thiện pháp...”

- Bạch đức Thế Tôn! Nhờ đức Thế Tôn vén mở mà chúng đệ tử đã biết rõ, thấy rõ sợi dây luyến ái tạo nên sự thương yêu, triu mến, tình nghĩa, thủy chung, đùm bọc, chở che... kết dệt nên những đóa hoa mỹ miều, nhiều hương sắc trong đời sống an vui và hạnh phúc của các gia đình, nhiều gia đình trên trần thế. Tuy nhiên, vì tâm bi mẫn, xin đức Tôn Sư vén mở tiếp, tại làm sao mà những cái cây an vui và hạnh phúc nhân gian ấy, thỉnh thoảng ở nơi này và nơi kia lại sinh gai độc, trái độc, mủ độc? Đây là vợ chồng bất hòa, xung đột, đày đọa nhau, áp bức nhau, bội bạc với nhau? Cha mẹ phân ly, phiêu tán; con cái hỗn hào, bất hiếu, đánh cha, giết mẹ, phá tán của cải và thanh danh gia đình? Quyên thuộc, bạn hữu, thân lân... thì lợi dụng nhau, hiềm hại nhau, trăn

bức nhau... tạo nên biết bao bi kịch trên trần thế? Phải chăng, đây là loại ái luyện nghịch chiều, bên trong còn có sự chi phối của nhân quả nghiệp báo?

- Hay lắm, này Sāriputta! Ông đã đưa một câu hỏi như ngón tay trở chỉ thẳng vấn đề; và trong câu hỏi của ông đã có câu trả lời, đây là nhân quả nghiệp báo. Bây giờ, hãy nghe đây, Như Lai sẽ giảng nói rộng rãi, xuyên suốt về điều ấy!

Này đại chúng! Nếu vợ chồng thương yêu nhau, tôn trọng nhau, hiểu biết nhau, thông cảm nhau... đối xử với nhau như bát nước đầy, thủy chung như nhất... thì đây là sợi dây ái luyện thuận chiều; sẽ nảy nở, tăng trưởng trong môi trường thiện pháp với khí hậu trong lành, mát mẻ, tốt tươi! Cũng là vợ chồng, nhưng nếu một trong hai – do sắc, do tài, do lợi, do danh, do thiếu giới, do thiếu trí, bị vô minh ái dục chi phối... thì người này sẽ làm khổ người kia, làm khổ một cách đốn đau, bạo liệt, hung tàn... thì trong ái luyện đã nảy mầm phản trắc, thù hận! Đây là nhân đã gieo, là nghiệp báo! Nếu đời này mà tình trạng hận thù không được hóa giải thì kiếp sau - do ái luyện vẫn còn - họ nên vợ nên chồng, nhưng chỉ để người này làm khổ người kia trở lại! Đây gọi là ái luyện nghịch chiều, duyên với ác pháp, sinh cây độc, trái độc, mù độc là vì vậy!

Còn nữa, này đại chúng! Trên đời này, có những gia đình sinh ra được những người con thông minh tuấn tú, có hiếu, có thảo; đối xử với cha mẹ như đối xử với vị phạm thiên ở trong nhà; lúc nào cũng kính kính, cẩn cẩn, chăm học, chăm làm, không những bảo vệ, gìn giữ được sự nghiệp, thanh danh gia đình, tổ tông, dòng họ mà còn phát triển thêm nữa, làm cho xán lạn và quang vinh hơn nữa! Đây gọi là sợi dây ái luyện thuận chiều, thuận theo thiện pháp; là cây lành, trái ngọt của trần gian – do nhân những đứa con thai sinh vào gia đình này để đền ơn, trả nghĩa - bởi kiếp

trước, ông cha, bà mẹ này đã có ân đức rất lớn đối với chúng. Ngược lại, nếu chúng hoang đàng, ngỗ nghịch, phá nát của cải, tài sản, bất hiếu, bất mục... chỉ làm khổ gia đình, cha mẹ là vì chúng sinh ra để báo thù, đòi lại nợ cũ mà cha mẹ kiếp trước đã gieo, đã làm khổ chúng, đã đày đọa chúng!

- Thật là kinh khiếp! Thật là oan gia! Ôi! Vợ với chồng, Ôi! Con với cái! Ôi! Tốt đẹp thay mà cũng đáng sợ thay!

Không biết ai đã cảm thán thốt lên câu ấy!

Thời pháp chưa chấm dứt mà ông bà trưởng giả bà-la-môn Nakulapitarā và Nakulamātā đã chứng quả Nhập Lưu; họ chột quỳ mọp bên chân đức Phật, hoan hỷ quá, cất giọng cảm động:

- Ôi! May mắn thay! Hạnh phúc thay! Chúng đệ tử đã thấy đường đi, lối lại! Hãy cho chúng đệ tử nương tựa nơi giáo pháp chân chánh này!

- Còn Phật và tăng nữa, này ông bà trưởng giả hiền thiện – tôn giả Ānanda mỉm cười, nhắc nhở - Phải lập lại ba lần: Buddhamaṃ saraṇamaṃ gacchāmi. Dhammamaṃ saraṇamaṃ gacchāmi. Sanghamaṃ saraṇamaṃ gacchāmi.

Ông bà lập lại ba lần và đã trở thành một cận sự nam (upāsaka) và cận sự nữ (upāsikā) của giáo hội.

Sau đó, suốt cả buổi chiều, thời pháp ái luyện vẫn chưa chấm dứt, do một số đông chư tăng và quần chúng các tập cấp trong vùng tìm đến. Tôn giả Sāriputta được đức Phật chỉ định thay ngài trả lời những câu hỏi còn tồn đọng. Đại lược, tại sao có những người con lại chết ngay trong thai bào, chết khi vừa sinh ra, chết khi hai tuổi, ba tuổi, còn thanh xuân? Tại sao hai người xấu đẹp khác nhau, giai cấp khác nhau, nghèo giàu khác nhau, ngu trí khác nhau, sở thích khác nhau... lại ái luyện, yêu thương nhau đến đầu bạc răng long? Tại sao có người keo kiệt, bủn xỉn, ăn mắm mút đòi suốt đời lại không có người thừa kế, hoặc con cái thừa kế là để phá nát, phá tan gia sản? Tại sao có đứa con vừa sinh ra thì gia

đình được hoạnh phát, hoạnh tài; ngược lại, có đứa vừa sinh ra thì gia đình bị lửa cháy, bị trôi sông, bị vua xử phạt, bị lụn bại, làm ăn thất bát?

Ôi! Thật là quá nhiều câu hỏi. Do nhờ đã biết, đã thấy, lại có tuệ phân tích thiện xảo, lợi tài – tôn giả Sāriputta từ từ, điềm điềm... từng điềm một, từng điềm một giải thích cho hội chúng nghe. Cũng là ái luyến, nhưng bây giờ phải đi sâu hơn về nhân quả nghiệp báo liên hệ một đời, hai đời, từ nhiều đời. Lại còn phải đan xen quả ngọt, quả đắng, quả chua, quả chát, quả xanh, quả chín mọng, quả non, quả già, quả nguyên vẹn, quả sâu đục, quả dơi ăn, quả gió bão rụng rơi... Như thế là tôn giả phải giải thích thêm, từ nhân, duyên đến quả thật không đơn giản chút nào! Nhân thì có vô lượng nhân! Duyên cũng có vô lượng duyên! Quả cũng có vô lượng quả! Do hội chúng còn sơ cơ và sơ căn; vả lại, sở kiến, sở văn cũng không được bao nhiêu – nên tôn giả nêu thí dụ là chính. Thí dụ nào cụ thể, giản dị mà ai cũng có thể thấy được, biết được, hoặc từ đó mà tác ý, tư duy được. Ví dụ, tôn giả nói, quý vị tưởng nhân sinh quả sao? Đâu đơn giản vậy! Một hạt lúa sinh ra cây lúa sao? Đâu dễ dàng như thế! Thử xem nào? Nếu hạt lúa gieo trên đá? Hạt lúa vừa gieo thì chim ăn, sâu đục, lửa cháy? Vậy thì cái nhân ấy còn cần có duyên. Duyên còn có duyên thuận, duyên nghịch. Thuận thì khả thể, nghịch thì không thể. Thuận, ví như ý niệm gieo trồng, hạt giống tốt, đất, nước, ánh sáng, phân, công chăm sóc, thời gian, thời tiết ... Tất cả duyên ấy cộng lại thì đã thành quả chưa, gặt hái lúa được chưa? Xin thưa, chưa chắc! Tại sao vậy? Vì nước phải vừa đủ, phân phải vừa đủ, ánh sáng vừa đủ, thời tiết thuận lợi... thì quả mới chắc thành. Nghịch lại, nghịch duyên hoặc thiếu một vài yếu tố, điều kiện cần và đủ thì cho dù có nhân, có duyên thì quả cũng không thành!

- Nói tóm lại – tôn giả Sāriputta kết luận – Ái luyến,

nhưng ái luyện ấy đan xen nhân quả nghiệp báo khá phức tạp; ngoài các bậc có tuệ nhãn quang minh, có đầy đủ thẳng trí mới biết, mới thấy được vài phần. Chỉ đức Chánh Đẳng Giác mới biết rõ, thấy rõ toàn phần! Vậy, chư vị chỉ cần gieo nhân tốt, tạo duyên lành từ suy nghĩ, hành động, nói năng thì mai kia sẽ gặt hái được quả ngọt, trái lành không khó khăn lắm đâu!

Cuối thời pháp thoại, chợt có một ông lão quắc thước, nét mặt buồn buồn, ăn mặc sang trọng trông như một thương gia, đứng dậy xin phát biểu:

- Thưa tôn giả! Tôi là Kukkuṭṭa, là người bạn già của trưởng giả Ghosaka, đã vài lần được nghe pháp tại Kỳ Viên. May mắn và vinh hạnh thay cho đất nước Vamsā và kinh hành Kosambī, hôm nay được đức Thế Tôn và vị tôn giả đệ nhất đại đệ tử đặt chân đến! Còn may mắn và vinh hạnh hơn thế nữa là nghe được thời pháp nói về ái luyện một cách rất hiện tiền, cụ thể, phong phú và sống động của đức Thế Tôn và tôn giả. Quả thật, chúng tôi đã được rửa tai cho thông, đã được rửa mắt cho sáng! Tuy nhiên, tôi lại là kẻ may mắn và hạnh phúc đệ nhất trong hội chúng này! Tại sao thế? Vì rằng, tôi đã được nghe những thời pháp tương tự từ các vị trưởng lão Vappa, trưởng lão Yasa, trưởng lão Kāḷudāyi tại Kỳ Viên và ở tại Kosambī này, trong khu lâm viên của trưởng giả Ghosaka (Ghositārāma)!

Ngưng hơi một lát, ông lão xin được ngồi xuống để tiếp tục câu chuyện khá dài - rồi nói:

- Tôi có một câu chuyện, thưa tôn giả! Một câu chuyện về gia đình, buồn, rất buồn, rất đau xót, rất thương tâm... về cái sợi dây ái luyện kia! Ở Kosambī này, nếu nói về danh vọng, địa vị, giàu sang... thì tôi tương tự một người, ấy là bạn tôi, trưởng giả phú hộ Pāvārika; và chỉ thua sút một người, đó là trưởng giả phú hộ Ghosaka! Tôi có ba bà vợ đẹp người, đẹp nét nhưng chẳng bà nào có con! Nghĩ đến gia

sản cụ phú mai hậu không có người thừa kế, tôi rất buồn, rất sâu não. Tôi đã đi cúng tế đền cao, miếu thấp; và cả hàng ngàn, hàng vạn súc vật làm lễ tế, vật tế... từng thúng vàng, thúng bạc ra đi... để cầu tự - nhưng vẫn chẳng được một mụn con nào! Đến tuổi năm mươi, tôi lấy thêm bà vợ thứ tư! Và dùng một cái, cả thầy bốn bà đều sinh con, và đều là con trai! Ôi, sung sướng xiết bao? Được ân sủng của thần linh như thế này thì bán cả gia tài để tri ân cũng xứng đáng! Cả bốn bé trai chỉ hơn nhau mỗi đứa mấy tháng, và đứa nào cũng bụ bẫm, mũm mĩm, hồng hào, ngời sáng, lớn nhanh như thổi! Và có điều kỳ lạ, là từ khi có chúng, việc làm ăn không còn thuận lợi nữa, cứ thua lỗ luôn! Được bạn bè khuyên khích, an ủi – nào là, được cái này thì mất cái kia; nào là hãy làm phước đi, bố thí đi, tạo nhân lành tốt thì quả sẽ tốt. Nghĩ cuộc đời cũng lạ, khi làm ăn thuận lợi, tiền bạc vô như nước lại không nghĩ chuyện bố thí, cúng dường nhưng khi thua lỗ, thất bát mới nghĩ đến chuyện tích phước cho mai sau. Mấy lần tôi đến Kỳ Viên nghe pháp cũng vì vậy. Tôi nghĩ, mình phải tích phước cho bốn đứa con trai...

Nói đến ngang đây, lão triệu phú đưa mắt nhìn khắp hội chúng - rồi tiếp:

- Không có trưởng lão Yasa, Vappa, Kāḷudāyi; nhất là trưởng lão Kāḷudāyi ở đây để chúng thực cho lời nói của tôi! Một thời, các vị trưởng lão ấy có đến an cư ở Ghositārāma; và tôi thường xuyên đến nghe pháp và cúng dường. Năm đó, bắt đầu thâm thía về giáo pháp, tôi xin quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới cấm dưới chân trưởng lão Kāḷudāyi; và tôi bắt đầu bỏ chuyện ăn chơi nhảm nhí, bắt đầu rời xa dần những việc cho giết mổ, cúng tế súc vật, xa dần những ý nghĩ xấu ác ở trong đầu! Dùng một cái, đứa con trai lớn tuổi nhất, chín tuổi, đẹp tướng, thông minh, sáng dạ... bị bạo bệnh, chết một cách đột ngột! Cũng nhờ hiểu biết giáo pháp, hiểu sơ về nhân quả nên tôi vượt qua nỗi buồn khổ khá nhanh.

Thời gian sau, tôi sửa sang, chỉnh trang một khu lâm viên với mong ước, chư khách tăng lui tới Kosambī có chỗ để an cư. Tiếp theo, đứa con thứ hai của tôi chết do trúng gió bất ngờ. Đau khổ quá, tôi đến quỳ bên chân trưởng lão Kāludāyi:

- Chết tôi rồi, ngài sa-môn ơi! Khi tôi bắt đầu thọ quy giới, tu tập đàng hoàng thì thằng con trai thứ nhất chết! Cố gắng tu tập nữa thì thằng con trai thứ hai chết! Như vậy thì thà rằng đừng tu tập còn hơn! Nhân quả nghiệp báo ngài dạy, thế là bất minh rồi, thế là đi lộn ngược đầu rồi! Ngài phải đền trả hai con lại cho tôi!

Khi tôi khóc lóc, đòi nợ thì lạ lùng làm sao, trưởng lão lại mỉm cười, nói như sau:

- Trái lại, tôi mừng cho ông, này ông cận sự nam! Tôi sẽ vén mở bức màn khói sương quá khứ cho ông thấy. Đứa con thứ nhất của ông, một kiếp trước là em ruột của ông! Trước lúc cha mẹ ông mất có để lại một gia tài, nhưng ông muốn “thủ” một mình nên tìm cách vu oan giá họa cho em vào tội âm mưu phản nghịch triều đình có nhân chứng, có vật chứng hẳn hoi. Thế là em ông bị tội tù, sau lại bị đóng dấu lên trán rồi đày ra biên ải làm nhân công khổ sai. Do nhờ cuối đời, ông thường xuyên bố thí cúng dường cho các sa-môn, đạo sĩ, trong đó có khá nhiều vị ân sĩ thanh tịnh nên nhiều đời kiếp vẫn được giàu sang, các nghiệp ác cũ chưa đủ duyên để trả quả! Đứa em kia, sinh lại làm con ông, khi sinh ra, tiền bạc của ông bị suy giảm, đây là dấu hiệu, nhưng chưa quan trọng. Chính nó đến là cố ý trả thù ông, làm cho ông tán gia bại sản, đưa ông vào tù tội để lấy lại gia tài. Nhưng nhờ ông tu tập chơn chánh, thọ trì quy giới, bố thí cúng dường, lại còn do phước báu quá khứ còn năng lực nên cậu em trai, do nghiệp xui, không thể báo thù được nên đành phải ra đi! Đấy! Không là điều đáng mừng sao!

Đến ngang đây thì hội chúng đồng “Ồ” lên một tiếng,

nửa lạ lùng, ngạc nhiên; nửa như nhìn ra vấn đề: “Trong sợi dây ái luyện này có ẩn mầm oan trái - thật là kinh khiếp!”

Vị trưởng giả vẫn bình tĩnh tiếp tục câu chuyện:

- Rồi đưa con trai thứ hai - ngài trưởng lão Kāḷudāyi vén mở bức màn quá khứ, cũng tương tự vậy. Rằng là một kiếp nợ, tôi làm chủ một gia đình cự phú khi còn rất trẻ, mọi công việc trong ngoài tôi giao phó cho một người quản gia là người cháu ruột, con ông anh của tôi. Suốt mười năm, nhờ tài giỏi của người cháu, và cũng nhờ bóc lột lớp nhân công nô lệ, tài sản của tôi vào như nước. Tôi hứa tặng cho nó một gia sản xứng đáng là một dinh thự, một ngôi vườn với đầy đủ tôi trai, tứ gái cùng với gia súc mỗi thứ một trăm con. Nhưng tôi cứ hẹn mãi, hẹn hoài. Gần mười năm rồi mà vẫn còn hẹn do tiếc của, do lòng tham không đáy muốn lợi dụng người! Đùng một cái, một trận dịch tràn qua, nó chết với hai bàn tay trắng! Kiếp này, nó sinh lại làm con của tôi để đòi nợ gia tài! Nhưng do phước báu quá khứ vẫn còn bảo trợ, do nhờ phước đức tu tập hiện tiền bảo trợ, nó đến đòi nợ nhưng không hội đủ nhân duyên và điều kiện nên nó phải ra đi. Nhân quả nghiệp báo tuy lạnh lùng nhưng rất công minh, trung chính, tại sao ông thiện nam lại dám bảo là bất minh?

Sau câu chuyện, hội chúng im lặng như tờ. Lát sau, ông trưởng giả mới kết luận:

- Thừa tôn giả, chư tăng và hội chúng! Tôi đã thấm thía những bài học của cuộc đời! Tóc tôi đã bạc, tấm thân đất nước lửa gió tôi đã chuẩn bị sẵn sàng trả lại cho đất nước lửa gió. Tôi không còn ham hố, mưu mang gì nữa. Bây giờ chỉ việc tu thôi. Hãy lấy trí tuệ của giáo pháp để soi đường! Hãy lấy tấm lòng yêu thương mà sống với gia đình, vợ con, bằng hữu, thôn lân, tổ quốc.. Hãy bỏ thí, cúng dường đến giáo hội của đức Tôn Sư, các đạo sĩ, du sĩ, ẩn sĩ. Hãy nhường cơm xẻ áo đến những kẻ đói nghèo nơi này và nơi khác! Tôi còn hai đứa con trai, nhưng cũng chưa rõ vì duyên hay vì nợ! Việc

ấy đối với tôi, bây giờ, không còn quan trọng nữa! Cứ để cho nhân quả nó làm việc, nó làm việc vô cùng công minh và trung chính! Vô lượng tri ân Tam Bảo, ngọn đèn chiếu soi bất tử giữa cuộc đời, giữa trần gian khổ não này!

Ông lão nói xong, hướng về tôn giả Sāriputta và chư tăng, quỳ lạy với năm vóc sát đất. Cả hội chúng đồng thanh cất tiếng “Sādhu, sādhu”!

MUC LUC

Về Thăm Lại Đức Vua Seniya Bimbisāra	7
Veļuvana.....	27
Hai Vị Đại Đệ Tử	36
Thâu Nhiếp Mahā Kassapa	Error! Bookmark not defined.
MÙA AN CƯ THỨ HAI	75
Bài Đồng Dao Biếm Nhẽ	76
Về Thăm Quê Hương.....	87
Hoá Độ Quyên Thuộc	103
Các Ông Hoàng Quý Tộc Ra Đi	123
MÙA AN CƯ THỨ BA.....	131
Ôi! Hạnh Phúc Quá!.....	132
Thần Y Jīvaka Komārabhacca	136
Đức Tin Phát Sáng	162
Lấy Vàng Đổi Đất.....	174
Ngũ Minh Cũng Chưa Đủ.....	182
Viếng Thăm Kỳ Viên Đại Tịnh Xá.....	188
Tại Rừng Mahāvana	198
Dạy Đỗ Bậc Đại Trí Thức.....	202
MÙA AN CƯ THỨ TƯ.....	228
Tứ Đại Thiên Vương.....	229
Chuyện Tình Của Chàng Nhạc Sĩ Càn-Thát-Bà.....	238
Vesāli Thiên Tai, Dịch Hoạ	248
Châu Nước Bẩn, Thau Nước Sạch Và Cái Vòi Voi.....	261
Máu Quý Hơn Nước.....	269
Thăm Phụ Vương Lần Cuối	273
Câu Chuyện Về Bộ Tam Y Quý Giá Và Đức Phật Metteyya... ..	276
Lúc Nào Thì Đức Phật Metteyya Xuất Hiện.....	283
Những Bàn Tay Kỳ Diệu Và Lời Cuối Bên Những Người Thân	286
Lễ Hoả Táng Đức Vua	291
Thành Lập Giáo Hội Bhikkhunī.....	296
MÙA AN CƯ THỨ NĂM	308
Ôn Định Ni Chúng	309
Hoá Độ Kỹ Nữ Ambapālī	314
Cảm Hoá Thủ Lãnh Tướng Quân Sīha	328
MÙA AN CƯ THỨ SÁU	341
Bát Gõ Đàn Hương.....	342
Tiếp Chuyện Đức Vua Seniya Bimbisāra	354
Bà Quý Phi Xinh Đẹp	359
Duyên Xưa, Lối Cũ	366
Thân Thông Cảm Hoá Ngoại Đạo	373

MÙA AN CƯ THỨ BẢY	382
Đền Ôn Huyết Sữa	383
Với Đức Vua Pāsenadi	392
Cuộc Luận Chiến Về Chiêm Tinh.....	404
Với Chàng Thanh Niên Nô Lệ	430
Thêm Một Vị Đại Đệ Tử.....	437
Về Sợi Dây Luyện Ái.....	444

NHÀ XUẤT BẢN....

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung

Biên tập :

Vi tính, bìa, trình bày : Thiện Niệm, Chơn Quán

Sửa bản in :

In quyển, khổ 14 x 20.5 cm tạiSố đăng ký
KHXB: Quyết định xuất bản số:
cấp ngày In xong và nộp lưu chiểu
.....
